LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 146

KIM CANG BÁT NHÃ LUẬN HỘI THÍCH

SỐ 1816
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1816

KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ LUẬN HỘI THÍCH

Đời Đường, ngài Khuy Cơ biên soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Bộ này chia làm ba phần:

1- Kính Đại sư nêu lên ý sở thích luận này .

2- Chia khao tông nghĩa, giải thích văn kinh.

3- Than tiếc cho pháp sâu xa bị chôn vùi.

Trong phần một: Ba bài tụng chia ra làm hai: Hai bài rưỡi. Đầu là

Qui kính Đại sư, nửa bài tụng sau nêu lên ý sở thích luận này . Trong phần một lại chia làm hai. Hai bài tụng đầu nói riêng về Tam bảo, nửa bài tụng sau lễ chung bậc Đại sư. Trong phần đầu lại chia làm hai: Một bài tụng rưởi đầu chỉ quy theo Pháp, nửa bài tụng sau là quy theo kính Phật và Tăng. Trong phần kính Pháp chia ra làm ba: Nửa bài tụng đầu khen ngợi Phật pháp công đức thần lực của . Vì xuất hiện ở đời bằng báo thân hóa thân để nói về Pháp thân. Nửa bài tụng kế là khen ngợi Phật pháp sâu xa mầu nhiệm, vì lý lẽ ngay theo thẳng đều giáo ngộ kẻ mê. Nửa bài tụng sau khen ngợi Phật pháp mầu nhiệm. Vì văn lược mà nghĩa rộng uy theo thế vượt trội. Bậc có trí chính là Phật. Nhân nghe rồi mà nói cho ta nghe chính là Bồ-tát Từ Thị. Luận về kệ của Thiên Thân do Bồ-tát Di-lặc nói cho ngài Vô Trước, ngài Vô Trước trao cho Thiên Thân vì muốn cho Thiên Thân soạn luận để giải thích . Thiên Thân soạn kệ rằng:

Cú nghĩa, pháp môn và thứ lớp.
Thế gian vô trí không thể hiểu
Chỉ bậc Đại trí hiểu pháp ta.

Di-lặc đích thân dạy theo Vô Trước, Vô Trước dạy theo lại Thiên Thân. Nhờ ruộng Phước qui kính mà giáo lý được phổ biến rộng khắp. Nhưng nói ba câu kệ này là vì đã dựa vào kinh và khả năng của mình mới nói được những điều cần nói, dạy theo nương vào những nghĩa y, tôn kính là đứng đầu, thâu nhiếp tất cả những thứ khác.

Kế là chia khoa tông nghĩa, giải thích văn kinh chia làm hai: Đầu tiên là nói bảy theo câu, trình bày theo cương yếu rộng lớn. Sau là Đức Thế tôn làm thế nào để được vắng lặng, giải thích lại văn trước, giải thích ngọn nguồn của Huyền Tông văn đầu tiên lại có hai: Trước là nêu bảy theo câu nói lên đại ý của toàn bộ, phần sau giải thích văn phối trước, những điểm tồn tại trong văn kinh, các danh nghĩa được nêu rõ ràng, giải thích danh cú để dạy giải thích nghĩa gọi là câu có nghĩa, vì câu mang đầy theo đủ ý nghĩa. Hoặc nghĩa là cái được giải thích , văn là cái có khả năng giải thích vì văn tùy nghĩa đều có bảy. Gọi là câu bảy theo nghĩa " vì như văn như nghĩa đều có bảy. Nếu dựa theo câu pháp môn nghĩa và thứ lớp pháp môn cú nghĩa của ngài Thiên Thân thì nghĩa của câu gọi là câu nghĩa hoặc chỉ nói là nghĩa. Trong phần nêu bảy theo cú nghĩa chia làm hai: Đầu tiên nêu ra bảy theo câu, sau là nói bảy theo câu có khác. Trong văn đầu có ba: Một là nêu kề là trình bày theo và sau là giải thích kết luận. Trong bảy theo thì sáu điều trước là nghĩa được vì là việc của Bồ-tát. Câu Địa thứ bảy theo là câu có khả năng giải thích năng nghĩa cú. Hai là giải thích nghĩa cú: Đều có khả năng giài thích. Trong sáu câu trước thì ba câu đầu là nói theo thứ lớp, ý nghĩa được phân dứt sau là nói ba trụ xứ rõ ràng, đối trị với những cố chấp ở trong đạo. Không mất trung đạo đã tu. Địa là biệt vị của hai pháp này gọi chung là trụ xứ vì là chỗ nương cho nhân phát tâm Đại thừa nên gọi riêng là Địa. Các pháp hữu lậu, vô lậu trong địa vị kia sinh ra thuận theo địa vị đó, gọi là Biệt thắng pháp, có khả năng giữ gìn không mất, gọi đó là Địa. Làm chỗ nương chỗ dừng có cả các pháp thì gọi là Trụ. Biệt pháp có công năng giữ gìn, có công năng sinh ra gọi là Địa, là hai điều khác nhau.

Phần sau giải thích văn trước, xếp đặt những điều có trong văn kinh chia làm bảy theo vì giải thích tùy trước nêu. Hạt giống Phật không bị cắt đứt có hai nghĩa: Một là nói Phật có khả năng khéo thâu nhiếp, khéo phó chúc. Thiện hiện nêu lời thưa hỏi, thỉnh Phật cho mọi

nhân nghe nói pháp, giúp cho các Bồ-tát nương vào đó tu học được nối tiếp hạt giống Phật, không bị cắt đứt. Phần sau của luận sẽ giải thích vì có sáu nguyên nhân . Thiện Hiện thưa hỏi để cho hạt giống Phật không bị cắt đứt. Hai là nói Phật có khả năng khéo nhiếp phục, khéo phó chúc giúp cho các Bồ-tát được nhiếp phục, được phó chúc là dựa vào địa vị của mình mà tu, do đó Phật có thể giúp cho nối tiếp hạt giống, không để cắt đứt. Cho nên luận kết thúc rằng: Hai loại khéo nhiếp phục, phó chúc này đã nói lên hạt giống Phật không bị cắt đứt. Cho nên kinh chép rằng: Dạy theo phát tâm Bồ-đề giúp cho hạt giống Phật không đứt tức là đây.

Văn lại chia làm bốn: Một là nêu hạt giống Phật không cắt đứt là đại cương của hỏi đáp, nghĩa lớn của Huyền tông. Hai là nêu riêng cách phối hợp văn. Ba là giải thích từng câu hỏi. Bốn là kết thành từ những câu hỏi trước. Ý hỏi đáp trong toàn bộ kinh đều là muốn làm cho hạt giống Phật không đứt vì có hỏi mới có đáp. Đầu tiên theo những tác phẩm nổi tiếng cho nên kế đến là chỉ riêng ra, căn cứ vào câu hỏi thì trong đây đầu tiên là nêu chung thật nghĩa của luận, cho nên nói: Bát-nhã làm cho hạt giống Phật không đứt mà được lưu hành ở đời.

Trong phần phối hợp văn riêng, ít có thay Thế tôn ý là nêu khen chung. Còn phần Như lai về sau là nói riêng. Khen ngợi ít có có ba nghĩa: Một là vì có khả năng nhiếp phục phó chúc, Phật trở thành ít có chứ người khác không thể được. hai lâu lắm ngài mới xuất hiện một lần, trong nhiều kiếp không thể thấy. ba là Phước đức trí tuệ của Ngài sinh ra cõi nước trang nghiêm không ai bằng, trong đây Thế tôn là danh hiệu thứ mười, Như lai là danh hiệu đầu tiên, ở cuối bao gồm cả đầu, lược bỏ phần trung gian, cho nên đoán rằng: Cho đến Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác do nêu cái cuối lược bỏ phần sáu ở giữa, cho đến phần phần đầu có ba, văn còn lại đều lược bỏ vì không ohải là lời chí cực. Về mười hiệu, như Du-Già quyển tám mươi hai giải thích . Lại bản luận này nhắc lại kinh rằng: Vì sao Như lai dùng khéo nhiếp phục bậc nhất v.v... nói “ trong bản kinh khống có lại vì sao”ở đây muốn khen Phật ít có , khéo nhiếp phục mời nói là vì sao. Lại thành hỏi Phật, chẳng phải ngữ từ khen ngợi rất trái nghịch. Khéo nhiếp phục v.v... là: năng đoán rằng nói tối thắng để nhiếp thọ, văn khác chỉ nói là khéo hộ niệm, văn sau sẽ khai mở. Đệ nhất và thiện, hai nghĩa khác nhau. Từ Tối Thắng đầy theo đủ hai nghĩa là: thiện và nghĩa có công năng nhiếp thọ pháp phần sau luận sẽ tự giải thích . Giải thích thích từng câu hỏi rằng: Trong đó khéo nhiếp phục... là hợp kinh và hai luận, nhiếp phục phó chúc có sáu

nghĩa: Một là có công năng nhiếp phục phó chúc: Như lai chỉ ở quả vị. Luận Du-già quyển ba mươi bảy. Nói khéo thành tựu có sáu: Một là Thắng giải thích hành địa Bồ-tát. Hai là Tịnh thắng ý lạc địa Bồ-tát, bà là Hành chánh địa Bồ-tát, bốn là Tùy quyết định địa Bồ-tát, năm là Quyết định hạnh địa Bồ-tát, sáu là Đáo cứu cánh địa Bồ-tát.

Những thứ đó là ở nhân vị, đây là nói quả vị, nói tất cả các quả vị thấu đạt các pháp sâu xa mầu nhiệm vì các quả vị khác không thể đạt được. Lại ở đây, nói Pháp Vương: Khi Phật còn tại thế và khi Phật nhập diệt có khả năng thành thục, cho nên không trái nhau.

(720) Hai nhân được nhiếp phục, phó chúc, đó là chỗ thành tựu của Bồ-tát có chung bốn thừa, thực hành hai thứ hạnh, có cả ba thừa còn lại vì những vị khác không có khả năng đó, chỉ có Bồ-tát này, hai kinh văn trên có nói.

Bà lúc nhiếp phục, phó chúc: Trong đây nói: Bấy giờ, lúc Đức Phật chứng Chánh giác, xoay theo bánh xe pháp dùng pháp Bồ-tát thừa trong năm nghĩa để hóa độ các căn cơ đã thuần thục, gọi đó là khéo nhiếp. Lúc Phật Niết-bàn cũng dùng năm nghĩa giáo hóa để nhiếp thọ Bồ-tát, gọi là khéo phó phúc.

Bốn loại nhiếp phục phó chúc: Ngài Thiên Thân nói rằng: Khéo nhiếp phục hóa độ các căn cơ đã thuần thục, khéo phó chúc hóa độ các căn cơ chưa thuần thục. Trong đây hai thời điểm đều hóa độ các căn cơ đã thuần thục, giải thích nghĩa của hai luận giống nhau. Trong đây ý muốn nói: các Bồ-tát căn cơ đã thuần thục, lúc mới thành đạo Phật tự nhiếp thọ giúp nương vào giáo pháp tu hành, vâng giữ lời dạy theo của Phật. Khi nhập diệt, Phật không còn thì không thể nhiếp phục phó chúc, nhưng dùng Phật pháp phó chúc cho các căn cơ đã thuần thục giúp, cho các căn cơ chưa thuần thục thọ lãnh ở những vị kia, gọi là khéo phó chúc, cho nên ở đây nói: Các Bồ-tát đã được nhiếp thọ lúc Phật diệt độ cũng bằng năm nghĩa dựng lập, chứ chẳng phải hai thời đều dùng năm pháp Bồ-tát dựng lập những vị đã thuần thục, gọi là khéo phó chúc. Cho nên hai luận giống nhau. Nếu Phật tự nhiếp phục phó chúc cho Bồ-tát chưa thuần thục, thì yếu kém cho nên ẩn Hoặc ở đây nói: Gặp Phật đều được thuần thục nên gọi là khéo nhiếp thọ. Sau khi Phật diệt độ, Ngài sai đệ tử độ các căn cơ chưa thuần thục, gọi là khéo phó chúc, không gây trở ngại gì. Cho nên kinh chép : Nhân khéo nhiếp thọ nhờ có lợi ích vô thượng, nhân khéo phó chúc nhờ có giáo pháp vô thượng. Hai giải thích trong hai luận khác nhau. Ở đây dựa vào hai thời đều y theo căn cơ thuần thục để nhiếp phục, phó chúc. Những nhân được Phật giáo

hóa, trong tương lai sẽ có khả năng giáo hóa. Những nhân căn cơ chưa thuần thục, thì không thể giáo hóa ngay theo cho nên lược qua không nói. Những nhân kia nương vào một lúc nào đó trong tương lai, hai thứ Năng hóa và Sở hóa dùng để phân chia nhiếp phục và phó chúc mỗi nghĩa đều có khác nhau. Những cái không làm trong cái kia thì cái này liền giải thích. Về năm pháp được nhiếp phục, hóa độ, luận chép: Trong năm nghĩa, pháp Bồ-tát được dựng lặp, hoặc có chỗ giải thích là pháp Bồ-tát trong năm thừa pháp. Nếu vậy theo thì vì sao gọi là năm nghĩa, không gọi là năm thừa, tức là pháp phó cho chúc cho năm thừa, như thế vì sao nói nhiếp phó Bồ-tát? Nay có hai giải thích . Một là: giải thích lại ngọn nguồn lớn trong Huyền tông ở trước, giải thích Bố thí là: Từ đây về sau, ở những trụ xứ khác, có năm thứ tùy sở tương ưng để giải thích: Một là theo nghĩa, hai là nói tướng, ba là nhiếp trì, bốn là an lặp, năm là nói lên. Tức là những điều nói lý sự hai ý, hai môn thiện ác trong kinh, pháp do Bồ-tát tu được mà dứt là pháp được nhiếp phó trong hai thời Phật còn tại thế. Hai là: Trong bảy theo nghĩa cú ở trước, pháp Bồ-tát được nói trong năm cú nghĩa sau, hai môn trước là hỏi, năm môn sau là Phật đáp, là pháp có công năng nhiếp phục, phó chúc nói trong chánh văn. Thiên Thân giải thích pháp có công năng nhiếp phục, phó chúc rằng: Hộ niệm là nhiếp thọ, nhiếp thọ căn cơ thuần thục, có hai: Một là do năng lực trí tuệ mà tự thành tựu Phật pháp, hai là do năng lực giáo hóa rất đại bi giúp cho nhiếp thọ chúng sinh. Sau khi phó chúc, luận ấy có hai: Một là giải thích chung rằng: Các căn cơ chưa thuần thục, công đức chưa đầy theo đủ, sợ bị lui sụt, giao phó cho nhân hiểu biết có hai giải thích riêng: Những nhân đã được tâm không lui sụt vì không bỏ Đại thừa, các giáo pháp được phó chúc này gọi là các pháp đã được trước Trụ thứ sáu trong Thập trụ. Chưa được không lui sụt, đối với Đại thừa vì muốn tiến lên cho nên pháp được phó chúc này là pháp chưa đạt được sau Trụ Địa thứ bảy. Trong đây nêu chung các Bồ-tát căn cơ đã thành thục được trụ trong địa vị không lui sụt sau Thất Trụ. Bồ-tát chưa thuần thục ở sáu Trụ trước có thể lui sụt. Luận Du-già chép: Có thể thuần thục có sáu thứ trụ. Lại địa vị thắng giải thích hạnh cũng có khả năng thuần thục tức là trụ ở trụ Địa thứ bảy theo trong đây là những vị khéo được nhiếp thọ. Tru thứ sáu trở xuống là những vị được phó chúc trong đây. Do địa vị có thể lui sụt nên làm cho không bỏ Đại thừa, vì đã nhiếp phục phó chúc, lại ý này nói rằng: Không bỏ Đại thừa định tánh, chẳng phải không bỏ địa vị. Nếu giải thích như thế thì trong Thập tín từ tín thứ sáu trở xuống gọi là căn cơ chưa thuần thục. Chỉ tin Đại thừa

vì chưa có quyết định, tâm thứ sáu trở lên gọi là căn cơ đã thuần thục, vì tin một cách chắc chắn. Lại , vì không có các tà định hoàn toàn chưa tin nên gọi là căn cơ chưa thuần thục, như còn đứng ở bên ngoài. Nếu sanh tín tâm gọi là căn cơ đã thuần thục, tức là đã vào bên trong. Cho nên Du-già chép : Nhân thành tựu thông đạt thắng giải thích hạnh trên đây chỉ nói ba vị hai thứ. Ở Sơ địa, Địa thứ tám hai thứ chứng và hành, hai vị lui sụt và không lui sụt cũng nên phân biệt vì trên giáo hóa dưới, dưới vâng lời trên. Văn sau nói đã thành tựu có ba phẩm. Những nhân được nhiếp phục, phó chúc thuộc hai thứ nói ở đây phải nên biết. Sáu tướng được nhiếp phục, phó chúc trong phần hạ quyển này , tương ưng lợi lạc có sự khéo nhiếp phục. Phần một có sáu thứ, phần phó chúc thứ hai cũng có sáu thứ, sau này sẽ giải thích .

Trong sáu nghĩa trước văn kinh có hai: Một là nhân có khả năng nhiếp phục phó chúc, hai là nhân được phó chúc. Luận của ngài Vô Trước có hai toàn, phần một thiểu phần. Hai toàn phần là: Một là lúc nhiếp thọ phó chúc, hai là tướng được nhiếp thọ phó chúc. Một thiểu phần là Pháp được nhiếp thọ, phó chúc. Luận của ngài Thiên Thân có một toàn một thiểu phần. Một toàn phần là loại được nhiếp thọ, phó chúc. Một thiểu phần là pháp được nhiếp thọ phó chúc. Hai luận đều giải thích nhiếp thọ, phó chúc là nói chung. Để giải thích bốn thứ chung thành sáu nghĩa. Luận Thiên Thân dùng một bài tụng để tụng nghĩa văn trước nói các Bồ-tát Địa. Bồ-tát đã thành tựu có ba phẩm, kiếp đầu tiên gọi là Hạ phẩm, kiếp thứ hai gọi là Trung phẩm, kiếp thứ ba gọi là Thượng phẩm. Ở trước ba phẩm gọi là vị thuần thục.

Hai, là phát khởi hành tướng. Phát khởi xong, thực hành gọi là Bát-nhã hành giải, tức là thể của tuệ gọi Tướng, vì vô tướng cho nên chẳng phải là tướng trạng như mười sáu hành thì tuệ được gọi là . Ba lần hỏi đều nhờ tuệ mà có hành tướng. Lời Phật đáp là tuệ có hành tướng. Nay vì nêu lên câu hỏi nên gọi là phát khởi hành tướng, có công năng làm cho Phật nói, vì là hành tướng của tuệ. Hoặc ba câu hỏi này đều hỏi về việc tu, thể trạng của hành gọi là hành tướng. Trong đó tu tuệ tuy là gọi chung nhưng vẫn được tên mình, gọi riêng là tu hành. Nếu giải thích theo trước tuy các Phước trí đều có vô vi, v.v..., là các pháp được tu nhưng tuệ là thể của Bát-nhã, cho nên được gọi như vậy. Nếu giải thích theo cách sau, theo hữu vi, vô vi thì chẳng phải hành, liền thành lỗi lớn. Vì hỏi Hữu vi hành, Vô vi tự chứng vì sao không có lỗi. Do lý này được nói về cho nên giải thích ở trước có căn cứ. Văn có ba: Một là chỉ văn, hai là giải thích, ba là kết thúc. Văn thứ hai có hai: Đầu tiên là nói

chung, sau là giải thích riêng. Dục là cầu. Đầu tiên, cùng là mong cầu nguyện là suy theo nghĩ, sau là dục. Nguyện dùng dục, thắng giải thích (721) làm thể, nhập vào các pháp lành. Dục là căn bản. Căn bản gọi là Chánh cầu. Kế là´ sinh Thắng giải thích gọi là Dục tư niệm. Thể của dục và nguyện có cả hai tuệ văn và tu.Tuệ Tam-ma-Bát-để Hán dịch là Đẳng chí, chỉ có định không bị phân tán, không có ở hữu tâm, vô tâm. Ở đây chỉ lấy định vô phân biệt, không có tán loạn và vô tâm. Chánh tu tuệ pháp tương ưng với Đẳng chí. Ba tuệ tương ưng với định vô phân biệt, gọi đúng Tam-ma-địa là Hán dịch Đẳng trì. Có phân biệt sinh ra giác ngộ như thật, tuy trụ trong Tán vị nhưng chẳng phải vô phân biệt, cũng không sinh chấp bình thường nhiếp niệm, có ở cả địa vị Đẳng trì và Đẳng chí gọi là hàng phục tâm. Văn sau chép: Vừa xem luận này , văn trong đây rõ ràng, xem ý văn, đầu tiên là nhất văn tư, kế là nhất tu tuệ, cuối cùng là nhất giả buông luông sinh tâm. Lại tìm cách nhập định chế ngự tâm một chỗ. Không có việc gì không làm được. Cho nên luận giải thích tên kinh: dưới đây thì Năng Đoạn là những điều được dứt do văn, tư, tu thuộc Bát-nhã Ba-la-mật, như chổ cắt Kim Cương mà cắt. Do đây văn, tư đều chiết phục gọi là Năng Đoạn . Lại , trong tu vị, khi học thắng tuệ, đầu tiên là chứng đắc bình đẳng tánh của tâm, kế là chứng được tâm tánh chánh trực của. Cuối cùng chứng được của vô công dụng trụ củ tâm. Cho nên là ba câu hỏi. Kết thúc rằng: Thứ nhất là nói về việc nhiếp đạo, vì nhiếp phục được nhân để họ tu hành. Thứ hai là nói thành thục đạo, vì ở địa vị tu tuệ. Thứ ba là nói về bất thất đạo, vì không gậy theo tội lỗi. Chính là giải thích đây nói. Lại đầu tiên là gia Hạnh Đạo, kế là Vô Gián giải thích thoát đạo. Cuối cùng là Thắng tiến đạo. Nhưng trong nhân không có quả vị Phật, trong Tín hạnh địa cả ba đều Hữu Lậu, Địa thứ tám trở xuống Sơ địa trở lên đều có hữu lậu, vô lậu. Địa thứ tám trở lên chỉ thuần là vô lậu. Không khuyến khích gia hạnh vì có nhậm vận gia hạnh. Phát khởi niềm tinh tấn vượt trội, tức là trong một niệm bên ngoài thực hành ngữ cũng không buông lung cho nên ở đây có ba. Hoặc một sát-na chân tục đều dùng. Mỗi sát-na đều có ba nhậm vận hân hoan, quán sát bình đẳng bên trong . Bên ngoài khởi biến hóa. Nhưng trong luận Thiên Thân đầu tiên phải trụ tâm vào sâu nhớ nghĩ chúng sinh, kế là tu hành tâm Bồ-đề, cuối cùng hàng phục, nhàm chán xa lìa hữu vi. Lại ba câu hỏi này , đầu tiên là nhân ân đức, kế là nhân của trí đức, cuối cùng là nhân đức dứt. Tức là do hóa thân, pháp thân, báo thân này cũng lần lượt dứt ác tu thiện, độ thoát chúng sinh. Phần đầu này gọi là nhiếp đạo, vì nhiếp thọ chúng sinh. Kế là thành

thục đạo, vì tu theo Phật pháp. Kế nữa là đạo bất cộng vì lìa tất cả ác. Vừa xem luận này , dùng văn tư tu để giải thích , đầu tiên hai bên hình như có khác nhau, không lìa tu tuệ, có ba thứ này cho nên không trái nhau. Nhưng theo Bồ-tát Địa, đầu tiên trả lời có ba ttrì nghĩa là các Bồ-tát tự nương vào chủng tánh là trì kham nhiệm thứ nhất,lấy đây làm chỗ nương để chứng được đại Bồ-đề, phát tâm đầu tiên là gia hạnh trì thứ hai vì nương vào đây tu hành sẽ chứng hạnh Bồ-đề một cách tròn đầy. Tất cả Bồ-đề phần, tất cả muôn hạnh được tu là sở tròn đầy đại Bồ-đề trì. Thứ ba cho nên không có chủng tánh thì không gọi là trì. Các chủng tánh ấy tuy chưa phát tâm nhưng bậc thánh cho kia là hơn. Nếu Luận Thiên Thân, đáp riêng ba câu hỏi, văn trước văn sau có khác, vì đầu tiên năng trì. Có thể khởi tâm Bồ-đề, có sơ trụ vấn, vì có năng trì phát khởi tu hành riêng có đệ nhị tu hành, vì có năng trì thứ ba . Chứng được đại Bồ-đề, có phục tâm. Thứ ba hoặc là văn của ngài Thiên Thân giống như ở đây. Trong văn đều có câu trả lời, văn có chứng cứ để nói về các tướng. Vả lại y theo lời nói, so sánh với văn trong kinh thì không thể nào ngăn cản, mỗi văn đều có đủ ba. Ba nhân duyên Phật nói được giải thích ở trước không như vậy theo nên trái với hai luận, nghĩa của tam trì khác nhau không theo thứ lớp như văn này . Lại hai câu hỏi đầu có công năng trị đạo câu hỏi thứ ba cắt đứt các chướng ngại. Nhưng ba câu hỏi không thêm không bớt Vì hai câu hỏi của ngài La-thập nghĩ ra ở trong trụ chỉ có phần văn ở sau giải thích năm thứ tương ưng. Đầu tiên là phát tâm, kế là tu hành bố thí.v.v... cho đến chưa nhập vào Phật địa vị đều có cả ở ba quả, địa vị này là hạnh thắng giải. Văn trong Hữu vô phân biệt tam-ma-bát- để. Nhiếp Luận v.v... chép: Tầm từ thật trí chỉ có Duy thức quán.v.v... đều ở trong sự quyết trạch để phân vị, nên trái với văn này.

Giải thích: thực hành riêng vô tướng ba tánh quán.v.v...., ở trong quyết trạch phần vị, quán sát chung về vô tướng phát khởi tu tuệ vô phân biệt. Trong thẳng giải thích hạnh đâu ngại cũng được. Bồ-tát Thiên Thân nói không riêng quán sát vô tướng. Tu hành chỉ nói bố thí... Ba luận thanh tịnh tu hạnh vô tướng, không nói nhập đẳng chí. Bồ-tát Vô Trước lấy quán chung làm quán vô tướng.v.v.., mới ở giai vị Thắng giải thích hạnh nhưng thực hành vô tưởng đẳng chí, tức là vì lý này. Bồ-tát Thiên Thân trụ tâm sơ phát tu hành để lần lượt phát sinh, lại hàng phục tâm dứt chướng mới thực hành quán vô tướng, vì dứt trừ phân biệt. Đầu tiên phải dùng văn và tư để hàng phục, sau đó mới tu tuệ để dứt trừ. Cho nên trả lời ba câu hỏi trước sau khác nhau, lời văn khác nhau, vì tu

hành khác, quả vị cũng khác. Bồ-tát Vô Trước dùng đắc cái chúng để thực hành vô quán tướng tu chiết phục chánh dứt đều gọi là dứt . Tùy mỗi quả vị nhậm vận được thực hành, cho nên mỗi văn đều đáp ba câu hỏi vì có hai nghĩa. Hai luận chủ giải thích khác nhau, mỗi vị dựa vào một nghĩa cũng không trái nhau. Hợp nghĩa hai luận mới đủ. Do ở đây thuận với xưa, ngài Vô Trước là một nhân lợi căn lại nhân tu hành nghe ba giai vị phàm phu, Mười địa nên và Phật nói hai vòng cua Thiên Thân là một nhân độn căn, mới tu chưa nghe phàm phu phát tâm tu hành dứt chướng ngại có nghi tình mà nói, cũng không trái nhau, do không thích nghe sự tu hành của Mười địa, nói gộp cả hai nghĩa mới đầy theo đủ. Nhưng nay quán sát cho kỹ, luận chủ nói hai vòng nhân đọc tự mình bị sai lầm, nên Vô Trước giúp cho Thiên Thân thành tựu. Thiên Thân nghĩa báo, Vô Trước mới giải thích chỉ là bỏ mê. Bài tụng trong luận Thiên Thân do Di-lặc nói, làm sao Bồ-tát Vô Trước trái lại được? Có chút bất đồng, đến kinh sẽ giải thích . Bậc lợi căn vừa nghe liền hiểu kẻ độn căn nghe hai lần mới ngộ. Nhân lợi căn chỉ bước đầu là đã đến. Vô Trước một vòng, Thiên Thân hai vòng, hai luận giải thích khác nhau vì chỗ mong cầu, dựa vào đây để giải thích kinh thì hoàn toàn trái với vô tướng. Văn hình như lại lờ mờ, vừa cho là hai vòng, y theo sau để giải thích kinh, hoàn toàn không có tsự trùng lặp. Phần sau sẽ tự phù hợp. giải thích trước khó hiểu.

Trụ xứ của hành: Hành là hành tướng, được phát khởi trong ba câu hỏi. Trụ xứ là chỗ nương. Sự tu hành là nơi chốn cho đạo lý nương vào. Văn có hai đầu tiên là nói nơi chốn, phần kết nói chổ ở. Trong phần đầu có hai: Đầu tiên là nói mười tám trụ xư, saư nói tám trụ xứ.

(722) Trong phần đầu có ba: Đầu tiên nêu tên, kế là giải thích theo thứ lớp, cuối cùng là nêu phối văn. Phần nêu tên có hai: Đầu tiên giải thích tên, kế là nêu tên. Nêu tên có ba: Một là nêu, hai là trình bày theo ba là kết. Trong phần giải thích thứ lớp có ba: Đầu tiên dùng bảy theo nghĩa để nhiếp mười tám xứ, kế là giải thích thứ lớp cuối cùng kết thành tựa giải thích .

Trong tám trụ xứ, sáu trụ xứ trước tức là bảy theo thứ lớp này , ba trụ xứ sau có ở tất cả xứ, văn sau tự giải thích . Trong sáu, trụ xứ, trụ xứ thứ tư gọi là lìa chương ngại. Ở đây chia thành hai: Một là lìa chướng ngại, hai là cầu giáo thọ. Dựa vào sự thật để tìm cầu giáo thọ vì cũng lìa vô giáo thọ chướng. Trong tám trụ xứ, trụ xứ thứ tư gọi là chướng chổ lìa ngại Phần đầu quyển hạ của luận cũng chép Tuy chỗ chướng ngại nay nói, đối trị mười hai thứ chướng ngại, vô giáo thọ chướng cũng xếp

vào chướng. Nay ở đây dùng bên ngoài để cầu pháp đặt tên là cầu giáo thọ. Những thứ còn lại nói là lìa chướng. Cho nên ngoài lìa chướng gọi là cầu giáo thọ. Lại , ở đây gọi là chứng đạo là . Tịnh tâm trong tám trụ xứ, tên còn lại mà nghĩa đồng. Nhưng phát tâm.v.v... đều lìa chướng. Lìa chướng ngại cũng đều có hành. Mỗi xứ dựa vào duyên tăng thượng nên cũng gọi là không. Mười sáu trụ xứ trước, trong Tín hạnh địa chia làm ba: Một là phát tâm trụ xứ là Thập trụ xứ. Ba-la-mật hạnh muốn được sắc thân, muốn được pháp thân là Thập hạnh vị. Mười hai thứ khác là giai vị Thập Hồi hướng. Lại, trong phần giải thích có hai tên gọi khác nhau. Đầu tiên là trí tướng chí đắc, sau gọi là Phước tướng chí đắc. Ở đây dựa vào khả lạc đối trí gọi là Phước , kia dựa vào chứng đắc nên gọi là chí đắc. Lại , kia dựa vào năng đắc, sở đắc gọi chung là chí đắc. Ở đây có ở cả các đối trí đều gọi là Phước . Hỏi: Vì sao muốn được sắc thân không gọi là muốn được pháp thân, còn lại gọi là pháp dục? Đáp: Bốn uẩn vô vi gọi là pháp vì không thể thấy. Sắc uẩn thấy được nên giữ tên mình. Những cái khác gọi là hỏi khác. Chia làm ba vị do tướng khó biết đến văn sau sẽ giải thích . Trong chứng đạo thì giải thích diệu thân đại thân, chí đắc thân, thành tựu thân. Được rốt ráo chuyển y. Cho nên gọi là diệu thân, ý này nói pháp thân vô vi gọi là Chí đắc thân. Báo hóa gọi là thành tựu thân. Hoặc tự thọ dụng chân như gọi chung là chí đắc thân. Theo kinh Kim Quang Minh vì câu pháp thân vì tánh năng đắc sở đắc, cho nên báo hóa Phật là thân Phật. Phật không phải thân Phật, Phật gọi là thành tựu thân. Trong phần giải thích ở quyển sau nói ba thân đều là thân mầu nhiệm. Đến phần kia sẽ biết. Vì đại thân là thân nhiếp chung tất cả thân chúng sinh. Vì văn sau đạt được năm bình đẳng cho nên nhiếp tất cả chúng sinh mình không khác. Nhiếp chung tất cả chúng sinh làm tự thể nên gọi là Đại thân, vì rất rộng lớn. Trong đây nên nói: Tất cả đạo phẩm nhiễm phẩm, đều thuộc trong chứng đạo lìa mạn. Tức là mười chướng mười độ lược bỏ không nói mười như, chỉ nói năng chứng. Trong phần cầu quả Phật lại có ba: Đầu tiên là nêu kế là giải thích những chỗ khó, cuối cùng chỉ riêng từng kinh. Vì sỡ cầu của Bồ-tát Mười địa là Phật địa cho nên nói kinh sau. Vì thế gọi là trên cầu. Vì trên cầu Phật địa vị cho nên ở đây nêu ra các chướng ngại khởi lên ở các địa vị trước. Chướng ngại ở quả vị sau do địa vị kia mà khởi chướng hậu vị. Tùy chỗ thích ứng mà nói sinh ra quả vị phân biệt dứt . Kế là năng phục tức là những điều khởi lên ở các giai vị trước. Năng phục ở địa vị sau là Phật địa chướng, khởi lên trong Mười địa, Địa thứ tám trở xuống đều khởi lên chướng ấy. Cõi nước của Phật vị thanh tịnh có ở cả

cõi nước của Ba Đức Phật. Như thế mỗi địa đều sẽ biết.

Trong lưu chuyển bất nhiễm có hai: Đầu tiên là phối hợp với kinh, sau là giải thích riêng chín dụ, trong chín dụ có hai: Đầu tiên là nêu bốn tướng hữu vi, sau là giải thích riêng. Trong phần nêu bốn tướng hữu vi, luận Thiên Thân gom chín thành ba: Một là quán tướng, hai là quán thọ dụng, ba là quán những việc trong ba đời. Lại trong bốn tướng hữu vi này , tướng thứ hai là sở trụ vị, tướng thứ ba là thuận theo lỗi lầm. Là nhất quán thọ dụng, cái kia dùng cảnh sở thọ dụng, thân năng thọ dụng,. Năng thọ dụng và sở thọ dụng hợp thành một thọ dụng. Đây dùng cảnh xứ làm sở thọ dụng, thân và thọ làm thân thọ. Hai thọ khác nhau chia làm sở vị và lỗi lầm, gọi là thân năng thọ vì đều có lỗi. Lại, luận này cho tướng là đầu tiên, dùng sao làm thí dụ, dùng thấy làm thứ lớp, dùng dụi mắt làm ví dục Luận ấy cho thấy là đầu tiên, dùng sao làm thí dụ, dùng tướng làm thứ tự, dùng dụi mắt làm thí dụ. lược có hai giải thích: Một là hai luận nhìn khác nhau cho nên cũng không trái nhau, hai là nghĩa kia sai với chánh nghĩa của luận nầy. Trong quán thọ dụng thứ hai dùng cảnh bị mê đắm làm đầu, rồi mới nói năng thọ. Cho nênỉ trong phần quán tự tánh cũng như vậy. tướng đứng đầu kiến là kế tiếp, cho nên luận này trước tiên nêu ra tướng, lấy kiến trong tướng năng kiến. Thứ hai là nêu kiến, chấp tướng bị thấy. Lời dịch có khác nhau nhưng không trái nhau, trước sau đều do tác giả trình bày. Do tướng có ở kiến và thức cho nên mới nêu ra như vậy. Luận kia dùng cũng như thế. Đầu tiên là nêu cảnh, sau đó mới nêu năng, những thứ còn lại giống nhau. Tự tánh tướng nói chung tất cả các tà kiến của ngoại đạo và pháp tánh của phàm phu. Kiến tướng là vọng tánh. Thức tướng tánh là phàm phu. Bám chặt vào sở trụ vị, thuận theo lỗi nói riêng có hai thứ, chẳng biết do do sinh hay nghiệp, do năm trần bên ngoài mà dính mắc, có thể nương vào thân, những việc có thể dùng nhân đó mà sinh ra lỗi. Vô thường.v.v... chấp là thường, nga vv˜... nó có thể thọ dụng thuận sinh vào ba đường khổ mà không biết. Nếu có thọ đều khổ là văn kinh. Luận dưới là giải thích khổ thọ. Vì khổ kia sinh cho nên có khổ khổ. Vì lạc thọ bị phá diệt cho nên hoại khổ. Không thể tách rời hai thứ vô thường ở trước, đó là hành khổ cõi. Dục có đủ ba, cõi Sắc có hai. Thứ Tứ thiền trở lên có một. Sau nói dụ ba đời thuận theo tướng ra khỏi , do lìa ba đời nên không sinh lỗi ở trước. Thuận theo hai vô ngã nên được ra khỏi do nêu lên duyên ba đời nên biết hai vô ngã không được ra khỏi. Do chỉ nói chín dụ không thêm không bớt có khác với tám dụ, năm dụ nên mới gặp ngài Thiên Thân. Nhưng luận của Thiên Thân chép: Quán

chín pháp này được công đức gì? Cũng đồng với ở đây quán tướng và thọ dụng. Trong dụ việc ba đời, trong pháp hữu vi được vô cấu tự tại. Do quán chín pháp này nương vào tánh khác, không bị ràng buộc bởi nghiệp ác trong đường sinh tử liền được quả cao quý ra khỏi một cách tự tại.

(723) Tùy thuận theo lỗi lầm, văn có hai: Một là nêu, hai là giải thích. Trong phần một có ba: nêu là giải thích chung hai là dẫn kinh vì nếu có thọ thì đều là khổ, ba là giải thích nghĩa.

Trong thuận theo ra khỏi có ba: Một là giải thích chung về thuận theo ra khỏi, hai là giải thích riêng ba dụ, ba là kết luận về thuận với ra khỏi. Phần một có ba: Một là nhắc lại tên. Hai là giải thích ra khỏi , do hai vô ngã là thể của ra khỏi tức là tánh chân như diệt đế. Ba là giải thích tùy thuận theo . Dùng dụ ba đời biết được chẳng phải thật tướng. Liền thuận theo cái kia ra khỏi vô ngã.

Ở trên nói mười tám trụ xứ. Phần sau sẽ nói riêng về tám trụ xứ thuộc về văn kinh. Hoặc trùng với mười tám trụ xứ ở trước nên gọi là tám, cũng không có lỗi. Trong tám trụ xứ, chia làm hai: Một là nói về tám, hai là giải thích chung riêng. Trong phần một có ba: a/ Nêu; b/ Trình bày; c/ Sắp xếp giải thích. Trụ xứ là tâm mới phát nhiếp giữ chánh pháp, nhiếp thọ Bồ-đề. Có công năng lợi sanh trụ xứ thanh tịnh Ba-la-mật thực hành thắng thiện. Vì sạch các chướng tịnh tâm trụ xứ lấy vô tướng gọi là tịnh tâm. Những cái còn lại đều dễ hiểu. Phần cầu Phật địa ở thượng : Phật vị rất tôn quí nên gọi là thượng cầu, hoặc văn sau gọi là trên Từ đây về sau trong phần mười địa là cầu Phật địa vị .

Trong giải thích những chỗ lưu thông có ba: a/ Nêu hai thông; b/ là giải thích tướng chung; c/ kết thành chung. Phần bốn trở xuống là giải thích về đối trị. Ba tướng ở trước, hỏi đáp đều có. Kế trở xuống, ba nghĩa chỉ ở trong câu trả lời. Đối trị là tánh do Kim cương đối trị. Do kinh này nói hai chướng, hoặc chỉ có sở tri chướng pháp chấp và ba nghiệp. Không mất tính năng trị, Kim cương là địa. Là mở rộng hay thu hẹp tính chất của Kim cương vì không mất đạo lý trí cảnh là thể năng hoạt. Trong đối trị có hai: Một là hỏi, hai là trả lời. Trong trả lời, có hai: Một là nêu cả hai, hai là giải thích riêng. Trong nêu có giải thích các sở hành là pháp chấp phân biệt, là phiền não của Bồ-tát, vì gọi là gia hạnh. Cộng kiến chánh hạnh, Cộng kiến là sinh chấp, chấp là chỗ đối trị của chánh hạnh. Vì ở trước dùng những lời đối trị chung, nên trong nêu tông chỉ nói lược cộng kiến chánh hạnh vì chánh hạnh không phải là chỗ đối trị, tà hạnh là đối trị. Cộng kiến ở sau là chỗ đối

trị của chánh hạnh. Pháp chấp chỉ có Bồ-tát dứt được nên chỉ nói gia hạnh, là gia hạnh của Bồ-tát, là đối trị pháp chấp. Cộng sinh chấp ba thừa đều dứt cho nên nói là cộng kiến. Kiến là phân biệt trái với sinh không là vô phân biệt. Trí gọi là phân biệt đúng sai. Các mê hoặc đều sinh ra phân biệt thì gọi là phân biệt, nghĩa ấy không đúng, quyển sau của luận này, trong phần trên cầu Phật địa chép : Nếu Bồ-tát nói: "Ta thành tựu cõi nước trang nghiêm" thì chẳng phải Bồ-tát. Nghĩa này được chuyển trong cộng kiến chánh hạnh. Vì dứt được cái kia, an lập Đệ nhất nghĩa. Lại nói: Nếu ta thành tựu tức là nhân ngã chấp thủ, trang nghiêm cõi nước là pháp ngã chấp thủ. Nên biết hai thủ đều gọi là cộng kiến, chướng ngại ở chánh hạnh. Nay nói chánh giải: Gia hành là hành động xuất phát từ thân ngữ ý, hành động khởi lên từ hai chấp. Nay nói nhiều là ý gia hạnh. Sinh ra tâm ý phân biệt như vậy theo vì nghiệp tà hạnh. Trụ xứ thứ hai nên thực hành bố thí vì để đối trị với tà hạnh. Cận kiến chánh hạnh đối trị mới là năng chấp, vì kiến là phân biệt. Phân biệt chấp đắm là phiền não của Bồ-tát, chính là những thứ còn lại, như những phần ở trước đã dẫn. Trong quyển sau chép: Hai thứ trong đây như địa thứ hai chép: Dứt hai ngu chấp phạm vào ba nghiệp. Tức là hai thứ đối trị trong đây. Tà hạnh đối trị ở địa vị kia mỗi nhân làm ra hạnh kia đều vừa khởi lên nên không gọi là Cộng chỉ, gọi là Tà hạnh. Cộng kiến chánh hạnh là phiền não chướng và sở tri chướng. Phân biệt thể của kiến vì đều được dứt bỏ ở các giai vị. Cách giải thích này tuy có ở hai chấp nhân và pháp nhưng chỉ có sở tri chướng mới gọi là Kim Cương không gọi là phiền não chướng, vì chỉ có trí của Phật và Bồ-tát mới dứt được. Lại có giải thích khác như ở trước đã nói. Trong giải thích thứ hai có hai: Một là giải thích chung về nghĩa thấy. Hai là kết hợp hai văn kinh. Văn kinh có hai chỗ nương. Đầu tiên là hai trụ xứ là giải thích quyết hai cách đối trị.

Trong phần không lỗi có hai: Một là gom lại , hai là nói lên . Trong nói về có hai: Một là giải thích nghĩa không lỗi hai là chỉ ra văn kinh. Có chấp biến kế gọi là tăng ích, không có y theo tha, viên thành gọi là tổn giảm. Đây là nghĩa của ngài Vô Trước. Dựa vào nghĩa của ngài Long Thọ, chấp có tục đế gọi là tăng ích. Bác bỏ không có chân đế gọi là tổn giảm. Lại, trong chân đế chẳng phải không chẳng phải có nên chấp có là tăng, chấp không là tổn.

Trong đó nếu nói v.v...trở xuống là chỉ ra sắp xếp văn kinh để, có hai lần Lại giải thích Phước nhóm và học văn Phật pháp. Đó là nhóm phước Phật pháp đều là trụ xứ thứ lớp sắp được pháp thân Phước

tướng. Trong phần hiểu Phật pháp có hai liền Lại . Trong lần Lại đầu có ba: Một là Phối kinh thêm bớt, hai là giải thích nghĩa bất cộng tương ưng, ba là chỉ ra bất cộng. Nghĩa không tương ưng nhau là: các chấp đắm do vọng không tương ưng với lời Phật dạy theo vì tương ưng là phải phù hợp, vì lời nói phải phù hợp với lý. Trong giải thích bất cộng tương ưng, đầu tiên là nêu có hai, sau là giải thích lại. Tong giải thích lại chỉ giải thích tương ưng, cái nào không tương ưng tức là bất cộng. Vì tuy không nói nhưng cũng tự biết, nghĩa là dựa vào chân đế, vọng suy theo tính các pháp bất cộng, tuy Phật không nói nhưng dùng thể Bát-nhã của chân đạo giúp cho nhân tu học cũng tự biết là không. Không có tự tánh, nay nói theo thế đế gọi là Phật pháp. Do lìa được cảnh hai bên, dứt trừ pháp chấp cho nên dứt được, đối trị. Được đạo vô phân biệt, không còn mất các địa. Có khả năng giải thích các hạnh địa thắng giải thích ở địa tiền gọi là Tín hạnh. Lấy tín làm đầu rồi khởi ra hạnh, chứ chưa gọi là chứng. Lại khi thắng giải thích được lớn mạnh, thì sẽ do lòng tin đầu tiên này , tín có tất cả công đức, cho nên đặt tên như vậy. Lại, Tín mình là trụ xứ đầu tiên, hạnh là trụ xứ còn lại, hợp lại thành Nhân . Mười địa chứng được trí kiến vô lậu, được bốn chứng tịnh tâm. giải thích trừ được chướng ngại gọi là phần nào tịnh tâm địa. Như lai Địa được nói về không cần phối hợp riêng tức là vì trụ xứ rốt ráo. Hỏi vì sao câu hỏi trước chỉ hỏi phát tâm Đại thừa ở trong nhân , đầu tiên là phát tâm thuộc về chủng tánh Tín Hạnh Địa, kế là tịnh tâm địa, là ba nghĩa trong tâm chứng phát, không giống với dịa Phật vị và những lời Phật đáp đáp về Như lai Địa? Đáp: Ba hạnh trong nhân là điều kiện để thành Phật vị. Nhân của ba đức nếu không trả lời là ba đức ba thân của Phật thì quả vị đã rõ ràng. Thế nào là quán hạnh? Vì là ba hạnh ở trong nhân vừa nói liền đáp là ba thân của Phật, giúp cho trước trước hướng về sau sau. Lại nhân hỏi là hỏi để tu, tu có ở phàm thánh hiện đang tu. Cho nên đáp, là đáp sở chứng ở trước chứng chung vổ nhân quả. Vì có ở hiện chứng.

Trong bảy theo lặp tên có hai, đầu tiên hỏi sau đáp, đáp trong có ba: đầu tiên giải thích Kim cương, kế là giải thích Năng Đoạn và thể Bát - nhã, sau giải thích lại nghĩa bất cộng. đầu tiên giải thích Kim cương có hai. đầu tiên nói hai nghĩa Kim cương có cả tướng năng trị và sở trị, sau giải thích năng trị. Như đã nói Kim cương là nhập hạnh chánh kiến, nhập hạnh tà kiến.

Chánh kiến là nhóm chánh định. Tà kiến, là nhóm tà định, thực hành các việc thiện ác, vào các nhóm ấy, gọi là hai hạnh, hoặc sa vào

lời nói, như nói hai nhân thiện ác làm việc thiện ác, nhân làm việc này là nhóm chánh kiến, nhân làm việc kia là thuộc nhóm tà kiếṇ. Tà chánh tuy khác, mà đều gọi chung tà kiến hạnh, giúp năng trị được ba ác sở , trị hai chướng, thiện nhiễm tuy khác, mà gọi chung là Kim cương.

Kinh Niết-bàn chép: Kim cương rất cứng, muôn vật không thể đập vở được, trừ sừng dê trắng và mai rùa, tánh tri chướng tuy cứng, phàm phu tục trí của hai thừa Bồ-đề trí của đều không thể dứt, hoặc chướng tuy là vọng, nhưng trí phàm phu không thể đứt hạt giống, chân trí Hai thừa không thể dứt hoặc tập, chỉ phát tâm Đại thừa Phật và Bồ - tát, có ba tuệ mới chiết phục dứt hoặc được. Đây là dụ cho nhập vào tà kiến hạnh. Lại dụ như ngọc thạch, tánh nó rất cứng chắc, không có vật gì đập vỡ được, chỉ trừ Kim cương, mới đập vở được hai chướng cũng vậy, tánh nó rất bền chắc, trí của phàm tục chân trí của hai thừa chẳng phá hoại được, ba tuệ đại thừa như Kim cương kia mới phục dứt được, vì rốt ráo dứt Kim cương Tu Tuệ, cho nên trong Kinh chỉ nói Kim cương Dụ Định, đây là dụ cho hạnh Chánh kiến, đây ở cho rằng danh từ Kim cương có hai nghĩa tướng:

1. Nghĩa sở phá .
2. Nghĩa năng phá.

Chẳng phải Năng Đoạn cũng có hai nghĩa, vì chẳng phải sở dứt , cũng chẳng phải do Kim cương và Năng Đoạn , vì có hai nghĩa, tà chánh hai kiến ví dụ không tương ưng, cho nên không thể do Kim cương chỉ là sở dứt , trí do bền chắc sâu kín không thành, cũng không thể dùng Kim cương chỉ là Năng Đoạn , hai nghĩa tướng không thành. Do đó nên biết trong đây đã giải. Nhưng văn lược không giải thích ra sở trị Kim cương, trong Năng Đoạn , ngầm mới nói lên , giải thích trong năng trị Kim cương, nêu cứng chắc, vì tùy thời gian trước dịch là “Kiến” đổi thành tế, trí bền chắc là hạt giống, không thể phá hoại là hiện hành. Trong hiện hành đầu tiên là văn tuệ tư tuệ, sau là tu tuệ. Trong tu tuệ, đầu tiên là tu hữu lậu, sau là tu vô lậu. Trong vô lậu, đầu tiên là giai vị Mười địa, sau là địa vị Như lai.

Trong Mười địa, đầu tiên là Gia Hạnh Đạo, sau là Vô Gián giải thích Thoát Đạo. Trong giai vị Phật, đầu tiên là hạt giống, sau là hiện hành. Trong Năng Đoạn , Văn Tư Tu là Năng Đoạn , quán chiếu là thể của Năng Đoạn . Địa thứ bảy trở xuống, hai Địa đầu là hữu lậu, một Địa sau là có cả hữu lậu vô lậu, trước là hai tuệ tu trung đều thành, tuy không có văn nói, nhưng vì tu tuệ, v.v... Riêng khi khởi tác dụng, Địa thứ tám trở lên niệm niệm đều có thể khởi hai dụng, hai địa đầu phục

hoặc. Một Địa sau là chánh dứt , như chỗ Kim cương dứt mà dứt . Trí như Kim cương, chỗ dứt như ngọc thạch, chỗ hai chướng mà dứt , lại dứt như Kim Cương. Năng Đoạn là trí như sừng dê trắng. Văn, Tư, Tu là chỗ Năng Đoạn mà dứt .

Giải thích nghĩa bất cộng có hai: đầu tiên là nêu bày, như vẽ Kim cương, v.v... sau nói về năm thần thông, y theo nghĩa bất cộng nầy, đầu tiên chặng giữa có ba:

1- Nêu.
2- Chỉ.
3- Kết.

Như vẽ Kim cương có hai:

1- Như vẽ Kim cương, cánh tay theo dang ra thì rộng, lưng thì hẹp lại, vì có động tác, dụ giúp cho tiến lên.

2- Như vẽ chày theo Kim cương, hai đầu rộng mà lưng hẹp, vì nó cứng chắc nhất, giúp cho biết sâu mầu ở tịnh tâm địa. Phật địa rộng. Lớn luận này dụ cho văn nghĩa đều dài, Tịnh Tâm địa hẹp, vì văn nghĩa hẹp, cho nên như vậy: Có hai nghĩa: Do khi phàm phu, hễ sự tu hành, cầu quả Phật muôn hạnh rốt ráo tu, nguyện dứt rộng lớn. Tuy có bốn gốc lành mà muốn trụ nhập thấy đạo riêng tu hành. Từ thời gian dài phần nhiều chia ra ý vui rộng lớn, nên gọi là hoạt. Trong địa vị Phật đạo nghiệp trì kiến, chứng được lợi lạc, đều là rộng lớn, nên nói là “Đại” chính là chỗ rộng lớn, các Bồ - tát Mười địa đều tu một hạnh, cầu tiến đến địa sau. Tuy cầu thiếu giai vị Phật, mà không đâu không cần phần chứng mà tu, nên gọi là hiệp, vì tùy ba vị, nói kinh có rộng hẹp. Lại nay vì bất định tánh và định tánh trước chưa có giòng họ phát tâm là đúng, ba đáp có một thứ đúng, là tánh phát tâm vô phân biệt hạnh. Vì nay cầu Quả Phật, Quả Phật và sơ vị đều là văn nghĩa rộng lớn. Hành tướng Mười địa kia tuy có, mà do không thể tu, nhờ lời nói mà nói lên rõ, không cần phải chỉ bày theo rộng. Nhân Hai Thừa và sơ phát tâm không thể thực hành, nên lược chỉ bày theo cái hẹp.

Trong kinh chép : Ở đây là nói nghĩa bất cộng. Các kinh không phải như vậy, không gọi là bất cộng, do đây làm rõ lý trí rộng hẹp. Văn tự đây dạy, gọi riêng là Kim cương. Thứ ba Kim cương Địa gọi là nghĩa bất cộng, nói lên năm thần thông y theo ý nói trong bất cộng, văn sau nói năm thứ y theo nghĩa, nói nhiếp trì nhau, an lập hiển bày theo , đều nương vào ba địa nầy, lìa địa nầy, không có cho nơi khác, ba địa này mỗi địa có nhiều sở hành trụ xứ, nên gọi là Thượng thượng y theo chỉ, vì chẳng phải một nên gọi là Thượng thượng, trong đây lược qua không

giải thích Bát - Nhã. Nhưng nói Ba tuệ, bất luận là thật tướng v.v..., vì pháp bất tận.

Trên đây giải thích bảy theo câu. Trong chánh nói giềng mối rộng lớn đã xong, dưới đây là chánh giải thích văn kinh, thứ hai là dứt lớn giải thích lại văn trước, trong kinh lớn của thích Huyền Tông chia làm hai. đầu tiên giải thích oai nghi trong lời tựa, thành tựu ngồi kiết già chánh niệm bất động, sau là giải thích chánh tông, tuy đi đứng ngồi đều được nói pháp, nay hiển rõ tỉnh tọa giác là tốt đẹp, tiêu biểu cho nội tâm giác an chân lý ngoại tướng mới nói được lợi sinh, chỉ dùng một nghĩa để giải thích thich, còn nghĩa khác như nói Pháp Hoa oai nghi là, nói trong lúc an tọa.

Sau là giải thích phần chánh tông chia làm ba. đầu tiên trong văn giải thíchchủng tánh không dứt , kế là giải thích vì sao trong văn chỉ hỏi Bồ - tát thừa phát hạnh giải thích phát khởi ra hành tướng. Ở sau, giải thích do khéo hỏi, từ Thượng tòa trở xuống, trong văn giải thích hành sở trụ xứ, đầu tiên chia làm ba: trước là giải thích ba ý hỏi, kế là giải thích khởi Bồ - tát thừa, Bồ - tát Ma - ha - tát nói, kế giải thích ở trước nhiếp các nghĩa tối thắng, trong văn kinh, từ sau đến trước là giải thích, luận quán này có thể thấy các văn trên dưới, đều vì bài tụng của ngàiDi-lặc do ngài Thiên Thân, giải thích không có văn, nên mới giải thích , không phải là anh em biết mâu thuẫn nhau.

Văn đầu có hai, trước tiên là hỏi, kế là đáp, trong đáp có ba: đầu tiên nêu, kế là giải thích, sau kết lược nêu, trong có ba: đầu tiên nêu, kế là chỉ bày theo riêng, sau là kết trong nêu bày theo sáu thì, năm câu đầu vì lợi lạc chúng sinh, một câu sau là chánh pháp an trụ lâu dài. Trong năm câu trước, hai câu đầu nói nhân ngoài Phật pháp có tâm nghi ngờ, không sinh định tín, hai câu kế đã nhập vào Phật pháp, nhân ưa thích Phật pháp, không hiểu tiến tu, sau đã biết tiến tu, thì không thể chứng đạt. Nhưng ở đây hỏi rằng: “Vì thuận theo Bồ-đề chỗ muốn tu, chỉ hỏi chủng tánh và chứng phát tâm hai chỗ tu pháp, bất luận là giai vị Phật, Mười địa Bồ- tát đã chứng đạt thì tâm đều mong cầu xa lìa, Phật quả giải thích thoát, nói chung chủng tánh không dứt có hai nghĩa:

1. Trong đây đã nghe muốn cho hạt giống Phật ở đương lai không dứt mất.

2. Hiểu được Phật thì giúp cho hạt giống Phật không dứt.

Do khéo nhiếp và phó chúc, trong đây sáu nhân nương tựa đã nói, hợp lại có sáu giải thích :

1- vì ở ngoài Phật pháp, do có nghi ngờ, thường sinh chê bai, nay

hỏi đáp khác, để dứt nghi kia, giúp họ phát tín tâm, không sinh chê bai, khởi tâm Bồ-đề.

2- Khởi tín hiểu, nêu trước tuy không nghi ngờ chê bai, chỉ ở trong giai vị , do không nghe hiểu, không thể phát tâm, nay họ nghe pháp khởi tin nhập vào năm tâm vị trước trong Thập Tín.

3- Nếu nhập vào Thập Tín thì trụ sau tâm thứsáu, tín giai vị quyết định, gọi là nhập vào lý nghĩa sâu xa, nay vì giúp họ nhập vào tâm thứ sáu, sau được tín quyết định, hiểu biết Phật pháp sâu xa nhân quả lý trí, trí tin không lui sụt, do hiểu nghĩa sâu xa mới không lui sụt lòng tin, gọi là nhập vào nghĩa sâu.

4- Nếu trước tuy tin được không lui sạch nhập vào nghĩa sâu xa, thì trong vị Thập trụ nhập vào sáu vị trước, còn có tâm lui sụt thành Hai Thừa . Nay vì họ không có ý lui sụt, nên nhập vào giai vị Địa thứ bảy, sau là không lui sụt.

5- Vì trước tuy được giai vị không lui sụt, cho đến sau khi được vào Thập Hồi hướng, được bốn món gốc hành, nhập vào quyết định trạch phần vị, vẫn chưa chứng được chân tịnh pháp giới, không gọi là sinh vào nhà Như lai. Lai gọi là Cực Hỷ Địa, chưa tin pháp uyển lạc, chưa chứng các tướng tăng thượng hỷ ái, không gọi là trụ sinh hỷ, nay vì các tâm ấy được vào Mười địa, chứng được nhập pháp giới, nhập hậu hậu thông.

6- Do nhân tin học, tiến thú chứng đạt, chánh pháp đương lai, thứ ba giáo hạnh quả trụ lâu ở đời, vì sáu nhân này sinh tùy hỷ, do phát khởi ba lần nghe, Địa thượng Địa tiền đều có phát tâm tu hành dứt chướng có ba nghĩa khác nhau. Kết rằng: Đây là nhân hỏi muốn cho hạt giống Phật không dứt cho nên hỏi. Trên đây là phối hợp với một vị, sau đây lại phối hợp ba nghĩa.

Kế là giải thích trong có hai: đầu tiên hỏi, sau đáp trong, đáp thuận theo giải thích thứ nhất. đầu tiên là nhân rất dể hiểu. Thứ hai, có nhân ưa thích Phước đức, v.v... Có nhân Trước ở phàm vị không chê bai , không tin Phật pháp Ba Thừa, chỉ ở trong ý, còn ở thế giới nào có vui là Phước lạc, nhưng chưa phát tín tâm, gọi là chưa thành tựu. Nay vì giúp họ phát khởi tín hiểu nên được nhập Thập Tín. Thứ ba là nhập nghĩa sâu xa, tức hai nhân trước đạt sâu được nhân quả được Tín không lui sụt Thứ tư, nếu đã nhập được giai vị Tín không lui sụt, gọi là đã được không xem thường giặc, thường trụ pháp quyết định ra khỏi, mới thường gọi là không xem thường, vào giai vị không lui sụt. Địa thứ năm, đã đạt được thuận nhiếp, là truớc căn đã thuần thục, chỉ sau khi được

giai vị không lui sụt , và tịnh tâm, trước giai vị không lui sụt là các Bồ Tát, không do nơi khác mà khởi trí căn bản, mà đối với pháp tự chứng nhập, khi khởi trí hậu đắc, đối với pháp được thấy, được nhập hậu Mười địa, ở sau cũng như vậy, vì sinh vui mừng.

Lại giải thích thứ hai là. đầu tiên ngoại pháp một nhân nay nhập Thập Tín năm tâm trước của, thứ hai nhân năm tâm trước nhập tín thứ sáu tâm hậu, tín quyết định gọi là tín giải. Từ khi nhân ở đầu mới làm thứ hai, thứ ba nhập nghĩa sâu xa, tức thứ hai vào ở trước tru thứ sáu, được nhập vào giai vị Không lui sụt. Địa thứ bảy theo trụ hậu, gọi là nhập nghĩa sâu. Thứ tư là nhân không lui sụt: Là người đã được vị không lui sụt, được vào Sơ Địa chứng không lui sụt . Địa thứ năm là sinh hỷ, tức là thứ lớp ở trước được nhập Sơ Địa, căn đã thuần thục gọi là thuận nhiếp, lần lượt được vào địa, thứ hai thứ ba, v.v... Nếu đã vào vị không lui sụt , nhân sau gọi là tịnh tâm, được nhập sơ địa hợp lại gọi là sinh hỷ. Lại giải thích thứ ba, đầu tiên ngoài nhân pháp mới nhập giai vị Thập Tín. Thứ hai là nhân Địa thứ năm là năm tâm trước được nhập Tín không lui sụt hậu. Thứ sáu Thứ ba dần nhập vào Sơ địa, chứng nhập pháp giới chân như sâu xa. Thứ tư chứng nhập giai vị không lui sụt địa thứ tám hậu hành. Địa thứ năm là thấy đạo trở lên, khi chứng bất thối rồi , gọi là Thuận nhiếp, nhập Địa thứ tám gọi là Tịnh tâm, được vô lậu tâm thường nối nhau, đều sinh vui mừng. Sơ địa thuận nhiếp lần lượt được vào Phật địa. Sinh vui mừng Địa thứ tám tịnh tâm, không bao lâu được vào giai vị Phật, đều sinh rất vui mừng. Tuy có ba giải thích này dường như trụ, vì chỉ hỏi trong nhân có ba hạnh vì nhân chứng được hậu hậu thắng phẩm, cho đến thành Phật. Đáp đủ ba giai vị và các hạnh, từ khi mới phát tâm cho đến quả vị Phật, là giai vị trước đã tu nhập, nay xét kỹ thêm, phàm phu địa tiền chỉ có ba mươi tâm, đầu tiên trụ pháp bên ngòai giúp cho tin để nhập pháp, kế là ở trụ trơ thứ sáu xuống, giúp cho nhập vào Thất trụ, lại kế ở Địa tiền, giúp vào Sơ địa, nối tiếp Địa thứ bảy trở xuống, cho nhập vào Địa thứ tám. Sau trong nhân , giúp nhập vào Phật địa, mỗi mỗi tùy giai vị ấy, để giải thích câu hỏi kia, giúp cho pháp tồn tại lâu dài. Chúng sinh được vào năm nhân trước. Do chúng sinh được vào năm nhân trước, vì pháp thành ở đời lâu dài. Phát ra câu hỏi rộng làm sáu nhân , tóm lược thành hai nhân , còn bao nhiêu như trong huyền ký có nói. Kết lược làm bốn, nhưng kết năm thứ trước, đã học giáo lý, tức pháp tồn tại lâu dài, cho nên không nói, nhân nghi hoại pháp kia, giúp cho thấy các lý nhân quả, phát sinh tín tâm, vào nhập Phật pháp, như đã phát tâm ưa thích Phước đức tín vị định. Là nhiếp

thọ tín và thắng giải thích định, nhân đã tín hiểu định thành tựu, nhiếp thọ ở Sở địa, vì nhập nghĩa sâu xa, nay hai tên gọi này là nhiếp thọ tín định và chứng định, đều được nhập Sơ địa, biết tiếp nối giai vị Phật, gọi là được không xem thường, ưa thích xem thường hậu thắng phẩm diệu hạnh, của địa thứ tám giúp tâm siêng năng, không sinh hạnh lui sụt, từ địa trở lên là thứ tám quán tâm vô lậu, giúp niệm nối nhau gọi là tịnh tâm, được nhập vào địa vị Phật, giúp sinh vui mừng, ở đây kết thứ lớp nói theo hạnh vị. Chỉ nói tịnh tâm sinh rất vui mừng, trước giải thích rộng và nói thuận nhiếp, giúp cho chúng sinh vui mừng, liền nhập sơ địa, thuận theo đức Thế tôn khéo nhiếp thọ, đều giúp họ thành Phật, nên hợp hai cái lại nói. Nếu y theo thứ lớp thì, nên y theo trheo kết và lược lược trong bốn nhân, một nhân đầu là pháp ngòai nhập pháp, thứ hai nhân là nội phàm nhập Thánh, thứ ba là Địa thứ bảy nhập Địa thứ tám, thứ tư là đệ Bát hậu nhập Phật vị, nói Tín Hạnh Địa là Sơ nhập, nói tịnh tâm địa là Địa thư hai, thứ ba tam, nói Phật địa là Địa thứ tư. Trên đây có ba thích giải, y theo giai vị phối hợp giải thích thứ tư là nên ba câu hỏi. Đầu tiên vì nhân đầu tiên giúp cho phát tâm, hỏi kế là thứ hai thứ ba nhân đủ tu hạnh, sau hỏi là nhân thứ tư giúp cho dứt chướng, do ba nhân đều tu tự cầu các hạnh rồi, tịnh tâm vui mừng, cho đến thành Phật, vì thế trong phần kết lược bao gồm thứ hai thứ ba thành một nhiếp thọ, vì nhiếp thọ hành.

Giải thích thích chủng tánh không dứt giữa, chừng dưới đây là thứ hai giải thích lời của Ma-ha-tát, tức gồm giải thích trong nghĩa Đại thừa, giải thích các nghĩa Đại thừa đều sơ lược không có lời Ma-ha-tát. Đời Đường và đời Tùy đều có bảy theo đại, bảy theo đại là:

1- Pháp đại, đối với pháp bậc nhất gọi là Cảnh đại, duyên đối với pháp rộng lớn là cảnh.

2- Tâm đại: Pháp Địa thứ bảy theo kia gọi là Nghiệp đại, tột mé sinh tử, chỉ bày theo giới Bồ-đề, dựng lặp Phật sự.

3- Tín giải thích đại: Đại gọi là Trí đại, tức biết hai thứ vô ngã.

4- Tịnh tâm đại: Địa thứ năm là phương tiện khéo léo, không trụ sinh tử và Niết-bàn.

5- Tư Lương đại: Thứ hai gọi là hạnh đại, thực hành hai thứ hanh.

6- Thời đại: Thứ tư là Tinh tấn đại, trải qua ba đại kiếp, tu các hạnh khó làm.

7- Quả đại: Địa thứ bảy theo là Chứng đắc đại, chứng công đức lớn, là ý nói luận ấy duyên giao khởi hạnh, đạt được lý sâu xa, siêng

năng lâu dài, không dính mắc hai bên, chứng quả cao siêu của đại thừa cùng tột mé sinh tử, dựng lặp Phật pháp, nên gọi là Đại. Luận này trái lại, hoặc ở đây ý nói, duyên giáo phát nguyện, dựng lặp Phật sự, được trí đạt lý, không đồng với phàm phu Hai Thừa chấp đắm thường thực hành hai lợi, siêng năng lâu dài, lại được quả cao quý, ý riêng của hai luận khác nhau, trước sau bất đồng, lại Bồ- tát Di-lặc trong quyển đầu Mười địa Luận chép Ma -ha -tát có ba thứ Đại:

1. Nguyện Đại.
2. Hạnh Đại.
3. Lợi chúng sinh đại.

Thứ ba là giải thích trong các văn nhiếp thọ Bồ - tát v.v... chia làm hai, đầu tiên nhiếp thọ, sau phó chúc, trước giải thích nhiếp thọ phó chúc lúc mới thành chánh giác và lúc nhập Niết-bàn cho đến nhiếp thọ phó chúc căn khí.

Ngài Thiên Thân nói: Căn thuần thục gọi là Nhiếp thọ, chưa thuần thục gọi là Phó chúc, chưa giải thích hai món tự tánh. Ngài Thiên Thân chỉ giải thích sở nhiếp phó chúc và ý nhiếp thọ phó chúc, tức chủng tánh này không dứt, vì chưa giải thích tự tánh kia. Nay giải thích, là trong đó có hai. đầu tiên nêu câu hỏi, sau giải thích riêng. Trong đây chia làm hai:

1. Khéo nhiếp.
2. Nhất nhiếp bậc.

Ngài La-thập, Bồ-đề - Lưu - Chi, Chân đế đều không có hai lời văn, chỉ có bản Đại Đường nói trên hết nhiếp thọ, nhiếp thọ các Đại Bồ-tát tối thắng phó chúc cho, phó chúc các Đại Bồ - tát - . Trong văn kinh chỉ dùng một lời tối thắng. Văn trước lặp lại văn kinh rằng: Bậc nhất khéo nhiếp thọ tất cả Bồ - tát, bèn chia làm hai. Do lời tối thắng đủ thiện nhiếp nhất hai nghĩa bậc, ở sau giải thích phó chúc, chỉ nói bậc nhất phó chúc, đạo lý nhất định. Lại khéo nhiếp là nêu ra chung thể, thứ nhứt là nghĩa giải, khéo nhiếp bậc nhứt nhiếp thành hai. Trong nhiếp bậc nhất có ba:

1. Nêu.
2. Trình bày.
3. giải thích .

Lạc là cùng lợi ích hiện tại.

Lợi nghĩa là cùng ích đời sau, tức trong sai khác là định thế gian la hiện lạc. Quả ba thừa là hậu lợi, lợi lạc có mười nghĩa:

* Như trong Duy Thức sớ chép, trong đây chỉ còn. Thứ tư là kiên

cố: nghĩa là hậu ích rốt ráo quả thể, hiện ích rốt ráo nhân thể, lại gọi là rốt ráo, thứ sáu dị tướng vị tịnh Bồ -tát, nghĩa là địa tiến tín hạnh địa vị đắc tịnh thắng ý lạc, trong các Bồ -tát không thể khéo nhiếp kia thì, đây là pháp lành tốt đẹp trên hết không bao giờ hư hoại, làm lợi lạc tự tha, không có gì hơn, vì hai lợi ích giải thích thế gian chúc trong đó, cũng có ba. đầu tiên nêu câu hỏi kế là nêu bày theo sau giải. Việc làm của ban lành: Nghĩa là khi sắp nhập Niết-bàn, gốc lành thuần thục Bồ -tát làm chỗ sơ nhập, vì căn cơ chưa thuần thục là vì ban lành. Cho nên biết ngài Thiên Thân y theo căn cơ chưa thuần thục nói hậu phó chúc, phó chúc cho căn thuần thục, không chấp vào lời nói khi nhập Niết-bàn, giải thích không trái nhau, vì căn chưa thuần thục là năng nhập, căn kia đã thuần thục, pháp nhĩ giáo hóa. Phật dạy theo căn thuần thục, ông đã được rồi, nên lần lượt dạy theo họ, do đây chưa thuần thục không mất chỗ sở nhập của ban lành, pháp nhĩ căn cơ thuần thục, thương xót chưa thuần thục, Phật giúp cho chuyển giáo, giúp căn cơ thuần thục chuyển sinh tôn nặng vì cầu Phật dạy.

Dưới đây là giải thích chánh tông, thứ hai để phát khởi hình tướng của văn chung, hai câu đầu là hỏi hai câu sau đáp, đáp có ba ý, do quả Ba thừa Bồ-đề gọi là khác nhau, chỉ hỏi chữ Đại là phát tâm đại thừa, tối thắng thừa là quả rốt ráo hướng về, vì làm lợi ích rộng khắp, luận là đáp một, hai t thứ còn lại . Vì hóa pháp, hóa sở, hóa sinh, nên sau khi đắc quả, có ba thân khác nhau. Nếu hỏi phát hạnh Bồ -tát thừa, là dùng ba thừa pháp hóa sở hóa chúng sinh, nay rõ Tam Bồ-đề, nhân Hai Thừa không thể chứng được cho , nên không hỏi, ba là do nhân Ba thừa có khác với Bồ-đề, Niết-bàn không khác với.

Đại thừa Bồ-đề dứt hai chướng, chứng đắc hai ly theo thực, hành hai lợi, thành tựu hai trí, chỉ có sở thú này không được chấp cái khác, ba lần hỏi nghĩa khác như trước đã giải thích .

Đấy là dứt thứ ba giải thích chỗ sở trụ của hành, trong văn chia làm hai. đầu tiên giải thíchkhen ngợi trong câu ấn chứng "lành thay" rằng. Sau là giải thích chánh trình bày, vì Tu-Bồ-đề hỏi, có thể thuận lý sâu, là trong năm câu hỏi, vì muốn lợi ích hữu tình cho nên hỏi. Đức Phật khen câu hỏi kia, nên nói lành thay, khen ngợi lại lời đó. Nhưng hạnh Bồ-tát thấy khéo nói: Nói ra lời lành thay. Nay do Tu-Bồ-đề hỏi khế hợp với huyền tông sâu xa có thể nói lý, nói lại lành thay, y theo quyển thứ nhất Luận Mười địa, giải thích lành thay rằng: Đã nói trong các pháp, khéo đầy theo đủ, lành thay có ba:

1. Sở y: Là tịnh tuệ.

2. Thể tánh: Là nói các địa không hề nói pháp.

3. Quả đủ mười lậu không chướng ngại, là Phật Bồ-đề, ở đây cũng vậy, y theo kia nên nói.

Trình bày theo trong phần được chia làm ba: đầu tiên nói về tín hạnh địa, kế sau trong quyển là chứng đạo v.v... trở xuống là giải thích tịnh tâm địa, sau trên cầu Phật địa, dưới giải thích thích Như lai địa, nói trong địa kia, giúp cho tín ở trước lại vị sau ham thích hứng thú, ở sau đều y theo nên biết. Văn đầu tiên chia làm bốn, đầu tiên giải thích nhiếp trụ xứ ở giai vị Thập Trụ, khai mở thì an tâm kia đối với pháp kia, tướng cũng chưa cao siêu, nên gọi là Trụ. Kế là dưới đây, còn bao nhiêu Trụ trung hạ thứ hai hỏi về Ba- La- Mật- Đa tịnh tín. Kế là muốn được sắc thân trụ xứ trở xuống là thứ ba giải thích chỗ muốn tu. Nếu muốn được sắc thân, pháp thân hai trụ xứ. Vì một dục trụ xứ, hai trụ xứ trên đây ở giai vị Thập hạnh, thực hành các hạnh tr6en hết của sáu độ, gọi là hạnh. Kế quyển sau đầu tiên đã nói dục trụ xứ xong, ở sau thứ tư sẽ giải thích lìa chướng ngại trụ xứ, ở giai vị Thập Hồi hướng, hễ tu hành thì đều là Hồi hướng, đặt tên gọi Hồi hướng, y theo trước lược nêu trong Tám trụ xứ. đầu tiên sáu trụ xứ nói thành ba địa. Vì trong tám trụ xứ kia, hai trụ xứ sau ở các trụ xứ, chẳng phải chỉ phối hợp với địa. Quyển sau đầu tiên nói: Nay nói lìa chướng ngại trụ xứ, có mười hai thứ chướng ngại để đối trị, trong mười tám trụ xứ, hợp thành mười hai là thứ tư lìa chướng, mười sáu trụ xứ trước là tín hành địa, chia làm bốn văn, hai địa đầu đều có một, hợp hai thành thứ ba, hợp mười hai pháp còn lại thành thứ bốn. Hoặc chia thành hai. đầu tiên giải thích nhiếp trụ xứ, và giải thích ba trụ xư còn lại. Do văn Ba -la -mật trụ xứ đầu tiên nói từ đây về sau trong các trụ xứ có năm thứ, rõ ràng văn sau đều dùng năm nghĩa để giải, nên hợp thành một dứt .

Đầu tiên gọi là nhiếp trụ xứ. Nếu giải thích xa cũng phát Đại tâm, vì trong thời gian lâu dài nhiếp thọ Bồ-đề- Đại.

* Giải thích gần, phát tâm rồi nhiếp thọ chánh pháp, vì nhiếp chúng sinh. Có cả hai giải thích , là phát nguyện, nhiếp thọ chánh pháp và , thành Phật lợi sinh. Gần xa hai nhiếp đều ở trong đó. Trong mười tám trụ xứ trước gọi là phát tâm, đầu tiên đã khởi hành Tướng là Danh, đây gọi là Nhiếp, do sẽ thành quả và lợi ích chúng sinh, mà đặt tên. Văn chia làm hai. đầu tiên riêng giải thích bốn tâm, sau chung đáp ba câu hỏi, y Luận của ngài Thiên Thân. Văn đầu tiên chia làm bốn. Đầu tiên giải thích rộng đại tâm tức là Sơ Trụ. Kế là tất cả cõi chúng sinh lặp bày theo thực hành bố thí, ở sau giải thích tâm thứ nhất tức là Trụ thứ hai.

Kế như vậy theo có vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn rồi là, giải thích tâm thường thứ ba, tức là bốn trụ kế. Vì sao nếu chúng sinh tướng nhân tướng thì không gọi là Bồ -tát. giải thích tâm thứ tư không có tâm điên đảo, tức bốn trụ sau, như giải thích ở quyển trung, tổng khoa ý văn của ngài Di-lặc và Thiên Thân, ở đây là giải thích riêng.

Giải thích thích chỗ không kia, văn đầu chia làm hai, đầu tiên giải thích chung văn nói về tất cả chúng sinh, cùng câu hỏi của ngài La -thập, vì nói riêng tất cả chúng sinh, ở sau noãn sinh v.v... trở xuống là giải thích riêng ba loại:

Ngài Lưu-chi lặp lại rằng: “Tất cả chúng sinh thuộc về chúng sinh”.

Bản Đại Đường chép: “Tất cả các hữu tình, thuộc về hữu tình”. đầu tiên nói hữu tình đều là lầm, sau nói là hữu lậu, thế gian có hai:

1- Thế gian hữu tình.

2- Thế gian khí giới.

Nay đã thuộc loại thế gian hữu tình, không phải thuộc loại thế gian khí giới, lại không có Phật giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát quán hạnh có năm món vô lượng, có nói rộng trong chương.

1- Thế giới hữu tình vô lượng.

2- Thế giới vô lượng.

3- Pháp giới vô lượng.

4- Được điều phục thế giới vô lượng.

5- Điều phục phương tiện thế giới vô lượng.

Nay nói chung tất cả chúng sinh, trong năm vô lượng. đầu tiên là thuộc cõi vô lượng hữu tình, Địa thứ năm đây là cõi điều phục phương tiện vô lượng, cõi điều phục phương tiện vô lượng này gọi là năng nhiếp, vì là năng nhiếp của các hữu tình. Là tâm sở nhiếp của hữu tình năng nhiếp nầy, tức khả năng nhiếp hóa tất cả hữu tình. đầu tiên dạy theo chung hóa độ, trước quán hữu tình, hữu tình không thật, chỉ có các pháp, dùng làm tự thể. Các hữu tình kia chắc chắn trụ trong thế giới, y theo giới xứ kia, quán sát tánh dục thắng giải thích được giáo hóa, chỗ điều phục khác, rồi sau phải vì họ lặp phương tiện điều phục, do đầu tiên hữu tình, thật chẳng phải một, gọi là vô lượng. Cho nên trong kinh chép chung tất cả các hữu tình, cho đến sau cùng lặp ra phương tiện điều phục, cũng lại chẳng phải một, nên nói tất cả hữu tình nhiếp sở nhiếp. Những lời nói, lúc đầu thông suốt cả nhân pháp ở dưới người, nhơn pháp tức trong năm món vô lượng, hai món đầu và cuối, giúp đầu tiên phát tâm sẽ thành sơ quán, nên nêu trước và sau, để chỉ bày theo

ba pháp giữa, rộng lớn bậc nhất nghĩa bình đẳng, đều như trong huyền ký có nói, năm món vô lượng như trong chương nói, e rườm rà nên không dẫn ra.

Noãn sinh v.v... là nói riêng về ba loại chia làm ba, trước nêu chung sự khác nhau, kế lược nêu ba thứ trước, sau phối hợp ba thứ trước hai nghĩa thọ sinh và y theo chỉ nên khác. Cảnh giới biệt: Vô sở hữu xứ trở xuống, cho đến trong cõi Dục, trụ sâu trong trời Vô Tưởng hai định vô tâm, vô tâm ngủ nghĩ , vô tâm ngất xỉu, ngoài năm hữu tình nầy,còn lại đều ngăn cảnh, có tư tưởng bén nhạy, gọi là Hữu tưởng, nói trong năm vị, không có sáu thức nên không duyên cảnh giới, đều gọi là Vô Tưởng, ở cõi Hữu đảnh vì rất tối tăm, tức do không thiếu tất cả địa pháp để làm cảnh giới, không bằng hữu tưởng địa ở trước, cảnh giới thô hiển, tâm tưởng rõ ràng, gọi là phi hữu tưởng, cũng không với đồng năm giai vị vô tâm ở trước, hoàn toàn không có tâm tưởng, gọi là Phi vô tưởng, có chút tế tưởng, không có minh tưởng thô cho nên cả hai đều chẳng phải, tưởng có công năng chấp cảnh, giới hạn tướng mạo, chấp cảnh gọi là Tưởng, ngoại đạo phần nhiều chấp làm nhân sinh tử, nên nêu riêng về tưởng, không gọi là có khởi tưởng, tâm sở, v.v... khởi tưởng còn lại đều chẳng phải. Thân sắc uẩn sắc tượng, tướng trạng dễ biết, tâm do tưởng ẩn kín, nên đối với y theo chỉ gọi là hữu sắc.v.v..., không gọi là hữu tâm, chết diệt là cuối, sinh khởi là đầu, vì đầu có sau không, nên y theo sinh loại, gọi là noãn sinh v.v..., không gọi là noãn tử, v.v... đây nói về tâm nguyện của đầu tiên được cảm hóa nói chung tất cả đều cùng khắp, nên y theo giới thú địa cư ở các nghaĩ môn phân biệt ở đây có ba. Hỏi vì sao không nói cõi đường được hóa độ, chỉ nói ba lời đáp này thọ sinh chung năm uẩn, là chung y theo chỉ trong năm uẩn uẩn sắc phi sắc, để giải thích khác nhau. Cảnh giới lại nương vào bốn phi sắc uẩn, có thể có cảnh giới, mà nói lên khác nhau, từ thô đến tế lần lựa mà bàn, cũng nói về cõi đường, ở trong ý, muốn cho bỏ sinh tử mà được Niết-bàn, nên nói thọ sinh, muốn cho bỏ sắc vô thường, v.v..., được sắc thường. Nên nói y theo chỉ, muốn cho dứt trừ nhân phân biệt, nên nói cảnh giới, tâm có làm nhân phân biệt, dứt nghi tưởng nầy, thành tựu trí phân biệt, lại ngoại đạo nói tuởng là nhân sinh tử, vô tưởng là quả Niết-bàn. Nay nói họ đều là sinh tử đáng độ, không có nói khác, cho nên trong luận chép: "Thọ sinh y theo chỉ thuộc về cảnh giới. Hỏi y theo kinh Thắng-man và Du-già quyển ba mươi bảy theo thì, có bốn sở hóa, là chúng Hai Thừa và vô chủng tánh hoặc y theo Lăng-già, nói năm thừa, v.v.... Trong đây nói chung là cũng gồm nhiếp hết các pháp. Vì sao phải nói kế đó, ta

đều giúp cho nhập Niết-bàn Vô dư, Niết-bàn Vô Dư chúng Ba Thừa đều nhập, chẳng phải thứ tư. Kinh Thắng-man chép không nghe nói chúng sinh chẳng phải pháp do gốc lành trời nhân mà được, thành tựu. Kinh Thiện Giới nói Bồ -tát địa cũng vậy, đâu phải không có chủng tánh cũng nhập Niết-bàn. Kinh đều giúp cho thành Phật, nói nhất thừa nhất đạo đều được thành Phật, nên hiểu ý Phật, đáp có ba giải thích .

1- Như văn học hạnh, hiểu biết căn tánh đối với vô chủng tánh trời nhân khéo tạo tác. Trong kinh Thắng-man chép: Nếu mới học hạnh, chưa biết căn tánh, nhưng gồm phát ý đều giúp nhập diệt, văn kinh này cũng không có tự tưởng trái lại.

2- Trông mong ý nguyện kia đều giúp nhập diệt, văn kinh nầy, y theo thật mà nói có vô tánh, là gốc lành trời nhân trở thành không được nhập diệt, đồng với các kinh, kia riêng đây chung, lý không trái nhau.

3- Giải thích thích dứt thứ hai trong tâm thứ nhất chia làm hai, đầu tiên giải thích tất cả thế giới chúng sinh văn thuộc về chúng sinh, sau giải thích giúp nhập vào Niết-bàn Vô dư. Trong chung ngài La-thập hoàn toàn không.

* Ngài Lưu-chi nói: "Tất cả chúng sinh thuộc về chúng sinh. Luận này chép: "Tất cả thế giới chúng sinh, lặp bày theo trụ thí rồi, với đồng Năng Đoạn .

Năng Đoạn nói: "Cho đến thế giới hữu tình lặp bày theo sở lặp bày theo . Trong đây ý nói, ngoại đạo Ni Càn nói: "Cỏ cây theo đều có mạng sống, Phật thì không phải như vậy. Lặp bày theo trong năm món vô lượng. Trong đầu tiên nói thế giới hữu tình vô lượng này ở đây là lặp bày theo tên gọi.

* Tên năng thuyên, hoặc gọi là tưởng, vì nhân tưởng khởi, hoặc gọi là vô thể, chỉ là ý giải thích của tâm tưởng, sinh khởi ở Tưởng, nên gọi là Tưởng, hoặc gọi là lặp bày theo . Pháp vốn không có tên, tên đều là giả lặp bày theo , lặp bày theo không xứng với pháp thể, không phải chỉ có tên, là pháp thượng lặp bày theo , cũng là Thế tôn vì dị ngoại đạo nói cỏ cây, v.v... cho là chúng sinh, chỉ nói nếu có năm uẩn bên trong cho là hữu tình, nhân có khả năng lặp bày theo là Phật. Chánh lặp bày theo thể gọi là sở lặp bày theo . Thể của hữu tình, đều muốn độ, chẳng độ ngoại đạo tất cả hữu tình cỏ cây theo cũng muốn cho nhập Niết-bàn, là ý ở đây. Luận chép : Nghĩa là các thứ trên, là trên đã nói ba thứ khác nhau, các thứ thể tướng ở cõi chúng sinh, vì Đức Thế tôn lặp bày theo tên gọi hữu tình, đã hiện rõ lặp bày theo , cho là thể của hữu tình, nói chung trên đây gọi là chúng sinh.

Ở sau nói hóa độ ta giúp nhập Niết-bàn Vô Dư chia làm ba. đầu tiên giải thích vì sao không nguyện cho các pháp khác mà nguyện Niết-bàn.

Kế là giải thích noãn sinh thấp sinh v.v... nguyện nghĩa là được Niết-bàn, sau giải thích chỉ nói giúp nhập Vô Dư không nói giúp nhập nghĩa khác. Văn đầu tiên hỏi: "Vì sao nguyện thể của quả vui này có cả thế gian và xuất thế gian. Vì sao không nguyện cùng quả vui thế gian, xuất thế gian có hai:

1- Bồ-đề.

2- Niết-bàn.

Vì sao không nguyện cho quả Bồ-đề? Trong kinh Thiện Giới thứ nhất và Bồ-tát địa chép: Phát tâm Bồ-đề, nguyện cho chúng sinh được đại Niết-bàn và trí Như lai. Vì sao trong đây chỉ nguyện cùng Niết-bàn? theo giải thích đầu. Hỏi vì sao chỉ nguyện cho với Niết-bàn nầy, không thể được nghĩa, mà không cho cái vui thế gian sẽ có được quả. Theo cách giải thích thứ hai. Hỏi vì sao chỉ nguyện cho Niết-bàn nầy, mà không nguyện cùng với quả Bồ-đề, rõ ràng không tậht có nghĩa ấy, là đáp văn nhiếp, theo câu hỏi đầu để giải thích đáp rằng: "Vì sinh sở nhiếp không có lỗi, do đều là sinh, trước nói bốn loài, mà nói có chết, do sinh là khổ, dứt sinh là vui. Quả vui của thế gian, sinh thêm không diệt, Niết-bàn diệt sinh, nên nguyện cho niết bàn, vì thế nói là sinh sở nhiếp không có lỗi, do chỗ độ đều thuộc về sinh, trái với sinh quả vui Niết-bàn. Theo câu hỏi thứ hai để giải thích đáp, do Bồ-đề không thật có nghĩa, Hai Thừa định tánh không thể được Bồ-đề. Vì trí nhất thiết chủng, nhưng theo chỗ độ giáo hóa, đều thuộc về nhiếp, nên cho Niết-bàn, đều là sinh nên diệt sinh kia cho cái vui Niết-bàn, đồng với lời trong kinh Hoa Nghiêm sơ phát tâm nguyện ưa thích giúp nhập Niết-bàn, chẳng phải Ba Thừa, đều được Bồ-đề, không nói cùng phi tất cả sinh đều được nhập Niết-bàn Vô Dư. Trong đây nói, như trước đã giải thích. Lại giải thích, tuy trí Bồ-đề chẳng phải đều đạt được, như sơ nguyện trong Du- già, 1/ ý ưa thích rộng khắp. 2/ vì chưa hiểu, phát nguyện cho họ. Văn đây y theo thật nên không nói cho , lại có giải thích khác, đến dưới sẽ biết.

Như noãn sinh v.v... ở sau giải thíchnghĩa thứ hai noãn sinh thấp sinh v.v... được Niết-bàn. Là có nhân văn hỏi rằng: Trong bốn loài, hai loài sinh thai sinh hóa sinh̃ thuộc về sinh lên cõi trời cõi người, có thể giúp được nghĩa nhập Niết-bàn, thấp sinh noãn sinh phần nhiều thuộc quỷ và súc sinh, thì làm sao cho nhập Niết-bàn. Trong ba cảnh giới, một

loại có tưởng có thể giúp cho nhập Niết-bàn, đã trụ cõi trời Vô Tưởng và Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng, làm sao đều nhập Niết-bàn, mà y theo hiện thân phàm nhập nghĩa Thánh Niết-Bàn thì đều không được, cho nên trong đây hỏi, chẳng phải địa khác ở trước đã nhập Thánh, sau sinh lên Hữu đảnh không thể nhập Niết-bàn. Nếu theo văn nầy, không làm lời giải thích này thì sinh lên Hữu đảnh, không nhập Niết-bàn, lại trái với tất cả Thánh giáo. Lại nói đẳng là v.v... Đối với hai món y theo chỉ, hiện đang có chút phần Hữu sắc, có thể giúp nhập Niết-bàn. Hiện trụ có chút phần Vô Sắc, làm sao cũng giúp cho nhập Niết-bàn được? Địa ngục trong hữu sắc, không thể nhập Niết-bàn, trong mỗi nghĩa đều phải có lỗi ý hỏi. Văn đầu tiên nói . Như thế cũng có vô tánh hữu tình không nhập Niết-bàn, ở đây lược bỏ chữ vô, giống như phải hỏi có, không nên nghe không, lại đầu tiên phát tâm nên nghe đều có, không nên nghe cái riêng không có, nên lược không hỏi. Lại nghĩa ấy là quyết định không thật có, cho nên không cần hỏi. Đáp có ba nghĩa, tùy phân biệt, sinh ở chỗ tám nạn, đợi khi được cứu giúp ra khỏi, căn tánh được thuần thục sẽ được giáo hóa. Như Tỳ Kheo Tiểu Xuyên, Tỳ kheo Cáp Man, vua Đảnh Sinh, v.v... noãn sinh thấp sinh cũng đều có thể giáo hóa, ở đây y theo Tổng để làm câu hỏi . Trong lời đáp do có các loài kia có thể giáo hóa, những ở đầu chỗ tám nạn quyết định làm lời đáp.

Vì sao nói các cõi Niết-bàn Vô Dư ở sau đều giúp nhập vào Niết-bàn Vô Dư nghĩa có hai: đầu tiên hỏi, kế là đáp. Trước hỏi nên biết, vì sao không nói chung được tất cả Niết-bàn, mà chỉ nói Vô Dư. Nhưng các giáo của nghĩa Niết-bàn khác nhau. Kinh Niết-bàn chép; đầy theo đủ bốn đức Đại Niết-bàn, Đại Niết-bàn đầy theo đủ bốn tính chắc tốt thường, lạc Ngã tịnh, trong Nhiếp Luận chỉ nói:1- Niết-bàn Vô Trụ Xứ: Lại nói Thanh văn Thừa nhập tiểu Niết-bàn nhân Đại thừa nhập Đại Niết-bàn. Trong Luận Mười địa nói có hai là đồng tướng, , tướng. Khác Kinh Thắng-man chép có hai: Hữu Dư, và Vô Dư. Kinh Kim Quang Minh nói có ba niết bàn Hữu Dư, niết bàn Vô Dư và, Niết-bàn Vô Trụ Xứ. Lại nói có bốn thứ niết-bàn niết bàn : Tự tánh tịnh, Phương tiện tịnh, niết bàn Hữu Dư, và Vô Dư.

Trong Duy Thức dịch vào đời Lương Nhiếp Luận bản cựu dịch chép có bốn thứ niết-bàn là niết bàn: Tự tánh tịnh niết bàn, Vô Trụ niết bàn, Hữu Dư và Vô Dư Niết-bàn. Lại nói có 3 việc đầy theo đủ, nhập đại niết bàn, đầy theo đủ ba việc, chẳng phải là ba Niết-bàn. Niết-bàn cũng chẳng phải là ba loại, thể thành một Niết-bàn, trong đây chỉ phân biệt sáu hạnh thế gian đã được phần Niết-bàn và Hữu Dư Niết-bàn kia,

không phân biệt tự tánh. Trong phân biệt có bốn thứ:

1/ Chỉ phân biệt với Niết-bàn phi trạch diệt kia.

2/ Chỉ phân biệt với Hữu Dư Niết-bàn trạch diệt thiểu phần.

3/ Tự do túc nghiệp đều phân biệt hai Niết-bàn ở trước.

4/ Niết-bàn Như vậy theo v.v... ở sau kết giải thích phân biệt không nhân của nói hai Niết-bàn. Trong phần đầu chỉ nói chung là được Niết-bàn, cùng với Phật đã nói phàm phu ngoại đạo đã được sáu hạnh phục hoặc của thế gian đã rõ phi trạch diệt nhiếp phần Niết-bàn kia, không lộn lạo trong lời nói khác, kia là quả Sĩ dụng trong năm quả. Nhờ năng lực Đại phu mà được, chẳng phải lìa hệ quả. Tuy nhân đã được, không có Phật cũng được, do chẳng rốt ráo, nên không thuận với ở đây. Phần Niết-bàn kia cũng gọi là Phương tiện Niết-bàn, vì là sở đắc của nhân phương tiện ở thế gian, Vô Dư không phải như vậy, ở phân biệt thứ hai không nói Niết-bàn Hữu Dư. Trước hỏi nên biết, kế đáp rằng. Kia vì cộng quả, Niết-bàn Hữu Dư y theo ở thế gian, có khổ để nương, thân không khổ, chỗ nương và thân đều được. Tuy quả giải thích thoát chẳng phải như Vô Dư, Ba bậc Thánh Thừa phải nương không có khổ, mới được quả bất cộng. Cho nên nói giúp nhập vào Vô Dư, thứ ba là đều phân biệt không nói trong hai Niết-bàn trước, tự vì túc nghiệp, lại gặp lời Phật, mà được quả, do hai nhân giải thích không nói lý do phương tiện Niết-bàn. Lại chẳng phải một bề, do một nhân duyên, giải thích mà không nói lý do Niết-bàn Hữu Dư, nghĩa là thế gian được phần Niết-bàn kia, chẳng những năng lực của quả trượng phu chẳng rốt ráo, mà cũng do nghiệp đời trước, thường huân tập làm nhân , mà được hiện nhập. Như khi kiếp hoại nhậm vận mà được. Lại như ở sau, có huân tập kế tiếp địa định, lui sụt xuống địa sau, đã sinh địa sau rồi, do năng lực của nghiệp tập, nhậm vận lần lần huân tập định cõi trên hiện tiền, đâu không có diệt vô dư cũng là túc nghiệp được. Niết-bàn Vô Dư kia phải do năng lực của ngoại duyên bên nghe pháp, gặp được Phật nói, không đồng với phần phương tiện Niết-bàn kia, không đợi Phật nói phương tiện mà được. Lại, Niết-bàn Vô Dư một khi được về sau, thì tròn đầy an vui, không còn chút khỗ, Niết-bàn Hữu Dư kia, hoặc nghiệp tuy hết, mà các khổ chưa dứt, chẳng phải hoàn toàn hướng về quả, vì thân khổ Hữu dư, nên chỉ nói Vô Dư, không nói vô dư hai món Niết-bàn. Ở đây có cả hai nghĩa Niết-bàn. Của ba thừa nếu y theo giai vị Phật, thì thân trì hữu lậu không gọi là Niết-bàn Vô Dư, thân trí vô lậu gọi hữu là dư diệt, lại không có nghĩa nầy, trên nay đã nói hay không nói và lý do của phần hữu dư kia. Phân biệt kỹ, do độ Ba thừa không nói giúp được Đại

Bát Niết-bàn và Vô Trụ Xứ, cho đến đồng biệt tướng tự tánh thanh tịnh, và Đại Bồ- tát. Trong luận do kinh chép phát đại tâm đã độ giúp cho Ba thừa chung giáo hóa, nên chỉ lựa hai. Nay họ giống như được chung Hữu Dư Ba Thừa, chung còn lại chẳng phải Niết-bàn. Luận cũng tự nói phi cứu cánh thứ tư kết thúc giải thích không nói lý do hai Niết-bàn. đầu tiên lặp lại hai Niết-bàn, kế là dùng riêng bốn nhân để kết, sau là tổng kết, cho nên nói Vô Dư.

1- Năng Lực quả của trượng phu.

2- Chẳng phải quả rốt ráo.

Tức của tập nghiệp quả, đời trước quả rốt ráo kia là nhờ gia nhân hạnh mà được, hai nhân này kết luận giải thích không nói Niết-bàn phương tiện hữu dư.

1- Cộng quả.

2- Nhất hướng quả.

Hai nhân này kết lại giải thích không nói Niết-bàn Phương tiện Hữu Dư. Tổng kết cho nên chỉ nói Vô Dư, không có lỗi nầy. Còn Vô Trụ Xứ và Đại Bát Niết-bàn kia, nhân Đại Thừa được, người Hai thừa định tánh đều không được, cũng không nói cho. Nhưng Bồ -tát Địa và Kinh Thiện Giới quyển thứ nhất, đầu tiên phát tâm nguyện Đại Bát Niết-bàn và đại Bồ-đề, hoàn toàn khác với đây, ở đây đồng với kinh Hoa Nghiêm, giai vị Sơ phát tâm trong được Vô Dư, đại khái có ba giải thích .

1- kia đồng với ở đây nói Niết-bàn Vô Dư của Đại thừa cao siêu, rõ ràng cũng được Bồ-đề.

2- Ở đây nương chủng tánh, chẳng phải đều được thành thật,cho nên được vô dư,đó là nói ý chung,nguyện thành thật cũng không trái nhau.

3- Ban đều giống như chưa giải thích nguyện kia đều được.Đây là y theo các thứ, không nói Bồ-đề, ở đây đều phát nguyện, nên lược khác nhau, cũng không được tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Kia đã thành lâu, không cần phải hỏi, nên chỉ chia hai.

Dứt thứ ba giải thích trong tâm thường chia làm ba.

- Đầu tiên giải thích kinh lặp lại đã độ sinh.
- Kế là nói về hạnh thường.
- Sau giải thích thành nghĩa thường.

Văn ở đầu nên biết, không có chúng sinh được Niết-bàn, dưới là giải thích hạnh thường.

Đầu tiên nhắc lại văn kinh, câu hỏi rất dễ hiểu, chỉ nói có chúng

sinh tưởng, đối với mắt sáng thấy cái khác, nên chỉ nói một, không nói tên khác.

Giải thích: Nếu Bồ-tát đối chúng sinh nghĩ là thân khác, không sanh tâm nhiếp độ họ, nghĩ là đồng với mình thì, không gọi là Bồ-tát, ở sau trong giải thích chứng đạo v.v.... Do các Bồ-tát chứng chân trí, sau được nhiếp các hữu tình đồng tự tánh ý, giúp sơ phát tâm nếu chưa chứng cũng y theo đây mà hiểu, do không có kia đây, không sinh mệt nhọc, nên có khả năng thường độ. Nếu thấy ngoài thân có riêng chúng sinh, không có ý đồng thể, chấp sinh mệt nhọc, thì không thể độ, lặp bày theo độ không thường, nên trong đó giải thích rỗ trong mười sáu quán không rốt ráo đều không nói rằng: Vì thường lợi ích hữu tình, do quán hữu tình rốt ráo đều không, nên thường được lợi ích. Ở đây cũng vậy, vì không thấy ngoài thân có chúng sinh.

Thứ tư là giải thích trong tâm không điên đảo có ba. Đầu tiên nhắc lại văn kinh để hỏi. Kế là chánh giải, sau hợp thành. Những điều trong kinh lặp lại ngài Lưu-chi nói vì v.v... sao trở xuống có chữ "Phi", ba bản còn lại và luận này đều không có. Do trên v.v... lại vì sao đều nương ở trước để phát khởi câu hỏi , mới khởi văn sau, sau đây là gạn vì sao? Có chữ "Phi". Vì sao là chẳng phải Bồ-tát, đối với Năng Đoạn , đầu tiên vì sao? Sau đó vì sao, bản này và ngài Lưu-chi nói có ba: Nghĩa là chúng sinh mạng nhân, bản của ngài La-thập có bốn thêm Ngã, nói Năng Đoạn có tám, chỉ nói ba. Nhưng nói chỗ giáo hóa khác nhau có ba đời ba cõi khác nhau thân ba cõi thân ba đời khác phần nhiều khác nhau.

Không nói tự ngã, nói có bốn, văn thuận trên dưới, tự tha, chung riêng nói chung, bốn thì nói có tám. Theo bản ở chùa Ngọc Hoa dịch vào niên hiệu Trinh Quán, trong bản Đỗ Hạnh khải nói có tám. Sau vào niên hiệu Hiển Khánh ở chùa Ngọc Hoa, dịch Đại Bát-nhã. Ngài Di-lặc có bốn Phạm bản, đều chỉ nói có bốn. Nhưng phần Nhiếp trong Thích huân du-già cũng giải thích thích kinh có tám y theo đây nên biết. bản kinh rằng có rộng và lược, trong bản rộng của Đỗ khải có nói văn Năng Đoạn là lược. Bản Vu Điền đồng với văn của ngài La Thập trong. Trong ấy là bản Thiên-trúc, đồng với bản của ngài chân Đề và ngài Lưu chi. Ở chùa Ngọc Hoa dịch lại, văn cũng giống nhau. Nay ở Phạm Kinh Đài chùa Từ Ân có đủ các bản, nhưng do trước đó ngài Đế-lặc làm Năng Đoạn , chưa cho sửa đổi để vào niên đại, e là rất sai lầm, về sau để ở chùa Ngọc Hoa dịch lại, cho nên các bản thêm bớt khác nhau, nhân học nên biết.

Trong chánh dịch, nếu dùng tâm phiền não lấy đó độ sinh, thì khởi ba tưởng, họ có thể hóa thành Bồ –tát, thật lại có hai môn tự tha tướng chuyển, mới khởi điên đảo. Thế nào gọi là Bồ -tát? Trong Thích Thánh nói Bồ -tát đối với họ không có lay theo chuyển, chứng chân Bồ -tát đối họ được giáo hóa không khởi tưởng thân khác với chúng sinh là.

Do hai nhân duyên, không khởi tưởng là thân khác chúng sinh, một phen đã dứt được ngã kiến, vì được vô ngã, không có phiền não, được các tướng tự hạnh bình đẳng, không có pháp chấp. Cho nên ở dưới luận chép được thô ác bình đẳng, cho nên có tin khả năng hiểu tự tha bình đẳng, khuyên phát tâm, cũng nên như vậy. Kết chung thành rằng: Bồ -tát kia chẳng phải chúng sinh mạng nhân chấp kiến, chẳng là không. Do các Bồ -tát không có chúng sinh để chấp lấy, không có tự tha năng sở hóa độ, là nghĩa của kinh, nên không điên đảo. Nếu có tâm năng chấp lấy như vậy, nở gọi là điên đảo, Năng Đoạn lại kết. Khéo hiện cho nên không có chút pháp gọi là phát thú Bồ -tát thừa, kết thành vô ngã, vì không có giáo hóa, năng hóa cũng không, bản khác không có những việc nầy. Lại bản của ngài La-thập, trong văn kinh chỉ có một văn, tức chẳng phải Bồ -tát thiếu kết hợp đầu tiên để làm văn. Nhưng luận của Thiên Thân chỉ dùng một bài tụng, phối hợp giải thíchkinh nầy. Bồ -tát Địa nói: Phát tâm đầu tiên có hai pháp kỳ lạ không giống với thế gian.

1- Nhiếp các chúng sinh, đều làm quyến thuộc, đây giải thích như vậy.

2- Nhiếp quyến thuộc lỗi không thể nhiễm, do không thêm tổn nhiễm trái thuận, đối với chúng sinh kia, phát sinh lợi ích, an lạc ý vui, bỏ ác làm lành, vì cứu khổ cho vui. Đây là đầu tiên phát sinh bốn ý.

Trong giải thích nhiếp trụ xứ dứt thứ hai chỉ đáp, trong ba lần hỏi chia làm hai. đầu tiên chỉ văn, sau giải thích lại, kế là phát nguyện, từ nhiếp rộng lớn văn thư nhất, thứ hai là muốn phát nguyện. Đáp câu hỏi đầu tiên , chánh cầu suy theo nghĩ, dùng tâm thường hằng làm đẳng chí. Đáp câu hỏi thứ hai, lược không có văn kinh, thật không có chúng sinh được diệt độ. Nếu theo Ngài La-thập, không trùng lặp đầu tiên thì chẳng phải văn Bồ Tát, lại không có đáp nầy, chánh khởi định vô phân biệt. Đáp câu hỏi thứ ba, văn có ba, kế giải thích nghĩa, sau thành trước, trong giải thích là Niết-bàn, cảnh giới, định vị quán các cảnh tướng, đều không có tự tha, đối với tán vị như ở trong định trụ quán cảnh giới, cũng không có tưởng khác. Sau lại thành trước tu hành nói: Cho nên

không có chúng sinh nào được Niết-bàn, nghĩa này được thành tựu.

Giải thích thích lại, muốn trong nguyện có ba. Nói về thắng, 2- hạnh. Nói về không nói. Ý nói văn đầu tiên, là muốn nói lợi hành, trước muốn mong nguyện đầy theo đủ, kế là tu chánh hạnh. Tu chánh hạnh, phải đối với định tán lặp ra tất cả thời, hày theo phục dứt trừ chấp chướng, chấp chướng không dứt thì, hạnh không thể tu, muốn nguyện không đủ, cho nên muốn dùng nguyện, nhiếp các trụ xứ, để làm tối thắng. Đầu tiên của thắng là tiến đến làm lành dứt ác, trong hiển hạnh nhưng hạnh vô tướng, vô phân biệt, định diệt các chấp tướng, hành các trụ xứ, tương ưng với định, những đã hạnh không thể tu thì nguyện thì chắc chắn thành tựa đầy theo đủ, trụ hữu phân biệt, không dứt chấp chướng, nghĩa là buông lung rồi tự cứu giúp sinh, từ đó về sau phát sinh ra nguyện ưa muốn rộng lớn, không đâu chẳng đầy theo đủ, văn nói rõ không nói nghĩa cao quý ý nguyện mong muốn, văn kia nên biết. Nếu theo ngài Thiên Thân, trên nay hợp lại chỉ đáp câu hỏi câu đầu làm sao trụ, hỏi ngài Vô Trước và Thiên Thân cùng nương theo Đức Từ Thị. Trong xưng là Côn quý, ngoài gọi là thầy theo trò, văn kinh dịch đủ, đều là nhân khuôn phép cho.

Vì sao do nhân em chế ra hai vòng, đáp riêng câu hỏi trước, nhân anh chia làm ba dứt , đáp chung lời gạn ở trước, thành ra nương các địa mà tiệm tu, hoặc giải thích nghi mà khởi bày theo huyền tông, lại khác với đại khái vì nói nghĩa cạn nên văn thiếu, không thể nào nói mâu thuẫn để làm nghĩa của Sư, văn thầy theo không thể nói mà nói đã có mâu thuẫn, bậc tiền triết hoa mộng như thế nào, thì bậc hậu hiền nguyện giúp kim chỉ nam, do tuấn mã chưa ngộ, nên làm cho biết mà trở về, để tuấn mã được ngộ. Đáp vì bàn bạc lâu Ngày nên các bậc hiền đạo đồng, nhập thất nhiều năm, tín thành vang dội, trong đây có ba lần hỏi, lần hỏi thứ nhất nhân em chế hai lần, là việc say theo mê tông của bậc tiên đức, nhân anh chia ra ba dứt , chính là ngộ ý chỉ của Ngày nay tu. Ngài Vô Trước bẩm thọ bài kệ của ngài Di-lặc, ngài Thiên Thân nhận ý chỉ của Hiền huynh. Tại sao được nhân anh nói một lần, nhân em chia làm hai lần. Ngài Thiên Thân cũng một vòng mà nói giải, tự giải thích rằng: cũng có giải thích thích riêng, đã giải thích như trước, lại câu hỏi thứ hai nhân em đáp riêng câu hỏi trước, nhân anh đáp chung lời gạn trước, nhân em tùy văn tăng để soạn ra câu đáp, nhân anh theo nghĩa đủ mà đáp câu hỏi . Lại nhân anh y theo nhân lợi căn để giải thích văn, nhân em tùy phẩm độn mà giải thích nghĩa. Lại, nhân em tùy nhân mới học mà chỉ bày theo tông, nhân tùy tu lâu trình bày theo ý chỉ. Do

đây khác nhau, không trái nhau. Lại câu hỏi thứ ba, nhân anh theo các địa mà tiệm tu, lại người giải thích nghi mà hiển khởi, nhân nghe chỉ tùy tin mà quyết định, tức nói pháp môn tiến đến làm lành dứt ác, nhân nghe sinh nghi, liền theo tâm nhân để trình bày theo diệu đạo. Nhân anh tùy nghĩa trước, y theo các địa tu hành, nhân em theo các nói sau, giải thích nghi khởi bày. Lại nhân anh chỉ nương tông để giải thích nghi, nhân em bèn y theo các nói để nói về văn mới.

1/ Cách này y theo đồng hay không đồng, lý thật chẳng phải mâu thuẫn nhau, về đại thể thì đồng về chi tiết thì khác, nên giải thích hai văn, như ở dưới nói về nói.

Trong đây phát tâm có hai câu hỏi đáp.

1- Hỏi hoặc có chủng tánh mà phát đại tâm, hoặc không có chủng tánh cũng phát đại tâm, đã phát tâm đầy theo đủ vì sao chủng biết sẽ được quả Phật.

2- Chủng tánh có khác, đáp Bồ-tát địa nói: Nếu có sáu Độ chủng tánh tướng, hễ phát tâm thì được quả Phật, nếu không như vậy theo thì không được, nghĩa là có lặp bày theo chủng, tánh ưa thích đều rộng khắp, đại tuệ thí xả, không có tài của hổ thẹn, khen ngợi khuyến khích tùy hỷ, thọ pháp đặc biệt không khác nhau, nhân trách không ngăn được, không cô phu tài vật. Tuy cầu tài vị, mà ý ưa thích rộng lớn, mau được rồi nhàm chán, cứu giúp sợ sệt, thích nói việc vô tội. Có giới chủng tánh bố thí, tánh thành phẩm xấu bất thiện cho ba nghiệp, mà không cực bạo ác, không làm tổn não người, khởi ác mau sám hối, thường thực hành tứ ái, thường cung kính không kiêu mạn, việc làm hợp thời, khéo thuận tâm người. Trước nói thích nhìn xem, biết ân ngay theo thẳng, như lý mong cầu, thích tu Phước nghiệp, thấy khổ thương xót, còn hơn đối với bản thân, tội nhỏ rất sợ, như pháp đồng sự, chẳng phải pháp khác nhau, bỏ mình thành người, có đức từ ái, bao gồm tự tha. Có nhẫn chủng thì bị nhân làm hại, không có tâm báo thù lại, khuyên ngăn mau nhận lỗi, không bao lâu tâm oán gặp khổ mà nhẫn được, có ấn tượng lời nói khéo. Có tinh tấn chủng, tánh tự tinh tấn siêng năng, thức khuya dậy theo sớm, làm những việc tinh tấn, mạnh mẽ phương tiện rốt ráo, làm việc khéo léo vững chắc, đối với chân lý tâm không yếu hèn, đối với việc cầu quả cao quý, không tự xem thường, việc khó không sợ, việc lớn không mỏi mệt. Có tịnh lự chủng, tánh suy theo nghĩ nghĩa pháp, thường ưa vắng lặng, kính mến ra khỏi , coi nhẹ ràng buộc, không bị việc ác khuấy nhiễu, thấy chúng sinh khổ thương xót, tùy khả năng mà cứu vớt, ưa bố thí lợi lạc, ghi nhớ pháp không quên.

Có tuệ chủng, thành tuệ câu sinh, hay đi vào nơi sáng, tánh không ngu độn mê mờ, ở chỗ buông lung, mới suy theo nghĩ lựa chọn. Nếu trước có sáu Độ này tu tập, phát tâm Bồ-đề, sẽ được quả Phật.

Vô chủng tánh, không phải bản trí, tuy là phát tâm, nhưng sẽ không được thành Phật.

2/ Hỏi: Nếu có chủng tánh trước đã thành, vì sao không mau thành Phật.

Đáp: Vì bốn nhân duyên, nên không được thành Phật.

1- Không gặp được ban hành nói đạo Bồ-đề cho nghe.

2- Tuy gặp mà nói chấp điên đảo. Học điên đảo

3- Tuy không có các điên đảo nầy, nhưng phương tiện chậm chạp, biếng nhác, không siêng năng tinh tấn, tuy siêng năng tinh tân nhưng gốc lành chưa thuần thục, tư lương chưa đủ, cũng chưa có thời gian lâu dài tu Bồ-đề phần, không được phương tiện nầy. Đây là mới phát tâm có năm đức tướng.

1- Đầu tiên phát tâm có được chánh nguyện, nhiếp khắp tất cả, còn chánh nguyện khác, cho nên phát tâm bằng cách nguyện đầu tiên để làm tự tánh.

2- Là khởi lời nguyện, nguyện ta quyết định, sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-đề, có thể làm tất cả nghĩa lợi cho loài hữu tình, rốt ráo ở yên trong Niết-bàn rốt ráo cho đến trong trí rộng lớn của Đức Như lai, cho nên phát tâm quyết định mong cầu hành tướng kia.

3- Dùng Đại Bồ-đề làm cảnh giới cho loài hữu tình, cho nên có sở duyên.

4- Sơ phát tâm này nhiếp các hạnh mầu, có thể trái với tất cả hành vị ác của hữu tình, nên tương ưng với tất cả công đức.

5- Đây là sơ chánh nguyện đối với các nguyện thế gian và xuất thế gian, tối thượng bậc nhất. Sơ phát tâm này gọi là Thú nhập Vô Thượng Bồ-đề, vào kiếp đã dự vào trong các số Bồ-tát Đại thừa, có thể làm căn bản cho Vô Thượng Bồ-đề, vì đồng với đại bi, chia ra làm chỗ nương cho tất cả nhân học. Từ đây về sau, hoặc có lui sụt, hoặc không lui sụt, có lui sụt rồi trở lại tu, đây là mới phát tâm do bốn thứ duyên:

1- Thấy nghe Chư Phật v.v... có năng lực thần thông rộng lớn.

2- Nghe giảng nói tạng giáo Bồ-tát.

3- Thấy Phật pháp sắp diệt, nhớ nghĩ lời pháp tồn tại lâu đời dứt trừ các khổ, ta phải phát tâm, sẽ làm việc lợi ích.

4- Bốn thời kiếp mạt, thấy chúng sinh ác có mười phiền não thường bị ngu si v.v... khuấy rối, nhớ nghĩ lời nói phát tâm Hai Thừa, còn khó

có thể được, huống chỉ là đại Bồ-đề, ta sẽ phát tâm giúp họ học theo ta. Lại có bốn nhân :

1- Đầy theo đủ chủng tánh.

2- Được ban lành nhiếp thọ.

3- Có tâm thương xót đối với chúng sinh.

4- Khổ hạnh không khiếp sợ.

Trong bộ Nhiếp Đại thừa nói: Năng lực thanh tịnh tăng thêm, tâm thắng tấn vững chắc, gọi là Bồ-tát sơ tu vô số ba đại kiếp. Tâm đại Bồ-đề dùng gốc lành mà làm tự thể, gọi là năng lực thanh tịnh, vì hàng phục dứt trừ chướng các, lấy ban lành làm duyên, gọi là năng lực tăng thượng. Do không lui sụt làm sách phát, gọi là năng lực vững chắc. Tuy gặp bạn ác, phương tiện bị ngăn trở, mà không hề xả bỏ tâm đại Bồ-đề, chỗ tu thiện pháp hành vận hành tăng trưởng, thắng tấn như nầy, đều gọi là tối sơ phát ý. Sau khi phát ý lại tân huân hạt giống Văn Tư, làm xong tư chất hạt giống vô lậu, hợp lại hai tên thành Tập Sở Thánh Chủng, ở trong biển sinh tử, hẹn thời gian để ra khỏi, không bao lâu chắc chắn sẽ mau chứng đến bờ kia, nên pháp tu hành gọi là Ba La Mật Đa. Đã gặp gần gũi có bốn món tương ưng, phải rõ biết thân cận thọ học.

1- Trí tuệ thông minh, không theo ác kiến.

2- Không dạy theo họ buông lung không truyền giới cụ túc cho họ.

3- Không xúi giục họ làm việc ác, hạnh không trao cho họ các pháp nhân duyên.

4- Không khuyên họ bỏ những pháp cao quý đã tu trước, dạy theo tu các pháp thấp kém, cho đến không hề duyên bỏ Đại thừa, giúp họ tu Hai Thừa , đây là tướng bạn ác, phải nên xa lìa, phải phân biệt rộng phát tâm trụ nhiều ít công đức nhân duyên khác nhau v.v..., đều như trong quyển Địa thứ năm mươi bảy theo kinh Hoa Nghiêm và kinh Thiện Giới, thứ nhất Bồ-tát địa có giải thích rộng.

Giải thích thích Tín Hành Địa, đại văn chia làm ba.

- Nhiếp trụ xứ là giai vị Thập Trụ đã xong.

- Hai trụ xứ là giai vị Thập hạnh, Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ là sáu hạnh đầu tiên .

- Dục Trụ Xứ là bốn hạnh sau. Trong Ba-la-mật đầu tiên nói về bố thí là năm hạnh đầu, không trụ tướng tưởng là sáu hạnh, Dục Trụ Xứ là bốn hạnh, muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy, muốn được thân nói năng là hạnh thứ tám, muốn trí tướng thân là hạnh thứ chín, muốn Pháp thân phước tướng là hạnh thứ mười, hoặc chia làm bốn.

Trên đây là giải thích nhiếp trụ xứ đã xong, dưới đây thứ hai là Ba-la-mật đa Tịnh Trụ xứ, văn chia làm hai:

- Đầu tiên nêu năm nghĩa giải thích chung trụ xứ ở sau.
- Sau mới giải thích thực hành hoặc Tín Hành Địa, đại văn chia làm hai.

Trên đây đã giải thích nhiếp trụ xứ đã xong, dưới đây mới giải thích ba trụ xứ còn lại, văn chia làm hai.

- Đầu tiên nêu năm môn trong các trụ xứ.
- Sau riêng giải thích ba trụ xứ, văn đầu tiên chia làm ba.

1. Nêu năm tướng theo văn, tương ưng với xứ của năm nghĩa kia, tức phối hợp để giải thích .
2. Nêu ra năm tên gọi.
3. Giải thích nghĩa ấy, hỏi vì sao ở trên nói trong nhiếp trụ xứ, không năm xứ này phối hợp mỗi xứ trong với văn

Hỏi : Đạo lý đều có: Nghĩa là nên sinh tâm y theo nghĩa như vậy, nói lên đối trị tâm không lui sụt, ta đều giúp họ nhập Niết-bàn Vô Dư, đây là nói tướng. Tức ở đây giúp họ nhập vào Niết-bàn Vô Dư, là nhiếp trì, tâm nhiếp trì, tức nguyện mong muốn. Mà thật ra không có chúng sinh được diệt độ, đây là an lặp đệ nhất nghĩa. Nếu có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, thì không gọi` Bồ-tát là hiển bày theo, đây là tương ưng Tam-muội và nhiếp tán tâm. Nhưng do trước hỏi có ba:

Đáp: Văn đều có đủ ba nghĩa. Đầu tiên lại giải thích phối hợp với ba lời đáp, không dùng năm thứ phối hợp với văn, chẳng phải trong văn trước không có năm nghĩa này ở đây căn cứ tăng thêm nói , như ngài Thiên Thân giải thích . Văn đầu tiên đáp câu hỏi đầu , lặp bày theo văn đáp câu hỏi thứ hai, chẳng phải không có nghĩa khác tuy tăng thêm làm lời đáp, cũng không trái nhau. Lại nói lên văn trong câu hỏi , rõ đủ năm nghĩa, nói về văn trước, lý cũng đủ năm, nên lược bớt không nói.

Y theo nghĩa đối trị là chỗ dứt chương trụ xứ. An lặp là chỗ chứng lý. đầu tiên hỏi về nguyện, mong muốn nhiếp trí. Hai là câu hỏi sau, tương ưng với Tam-muội và nhiếp tán tâm, đây là nói lên , tức các hạnh được hỏi, đều là nói tướng. Ba là hỏi là chỉ hỏi để đối trị hạnh, lược không có chỗ đối trị chương cho đến chỗ chứng lý và nói chung, vì nói về câu hỏi, vì rõ được lý khó, bèn đổi câu hỏi . Lời đáp nói đều rõ đủ. Vì muốn giúp cho họ hiểu, dứt tu chứng có ba, đều đủ lời đáp, các pháp đối trị nói rằng: Chân như Thánh Đạo, phiền não vô sinh, nay nói ba nhân cũng sẽ được Thánh Đạo, tùy mà trụ cho nên nói. Trong phần

giải thích nghĩa thì giải thích kinh này đã rõ, trong các trụ xứ ở đây đối trị làm nghĩa nương, y theo nghĩa đó đối trị, mới nói hạnh năng trị, hạnh năng trị tức các nguyện mong muốn. Cho nên sở trị: gọi là y theo nghĩa, các nghĩa đều nói về hạnh trụ xứ, vì đã nói tướng. Đã nói tướng tức các nguyện mong muốn tán tâm ba món hạnh. Thường muốn tu hạnh, thì đầu tiên phát sinh nguyện mong muốn, vì năng nhiếp giữ, đã nhiếp giữ các hạnh thì trí nhiếp tán tâm mới được thành tựu đầy theo đủ.

Trong trụ xứ, Đệ Nhất Nghĩa đế là chỗ an lặp, trong chứng thật tế gọi là phi an lặp, nay dùng lời nói lặp bàychân như thắng nghĩa đế lý, nên gọi là an lặp, pháp sở đối trị, năng đối trị ở trước không có phân biệt và quyết định, gọi là hiển bày theo . Chính là trong kinh đầu tiên tâm nguyện mong muốn đã nói lên, tông thú không có sự phân biệt, gọi là hiển bày theo , khi nhiếp phục tán tâm cũng là nhiếp phục ở đây, vì trong văn lược, y theo định thể ở sau. Trước nói tâm nguyện mong muốn gọi là năng nhiếp trí, khi không tâm phân biệt là nhiếp phục tán tâm, đây đã nhiếp trì. Ở đây nói, v.v.. trí nhiếp tán tâm hai vị, gọi là sở hiện hiện, rõ ràng nguyện mong muốn ở trước, đây là năng hiển bày theo , trước sau gọi là khác, nói về sự cao quý, khi hạnh kia thực hành, không nhất định phân biệt, gọi là tương ưng, chướng mà định đối trị tương ưng, đây là tu hành định sở tương ưng, cũng Dịch là Vô Phân biệt tương ưng trí, cũng là định chân cảnh tương ưng, gọi là Tương ưng, trong năm bộ luận Du-già, thuộc về bốn hoặc năm, nhân năng tu hành gọi là Du kỳ.

Giải thích thích văn kinh Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ.

Trong thực hành chia làm hai, đầu tiên giải thích năm nghĩa, để đáp ba câu hỏi , ở sau vì sao Bồ-tát không trụ tướng v.v...trở xuống là giải thích nghi sự ngờ nầy. Y theo bộ luận của ngài Thiên Thân, đầu tiên nói thực hành để đáp câu hỏi thứ hai, không trụ tướng trở xuống đáp câu hỏi thứ ba. Đáp thứ ba trong câu hỏi lại có hai. đầu tiên chính là đáp câu hỏi , vì sao v.v... trở xuống mới giải thích mối nghi nầy, tùy văn tướng kia thêm hiểu, để giải thích lời đáp, đây là tùy nghĩa đầy theo đủ, để rõ lời đáp, cũng không trái nhau, đều y theo một nghĩa. đầu tiên giải thích năm nghĩa đáp trong ba câu hỏi , y theo nghĩa có đủ năm, luận tự phối hợp với văn, hỏi đáp chia làm hai, ba phần đầu tiên không trụ lặp ra lời đáp, câu hỏi đầu tiên y theo nguyện mong muốn, sau không trụ tướng, đáp hai câu hỏi sau, đáp trong câu hỏi đầu, nghĩa đủ bốn loại, ba không trụ là y theo nghĩa, ba hành là nói tướng, tức hành thì đây là nhiếp trí, tức không trụ ở đây, là an lặp, phải tìm xét văn tự

phải giải thích ngộ, y theo nghĩa văn nên biết, ba cái không trụ đều y theo nghĩa, đều dứt trừ chấp đắm.

Trong phần giải thích tướng chia làm ba. đầu tiên phối hợp chung văn kinh nói về tướng. Kế là giải thích chỉ nói lý do thực hành, ở sau các pháp Ba-la-mật giải thích không trụ thực hành khác nhau, phối hợp với nói tướng. Trong ba cái không trụ, sở thực hành , đều là chỗ nói tướng phát tâm về sau tu các hạnh, cho nên dùng hạnh thí làm phát tâm, ở sau sẽ nói về tướng đó.

Kế là giải thích chỉ nói lý do thực hành , trong đó có hai: đầu tiên nêu chung giải thích , sau nói về giải thích riêng, nghĩa là có lời nói khó. Trong kinh Bồ Tát Diệu Nghiệp trình bày theo tám mươi bốn ngàn, vì sao trong đây chỉ nói bố thí, nên ở đây nêu cả sáu pháp Ba-la-mật, nhiếp trong tất cả Đàn-na hành tự tánh, trong văn này ngược lại, nên nói tất cả Đàn-sa hành tự tánh nhiếp sáu pháp Ba-la-mật, trong kinh này chỉ nói độ bố thí, còn tất cả đều đủ. Hỏi ở đây nếu như vậy, cho đến Bát-nhã, cũng nhiếp hạnh sáu Độ, vì sao, không chỉ nói một tuệ nhiếp tất cả?

Đáp lặp bày theo là đầu tiên để tu hành, thô mà thay đổi tập khí, thể lại rộng mà bao gồm, cho nên chỉ nói ở đây, cũng hiển mà gồm chung, nêu chung tên kinh, y theo cao siêu làm mục đích.

Đáp: Tu hành nêu nghiệp đầu tiên mà đặt tên, nhưng ý của quán văn, trăm ngàn các hạnh chỉ nói lặp bày, do lặp bày theo thu nhiếp tất cả hạnh. Trước nhiếp trụ xứ là giai vị Thập Trụ, Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ này là giai vị Thập Hạnh, là nói hoan hỷ hạnh, v.v... đều theo thứ lớp tu một pháp, lược nêu cho nên chỉ nói lặp bày theo , nhiếp ở sáu Độ, nên không nói, vì thực hành nhiếp tất cả hạnh. Lại hạnh Bồ-tát có bốn:

1. Bồ-đề phần.
2. Ba-la-mật.
3. Các thần thông.
4. Thánh tựu hữu tình.

Nay nêu hạnh đầu tiên , để nói về nhiếp các hạnh, cũng không sai trái, ở sau phối hợp với văn, giải thích riêng có hai:

đầu tiên nêu lặp bày theo có ba, sau tùy giải thích riêng. Trong đây có ba thứ, trong tu luận của ngài Thiên Thân đều giải thích riêng. Trong bộ Huyền Ký cũng hội lại có đồng và khác, nên tìm xem, trong pháp thí có ba:

- Đầu tiên riêng nêu.
- Hiển bày theo tướng.

- Kết thành.

Các pháp Ba-la-mật có hai thứ quả, ở sau giải thích , trong văn kinh có ba thứ không trụ thí, có ba thứ khác nhau:

- Nêu riêng.
- Tùy giải thích .
- Phối hợp với kinh.

Tùy trong giải thích khác nhau, lặp bày theo được Phước báo rộng lớn, là tăng thêm quả báo tài vật giàu sang, hoặc tự thân được thánh Phạm, thân sinh tôn quý của quả báo dị thục, hạnh nhân rất vững chắc với đai quyến thuộc tinh tấn, đắc quả không dứt, đắc định được thân không hoại và quả tăng thượng, được tuệ căn lanh lợi, đây là quả đẳng lưu. Phần thường ưa thích có hai:

1. Quả vô vi xa lìa ràng buộc.
2. Trong chúng được tự quả dụng tự tại.

- Hiện tại quả có hai:

1- Được tín ngưỡng cúng dường, là ba quả Tăng Thượng Đẳng lưu và Sĩ dụng, xưa bố thí cho người, nay được nhân bố thí, là giai vị quả Đẳng lưu.

2- Được pháp Niết-bàn, là sáu hạnh thế gian đã được Phi Trạch Diệt, giống như vô vi, gọi là Hiện Pháp Niết-bàn, Pháp là đạo lý, hiện đời diệt được thô nặng, nên được lý Phi Trạch Diệt, là quả Sĩ Dụng. Trước nói được năng lực đại phu. Lại Hiện pháp Niết-bàn có năm:

Hiện được năm món dục lạc, còn bốn thứ riêng được cõi sắc bốn thứ tĩnh lự hiện ở trước, cùng với khinh an đều trữ ít thô năng, cũng gọi là Hiển Pháp Niết-bàn, gọi chung là quả hiện tại, tùy các pháp sở đắc, ấy mà phối hợp với nhẹ trong ba món không trụ thì văn có ba:

- Lặp bày theo quả vị lai là một.
- Còn năm độ quả vị lai là một.
- Quả hiện tại là một.

Nhưng năm trần như sắc v.v... khác với pháp trần, nêu chia thành hai: Tín kính cúng dường v.v... vì nhiếp năm trần. Năm món hiện Niết-bàn, vì nhiếp pháp trần. Trong phần nhiếp trì, kinh chép nên thực hành bố thí, tức trên nói ba món nên thực hành bố thí, trong giải thích an lạc, không trụ thí, cũng là từ trước đến đây ba món không trụ thí, văn chia làm hai.

- Thuộc về văn kinh.
- Giải thích đầu tiên nghĩa tướng thứ nhất, do không trụ, không trụ chấp là nghĩa bậc nhất. Như tất cả việc nghĩa là ở trước nói việc bố thí

không trụ là Đệ nhất nghĩa, như có sự. Nghĩa là trước nói một đối với sự lặp bày theo không trụ có hai. Không có chỗ trụ thì có ba đối với sáu trần thí không trụ, ba món như đây đã có trong sự, đều không trụ thí, gọi là đệ nhất nghĩa, cho nên trong luận kết thúc rằng: Đã không trụ các vật, là chỗ có các vật để nói, nói về nêu việc đầu, thì các thủ không có chỗ trụ, đối với sáu trần bố thí, hợp với ba món nầy, gọi là tất cả việc, trong ba việc này không an trụ, gọi là Đệ nhất Nghĩa đế. Trên đây thực hành bố thí, giải thích bốn nghĩa đầu tiên , sau giải thích đẳng trí Địa thứ năm và nhiếp tán tâm, lời văn rất dễ hiểu. Tướng là cảnh, tưởng là tâm. Luận của ngài Thiên Thân nói: Thí là thọ là các vật, tùy hợp với tướng của sáu độ ba việc, chấp ba tướng nầy, gọi là tương ưng, tức là tướng đảo, là có bảy theo đảo, tức thường lạc ngã tịnh, tâm tưởng, kiến đảo, nay nói tưởng đảo, các chấp nhiếp tâm, quán ba việc không, khởi ba luận thanh tịnh, nên gọi là Bất trụ.

Trong kinh Năng Đoạn chép: Nếu không trụ tướng tưởng, trên đây nguyện mong muốn còn không trụ chấp, cho đến thuộc về đẳng trì, tán tâm cũng vậy, nên như đầu tiên không trụ thí, cho nên có như đồng, hoặc nương chân lý, vì tánh không trụ chấp, nên thí tưởng như lý không trụ, theo lời giải thích của ngài Thiên Thân. Nếu hàng phục tâm mà dứt chướng, như chỗ tu hành không trụ tướng tưởng, tâm chướng tự dứt, đây là tùy nghĩa đều đáp đủ ba câu hỏi . Luận chủ Thiên Thân y theo theo hạnh đầu tiên lần theo thứ lớp mà tu thêm văn tưởng để rõ, đáp riêng ba câu hỏi , như trên đây đã nói. Trong luận của ngài Thiên Thân giải thích ba món không trụ thí, khác với ở đây, nói tự thân và báo ân, quả báo đây không có chấp tự thân quả báo, đây là quả báo vị lai, ân là quả hiện tại, tuy đại thể giống nhau, nhưng sự trông mong có khác nhau, nghĩa đưa ra trăm nẻo, cũng không trái nhau, vì y theo nghĩa nầy. Trong kinh do chân Đế dịch chép; Không chấp các thứ mà thực hành bố thí, không chấp các chỗ, mà thực hành bố thí. Ở trước đã giải thích năm nghĩa để đáp ba câu hỏi , giải thích năm hạnh tiên đã xong, sau giải thích vì sao như Bồ-tát không trụ tướng bố thí v.v...trở xuống là giải thích nghi khó.

Đầu tiên nói về hạnh thứ sáu, văn chia làm hai, đầu tiên gạn, sau giải thích . Luận do ngài Thiên Thân chép: Trong đây có nghi, nếu lìa các tưởng bố thí, làm sao thành tựu Phước bố thí? Nghĩa là có nhân nghi rằng: ba việc chẳng phải không, thí có thể có Phước , đã không có ba việc, Phước thí lẽ ra không, nên luận này chép: Hoặc có Bồ-tát, vì nghèo Phước đức đối với đây không kham, vì tham Phước đức ,

nên thực hành nơi bố thí, nghe ba việc không nầy, không thể chịu khó thực hành bố thí, nên kế đó gạn rằng vì sao, sau giải thích văn kinh chia làm ba trong luận chia làm hai, đầu tiên giải thích pháp, sau giải thích dụ, không giải thích trong pháp nói , mà giải thích trong dụ, đầu người không trụ tướng bố thí, như đầy theo khắp hư không, vì quả tướng vô tướng đều được y theo , chấp tướng mà thí không phải như vậy, không được vô tưởng, nên không đầy theo khắp. Kế là do nhìn rộng phóng khoáng, không trụ tướng bố thí, sau khi đắc quả, hình trên dưới cao thấp, vì pháp vô lậu vượt hơn ba cõi, hình tướng rộng khắp, vì đủ cả mười phương, chấp tướng bố thí thì không như vậy, sau khi đắc quả, chỉ ở trong ba cõi, vì chẳng phải mười phương, hoặc vì chứa đựng, gọi là mênh mông, sau do vô tận, thuận với lý vô tướng, rộng chuyên chở chúng sinh. Vì không cùng tận, trụ tướng không phải như vậy, không thuận theo chân lý, chẳng lợi ích cùng khắp, kinh kết trong văn nói, chân lý không chỉ đồng với văn, đồng bản Trung Phạm thiên, bản khác đều có. Luận này nhắc lại những chỗ kinh không giải thích, cho nên biết cũng không kết văn đó, không có trụ tướng thí, Phước đức đều nhiều, các bản đầu có.

Kế là giải thích thứ ba muốn trụ xứ, ở giải thích theo đây tám trụ xứ giải thích theo mười tám pháp trong đây có hai. đầu tiên muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy.

- Sau muốn được Pháp thân là ba hạnh sau, văn kinh đầu tiên có ba:
- Đầu tiên hỏi.
- Kế là đáp.
- Sau là thành.

Trong câu hỏi có hai: y theo nghĩa nói tướng trong thành có ba, nhiếp trí hiển bày theo ba món trong lời đáp hoàn toàn không có, chẳng khác với văn nghĩa tướng trước sau, vì chấp Phật nói. Muốn được sắc thân trụ xứ, đầu tiên học Bồ-tát có nhiều tướng tu, thoạt nghe ba vầng vô tướng tịnh thí, lại sinh nghi ngờ. Lại như Đức Thích-ca, thân đã có tướng sinh trụ dị diệt như vậy, nên biết có nhân tướng thí, lại thành quả hữu tướng. Luận của Ngài Thiên Thân chép:vì sao sinh nghi, nếu không trụ trong pháp, hạnh ở chỗ bố thí, làm sao vì Phật Bồ-đề thực hành bố thí, do thân Thích-ca sinh diệt, làm Bồ-đề để thân nương thực hành hữu tướng bố thí. Nếu thực hành vô tướng không người không pháp, lẽ ra được quả không trụ tướng kia. Vì sao được quả sinh diệt kia. Nay trong Luận này không có nghi mà chỉ nói hạnh, vì đầu tiên

tu học, chưa ngộ vô tướng, thực hành nhân hữu tướng, mong cầu quả vị Phật, thân Đức Thích Ca có sư sinh diệt, đây là thân tướng tốt của sắc thân. Vì thân tướng đây là chỗ Phật Bồ-đề cao quý nương tựa nên trong luận chép muốn được sắc thân, luận ấy giải thích lý do, do ở trước nói nhân vô tướng thí, do sinh nghi ngờ, vì kia phá nghi đây, các kinh ở sau là bác bỏ nghi kia, ý nói của luận nầy, do hạnh đầu tiên có tướng thí muốn được thân hữu tướng của Đức Thích-ca, tức để hóa thân tướng, là chân thật thân thể, được chút công đức, nghĩa là chân thân có nhiều thể công đức cho nên nói. Vì muốn đối trị kiêu mạn sắc thân đối trị sắc thân, được thân hữu tướng có chút công đức, là được nhiều thân công đức chân thật, là tăng thượng mạn, vì phá mạn này nên có kinh ở dưới, phải hợp hai luận. Nay văn trước của hai thừa, do sinh ra mê lầm gọi là nghi, mong làm ngụy theo tướng, cho là chân xưng kêu mạn, vì dứt bỏ hai hoặc nghi và mạn, nên nói ở kinh sau. Đầu tiên tu hành, tánh định, bất định.Đại thừa dị sinh nghi ngờ, là phiền não chướng, cũng là thô sở tri thô. đầu tiên tu hành là bậc Thánh phát tâm, lại có ở cả hai chướng, hữu học có cả phiền não, vô học chỉ có pháp chấp. Như ngài Xá-lợi-Phất nghe kinh Pháp Hoa, mới dứt nghi hối, xã bỏ các ưu não, ở đây cũng vậy, tức do trên đây đã nói nghĩa, các nhân không ngộ, là luận của ngài Thiên Thân, trái với nói của ngài Vô Trước, nên quán xét kỹ, đây là hội ý đồng, thật không trái nhau, nên ngài Thiên Thân nói: Từ đấy về sau tất cả Tu-Đa-la chỉ bày theo độn căn, sinh tâm nghi, nên biết Luận ấy y theo nhân trước nói đầu tiên học nghi khởi, phát sinh ở văn kinh sau, để phá nghi kia. Luận nầy y theo sơ học trông mong ở sau chẳng phải công đức chân thật, mà tu các hạnh, vì để phá kiêu mạn kia, phát sinh ở sau văn kinh, không trái nhau. Hơn nữa Luận kia y theo nơi sơ học lợi căn sinh ra nhiều nghi ngờ, nên nói ở kinh sau. Luận nầy y theo sơ học độn căn phát sinh ra nhiều ngã mạn, nên nói ở kinh sau. Hơn nữa trong luận kia, y theo văn tướng tăng thêm ba văn trước sau để đáp ba câu hỏi, cho nên làm đạo lý riêng, để phát sinh ở kinh sau, nói phá nghi khởi. Nay trong luận đây y theo nghĩa đây đủ, trong mỗi văn đều đáp ba câu hỏi, cho nên chẳng phải đạo lý lạ, để phát sinh ở kinh sau, nói là trừ mạn, thật không trái nhau, lại y theo đạo lý phá bất định phiền não sơ học nghi ngờ, do phát sinh ở kinh sau, đây là y theo sơ học, dứt quyết định phiền não tăng thượng mạn, để sinh ra sau kinh. Bốn nghĩa trên đây lại y theo nghĩa đồng, để hội hai luận, y theo nghĩa khác. Lại có bốn nghĩa, luận này vì y theo nơi ưa thích nghe rộng, nên nói ba địa từ phàm đến Phật, đều nói đủ, trong mỗi văn đều đáp đủ, phát sinh

ra văn ngã mạn. Luận ấy thích nghe sơ lược, đáp riêng ba câu hỏi sau đều dứt nghi. Lại luận nầy y theo nhân lợi căn vừa nghe liền ngộ, nên nói ba địa, một vòng nói kinh, trong mỗi văn đều đáp đủ, phát sinh văn ngã mạn, thứ lớp khác nhau, luận ấy y theo nhân độn căn mới nghe thì hiểu, nên nói hai vòng, đáp riêng ba câu hỏi , còn đều là phá bỏ nghi, lại nói theo đây thì người lợi căn mới đến một vòng, nên nói phá nghi, lại lý đưa ra trăm nẻo, nhọc gì một phen thông suốt, phá chấp sinh ngã mạn, thảy theo đều khác nhau. Trong một hội, ưa có rộng lược, căn có lợi độn, nghe có riêng và trùng lặp, lý có nhiều, vì các thứ có khác nhau, hai luận giải thích khác là không đúng. Ngài Vô Trước lãnh thọ bài kệ ở ngài Di-lặc, ở sau phó chúc cho ngài Thiên Thân, nhờ soạn lời giải thích . Ngài Vô Trước đâu trái với Đức Từ Thị. Ngài Thiên Thân đâu khác với hiền huynh? Ngài Vô Trước đầu tiên có kệ quy theo kính rằng: “Nhân trí đã nói giáo và nghĩa, nghe rồi chuyển thành các nói của ta, cho nên biết nghe rồi vì ta nói, tức là Từ Thị đã nói luận của ngài Thiên Thân đã giải thích , là do ngài Di-lặc soạn.

Ngài Thiên Thân có bài tụng rằng:

“Bậc đại trí thông suốt dạy theo chúng ta,
Đảnh lễ thân công đức không thể sánh bằng”.

Chính là đồng với Luận này nêu bày theo cung kính nên hiểu như trong ba câu hỏi đã giải thích ở trước và nhiếp trụ xứ, đều nên nói ở đây, lấy đây và hội các văn kinh ở sau, phải nên quyết rõ, văn sau chỉ nên giải thích lời văn kia, lại không có hội lại giải thích .

Trong văn luận, y theo theo giải thích văn kinh có ba. Đầu tiên trong văn giải thích có hai:

- Đầu tiên giải thích kinh y theo nghĩa.
- Sau luận văn giải thích nói tướng.

Trong đây đầy theo đủ, tức là ngài Lưu-chi đã thành tựu, nghĩa thì đồng mà tên thì khác. Trong kinh do chân Đế dịch chép: Các tướng công đức cao quý, thành tựu tướng hữu vi, vì thân Phật Bồ-đề, đầy theo đủ thành tựu chính là đã dịch lại, thắng đức là do tướng hữu vi, là thể đức cao quý của Phật, là dịch nghĩa lại. Ở sau quán các tướng. Là tướng tốt, Luận của ngài Thiên Thân giải thích , chính là tướng của bốn tướng, là ba thứ tướng hữu vi, không nói trụ tướng, như trong Duy Thức chép Tu Bồ-đề hiểu ý Phật cao xa, nên nói không đúng, không thể dùng ba tướng hữu vi thành tựu chân thân thấy Phật. Đã nói hữu vi chẳng phải là tướng Pháp thân, vô tướng` tướng, ba tướng hữu vi là tướng hữu vi, thực hành nhân vô tướng, lại được quả báo pháp thân chân thực vô vi vô

tướng, chẳng phải thật hành nhân vô tướng mà được tướng giả hóa thân báo thân hữu vi. Ở sau là vì Phật thành tựu nghĩa trước gạn sau đáp, nên bảo lặp lại, chia làm ba:

- Đầu tiên hễ cái gì có tướng đều là luống dối, là nhiếp trì nguyện mong muốn, nói về tướng hữu vi, là luống dối, lại nói tướng của phi tướng khác với luống dối đây là luống dối, giúp cho nhiếp trì các tướng, sau phát sinh nguyện mong muốn, chẳng phải nguyện mong muốn nhiếp trì pháp có tướng luống dối, có tướng luống dối chẳng phải là định vô phân biệt tu hành nhiếp trì có hai. Ý nói nguyện mong muốn là hạnh đầu tiên, vọng của vọng hành hữu tướng, nguyện mong muốn chẳng phải vô tướng Bát-Nhã, nguyện mong muốn vô tướng Bát-Nhã, là nguyện mong muốn cầu vô tướng, cho nên trong luận chép : Nguyện mong muốn nhiếp tâm trì là định vô tướng, nhiếp tán hai tâm căn bản nguyện mong muốn, cho nên nguyện mong muốn đây là chánh hạnh. Nguyện vô tướng mong muốn, lớp thứ hai nói rằng: Nếu thấy các tướng phi tướng, thì chẳng phải luống dối, là an lặp đệ nhất nghĩa, tướng là luống dối hóa thân, phi tướng là Pháp thân chân thật, thấy vô tướng của hóa thân là các chẳng phải pháp thân của tướng hữu vi, thì chẳng phải luống dối, kia do hữu tướng hóa thân, là thân tướng chân thật, cho nên là luống dối.

Sau kết thứ ba, các tướng hữu hóa, chẳng phải chân thật vô tướng, thì thấy Pháp thân Như lai, đây là hiển bày theo , chính lẫ nói định vô phân biệt và khi nhiếp tán, trong có tướng chẳng phải tướng Pháp thân chân thật, cho nên thấy Như lai, đây là quán thấy Như lai, nên phẩm Quán Như Lai trong Kinh Vô Cầu Xưng chép: ở sau giải thích ưa muốn trụ xứ, y theo mười tám trụ xứ ở trước, văn chia làm hai.

- Đầu tiên muốn hiểu được nói năng Pháp thân, sau là hiểu ưa muốn được Pháp thân ưa, muốn được Pháp thân, nhân quả tuy khác. Nhưng thể của chánh Pháp thân, các pháp công đức nương dừng, ba thân Quả Phật và nhân Phước tuệ đều là Pháp thân đã nhiếp đối với lời nói , thinh giáo chẳng phải Pháp thân. Nhân của Pháp thân, cũng gọi là Pháp thân. Như nói Bát-nhã thật tướng quán chiếu chính là Bát -nhã năng sinh năng hiển Bát-nhã, cũng gọi là Bát-nhã, văn tự ở đây cũng vậy, có công năng hiển sinh Pháp thân, nên gọi là nói năng , cũng gọi là pháp thân. Văn tự Bát-nhã từ chỗ năng thuyên, giải thích tác dụng năng y, để đặt tên gọi kia, nói năng pháp thân từ năng thuyên biểu hiện năng y theo sở y theo thể dụng hòa hợp, để đặt tên kia, thinh danh, v.v... vì hợp danh nói năng , hỏi vì sao trước nói muốn được sắc thân, mà gọi đó

là Mạn. Đáp muốn được sắc thân là chân thân, hoàn toàn không thuận theo lý, nên gọi là Mạn, muốn được Pháp thân không trái lý. Tùy nhân trước nói mà sinh khởi, chẳng phải hoàn toàn không thuận, không gọi là mạn. Do đó muốn được sắc thân đồng với các văn ở sau. Không gọi là lìa chướng, nhưng gọi là muốn được, chẳng phải nghi cực chướng, cho nên nói muốn được sắc thân là pháp mạn chướng. Ngăn cách muốn được Pháp thân chẳng phải pháp mạn chướng, không cùng với tên lìa chướng. Trong Luận của ngài Thiên Thân nương để phá nghi, phát sinh các văn kinh ở sau, là trước nói trụ hành thí là nhân của nghĩa sâu, kế là nói Pháp thân, chẳng phải tướng hữu vi, là quả của nghĩa sâu, nhân sâu quả xa, nghĩa ý khó biết, thời đương lai tượng pháp sắp diệt, chúng sinh đời ác, năng sinh lòng tin, không ở vào thời chánh pháp, tốt đẹp trước kia, tin không nên nghi, đời ác mạt pháp không tin, không mê lầm. Nhưng hỏi thời tượng pháp sắp diệt có sinh lòng tin hay chăng? Khi tin kinh thì nói, thực hành mười pháp hạnh, vì chẳng phải đời mạt pháp, do có các hạnh giữ giới, định, tuệ đều chẳng phải cao quý, nên có lời gạn nầy. Đời mạt pháp không có ba học, nên không làm câu hỏi, luận ấy nương văn trước nói khởi nghi, luận này nương nhân muốn được nói năng Pháp thân, mà chứng được gốc Pháp thân, đời đương lai truyền bá ở thế gian, nên không trái nhau.

Văn chia làm ba:

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích văn hỏi.
- Giải thích văn đáp.

Muốn được nói năng Pháp thân, nói lên ý kinh. Ngài Tu-Bồ-đề nghe pháp sâu mầu thật tướng khó biết. Phật có thể như vậy, nhân tin rất đông, thời cơ bịnh hạnh, suy theo nghiệm cao quý nên biết. Chư Phật về sau lại có tin chăng, thời cơ hành bịnh đều chẳng phải cao quý. Ngài Tu-Bồ-đề muốn được nói năng Pháp thân của giáo nầy, hiện tại đương lai đều truyền bá ở đời.

Hỏi: Đời sau là, đời ác, sinh ác có thể tin chăng? Cúi mong Phật giải thích đáp.Cái khó đời sau còn tin sâu được huống chi Ngày nay.

Vì sao không tin, cho nên nói muốn được nói năng Pháp thân, văn đây cũng như vậy, văn đầu tiên có hai:

- Phối hợp với kinh.
- giải thích cái khó.

giải thích thích trong cái khó. Câu Tu-Đa-La nói: Nghĩa là đã có nghĩa. Câu là năng thuyên, bảy theo câu nói là nghĩa lý đã nói, tức là

ngài Lưu-chi Chân-Đế và La-thập, v.v... nói chương cú, là rõ nghĩa cú đã nói lý, trong đây gọi là Thuyết. Trong kinh Năng Đoạn chép: Câu kinh điển, sắc là loại nghĩa, sở thuyên là nghĩa loại, không chỉ hỏi Kim cương Bát-nhã nầy, Đại Bát-nhã, v.v... đều ở trong câu hỏi , nên nói sắc loại. Kinh điển cú: Là giáo năng thuyên, nghĩa sắc loại này là câu kinh năng thuyên, đời đương lai vẫn đục có thể sinh lòng tin chăng. Ở đây có hai ý:

- Nói về sở nhân không tin.
- Chánh nêu câu hỏi .

Sở nhân không tin có hai:

1/ Thời ác.

2/ Kinh nghĩa sâu xa.

Thời ác thì ác sinh, kinh sâu đối với thật tướng, đối với câu kinh nầy, lại sinh tâm tin hiểu, là thật tướng chăng, vì chánh nêu câu hỏi , nên kinh chân Đế dịch gọi là tướng chân Thật. Kinh Năng Đoạn nói: có sinh tướng thật chăng? Trong kinh gọi là chánh lý, gọi là chân thật. Trong kinh nầy, lại sinh ra tướng chân thật có thể được chăng? Tưởng: là giữ tâm ý hình dáng năng tin, thủ tín là dung mạo chân thật.

Ngài La-thập nói: Có sinh tâm thật tín chăng? Tên khác ý đồng là, giải thích câu hỏi trong văn, ngài Tu Bồ-đề cho là đời ác sinh ác nghĩa kinh sâu mầu không thể tin, nên có câu hỏi nầy.

Giải thích thích ý hỏi, giải thích lời Phật đáp, có hai:

- Đáp chung về hữu, vì ngăn việc nầy, Đức Thế tôn nói hữu.
- Giải thích nghĩa riêng về hữu,chia làm hai:
- Sau giải thích riêng nghĩa này nên ở sau giải thích nghĩa cốt yếu của Pháp thân.

Văn đầu lại có hai:

- Rộng giải thích kinh.
- Ở trong đó nói sẽ sinh thật tướng, dưới phối hợp với năm thứ nghĩa.

Văn ở đầu chia làm hai:

- Giải thích hữu thời.
- Giải thích hữu nhân , và giải thích do đâycó cưng theo năng sinh ra thật tướng.

Thời chánh pháp sắp diệt: Là thời tu hành lần lần diệt, đây là giải thích hữu thời. Ngài Thiện Hiện hỏi cả đời vị lai khó tin. Đức Thế tôn đáp riêng tu hành sắp diệt, đối với kinh có lòng tin, lại nói về lý' về trước có nhiều nhân tin, có giáo có hạnh, có đắc quả chứng, gọi là

Chánh pháp, có giáo có hạnh, mà không đắc quả chứng, gọi là tượng pháp, có giáo mà không có hạnh, gọi là Mạt pháp. Nhưng theo Kinh Đại Tập của Đại Thừa, lấy năm trăm phối hợp với, thì năm trăm năm đầu giải thích là thoát kiên cố. Năm trăm năm thứ hai là thiền định kiên cố, năm trăm năm thứ ba là đa văn kiên cố, năm trăm năm thứ bốn là Phước đức kiên cố, năm trăm năm Địa thứ năm là đấu tranh kiên cố. Tiểu Thừa không năm trăm năm phối hợp như ghi trong kinh Thánh Pháp Trụ, cho đến truyền bá các kinh Ma-ha-tát, Đức Phật đã cho ký cho. Nhưng với theo một trăm, hai trăm năm phối hợp. Nay y theo Đại Thừa, cho nên trong kinh này nói: năm trăm năm sau, năm trăm năm là phối hợp. Giáo pháp của Phật, chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp, v.v... đều gọi là chánh pháp, chẳng phải thời đầu có chứng giải thích thoát, mới gọi là chánh pháp, thời còn giải thích thoát,huống chi không có nhân tin, cho nên không đáp. Đức Phật đầu tiên thọ ký trước chánh pháp một ngàn năm, Tượng pháp một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm do độ nhân nữ, diệt chánh pháp chỉ còn năm trăm năm. Trong hai nói:

1- Nói là chánh pháp, Ngày nay nói năm trăm năm do độ nhân nữ, giảm năm trăm năm. Tuy nói tám kính pháp giúp chánh pháp không giảm, nhưng do họ không thực hành chánh pháp nên lại diệt. Cho nên trong kinh có nói, và các tông trong luận Tát-bà-đa, đều chỉ có Chánh pháp. Nhưng năm trăm năm nếu ý theo nói nghĩa kia thì trong đây thời chánh pháp sắp diệt, cho rằng thời tu hành lần lần diệt, chẳng phải là thời trước. Vì năm trăm năm đầu có giải thích thoát, tu hành hưng thạnh, cũng chẳng phải thời sau này tu hành không có. Nay nói thời tu hành lần lần sắp diệt, tức là thời năm trăm năm thứ ba. Đây ở vào thời Tượng pháp một trăm năm, năm ngàn năm sau tu hạnh mới lần lần diệt. Ngay theo thời ác này , còn có đối với kinh sẽ sinh thật tướng, huống chi ở giai vị trước, mà nhân không tin, từ đây về sau thời pháp xa chánh lồng nhiễu loạn, ít có nhân sinh lòng tin, nên kinh không nói, nên trong kinh Năng Đoạn chép: Thời gian sau, sau, năm trăm năm khi chánh pháp sắp diệt, là thời phần chuyển, thời gian sau là năm trăm năm đầu.

* Phần sau: là năm trăm năm thứ hai.

* Sau năm trăm năm diệt: là năm trăm năm thứ ba, tức là thời tu hành chánh pháp sắp diệt.

Nói thứ hai nói: Chánh pháp một ngàn năm, nếu phật không nói tám pháp cung Kính, hoàn toàn không có nhân thực hành, chánh pháp

sắp diệt, đã có nhân thực hành, chánh pháp y theo định. Đại Chúng Bộ đều theo đã nói nầy. Nếu theo nói ấy, tức là thời năm trăm năm thứ tư, gọi là tu hành lần lần sắp diệt, vào đời ác nầy, còn sinh thật tướng, huống gì là giai đoạn trước, mà không có nhân tin, về sau thời ác ít có nhân sinh lòng tin, cho nên trong kinh không nói. Trong kinh Năng Đoạn chép: Nhân đời sau, sau khi Phật pháp diệt, chẳng phải chỉ có Phật tại vị. Nói phần sau là nói chánh pháp chẳng phải một ngàn năm, tức là vào thời chứng quả. Nói sau năm trăm năm, là vào thời Tượng pháp một ngàn năm tu hành sắp diệt, chẳng phải năm trăm năm đầu là thời tu hành thịnh hành. Sau đây chia làm bốn:

1. Thời gian sau: là năm trăm năm đầu.
2. Phần sau là năm trăm năm kế tiếp.
3. Năm trăm năm sau diệt là năm trăm năm thứ ba.
4. Thời chánh pháp sắp diệt là thời phần chuyển, là năm trăm, tức tu hành chánh pháp, sau khi sắp diệt. Do có hai giải thích, trong văn kinh khác nhau. Ngài Lưu-chi, ngài La-thập, nói chung là đương lai đời mạt, không biết nghĩa sâu của ba phần sau, cho nên trong kinh do chân Đế dịch chép: Hiện đời và đời vị lai, do đây mà sai lầm, không đồng với thời tốt đẹp, vì đồng với thời ác. Lại nói vào đời vị lai sau năm mươi năm, lấy một sẽ là mười, năm trăm tức năm mươi, cũng không trái nhau, nhà toán học có môn khác nhau nầy.

Trên giải thích có thời, dưới giải thích có nhân, và giải thích từ đây sẽ sinh Thật tướng, văn lại chia làm hai.

- Nói có bốn nhân nên sinh ra thật tướng.
- Phối hợp riêng với kinh.

Bốn nhân , kế là thời trước Phật sau, vì trong đời ác như vậy, nói có bốn nhân :

1. Tu lâu về ba học.
2. Gặp Phật chứa nhóm được nhân cao quý.
3. Được Phật nhiếp thọ.
4. Tuy không có ba học chứa nhóm nhân nhiếp thọ, nhưng nhờ tương ưng với Phước đức quả báo, nên sinh ra lòng tin, tức là nhân ấy, đối với các pháp không có pháp chướng, cho nên Phước hội sinh lòng tin, đời ác đủ bốn nhân, nên được như vậy, đối với pháp thật tướng, năng sinh ra thật tướng. Ý Luận của ngài Thiên Thân, vì đời vị lai có Bồ-tát` bên trong đủ đức ba học, tức Bồ-tát này ngoài việc gặp được duyên lành, ở chỗ Chư Phật, gieo trồng ba thứ nhân , phải biết nhân này sinh được thật tướng, cho nên bài tụng chép:

"Ở vào đời vẫn đục,
Bồ-tát Ba đức đủ.
Bất không vì có thật
Tức Phật Bồ-tát nầy,
Đều thấy biết.
Có giữ giới tu Phước .
Đức đủ Phước đức sanh.
Do có trí tuệ
Phật đều thấy biết
Không pháp chấp người
Nên nói tám lỗi.

Kinh chép: "Có giới có công đức là sáng suốt tu hành. đầu tiên phối hợp với văn kinh, sau giải thích cái khó. Trong đây ba học có bốn pháp tánh, không tham không sân là giới học tánh, chánh niệm là định học tánh, chánh định là tuệ học tánh, do đối với ba căn, ba tạng đã nói đều có khác, nhưng nói Ba học, lại giới là nhân ra khỏi đường ác, định là nhân ra ngoài cõi Dục, tuệ là nhân ra ngoài ba cõi. Lại, giới Thinh văn, Độc Giác phần nhiều học định, Bồ-tát phần nhiều là học tuệ. Lại giới là nhân có công năng lìa ác, định là nhân có công năng làm lành, tuệ là nhân có công năng lợi sinh. Lại giới là được tự thể cao quý, định có khả năng lìa ác, tuệ có khả năng thu nhiếp điều lành, các thứ nghĩa khác nhau như vậy, nên nói ba học. Vì thế các bộ Nhiếp Luận và Du-già, công đức là cống đức ít muốn làm đầu, cho đến tam-ma địa, ở đây khó giải thích . Như trong Kinh Di Giáo nói giữ giới có sáu, tức sáu chi Du-già của:

1. Giữ giới.
2. Chế tâm.
3. Bất lượng.
4. Hổ thẹn.
5. An nhẫn.
6. Trực tâm.

Đều thuộc về giới học, chánh định cũng có sáu, trong tám đều giác ngộ của bậc Đại nhân thuộc về sáu giác đầu.

1. Ít muốn.
2. Biết đủ
3. Xa lìa.
4. Tinh tấn.
5. Vọng niệm.

6. Chánh định.

Chánh tuệ gồm hai:

1. Giữ tuệ

2. Không nói suông.

Giữ giới trí tuệ không giải thích lại, tướng chánh định ẩn, giải thích trở lại, do nói công đức, vì nói bao gồm, tức trong tám điều giác ngộ của bậc Đại Nhân , thì ít muốn đứng đầu, cho đến sau cùng, nhiếp sáu pháp nầy, dùng làm công đức, trước sáu pháp, sau hai pháp, chỉ biết giới tuệ, lại lẽ ra xét hinh Du-già Thinh Văn Địa Niết-bàn và kinh Bát Đại Nhân Giác phối hợp với Di Giáo. Đầy theo đủ ba học, lấy kinh làm thật giáo thuận lý, sinh ra tín tâm, tín tâm là chân thật tướng, hai kinh chép xong được cúng dường, v.v... là ở sau giải thích chứa nhóm nhân cao quý, văn chia làm hai.

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích cái khó.

Do gặp Chư Phật chứa nhóm hai thứ nhân .

1- Tài cúng dường.

2- Hạnh cúng dường. Hạnh cúng dường là gieo trồng gốc lành, là tài cúng dường, trong kinh chỉ gọi là tu hạnh cúng dường.

Cúng dường có mười thứ:

1. Hiện tiền.
2. Không hiện tiền.
3. Hiện tiền không hiện tiền.
4. Tự
5. Tha
6. Cả hai
7. Tài kính.
8. Rộng lớn.
9. Vô nhiễm.

Chín thứ trên đây trong kinh gọi là Tu hạnh cúng dường.

10. Chánh hạnh cúng dường.

Trong đây gọi là gieo trồng gốc lành, chứa nhóm thành mười nhân, giải thích cái khó rằng: Nhất tâm tịnh tín còn được sự nghiệp, huống chi sinh thật tướng, đây la` giải thích trong kinh cho đến một niệm tịnh tín, không chỉ được vài Đức Phật dạy theo mà sinh được một niệm tín, lại nói rõ do gặp ngàn muôn Đức Phật cúng dường gieo trồng gốc lành mới sinh được một niệm tin, vì niềm tin khó sinh, cho nên trong kinh đầu tiên chẳng phải cúng dường ít Đức Phật, sau nói do cúng dường

số nhiều Đức Phật. Như vậy theo nghiệp của một niệm tịnh tín, cũng do đời trước cúng dường nhiều Đức Phật, huống chi đối với kinh, rộng sinh thật tướng, ở đời trước không cúng dường nhiều Đức Phật. Vì trong kinh chép rộng năng sinh thật tướng làm đầu, vài câu trong kinh, một niệm tịnh tín là sau cùng, lược bỏ tu hành chặng giữa. Vì không tin, cho nên nói, nhẫn đến một niệm tín còn do trước gặp nhiều Đức Phật cúng dường, huống chi là rộng sinh lòng tin khắp.

3- Trong kinh chép Như lai đều biết, v.v... là ở sau giải thích điều thứ ba Đức Phật nhiếp thọ chia làm hai.

* Giải thích:

- Phối hợp với văn.

Hiển bày theo có khác, nói lên tâm phân biệt. Biết là biết danh thân, ý thức, biết bốn uẩn, thấy là thấy sắc thân, năm thức biết sắc uẩn, oai nghi ba nghiệp đều biệt, nên nói tất cả, trong đi đứng làm việc đều biết tâm mình, được sự nương tựa. Ngài Thiên Thân giải thích rằng: Đức Phật chẳng phải thấy quả trí. Nguyện trí lực hiện thấy, cho rằng Phật không thấy quả, so sánh biết do có nguyện trì, vì hiện tiền thấy. Nói đều biết: phân biệt với chẳng thấy biết, nói đều thấy, là phân biệt với chẳng thấy biết, là ngăn hai nói cũ thấy biết nầy, nhưng trong các bản đều chỉ có hai thấy biết. Trong kinh Năng Đoạn bèn có ba điều, lại có hiểu biết, luận do ngài Thiên Thân dịch có nói đủ, kinh ấy vốn nói sơ lược, trong luận chép: Cầu cúng dường cung kính, nhân ấy không thể nói. Trong kinh tự giải thích rằng: Nếu nhân muốn được cúng dường cung kính, tự xưng mình có giữ giới, nhân ấy không thể tự nói thân mình năng sinh thật tướng, nhân ấy tự cho rằng có trí, nên sinh tăng thượng mạn, vì phân biệt pháp ấy. Trong văn nói Đức Như lai đều hiểu biết, nhân đây chỉ gọi là có giữ giới. Đức Phật khéo biết đối với kinh nầy, sinh ra tịnh tín. Trong luận đã giải thích đủ, nên biết trong kinh sơ lược. Chỉ có trong kinh Năng Đoạn đủ ba thứ tất yếu nầy. Trong kinh do Lưu-Chi dịch là lìa ở trong vị vắng lặng cũng có ba tất yếu y theo ở dưới biết ở trên nên có hiểu biết tất yếu đây, v.v... nói thuộc về bạn lành, phối hợp với văn kinh.

4- Trong kinh chép sinh chấp vô lượng nhóm Phước v.v... là giải thích nhiếp trì Phước đức thứ tư.

đầu tiên phối hợp thuộc về kinh, sau là giải thích cái khó, trong đây nói riêng sinh như vậy, thủ như vậy, nay nhóm họp lại, nên nói sinh thủ vô lượng Phước đức , bèn giải thích cái khó rằng: Sinh là lúc Phước chánh khởi, nghĩa là do hiện hành chính khởi Phước đức. Thủ

là ngay theo lúc diệt, vì nhiếp trí hạt giống, nghĩa là do trước làm việc Phước đức , nay tuy không khởi, do có hạt giống Phước đức , tùy đó hiện hành, diệt trong thân mình chỉ có nhiếp trì hạt giống, cho nên ngài Thiên Thân nói: Sinh là nhân năng sinh hiện hành, năng huân gọi là nhân năng sinh.

Thủ là tự thể huân tu, quả là hiện hành, diệt rồi chỉ có sự huân tu hạt giống tự thể, nghĩa là quả do nhân hiện hành sinh ra. Hai luận không khác hoặc trong luận kia lại nói lời đây. Nhưng ý trong khi tượng pháp sắp diệt, có nhân giữ giới đồng với chúng sinh, sinh vào lúc kia, năng sinh thật tướng ngay theo trong đời vẫn đục, có chúng sinh ác, không nói nguyện sinh năng sinh thật tướng. Trong Kinh Pháp Hoa chép: trong thời vẫn đục, thực hành mười pháp hạnh, thực hành đối với pháp, phải biết nhân này là Đại Bồ-tát phát nguyện độ sinh, đây đâu phải kinh Pháp Hoa hơn Bát-nhã nầy. Bồ-tát nguyện sinh trì, đây là thật là sinh trì hay không? Đáp đây là về cuối thời Tượng pháp, luận kia là thời Mạt pháp, lại đây đồng với nguyện sinh kia, kia đồng với đây thật làm ra hai thời mạt pháp và tượng pháp vì xen nhau nói lên , hai kinh không khác, vì đều sâu mầu. Lại đây nói một niệm tịnh tín, kia nói rộng năng thọ trì, nếu trì một câu, cả hai đều thật sinh. Nếu rộng trì, cả hai đều nguyện sinh, lại kinh này phải thực hành thật sâu xa. Kinh điển kia sâu xa nguyện sinh, cũng không trái nhau.

Kinh chép các Bồ-tát nầy v.v... ở sau có giải thích nên sinh tưởng thật. Văn chia làm ba:

- Phối hợp chung với kinh.
- Giải thích riêng văn kinh.
- Giải thích lại ngã chấp.

Giải thích thích riêng trong kinh. Do kinh có hai, vì sao?

Luận cũng chia làm hai.

- Vì sao gạn hỏi, nói lên trước có Ba học, v.v... lý do là năng sinh thật tướng.

Vì sao nói có pháp chấp ngã chấp theo sau.

Văn đầu lại có hai.

- Nói đối trị năm món sở thủ, riêng thuộc về văn kinh.
- Trong đây nói có giới, v.v... giải thích ý văn đầu có ba.

1. Nêu; 2. bày; 3. Kết.

Đây là nói năm món sở thủ.

Ba món đầu tiên y theo nhân nói về thủ, hai thứ sau y theo cảnh nói về thủ, cho nên hợp thành năm chấp.

Nhân tuy có bốn, nói chung có một, nên ở đây hợp lại mà nói, trong luận do ngài Thiên Thân dịch y theo thủ hành tướng, để nói khác nhau, nên thành tám nghĩa, ngã chấp pháp chấp mỗi pháp có bốn. Ngoại đạo dị sinh phần nhiều khởi phân biệt, chấp ba đời, chấp thật có ngã, nên bốn ngã chấp đều gọi là ngoại đạo. Chuyển là khởi, vì chấp tưởng sinh, nội đạo phàm phu còn ở giai vị dưới và Thinh Văn, v.v... phần nhiều chấp pháp. Có một loại Bồ-tát đốn ngộ và Bất Định tánh Hồi hướng Đại thừa, phần nhiều chấp pháp không, gọi là tăng thượng mạn, ba chấp nầy y theo nhân để nói về chấp thủ.

- Ngã chấp.
- Pháp chấp.

Pháp chấp có không gồm nhiếp tất cả chấp, chấp cái sở chấp là hữu chấp, vì hai tánh không, chấp thủ nhất định là tướng chung của thế gian, gọi là hữu tướng chuyển. Tĩnh lự ở sau có ba thứ vô sắc hoàn toàn, tĩnh lự thứ tư và một ít Phi tưởng Phi phi tưởng, gọi là định Hữu tưởng, hữu tưởng, cõi Dục, không sinh chấp thấy là Niết-bàn, cao siêu cho nên không nói, chỉ nói định cộng tưởng, không nói định Vô tưởng.

Tĩnh lự thứ tư là phần ít phi tưởng, Phi phi tưởng, gọi là Vô tưởng. Ngoại đạo Hai Thừa tùy chấp lấy, cho là quả cao quý, cõi dục tuy có ngũ nghĩ, chết giấc vô tâm, do không có định vị, không có cao quý không có chấp, nên ở đây không nói, chỉ nói định Vô Tưởng, đối với pháp chấp, phân biệt khởi, phần nhiều duyên theo đây có hai , để khởi duyên chấp, nên ở đây nói riêng, so sánh nên biết, kết đối trị, nói là các Bồ-tát ở giai vị đều không chuyển, giải thích có hai chấp, đều là nói không nói, tùy chấp người pháp, nói đều là nghĩa, trong luận của ngài Thiên Thân có giải thích bốn pháp chấp, có khác với đây, đầu tiên có hai cái có không, giống như ở đây, hai cái sau là Kim cương. Bài tụng rằng:

"Tất cả không, vô vật".

Giải thích: Có sở thủ, năng thủ, tất cả pháp không, nên nói không có tướng pháp. Vì không có vật, riêng chấp sở chấp chấp có năng thủ sở thủ thể tánh, gọi là Pháp tướng. Nay nói không vô, gọi là pháp tướng, bài tụng nói thật có. giải thích rằng pháp kia vô ngã không, thật có cho nên nói, cũng chẳng phải vô pháp tướng, chân như viên thành thể tánh thật có, pháp kia bác bỏ là không, gọi là pháp Vô tướng. Nay nói có vì, tánh chẳng phải hoàn toàn không, nên nói chẳng phải không có Pháp tướng. Bài tụng nói, không thể nói, giải thích rằng: Không kia chẳng có vật, mà ở đây chẳng thể nói có không, nên nói là vô tướng, tức là Thắng

Nghĩa Đế, tánh lìa nói năng, chẳng phải không bất không, chấp là có không, gọi là Tướng, nay đều chẳng phải kia, nên nói Vô tướng, nói về chân lý này chẳng thể nói là có không tướng. Bài tụng chép: ngôn từ nói theo, là bốn món pháp tướng, giải thích ngôn từ mà nói, nên nói cũng chẳng phải vô tướng, nói về Thắng Nghĩa Đế, người không đã nói lên, cũng gọi là không, bản thể thật có, cùng gọi là Bất không, chẳng phải hoàn toàn vô thể. Tổng kết bốn câu, nói về dứt bốn chê bai. Câu đầu trừ tăng ích chê bai. Câu thứ hai trừ tổn diệt chê bai. Câu thứ ba dứt trái nhau chê bai. Câu thứ tư trừ diệt hý luận chê bai, chỉ y theo hành tướng, thông suốt mà nương theo nhân khởi, nên khác với ở đây. Do văn nầy, các Sư Long Mãnh Vô Trước khác nhau, đều nên y theo mà lặp. Trong đây nói về các giới giải thích ý văn, nói không có hai chấp người pháp kia, hiển rõ trước nói vào đời vẫn đục có các nhân trì giới nên sinh chấp Phước, nếu hồi tâm vô học ngã chấp đắm không, pháp chấp nay tiềm phục, nếu ngoài tất cả hữu học dị sinh có trì giới đồng, làm sao người chấp pháp chấp đều không.

Trong kinh chép vì sao trong, v.v...: Là nói có pháp chấp ngã chấp, chia làm hai.

Giải thích ý.

- Thuộc về kinh.

Chấp pháp tướng chuyển, là chấp có.

Chấp chẳng phải pháp tướng chuyển, là chấp không. Ý kinh này nói. Ở vào đời vẫn đục kia, các dị sinh, v.v... tuy tu hành chánh hạnh mà khởi tâm lành. Nếu khởi pháp chấp, khi chấp có không, do hạt giống ngã chấp chưa dứt nên có chỗ theo của ngã chấp, lặp ở giai vị nầy. Trong tâm pháp chấp, không có hiện hành ngã chấp, cũng không có hạt giống ngã chấp theo , về sau mới hiện khởi, gọi là có chấp ngã, nên luận giải thích rằng: Nhưng khi khởi pháp chấp có không hai, chẳng phải đều khởi các tưởng phiền não ngã chấp, do chấp ngã tưởng và chỗ si nương lúc này không chuyển, vì thô dễ hàng phục, nên ở đây đối với ngã tưởng, do có hạt giống phiền não không dứt, vì tùy pháp chấp, cũng được gọi là có chấp ngã. Nên ngài Thiên Thân nói: Chỉ có vô minh, không thể hiện hành phiền não thô. Chỉ bày theo chấp vô ngã, Chấp vô ngã thì hiện hành không khởi. Tướng đã không chuyển, đồng thời chỗ nương. Của Si cũng không hiện hành, nên luận này nói: Do tưởng và nương ở không chuyển, có hạt giống kia, gọi là có phiền não, cũng gọi là sử, gọi là có các chấp ngã. Hoặc lúc này cũng khởi ngã chấp, vì ngã chấp theo pháp chấp mà khởi, thoạt có thể khởi pháp riêng mà không

có ngã chấp. Như Hai Thừa, v.v... hạt giống ngã chấp được tu dứt trước, trong đây không nói các bậc Thánh nói hữu học, vì lúc ấy không có, cho nên nói: Nếu chấp pháp chấp, v.v... tức là chấp ngã, v.v... chỉ y theo theo các nói dị sinh thời ác, nên biết phiền não chướng do pháp chấp làm gốc, nếu dứt pháp chấp, thì phiền não không hiện hành, đây là ý sâu, thuộc về kinh nên biết. Nhưng luận nầy giải thích kinh Năng Đoạn , Chân đế đối với pháp chấp, nói là pháp chẳng phải pháp, không có điều nêu bày. Trong bản ngài Lưu Chi, dịch tuy có hai văn, nhưng nói chấp pháp tướng và hữu pháp tướng, hai văn đâu có khác. Trong bản của ngài La-thập có ba. Vì sao?

- Đầu tiên vì sao v.v... đồng với ở đây, nghĩa là vì sao có theo đủ bốn nhân lại sinh thật tướng?

- Thứ hai là vì sao v.v...trở xuống là, nói nếu tâm chấp tướng, nói chung về chấp pháp, sẽ sinh chấp nhất định. Nếu chấp pháp tướng, với ngài Lưu-chi đồng chấp có.

- Thứ ba. Vì sao trở xuống, mới nói nếu chấp chẳng phải pháp tướng, nói về chấp không, nghi chấp thuận lý, còn có chấp kia, huống chi là chấp có, chấp bất sinh, vì sao gạn nghĩa rất dễ hiểu, không nên chấp ở trên, lại không có vì sao? Và nương theo văn. Nếu tâm chấp tướng, là do như thế?

Trong các ngã tướng chuyển, các nghĩa còn lại chưa nói, v.v... ở sau. giải thích lại ngã chấp, chia làm hai.

- Nêu lên, chưa nói nên muốn nói lại.

- Chính là nói lên , do trong pháp chấp, đã phối hợp riêng, bốn món ngã chấp vẫn chưa hiểu, nên nêu lên giải thích lại, chính là nói bốn món ngã chấp, có hai giải thích thích khác nhau.

1- Khác với luận do ngài Thiên Thân dịch, ngã của tự thể, từ đời trước, nối nhau không dứt, chấp danh ngã tướng, thân khác hữu tình, là sở thủ của tự ngã thể, nên gọi là tưởng chúng sinh. Nếu chấp tự ngã hiện tại cho đến thọ trụ, gọi là thọ giả tướng. Nếu chấp thì nay thân chết lại sinh vào các đường gọi là tưởng người .

2- Nói lên ngã khác là thật có, ba chấp tự ngã ba đời cũng thật có, nên thành bốn chấp, đều là phân biệt chấp, nên ngoại đạo khởi. Ngài Thiên Thân có bài tụng rằng:

"Thể sai khác nối nhau
Không dứt đến mạng trụ.
Sau đến các đường khác,
Là bốn món ngã tướng".

1/.Câu đầu là ngã tướng, chỉ chấp năm uẩn, vì ngã không dứt là câu thứ hai, chấp thể đời trước, cho đến nay, đến mạng trụ là câu thứ ba, hiện vẫn còn sống, sau ở trong các đường dị sinh là câu thứ tư, chấp vị lai, các pháp kia nương vào ba đời chung riêng chấp lấy, để chia thành bốn chấp, khác với ở đây.

2/. Nói rằng: Đây đồng với kia, trong đây thứ lớp thể nối nhau là ngã tướng, tức chấp năm uẩn là ngã tướng, chấp ngã hiện tại từ ngã đời trước chuyển đến đời nay. Ngã đời trước là chỗ chấp của ngã hiện tại, gọi là sinh tướng chúng, chẳng phải chấp ngã khác mà là ngã sở thủ, hai thứ còn hai nên biết, nên biết luận này đồng với luận kia, văn dịch hơi khác mà ý nghĩa không khác. Đây y theo chấp gọi với ngoại đạo chung, kia y theo hình tướng, nên chia bốn món, các kinh hai luận đều có bốn ngã, chỉ có trong Kinh Năng Đoạn . đầu tiên đối với bốn y theo pháp để nói vô ngã, nên có phi niệm, sau nói chấp pháp, hoặc không hoặc có, ngã chấp tùy , nhưng có bốn món ngã, nên hai luận này đều chỉ chấp bốn. Chung riêng ba đời tự tha có khác. Riêng y theo hành tướng cao quý làm dụng. đầu tiên chỉ có chín, như cốt yếu phải nói, trên đây hai chấp nói lên thường tiềm phục. Hoặc nhân có trí tuệ, nên sinh ra lòng tin. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Cho rằng lìa nhân pháp tướng, cho nên nói có trí tuệ, có trí tuệ đầy theo đủ, vì sao lại nói công đức trì giới, là chỉ bày theo nghĩa sinh thật tướng khác nhau. Bài tụng chép:

“Nhân kia nương lòng tin
Cung kinh sinh thật tướng.

Nói lên chúng sinh ấy, chỉ không có trí tuệ, không có hai chấp kia”.

Nhưng giữ giới, v.v... cho đến tâm cung kính cũng sinh thật tướng cho nên thực hành nói nầy.

Trong lời nói phải sinh thật tướng là ở sau phối hợp với năm món nghĩa. Tu hành phát sinh thật tướng nói là y theo nghĩa, tức trong đây Tu-Đa-la nói câu là nói tướng, tức trước phải sinh thật tướng là nhiếp trì, hai vô ngã´ là an lập không nên chấp các pháp, v.v... là hiển bày theo . Ngài Thiên Thân giải thích rằng: Không nên chấp pháp, không nên như tiếng mà chấp pháp, vì trừ sở chấp. Chẳng phải không chấp pháp: là tùy thuận theo đệ nhất nghĩa trí, chánh nói chấp như vậy. Lại chẳng phải lìa lời nói có thể cầu đệ nhất nghĩa trí, đệ nhất nghĩa trí thuận theo giáo mà sinh, ý luận này nói: Không nên chấp pháp, nếu chấp hữu pháp và pháp vô ngã, đều không phân biệt, như lời nói chấp đắm, đều không nên chấp, không nên chấp chẳng phải pháp. Luận tuy

không thích giải, mà nói về lìa lời nói, ngoài nói cũng không thể cầu thuận giáo lại sinh ra Đệ nhất nghĩa trí chứng chân nghĩa, chính là với kia đồng, lại giải thích không nên chấp pháp, gọi là chấp pháp thể. Như lời nói chấp thật, vì không nên chấp, không nên chấp chẳng phải pháp. Nghĩa là giáo này nói pháp tánh vô ngã, thuân giáo lại sinh Đệ nhất nghĩa trí, không nên lìa giáo để cầu chân nghĩa chứng pháp vô ngã, không nên y theo giáo mà sinh chấp đắm pháp thể phân biệt, không nên lìa giáo mà tìm pháp vô ngã chấp chặt phân biệt, cũng đồng với kia, văn kinh lăp lại, tuy lược nhưng lặp lại không nên chấp pháp, trong lời giải thích lại đủ không nên chấp chẳng phải pháp.

Lại nói nghĩa Pháp thân là ở sau, là Phật đáp riêng có trong nghĩa.

Thứ hai: giải thích lại nghĩa cốt yếu của Pháp thân, chia làm ba.

- Lặp lại kinh.
- Giải thích nghĩa.
- Kết thành.

Pháp còn phải xả: đầu tiên sinh thật tướng duyên theo giáo mà sinh, y theo đó tiệm tu, lại được chứng trí, khi được chứng trí rồi, trước xả tạm hiểu giáo sở duyên. Giáo sở duyên ở đây, gọi là Pháp. Như muốn qua biển, mượn thuyền bè mà qua, khi qua rồi thì bỏ thuyền, chưa sinh chứng trí, nhờ giáo mà sinh hiểu, khi đước chứng trí rồi, lại bỏ giáo môn, mượn giải thích cũng bỏ, huống chi là giáo tích, ví dụ được cá quên nôm, được thỏ bỏ lưới, đều đồng với ở đây. Pháp là tích thuận lý, chứng lý còn phải bỏ, chẳng phải pháp là hạnh trái chân, là chưa chứng lý, trước phải bỏ, nên nói pháp còn phải bỏ huống chi chẳng phải pháp, từ đây không nên như lời nói chấp pháp, lại cũng không nên lìa giáo chấp chẳng phải pháp, pháp còn phải bỏ, vì thật tướng sinh, do y theo giáo pháp Thật tướng sinh, thật tưởng chứng chân rồi, thì không cần giáo, giáo nữa pháp chứng chân này còn bỏ, huống chi là chẳng phải pháp, việc chẳng phải pháp, lý không nên để giáo mà tìm cầu bên ngoài, vì trái với chân lý, lý nên dứt bỏ. Ngài Thiên Thân giải thích đồng với văn kinh Năng Đoạn. Pháp còn phải dứt bỏ, dứt là nghĩa là trừ bỏ, tên khác mà nghĩa đồng, y theo trước nên bỏ giáo và tạm hiểu. Nay chính là bỏ giáo, nên ở sau giải thích muốn được Pháp thân, cũng gọi là chứng Pháp thân, Pháp thân có nhân có quả, nhân quả vị trí khác nhau. Quả Phật chứng chân, quả thân tròn đầy , cũng là phần chứng Bồ-tát Địa Tiền kia, huân tập hạt giống vẫn chưa hiện hành, chưa chứng chân lý, năng khởi năng hiển địa vị Phật, Mười địa chân Pháp thân, cũng gọi

là Pháp thân. Lời nói trước gần là nhân trong nhân của Pháp thân, xa là nhân của quả Phật Pháp thân, cũng gọi là Pháp thân. Địa tiền dị sinh và giai vị Mười địa, do nghe bốn câu cho nhân nói, ruộng Phước cao quý lại sinh, gọi là Phước Pháp thân tướng, đáng ưa thích nên gọi là Phước , tuệ kém nên không gọi là Trí. Nếu đến địa vị Phật, gọi là: Pháp thân Trí Tướng, tùy lý mạnh chẳng phải không Phước . Nên luận ở trước chép: Chứng được Pháp thân, thân là trí Phước , trước Sơ địa Phước cao quý, vì chứng được nhân sinh. Mười địa trở lên, vì chánh chứng được, do đây v.v... trở xuống văn chia làm hai. nói trí tướng nói về địa vị Phật.

- Nói Phước tướng nói về ở giai vị nhân .

Ngài Thiên Thân nói rằng: Dưới đây là ngăn dị nghi, trước nói Như lai chẳng phải có tướng. Nếu vậy theo Đức Thích-ca vì sao xưng là Phật mà được Bồ-đề, vì chúng sinh mà nói pháp, nói pháp là gạn hữu tướng, chứng giác chẳng phải nói của vô tướng, tức là trong đây muốn được trí tướng. Đức Như lai chẳng phải tướng hữu vi, nay khuyến khích mình tu, mong có chứng nói , chứng nói trí tướng, làm sao đạt được, sinh tâm ưa thích kia, nên nói là muốn được thân trí tướng. Thân trí tướng có hai:

1- Trí tự lợi, tức Bồ-đề.

2- Trí lợi tha, tức nói pháp.

Bồ-đề có hai:

1. Đạo năng chứng, đây gọi là Đắc, là có khả năng chứng được thể của Đạo đế.

2. Sở chứng diệt, đây gọi là Bồ-đề, là chỗ chứng đắc thể đế của diệt, không có Bồ-đề, hai cái chứng thể vô tướng không thành, đã có nói pháp, hai lợi có tướng đầu tiên đã nói. Hành là ham cầu trí chứng. Sở dĩ khuyến khích tu, nghe chứng thân vô tướng, nghi chúng sinh nương thân ấy muốn được phá nghi, thuận với điều ham muốn kia, nên nêu ra ở sau văn kinh.

Chia làm hai:

- Hỏi.

- Đáp:

Giải thích trong câu hỏi có hai.

1-Y theo nghĩa. 2- nói về tướng.

Bồ-đề nội chứng, mà không chấp bên ngoài, nay đã dịch năng chứng Chánh giác, sở chứng Bồ-đề, ngoài chấp thật có, năng chấp sở chấp, cho nên chỗ đối trị là y theo nghĩa, do nội chứng, nầy nên không thiếu pháp Như lai để nói, có thể nói có thể chứng là sở chấp, năng chấp

sở chấp đều là sở đối trị. A-nậu-Bồ-đề, đây là nói tướng, năng đắc sở đắc cùng tột chân giác, đều thuộc ở đây, đến quyển sau giải thích , là trong Chánh giác nói lên đầy theo đủ.

Không có pháp nhất định ở sau sẽ giải thích đáp, văn chia làm ba.

Là giải thích đáp chung văn là nhiếp trì,` giải thích đầu tiên , vì sao an lặp, giải thích thứ hai vì sao ở sau là hiển bày theo văn đầu tiên có ba.

Giải thích vì sao có văn Thượng tọa Thiện Hiện nói về Phật tâm.

Nói rõ nguyện mong muốn Bồ-đề là sở chứng, diệt được chứng đạo.

Luận Trí Độ chép: Nói trí và trí xứ, đều gọi là Bát-nhã. Trong kinh giải thích Thâm Mật nói: Bồ-đề, Bồ-đề dứt đều gọi là Bồ-đề, do thế tục đế phương tiện dẫn dắt, nói có giai vị đế, nên nói Bồ-đề. Cho nên Du-già chép , nếu Thắng Nghĩa Đế đã lặp thành đế, thì cần gì nói an lặp làm Đế ư? Vì làm phương tiện sau khi chứng đắc, chính là đồng với ở đây. Nếu như lời Phật, trong Thắng nghĩa đế, thì cả hai đều chẳng thật có, luận ấy lại hỏi. Nếu an lặp đế đã lặp là đế, thì cần gì lại nói phi an lặp đế, nếu không như vậy, đã được tịnh lự thứ tư của thế gian, nên dứt hai chấp, thời gian sau lẽ ra hai chấp không khởi, rộng như ở trên nói, chính đồng với ở đây.

Chỉ cho kinh thành, kinh chép . Vì sao Đức Như lai nói pháp, v.v... ở sau giải thích đầu tiên vì sao, đây là an lặp chia làm ba.

- Đều thuộc về kinh.

- Kế là giải thích phòng nạn.

Giải thích nạn văn đầu tiên rất dễ hiểu.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Ứng hóa chẳng phải chân Phật thật, v.v... Phật có ba loại là pháp, Báo và Hóa. Đức Thích-ca Như lai là hóa thân, Phật không chứng Bồ-đề, cũng không nói pháp, cho nên không có thật pháp để chấp, để nói. Trong Thắng Nghĩa Đế không có chấp để nói, như ngài Vô Cấu Xưng hỏi ngài Di-lặc rằng: Do nói pháp cho nên ở sau giải thích phòng nạn, nghĩa là có vấn hỏi rằng. Vì sao kinh chép pháp do phật nói không thể chấp nói, không thể nói chỗ chứng hiểu biết các pháp của Phật đều không thể chấp nói?

Nay giải thích rằng: Từ bên ngoài nói pháp sâu mầu khó lường, biết bên trong được giác, chỉ đối với việc nói pháp, an lặp đệ nhất nghĩa, y theo kinh Năng Đoạn . Bèn nói pháp sở chứng, sở nói pháp suy nghĩ theo của Như lai, không hề có ngăn ngại, các bản chỉ nói “Pháp

mà Phật nói" không có gì khác. Nếu theo kinh Năng Đoạn, các nghĩa đầy theo đủ, thân sở chứng, lời sở nói, ý sở tư duy, pháp mà ba nghiệp noi theo, đều không thể chấp nói. Văn luận trong đây, nên nói do nói pháp, v.v... ngoài ba nghiệp cao quý biết bên trong được Bồ-đề, do đối với ba nghiệp nói pháp lợi sinh rất cao quý, trong luận có nói riêng, luận của ngài Thiên Thân nói vì sao chỉ có lời nói mà không nói chứng. Có lời nói, thì thành chứng nghĩa. Nếu không chứng, thì không thể nói, do ngoài nói pháp thì phải, biết nội chứng, như nhập tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ mới nói kinh Pháp Hoa. Tức trong có chứng, bên ngoài có thể nói pháp, xen nhau nêu bày, chánh đồng với ở đây, ở trong không khả năng chấp. Là chính lúc nghe, đây là ở tiếng. Không thể nói, là lúc giảng nói, ở đây nói, hễ nói pháp, thì không nói không chỉ bày, hễ nghe pháp, thì không nghe không đắc, pháp đều không thể như chấp như nói, chẳng phải pháp là tánh phân biệt, tánh phân biệt là chấp khắp sở chấp, thể tánh đều không, luống dối sở chấp, pháp là chân lý, kia chẳng phải chân lý, nên gọi là chẳng phải pháp, nên nói là chẳng phải pháp, gọi là phân biệt tánh, chẳng phải chẳng phải pháp, vì pháp vô ngã, pháp vô ngã tánh, đạo lý là có, tức chẳng phải luống dối có, gọi là chẳng phải chẳng phải pháp, luống dối sở chấp gọi là Chẳng phải pháp. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: pháp không hai, chấp không, lìa tướng nói năng, nhân nghe không chấp pháp, không chấp chẳng phải pháp. Nói pháp: cũng là không nói pháp chẳng phải pháp. Vì sao? Pháp ấy chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp, nói theo nghĩa chân như thì, đây gọi là an lặp. Chẳng phải pháp: Vì tất cả pháp không có tự thể, khắp chấp, sở chấp đều không có tự thể, chẳng phải chẳng phải pháp, chân như kia không có tướng ngã thật có.

Trong kinh chép : Vì sao dùng vô vi, v.v... trở xuống là, giải thích vì sao thứ hai; do là hiển bày theo chia làm hai.

- Giải thích kinh.

- Phát sinh trở xuống các văn kinh đều giải thích lý do vô vi được gọi là bậc Thánh.

- Trong văn đầu tiên. giải thích tích nghĩa vô vi.

- Sau giải thích tất cả nghĩa bậc Thánh. Vô vi: Là nghĩa vô phân biệt, gọi là bật sinh bất diệt trạch diệt chân như, gọi là nghĩa vô phân biệt. Nghĩa là nghĩa lý, đây là giải thích nghĩa vô vi, cho nên Bồ-tát Hữu học được tên gọi, phần chứng chân như vì còn có tu, trong cái không khởi không tạo tác. Như lai chuyển y, gọi là thanh tịnh, cho nên Như lai Vô học có tên, đây là chân như lý thể vô sinh của nên không

khởi, không tạo tác. Đối với lý này Như lai đã bỏ pháp hữu cấu chướng, gọi là chuyển y, lìa nhơ thanh tịnh, cho nên Như lai Vô học đặt tên. Vì không có chỗ tu. Đây là giải thích tất cả bậc Thánh.

Kinh Năng Đoạn chép: Do các bậc Thánh Hiền đều là sở hiển của vô vi, do chứng vô vi có phần đầy theo đủ. Luận do ngài Thiên Thân chép: Câu này nói về nghĩa gì? pháp ấy là nói nhân , do các bậc Thánh đều nội chứng chân như, chân như lý mầu không thể chấp nói, vì thuận theo chân như. Nói là Như lai không nói, không chỉ bày theo nghe: Bồ-tát không nghe không chấp, đây là sở nhân vừa nói lên bậc Thánh như sở chứng kia còn không thể nói, huống chi nhân nghe mà được chấp. Do chân như kia lìa sự nói năng, không thể nói sự. Vì sao? Không nói mà Đức Phật nói tất cả bậc Thánh, vì các bậc Thánh, đều y theo chân như thanh tịnh mà được tên gọi. Đức Như lai đầy theo đủ thanh tịnh, Bồ-tát như phần thanh tịnh, ở đây đồng với ở trước, nói Bồ-tát được gọi là Hữu học, đối với chân như, là phân thanh tịnh, y Luận này mà nói đây, ban đầu là nghĩa vô vi. Tam Ma Bát Đề tương ưng hiển rõ. Ở đây phối hợp với năm nghĩa, do ở giai vị nhân còn có định tán phát sinh lỗi lầm. Do tu định trên để chứng vô vi chiết phục tán vị. Cho nên vô vi đầu tiên gọi là Đẳng thức nhiếp phục lúc tán.

Thứ hai Đức Như lai vô học được tên, ở trong chân như, đầy theo đủ thanh tịnh, chỉ ở trong thắng nghĩa quả Phật Vô Thượng Giác, chẳng phải tu Đẳng chí là nhiếp phục tâm, Đẳng chí nhiếp tâm, đều ở giai đoạn nhân , vì chẳng phải địa vị cực quả.

Từ đây về sau tất cảbình đẳng trong trụ xứ: Phát sinh ở văn kinh. Các văn kinh sau đều giải thích vô vi, được gọi là lý do của bậc Thánh. Các trụ xứ tên tuy nói vô vi, nhưng chưa nói bậc Thánh, là vô vi đặt tên, vì ở đây mà nói. Ở địa vị Phật, đặt tên vô vi, là nói ý ở đây, nhân còn chưa rõ, ở sau sẽ nói lên , ở sau giải thích muốn được tướng Pháp thân. Trước nói các pháp không thể nói tất cả bậc Thánh có tên là vô vi, trì kinh và nói pháp lẽ ra không có Phước , vì ưa thích Phước kia, gọi là muốn được.

Ngài Thiên Thân giải thích nhiếp phục nghi rằng, tuy không thể lấy nói mà bất không. Tuy ở giai đoạn nhân giữ giới nói pháp, có công năng thể sinh ra thân Phước tướng, ở Địa tiền mới sinh giai vị .

Văn chia làm hai:

- Hỏi chung, đáp giải thích vì sao có văn.
- Giải thích riêng.

Trong phần đầu trước là hỏi sau là đáp, do ở nhân vị và thọ trì

pháp và nói một bài kệ bốn câu, Phước sinh rất nhiều, huống chi ở quả vị, đã đến được, được nhiều Phước tướng Pháp thân, trong nhân có trí, trí kém Phước mạnh, có Phước quả Phật, do trì đặt tên, Phật chỉ gọi là trí tướng, nhân chỉ gọi là Phước tướng, chẳng phải nhân quả không có Phước trí. giải thích Riêng trong văn kinh chia làm ba:

- Hỏi
- Đáp.
- Kết.

Trong luận cũng có ba:

- Trong phần giải thích kết, đưa ra các lời nói.
- Phối hợp với năm nghĩa.

Giải thích nghĩa khó.

Trong giải kiết có hai:

- Hỏi.
- Đáp:

Pháp của nói năng , thinh gọi là thể, thật chẳng phải Pháp thân. Vì sao ở đây chẳng phải trong Pháp thân. Nói sinh ra Phước , đây là ý hỏi, một bài kệ bốn câu có nhiều giải thích khác nhau, ở trên nói các chấp sẽ là chánh tông mà kinh nói, nghĩa nói về đầy theo đủ, gọi là câu, nói nghĩa bốn câu không nhất định` chữ số, đều thành một bài kệ, một câu ngắn ba bốn chữ, một câu dài bảy đến chín chữ câu, không dài không ngắn là, năm chữ, Phạn bản, không dài ngắn là A-Nậu-sắt-Đà-Thế-đa tức sáu chữ, nhiều nhất là ba mươi hai chữ, ít nhất là tám chữ, trở xuống gọi là một câu, vì Hán văn không nhất định. Trong lời đáp thì A-Nậu-Bồ-đề xuất xứ từ đây. Nhưng nói chân như gọi là Vô Thượng Giác, trong kinh đây đều gom nhóm mười pháp hạnh, hạnh A-hàm là ? mười hạnh, có nói trong luận Biện luận trung Biên:

1. Biên chép.
2. Cúng dường
3. Chỉ bày theo cho người khác.
4. Lắng nghe.
5. Mở đọc.
6. Thọ trì.
7. Giảng nói.
8. Phúng tụng.
9. Suy theo nghĩ.
10. Tu tập.

Tám hạnh đầu là văn tuệ, một hạnh kế là tư tuệ. pháp còn lại là

tu tuệ. trong kinh nầy, khắp đều chứa nhóm. Lại có mườihạnh tự lợi, kinh chép thọ trì, vì đều đủ chứa nhóm mười hạnh lợi tha, trong kinh trình bày theo giảng nói, cũng đã chứa nhóm, đã trợ giúp nhau không đâu chẳng cùng tận, nhưng chỉ nêu giữ giới và nói pháp. A-hàm: là A-Cập-ma. Kinh giáo này là do Chư Phật mười phương ba đời cùng nhau truyền nói, tức kinh này nói về mười phương ba đời Chư Phật truyền nói mười hạnh có công năng ra Pháp thân của Chư Phật, đây là nương theo Đệ Nhất Nghĩa Đế, nói về Pháp thân, Chư Phật Thế tôn từ đây phát sinh, đối với thân báo thân hóa Bồ-đề Chánh Giác, đây là y theo Thế Đế phát sinh Báo Hóa, nói về lý mầu, sinh ra chân trì, Báo thân Pháp thân đã thành. Ngoài Báo Hóa này đầy theo đủ, nhưng hỏi là ba món nhân của Pháp thân, đầy theo đủ quả ba lần đáp nói ba lần hỏi, tùy thứ lớp để nói về Pháp thân, nên nói kinh nầy, là mẹ của Chư Phật, do hai việc nầy, nên gọi là Phật pháp Phật pháp, vô vi Bồ-đề, chấp Phật hữu vi vì, hai pháp khác nhau, nêu nói hai lần chữ phật pháp.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép rằng: Đối với thật là liểu nhân , cũng là nhân sinh ra thứ khác, vì Duy nhất là Chư Phật. Nói Phật pháp tức là Phật pháp nầy, người khác thì không được, vì không cùng nghĩa, nói tức là phi Phật pháp, cho nên chẳng phải Đệ nhất. Lại kế ở sau phối hợp với năm nghĩa trong kinh.

Vô Lượng A Tăng-Kỳ: Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Tâm Vương Bồ-tát Vấn-A-Tăng-Kỳ thứ bốn mươi lăm, nói có một trăm hai mươi hai số, không có năm số, một, mười, trăm, ngàn, muôn, lấy trăm ngàn làm đầu, trăm ngàn, trăm ngàn gọi là một Câu-lê, như vậy theo tính gấp bội đến thứ một trăm lẻ hai lần, gọi là A-Tăng-Kỳ, thứ một trăm mười sáu gọi là vô lượng. Vô lượng a-tăng-kỳ, tức là do vô lượng số a-tăng-kỳ, trong phần kết nói lại nhóm Phước, do giữ giới nói pháp đối với kinh, là một nhóm Phước, bố thí bảy theo báu đầy khắp Đại thiên thế giới, là một nhóm Phước vì đều là hai Phước. Nói lại nhóm Phước đức, tức chẳng phải nhóm Phước.

Ngài Thiên Thân nói: Phước bất thú Bồ-đề, hai thứ năng thú Bồ-đề, Phước bố thí bất thú Bồ-đề, đều là quả thế gian. Giữ giới nói pháp Phước nhóm. Năng thú Bồ-đề, là Phước giữ giới nói pháp, bố thí kia cao quý chẳng phải Phước thú hướng Bồ-đề, nên nói lặp lại, Phước đức bố thí, tức chẳng phải Phước đức thú hướng Bồ-đề, sau lại đều kết Phước đức nhóm Phước đức .

Trong kinh Năng Đoạn đầu tiên lặp lại hai Phước, kế là chẳng phải riêng một Phước bố thí, sau đều kết hai Phước, Phật pháp cũng vậy,

nhưng thế tục nói Phước đức Phước đức , Phật cũng như vậy, trong các kinh, thường giảng nói Phước đức Phước đức , nay lặp lại nhóm Phước đức thường nói, cũng kết như vậy, nhưng chẳng phải an lặp riêng nghĩa cao quý. Phước bố thí, bất thú hướng Bồ-đề, gọi là đệ nhất nghĩa, đây chẳng phải Hồi hướng bố thí, không tạo ra nhân Bồ-đề.

Ngài Thiên Thân lại nói: nhóm có hai thứ:

1. Chứa nhóm, như gánh nặng 2/tiếu thú, như gồm thâu tính chất, bố thí như gánh nặng, nên gọi là nhóm. Không có nghĩa gồm thâu tính chất, giữ giới giảng nói như gồm thâu tính chất, đặt tên là nhóm Phước. Như ở đời gồm thâu tính chất thường đem đến lợi ích.

Cho nên trong luận Câu Xá chép: -mật uẩn của ông trở lại ta sẽ cho ông, là nghĩa thâu chất, nói về dễ hiểu, cho nên không giải thích lại, bỏ tâm phân biệt, gọi là định tương ưng, và nhiếp tán. Ở dưới giải thích nghĩa khó rất nhiều, Bà-già Bà tức là A kinh chép pháp. Lại nói rất nhiều Tu-già-tha, đầu tiên Đức Thế tôn nói rất nhiều, vì nói nhiếp tâm, để nhiếp tự tâm không tán loạn, tức nói về tự lợi, nên nói thọ trì một bài kệ bốn câu, sau nói rất nhiều thiện thệ, là nói giữ tâm, giúp giữ tâm họ không tán loạn theo bên ngoài, nên nói giảng nói cho họ nghe, giải thích câu vị, tức là văn nói về danh cú, như hợp với lời nói cốt yếu, muốn nói về giữ giới nói pháp hai nhóm Phước cao quý, từ nay giúp họ đối với kinh, nhiếp tâm giữ tâm, chuyên ý cầu học, không có tán loạn. Do hai luận này và ba kinh của ngài Chân đế, Lưu-chi, La-thập chỉ thọ trì giảng nói, nên ở đây thuộc về phải giữ tâm, nhiếp tâm.

Kinh Năng Đoạn chép: Có năm thứ pháp, nếu có nhân thiện nam hoặc thiện nữ đối với pháp môn nầy, dù chỉ bốn câu già- đà mà.

1. Thọ trì.
2. Đọc.
3. tụng.
4. Giảng npói cho nhân nghe.
5. Đúng như lý tác ý, khác với các bản.

Ba cái đầu là tự lợi hai cái sau là lợi tha, giúp cho họ đối với kinh này đúng như lý mà tác ý, chấp có mười hạnh lược nói hai năm các kinh bản tụng, các kinh khác nhau, không nên hòa hợp. Cũng còn các bản nói bốn ngã chấp kinh, Năng Đoạn nói chín, luận chỉ giải thích một bản sơ lược, không giải thích rộng. Nói Vô Lượng A-Tăng-Kỳ như trước đã giải thích .

Luận Kim cương Bát-nhã hội thích , quyển thượng hết.

KIM CANG BÁT LUẬN HỘI THÍCH

QUYỂN TRUNG

Nói rộng trong sáu trụ xứ, trên đã nói ba, dưới đâygiải thích trụ xứ thứ tư, hợp với bốn trụ xứ ở trước, là Tín Hành Địa, trước một Đại A-Tăng-Kỳ kiếp, là giai đoạn dị sinh.Đại văn chia làm ba:

- Kết trước sinh sau, để phát sinh đầu mối của luận.
- Gạn lại nêu tên.
- Tùy nêu giải thích.

Trong đây nói tuy có hạnh khác lìa chướng làm đầu, từ cao quý mà gọi tên. Như nói phát tâm và tu hạnh sáu độ, tuy đều lìa chướng, chỉ do giai vị cao quý mà đặt tên. Tâm đại Bồ-đề, gốc lành tự thể là , hàng phục sở tri chướng, nên nói là Ba-la-mật, nêu ra san tham cho đến ngu si, nên đều phát tâm dứt chướng nhiếp thọ quả đại Bồ-đề. Sáu pháp Ba-la-mật, tịnh tu các hạnh, mỗi pháp cao siêu nên đặt tên, ở đây cũng vậy, ẩn các hạnh khác không nói, mười hai chướng này thứ lớp sinh khởi, nhiếp bốn và hai hạnh nhân quả, trước và sau, cho đến ở sau nên biết, là lìa không có phương tiện khéo léo, dưới đây đều không có giáo thọ, ở sau hợp lại giải thích , văn đầu tiên nên biết.

Trong phần nêu tên, chỉ nêu tên chướng, ở đây đối vối hai chướng, thuộc về chướng nào, đến sau sẽ biết.

Dứt thứ ba tuỳ theo nêu bày theo trong phần giải thích chia làm mười hai.

Trong phần đầu tiên lìa mạn có hai thứ.

1- Ngã mạn.

2. Tà mạn.

Cũng ở văn sau sẽ biết.

Văn đầu có hai.

Đầu tiên phối hợp với bốn nghĩa, thượng tọa trở v.v...xuống, là giải thích nghĩa khó. Văn kinh có hai: đầu tiên hỏi đáp bốn quả, để giải thích lìa mạn, sau dẫn ra rồi thành hiểu biết, bốn quả là bến, mỗi quả có hai. hỏi, và đáp, đây là hỏi bốn quả, đương lúc nhập quán, lại

khởi ý nầy. Ta đắc quả, không cần phải lìa mạn, trong lời đáp của ngài Thiện Hiện. Trong kinh Năng Đoạn , sơ quả, hậu quả, đều nói ta có khả năng đắc quả, tức là chấp có, trong hai quả không có, lược nêu đầu và sau. Vì trong phần nêu để hỏi, bản khác đều chỉ cho quả thứ tư là, nêu theo ba quả trước, nếu vậy theo Vô học còn nói chấp sinh, vì sao nhân hữu học không nói chấp khởi, cho nên chính là trong kinh Năng Đoạn . Ngài Thiên Thân nghi rằng: Nói về bậc Thánh vô vi được gọi tên, pháp ấy không thể chấp nói, như vậy, thế nào là quả Dự Lưu, có thể tự biết ta được quả kia, như vậy theo chứng cho người nghe nói, tức là bốn quả có thể chấp có thể nói, vì thành ý nghi. Luận này quyển trước chép, vì tu đạo đắc quả cao siêu trong không có mạn, các lời trong kinh tức nghi kia đồng với. Nếu nói vô vi không nên chấp lấy thì, làm sao có bốn quả. Nói có thể nói , kia đã có nghi, đối với không đắc không nói nghĩa có đắc có nói, ngã là ngã mạn, vì tánh kiêu ngạo, hoặc là ta có chứng đắc, trong cái không có sở đắc, nghĩa là không có công đức sở đắc, đây là tà mạn nói , cũng là sở nói như vậy, đều là sở nói lợi trong ích chúng sinh, vì ngã kiến ngã mạn là cội gốc, tà mạn v.v... sinh, nên luận nầy chép. Nếu có tướng ngã thì có ngã mạn, cái mà Bồ-tát nên dứt chính là pháp chấp, nêu tên phiền não, để nói lên pháp chấp, ở sau đềuy theo ý theo nên biết. Nay ở đây nói chung là lìa mạn này cho nên trong kinh chép , v.v... Ý nói lúc chứng nhập vô vi, bốn quả đều không nói ta đắc ta nói, đưa ra pháp quán rồi mới nói, ta có khả năng chứng đắc quả nầy. Lại sau được trí quán sở chứng ở trước, sở chứng sâu mầu, quán đó không chấp đắm vào chứng, hành tướng gia hạnh ở trước, bèn y theo hành tướng, mà giảng nói, ta có chứng đắc, chánh chứng vô vi. Nói có đắc chứng là nếu nói đắc chứng, ba quả trước thì do có hạt giống phiền não theo . Lúc này tuy không có phiền não hiện hành, do có hạt giống, nên hai chấp theo sinh, nên nói tức vi, có các ngã chấp. Quả thứ tư nếu có người chứng đắc, chỉ có hạt giống sở tri chướng theo , chánh khởi ra bốn trí, ngã chấp hết rồi, phạm hạnh đã lặp, tuy chẳng phải hiện báo, do chấp hạt giống theo . Nói Ngã, v.v...: lẽ ra pháp chấp khởi, nên ngài Thiên Thân nói: Do có kiết sử phiền não, chẳng phải hành phiền não. Vì sao khi đối với chứng kia, lìa các phiền não như chấp ngã,v.v... cho nên không có tâm như vậy, ta có khả năng đắc quả v.v... Đây là nói lúc chứng, nếu nói ta đã chứng có các thứ tùy , nên khởi hiện hành phiền não v.v... như khi các thứ phiền não khởi, luận chép kiết sử ấy, là hạt giống, khi chứng bốn quả,˜ không nói chấp nói , rõ biết mạn có chấp, đều phải lìa, nay vì lìa đây, nên văn đây sinh. Tu-Đà-hoàn, v.v... văn

của ngài La-thập khác, các kinh khác phần nhiều đồng, giải thích từ ngữ dứt hoặc, đều đúng như lý nên biết.

Phối hợp trong với bốn nghĩa chia làm ba.

- Đầu tiên giải thích theo nghĩa nương tựa.
- Giải thích tướng và nhiếp trì.
- Giải thích Đệ nhất nghĩa.

Trong giải thích nghĩa khó, có ba:

- Đầu tiên giải thích văn kinh, do căn bản ngã tướng mới sinh tà mạn v.v....
- Giải thích thượng tọa Tu Bồ-đề tự nói về ly theo do.
- Giải thích hai hạnh không tranh chấp lý do.

Trong phần tự hiển giải thích kinh. Vì sao Tu Bồ-đề tự hiển, được Tam-muội vô tránh bậc nhất A-la-hán có chung công đức, nói là lìa dục, lìa dục. A-la-hán, A-la-hán:` được công đức vô vi, vì lìa dục mà được, do lìa tham dục, nội chứng vô vi, ngoài thực hành vô tránh, cho nên vô tránh là thực hành bên ngoài, chứng vô vi là đức bên trong. Nhưng ngài La-thập, ngài Lưu-chi đều nói, Đức Phật Thế Tôn nói được vô tránh và lìa dục, ngài chân Đế dịch kinh Năng Đoạn đều chép; Thế tôn và ba hiệu đầu, nói được Vô Tránh, tự hiển lìa dục. Lại các bản đều nói Tam-muội Vô Tránh, chỉ có trong kinh Năng Đoạn nói Vô Tránh trụ. Như trong tám pháp giải thích thoát thì pháp thứ ba và thứ tám nói riêng thân tác chứng cụ túc trụ, sáu pháp còn lại không nói, ở đây cũng như vậy, nói các tam-muội này là trên hết, Đức Thế tôn thường tự trụ, nên nêu tên là trụ, hoặc định nghĩa xứ, do bao gồm hai nghĩa, nên dịch là Trụvì sở chứng. Của mình Vì giúp cho họ tin, nên dẫn điều này làm chứng. Ngài Thiên Thân cũng nói: Tự khen được thọ ký, do tự thân chứng quả, là vì đối với nghĩa kia sinh tín tâm. Vì sao chỉ nói hạnh vô tránh. Phật thường trụ trong công đức, Luận của ngài Thiên Thân dịch có hai nói .

1- Nói công đức cao siêu, giúp sinh tâm ưa thích mong cầu.

2- Sinh lòng tâm tín sâu.

Luận này chỉ có một giải thích là giúp cho tin, sau là giải thích hai hạnh vô tránh, cho nên nội chứng chân lý, lìa ngã sở chấp, trụ lý vô tránh, không có chút pháp, để đắc A-la-hán, ngoại trụ vô tránh, đều không có sở hành, thực hành hạnh nên có vô tránh, do hai môn vô tránh, lý và hạnh, kinh chép lại vô tránh hạnh vô tránh, do không có chút pháp và không có sở hành, nên gọi là an lặp nhất nghĩa bậc.

Ngài Thiên Thân nói: y theo nào Thiện cắt kia, nói lìa hai môn

chướng:

1- Phiền não chướng.

2- Tam muội chướng.

Vì lìa hai chướng ấy nên, nói không có sở hành, hai chướng hiện tiền, vì có sở hành, do lìa phiền não chướng, nội chứng chân lý, được lý vô tránh, các công đức nầy, các bậc A-la-hán đều có, nên luận này nói, cho đến các bậc A La Hán cùng có công đức, gọi là sơ vô tránh. chướng Lìa Tam-muội, và ngoại trụ mà thực hành định kia, gọi là hậu vô tránh, luận y theo lìa hai chướng nói có hai, luận nầy y theo được lý sự hai món vô tránh, mà nói lại hai định nên, không trái nhau.

Thứ hai là lìa ít nghe, trong chia làm hai.Thuộc về kinh lìa chướng, sau chỉ nên quán biết, văn kinh chia làm hai.hỏi, và đáp.

Luận của ngài Thiên Thân chép: Trong đây có thắc mắc rằng Đức Thích-ca Như lai xưa trụ Địa thứ tám, gặp Đức Phật Nhiên Đăng, thọ ký cho Đức Thích-ca. Đức Phật Nhiên Đăng nói: Đây là Đức Phật có thọ ký, tại sao nói pháp không nên chấp. Nay ý của luận nầy, nói có chấp nói. Do không gặp bạn lành lìa pháp Phật xuất thế, không nghe hiểu rộng, vì ít học, nên nói lúc ấy Đức Phật này Đức Phật kia có chấp có nói, nay vì trừ chướng ít nghe, nên có trụ cõi dưới quyển trước, vì bên ngoài không gặp bạn lành, nên có ở dưới kinh giúp cho gặp bạn lành. Quyển này là bên trong có sở trì chướng, vì thiếu học rộng, có chướng ít học , nên nói ở sau, giúp phải học rộng, nên trong kinh chép , học rông có công Năng Đoạn hoặc, học rộng có thể dẫn đến hỷ lạc, học rộng xả bỏ vô nghĩa, học rộng được Niết-bàn. Lại luận chép : Học rộng huân tập, là hạt giống của tâm xuất thế, do ít học nầy, là sở tri chướng, sinh nghi có cả hai chướng, lặp lại luận nghi, khởi lên từ trước. Luận nầy nương vào theo tự mình nghe ít không gặp bạn lành, đều trông mong một nghĩa, cũng không trái nhau. Nếu gặp bạn lành, được gặp Chư Phật, học rộng nghe nhiều. Lại biết Đức Thích-ca ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với nghĩa chân thật không chút pháp nào thật có, không sinh phân biệt, nói vào lúc ấy có chấp có nói, khởi phân biệt nầy, vì không gặp Phật, có chướng ít họ, vì giúp cho gặp bạn lành lìa chướng phân biệt, mà học rộng, nên trong văn kinh nêu ra. Trong thế tục đế có đắc có nói . Trong Nghĩa Đế cao siêu lại không có việc nầy hai luận ba văn đều hướng về một nói , các bản đều đồng, chỉ có bản của ngài Lưu-chi nói: Xưa ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, được pháp Vô thượng Bồ-đề, không có ý nầy đối với nghĩa Đế cao siêu, có sở đắc không nói bản duyên nầy, như trải qua quá khứ hiện tại, có vị tiên Thiện Tuệ thấy năm giấc mộng, trong

luận Bà-Sa ít có khác nhau, trong sớ sẽ giải thích .

Thứ ba là lìa phan duyên nhỏ khởi niệm đối với tu đạo. Ngài Thiên Thân nghi rằng: bậc Thánh đã vô vi đặt tên, nói không thể chấp vì sao các Bồ-tát chấp trang nghiêm tịnh độ, được Phật giảng nói cho nghe. Tức là quyển trước vì nguyện Tịnh Độ Phật, nên Tiểu Bồ-tát sự tu hành của là , nguyện Tịnh Độ Phật nầy, là phan duyên khởi chút ít niệm tu đạo, để cầu sinh Tịnh Độ, làm tướng tịnh để mong cầu, giúp cho chúng sinh muốn về Tây theo phương, đều khởi nguyện nầy, nay vì lìa tiểu niệm tu đạo nầy, nên có văn kinh ở sau, thật nguyện sinh Tịnh Độ, nên tu vô tướng nghiêm tịnh tự tâm. Rộng như trong kinh Vô Cấu xưng có nói rộng Nghiêm về sự trang Tịnh Độ Tướng. Ngài Thiên Thân nghi, từ trước đưa ra quyển nầy, loại và hình sắc quyển trước nói nguyện sinh sự trang nghiêm của, cũng không trái nhau. Phan duyên, nhỏ là chấp có sắc tướng mà tu Tịnh độ, cũng là pháp chấp tham ái sinh, cũng là phiền não, là ý của luận nầy. Luận nghĩa kia vô vi nghi khởi, nên không trái nhau.

Văn kinh chia làm hai, đầu tiên là nói trang nghiêm Tịnh độ, khuyên bỏ hữu tướng quả trang nghiêm, sau khuyên sinh tâm, giúp cho tô điểm tu nhân vô tướng. Văn luận chia làm hai.

Phối hợp với kinh, khuyên bỏ hữu tướng.

- Nêu bày theo phân biệt.

Trong kinh Phật Địa chép: Xuất thế gian cao quí do gốc lành sanh khởi, rộng lớn tự tại, tịnh thức tướng là. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Trì Tập Duy Thức, chấp chung cõi Phật như vậy, chẳng phải hình thể bậc nhất, chẳng phải ý nghiêm trang nghiêm. Nữa bài kệ trên là giải thích văn thứ hai giúp tu vô tướng, nữa bài kệ sau là giải thích văn khuyên bỏ hữu tướng, học trì vô phân biệt, gốc lành làm nhân , nội chứng Pháp thân pháp tánh chân độ vô tướng lý độ, đã vô tròn đầy tướng, báo độ lại mãn, không thể trì biết, không thể nói năng, ngoài vì lợi ich1 chúng sanh, mới hiện cõi tha thọ dụng, và cõi biến hóa, các tịnh độ tịnh thức làm tướng, gốc lành cao quý làm nhân , nên khi thành Phật, chúng sinh có nghiệp thanh tịnh lại chiêu cảm cõi tịnh. Nên trong kinh Duy-ma chép: Muốn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, trước phải trang nghiêm tự tâm, người mới học không biết lấy năm trần làm thể của cõi, phát nguyện mong cầu, tiểu niệm tu đạo, mà thực hành hữu tướng. Nay vì dứt trừ các hữu tướng ấy, người mới học sinh nghi văn đầu tiên , khởi chẳng phải hình trang nghiêm là bậc nhất thể trang nghiêm, chân thật tu tập vô tướng thức, chân thật trì tuệ lại có cả tướng thanh tịnh

cõi Phật vô , Phật y theo vô tướng làm nhà, nói trang nghiêm tịnh độ, là lời không thật, luận của ngài Thiên Thân giải thích , dùng vô tướng hữu tướng trang nghiêm, nên nêu lại trong kinh Năng Đoạn nhắc lại cả hai kết luận cả hai, ngài Lưu-chi đều nhắc lại riêng kết. Ngài chân Đế, ngài La-thập đều riêng nhắc lại hết, chỗ nói tức chẳng phải trang nghiêm, tịnh độvì trang nghiêm hữu tướng,chẳng phải trang nghiêm chân thật khác nhau có ba, có bốn, như trong chương có nói.

Giải thích văn thứ hai có ba.

- Nêu giúp tu vô tướng, nên không có chỗ trụ sinh tâm.
- Nói không có chỗ trụ, năm trần tâm tức lìa tiểu niệm tu đạo.
- Ứng với vô sở trụ kết thành chân tâm, bản khác đều đồng, chỉ có trong kinh Năng Đoạn , ở trong chỗ vô trụ, nói vô trụ ở sắc, vô trụ ở phi sắc, ý của bản khác nói, do năm trần thô, là thể của tịnh độ, mà nhân tu cầu, chẳng phải trang nghiêm, cho nên chỉ cõi tịnh chân thật giúp pháp ấy không trụ năm trần trong kinh Năng Đoạn có nói đủ. Trụ ở năm trần và trụ chẳng phải năm trần, năm uẩn khác đồng, chỉ sinh trụ chấp mà cầu tịnh độ, đều chẳng phải trang nghiêm, chân thật phải là không trụ chấp. Nhân tu tập chân trí thật là trang nghiêm chân thật. (744) Do đồng với hữu tình bên trong và khí thế giới bên ngoài nên phát ra thể độ, không trụ ở hai thân, không trụ trong cụ túc, đây là trang nghiêm cõi Tịnh . Nghĩa môn rộng lớn, không thể nói lược, rộng như trong chương Tịnh độ, sớ Vô Cấu có giải thích , công đức trang nghiêm cõi Phật, thẳng chỉ bày theo trang nghiêm, bèn tăng thêm công đức, trang nghiêm cõi Phật.

Thứ tư là trong lìa bỏ chúng sinh, ngài Thiên Thân nói. Nếu các bậc Thánh đặt tên là vô vi, làm sao thọ lạc báo Phật, giữ gìn tự thân Pháp Vương, làm sao ngoài các thế gian giữ gìn thân Pháp Vương kia? Đây là nghi báo thân có thể giữ gìn tự thể thân tốt đẹp thân cao lớn người khác cũng chấp là cao lớn tốt đẹp, có khả năng giáo hóa chúng sinh, có phi bậc Thánh gọi là vô vi. Nếu vô vi đặt tên, không chấp thân tốt đẹp cao lớn, lại không có việc Chư Phật lợi ích chúng sinh, thì thành các pháp dứt diệt. Đã không có thân cao lớn, bỏ lợi ích chúng sinh, nay vì giải thích lý do nầy, văn sau từ đây nêu rằng, vì lìa bỏ chúng sinh nên trong kinh chép v.v.... Nhưng Phật phương tiện khéo léo. Có mười hai thứ:

1- Bi tâm.

2- Rõ biết các hạnh.

3- Ham cầu trí mầu của Phật.

4- Không bỏ vòng sinh tử.

5- Trở về bất nhiễm.

6- Tinh tấn mạnh mẽ.

7- Nhờ chút ít điều lành mà thành vô lượng quả.

8- dùng năng lực chút nhiếp, hóa nhân có gốc lành lớn.

9- Nhân ghét Thánh giáo thì dứt bỏ xúc não cho họ.

10- Nhân ở trong các trụ giúp họ thú nhập.

11- Nhân đã thú nhập giúp họ thành tựu.

12- Nhân đã thành tựu giúp họ giải thích thoát.

Nên Phật Bồ-tát không bỏ chúng sinh, bỏ tức là chướng. Lại trong bốn chướng, thì Duyên Giác xả tâm, lấy chính làm chướng, các pháp ấy do bậc Thánh đặt tên vô vi, lại không có thân báo Phật cao lớn cao tốt đẹp. Nayvì lìa phân biệt chấp đắm nầy, nên ở kinh, quyển trước ở dưới nói thẳng rằng: Vì thành tựu chúng sinh, nên trong kinh chép v.v...: Tuy do vô vi bậc Thánh đặt tên, do không phân biệt như núi chúa, v.v... mà Phật cũng có khả năng thành tựu chúng sinh.

Luận do ngài Thiên Thân dịch nghi ngờ từ trước mà sanh quyển trước có nói về hạnh ấy, trong đâyvì phá chấp kia, đều y theo một nói , nên không trái nhau, chấp có thân cao lớn, đây là chướng chấp pháp, xa lìa chúng sinh nói không có đại bi.

Văn kinh chia làm hai. Hỏi và đáp.

Luận cũng chia làm hai.nêu phối hợp với kinh và. giải thích hỏi đáp.

Văn sau có hai.

- Đầu tiên giải thích văn hỏi, kinh nói v.v... trở xuống mới giải thích đáp văn, ở đây làm sao nói lên câu hỏi , ý hỏi trong đâylà báo Phật mà Bồ-tát Sơ địa thấy, ngồi trên đài sen trăm cánh, thân xứng với tòa hoa, hóa thân không nhất định. Trong đây nói ví dụ, làm sao nói lên , ở đây nói báo thân, để phá các nghi của họ, nêu ra thân cao lớn mà nói, dụ không có chỗ nói về lại nêu một lượng nhỏ của báo thân để dụ, vì thành tựu chúng sinh ở cõi Dục, lại nêu báo thân, như La-hầu vua A-tu-la v.v... đồng chấp v.v...Tỳ-Ma-Chất-Đa-la. Bài kệ trong quyển năm mươi kinh Hoa Nghiêm chép: A-tu-la hóa thành thân. Bồ tát Kim cương Địa thượng an định đầy theo đủ, nước biển chỉ sâu đến nửa thân, thân ấy cao lớn, như núi Tu-di, Báo thân Phật vì giáo hóa chúng sinh ở cõi dục, hiện như lượng ở núi Tu-di kia, do không phân biệt, còn không nên thấy tự thể kia, huống chi là các thân khác, vì giáo hóa người Mười địa mà hiện thân lớn, dứt sinh phân biệt mà sinh tự thể. Nay trong luận

giải thích rằng: Kinh Phật nói chỉ như núi Tu-di, vì là ai, mà La-hầu ma A-tu-la hóa thân kia, thật bằng lượng núi Tu-di, cho nên Phật chỉ dụ như hóa thân, lượng biến hóa tuy lớn, nhưng trời nhân được hóa độ thì ít, không thể thấylớn, nên thân như Tu-di, chỉ là báo thân, trong đây tạm nói vì giáo hóa trời nhân cõi Dục đã hiện báo thân, từ đây y theo thân Phật A-Di-Đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha-do-tuần, phàm phu Địa tiền chẳng thấy hóa thân Phật.

Trong văn giải thích đáp chia làm ba.

- Giải thích Phật nói chẳng phải thân nói.
- Giải thích thân kia chẳng phải thân nói.
- Nói về pháp được hiển bày.

Văn đầu tiên là Đức Như lai nói rằng chẳng phải thân, là nói lên pháp vô ngã. Cho nên ngài Thiên Thân nói: Đây là nói thọ vui thể báo Phật, đồng với núi chúa Tu-di kia, vì nghĩa hình tượng trong gương, đây nên ở nói báo thân Phật, như núi chúa Tu-di, thế lực cao xa, nên gọi là lớn, như hình tượng trong gương, vì hiểu biết rõ ràng, mà không chấp ngã tự thể của núi chúa kia là núi chúa, vì không phân biệt, báo Phật cũng vậy. Do được thể của Pháp Vương vô thượng, nên gọi là Đại, mà không chấp ngã tự thể của Pháp Vương kia là Pháp Vương, vì không phân biệt. Có phân biệt: Các tâm ngang trái như phiền não.v.v.. này là hữu lậu, Pháp Vương lìa lậu, pháp chứng vô ngã, cho nên không phân biệt, Luận ấy chép: Nếu vậy theo thì không có vật, không có vật, vì không phân biệt, ý nói Phật nói Pháp Vương hiện thân lớn, chẳng phải thân hữu lậu phân biệt, đó gọi là thân lớn, vì thân kia không lợi ích chúng sinh. Pháp Vương hiện thân lớn do chứng pháp vô vi không có lý ngã, vì không phân biệt, mà không xả bỏ việc lợi ích chúng sinh. Vì thể kia chẳng phải thể nói lên vô sinh vô tác. Ngài Thiên Thân nói: Nếu vậy theo thí gọi là hữu vật, vì chỉ có thân thanh tịnh, để xa lìa pháp hữu vì. Do nghĩa này nên, thật có ngã thể. Vì không nương duyên khác mà trụ: ý của luận ấy nói thể của báo Phật thọ lạc chỉ có thân thanh tịnh, vì như vậy, nên gọi là có vật. Cái gọi là chẳng phải thân, có hai thứ thân.

1. Chẳng phải nương thân hữu lậu của nhân gọi là chẳng phải thân của báo thân.

2. Chẳng phải nghiệp ác tạo ra thân đó, nên gọi là chẳng phải.

Trước chẳng phải thân, là chẳng bị phiền não ràng buộc, sau chẳng phải thân là , chẳng phải thân do nghiệp ác tạo ra, nên luận chép xa lìa hữu vi. Xa lìa hữu vi: là nói về báo thân Phật, chẳng phải xa lìa thân nhân duyên, vì nhân duyên khởi, nên thân này là vô vi, như nói

theo pháp thì, chẳng phải việc làm của nghiệp ác, lại tức do đây chẳng phải nghiệp ác làm, đã xa lìa biến kế chấp, thật có ngã thể không nương duyên khác vì tự nhiên trụ. Báo Thân Pháp Vương cũng như hình tượng trong gương, chẳng phải thân, nên làm thân lớn, thể đã chẳng phải thật, sao lại có sinh và thật tạo ra. Nhưng nay luận này và trong kinh Năng Đoạn nói thân là thể, thể nương vào nghĩa nhóm, gọi chung là thân, thể đồng mà tên khác. Nhưng kinh Năng Đoạn nói: Như có sĩ phu có thân cao lớn. Bản do ngài Chân đế dịch chép: Thì như có nhân thể tướng cao lớn, hai bản không khác. Thân đầy theo đủ là tốt đẹp nghĩa, đầy theo đủ tướng trượng phu. Đại phu: là chiều cao lớn to, bản khác đều thiếu, có thắng nghĩa không gì lớn bằng. Lại bản do ngài Chân đế dịch chép: Đức Như lai nói chẳng phải có tên gọi là có thân, ở đây chẳng phải có. Thân đầu tiên chẳng phải có, nên nói hữu thân. Đầu tiên chẳng phải có: là chẳng phải hữu lậu phân biệt. Sau chẳng phải hữu vi chẳng phải có là phân biệt, tên khác mà nghĩa đồng, nói lược là nói trong pháp đây nói về thân tự tánh, là lý Pháp thân vô ngã sở chứng pháp vô ngã. Cùng với tướng là hình ảnh trong gương của báo thân. Sai khác biệt: Nghĩa là chỉ có thân hữu lậu hữu vi, chấp khắp sở chấp thật có ngã, thân chỉ có chỗ, không phải chỉ y theo tha sở chấp hai ngã khác nhau. (745)Vì ba thân khác, nên có ba thứ nầy. Vì trong sở chứng pháp lý vô ngã, nên hiện báo thân hiện ra không có phân biệt, chẳng phải thân hữu lậu hữu vi, cũng chẳng phải sở thân thật ngã chấp, nên gọi là thân lớn.

Địa thứ năm là lìa vui bên ngoài mà nói về tán loạn bên trong, quyển trước có lời thuận, theo do thuận Luận bên ngoài, liền sinh tán loạn. Ở đây Đây có vui, là theo thuận cũng không trái nhau. Y theo Luận do ngài Thiên Thân dịch ở sau trong cái So sánh thứ hai chia làm hai.

- So sánh hơn kém.
- Nói lên lý do hơn kém.

Lý do hơn kém có bốn:

- Nói về chỗ ở của Bát-nhã thì nhân ở chỗ cao quý tức nhân là bố thí tôn quý bố thí Phước phải chăng?
- 2. Nói Bát-nhã Chư Phật đồng nói, chẳng phải chỉ một Đức Phật nói bố thí Phước là không đúng .
- 3. Các dụ như thế giới nói về bố thí Phước nhân nhiễm phiền não Bát-nhã không phải như vậy.
- 4. Nói Bát-nhã sẽ được Pháp thân cũng thành tướng bố thí Phước là không đúng. Tức xét luận này có ba văn, hợp quán hạnh thứ sáu cúng

dường Địa thứ bảy theo và Địa thứ năm này thành một văn. Do pháp So sánh hơn kém kia đồng, hợp thành một, đây là do quán hạnh lưu chuyển khác nhau, nên chia làm ba, luận này trong văn đầu của văn kinh có chín, như hỏi đáp v.v...

- Có năm câu hỏi đáp So sánh hơn kém, chánh phá thuận theo bên ngoài nói về tán loạn.

- Có bốn câu hỏi đáp bác bỏ như lời nói chấp nghĩa, nhưng luận chỉ giải thích Địa thứ năm văn nói về Phật bảo, trong phần đầu.đồng thời giải thích văn sau như lời nói chấp nghĩa. Bản do ngài Chân Đế dịch vốn tên sông Hằng, do dịch ở phía nam, nhân Phía Nam lấy chữ Hà làm chữ Giang, như Hà về phía Bắc, gói sông là Hà, như Hà về Phía Nam, nói Hà là sông, nói Giang cũng vậy. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Vì sao trước không nói So sánh ví dụ đây, vì lần lần giáo hóa chúng sinh giúp họ phát sinh lòng tin, vì nghĩa mầu nhiệm trên hết, lại trước chưa hiển vì sao các công đức cao quý có công năng chứng được đại Bồ-đề, vì thế do vì dụ này thành tựu công đức kia, cho nên nói lại dụ cao quý.

Trong luận chia làm hai.

- Giải thích văn bác bỏ thuận theo bên ngoài nói về tán loạn.

- Nói lên dưới đây là giải thích bác bỏ y theo lời nói chấp nghĩa, văn ở đầu chia làm ba:

- Nêu bày.

- Giải thích .tuỳ theo

- Giải thích .vở bên ngoài luận của thế tục cho là sâu kín, nên bị tán loạn không học tập nội điển. Nay nhân bác bỏ nói rằng: Bảy theo báu đầy theo đủ như cát sông hằng, để bố thí, còn không bằng đối với kinh này dùng một bài kệ thọ trì bốn câu, nói cho nhân nghe. Luận bên ngoài mà sinh tán loạn, lại ít học nhân thường tu Phước bố thí , gọi là Luận ngoài mà tán loạn, không tu trì kinh này mà làm nhân trí tuệ, nay vì dứt tán loạn nầy, nên dùng tài vật ở các thế giới nhiều như cát sông Hằng để bố thí cũng không bằng công đức trì một câu rồi nói cho nhân nghe Nên trong kinh khác chép : Nếu Hằng sa thế giới châu báu đầy theo trong dâng lên, cúng dường các Đức Như lai, không bằng cúng dường pháp, bố thí vật báu tuy vô lượng, nhưng không bằng bố thí pháp một bài kệ Phước còn hơn, huống chi nhiều như trong kinh nói, nay vì dứt tán loạn nầy, có văn sau nói về bên ngoài tán loạn, tức phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa đã ngăn, không cho tập học, sách luận bên ngoài, trong sáu món tán loạn là tùy ứng.

1- Nhiếp chung sở tri và phiền não chướng, có bốn nhân duyên, cho thấybên trong pháp hơn sách luận khác và thuộc về bố thí Phước.

2- Giải thích trong thích cúng dường, ngài Chân Đế, ngài Lưu-chi, ngài La-thập chỉ có trì nói. Trong kinh Năng Đoạn có năm. Đó là: đọc, tụng, thọ trì, giảng nói và tác ý, luận này chỉ có ba:là. Giảng nói.Thọ trì giải thích.

Là nói mà không thọ trì, y theo ở trước chỉ nên Trì, và nói. Hoặc mười pháp hạnh nói năm và ba. Tụng thì khác.

Chi Đề: Tức kinh Năng Đoạn nói là linh miếu, bản khác là tháp miếu. Tiếng Pham nói là Chế-đa, có nói nói là Chi-Đề, Tột-Đỗ Ba là nghĩa Cao Hiển. Chi-Đề là linh miếu, đây là nói lên chỗ ở, là chỗ tôn quý. Khó làm, là nói về hạnh kia tương ưng với lý, nên là khó làm. Khởi niệm là có Pháp thân Phật, hoặc báo hóa thân Phật không tồn tại, thân tương tự báo thân hóa ở đây cũng nói, đây cho nên đáng tôn nặng. Đệ tử cũng như vậy. Trong kinh Năng Đoạn có ba:

1- Chỗ ở của Đại Sư.

2- Tôn nặng nơi chốn.

Có chỗ kinh nầy, tức là tinh Xá Kỳ-hoàn.

3- Đồng phạm hạnh. Bồ-tát Thinh Văn ở trong đó nói, v.v..điều khi giải thích kinh đã nói, nói thọ khác nhau, bản khác chỉ nói, mà không trao nghĩa.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Nghĩa này thế nào, tôn nặng hai chỗ, nhân tập chứng đại thể.

1- Chỗ đã nói là theo chỗ nào? Kinh này giúp sinh tâm tôn nặng tướng đặc biệt.

2- Nhân năng nói tùy nhân nào, năng trì nói cùng với Phật chứng các pháp, vì là nhân tác chứng.có ba

- Lấy cúng dường các tầng trời làm chỗ tôn nặng.

- Thành ít có, là nhân cao quý.

- Sau trong khởi niệm đều nói hai thứ cao quý.

Phần Phá trong lời nói chấp nghĩa. Y theo có hai

- Kết trước hiển pháp khác lạ về trước.

- Sau sinh lại văn sau chia làm hai:

Nói Chư Phật cùng nói Bát-nhã nầy, không chỉ một Đức Thích-ca Như lai nói Bát-nhã nầy, tức gọi là tu riêng nói, mà nói riêng không đáng tôn nặng, cùng nói thì đáng tôn nặng.

- Nói không chỉ Bát-nhã là Chư Phật cùng nói, chẳng những có một nói , mà còn không có một Phật pháp, chỉ có một Đức Thích-ca

nói. Chư Phật không cùng nói, dịch rõ tất cả Phật nói Chư Phật cùng nói, chẳng phải chỉ một Đức Thích-ca nói, nên ngài Thiên Thân nói: Nghĩa này thế nào, không có một pháp chỉ có Đức Như lai nói Phật khác không nói. Lại xét luận nầy, phá chấp y theo lời nói chấp nghĩa giúp cho kia hiểu. Riêng tên gọi Kim cương Bát-nhã, giả đặt tên gọi là. Phật nói Bát-nhã, không thể như lời nói lại sinh chấp thật, nên nói tức là trái, còn tất cả pháp không nói mà nói, cũng như vậy, do trước lý là hơn, nên không có văn kết, đây gọi là Bát-nhã, sau giải thích nên có văn kết, trong kinh Năng Đoạn có văn kết, có thể giải thích chung sau kết, văn nói này nói về tự tướng, kết chung Bát-nhã tức phi Bát-nhã, và giải thích tướng bình đẳng Như-lai không phải có sở nói , nói lên tất cả pháp không chỉ có Đức Thích Ca nói. Đã nói là quấy, phá y theo lời nói chấp nghĩa, nên thuộc pháp môn Đệ nhất nghĩa.

Thứ sáu là trong phần nói về lìa tướng ảnh tượng trong tự tại thì không có khéo léo, thân do tâm biến ra và năm trần đồng với cảnh tướng năm uẩn, là tướng mạo ảnh tượng của tâm thức, cho nên tướng ảnh tượng do chấp thân uẩn và năm sắc trần, cho là thật có, pháp chấp liền khởi, phiền não sinh theo , nghiệp ác đã khởi, các khổ khởi theo , việc làm suy theo nghĩ đều không tự tại, gọi là không khéo léo. Không khéo léo là không thuận theo nghĩa lý, không có nghĩa trí tuệ phương tiện, chứng thần thông v.v...đều không thật có, cho nên không được tự tại, nếu quán thân cảnh, chẳng thật giả hợp. Biết là tướng ảnh tượng của thức tâm, không sinh chấp hoặc, sở duyên sở tác đều được tự tại, thuận theo chánh lý, tuệ này có công năng, gọi là phương tiện khéo léo. Cho nên trong luận Du-già quyển năm mươi bốn chép: Nói cực vi có năm thắng lợi, tức giải thích kinh nầy, v.v... nói các nghĩa cực vi. Nay vì lìa các chấp nầy, đối với tướng ảnh tượng, thân cảnh được tự tại trong đó, không có phương tiện khéo léo, nên có ở kinh sau. Quyển trước nói, vì sắc và thân chúng sinh ràng buộc trong đó quán sắc phá tướng cho nên thực hành. Sắc là nói nói về năm cảnh sắc v.v... bên ngoài, cũng là sở quán, vì có cả trong ngoài, thân chúng sinh tuy có cả năm uẩn, nay nói bốn uẩn để làm chúng sinh, vì đã nói sắc. Bác: Là nghĩa một hợp tướng, năm uẩn hòa hợp thành một nhóm thân, họp như chứa nhóm. Thủ: là chấp đắm, nhân ngu không rõ, đây là chấp nhóm họp thân, chấp là thật ngã thường tịnh lạc, vì chấp chặt nhóm thân họp, nay nói thế giới cực vi, dụ cho đạo lý sâu mầu, giúp các học giả quán thân và cảnh là cực vi, biết ngã vô thường pháp không sanh khởi, bình đẳng với tương ưng với hạnh của lý nầy, tức là người không pháp không, giúp các chấp hoặc

đều bất sinh, là quán phá cảnh thật có các chấp, giúp khởi tưởng nên thực hành văn tư tu, nên có ở kinh sau. Tương ưng là khế hợp với đương nghĩa, tướng là nghĩa thuận, theo tâm khế hợp với lý, mầu thuận với lý, quyển trước nêu sở quán để phá, hiển bày hạnh năng phá, để phát sinh văn kinh. Quyển này nêu cảnh sở quán, không bất sinh phương tiện khéo léo thực hành dứt bỏ không được tự tại, để sinh văn kinh. Nên quyển đầu nêu mười hai thứ, đều gọi là chướng ngại, vì không sinh phương tiện khéo léo các pháp chấp và các phiền não, có cả hai chướng, đều y theo theo một nghĩa, thật không trái nhau. Bồ-tát tu hành tuy là vô biên, ở đây bàn luận sơ lược, không ngoài bốn pháp.

1- Phần hạnh Bồ-đề.

2- Hạnh Ba-la-mật.

3- Hạnh các thần thông.

4- Hạnh thành tựu chúng sinh.

Ba-la-mật, tức Ba-la-mật tịnh trụ xứ ở trước, là phần hạnh Bồ-đề, tức muốn được thân Phật lìa kiêu mạn ít học, lìa tiểu phan duyên tu đạo, v.v.. là hạnh thành tựu chúng sinh, tức không theo tán loạn, là các hạnh thần thông, ở đây là bác bỏ không phương có tiện khéo léo, là nếu có các sắc chướng ngại bên ngoài, vì không tự tại, không được thần thông, cúng dường lợi ích chúng sinh. Tuy nhân không pháp không, do đây thành đầy theo đủ, tăng thêm nói cao siêu, cũng không trái nhau. Lại, Bồ-tát tu hai món tư lương Phước đức trí tuệ, lả thuộc về phước hạnh. Ba pháp kế là lìa chướng, nghĩa là không có Phước tư lương, ưa biếng nhác và, không thể chịu khổ, ở đây có công năng đối trị là thuộc về trí hạnh. Ba món kế lìa chướng: là không có trí tư lương, mà không tự nhiếp, và không dạy theo bảo, ở đây có thể đối trị là thuộc về trí hạnh. Trong mười hai thứ lìa chướng, bốn hạnh đầu hai hạnh cuối, đều do phát tâm. Nếu không có sơ phát tâm, kế là tiến đến làm lành dứt ác, chung riêng hai hành đều không thành lặp. Cho nên đầu tiên nói phát tâm trụ xứ, kế là Ba-la-mật dục trụ xứ, mới lìa chướng, v.v... Tuy là Địa tiền riêng tu, các sở tu của Mười địa, phần nhiều cũng đồng với trước, nên lược qua không nói. Như Bồ-tát địa v.v...cùng nói địa đầu tiên đồng chứng đạo phát tâm thực hành bố thí và lìa chướng ít học, đều như nói ấy. Trong đây là nói theo tướng thô, thậm chí không có giáo thọ, ở sau sẽ riêng xét phân biệt.

Trong đây văn kinh có ba:

- Hỏi.

- Đáp.

- Kết.

Văn luận chia làm hai:

- Nêu tên phối hợp.
- Chính là giải thích kinh.

* Chánh giải thích trong kinh chia làm ba.

- Giải thích kinh chép nghĩa thế giới Tam thiên.
- Kế là giải thích nghĩa cực vi.
- Giải thích nghĩa thế giới.

giải thích thích nói nghĩa thế giớii Tam thiên, vì sao không nói một thân một cảnh, mà nói thế giới. Tam thiên ,nay giải thích rằng: Lúc có chấp thân cảnh, gặp cảnh liền duyên, gặp trần liền chấp, xúc chạm hoặc khởi, không nhất định phạm vi, nên trong luận chép : Kia không hạn lượng, phan duyên tác ý. Nhưng các Bồ-tát từ mới phát tâm, thường đối với thế giới phan duyên tác ý, tu tập Duy thức, thương xót chúng sinh, cho nên trong kinh đều nói thế giới Tam thiên không bớt không thêm.

Giải thích trong cực vi.

Ban đầu là nêu, sau giải thích .

Có các nhân ngu đều chấp tướng sắc thân, ảnh tượng là thật có.

1- Hợp tướng.

2- Chấp liền sinh.

Nay vì phá đây, nói lên hai phương tiện, tiện là nhân , đồng hợp thân thô dùng tế làm nhân , nên không nghĩ nhân là thật có, gọi là bất niệm phương tiện. Lại phương tiện là dụng của tuệ trong sáng, quán thô hợp thân, cực vi là nhân , thô đã là chẳng phải thật và hợp, không nghĩ cực vi thật có, vì có tuệ dụng, tức Duy Thức chép: Vì chấp sắc trần là thật có. Phật nói cực vi, giúp họ dứt bỏ, chính là nghĩa nầy. Nên xét làm phương tiện tức là cực vi, hợp bụi cát của thế giới cực vi làm nhân . Lại dùng tuệ phân tích trần giới làm vi, tuệ dụng khéo léo, tức Duy Thức chép: Các sư du-già mượn tuệ tưởng lần lần dứt bỏ chiết phục, thậm chí không thể phân tích, tạm nói cực vi. Bất niệm phương tiện: Là không chấp cái vi của nhân , là thật có. Niệm: Là quán sát nghĩa chấp đắm, cực vi ở đây Phật tuy tạm ví dụ, e có nhân chấp cho là thật có, nói chẳng phải cát bụi, gọi là bất niệm.

Lại Bồ-tát mượn dụ quán sát không sinh chấp đắm, là tuệ có công năng khéo léo. Cho nên trong Duy Thức chép: Chẳng phải cho rằng các sắc thật có, cực vi phá chấp kia.

Giải thích trong thế giới, có hai:

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích chỗ khó.

Vì phá tướng ảnh tượng của thân chúng sinh, trước quán phá bóng dáng của sắc uẩn sắc thân,có ở cả tình phi tình, không gọi là Chúng sinh. Nay phá bốn uẩn không có ở phi tình, nên gọi là Chúng sinh. Tuy nêu tên gọi chung của năm uẩn chúng sinh, tức là chỉ giải thích tên riêng của bốn uẩn. Ở trong thế giới, nói lên thế giới chúng sinh, nhưng do gọi tên thân là chúng sinh thế. Y nói thế giới có ở cả tình phi tình. Nay nói hữu tình, chẳng phải phi hữu tình, cho nên như vậy. Trước nói cực vi quán sát phá sắc, tức sắc trong ngoài đều ở trong đó, nay văn lại nói có cả thế giới phi hữu tình. Quán sắc lại thành nặng nề, các nghĩa hữu tình có ở cả sắc, phi sắc, chỉ có thủ bốn uẩn gọi là thân, gọi là thế giới hữu tình, ở đây quán phá, tức là lựa chọn nội sắc, không ở trong đây, không như vậy theo thì thành nói hệ nặng. Trước nói Tam thiên Đại thiên thế giới, tức sắc thô, tất cả cát bụi là sắc tế. Cực vi đã nhiều, rõ trần sắc không thật, tức chẳng phải cát bụi, rõ sắc tế cũng không có thật, phá bỏ thô tế đều đã xong, cho nên biết trước nói Tam thiên Đại thiên thế giới tuy cũng đã nói bốn uẩn chúng sinh thế gian, nhưng vẫn chưa nói quán phá bốn uẩn, nay nói quán phá, cho nên trong phần lặp lại kinh này nói riêng bốn uẩn gọi là Thân, gọi chúng sinh thế bất niệm là Thân phương tiện. Nhưng do sắc uẩn có thô có tế, trước nói tất cả cát bụi của thế giới, tức là nói lên thế giới thô sắc không chân thật, lại nói chẳng phải cát bụi, mới nói tề sắc cũng không thật, bốn uẩn gọi là thân đã không có thô tế, trước nói thế giới đã nói bao gồm, nhưng chưa nói về quán phá. Nay vì quán phá, nên văn sau của kinh chép chẳng phải thế giới. Bất niệm phương tiện tuy không có nhân tế, là thô phương tiện mà có thể dứt trừ, gọi là Bất niệm, quán sát bốn uẩn, hiện tại không trụ, quá khứ đã diệt, vị lai bất sinh, cũng chẳng phải thật có, khởi trí tuệ dụng, không hề chấp đắm cũng gọi là nghĩa bất niệm danh thân phương tiện, đây là kinh chép chẳng phải thế giới, ý ở đây chỉ nói, phá cả bốn uẩn, tánh chẳng thật có, do không có bốn cái tế nên thành bốn cái thô, cho nên luận chép , không còn nói tế làm phương tiện. Trong đây văn khó, có thể nương vào đây để cầu lý sâu mầu, y Luận của ngài Thiên Thân, suy theo lường lý do hơn kém có bốn, trong đây dụ thứ ba do bố thí Phước mà sinh phiền não, như có cát bụi của giới, Bát-nhã không phải như vậy, cho nên luận chép : Các Phước đức châu báu kia, là nhân phiền não, nhưng có công năng thành tựu việc phiền não, đây là nhân trì nói, xa lìa nhân phiền não, cho nên nói dụ đất như cát bụi, văn này

ý nói. Bố thí thì vị lai đời và đời hiện tại được Phước , thế gian thành tự thể cao quý, như thế giới kia. Do Phước thế gian ấy sinh ra phiền não cũng rất nhiều, như do thế giới mà có cát bụi, do tự thể Phước thế gian này mà, thành tựu việc phiền não, cho nên có công năng sinh ra phiền não, tương ưng sở duyên, hai thứ ấy tùy đó chuyển, gọi là sự phiền não trì thuyết nầy gần thì lìa bỏ phiền não, xa thì đắc Bồ-đề, nên nói giới địa cát bụi làm dụ. Phước thể của trì nói , chẳng thành tựu việc phiền não, cho nên không sinh phiền não, chẳng phải hai phược tăng thêm, không thuận hoặc, đã vậy theo thì vì sao trong kinh lại nói, tức chẳng phải cát bụi, tức chẳng phải thế giới? Luận ấy tự chép: Vì sao nói cát bụi ấy như vậy, không tham v.v... là thể của phiền não, nên gọi là địa cát bụi, thế cõi kia chẳng phải cõi nhân ô nhiễm phiền não, nên nói là thế giới, ý nói, các Vệ-thế sư của ngoại đạo, nói lúc thế giới hình thành, cực vi có thật, hòa hợp sinh theo một hột bụi, cả ba đều thật có, cho đến xoay theo chuyển, hai đại địa hợp thành một thế giới, một thế giới thầm hợp thành, cũng là thật có thế giới, lúc hoại một phần thành nhiều, đều là thật có, khi kiếp không tan rã khắp nơi, bất sinh bất diệt, không hòa hợp nhau sinh ra cát bụi, cho nên không thấy được. Do tà chấp nầy dứt thường phiền não, tất cả sinh. Nay mượn tông kia lúc thế giới hoại sinh ra để làm ví dụ. Lại các sư Kinh bộ chấp trần thế giới chẳng phải thật, nói các bộ kia, v.v... là chấp cực vi chân thật, trong luận Tát-Bà-Đa thô tế đều thật, vì chấp đây, tranh luận liền xảy ra, tạm mượn làm ví dụ. Như cõi kia hoại cát bụi rất nhiều, nhân chấp cõi trần, sinh mê hoặc không ít, nay mượn tiểu tà, để dụ cho Đại thừa. Do bố thí Phước mà sinh phiền não, như thế giới kia mà có cát bụi, chẳng cái ngã như các thế giới có thật nhiều như cát bụi, các thế giới trong Đại thừa hòa hợp lại thành tuệ để phân tích, thì đều chẳng phải thật có, vì giả hòa hợp, tức do Phật dụ nói các thê giới nhiều như, như nói lại chấp có thật thì cát thế nhiều như cát bụi giới thành, đồng với tiểu tà kia, cho nên đều sai , luận ấy cũng chép Ở đây nói nghĩa ấy thế nào, Phước đức ấy là nhân nhiễm phiền não ô, cho nên nói cát bụi, Phước đức gốc lành kia là cận, huống chi là Phước đức nầy, thành Phật Bồ-đề, có công năng và thành tướng trượng phu, trong Phước đức cao quý. Ý nói Phước bố thí tài phát sinh, gần là nhân phiền não, giống như cõi có bụi, Phước trì nầy thuyết xa thì thành Chánh Giác và tướng trượng phu, cho nên Phước đức kia đã lặp bày theo như Hằng sa, không bằng trì một câu kinh mà nói cho người nghe, nhưng bản khác đều đồng, chỉ có trong kinh Năng Đoạn và luận nầy, nói đại địa cực vi, do thế giới Đại thiên có cả giả và thật, cho

đến có cả một và nhiều. Nay nói một và nhiều làm ví dụ nên nói đại địa, Trần mới dụ cho nhiều.

- Hỏi vì sao ngài Thiên Thân giải thích So sánh Phước đức của các cõi nhiều như bụi, ngài Vô Trước giải thích các cõi nhiều như bụi gọi là phá uẩn thân chứa nhóm.

- Đáp, lý có trăm đường, nhọc gì một dấu vết. Ngài Thiên Thân y theo giải thích nghi để rõ nghĩa, thành Phước đức để nói văn. Ngài Vô Trước y theo thứ lớp trình bày theo tông, nói quán kia mà trình bày theo lý.

Đầu tiên quán có khác, lại xét không trái, lại có hai thứ không khác nhau, ngài Thiên Thân chỉ chung, ngài Vô Trước giải thích riêng, ý ngài Vô Trước nói, vì sao Phước tài thí là nhân phiền não? Nghĩa kinh trình bày theo đủ, nên có nói nầy: Nghĩa là do tài thí cảm chiêu quả năm uẩn, sắc có cả tình phi tình, bốn uẩn chỉ có ở tình, phàm phu không đạt được, cũng quán giả tướng đồng chấp hợp lại trong đó, chấp là thật có, khởi ngã thường, v.v... các thứ phiền não như, do đây mà sinh tử trôi lăn không cùng, cho nên chẳng có phương tiện khéo léo không được tự tại. Nay nói giới trần dùng làm thí dụ, giúp quán sát do Phước bố thí mà được quả thể, là phương tiện không được tự tại, hợp lại mà nói là giới trần, dùng làm thí dụ, giúp cho quán sát Phước bố thí, tất cả bóng dáng của tánh trong ngoài sắc thô tế và bốn uẩn trong thân, đều chẳng thật có. Không nên đối với đó chấp chặt sinh mê hoặc, vào ra lên xuống trong sinh tử, nên được phương tiện khéo léo, được tự tại, ở đây trình bày giải thích riêng, khuyên nên khởi lý mầu tương ưng nầy, văn tư tu thực hành quán sát, thế giới chẳng đúng phải nương theo tu học, cho nên luận ấy nói không trái với đây, lại có hai thứ không phân biệt, tâm ngài Thiên Thân nói chung, Phước do bố thí sinh v.v...là hữu lậu, là nhân phiền não, Phước trì nói là vô lậu, chẳng phải nhân phiền não. Ngài Vô Trước ý nói, bố thí sinh Phước do tự thể năm uẩn, còn chẳng thật có, huống chi làm nhân cho các phiền não, trì nói không phải như vậy, trì nói sinh Phước là quả của pháp thân, đã là thật có, huống chi có thể diệt tất cả phiền não, chẳng phải nhân phiền não, cho nên phước trì thuyết, hơn cả quả tài thí.

Địa thứ bảy theo là lìa không đủ Phước tư lương, hễ tu chánh đạo, Phước tuệ đều tu. Luận Trang Nghiêm nói Phước đức trí tuệ hai món tư lương, Bồ-tát khéo tu mé vô biên , đối với pháp tư lương khéo quyết định, mau chóng giải thích ý nghĩa như lời nói, nên thiếu Phước đức , chẳng phải chân thật tư lương, do có các pháp chấp san tham, không

thích bạn lành, không thực hành cúng dường, lại không gặp Chư Phật, nhân của thiếu Phước đức là lìa chướng nầy, nên có kinh ở sau. Ở đây nói do ngu si san tham, thiếu thực hành nhân Phước đức , quyển trước nói do tuệ ngộ không, tham, sân v.v..., vì thế ưa gặp bạn lành, gần gũi cúng dường, thực hành chánh hạnh, có văn kinh ở sau, cho nên cúng dường hầu gần Đức Như lai, cũng không trái nhau, ở đây nhiếp cả hai hạnh.

- Đầu tiên gần gũi bạn lành, tức là hầu hạ Đức Như lai.

- Cúng dường Chư Phật tức cúng dường Đức Như lai, gần gũi cúng dường gieo trồng các gốc lành, gieo trồng Phước đức .

Thế nào gọi là gần gũi bạn lành.. Trong kinh Thiện Giới chép: Giới không có thiếu kém, học rộng tu chứng, buồn thương không sợ, chịu đựng không mỏi mệt, lời lẽ nói, gọi là tướng bạn lành, cầu lặp bày theo lợi lạc, đối với đây chánh trí có công năng, khéo léo phương tiện lợi ích không bỏ đại bi, không nghiêng lệch, không bè đảng, gọi là bạn lành, việc làm không luống uổng, oai nghi đầy theo đủ, lời nói hành vị nghiêm túc, không mỏi mệt, không ganh ghét, cần kiệm chứa để làm được việc gì đều xả, khuyên can nêu ra giúp cho nhớ nghĩ, dạy theo trao chỉ bảo, có thể cho họ nói pháp nghe, đây gọi là bạn lành, có thể làm chỗ nương. Đáng kính tin Đủ ba tướng trên, nên gọi là bạn lành, huống chi Đức Như lai, có bịnh vô bịnh, kính mến hầu hạ, đưa ra câu hỏi kính lễ, tu nghiệp hòa kính, bốn việc giao vật đúng thời không thiếu, lại nương vào việc để hỏi, theo câu hỏi mà không dao theo động, gọi là gần gũi, do vì nghĩa này nên, kinh gọi là cung cấp.

Thế nào là cúng dường Như lai, có mười việc cúng dường:

1- Hiện tiền.
2- Không hiện tiền.
3- Hiện tiền không hiện tiền.
4- Tự
5- Tha.
6- Cả tự lẫn tha
7- Tài kính.
8- Rộng lớn.
9- vô nhiễm.
10. Chánh hạnh cúng dường.

Đều rộng như chín nhân cúng dường tu Phước của Địa tiền Bồ-tát, thứ mười một là tu nhân tu trí, làm nhân tu Phước , lúc gần gũi cúng dường Như lai, chớ chấp các tướng cho là Như lai gần gũi cúng dường,

vì pháp thân Như lai là chân Phật thật, trong kinh Vô Cấu Xưng chép: Đức Phật hỏi ngài Vô Cấu.

- Thế nào là quán Đức Như Lai?

- Như kia nói rộng quán Đức Như lai, ở đây cũng nên như vậy.

Luận do ngài Thiên Thân soạn, có bốn nhân duyên, So sánh hơn kém, đây là trì nói đắc Bồ-đề thứ tư, cho đến các tướng bố thí Phước không phải như vậy. Trong luận chép: Vì sao nói Phước đức của trì thuyết kinh này sẽ được thành Phật Bồ-đề, và thành tứơng trượng phu, vì trong Phước đức cao quý, thí Phước không phải như vậy, lại Phước này hàng phục thí Phước, cho nên Phước của kinh trì thuyết, là gần gũi nhất, cao quý nhất, ý nói trì thuyết tuy được các tướng, các tướng tuy chẳng phải thế của Bồ-đề chân thật, không nên chấp làm tướng Như lai chân thật, cũng đồng với luận này vì ngoài gặp duyên lành, gần gũi cúng dừơng Như lai, cho nên lúc trì nói kinh, không nên chấp các tướng cho là chân thân của Phật, thân ba mươi hai tướng cõi, chẳng phải thể tướng pháp thân, tức là nói trì nói được ngoài hiện các tướng chân thật pháp thân Bồ-đề và trì nói, sẽ được Thánh đạo Năng Đoạn trì Phước, thì Phước bố không như vậy, cho nên trì nói cao quý còn Phước bố thí là kém.

Văn kinh chia làm hai: là hỏi và đáp:

Văn luận chia làm hai.

Nêu tên phối hợp với giai vị.

- Giải thích ý nên biết, diệu thể của Phật là pháp thân, không nên chấp tướng cho là chân Phật thật.

Thứ tám là lìa biếng nhác, ưa lợi dưỡng: Nếu tu tư lương, phước kế là nên tu nhân Phước, nếu đời đương lai gần gũi cúng dường Như lai thì đầy theo đủ Phước tư lương, cho nên khi giữ giới nói kinh nên lìa biếng nhác buông lung và các lợi dưỡng cung kính mà phải thường siêng năng thực hành không buông lung, không nên chấp các lợi dưỡng cung kính, cho nên trì nói kinh nầy, để tu nhân Phước. Nếu đối với biếng nhác và các lợi dưỡng mà sinh ưa thích và vị ham muốn, thì không thể thực hành trì nói cao quý, đời đương lai không được gần gũi cúng dường Như lai, trí tư lương kia lại không đầy theo đủ. Đây là nói các lợi dưỡng, tức quyển trước nói. Vì xa lìa lợi dưỡng mệt mỏi nóng bức, đối với tinh tấn hoặc lui sụt hoặc không tiến tu, cho nên trong kinh chép . đây là nêu biếng nhác, các chấp đối với tinh tấn hoặc lui sụt, hoặc không nhác chướng, và nêu trong lợi dưỡng sinh duyên ưa vị, đồng chấp với duyên mệt mỏi và nóng bức, đâu là do ưa vị cúng dường, và lúc siêng năng,

thân có mệt mỏi nóng bức làm duyên, bèn lui sụt tinh tấn, đâu chẳng ở không lui sụt, rồi không phát khởi tâm tinh tấn. Nếu Luận đều có buông lung, buông lung là không phát tâm tinh tấn, hợp lại có ba duyên bốn chướng. Ba duyên là

1- Lợi dưỡng thuộc cung kính.
2- Thân mỏi mệt.
3- Tâm nóng bức.

- Bốn chướng là:

1- Biếng nhác.
2- Lui sụt. Tức chẳng được.
3- Buông lung.
4- Ưa vị tức tham ái.

- Lại có bốn hạnh.

1- Tinh tấn.
2- Không lui sụt liền được.
3- Không buông lung.
4- Không tham chấp đắm.

Luận thì, lại có tâm hổ thẹn thành năm. Sáu do phá chướng kia, vì nói hạnh kia, có văn kinh. Ở sau luận của ngài Thiên Thân chép: Dưới đây văn kinh chép trong Phước nầy đức kia, Phước càng cao quý, dứt bỏ thân mạng, quý nặng ở chỗ xả bỏ của cải châu báu So sánh hơn kém, giúp bố thi tài vật cao quý, tâm xả bỏ vô lượng quả Phước báo của thân mạng như vậy, đây là Phước trì kinh hơn Phước kia, nhưng vì xả bỏ thân mạng thân tâm khổ, Phước còn vô lượng, huống chi vì pháp bỏ nhiều thân mạng, mà Phước không nhiều? Phước kia tuy nhiều, cũng không bằng Phước trì kinh chép kinh, Nhân của Vô Thượng Bồ-đề, giúp cho Phước kia, vì thế muốn vì đời đương lai gần gũi cúng dường Đức Như lai gieo trồng Phước tư lương. Đối với kinh nầy, thọ trì giảng nói, chớ sinh biếng nhác, do Phước thọ trì giảng nói, còn hơn bỏ nhiều thân mạng, vì nhân Bồ-đề, vì nói đủ tư lương cầu Phước , vì nghĩa này nên có ở kinh sau.

Văn chia làm ba:

- Hỏi để So sánh.
- Buồn khóc để đáp.
- Sau ấn khả để nói .

Văn luận chia làm hai.

- Nêu tên phối hợp.
- Giải thích văn kinh.

Giải thích kinh cũng có ba, ở đây nói về chỗ nào. Văn giải thích câu hỏi nên biết, vì sao trong đây ở sau giải thích hai văn khác, hợp lại có năm:

1- Giải thích ý rơi lệ.

2- Phá tưởng như nghĩa.

3- Phá đắm vị lợi dưỡng có lỗi biếng nhác, sinh tâm hổ thẹn và lìa lui sụt để tinh tấn.

4-Vì lìa không phát khởi tinh tấn.

5- Khuyên không buông lung sinh hổ thẹn thứ hai.

Ba thứ đầu ở trong lời đáp, hai thứ sau trong nói lên .

1- Trong giải thích rơi lệ, vì nghe pháp công đức còn hơn bỏ nhiều thân mạng, cho nên thành rơi lệ.

Ngài Thiên Thân nói: Nghĩa thân khổ, nên sinh buồn khóc, tức nói bỏ nhiều thân khổ không bằng nghe pháp nghe kinh sâu mầu, cảm kích sinh tâm buồn thương, không nghĩ đến khổ kia, mượn làm ví dụ. Văn luận thiếu ít, lý phải như vậy, không nên đối với việc đó vọng sinh xuyên tạc. Ngài Thiên Thân nói: Ngài Thiện Hiện tuy có mắt trí, thuở xưa chưa được nghe, cho nên ít có. Nói Thinh Văn có mắt trí v.v... vì sao lại ít có. Vì pháp môn này là bậc nhất, vì thành Đệ nhất nghĩa ít có nầy, nên dẫn ở trên đã nói thắng nghĩa thành tựu. Nói Phật nói Bát-nhã v.v... Vì sao? Vì nói Bát-nhã, trong năm thứ bờ kia là bờ kia trí, Chư Phật cùng nói. Chẳng phải Phật thì không ai có khả năng So sánh với bờ kia trí, cho nên sai. Chứng minh kinh là trên hết, giúp sinh siêng năng tu học, bản khác phần nhiều đồng, chỉ có kinh Năng Đoạn , khen Phật như đã nói: Đức Như Lai Ngày nay phát khởi thừa tối thượng tốt đẹp, làm các nghĩa lợi. Bản khác đến sau vì lìa vắng lặng mới có văn nầy, cũng là nhân tụng khác nhau, ở sau tự giải thích . Ngài Chân Đế và Lưu-chi, cho đến luận này đều có nói lại ở đây. Phật đồng với Bát-nhã, luận do ngài La-thập dịch và kinh Năng Đoạn hai bản đều không, có do nhân tụng giản lược.

2- Phá tưởng như nghĩa trong đó có hai.

- Phối hợp giải thích văn ở đầu lìa lỗi.

- Giải thích phá chấp tướng thật, trí tưởng thật chứng là pháp lìa lời nói, như lời nói lại chấp có thật nghĩa, chẳng phải tướng thật, phá nghe trước nói sinh chấp thật luận nầy, kinh Năng Đoạn , ngài Chân Đế đều nói tưởng thật, ngài La Thập, ngài Lưu-chi đều nói thật tướng. Thật tướng là sở thuyên của kinh, thật tướng mới chứng được chân trí thật, nhân tụng có khác sau giải thích phá chấp thật tướng, tức thật tướng

nầy, vì chẳng phải thật tướng. Nói chẳng phải thật v.v... là phá chấp đấm. Ngài Thiên Thân giải thích Pháp môn này khác nhau. Trong đây có thật tướng, giải thích này trước nói Phật nói Bát-nhã, chẳng phải nghĩa Bát-nhã của nhân. Khác: Là chẳng phải thật tướng, ngoài Phật pháp, các chỗ khác không có thật tướng. Vì chỗ kia không hề có thật tướng, không hề sinh lòng tin. Phật đã nói nơi chỗ là do có thật tướng, thật tướng lại sinh, chẳng phải Phật nói chỗ. Đã không có thật tướng, thật tướng lại bất sinh. Nếu vì tụng kinh nầy, có tướng tướng khác. Ngài La Thập nói: Thật tướng là thế nào? lại có thể nói sinh, nên xét kỹ.

3- Phá đấm vị lợi dưỡng có lỗi biếng nhác trong, sinh tâm hổ thẹn là lìa lui sụt tinh tấn chia làm bốn.

- Lặp lại kinh, giải thích ý.

Hiển bày tướng sinh hổ thẹn, giải thích không có hai chấp, sau giải thích thành lìa lui sụt tinh tấn, ý văn dễ hiểu. Đây ở lặp lại kinh rằng: Hoặc phân biệt hoặc tin hiểu trong văn sau, giải thích kinh khác đều không có, chỉ một bản này có. Ngài Thiên Thân nói: Lại pháp môn này chắc thật sâu mầu. Vì sao? vì thọ trì kinh nầy, suy theo lường tu tập, không khởi các ngã tướng, do kinh sâu mầu, đời đương lai có thọ trì, lại không có ngã tướng. Trong đây, phối hợp riêng với văn kinh không có hai ngã tướng, luận kia khácít, không khởi các ngã tướng, chỉ bày theo cảnh giới sở chấp không có tướng điên đảo. Các tướng như ngã v.v...tức là phi tướng: Là chỉ bày theo cảnh giới năng chấp không có tướng điên đảo, hai pháp này là nói chung ngã không, pháp không, không có ngã trí, đời đương lai trì kinh sẽ sinh hai trì nầy, cho nên hội hai luân.

- Giải thích nghĩa kinh, do Phật chứng thành nghĩa này rằng: Vì sao? Vì lìa tất cả tướng, thì gọi là Chư Phật, nên hợp thành một văn, nay ở đây chia làm hai. Trong kinh Năng Đoạn chép: Nếu đời đương lai sau này thời gian sau chia ra sau năm trăm năm chánh pháp sắp diệt, thời phần chuyển. Ngài La-thập dịch đồng, tức là lúc hành pháp sắp diệt. Vì sao hai giải thích trước trì kinh và giảng nói, đều là hạnh. Mười môn pháp hạnh đều nhiếp hết, đến thời Mạt pháp, không có hạnh nầy, không cần làm câu hỏi, khi chánh chứng có hạnh không nghi. Hành pháp mới hưng thạnh có hạnh không mê hoặc, cho nên nói hành pháp khi sắp diệt, bản khác đều sơ lược, nói chưng là đời đương lai, chép rằng luận nầy, đời đương lai một khi thọ trì. Ngài Lưu-chi, ngài La-thập nói có hai: Tín hiểu và thọ trì. Tín hiểu là trong mười pháp hạnh hạnh lắng nghe. Bản của ngài Chân đế có ba: Cung kính, thọ trì, giảng nói cho nhân nhge. Cung kính tức thân cúng dường. Trong kinh Năng Đoạn cũng chép:

1- Lãnh ngộ, tin hiểu lắng nghe.

2- Thọ trì.

3- Đọc tụng.

4- Tụng rồi nghiên cứu thông suốt.

5- Giảng nói cho nhân nghe.

6- Đúng như lý suy nghĩ.

Tụng có lược và rộng, giải thích là lìa lui sụt để tinh tấn, trong chia làm ba.

- Giải thích kinh phật chép : Lìa tất cả tướng giúp cho Bồ-tát học tướng gọi là chấp tượng, vì nhân của lời nói, nhân của phân biệt, là một tướng đảo trong bảy theo thứ đảo, tương đương với tướng đảo. Tưởng này phân biệt thành rộng.

- Giải thích sinh khởi.

- Giải thích văn thứ ba ở trước trong đó kinh chép hoặc phân biệt hoặc tin hiểu, v.v... Ngài La-thập, ngài Lưu-chi nói: Tin hiểu thọ trì, ngài Chân Đế chỉ nói tin hiểu. Trong kinh Năng Đoạn chép: Lãnh ngộ và cũng không phải thọ trì. Ở đây nhắc lại kinh không có trong giải thích , đã giải thích nghĩa thọ trì, cho nên nhiếp tức trì, lẽ ra nói trì nghĩa là nhiếp, văn truyền viết lầm. Tín hiểu tức là phân biệt, câu sau giải thích câu trước, bốn câu vì lìa không phát khởi tinh tấn. Một khi đã lui sụt rồi không phát nữa , cả hai cũng không bao gồm chưa phát chia làm hai.

- Phối hợp kinh giải thích ý nên biết.

- Sau đối với Thinh Văn Thừa ở dưới giải thích các nghĩa như kinh sợ,.v.v.., kinh này chỉ nói hai thời pháp luân. Là Tiểu và Đại

Đại: là xe của vua chúa.

Tiểu: Là xe lừa, nên nói không hữu đều là Thinh Văn Thừa, trong không vô ngã thể có pháp ngã thể, nên biến hóa hồi tâm mà nói kinh đây, nên kia đối với nầy, nghe mà không kinh sợ, v.v... hai giải thích nên phân biệt biết, xem văn kinh nầy, không phá hai tánh y tha và Viên thành. Ngài Long Thọ thì không như vậy, cho nên ngài Thiên Thân nói: Nghĩa chẳng phải chỗ sinh sợ sệt, nên gọi là Kinh sợ , do tâm đáng quở trách, nên chẳng phải như hạnh chánh đạo. Nghĩa là thể tánh Bát-nhã nầy, là ác chẳng phải chỗ đạo lý, chỗ đó đáng quở trách chẳng phải hạnh chánh đạo. Cho nên kinh sợ kia mà nói rằng. Bố: Là tâm thể sợ sệt, đều do không thể dứt tâm nghi. Nghĩa là nghe kinh này tuy chẳng phải rốt ráo, nên không thể dứt nghi. Nghi chẳng phải tốt đẹp nên sợ kia nói rằng: Chữ úy theo là một bề sợ sệt, tâm ấy hoàn toàn rơi vào nghi ngờ sợ sệt. Nghĩa là nghe kinh này hoàn toàn sinh sợ, e rằng theo tu học

sẽ đọa lạc, lìa ba việc ấy, gọi là không kinh không sợ không lo, các bản khác đều đồng. Trong kinh Năng Đoạn chia kinh sợ làm ba:

Hợp bố úy theo thành một cũng chỉ nói ba.

5- Khuyên không buông lung, sinh hổ thẹn thứ hai, trong ấy chia làm ba.

- Nêu lên phối hợp với kinh.
- Nói về khuyến tướng.
- Giải thích văn kinh.

Trước trong điều thứ ba đã khuyên lỗi đắm vị lợi dưỡng biếng nhác các Bồ-tát sinh tâm hổ thẹn. Nay điều Địa thứ năm lại khuyên không khởi tinh tấn, nên Bồ-tát sinh tâm hổ thẹn, vì vậy theo gọi là thứ hai sinh chổ hổ thẹn , phối hợp với văn nầy, nói Ngày nay Bồ-tát hổ thẹn ở tâm. Trong khuyến tướng nói: Pháp này cao siêu như vậy, các thầy theo không nên buông lung mà không học. giải thích khuyên hành tướng hổ thẹn, giải thích trong văn kinh, là nói lên sáu Ba-la-mật và Ba Tạng giáo cao siêu đều là hạnh sở thuyên, đều đến bờ kia, kinh này tuệ độ là hành vô tướng, là đạo cao quý, sẽ đến Bồ-tát, các độ khác không bằng là, pháp bậc nhất của Phật nên gọi là bậc nhất, chẳng phải mà người khác biết bậc nhất. Hai nghĩa của ngài Thiên Thân giải thích nghĩa bậc nhất, pháp đây hơn Tu-Đa-La, lại là nhân lớn nên gọi là bậc nhất, do chánh đồng với ở đây, chẳng những Phật Thích-ca của ta bậc nhất, vô lượng Phật kia cùng nói đệ nhất, vì đồng nói, nên đáng tôn đáng nặng, tối thắng bậc nhất nên ngài Thiên Thân nói, Pháp môn này gọi là Thanh tịnh. Do vô lương Đức Phật nói. Thanh tịnh là nghĩa lìa lỗi, nghĩa tự tánh tịnh, thuận theo lìa lỗi vì chứng tánh tịnh. Do đây bỏ các thứ châu báu v.v..., cho nên đây là cao quý, đây đồng với ngài Lưu-chi hai bản của. Trong kinh Năng Đoạn đầu tiên nói rõ cộng nói , sau nói rõ chẳng phải người khác bậc nhất, nên gọi là Bậc nhất. Trong bản của ngài Chân Đế nói không có gì chẳng phải bậc nhất. Trong bản của ngài La-thập chỉ có đầu tiên , sau đều có chung. Thế của văn sau tuy ít, giải thích cũng có thể được.

Thứ chín. Là lìa không thể nhẫn khổ. Đã mong phước vị lai,bèn tu nhân phước,khuyên cố gắng tuy thành nhưng phải có khả năng chịu khổ Nếu tu chánh đạo, không nỡ hại nhân, không thể chịu đựng lạnh nóng mỏi mệt, sinh già bệnh thì, tuy siêng tu đạo, lại đồng với Hai-thừa, hoàn toàn nhập vào vắng lặng, cũng không có quả Phước cho nên không thể chịu đựng, đường khổ sinh tử luân hồi, không thể bỏ sinh tử, mê đắm Niết-bàn, không phát đại ý. Nếu không nỡ hại, thì trái với

mình, lại sinh tâm tức giận, không thể nhiếp thọ, cũng không có tướng tốt, bốn chúng tám bộ đồng với tất cả quyến thuộc. Nếu không thể chịu mỏi mệt thọ dụng khổ, không thể siêng năng, thường sinh thất bại lui sụt. Nếu không thể nhẫn nại, thì hai đế lý của Phật không thể thuận học, Phước cao quý để thành Phật làm sao được sinh, cũng không thể chứng lý sâu mầu, cho nên không thể nhẫn nại tức là tức giận biếng nhác ngu si, thuộc cả hai chướng, chẳng phải gặp duyên lành tu Phước cao quý, nên nhẫn nại được, tức là không có tuệ tinh tấn chân thật, xét ba nhẫn tánh của tuệ, chịu đựng sinh tử và thiếu thọ dụng, vì đều tinh tấn, trợ giúp duyên lành của nhân Phước cao quý. Luận văn chia làm hai.

- Nêu tên gọi thuộc về kinh.
- Giải thích nghĩa kinh.

Trong đây là lìa không chịu được khổ, nêu sở tri chướng, nói lên công năng tu hành, quyển trước chỉ nói là nhẫn khổ, nhưng nói được ý chánh hạnh, để phát sinh văn sau. Luận của ngài Thiên Thân chép: Rộng cũng là dứt nghi. Vì sao hỏi điều nghi, nói bỏ thân khổ, để bỏ thân kia, quả báo thân khổ, mà Phước kia kém, y theo theo pháp môn nầy thọ trì giảng nói thực hạnh hạnh khổ của Bồ-tát, khổ hạnh ấy cũng là quả khổ, làm sao pháp môn nầy, thân quả báo Phước cao quý, mà không chiêu cảm các quả khổ sinh tử, ý nói ở văn sau. Trước là bỏ thân mạng, không thể chịu khổ, nên chiêu cảm Phước kém, vì pháp bỏ thân, mới chịu được khổ, nên chiêu cảm Phước tốt, ngài Thiên Thân nghi khởi từ trước, luận này chân thật giải thích văn sau, mỗi việc y theo kinh kia, lý không trái bỏ.

Giải thích nghĩa kinh, chia làm hai:

- Nêu bốn khoa, nói về kinh sau. Kinh cũng chia làm bốn.
- Sau y theo theo nêu bày giải thích có bốn thứ.

1- Như điều nhẫn được như chỗ đối với thể năng nhẫn của chân cảnh. Luận giải thích : Do thông đạt được pháp vô ngã, hoặc nhẫn được pháp năng nhẫn. Đối với cái có thể thực hạnh gọi là Sở đối, điều gọi là năng cảnh. Năng là năng hành, như thể năng nhẫn của cảnh sở đối, gọi là như sở năng nhẫn, tức là thể tánh của nhẫn.

2/- Dùng tướng nào để sinh ra nhẫn, ở đây có hai:

a/. Tướng trạng nhẫn, lấy gì làm tướng, nghĩa là không có sự tức giận.

b/. Nhẫn điều phải nhẫn, dùng pháp gì làm chỗ sinh nhẫn, tức là dùng chỗ nhẫn khác và tất cả pháp khác, mà làm chỗ sinh nhẫn, đó gọi là ở chỗ khác nhẫn tức gọi là không tức giận, ở chỗ không có các độ,

chẳng sinh tướng hữu vô, đây là quán sát kỹ pháp nhẫn. Thể là tuệ xét, sơ lược không có an nhẫn chịu khổ.

3/- Như nhẫn có khác nhau, tức các thứ nhẫn. Các thứ nhẫn là nghĩa tương tự, nêu chỉ trước sau sở hành nhẫn độ, để nói về hạnh nhẫn, gọi là nhẫn khác nhau.

4/- Nói về đối với hạnh nhân duyên kia, nhân duyên là nghĩa sở do của đạo lý, bị ba khổ ép ngặt, là sở do của đạo lý không thể nhẫn. Nay nói hạnh nhẫn là có thể đối trị, là sở do của đạo lý không nhẫn được.

Theo trong vào nêu lên giải thích bốn pháp.

Đầu tiên giải thích như sở năng nhẫn, có hai:

- Hiển bày .

- Thuộc về nghĩa đầu của kinh nầy, ý hỏi thế nào là chân thật cảnh sở tri mà thực hành Năng nhẫn. Năng nhẫn là tâm cầu tuệ không vô sân v.v... vô sân này như pháp sở chứng kia là lý cảnh vô ngã, mới có thể nhẫn được. Cảnh đã vô ngã, thì tâm nhẫn cũng làm sao có ngã cho nên có thể nhẫn vô sân đồng tu lý vô ngã, là cảnh sở tri. Ở đây dịch văn lược chỉ nói năng nhẫn. Nên nói thế nào là như cảnh sở chứng mà làm năng nhẫn, nghĩa là pháp vô ngã, kinh trong´ Sằn-Đề Ba-la-mật, mới chánh nói về thể năng nhẫn. Luận do Thiên Thân soạn chép: Tuy đây là hạnh khổ do quả khổ, mà hạnh khổ này không sinh mỏi mệt, vì có nhẫn độ gọi là bậc nhất, trước xả thân khổ bèn sinh mỏi mệt, không gọi là Nhẫn độ, vì chẳng phải bậc nhất. Ba-la là nghĩa bờ kia, bờ kia có năm điều.

1. Trì, 2. Giáo, 3. Lý, 4. Hạnh, 5. Quả. Cùng tận năm pháp nầy, gọi là đến bờ kia. Y theo kinh Hoa Nghiêm phẩm Hồi hướng, có mười thứ bờ kia:

1- Độ sinh tử thế gian bờ kia thường
2- Độ các ấm bờ kia
3- Độ ngôn ngữ đạo bờ kia.
4- Độ chúng sinh tướng bờ kia.
5- Độ thân kiến bờ kia.
6- Độ bất kiên cố Bờ kia.
7- Độ các hạnh Bờ kia.
8- Độ các cõi Bờ kia.
9- Độ các chấp Bờ kia.
10- Độ các pháp thế gian bờ kia.

Mười Bờ kia này chia làm ba, thứ ba độ ngôn ngữ là giáo, Địa thứ

bảy theo độ các hạnh là hạnh, tám bờ kia còn lại đều là sở tri Bờ kia, dùng quả Phật làm ngạn nầy, nên nói là Bờ kia, sơ lược không có lý quả. Luận do ngài Thiên Thân soạn chép: Bờ kia có hai thứ.

1- Gốc lành thanh tịnh thể hạnh bờ kia.

2- Bờ kia công đức không thể lường tức quả bờ kia. Kia là do sinh tử mà làm bở nầy, nên nói hai. kinh chép Nhẫn Nhục Ba-la-mật lặp lại hạnh nhẫn, tức chẳng phải nhẫn nhục Ba-la-mật. Luận kia chép. Không có kia của nhân năng tri và Bờ của công đức, nên nói tức phi. Cho nên thứ nhất ý nói nhẫn hạnh bờ kia, người khác không biết nhẫn hạnh sở đắc quả công đức bờ kia, vì vậy theo người khác chẳng thể đến được, cho nên nói tức chẳng phải nhẫn nhục Ba-la-mật, là chỗ người khác đến được, nên nói tức chẳng phải nhẫn Ba-la-mật, người khác không biết nên gọi là thứ nhất. Các bản chỉ có phi mà có thị để biết, trong bản Năng Đoạn có, là cũng không có ngại y theo cái khó, các bản phần nhiều vô, y theo ở trước phần nhiều thì có.

- Kế là trình bày theo giải thích , thứ hai là dùng cái gì sinh ra sở nhẫn, có hai:

- Giải thích tướng.

- Phối hợp với kinh.

Giải thích tướng trong đầu tiên hỏi, sau đáp. Đáp có ba câu:

1. Người khác hại vô sân làm tướng, vì như lý cảnh, v.v... Bồ-tát Địa nói: Nếu bị người khác làm hại nên khởi tâm nhẫn, trước nghiệp ngã này nên khiến cho người hại. Nay nếu không nhẫn, lại tăng thêm nhân khổ, lại buồn thương đã thành khổ tự trói buộc. Lại tự tánh của thân khác đều là hành khổ, họ không biết ghét hại thân ta, ta đã có biết, đâu ghét khổ kia. Người hai Thừa tự lợi còn chẳng làm khổ người ta đã lợi nhân thì nên chịu đựng người hại, suy theo nghĩ như vậy rồi nên tu năm tưởng.

1- Thân thiện tưởng.

2- Duy pháp tưởng.

3- Vô thường tưởng.

4- Hữu khổ tưởng.

5- Nhiếp thọ tưởng,. mình không trả thù người cũng không phiền não tuôn chảy theo nối nhau, nên đối với oán hại đều nhẫn chịu được, đây là đối với bốn quán, vì quán nhân duyên, cũng nên suy theo nghĩ. Trong Duy Thức chép: chân như quán vô tướng, v.v... luận này chỉ nói vô tánh, vì vô sanh nhẫn pháp là vô ngã. 1/Nếu người vô ngã tức là thứ hai chỉ có Pháp tướng.

2/- Đối với Nhẫn độ sinh hữu tướng: Nên họ chấp đắm tu tập.

3/- Đối với chẳng phải nhẫn Ba-la-mật không sinh vô tướng vì bác bỏ vô thể, không dứt không tu, không hân không nhàm, không lợi không lạc, nương hai nhẫn sau, độ đế quán sát pháp nhẫn, tuệ xét thành tánh, ở sau phối hợp trong kinh. đầu tiên hỏi, sau là thuộc.

1. Vô ngã tưởng.

2. Vô tướng, vô hữu tướng.

3. Phi vô tướng, đẳng không tướng.

Như kế phối hợp với ba tướng trước, đối với ba cảnh sứ sinh, gọi là ba nhẫn tướng. Nên biết lấy tướng nào sinh ở chỗ nhẫn. Trong đây tuy dẫn ra vua ca-lợi, v.v... y theo văn thứ lớp mà dẫn ra nói lên , ý nói không có ba tướng gọi là nhẫn tướng, không giải thích vua ca-lợi. Lại giải thích vua ca-lợi: Tức người oán hại, sinh ra chỗ nhẫn cũng là chánh dẫn, lược nêu không có hai chỗ còn lại, lý cũng không mất, làm cho nghĩa thêm rõ, khuyến khích tu học, sau dẫn ra giải thích. Luận do ngài Thiên Thân chép: Cho nên làm được pháp thứ nhất, khổ hạnh nầy hơn xả thân kia, kết luận nhẫn nhục Ba-la-mật ở trước tức chẳng phải văn Lại nói: Huống chi lìa ngã đồng với tướng tức giận, đây là giải thích sự Vô Ngã. Lại nói: Hạnh nầy không khổ, chẳng những không khổ mà còn có vui, vì có từ bi. Như trong kinh, cho đến vô tướng cũng phi vô tướng, ở đây nói tương ưng tâm từ bi. Ý luận kia nói: Vì không có tướng khổ. Trong kinh chép vô tướng do có từ bi, có tướng vui, kinh nói cũng phi vô tướng, nói vô tướng là tương ưng với tâm từ bi, hơi khác với ở đây, lại ở đây không có khác nhau, vì đối với nhẫn độ sinh có tướng khổ, nói phi vô tướng, đối với chúng sinh v.v...không ngoài phi Ba-la-mật mà vô tướng không cứu giúp không hóa độ, do thấy chúng sinh khổ mà thực hành cứu vớt tương ưng với vui, khởi tâm từ bi, cho nên cũng phi vô tướng chính là đồng với đây, lại có giải thích khác, đây là ba nhẫn, không có ngã tướng, chịu đựng oán hại nhẫn, vô tướng là an vui chịu khổ nhẫn, không thấy tướng khổ, cho nên có thể an nhẫn phi vô tướng. Quán xét pháp nhẫn, bác bỏ là vô, đây là tà kiến. Nhưng theo kinh Năng Đoạn , đây là không có ba tướng hai chỗ đều có.

1- Vua Ca Lợi trở xuống.

2- Năm trăm đời v.v...trở xuống, bản khác chỉ có ở vua Ca-lợi trong văn Phạn có đủ, đạo lý quyết định như vậy. Vì sao năm trăm đời v.v...trở xuống mà không có hai tướng còn lại, chỉ có tướng vô ngã, biết cho nên bản còn lại dịch giả lược bỏ, hoặc lại nhân tụng khác nhau, lại Luận Vương này gọi là Ca-lợi. Ngài La-thập, ngài Lưu-chi nói Ca-lợi,

ngài Chân đế nói Ca-Lăng-già, trong kinh Năng Đoạn nói là Yết-lợi, lời khác mà tên đồng, ở đây nói là nhẫn khổ hại.

Kế là giải thích thứ ba như nhẫn có khác nhau. Ban đầu là gạn lại trình bày.

Sau thuộc về kinh, đời đời thường thực hành tương tự theo thứ lớp, các chủng loại nhẫn, chẳng phải chỉ một nhẫn, gọi là Nhẫn khác nhau. Vua Ca-lợi làm hại, gọi là cực khổ nhẫn, năm trăm sinh nhẫn là Tương tục nhẫn, y theo văn kinh nầy, cũng chia làm hai.

Là trong Thứ tư giải thích đối trị nhân duyên, chia làm hai:

- Giải thích nhân duyên bất nhẫn.
- Giải thích kinh có công năng đối trị ba hạnh.

Trong nhân bật nhẫn trôi lăn trong khổ có ở cả ba cõi, là hành khổ. Hai khổ sau chỉ có chúng sinh ở cõi dục trái nhau là khổ khổ, thiếu sự thọ dụng là hoại khổ, đây là nương tướng oán ghét, hoặc trôi lăn nhiếp thọ năm khổ. là: Sinh, già, bịnh, chết, năm là uẩn xí thành khổ, chúng sinh trái nhau thuộc về hai khổ, là ghét màgặp nhau, thương mà chia lìa, thiếu dụng nhiếp một khổ, là khổ cầu mong mà không được. Trước nói trong tướng nhẫn, luận giải thích có hai nhẫn.

1. Chịu đựng oán hại.
2. Quán sát kỹ các pháp.

Nay đối trị trôi lăn và thiếu thọ dụng, mới giải thích an chịu khổ nhẫn, chịu đựng oán hại.

Đầu tiên là hạnh khó tu, chúng sinh trái nhau nói, lại nghĩa kia, khiến họ tu học, khổ tuy rất nhiều. Như trong nói thứ hai của Du-già, lược nêu ba pháp nầy. Từ kinh hành sở trừ v.v... trở xuống là giải thích kinh có công năng theo đối trị ba hạnh.

- Trong đối trị khổ trôi lăn, có ba:
- Đầu tiên phối hợp với khổ nhẫn nhân duyên đối trị, nêu văn chung ở đầu kinh
- Nếu chấp sắc, v.v... trở xuống là giải thích các văn kinh không nên trụ sắc sinh tâm.
- Vì thành tựu các pháp không trụ kia, nên ở sau giải thích các văn kết nên sinh không có chỗ trụ tâm. Văn ở đầu lại có hai: phối hợp, và giải thích. Có ba tướng khổ:

1- Hiện tiền ép ngặt không muốn phát tâm, không bỏ sinh tử mà muốn cứu giúp.

2- Lại chấp Niết-bàn mà khởi ý Tiểu thừa, hoặc đều bác bỏ.

3- Chìm mê trong tà kiến, thường ở trong sinh tử, nên không phát

tâm. Đây là nhân duyên của khổ trôi lăn, tức là ba tướng pháp chấp si, tham, v.v.... Tất cả hai chướng dùng làm thể tánh, là nhân gần trôi lăn, chính là phiền não si vô minh duyên hành. Cội gốc của si tức là trí chướng. Ba tướng tâm là sinh tử khởi thứ lớp. Như trong kinh Vô Cấu nói đối trị nầy, nên lìa ba tướng khởi, phát tâm vô phân biệt v.v.. là lìa ba tướng. Tự không có si,v.v..., vì vô minh diệt cho đến già chết cũng diệt theo , trôi lăn tự dứt.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Nếu có các Bồ-tát không lìa tướng ngã v.v..., thì Bồ-tát ấy thấy khổ thực hành khổ, cũng muốn bỏ tâm Bồ-đề, vì họ mà đối trị.

Kinh chép: Nên lìa tất cả tướng phát tâm v.v..., vì khi chưa phát tâm có lỗi nầy, nêu văn kinh sau bác bỏ lỗi ấy. kinh chép : Thế nào là đẳng tâm, vì khởi hành tướng mà tu hành. Thế nào là đẳng tâm? không bỏ Bồ-đề, đó là Nhẫn Ba-la-mật, tu tâm năng học kia. Nghĩa là các tướng vô ngã tu hành, cũng các tướng vô ngã tu tập tu tập tâm năng học, không bỏ Bồ-đề, lại được nhẫn thành tựu Đệ nhất nghĩa vô ngã, nghĩa là nhập Sơ địa trở lên Bồ-tát, nghĩ là Sơ Địa trở lên Bồ-tát được thành tựu nhẫn, lìa tất cả tướng, chứng phát tâm Bồ-đề. Khuyên chủng tánh phát tâm đầu tiên cũng nên lìa tất cả tướng.

Lại giải thích vì sao ở văn dưới tướng có hai:

- Nói về trói buộc nên sinh trói buộc nhau thô nặng, thuộc về kinh không trụ sắc, v.v...

- Giải thích pháp khó. Ở đây đầu tiên ý nói nếu đắm cảnh tướng ở các cõi như sắc v.v..., tức là ở trong trôi lăn, lại thêm mỏi mệt, nên tâm Bồ-đề không sinh. Nếu bị trói buộc ngăn ngại bởi cảnh tướng, vì tâm chấp hữu tướng, đối với sinh tử, thân sinh trói buộc thô nặng. Trói buộc thô nặng không có tánh an ổn, không có tánh điều hòa, không có tánh chịu đựng, thân tâm mỏi mệt,vì tánh mỏi mệt. Nên trong Kinh giải thích Thâm Mật có bài tụng rằng:

“Trói buộc chặt chúng sinh
Cũng do thô nặng buộc
Khéo tu cả chỉ quán
Mới đều được giải thích thoát”.

Như quán cảnh khôi hài, tướng trói buộc tâm mê đắm không còn sinh mỏi mệt. Sau dừng nghỉ rồi, mới biết mỏi mệt. Tướng này àng buộc tâm nầy, sinh ra mỏi mệt cũng vậy. Lẫn nhau này trói buộc: Thể chung cảnh tướng hữu lậu ba cõi ba tánh sinh thô nặng, cũng chung cho tất cả tánh hữu lậu, nên nói ba cõi đều là hành khổ, không có tánh an

ổn không có tánh chịu đựng, v.v.. Nhưng do tâm chấp chặt cảnh tướng, các cảnh tướng hữu lậu trói buộc, tâm không được tự tại, chẳng phải tất cả tướng đều chấp thủ, đó là nghĩa hộ pháp. Nếu y theo theo an tuệ, thì tất cả tướng đều chấp, cho nên trói buộc tâm không được tự tại, hoặc ý văn này khó mà giải thích. Vì chấp sắc v.v... cho là thật có, lại khởi mong cầu luyến tiếc, ở trong khổ trôi lăn càng thêm mỏi mệt, giác tâm bất sinh lại thêm sinh tử, vì ngăn dứt việc đó.

Kế là văn kinh chép không trụ sắc sinh tâm, v.v... như ở trước là nói trong văn nghĩa của nguyện Tịnh Độ. Ngài Thiên Thân nói: Tâm kia không trụ Phật Bồ-đề của, vì tâm chẳng phải chân trụ nên khuyên không trụ, luận này và ngài chân đế, ngài La-thập có thể chia ra bốn bản, đều là đầu tiên nên lìa tất cả tướng phát tâm. Kế là nói không nên trụ sắc sinh tâm, v.v... sau mới nói nên sinh tâm vô sở trụ. Nếu tâm có trụ thì tức là phi trụ v.v... Nhưng bản của ngài Lưu-chi lại trái với tướng đại. Sau khi ở Sơ trụ phát tâm, tức nói vì sao nếu tâm có trụ tức là phi trụ, mới nói không nên trụ sắc sinh tâm v.v..., nên nương bốn bản là chánh. Bản của ngài Lưu-chi trước nguyện trong Tịnh Độ, tự đồng với bốn bản, trước nói không trụ, sắc, v.v... sau mới nói nên sinh tâm vô sở trụ, nên biết văn sau của kinh ấy tự trái ngược. Còn ngài Lưu-chi, Ngài La-thập đều chỉ nói không trụ sáu trần, không đâu mà chẳng trụ không phải sáu trần. Trong kinh Năng Đoạn , đối với sáu phi sáu, đều giúp không trụ, ngài Chân Đế và luận này chỉ có không trụ ở năm trần trước, không đâu mà chẳng trụ không phải năm trần. Pháp trong chẳng phải pháp tức đều không trụ, cho nên trong luận này bất giải thích bất trụ đối với pháp, y theo đó có thể hiểu.

Không trụ chẳng phải pháp: Nghĩa là chẳng phải pháp vô ngã, là nói không trụ pháp là không trụ pháp trong lý vô ngã. Không nên trụ chẳng phải pháp, là cũng không nên trụ chẳng phải pháp trong lý vô ngã, nói lên có pháp ngã, nên gọi là chẳng phải pháp, cũng giúp không trụ chấp pháp có ngã đối với chẳng phải pháp ngã và pháp ngã cả hai đều không trụ, sau là giải thích văn kết, vì thành tựu, v.v... Ở trên nói không trụ các sắc và các phi sắc, không trụ ngã, vô ngã giúp sinh tâm kia, vì thành nghĩa nầy, nên sinh vô sở trụ, trụ không trụ có đều không nên giải thích lý do này rằng: Nếu tâm có trụ, lại là chấp đắm, chẳng phải là chân trụ lý chân như, trụ trong lý chân như không có chỗ trụ, phát tâm cũng nên thuận theo lý bất trụ. Cho nên kinh Vô Cấu chép: Vô trụ tức vô bản, từ không trụ mà lặp tất cả pháp, kinh dẫn ở trước chép: Tâm các Bồ-tát không trụ sắc bố thí, bố thí thuộc về sáu pháp,

trong đây nói riêng, trong luận đại khái không có, trong văn kinh có nói đầy theo đủ. Nêu đầu tiên không trụ sắc, khởi hạnh phương tiện của, để khuyên học lâu, hoặc nêu Mười địa chân hạnh phương tiện, không trụ vào bố thí, để khuyên Địa tiền, không trụ vào tu hành, như khuyên lìa tướng phát tâm Bồ-đề.

Trong nhân duyên đối trị ba nhân khổ, trên đây nói đối trị trôi lăn nhân duyên khổ mà phát được đại tâm, sau giải thích thứ hai chúng sinh trái nhau, nhân duyên khổ đối trị, tuy là phát tâm, chỉ vì lúc chúng sinh trái nhau lại sinh mệt nhọc không thể cứu giúp, khuyên tu tự hành đối trị nầy, nên có ở kinh sau. Giải thích nghi có ba:

- Nói về đối trị.
- Khuyên tin lời Phật cho nên nhẫn.
- Phá như nói chấp đắm.

Văn đầu tiên có ba:

- Nhắc lại kinh phối hợp.
- Giải thích tướng nhẫn.
- Sau giải thích văn hai vô ngã.

Giải thích tướng nhẫn: Đã vì tất cả chúng sinh mà thực hành đối với các món xả, tức trong năm nhẫn tưởng thân thiện và tưởng nhiếp thọ, xả tức là bố thí.

Ngài Thiên Thân nói: Dùng đàn độ nhiếp sáu độ nói riêng, thế nào là lợi ích chúng sinh tu hành, mà không gọi là trụ trong việc chúng sinh? vì dứt nghi này nên kinh sau nói: Ý này vì chúng sinh thực hành bố thí, vì sao không gọi là trụ việc lợi sinh, bài kệ chép :

"Tu hành lợi chúng sinh
Nhân như vậy theo phải biết
Chúng sinh và sự tướng
Xa lìa cũng phải biết".

Ở đây nói lợi ích là nhân thể của, Bồ-tát thực hành lợi ích chúng sinh, chẳng chấp sự tướng chúng sinh, cho nên tuy lợi sinh cũng thành không trụ, giải thích trong hai vô ngã, do không thể không có tướng chúng sinh, khi trái nhau thì sinh mỏi mệt. Vì có nhân ngã thì có sẽ pháp ngã, hai ngã đã thực hành thì, khi lợi ích lại bị mỏi mệt, nên sinh mỏi mệt, nói lên hai vô ngã để phá chấp kia. Kinh chép tất cả tướng chúng sinh, tức phi tướng, chỉ bày theo pháp vô ngã, tất cả chúng sinh là tức phi chúng sinh là, nói nhân vô ngã, trong đây nói bao gồm. Ngài Thiên Thân giải thích riêng rằng: Giả danh và sự ấm, Như lai lìa tướng kia, Chư Phật không hai pháp. Vì thấy pháp báu nên, việc chúng sinh

có hai:

1. Danh chúng sinh.

2. Sự năm ấm.

Tức chúng sinh kia có khả năng giải thích danh tướng, chẳng phải tướng thật thể, vì danh tự tánh của vô thật thể, do tất cả tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng, chúng sinh danh tướng của không có thật thể, danh năng thuyên thành pháp vô ngã. Lại dùng năm ấm giả gọi chúng sinh trong năm uẩn không có tự thể chúng sanh, vì không thật, vì tất cả chúng sinh, tức chẳng phải chúng sinh, là nói nhân vô ngã, chỉ có giả ấm hòa hợp và tên giả gọi, hoặc nhân hoặc pháp đều chẳng thật, thành hai vô ngã, cho nên lúc trái nhau chúng không nên tức giận, trụ trong năm nhẫn, chỉ có pháp tướng là nhân vô ngã. Pháp danh cũng giả, là pháp vô ngã. Bài kệ ấy lại nói: Đức Như lai lìa tướng kia, Chư Phật không có hai ngã, vì thấy thật pháp, Chư Phật thấy đúng như thật về hai vô ngã, lý do Phật lìa hai tướng, hai vô ngã không thật, quán sát tụng này ý nghĩa thế nào. Trong bản của ngài Lưu-chi lại không có nói khác, chỉ có bản của ngài Chân Đế, chẳng phải chúng sinh v.v...trở xuống là, lại có lý do gì, Chư Phật Thế tôn xa lìa tất cả tướng, các bản chú nặng hơn, đều chép sơ lược, như trong một đoạn trước đã nói ở đây. Nhưng quán luận kia và ngài Chân Đế, có tức nói lên Đức Thế tôn do trong chứng thật hai vô ngã, ngoài lìa hai tướng nhân pháp không thật, khuyên phát tâm tu hành, vì chúng sinh trái nhau, quán hai vô ngã chẳng sinh tức giận, nên nói vì sao. Gạn đưa ra lý do của hai vô ngã, nên nói Đức Thế Tôn lìa các tướng, giống như có con đường trở lại, mới thuận lý thành, văn tuy lược bớt rườm rà, mà không thiếu thành nói trước.

Khuyên tin lời Phật cho nên trong Nhẫn có hai. Trong đó trước nêu ý kinh, sau giải thích văn, ở đời nhân Hiền Thiện, còn có pháp luống dối, huống chi đối với bậc Đại Thánh dùng lời dẫn dụ. Ngài Thiên Thân có bốn đế ngữ để làm phép tắc nói pháp, gọi chung là tục đế tướng ngữ danh chân, riêng nương vào tục đế tu hành, có tướng phiền não sở dứt , có thanh tịnh tướng ngữ danh thật Năng Đoạn . Ở trong thật, đây hạnh phiền não hữu vi, đây là hạnh thanh tịnh hữu vi, hoặc lúc nương tục đế tu hành, hạnh này sinh phiền não, như là hạnh danh lợi, hạnh này tăng thêm phiền não, hạnh này tăng thêm thanh tịnh, như bỏ hạnh danh lợi, nên nói là thật. Hạnh phiền não nầy thanh tịnh, nói chung chân đế ngữ danh như ngữ, nói riêng tu hành chân đế, có phiền não sở dứt , thì có thanh tịnh Năng Đoạn , ngữ danh không khác, hoặc lúc nương chân đế mà tu hành, hạnh này sinh phiền não. Nếu có trụ tâm thì bố thí, hạnh

này thêm thanh tịnh, nên không trụ tâm bố thí, thì y theo ' trước nên biết. Nay khuyên Bồ-tát, nương chân đế mà tu, nên tín sinh nhẫn. Ngài Thiên Thân nói: Trong đây có nghi,' trong chứng quả không có đạo. Vì sao đạo ấy là quả, đối với quả có thể làm nhân hay sao? Nghĩa là các bậc Thánh do các pháp vô vi mà có khác nhau, thì không có Thánh đạo. Làm sao quán hai vô ngã, lợi ích chúng sinh đạo hạnh, có thể thực hành nhân ấy để phá nghi nầy, cho nên nói bốn ngữ. Quả tuy không trụ đạo, mà đạo có khả năng làm nhân , do Chư Phật thật ngữ, trí kia có bốn thứ cảnh có bốn nên nói có bốn ngữ, bốn ngữ luận nầy giải thích hoàn toàn khác với.

1- Bồ-tát. 2- Tiểu Thừa. 3- Đại thừa. 4- Thọ ký.

Ngoài ra, hoặc mượn bố thí mà nói, nay nói Bồ-tát và Đại thừa, khuyên tin nói quả, tuy không trụ đạo, mà có công năng làm nhân , là phá nghi kia đối với Tiểu Thừa, nói Khổ đế, v.v... thì không thể khiến cho vui được, đối với Đại thừa nói pháp chân như vô ngã, không thể làm cho khác được, đối với thọ ký, nói việc ba đời, quyết định không khác, như nghĩa mà nói, vì không điên đảo.

Đối trị chúng sinh,' trong nhân duyên khổ trái nhau.

Thứ ba là phá như lời nói chấp đó có hai.

- Nêu ra ý.

- Giải thích văn.

Pháp sở chấp chẳng thật có, gọi là không thật, chẳng phải pháp sở chấp chẳng phải không, gọi là không luống dối, vì có thể gọi là pháp không, vô thật chẳng thể nói pháp có, cho nên bất không. Ngài Thiên Thân tóm lại rằng: Pháp của Chư Phật nói, pháp này không thể được pháp kia, mà thuận theo nghĩa.

Hai câu đầu giải thích không thật, một câu sau giải thích không luống dối, do pháp đã nói, không thể chứng được pháp kia. Như tiếng được bị nghe không có nghĩa như vậy, cho nên không thật. Do có pháp đã nói bị, thuận theo pháp chứng kia cho nên không luống dối, đây là theo ngài Lưu-chi, ngài Chân Đế đều nói pháp sở giác sở nói chẳng phải thật chẳng phải hư. Ngài La-thập chỉ nói pháp sở đắc. Kinh Năng Đoạn chép: Pháp sở chứng, sở nói , sở tu chỉ nội trí có sở đắc, ngoài nói có sở nói , nên nói đắc nói . Ngài Thiên Thân y theo đây giải thích rằng: Nếu vậy theo vì sao đức Như lai đã đắc pháp, đã nói pháp, do nói theo câu chữ ý nầy nói năng vì đối với pháp do có sở đắc, ngoài y theo câu chữ mà nói, tuy là như thế, đức Như lai đã nói pháp đối với pháp sở đắc, không thật không dối, vì không như lời nói, vì có thể thuận

đắc. Ngài Thiên Thân lại hỏi: Vì sao trước nói là chân ngữ, nay lại nói không thật không dối, bài kệ chép:

"Như nghe tiếng thủ chứng đối trị
Thuyết Như vậy theo nói ý
Nếu nghe thinh giáo
Nếu như thủ chứng
Việc này đã sai".

Vì đối trị, nên lại nói không thật, thuận theo có thể đắc. Trước nói chân ngữ, thì sau không luống dối, cũng không trái nhau. Ngài La-thập lược bớt văn, trong kinh Năng Đoạn văn rộng, văn này ở trong đó, ba đoạn văn đồng.

Đối trị thứ ba thiếu thọ dụng trong nhân duyên khổ có hai.

- Lặp lại thuộc văn kinh.
- Giải thích văn riêng.

Do chấp quả sự đời vị lai thực hành bố thí, vì tâm có tướng, quả có hạn lượng, thọ dụng lại thiếu, tức chấp đắm, v.v... đây là thiếu nhân duyên thọ dụng. Chỗ thiếu thọ dụng, là tư cụ tăng thượng quả bên ngoài, ở đây y Luận nầy giải thích không trụ đối với sự thực hành bố thí, là bố thí độ quả vị lai, nói ấy lại y theo ngài Thiên Thân, tự thể danh sự, vì trong đây nói thiếu thọ dụng, vì nếu tâm không trụ thì vô tướng, quả không có hạn lượng, thì thọ dụng không thiếu, thọ dụng không thiếu là tư cụ bên ngoài, thuộc về quả tăng thượng, tâm vô tướng thì đó là nhân duyên năng trị, chấp đắm sở thọ, tư cụ thiếu nhân duyên, nên cho họ nói nghe hạnh nầy, đối trị nhân ấy, nên có kinh sau. Ngài Thiên Thân nói: Lại có nghi. Nếu bậc Thánh chân như vô vi đặt tên, chân như ba đời tất cả thời gian, ba cõi tất cả xứ, vì sao không trụ tâm được Phật Bồ-đề, có đắc thì chẳng phải không trụ tánh, đã nói tất cả thời xứ thật có, vì sao có nhân đắc, có nhân không đắc: Vì phá nghi nầy, nên có văn sau, bài kệ chép:

"Thời và xứ thật có
Bốn pháp mà không đắc
Chân như vô trí.
Do trụ pháp người khác có trí đắc.
Nghĩa tuy thời xứ có
Vì vô trí nên
Cho đến trụ pháp
Không đắc chân như.

Đáp: Sau đồng. Nếu có tâm trí và không trụ pháp sau đắc chân

như là đáp câu hỏi đầu , và đáp câu hỏi sau, cũng có đắc: Do Chư Phật chân như thanh tịnh nên đặt tên, vô trí có trụ, đã không đắc chân như, ngay theo quả có hạn lượng, lại thiếu thọ dụng, có trí vô trụ lại đắc chân như, thì quả sẽ vô cùng, thọ dụng không thiếu, nghi nhân ấy để nêu ra ở sau. Ở đây nói hạnh để khởi ở sau, đã quán tuy khác, chính là đồng với nhân nầy.

Giải thích thích văn riêng, trong đó có hai:

- Đầu tiên giải thích hữu tướng chấp đắm quả báo bố thí.
- Sau giải thích vô tướng không đắm sự thí.

Văn đầu lại có hai.

- Đầu tiên dụ ba thời thí, do chấp sự ở đời vị lai, đắc ngay theo quả thời, không giải thích ra khỏi , hỷ lạc dục lạc kia cũng như vậy.
- Sau dụ lúc hiện tại chánh hạnh thực hành bố thí thì tâm sinh chấp đắm.

Không giải thích ra khỏi mà hy theo vọng ngay theo quả thí: Là chánh hạnh hiện tại bố thí, pháp ấy khác với thí. Tức bố thí sở đắc sự ở quả vị lai, với nhân khác tên khác bố thí, đây là ngay theo nơi sự quả, là năm dục lạc, là Lạc thọ Xả thọ trong ba thọ, vì hành thì đắc quả, chẳng phải khổ thọ trong ba thọ. Xả thọ Lạc Thọ này gọi là khổ thọ. Trước trích dẫn trong kinh rằng: Các chỗ đã thọ đều khổ, nên nói dục lạc gọi là khổ thọ, hoặc thành đủ dụ, tạm gọi là dục lạc. Hữu lậu đều gọi là hạnh khổ, cũng gọi là khổ thọ. Vì đã chia khổ, ở trong quả nầy, không giải thích nhàm chán xả bỏ, không ngộ Duy thức, không biết vô tướng, không chứng vô ngã, không hành bốn quán, không tu ra khỏi , thì như bị rơi vào ngăn lấp, ở trong đó không biết Ngày nay ta đến chỗ nào, không cầu Niết-bàn, cầu Niết-bàn chính là thể của ra khỏi . Do đắc sư quả, không hiểu ra khỏi , có tướng thọ dụng chánh thí, tu hạnh bố thí ba đời, đối với tướng hữu tình hỷ lạc, đương lai dục lạc cũng vậy. Do có tướng hạnh, lúc thực hành bố thí, vì không biết chấp đắm là điên đảo, không hiểu ra khỏi , cũng chính là lúc đắc quả hữu tưởng, không biết điên đảo, chấp đắm thọ dụng, không hiểu ra khỏi , hoặc trước dụ cảnh hiện tại, sau dụ hiện hành, tâm đều có tướng, không hiểu ra khỏi , đây là nói chấp đắm không biết, như tâm bị ngăn che, như mắt không thấy các vật, không hiểu ra khỏi : Là dụ không thấy vật, do chấp đắm ngăn lấp, tuy có tâm mắt mà không thấy vật, như gọi là không hiểu ra khỏi , cho nên kinh do Chân Đế dịch và kinh Năng Đoạn chép: Bồ-tát rơi vào tướng hạnh, rơi vào tướng thì cũng như vậy.

Lại giải thích vô tướng không chấp sự thí trong đó cũng có hai.

Đầu tiên dụ cho lúc vô tướng thực hành bố thí thì quả vị ở vị lai đắc chủng trí, thấy các vật, sau lại giải thích . Trước có trụ tướng thì không hiểu ra khỏi , vì quả dục lạc khổ thọ ở đời đương lai, hỷ lạc dục lạc trong lúc bố thí. Nếu hiểu ra khỏi , thì ngay theo quả khổ dục lạc là không ,vì nhân của bố thí là vui. Nói rõ dụ không chấp đắm, vì lỗi hữu trí đen tối, mắt dụ tâm câu thời, các vật dụ cho tâm chân như, v.v... do không chấp đắm là nói hiện tiền, tâm trì Bồ Tát lại chứng chân như, và tất cả vật lại chấp đắm là nói giải thích không chấp đắm có lẽ v.v..., cũng có hai văn, vì không trái nhau, lại không có dụ khác. Ngài Thiên Thân nói: Xà: là chỉ bày theo không có trí chấp. Ánh sáng mặt trời chiếu soi, có trí không chấp và có mắt thấy ba pháp, v.v... đều rộng như trong đó, đại ý đều đồng.

Thứ mười là ia nghe thiếu trì tư lương. Hai nhân của Bồ-tát, trên đây , đã khuyên tu Phước tư lương, dưới là khuyên tu trí tuệ tư lương. Phước tư lương ở trước có ba:

- Khuyên gần gũi Đức Như lai, nêu ra cúng dường.
- Khuyên lúc tu nhân Phước ít muốn siêng năng chớ tham lợi dưỡng, đừng lui sụt biếng nhác.
- Khuyên nghe, chứng pháp quán sát người não hại, do không sân mà gặp duyên khổ, do an nhẫn tu nhân không dứt, Phước đức sẽ đầy theo đủ, vì sao? Vì thường thực hành cúng dường, thuộc về nhân hạnh để quả sinh. Được gặp bạn lành, ưa nghe thắng pháp, nên quả Tịnh độ tròn đầy , vì ít muốn, siêng năng, đưa tay theo nắm hư không đều thành bảy theo báu, chỗ nào cũng có cột bằng châu ngọc, làm rốt ráo, ưa làm việc tốt, do nghe pháp để an nhẫn quán sát, cho người nghe nói pháp, nói lời thành thật, họ đều tin nhận, chịu đựng người khác làm hại. Bồ-tát, trời rồng, quyến thuộc có nhiều tốt đẹp, ba mươi hai tướng tám mười vẻ đẹp tùy hình ,trang nghiêm thân Phật. Gặp duyên khổ vẫn an nhận. Tuy thực hành Vô sinh, mà tùy loại hóa sinh, sinh tử không ràng buộc, không bị khổ não ép ngặt, nên tu Phước nghiệp, có ba đoạn văn trên, khuyên tu ba hạnh. Ở sau tu nhân trí, văn cũng có ba:

- đầu tiên khuyên y theo kinh mà xả bỏ định vị. Thọ trì, đọc tụng làm nhân , phát sinh tu tuệ, trong phần Đạo tư lương ở trước tuy đều là lý vô tướng, khuyên tu tam-ma-bát-đề mà ̂ đắm vị thiền định, chưa tu riêng lý vô tướng, quán bốn tầm tư.v.v.... Từ tu tập nhân rồi, phần dưới là giai vị gia hạnh nói nhiều về tướng mạo. Như phẩm Hồi hướng trong quyển mười của kinh Hoa Nghiêm chép, ở địa vị này đầu tiên được tu tuệ là trong Noãn vị do đắc trí tuệ, danh đức đã cao, ngã mạn càng tăng

liền theo đó sinh ra hỷ động. Vì xa lìa lỗi này nên đoạn văn thứ hai sẽ nói giúp cho lìa hỷ động. Khi hỷ động dứt, ở Đảnh vị theo thứ lớp sẽ nhập Nhẫn bậc Nhất Pháp. Bên ngoài tìm duyên tốt để mong được gần gũi giáo thọ, liền nhập Sơ địa chứng đạo, chẳng phải Thế đệ nhất pháp, sau đó lại cầu Giáo thọ, chỉ trong một sát na liền nhập thấy đạo, cho nên cầu giáo thọ.

Trong hai vị thấy đạo và Noãn Đảnh đã thủ chứng giác quán, vì đầu tiên thực hành khó khăn, nay đến Nhẫn vị liền thủ chứng, chẳng có giác quán, năng thủ cũng không, vì tu lâu dễ dàng. Ở giai vị Thế đệ nhất pháp vị không đều "tức", vì nhân thành tựu tròn đầy. Xưa tu Phước đức tức bốn giai vị, trước cũng gần giai vị Hồi hướng, liền tu tập tu tuệ, chánh nhập bốn vị. Nhờ y theo theo đây mà đoạn văn trước cũng chia làm ba dứt . Trong dứt thứ nhất giải thích chia làm hai: Một là nêu tên phối hợp sở thuộc, Hai là giải thích văn kinh riêng. Trên lìa ít học, đa là chướng văn tuệ tư tuệ, tuy đã xả để được học rộng vì có hai chướng phân biệt, thường sinh khởi nhỏ nhiệm Hai chướng câu sinh thường hiện hành, chưa thể tu vô tướng và tu tuệ vì thiếu điều này , không chứng đắc trí tuệ chân chánh và dứt hai chấp.

Nay trong vị tu tuệ đặc biệt quán chân lý, quán không có hai thủ (năng thủ, sở thủ), giúp cho chướng phân biệt hoàn toàn không có hai chướng hiện hành và câu sinh, cũng có thể hàng phục, mau chóng vào nhập thấy đạo. Cho nên văn kinh sau sẽ nói thiếu nhân trí đó. Thể chỉ có trí chướng, vì chướng tu tuệ, ở đây y theo theo dứt chánh chướng mà nói trí hạnh. Do sinh dứt kinh sau, theo quyển trước y theo theo lìa sự ưa thích vị vui thiền định, chẳng chịu tu tuệ , vì nói trí hành giúp cho dứt ái thiền định từ sinh v.v... trở xuống trong văn kinh.

Còn dứt này nói thiếu trí là do yêu đắm định, ái định làm chướng thể tu tuệ. Vì thế quyển trước và quyển sau nói cũng chẳng trái nhau. Quyển trước cho rằng: Vắng lặng vị là tĩnh lự ái vị, vì vị là định không chịu tu tuệ hay vị định lạc. Thể thì tham ái làm chướng thắng tuệ. Ngoài ra luận chép về chấp của bốn món vô ký.

Ngài Thiên Thân nói: Tu hành pháp gì? được Phước đức gì? thành tựu nghiệp gì? Nói tu hành như thế, để làm rõ văn sau, trong kinh này : Đọc tụng, thọ trì để sinh tu tuệ, công đức tu tuệ đã tạo ra Phước nghiệp, rõ được bình đẳng sinh này . Cho nên văn sau giải thích riêng hai phần trong kinh.

1. Giải thích năm pháp tương ưng dứt ái định chướng, giúp học với tu tuệ tương ưng, vì đây là quán hạnh.

2. Giải thích hơn A-tăng-kỳ kiếp v.v... trở xuống, kinh sau giải thích lại đoạn trước, thuộc về nghĩa Phước đức .

Theo ngài Thiên Thai nói chung, chia làm ba phần:

- Tu hành pháp gì? Tức là nhớ nghĩ Đức Như lai.
- Tu hành được Phước đức gì? Tức ở đây thuộc về Phước đức .
- Sẽ thành tựu nghiệp gì? Tức là quán pháp tu hành, đến văn sau sẽ giải thích lại. Lần lượt giải thích , đoạn trước xếp vào Phước đức , văn kinh đều thuộc về phần thứ ba. Trong phần thứ ba chia làm năm, đến văn sau sẽ biết. Trong năm lại có hai, tức Vô Trước giải thích lại thuộc về Phước đức . Phần một chia thành ba.
- Nêu năm khuyên bảo trừ tán loạn.
- Nêu năm tên gọi.
- Phối hợp với kinh để giải thích .

Tam ma-đề: là Tổng trì.

Phan duyên là tác ý.

Đối pháp luận chép được định tâm gọi là được tác ý, cái bị trừ này tức tán loạn chướng. Pháp tương ưng, pháp kinh là giáo, tức ở dưới văn kinh thuận với kinh mà tu tác ý, dứt trừ loạn chướng có năm công đức. Từ nhiên phát sinh tu tuệ cao siêu, do dứt được ngu si.

Trong Phối hợp với kinh để giải thích năm dứt : trong dứt thứ nhất có hai, sau theo sự gạn hỏi để giải thích có . Theo ngài Thiên thân nói

- Tu hành pháp gì? Nói lên kinh này , bên ngoài nghe người nói kinh bên trong ghi nhớ giữ gìn không quên, thường luôn suy theo nghĩ tu tuệ liền sinh. Bài tụng rằng:

Tên gọi ba thứ pháp
Thọ trì nghe rộng nói
Tu từ người và trong
Đắc văn là tu trí.

- Ở đây nói nghĩa gì? Đối với danh tự kia được thành tựu văn tuệ, ý nói kinh chép pháp môn này . Pháp môn là giáo, danh tự là thể, tức là bên ngoài nghe người nói, cái bị nghe là giáo, vì thành cái nghe rồi, nhờ danh tự này thành ba thứ pháp: Là thọ trì và, đọc tụng. Đây là ý luận bàn giải thích , nói thọ là, tụng tập, phúng tụng. Sau đây kinh giải thích có bốn dứt , do thọ là đọc tụng giữ gìn không quên, cho nên ghi nhớ rõ ràng trong tâm chẳng quên gọi là "Trì". Kia nói: Theo y tổng trì mà nói thọ trì tu hành, thọ bên ngoài đặc biệt có trì trong đó, gọi chung là tổng trì, tức lắng nghe hành trì thì được Đà-la-ni, ghi nhớ không quên. Trước

thọ sau trì được chuyển, cho nên chia thành hai. Ngoài đọc này có một nhiếp riêng, quán nhiếp này là trì kia, là nhiếp trì pháp. Trong mười pháp hạnh lại không có nhiếp hạnh vì thọ cho nên đọc, do tu nên phúng tụng, trước tiếng đọc văn kia, vì trì cho nên nhiếp, trước xét chung, sau ghi nhớ, dưới đây đều giải thích tập đọc, xét nghĩa và quán xét lý đó.

Luận chép: Đọc tụng tu hành vì nhờ văn tuệ, đọc tụng rộng nhiều cũng gọi văn tuệ, tức nói năng bên ngoài có tập tụng riêng, y theo mười pháp hạnh: 1/ thọ trì; 2/ đọc; 3/ tụng; là ba thứ pháp. Kia luận rồi thọ gọi là trì, đọc tụng là một. Kính thể của thọ trì tức Tổng trì, đầu tiên thọ, sau trì. Cho nên chia làm hai, đọc và tụng, đều một văn tuệ, vì thế gộp lại thành một.

Do chia thành ba thứ, luận này nói có bốn nghĩa thiếu khó biết, kia nói đọc tụng tu hành y theo văn tuệ, đọc tập rộng nhiều cũng gọi là Văn tuệ, cùng bên trong luận đồng nhau, tức nói rõ ý thiếu đọc, thiếu giải thích nghĩa, là sinh đắm tuệ chẳng phải văn tuệ. Trong kinh do Lưu-chi dịch nói ba hạnh, do đã có tu hành, tu hành là gọi chung là ba hạnh. Luận nói kia hỏi làm sao tu hành được? Nghe người nói pháp, bên trong tự mình suy theo nghĩ thì được tu hành. Nghe pháp người nói là văn tuệ, tự mình suy theo nghĩ là tư tuệ, mà được tu hành là tu tuệ. Bạn lành: Trước nay hợp chung nói bốn hạnh cận gũi. Ngài Lưu-chi, La-thập đều nói vô vi tha nhân như lý tác ý, trong Chân Đế lại nói giáo tha tu hành là tha chánh nói . Năng Đoạn có năm, thọ trì, đọc tụng, rốt ráo, lanh lợi giảng nói cho người nghe, như lý tác ý chỉ nói văn tuệ vì dùng làm nhân , tu tuệ liền sinh vì tha nói là vì chúng sinh, ngoài ra đều là tự lợi. Kinh Lưu-chi trong bản này nói có ba tuệ, như trên đã nói.

Hiểu thuộc về Phước đức , luận văn chỉ nói một, văn kinh có hai. đầu tiên nói hành xưa đã thuộc Phước đức , sau thành tựu nói Phước đức trước kia có nhiều nghĩa. Theo ngài Thiên Thân: thì được Phước đức bình đẳng như thế nào? Vì thị hiện So sánh Phước cao quý. Trong đây xả thân Phước cao quý hơn Phước xả thân ở trước, tức trong thời gian một Ngày xả nhiều thân. Lại có nhiều thời đối với mười pháp hạnh, trong mỗi hạnh lại sinh bốn hạnh: 1/ tự tác; 2/ khuyến tha; 3/ khen ngợi khích lệ; 4/ độ úy theo (độ úy theo là tùy hỷ). Trong đây có tín tâm không chê bai, chỉ chung là tùy hỷ còn được Phước đức vô biên, huống chi thực hành pháp hạnh, Phước đó không thể nào lường ở đây này không nói rõ. Lưu-chi La-thập đều nói tín tâm không trái Năng Chân đế đều chỉ nói năng, chẳng sinh tâm chê bai, gọi là so sánh mà không nói tín tâm tùy hỷ, ngay theo đó chẳng chê bai huống chi là sinh tín ý.

Mặc dù không kính tin tu học nhưng chẳng sinh tâm chê bai thì sẽ sinh Phước đức , còn hơn xả thân mạng.

Trên đây đã bốn lần so sánh:

1/ So sánh lần thứ nhất: Phật muốn được pháp thân Phước tướng phải bảy theo báu trong thế giới Tam thiên bố thí chẳng bằng nói một bài kệ kinh thọ trì được Phước vô lượng, không thể tính kể, dùng một trăm lẻ sáu vô lượng số, một trăm mười hai bất khả số. Đoạn văn nói các vị Bồ-tát ở vị Thập Hạnh, giải thích hạnh nhiều ít, trì nói chưa hơn, chỗ nói còn cạn cợt. Cho nên dùng số ít bố thí so sánh với trì nói.

2/ So sánh lần thứ hai: Trong viễn ly theo thuận ngoài luận tán loạn dùng một hạt cát trong một sông Hằng, lại dùng một hạt cát trong bấy nhiêu sông Hằng làm một thế giới Đại thiên, bảy theo báu bố thí khắp đầy theo từng ấy thế giới chẳng bằng nói một câu kinh thọ trì. Vô lượng A-tăng-kỳ dùng một trăm lẻ sáu vô lượng số, một trăm lẻ bốn số A-tăng-kỳ, đoạn văn trên chỉ cho các vị Bồ-tát ở địa vị Hồi hướng Địa thứ năm trong Mười Hồi hướng. giải thích hạnh tuy tăng thêm trì nói thứ lớp hơn điều đã nói , cho nên bố thí nhiều như cát bụi so sánh với trì nói.

3/ So sánh thứ ba. trong xa lìa theo lợi dưỡng thiếu thốn nóng bức vv... Hằng hà sa thân mạng bố thí chẳng bằng nói một câu kệ kinh thọ trì được vô lượng A-tăng-kỳ, Phước đức , dứt này nói các Bồ-tát đang ở địa vị Hồi hướng thứ chín. giải thích hạnh lần lần cao, trì nói càng thông suốt; so với trước tuy hơn nhưng sánh với cái sau còn kém, điều giảng nói càng sâu. Cho nên với thân mạng trong thế giới Tam thiên so sánh.

4/ So sánh lần thứ tư: Trong lìa theo định vị, một Ngày ba phần đức xả thân mạng như số cát sông Hằng, trải qua trăm ngàn lần muôn ức na-do-tha kiếp, vì trăm ngàn kiếp, trăm một ức. Na-do-tha số thứ tư, tức ức muốn ức na-do-tha kiếp, chẳng bằng đối với kinh tín tâm không chê bai. Đoạn văn kinh này nói các vị Bồ-tát ở giai vị Thập Hồi hướng sắp chuyển nhập địa vị bốn Gốc lành, hạnh vị dần dần lên cao, tín tâm bền chắc càng, sở nói càng sâu. Cho nên từ khi xả nhiều thân trải qua từng ấy kiếp, so sánh với tín tâm. Trên đây chỉ dùng ngoại tài, nội thân để so sánh với trì nói, đến địa vị này rồi mà trì nói sẽ được công đức, không thể xả thân, xả tài để so sánh. Chỉ dùng sự tu hành để so sánh với trì nói, vì thế văn sau so sánh với Nhiên Đăng gần gũi cúng dường, đây đối với dị sinh, đối với trãi qua pháp hành, được sinh Phước đức đẳng cấp so sánh. Nghe pháp Mười địa, ở giai vị Mười địa. Năng trì, năng nói

đến văn sau sẽ biết.

Thứ ba là khen pháp và tu hành chia làm hai: Thứ nhất là hỏi, thứ hai là giải thích. Trong giải thích , văn kinh theo thuận theo chia làm hai.

1. Nói pháp và tu hành.

2. Hạt giống khác nhau.

Trong phần một lại chia làm hai: Nói về khen pháp, kế là pháp môn nầy v.v...trở xuống là nói lại lời nói ở trước không thể suy nghĩ bàn luận là pháp tầm tư hữu lậu ở thế gian. Vì chẳng phải cảnh giới kia gọi là không thể suy nghĩ bàn luận, chỉ tự thánh trí, tự chứng giác. Đã không bằng nhau cũng chẳng vượt nhiều hơn gọi là không thể nói.

Kinh Năng chép: Lẽ ra phải ít có là không thể suy nghĩ bàn luận đã cảm với dị thục, do hữu lậu trì nói còn ở Địa Tiền cho nên chiêu cảm dị thục. Nhờ gốc lành này tu hành đắc quả Thập Vương, đoạn văn nói về tướng tốt nầy nghĩa ở sau sẽ biết, nghĩa ở trước khó hiểu, pháp môn này v.v...trở xuống sẽ nói theo lại ở đoạn văn sau.

Luận do Thiên Thân soạn thì: Thành tựu nghiệp gì có năm: Một là: Khen pháp hành; hai là: Cúng dường sẽ thành tựu công đức tốt đẹp; ba: Là lìa tất cả chướng. Ba thứ trước đồng với cô trước; bốn là: Từ Nhiên Đăng v.v...trở xuống mau chứng Bồ-đề; năm là: Phải biết pháp môn này v.v...trở xuống là theo thành tựu thế lực lớn. Hai thứ sau đây nói chung được ngài Vô Trước giải thích lại, đối với trước thuộc về nghĩa Phước đức .

Ngài Thiên Thân giải thích không thể suy nghĩ bàn luận vì thị hiện khó suy nghĩ bàn luận, còn không thể xứng lượng, vì chỉ có bậc Đại nhân chẳng cùng người Hai Thừa , chỉ có Phật mới biết được, vì là trụ đệ nhất đại thừa về chúng sinh mà nói, chẳng vì người Hai Thừa , người Hai Thừa không thể nói cho người khác nghe và tu hành, trong phần nói lại về không thể xứng lượng thì.Trong Ba thừa cao quý gọi là Tối thượng thừa, Chân đế gọi là Vô thượng thừa. ở đây cùng kinh năng đoạn đồng gọi là Tối thượng, Lưu-chi La-thập đều gọi là Đại thừa, chướng thanh tịnh nên gọi Tối thắng là thừa, Lưu-chi La-thập gọi là Tối thượng thừa. Đây và Năng Đoạn gọi là Tối thắng thừa, còn chân đế gọi là Vô đẳng thừa. Nói về thể của thừa y Luận sẽ biết, vì hai nói kia như thế nào có thể rõ. Ý trong dứt này là Phật nói Đại thừa trong ba thừa gọi là Tối Thượng thừa vì hai hạng còn lại chẳng bì kịp. Tức là pháp đốn ngộ Đại thừa căn tánh đã nói gọi là Tối thượng thừa, vì so sánh với hai bậc dưới gọi là Thượng. Chúng sinh trông mong tìm cầu pháp này nên

nói nhân phát tâm Tối thượng thừa, vì trong tánh bất định đã nói pháp căn tánh Đại thừa gọi là Tối Thắng thừa, vì lìa được hai chướng. Nếu lìa hoặc chướng chưa hề theo trí chướng gọi là thừa kém cỏi.

Nay học Nhất thừa mới lìa được hai chướng, gọi là Tối Thắng thừa. Nhân mong cầu pháp này là người theo gọi phát Tối Thắng thừa, vì thế các luận chép kinh Bát-nhã chỉ vì nhân cầu Đại thừa mà nói. Đại thừa và nhất thừa tuy tánh không khác vì y theo căn tánh đó thẳng đến gần hai thứ khác nhau sở cầu sở học đặt riêng hai tên, điều này thật ra chẳng khác nhau. Cho nên, kinh Thắng-nan chép: Nhất thừa là Đại thừa, Đại thừa là Phật thừa.

Theo ngài Thiên Thân nói Đại thừa còn gọi là Tối diệu, vì Đại thừa tu hành cao quý, ý nói Đại thừa là hơn, vì tu hành vượt hơn Tin Tiểu thừa thì chẳng được nghe điều này , bày theo tỏ hy theo vọng nghe mà tin pháp, trong kinh khen tu hành, dưới đây là ba giải thích riêng,gồm vô lượng Văn kinh tuy có khác nhau chút đỉnh nhưng đồng với Năng Đoạn của Chân Đế. Lưu-chi, La-thập tuy có chia thành ba nên xem xét lại số thứ tự trong kinh Hoa Nghiêm.

Theo Thiên Thân thì hiển bày tánh đầy theo đủ Phước đức , theo dưới đây có bốn:

1. Phước đức đầy theo đủ. Chính là văn này.

2. Thọ trì pháp chân thật, nhiệm mầu.

3. Hàng Tiểu phẩm không có khả năng nghe pháp.

4. Có ngã nhưng chẳng thể nghe do thọ trì pháp chân thật,mầu nhiệm,ẩn chứa trong tâm. Tức là hai vai gánh vác Bồ-đề, nhưng tính ưa pháp Tiểu thừa, tin hiểu người không mà chẳng ngộ Pháp không. Người Hai Thừa có pháp chấp nên không thể nghe, ngoại đạo phàm phu chấp có ngã tự cho là Bồ-đề. Người pháp ràng buộc, chấp đắm, chẳng cầu hai không cũng không thể nghe.

Thứ tư: trong phần Trời v.v.... cúng dường đầu tiên phối hợp thuộc về kinh, sau là giải thích . Nghi thức cúng dường tháp là xỏ hoa thành xâu đeo trên cổ, nay bỏ vào tháp đồ hương, ma tử bạch đàn trầm hương hòa với nước trộn lại để trét lên tháp. Mạt hương: Cây theo chiên đàn và trầm nghiền nát để rải trong tháp, ngoài ra có thể biết, ngoại tài trong kính lược bỏ chẳng khen ngợi.

Địa thứ năm là trong: diệt tội có hai: đầu tiên nêu ra để phối hợp với kinh, sau theo sự gạn hỏi để giải thích . Văn kinh chia làm hai phần là:

Nêu khinh rẻ, và giải thích lý do. Nhưng diệt tội là chuyển nặng

thành nhẹ, bị nhân quở trách mắng chưởi, tức là đương lai không trở lại địa ngục chịu khổ cũng được Bồ-đề. Đối với pháp luận mà chép nghiệp có năm thứ:

1. Nhân giáo sắc.
2. Đất khuyến thỉnh.
3. Chẳng biết điều gì.

Ba thứ trước tuy tạo tác nhưng không lớn thêm, chẳng chịu quả dị thục. Nếu có ba nghiệp này thì, lúc thọ trì kinh tất cả đều diệt, vì nghiệp chẳng thọ báo nhất định.

4. Chấp đắm căn bản.
5. Điên đảo phân biệt.

Hai nghiệp này năng tạo tác sẽ thêm lớn, vì chắc chắn chịu quả dị thục. Là Nghiệp đời trước, sau đây là hai định thọ dị thục, khi dị thục quyết định hay thuộc hề bất định. Vì sao? Vì quả báo quyết định, chuyển nặng thành nhẹ do thời không nhất định đọa vào đường ác giúp cho nhân thọ. Trong bốn nghiệp bất định thứ tư có ba, là câu thứ hai và hai câu còn lại tất cả đều diệt. Ba định nghiệp nầy giải thích thế nào?

Kinh Niết-chép Chưa nhập vào ngã pháp gọi là nghiệp quyết định, đã nhập vào ngã pháp gọi là nghiệp bất định. Do đây mà vua A-Xà-thế sinh quả báo năm tội nghịch, thời báo đều nhất định, gặp Phật sám hối đọa, nghe kinh tiểu thừa. Vì đầu tiên sám hối vào địa ngục Phách Cúc, chuyển nặng thành nhẹ, sau đó nghe kinh Đại Thừa chí thành sửa đổi thì năm tội nghịch tiêu diệt. Cho nên nhập vào pháp Phật gọi là nghiệp bất định.

Nếu y theo theo nghĩa này trong đây lại nói thọ trì vừa chừng, nếu tâm chí thành tha thiết thì tất cả đều diệt. Nhưng kinh Du-già chép thì chưa được giải thích thoát gọi là nghiệp quyết định, đã được giải thích thoát gọi là nghiệp bất định nghĩa là chứng quả A-la-hán gọi là được giải thích thoát. Tất cả không thọ,nhưng nói A-la-hán, Ca-Lưu-Đà-di và Chỉ Mạn.v.v..., hoặc hai quả định trước được Vô học, đặt tên theo sự chứng đắc quả cao quý gọi là A-la-hán. Hoặc thật sự vô học thị hiện chịu quả khổ dị thục của nghiệp ác. Không như thế thì bất thiện lìa dục đã không, làm sao Vô học mà được quả kia? Kia có chịu khổ nhưng chẳng phải quả bất thiện, văn kinh luận khác nhau nhưng y theo hai chỗ đều hiểu như nhau. Do luận y theo kinh, luận y theo tất cả nghiệp sám hối hay không sám hối hoặc định nghiệp hay bất định nghiệp, chẳng phải do tâm cao quý nghe pháp Đại thừa chí thành tha thiết, như khi chưa sinh tâm oán thù... Cho nên kinh Du-già chép: Trong nghiệp bất

định sám hối, sẽ làm tổn giảm chuyển nghiệp, nên trước khi chưa sám hối gọi là Định nghiệp. Nếu sám hối rồi thì gọi nghiệp bất định, lấy kinh làm chánh, theo kinh y theo. Luận chép có bốn nghiệp, quả báo định, bất định pháp môn là nhất định, đã nói sám hối tổn giảm gọi là bất định. Vì trong nghiệp bất định có pháp sám hối này . Vì vậy theo các chỗ đều nói gây ra nghiệp chịu quả báo là quyết định, thần lực của Chư Phật cũng không thể chuyển đổi được, cả ba đều có chung một nghĩa.

Kinh dạy: Diệt chung chỉ dùng Đại thừa, về lý cũng chẳng trái nhưng y theo thuyết trước thì chỉ nói gây ra nghiệp, chắc chắn phải chịu quả báo. Tự mình chẳng ăn năn thì thần lực cũng chẳng giúp ích gì được, không nói tự sám hối mà nhất định chịu báo, nhậm vận hiểu thủ chứng. Nhân trí nghiệp nặng gọi bất định, nếu nhập thánh rồi và nghe chánh pháp, tâm tự sám hối, mà nghiệp báo không chuyển thì tất cả chúng sinh chẳng chứng Thánh.

Sau này Tổ sư dạy theo tất cả chúng sinh thường là nghiệp bất định còn định nghiệp rất ít, cho nên được nhập Thánh. Chẳng phải bày theo ra định nghiệp giúp cho bất định mới được nhập Thánh. Nếu định nghiệp thành nghiệp bất định, đầu tiên định vô tánh, sau thành bất định mà cũng có tánh lại thành lỗi lớn.

Có nhân văn hỏi: Những nhân có trì kinh, đọc tụng, tu hành lẽ ra la người, được cung kính cúng dường, được quả đại trí, lại bị khinh khi tổn thất, báo tốt đẹp gì mà lại vời lấy ác báo?

Theo đây giải thích: Khi tu hạnh tốt bị khinh thường, do nghiệp ác đời trước này có kết quả phải đọa đường ác, nhờ hạnh trì kinh mà chuyển nặng thành nhẹ, chẳng phải do trì kinh lại chiêu cảm vời ác báo. Có chỗ giải thích rằng: Đây là Đảnh vị, trước gây ra nghiệp ác chưa tránh khỏi đường ác, đời nay thọ trì giảng nói kinh mới không chịu quả báo, theo lý là không đúng. Theo kinh Hoa Nghiêm quyển mười bảy theo nói mới phát tâm trụ vô thượng chủng tánh Phật Pháp Vương gia ba đời, tất cả Đức Như-lai và các Bồ-tát nhờ đây sinh pháp thân mầu thanh tịnh, ứng hiện nhiều thân như nhà ảo nói. Chỗ nào chúng sinh ưa thích đều hiện thân, hoặc làm chúng sinh mà rốt ráo Bồ-tát. Hoặc lại hiện sơ sinh, xuất gia, tu hành, học đạo, hoặc ở dưới cây theo thọ vương tự nhiên thành Chánh Giác, hoặc vì chúng sinh thị hiện nhập Niết-bàn. Cảnh giới sâu xa mầu nhiệm chân thật của Phật như thế, nếu chúng sinh suy theo nghĩ mê loạn tâm phát cuồng. Năng lực tự tại tam-muội của các Bồ-tát rất sâu xa vô lượng na-do-tha, trong một niệm đều có klhả năng vào nhập. Quán sát mười phương các thế giới như thế trang

nghiêm thanh tịnh tất cả cõi nước mà tâm chẳng mê đắm, tám tướng sơ tâm Bồ-tát hiện hóa trang nghiêm tịnh độ. Nếu có nhân phát tâm thì không còn lui sụt, càng chẳng tạo ra năm nghiệp Vô gián, không đọa địa ngục. Trụ trong pháp thứ tư, thứ tư là sinh quý chân Phật tử, theo chánh pháp của các hiền thánh mà được sinh khởi, chẳng chấp đắm các pháp có không, lìa bỏ sinh tử, ra khỏi ba cõi, lại không lui sụt ngôi vị làm người. Sau càng chẳng gây tạo và chẳng cùng vô minh đọa vào ba đường ác,.v.v...., trong hạnh thứ tám được mười món Vô tận tạng. Giới thứ hai vô tận tạng, không thọ giới ngoại đạo, chẳng gây ra năm nghiệp Vô gián, giới đều đầy theo đủ chẳng hủy theo phạm một giới nào. Dứt này nói mới phát tâm sẽ có lui sụt. Trụ thứ sáu trở xuống sẽ dứt gốc lành gây ra nghiệp Vô gián. Ngài Xá-lợi-phất.v.v... thuở xưa phát tâm Đại thừa trải qua sáu mươi kiếp, lui sụt tâm Đại thừa về sau trôi lăn trong năm đường. Vì thế kinh Pháp Hoa chép: Bỏ cha trốn đi hơn năm mươi năm kinh Chánh Pháp Hoa nói năm đường sinh tử. Kinh Anh Lạc: nói như pháp hội đầu tiên của ta có tám muôn nhân thối tâm như Thiên Tử Tịnh Mục, Vương Tử Pháp Tài, Xá-lợi-phất., v.v... muốn nhập vào Trụ thứ sáu nhưng vì gieo trồng nhân duyên ác nên lui sụt xuống đường phàm phu tội ác bất thiện, vào ngoại đạo, gây ra năm tội nghịch sinh đại tà kiến, không có tâm ác thì chẳng tạo. Sau Địa thứ bảy trụ mới là giai vị Không lui sụt , không làm Hai Thừa , chẳng gây năm tội nghịch, không đoạ địa ngục phải vào các đường còn lại.

Trong vị Hồi hướng Địa thứ bảy theo của kinh Hoa Nghiêm, ba phẩm gốc lành tu tập rốt ráo chứa nhóm nuôi lớn mở, rộng hạnh vị, hay trụ nhẫn lực đóng cửa đường ác, từ đó về sau không đọa trong ba đường ác. Vì sao đến Đảnh vị còn đọa đường ác? Nay tu vô tướng mới không vào đường ác, chưa dứt phân biệt, người Hai Thừa ở vị Noãn không dứt gốc lành, Đảnh vị không đọa đường ác. Chỉ tu một, hai, ba đời còn có thể như vậy theo huống chi Bồ-tát lại ở Đảnh vị, đủ một đại kiếp lại đọa đường ác. Chắc chắn không có việc ấy, ở đây vì các Bồ-tát nhập Đảnh vị, giúp họ tu tập khen ngợi pháp cao quý, làm cho các Bồ-tát trụ thứ sáu thối tâm trước nhập đệ Thật Trụ thành vị không lui sụt . Lục Hồi hướngtrở xuống vào ba đường ác, nghe pháp tinh tấn tu hành nhập vào Địa thứ bảy Hồi hướng chẳng đọa đường ác. Pháp đã như vậy, cho nên bấy giờ nên tinh tấn tu thành tựu thắng trí. Nhiếp Đại Thừa chép: nhờ năng lực huân tập tánh nghe sinh tịnh tâm xuất thế, lúc chưa sinh tâm đã có khả năng đối lại với pháp phiền não kiết sử. Cái thứ ba trong bốn cái (kiết sử) đã gây ra tất cả nghiệp ác chiết hoại đối trị. Loại kinh

Bát nghiệp chép:Ba thời căn bản gia hạnh hậu khởi điều có điều không phiền não điều là một câu. Hai hữu một vô có ba trường hợp.

1. Một định báo.
2. Một tác nghiệp.
3. Sáu bất định.

Trong Kinh Niết-bàn phẩm ba mươi mốt chép: Tất cả tác nghiệp có nhẹ có nặng. Hai loại này mỗi thứ có hai nghĩa là định, và bất định, cho đến hoặc có nghiệp nặng có thể chịu báo nhẹ nghĩa là nhân trí đã gây ra nghiệp. Đây là trí tạo nghiệp. Tạo nặng chịu nhẹ bài tùng thứ mười trong Nhiếp Luận: Cõi hữu tình bao trùm khắp nơi, có đủ chướng mà thiếu nhân , hai thứ quyết định chuyển, Chư Phật không tự tại.v.v... đều nên xét lại văn. Do văn này dựa vào đoạn trước như mới phát tâm không lui sụt, sau có khả năng từ tám tướng chuyển hóa đến Thập Tín. Vì Tín bất thối thứ sáu không dứt mốt gốc lành, đến Trụ thứ tư không khởi phân biệt, chẳng cùng vô minh ngã kiến tướng.v.v... càng không gây ra nghiệp đường ác để đọa vào đường ác. Nếu trước thối tánh đến Địa thứ bảy Trụ mới trụ không lui sụt , không vào địa ngục, từ đó về sau chẳng ngại vào các đường ác. Kinh Hoa Nghiêm không nói Thập Tín cho nên giải thích như thế. Đến địa vị Hồi hướng Địa thứ bảy theo mới vào ba đường ác, tất cả chỗ không đọa. Sau khi nhập Sơ địa, Noãn sinh, Thấp sinh thường không thọ thân trong ba đường ác, được làm thân người.

Giải thích thích theo câu hỏi: Lại nói bị người khinh rẻ, ở đây giải thích Khinh rẻ trong kinh này rằng theo Lưu-chi La-thập chỉ có một khinh rẻ, ở đây và kinh Năng Đoạn đều có hai. Chân đế vốn nói bị khinh rẻ.v.v... đều khinh rẻ, giết, đánh, trộm cắp dâm dục việc đó chẳng phải một, nên quán lý này để hiểu câu hỏi về nhân quả.

Theo ngài Thiên Thân vì thị hiện xa lìa tất cả chướng, vì sao bị người khinh rẻ mà lại xa lìa các chướng. Vì có công đức lớn, chẳng những tội diệt mà cũng được Bồ-đề, khởi lên sự hiểu biết sâu xa như vậy theo vì tín tâm cao siêu.

Theo bản của Chân Đế: Nghiệp tội và quả báo khổ đời trước bị tiêu diệt, ngoài ra bản chỉ nói tiêu diệt nghiệp tội, chẳng nói qua diệt, do nghiệp đã tiêu, quả báo tự nhiên không phải chịu, cho nên không nói. Đoạn trước đã nói do nhân duyên này sinh ra vô lượng A-tăng-kỳ, v.v...trở xuống là giải thích lại phần thứ hai ở trước thuộc phần Phước đức , văn chia làm hai: Thứ nhất là trình bày theo nguyên do vì sao có kinh nầy, thứ hai oai lực dưới đây giải thích phối hợp với oai lực. Là

giải thích lại Phước nhiều, giúp sinh tâm vui vẻ ưa thích, giải thích phối hợp oai lực có hai: Một là nêu lên, hai là phối hợp, trong phối hợp có ba: Một là năng oai lực; hai là phối lặp với nhiều oai lực; ba là/ Nói người nào là năng nói . Trong oai lực, đầu tiên là văn phối hợp, thứ hai là văn giải thích , thứ ba là giải thích nghĩa vặn hỏi. Gặp Phật Nhiên Đăng thì, Phật Thích-ca trụ địa, thứ tám cho nên nói A-tăng-kỳ kiếp. Quá A-tăng-kỳ vì lại hơn trước, nghĩa là nói từ Địa thứ bảy đến Sơ địa, đầu tiên gặp Phật Bảo kế đến nay thành Phật đã hai đại kiếp. Đây là đối với bậc Thánh so sánh sự cúng dường, hoặc lại hơn trước cho đến kiếp sơ, đầu tiên gặp Phật Thích-ca đến nay trải qua ba đại kiếp. Cho nên trong luận Câu Xá có bài tụng:

"Qua ba vô số kiếp,
Trái ngược gặp Thắng Quán
Phật Nhiên Đăng, Bảo Kế
Thích-ca Mâu-ni".

Theo Tông nói kia, kiếp sơ gặp Phật Thích-ca Mâu-ni, từ đó về sau cúng dường năm muôn bảy theo ngàn Đức Phật. Đến kiếp thứ hai gặp Phật Bảo Kế. Từ đó về sau cúng dường sáu muôn bảy theo ngàn Đức Phật. Đến kiếp thứ ba đầu tiên gặp Phật Nhiên Đăng và cúng dường từ đó về sau là bảy theo muôn bảy theo ngàn vị Phật. Đủ ba đại kiếp, trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, đầu tiên gặp Phật Tỳ-bà-thi, ở đây nói Phật Thắng Quán chỉ do đứng nhón một chân mà vượt qua chín kiếp. Cho nên kinh chép: chín mươi mốt kiếp Phật Tỳ-bà-thi, từ đó về sau ba mươi kiếp gặp Phật Thi-khí, Phật Bệ-thấp-bà, đến khi đủ kiếp thứ chín mươi mốt sẽ gặp ba vị Phật ở kiếp Hiền trong quá khứ. Đây là nói trong kiếp Trụ, năm kiếp đầu không có Phật ra đời, kiếp thứ sáu có Phật Câu-Lưu-tôn, kiếp Địa thứ bảy theo có Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni, kiếp thứ tám có Phật Ca-diếp, kiếp thứ chín hiện nay có Phật Thích-ca ra đời.

Theo Đại Thừa, sự Chân Đế giải thích: Trong đại kiếp đầu tiên cúng dường năm Hằng hà sa Đức Phật, kiếp thứ hai cúng dường sáu Hằng sa Đức Phật, kiếp thứ ba cúng dường bảy theo hằng hà sa Đức Phật. Theo kinh Niết-bàn, Tứ Bồ-tát trước sau tính chung cúng dường hai mươi sáu hằng sa Đức Phật mới chứng Bồ-đề. Nay bản Lưu-chi thì: Ở trước Phật Nhiên Đăng thì gặp tám mươi tư ức-na-do-tha trăm ngàn Chư Phật. Theo bản ngài La-thập thì gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức Na-do-tha Chư Phật. Theo kinh Năng Đoạn gặp tám mươi tư câu-chi-na-do-đa trăm ngàn Chư Phật, tính ra tên tuy có hơn mà số có lớn nhỏ đều chẳng trái nhau. Chỉ y theo một vị đã gặp mà nói, đều y theo nói chung,

lý giáo khó biết. đầu tiên Bồ-tát khác y theo theo giới hạn được thấy một trăm Đức Phật. Trăm Đức Phật tức trăm trăm ức, như thế từ giai vị ấy trở lên gặp Phật rất nhiều, vì sao trong đây chỉ nói từng ấy? Cho nên biết y theo theo một vị đã gặp, thì bản La-thập chỉ có một A-tăng-kỳ, không nói quá A-tăng-kỳ, các bản khác đều có. Gần gũi là cúng dường, như đoạn trước đã nói gần gũi bạn lành không luống uổng: Vì không lìa sự cúng dường, hành pháp cúng dường thực vì thường chẳng lìa bỏ, kia thực hành hạnh Phước vì nhân trí này chẳng thể sánh lường.

Ngài Thiên Thân giải thích: Dưới đây là thứ tứ chỉ bày theo sự mau chứng Bồ-đề, vì có nhiều Phước đức trang nghiêm mau chóng đầy theo đủ, xem văn kinh này và so sánh với kinh Pháp Hoa thấy giống nhau, vì thật tướng quán chiếu thì đồng với nhất thừa, chính là Trung đạo. Trong phần Đa Lực: một Vì nhân cuồng loạn nên sinh ra bịnh điên cuồng, hai là lại chẳng phải quả cuồng cũng sinh tâm loạn, vì thế không nói đầy theo đủ. Do văn kinh có cuồng loạn nói hai cho nên không giải thích riêng. Trong ai là người năng nói Phước thể và quả cả hai đã khó So sánh chỉ có Phật mới biết được, do ngoài chẳng lường được. Luận của Thiên Thân điều này là thành thế lực lớn Địa thứ năm, được quả báo nhiệm mầu rộng lớn. Cái gọi là nhiếp thọ quả bốn vị vua trời, Phạm Vương, Đế-thích... vì thành tựu thế lực. Tức là nói về được Địa tiền, sinh lên tầng trời bốn vua trời kia, ngay theo bằng với Mười địa đắc quả Thập vương. Nếu nhân nghe điều này mà tâm mê loại do quả báo đó không thể suy nghĩ bàn luận vì đều là thắng diệu, thị hiện chẳng phải cảnh giới tư lương, trên đây đều nói về sự tu hành thành tựu được nghiệp công đức này .

Thứ mười một là xa lìa tự chấp chứng nhập vào vị gia-hạnh. Hai vị Noãn, Đảnh khởi đầu quán xét sở thủ vô tác, lúc quán bốn tầm tư hơi lâu, văn trước là nhập Noãn Vị nhân chấp, vị đó nhờ tu chứng rồi, nên riêng tu quán an lập hữu tình và làm lợi ích. Mặc dù chiết phục cả hai chấp phân biệt nhưng vẫn có khởi đôi chút về hai chấp Câu Sinh, ngã năng trụ tâm, tu hành điều phục chướng, độ chúng sinh bình đẳng. Sở trụ. Sở hành, sở phục chướng là sở thủ, tâm là năng thủ, sở thủ chưa dứt thì hoàn toàn chưa điều phục được năng thủ. Ta có khả năng trụ như thế mà tu hành v.v..., hai thủ đều có, ta có năng thủ, nên gọi là Tự thủ.

Quyển trước gọi là lúc chứng đạo xa lìa sự hỷ động, do được tu tuệ, hạ phẩm bốn quán tầm tư không có sở thủ, bèn sinh tâm kiêu mạn ta chứng đắc, hỷ động v.v..... sinh khởi, chấp có tự ta có khả năng thực hành hạnh này , nên gọi là Tự thủ. Tâm sinh vui mừng, trạo cử, cống

cao gọi là hỷ động, lúc hỷ động khởi đang ở Noãn vị, dứt được hỷ động này liền nhập Đảnh vị. Quyển này đầu tiên là nêu tên, lìa không tự nhiếp, ấy buông lung liền sinh phiền não, gọi là không tự nhiếp. Nhiếp cẩn nhiếp, nghĩa là tự nhiếp giữ, không tự nhiếp giữ gọi là không tự nhiếp.

Nay ở Đảnh vị, quán lại sở thủ vô tác, trên đây tầm tư quán gọi là Tự nhiếp.

Văn luận chia thành hai. Một là: nêu phối hợp; hai là: giải thích kinh, trong giải thích chia làm ba.

1. Ý là văn hỏi tức` giải thích kinh, đầu tiên văn nêu ra để trả lời.

2. Giải thích tức chẳng phải Bồ-tát.

3. Giải thích không có chút pháp gọi là Phát Thú.

Trong ý hỏi đáp chia làm ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là dẫn kinh để chứng minh thành tựu. Sơ địa gọi là chứng đạo, trong chứng đạo chứng không có hai thủ, kia tướng sáng hiện trước Noãn vị, đầu tiên đắc vô sở thủ, tương sáng mới hiện khởi liền sinh hỷ động ta có khả năng trụ, trong luận chép bốn ngã năng trụ là đầu tiên ba hạnh tự lợi, sau là một hạnh lợi tha, không mê đắm do ba hạnh là tự lợi, sau mới là lợi tha. Tự lợi đã thành tựu, lợi tha cũng tròn đầy , hoặc bất luận tự lợi, lợi tha đều có ba hạnh, vì thế văn đều đáp đầy theo đủ cả ba hạnh.

Theo ngài Thiên Thân do tâm Bồ-đề có ba. đầu một hạnh lợi tha, sau hai hạnh tự lợi, cho nên văn trước sau trả lời riêng. Ba lần gạn hỏi đều dẫn giáo pháp để thành tựu, sở trụ sở hành, sở hàng phục sở thủ. Và tâm là ba tâm kia tức năng thủ. Noãn vị còn có hai thủ, cho nên muốn dứt bỏ phải dứt bỏ sở thủ. Ngài Tu Bồ-đề hỏi Phật: Dẫn Mười địa thắng hạnh nói phá trừ chấp kia giúp cho tiến nhập Đảnh. Luận do Thiên Thân soạn vì sao đoạn trước nói ba thứ tu hành, nay sẽ nói lại, bài kệ ghi:

"Đối nội tâm tu hành
Còn ta là Bồ-tát ".

Đó là làm chướng tâm, trái với đạo bất trụ, cũng giống với luận nầy. Đáp ba câu hỏi đầu, dường như đồng với văn này , "sở" hoàn toàn khác. Nếu Bồ-tát đối với tự thân ba thứ tu hành, sinh tâm như thế này ta trụ nơi tu hành có khả năng hàng phục tâm sinh ra phân biệt này thì làm chướng ngại tâm hạnh Bồ-đề và tâm phá hoại, không trụ nơi đạo vì như trí biết, đó là hạnh Bồ-đề. Còn chướng tâm vì khởi tâm kiêu mạn sau khi dứt chướng hậu Đảnh tâm, tâm này bất sinh. Sơ địa không trụ đạo

cũng không khởi đắc chứng, vì cả hai trái nghịch gần tâm và xa đạo, tức do Noãn vị còn tồn tại ngã. Sinh tâm kiêu mạn như thế không thể nhập Thánh. Lặp lại câu hỏi này , hỏi giống lần đầu nên đáp cũng vậy, sở là căn biệt vả lại như ba câu hỏi dựa vào luận không mê đắm, có ở cả vị phàm thánh, trả lời cũng thế, cho nên vị này cố định chẳng phải trùng lặp. Văn kinh giải thích "vô trước" vì văn đều có ba câu trả lời này . Còn Thập hạnh, đa hạnh, thắng hạnh thì có mạn động sinh, vì ta có thể như vậy, sắp nhập vị Thập Hồi hướng, đầu tiêu dứt tâm kiêu mạn vì nói thắng đạo giúp cho tiến vào, nay được Noãn vị cũng sinh tâm ngã mạn, trước giúp dứt mạn để tiến nhập vào Đảnh vị, cũng như vậy. Kinh trước là hỏi chưa nhập vào Phật pháp, trước có ngã mạn hay không? Vì ngã có khả năng như vậy theo trụ trong tạo nghiệp, đầu tiên đặt câu hỏi khuyên phát tâm tốt đẹp, trước dạy theo vô tướng, cho nên thành ba câu hỏi giúp họ tinh tấn tu hành. Nay sắp nhập vào dòng Thánh kia được thắng đạo, ngã mạn này lại sinh vì thế thành ba câu hỏi, giúp dứt tấn tập vừa quán thế văn, muốn dùng hai vòng căn cứ xem xét tìm căn, sở là hoàn toàn khác nhau. Cho nên đồng với không mê đắm. Chỉ có một vòng. Lại nói hai vòng chu như đoạn trước lẽ ra đầy theo đủ, một vòng là thắng, chẳng phải không mê đắm dám trái với Di-lặc, cũng chẳng phải ngài Thiên Thân có điều trái với Vô Trước.

Giải thích thích tức chẳng phải Bồ-tát; nếu khởi pháp chấp liền có ngã chấp lấy, ngã chấp hiện hành vì y theo kia khởi. Hoặc khi pháp chấp lại không hiện hành ngã chấp lấy do có phiền não gọi là có ngã chấp như đoạn trước đã giải thích . Đoạn văn này nói có học hồi tâm và di sinh,.v..v... đến giai vị này còn có ngã chấp. Hai Thừa vô học có pháp chấp không có ngã chấp sau giải thích không thiếu tên pháp, nhân phát hạnh Đại thừa chân lý vô ngã, cho nên không thiếu pháp phát hạnh thừa kia. Đoạn trước nói năng thủ ngã tưởng đã không, nay nói lên sở thủ vô ngã, cũng chẳng có chánh vị sở quán.

Thứ mười hai là lìa không có nhân giáo thọ, đã trụ Đảnh vị, ưa quán sở thủ, sẽ khởi Nhẫn và pháp Thế đệ nhất, ấn vô sở thủ, quán năng thủ không nhập chân Thánh chứng đạo vị. Đã không có giáo thọ không thể tiến đến thành tựu, do đó dẫn Phật Nhiên Đăng để nói về giáo thọ, ta trụ Địa thứ tám còn đến Phật Nhiên Đăng, để cầu Giáo thọ, tiến nhập Thượng vị. Huống chi còn trụ Đảnh vị mà chẳng cầu giáo thọ làm phép tắc để tiến lên thượng vị ư! Tức là vị này nói không cầu giáo thọ, là sở tri chướng lìa loại chướng này , văn kinh dứt dưới chỉ nói quyển trước vì cầu Giáo thọ, khuyên cầu Giáo thọ là hạnh vị này . Theo ngài Thiên

Thân thì ở đây có nghi ngờ. Nếu không có Bồ-tát vì sao Đức Thích-ca ở trước Phật Nhiên Đăng tu hành Bồ-tát, ý này chỉ nói sắp nhập Nhẫn vị quán không có năng thủ. Đảnh vị nghi ngờ rằng: Đã nói không có năng thủ, Bồ-tát cũng không, thì ai ở trước Phật Nhiên Đăng tu hành hạnh Bồ-tát? mặc dù hạ Nhẫn vị cũng ấn sở thủ không, còn trung và thượng Nhẫn vị chính quán không có năng thủ qua, bèn ẩn hạ Nhẫn và đệ nhất pháp, ấn không có hai thủ lược qua không nói.

Đầy đủ Văn kinh chia làm ba: Một là hỏi; hai là đáp, ba là thành. Trong thành có ba, đầu tiên nói ba phẩm hạnh của Nhẫn vị, này Tu Bồ-đề! nếu có nhân nói Đức Như-lai sau khi được đệ nhất pháp vị ở dưới nói, sau đó này Tu Bồ-đề, Đức Như-lai đã đắc A-Nậu-Đa-La Tam-miệu Tam-Bồ-đề bất thật bất vọng ngữ.v.v... giải thích các trở ngại. đầu tiên chỉ hỏi sở thủ có không, kế là trả lời sở thủ không có. Quán thành Nhẫn có ba:

1. Hạ nhẫn vị ấn sở thủ là vô.

2. Tu Bồ-đề nếu có pháp Đức Như lai đắc v.v...trở xuống là nói trong nhẫn vị quán không có năng thủ.

3. Sau vì sao Tu-Bồ-đề nói đức Như-lai tức thật chân như v.v. nói thượng nhẫn vị ấn không có năng thủ. Văn luận chia hai: đầu tiên nêu ra thuộc kinh, sau giải thích phật bảo rằng,phật bảo rằng, cũng có ba: Thứ nhất giải thích Nhẫn vị; thứ hai là nói ở chỗ Đức Như lai Nhiên Đăng, pháp không chứng đắc, v.v... ở dưới giải thích pháp Thế đệ nhất; Thứ ba có kinh chép ngài Tu Bồ-đề, Đức Như lai Chánh giác v.v... xuống là giải thích sự chướng ngại. Văn giải thích Nhẫn có hai: Một là giải thích trung nhẫn quán không có năng thủ; hai là vì sao sau pháp bất khả nói kia giải thích hạ nhẫn vị ấn không có năng thủ, lược qua không giải thích hạ nhẫn, đầu tiên ấn vô sở thủ, lời văn dễ hiểu, luận của Thiên Thân cũng vậy, giải thích trung nhẫn có hai.

Một: là giải thích trong kinh, như có pháp chứng đắc.

Hai: giải thích trong kinh, do thật không có pháp chứng đắc.

Văn lặp lại câu hỏi, sau chính là giải thích ý. Theo giải thích ý thì như Chánh giác có thể được nói như kia Phật nói ta đã có thắng hạnh, lúc ta ở đó liền được Chánh giác, bấy giờ ta đã được Chánh giác. Lẽ ra Phật Nhiên Đăng không nên thọ ký cho ta rằng: Đương lai sẽ chứng đắc, chỉ cho Chánh giác chẳng thiếu thật có, không như điều đã nói, ta không có hạnh tốt năng đắc, lúc ấy không được chứng đại Bồ-đề cho nên thọ ký cho ta đời đương lai mới chứng đắc. Cho nên ngài Thiên Thân nói: Do thọ ký thời gian sau nên hạnh của Phật Nhiên Đăng chẳng

phải thượng, đối với thời Phật Nhiên Đăng chẳng phải hạnh Bồ-tát bậc nhất. Vì sao? Vì bấy giờ ta đã tu các hạnh, không có một pháp nào chẳng được đại Bồ-đề. Nếu ta ở chỗ Đức Phật đó đã chứng Bồ-đề thì về sau Chư Phật đều không thọ ký cho ta, cho nên lúc đó ta tu thực hành chưa thành Phật, ý này nói chung, vì lúc ấy ta hành chẳng thành tựu bậc nhất thượng thắng. Nói không có một pháp nào để được Bồ-đề. Cho nên thọ ký cho ta về sau sẽ thành. Nếu lúc ấy ta có thực hành hạnh tốt đẹp thì ngay theo tức khắc chứng được, vì sao thọ ký cho ta về sau mới thành Phật? Cho nên biệt không có thật hạnh năng chứng, từ đó về sau Chư Phật đều thọ ký sẽ thành, vì thế mà biết lúc trước không có pháp nào để chứng đắc.

Giải thích thích thật không có pháp chứng đắc, vì pháp không thể nói nhờ ta lúc đó biết được hạnh năng thủ không có thật thể, vì chỉ có chân như không thể nói và thuận với lý hạnh, lúc ấy ta chưa đắc Chánh giác, thọ ký đương lai chưa được chứng. Nếu lúc đó ta chấp hạnh năng thủ thật có tự tánh cho là hạnh có thể nói vì hạnh trái lý, thì chẳng thể ngay theo lúc ấy không đắc Chánh giác, cũng không thể thọ ký đương lai ta mới chứng đắc. Ý này rất sâu xa nên tìm tòi nghiên cứu kỹ.

Thích giải thích ấn vô năng thủ: ý muốn hỏi vì sao hạnh kia không thể nói? Vì pháp thân Như lai tức chân như, như thể thanh tịnh không có cấu nhiễm như (vàng ròng). Do đây các giáo lý phần nhiều chân như dụ như vàng ròng, vì tánh trong sạch. Theo ngài Thiên Thân, nếu không có Bồ-đề thì không có Chư Phật, Như lai. Có sự chê bai như thế nghĩa là hoàn toàn không có Chư Phật, cho nên nói chân như, ý đó nói rằng đã không có hạnh năng chứng thì Bồ-đề sở chứng cũng không. Nếu không có tự thể năng chứng Bồ-đề, tức là không có Chư Phật, nay nói Chư Phật dùng chân như làm tánh, chân như đã không có tánh năng thủ, cho nên hạnh năng chứng cũng không có tự tánh, Bồ-đề cũng như vậy, chẳng phải không có Bồ-đề. Lại Bồ-đề có nghĩa sở chứng giác, nghĩa giác đã dạy theo bảo người vì sở thủ không, năng thủ cũng chẳng có. Bồ-đề năng thủ đã không thì lẽ ra chẳng có Chư Phật, của Chư Phật chân như làm tánh, chân như đã không có năng thủ nói Chư Phật, năng thủ đều không có thật thể, chẳng phải không có Bồ-đề sở chứng giác tánh.

Ngài Thiên Thân giải thích thật nghĩa chân như: Thật chẳng phải nghĩa điên đảo, ở đây phân biệt sở chấp ngã nhân pháp ngã điên đảo kia. Chân như: Không khác nhau cũng chẳng biến đổi, không khác vô lậu hữu vi vì kia sinh diệt, ở đây giải thích nghĩa như, không thay đổi

phân biệt hữu lậu hữu vi đối trị đắc đạo vì có sinh tử biến dịch, đây là giải thích nghĩa chân. Nhưng nói chân như Luận đã nói.

Giải thích thích thế đệ nhất pháp, theo ngài Thiên Thân nói hạnh Bồ-đề, kia có nghĩa thế nào? nếu nói Hạnh Bồ-đề ấy thật có thì lời này luống dối, theo kinh giải thích : Nếu có nhân hỏi Như lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề thì nhân này nói không thật, ở đây nói không có năng thủ, như vậy theo Như lai đắc A-nậu Bồ-đề. Nếu nhân nói đắc cũng luống dối, nói sở thủ Bồ-đề cũng không, hạnh năng thủ, sở thủ Bồ-đề đó cũng chẳng thật có, tên gọi tương tự, nói hai thủ đều không giúp cho kia cả hai đều ấn chứng, sau một niệm liền nhập vào thấy đạo. Theo văn này, nếu nói Như lai Nhiên Đăng đối với pháp không Chánh giác, ý này nạn rằng lúc Phật Nhiên Đăng vì hạnh chẳng phải thượng, có thể nói không có năng thủ, Đức Phật đời nay tự được Chánh giác, chẳng lẽ không có hạnh năng thủ chứng hay sao? Nay Đức Phật dạy: Chẳng những đời nay chỉ không có chứng hạnh Bồ Tát năng thủ, mà cũng chẳng có Bồ-đề chân thật sở thủ, do đó nói rõ hai thủ theo đều chẳng thật có.

Trước kia tu trí đầu tiên ở Noãn vị, quán không có sở thủ do đây luận chép : danh sự dung nhiếp nhau, tánh kia lẽ ra tầm tư, trước xa lìa tự thủ, kế là Noãn vị, Đảnh vị quán lạc sở thủ chẳng thật có. Cho nên luận chép: đối với hai cũng phải suy theo tìm Duy lượng và Duy giả, hai đang ở vị bốn tầm tư. Ở đây nói giáo thọ tại pháp Nhẫn thế đệ nhất thượng phẫn khởi, vị ấn sở thủ không, trung nhẫn khởi vị quán không năng thủ Thượng nhẫn khởi rồi ấn vô năng thủ, pháp thế đệ nhất hai không ấn cả hai. Cho nên Nhiếp Luận lại chép: Thật trí quán không có nghĩa chỉ có phân biệt, ba thứ kia không cho nên ở đây không, cho nên nhập ba tánh hai cầu đầu hạ Nhẫn vị, hai câu sau ở trong, thượng nhẫn vị pháp thế đệ nhất. Thời gian chỉ rút ngắn một sát-na không nói kinh này , lại nối tiếp luận của ngài Thiên Thân, văn sau mới giải thích .

Giải thích thích chướng nạn có ba: Một là nói chân như không luống dối để giải thích nghi; hai là nói nhiếp tất cả pháp tánh tức chân như để giải thích nghi; ba là an lập nghĩa đệ nhất. Theo ngài Thiên Thân thì có nhân chê bai Đức Như lai chẳng đắc A-nậu Bồ-đề, vì dứt nghi này nên theo phát khởi văn kinh sau, ý này cho rằng đã không có hai thủ thì năng thủ không, vì không có năng chứng thì sở thủ không, chẳng có sở chứng giác. Nay nêu ý kinh chẳng phải thật có, cho nên không có hai thủ, chẳng có vọng vì thế có giác chứng. Ý luận nói vì trong chân như không thật không vọng, cho là không hai, sao không

thật nói về lại lời nói trước, cho nên như lời nói. Do đắc không thật ở trong chánh giác mượn lời nói thế gian để nói lên đắc chứng. Đắc chứng không luống dối. Theo Thiên Thân thì tướng hữu vi không thật có cho nên không thật, trong lý chân như vô đắc vô chứng, trong tướng hữu vi mới có đắc có chứng. Vì chân như kia là không, nói không thật chẳng phải tướng hữu vi tức là tướng Bồ-đề, vì vậy theo nói không luống dối, văn tuy có chút khác nhau nhưng ý nghĩa phần nhiêu đồng nhau.

Nhiếp tất cả pháp tức chân như, ý nói chân như là tự tánh tịnh thể của tất cả pháp, chỉ có cả các pháp nhiếp tướng về tánh, do đó tất cả pháp đều là Phật pháp. Theo kinh Vô Cấu Xưng: thì tất cả đều như thế, vì tất cả đều là pháp chân như của Phật, tức không phải tướng năm uẩn, cho nên là tướng Bồ-đề, là môn Dị Tánh, đây tức Phật pháp là môn Nhất tánh.

An lặp đệ nhất nghĩa, nói tất cả pháp nghĩa là năm uẩn, thể nó đều chẳng phải pháp, không phải như danh nói đều chẳng phải năm uẩn tức là năm uẩn. Gọi là an lặp đệ nhất nghĩa như Tiểu thừa nói có thể tất cả pháp tức tất cả pháp. Nay nói tất cả pháp chỉ được gọi là giả danh, chẳng phải như (tên) gọi kia thật có tự tánh. Pháp tức chẳng phải pháp, ngài Thiên Thân giải thích giống như, nhưng không phải là hư danh đã nói. Thể cũng chẳng phải thể, pháp ba đời không có tự tánh nên thế gọi là chẳng phải pháp. Câu hỏi này cầu Giáo thọ, nói đối với Phật Nhiên Đăng, có pháp chứng đắc hay chăng? Đoạn trước lìa vắng lặng vị, lại nói đối với Phật Nhiên Đăng, trước kia không lìa khi Phật ra đời, sau lại nói ở chỗ Phật Nhiên Đăng có đắc Bồ-đề hay chăng? Ba điều đó khác nhau chỗ nào? Chư Phật rất nhiều vì sao chỉ nói một Đức Phật Nhiên Đăng.

Trả lời đầu tiên nói Phật Nhiên Đăng vì lìa ít học tu chứng, không lìa Phật ra đời, hành nói ta từng là Bồ-tát Địa thứ tám, nhậm vận song tu chân tục vô sinh, đã đối với tất cả pháp có khả năng chịu đựng, hay suy có khả năng theo nghĩ, có khả năng theo thọ trì. Phải là học rộng không lìa Phật Nhiên Đăng, do tu hạnh đó. Nay ông sơ phần còn trụ Thập Hồi hướng, vì sao không tu hạnh không lìa Phật để cầu học rộng làm Vô sinh!

Kế là nói Phật Nhiên Đăng nêu thí dụ so sánh, ta là Bồ-tát Địa thứ tám theo Đức Phật Như lai kia cúng dường một kiếp được công đức còn không bằng công đức đọc tụng tu hành kinh này huống chi nay ông mới trụ trung phần của Thập Hồi hướng không gần gũi học tập tu hành kinh này . Nay nói Đức Phật Nhiên Đăng để nói lên địa thứ tám còn cầu

giáo thọ tu tập tiến lên vị Vô sinh, nhậm vận để tu pháp Vô sinh nhẫn, huống chi nay mới trụ Gia hạnh, đảnh vị, mà không cầu giáo thọ để tiến lên Vô sinh nhập vào Nhẫn vị, vì Vô sinh nhẫn, nhân có năm thời:

1. Tư lương vị: Y theo nhân duyên Duy Thức tu chung Vô Sinh.

2. Gia hạnh vị: Vị này mới nương tu tuệ đặc biệt tu Vô Sinh.

3. Thấy đạo vị: Khai sáng chứng vô lậu, vô tánh, vô sinh.

4. Địa thứ tám vị: Khai mở nhậm vận tiến vào Vô sinh.

5. Phật vị tự tại. Nhân vị có bốn, quả vị có một, đây cũng được gọi là như thật quán trí. Như thật quán trí thể có cả vô lậu, do đây ba kinh trước nói Phật Nhiên Đăng cũng không lặp lại. Kinh này phần nhiều nói tánh của thắng nghĩa vô sinh, Đức Phật Thích-ca đối với Phật Nhiên Đăng nhậm vận nối nhau để đắc đạo này . Trải tóc rải hoa để vượt tám kiếp, dấu vết tóc phủ trên bùn hiện nay vẫn còn, nhân sinh lòng tin đã nhiều cho nên chỉ nói mà thôi. Trên đây đã nói trong tín hạnh địa hợp lại thành mười sáu trụ xứ, y theo bát trụ xứ nhiếp thành bốn.

1. Phát tâm gọi là nhiếp trụ xứ.

2. Ba-la-mật tịnh trụ xứ.

3. Dục trụ xứ.

4. Lìa chướng ngại mười hai trụ xứ hợp lại thành cái thứ tư. Nay hợp chung thành ba: Một là Nhiếp trụ xứ là Thập trụ vị. Hai là Ba-la-mật tịnh trụ xứ và dục trụ xứ là Thập Hạnh vị. Ba-la-mật là lìa chướng ngại trụ xứ là Thập Hồi hướng. Vì sao?

Theo kinh Hoa Nghiêm: Đức Phật ở tại đạo tràng Tịch Diệt nước Ma-kiệt-Đề, mới thành Chánh giác. Trong thứ nhất xứ các vị Bồ-tát thỉnh Ngài nói về Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Tạng, Thập Hồi hướng, Mười địa, Thập Nguyện, Thập Định tự tại, Thập Đảnh.

Sau đến xứ thứ hai, lúc bấy giờ Đức Phật đang trên điện Diệu Thắng tại cung trời Đao-lợi của trời Đế-thích, thêm Bồ-tát Pháp tuệ mới nói Thập Trụ.

Đến xứ thứ ba, Đức Phật ngự trên điện Trang Nghiêm cung trời Dạ-ma, thêm Bồ-tát Công Đức Hoa mới nói Thập Hạnh.

Đến xứ thứ tư, Đức Phật ngự trên điện Nhất thiết Bảo Trang Nghiêm ở cung trời Đâu-suất, thêm Bồ-tát Kim Cương Tràng mới nói về Thập Hồi hướng.

Đến xứ Địa thứ năm, Đức Phật ngự ngự trên điện Ma Ni Bảo Tạng ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại, thêm Bồ-tát Kim Cương Tạng mới nói Mười địa. Bốn lớp trên đây là riêng mỗi giai vị thứ bậc ngoài ra năm mươi loại là trong vị kia tu pháp riêng. Thập Tạng là trong Thập

Hạnh tu pháp riêng. Vị thứ tám trong Thập hạnh gọi là Tôn nặng hạnh, vị này thành tựu các vị tôn nặng, cho đến nói rộng, tôn nặng Phật pháp, làm việc lợi ích chúng sinh thực hành công đức vô tận, nhập vào pháp giới thanh tịnh. Thí như hỏa châu xuất hỏa không thể cùng tận, các kho công đức không thể cùng tận của Bồ-tát như thế, giáo hóa chúng sinh, cũng không thể cùng tận. Từ đó về sau mười thứ công đức vô tận mới bắt đầu thành tựu tròn đầy đủ.

Nói theo Mười địa thì mười nguyện, Thập định, Thập tự tại, Thập đảnh đều là Mười địa, chỗ tu pháp riêng cho nên nói trong nhân chỉ có bốn mươi hai giai vị. Theo kinh Anh Lạc quyển thượng thì bốn mươi hai vị Hiền thánh, phàm phu Địa tiền có ba mươi giai vị. Thập trụ gọi là Đồng Bảo Anh Lạc, Thập Hạnh gọi là Ngân Bảo, Thập Hồi hướng gọi là Kim Bảo, bậc Thánh Mười địa gọi là Lưu Ly theo Bảo, trước bốn mươi gọi là Học hạnh. Vào dòng nước pháp do tự,quán chú Bồ-tát Đẳng Giác gọi Ma-ni Bảo, kia gọi là Kim cương tuệ, Bồ-tát trụ đảnh tịch định, dùng năng lực nguyện lớn tuổi thọ một trăm kiếp tu ngàn Tam-muội rồi, nhập định Kim cương. Lại trụ ngàn kiếp, học oai nghi voi đầu đàn của Chư Phật, nhìn xem bước đi thần thông giáo hóa của bậc Sư tử, cho nên Phật pháp đều hiện ra trước mắt. Nhập Phật hành xứ, ngồi đạo tràng của Phật vượt qua ba thứ ma. Lại trụ muôn kiếp hóa hiện thành Phật, nhập vào vắng lặng hoàn toàn, hai để các pháp như của Đẳng Giác Chư Phật, hai tập không còn, cho đến hiện đồng Cổ Phật, thường hành Trung đạo Đại thừa vô vi mà sinh diệt là khác, thật ra chẳng phải Phật, hiện thần thông Phật thường trụ cảnh giới của mình. Quán sát ý đoạn văn này Tam-muội Kim cương mới trải qua nhiều kiếp, trụ trong Phật, vị gọi là Bảo Anh lạc thủy theo tinh, trong ngoài sáng rỡ, thường trụ Diệu giác thường trụ tánh vắng lặng trong sạch, gọi là nhất thiết trí địa, vượt qua bốn ma, giai vị đó đều dùng công đức anh lạc để trang nghiêm giữ gìn thân mình, vì vậy theo dùng để đặt tên. Các vị trở về trước gọi là sáu chủng tánh, là: Tập tánh đạo, Đẳng Giác, Diệu Giác cũng gọi là sáu Hiền. Pháp tu trí tín tu đức Đảnh nguyện cũng gọi là sáu nhẫn, là tu tín pháp chánh vô cấu nhất thiết trí, cũng gọi là sáu tuệ, đó là văn tư tu vô tướng chiếu tịch tịch chiếu, cũng gọi là sáu quán, nghĩa là trụ – hạnh – hướng – địa vô tướng Nhất thiết chủng trí. Trong Thập trụ, đầu tiên phát tâm trụ chưa lên Thập trụ, có mười tâm danh tự Bồ-tát, thường hành mười tâm, đó là Tín tâm, niệm tâm, tinh tấn tâm, tuệ tâm, nguyện tâm. Tu hành tâm nầy nếu trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, cho đến nhập địa vị ở Sơ trụ. Trụ là trong trụ tu tăng thêm trăm Pháp

Minh Môn. Gọi là Mười tín tâm, vì tín tâm có mười, tu hành trăm Pháp Minh môn, thường phát nguyện lớn vô lượng hữu hạnh vô hạnh, được nhập Thập chủng tánh.

Kinh ấy đã gọi Mười Trụ vị là Tập chủng tánh, tu tín niệm, v.v.... trải qua ba đại kiếp mới vào Thập trụ, tu hành trăm Pháp liền hiển bày Thập tín là thuộc về Sơ trụ, chưa bước vào tăng-kỳ. Giai vị này thuộc ngoại phàm, phát cầu đại tâm, Hai Thừa đồng phát tâm hướng Đại. Kinh Niết-bàn nói tám muôn kiếp đồng nên nói tướng kia. Kinh ấy lại chép, sơ phát tâm trụ đối với Tứ Đế như thứ lớp phát bốn thệ nguyện rộng lớn. Tru thứ hai tác quán bốn niệm trụ, Tru thứ ba tác quán Mười Nhất thiết xứ, thứ tứ trụ tác quán tám thắng xứ, Trụ Địa thứ năm thực hành tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân , trụ thứ sáu tác quán tám giải thích thoát, trụ Địa thứ bảy tác quán sáu pháp hòa kính, trụ thứ tám tác quán ba không (không, vô tác, vô tướng), trụ thứ chín tác quán Bốn đẳng, trụ thứ mười tác quán sáu niệm. Trong Mười hạnh: sơ hạnh tác quán bốn chánh cần, hạnh thứ hai quán bốn thần túc, hạnh thứ ba quán năm căn, hạnh thứ tư quán năm phần pháp thân, hạnh Địa thứ năm quán tám chánh đạo, Hạnh thứ sáu quán bảy theo giác chi, hạnh Địa thứ bảy quán năm gốc lành chính là quán Noãn, quán Đảnh, quán Nhẫn, quán ba cõi là không quán, pháp thế đệ nhất, Hạnh thứ tám quán bốn đế, Hạnh thứ chín quán mười hai nhân duyên, Thập Hạnh quán Tam bảo.

Trong mười Hồi hướng: sơ Hồi hướng quán hai đế, Nhị Hồi hướng quán năm thần thông, Tam Hướng quán bất hoại tín tâm, Tứ hướng quán ba là tướng hữu không, Ngũ hướng quán năm ấm, chẳng khác không, Lục Hướng quán mười hai nhập, ngã ở trong chẳng, chẳng ở ngoài, ở trung gian, Thất Hướng quán mười tám giới, Bát Hướng quán nhân quả là giả, Cửu Hướng quán hai đế chẳng phải có chẳng phải không, Thập Hướng quán trung đạo đệ nhất nghĩa đế Bát-nhã mà chẳng phải chân thật Trung đạo. Sơ địa trở lên có ba tâm quán, vào tất cả địa quán bốn giả danh, nhập vào không danh quán hai đế, quán từ không danh nhập giả danh bình đẳng. Hai pháp quán này phương tiện đồng nhau, nhân là quán hai không, được nhập vào Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế chiếu cả hai đế, tâm tâm vắng lặng, tiến vào Sơ địa. Ba mươi tâm trước vào địa vị Nhất thừa, vì kinh Pháp Hoa đồng với Địa tiền pháp tu chẳng gọi là Nhất thừa. Trụ thứ sáu trở xuống còn lui sụt, gây ra năm tội ác nghịch. v.v... không có việc ác nào chẳng tạo, đến Địa thứ bảy trụ thường trụ không lui sụt , nói nhiều về tướng trạng. Quán văn kinh kia phần nhiều

trái với các thánh giáo, về lý không hòa hợp, vả lại do Nhân vương sơ thành trái, cho nên chỉ là các giai vị tùy thêm vào để nói , không như thế thì đạo lý rất sai lầm.

Theo quyển thượng kinh Nhân Vương thì lại khác với các giáo, kinh ấy chép: Đại Vương! Năm nhẫn là Pháp phục nhẫn thượng, trung, hạ của Bồ-tát, tín nhẫn thượng trung hạ, thuận nhẫn thượng trung hạ, vô sinh nhẫn thượng trung hạ, Tịch diệt nhẫn thượng trung hạ, vì Chư Phật Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật ý nói Địa tiền, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng gọi là Phục nhẫn, do có lậu trí, vì hàng phục phiền não. Sơ, nhị, Địa thứ ba gọi là Tín nhẫn, đồng với thế gian, tu ba Phước nghiệp, chứng Tịnh. Tín tứ – Ngũ – Lục địa gọi là Thuận nhẫn, thuần đồng với Hai Thừa , tác quán Bồ-đề phần đạo xuất thế như. Thất, Bát, Cửu địa gọi là Vô sinh nhẫn vì tác pháp quán trí kia trong thời gian dài nối nhau. Mười địa, Phật địa gọi là Tịch diệt nhẫn, vì nhân quả đã tròn đầy . Sơ phát tướng tâm sinh tập chủng tánh, có mười tâm: 1. tín; 2. tinh tấn; 3. niệm; 4. tuệ; 5. định; 6. thí; 7. giới; 8. hộ; 9. nguyện; 10. Hồi hướng. là Bồ-tát phần ít của, giáo hóa chúng sinh rồi, vượt qua Hai Thừa , tất cả thiện địa nuôi lớn mười tâm là mầm thánh.

Kinh Anh Lạc chép, niệm sau nói cần kia đã trái quấy, thứ sáu gọi là, văn ấy Từ đây theo thứ lớp sinh khởi chủng tánh tuệ tánh, có mười tâm bốn ý trên, bốn là bốn niệm trụ quán thân thọ.v.v... Còn ba ý trên tức ba gốc lành: từ, thí, tuệ, ba ý là quán ba đời, nhân nhẫn đời quá khứ, nhân quả nhẫn đời hiện tại và quả nhẫn đời vị lai, có thể quán vượt qua các tướng ngã, nhân , chúng sinh tưởng ngoại đạo. Lại có mười đạo chủng tánh đó là quán sắc, thức, tưởng, thọ, hành đắc giới nhẫn, tri kiến nhẫn, định nhẫn, tuệ nhẫn, giải thích thoát nhẫn, quán nhân quả trong ba cõi chẳng có nhẫn, vô nguyện nhẫn, vô tướng nhẫn, quán hai đế hư thật, tất cả pháp vô thường gọi là vô thưởng nhẫn, tất cả pháp không, được Vô sinh nhẫn. Thực hành quán vua chuyển luân cai trị bốn thiên hạ, phát sinh gốc lành cho tất cả chúng sinh. Sơ, nhị, Địa thứ ba gọi là Tín nhẫn, gọi là khéo xa lìa, là nói dứt được sắc phiền não ràng buộc của trong ba cõi thường dùng mười lăm tâm làm đầu. Bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng, bốn thệ nguyện rộng lớn, môn giải thích thoát lấy đây làm gốc, cho đến Phật địa. Tứ, Ngũ, Lục địa gọi là Thuận nhẫn, thấy pháp thắng hiện, dứt được tâm phiền não sự ràng buộc của trong ba cõi. Thất, Bát, Cửu, Địa gọi là Vô sinh nhẫn, được quán tuệ bất động cũng dứt tâm sắc tập phiền não trong ba cõi, hiện không thể nói, không thể nói công đức thần thông. Mười địa, Phật địa đồng với tịch diệt nhẫn

nhập, vào định Kim cương. Hạ nhẫn hạnh gọi Bồ-tát, thượng nhẫn gọi là Tát-Bà-Nhã cùng quán đệ nhất nghĩa đế. Dứt tâm tập vô minh trong ba cõi, tận tướng là Kim cương, vô tướng là Tát-Bà-Nhã. Vượt qua Hai đế là địa thứ mười một, ngoài ba cõi không có chúng sinh, ba thân Phật cũng không nhân ba cõi, ngoài ba cõi không phân biệt chúng sinh riêng. Phật có giáo hóa gì? thế nên ta nói ngoài ba cõi có một chúng sinh giới tạng riêng. Trong kinh ngoại đạo Đại Hữu có nói, chẳng phải bảy theo Phật quá khứ đã nói hay sao?

Theo kinh này, đề mục v.v...trở xuống chú giải thích rằng:điều mà ngài Cưu Ma-la-thập gom góp lời Phật không thể hòa hợp, luận đồng với các kinh luận khác. Kinh đây Nhân Vương tức nói Thập tín cho là Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng, vẫn gọi là bất đồng đều thành ra trái nhau. Nay kinh Hoa Nghiêm thì chẳng nói Thập tín, giả lặp lại chấp nhận có, trong Sơ trụ ra khỏi Thập tín, vẫn nói ba kiếp thực hành Thập tín, mới được vào Sơ trụ. Luận Đại Trang Nghiêm và đối pháp nói: Bốn gốc lành ở địa vị Hồi hướng thứ mười, kia nói rằng: tu tập một đại a-tăng-kỳ kiếp đã tròn đầy rồi mới nhậm vận làm gương sáng, nương Noãn – Đảnh – Nhẫn – pháp thế đệ nhất mà quán, lại chẳng có giai vị riêng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chỉ nói địa tiền có ba mươi tâm, chẳng nói bốn mươi và bốn gốc lành, nhưng trong các luận vì quán hạnh khác nhau mặc dù trong kinh chép riêng, vì không có vị thứ khác nhau hợp thành một xứ, luận thì cũng chẳng trái nhau. Theo kinh Hoa Nghiêm chỉ nói địa tiền có ba mươi tâm, đây thuộc về trụ xứ tức là Thập trụ, phẩm Thập trụ trong kinh Hoa Nghiêm nói tên Thập trụ, một phát tâm trụ khai sáng phát tâm chung, hai là trị địa trụ, tịnh hạnh tự nghiệp địa, ba là tu hành trụ, tu lý quán nhiều hơn khởi hạnh thượng diệu, bốn là Sinh quý trụ, sinh ra từ chánh giác của các thánh pháp, năm phương tiện cụ túc trụ, thực hành gốc lành vì cứu giúp chúng sinh, sáu là chánh tâm trụ đã nghe khen ngợi hủy theo tâm định bất động, bảy theo là không lui sụt trụ, tâm nghe mười pháp do kiên cố bất động chuyển; tám là đồng chân trụ tâm được an lặp thành hạnh đồng chân, chín là Pháp Vương tử trụ học mười pháp của Pháp Vương sẽ thành Pháp Vương, mười là quán đảnh vị như Thái tử con vua có khả năng nhận lãnh giai vị vua vì hạnh dần dần cao quý. Sơ phát tâm trụ do thấy tướng tốt Phật tôn nặng khó vượt qua, hoặc thấy thần thông, biến hóa, nói pháp dạy theo bảo khuyên răn, thấy chúng sinh chịu khổ, v.v....

Phát tâm Bồ-đề như tướng ở trước đã nói được mười lực phần, học mười pháp: Một là cung kính cúng dường Chư Phật, hai là khen

ngợi Bồ-tát, ba là che chở chúng sinh, bốn là gần giũ bạn hiền, năm là khen ngợi pháp không lui sụt, sáu là tu công đức Phật, bảy là theo muốn sinh về trước Phật, tám là tu định vắng lặng, chín là muốn xa lìa sinh tử, mười là vì khổ nên sinh tâm nương nhờ, giữ gìn. Trong Trị địa trụ, ở chỗ chúng sinh phát mười thứ tâm: Đại từ, bi, lợi lạc, an trụ, hoan hỷ, độ thoát, niệm chúng sinh, không có ngã sở, thâm tâm, Như lai tâm. Học mười pháp: chuyên cầu học rộng, tu định lìa dục, gần gũi thiện tri thức, không trái lời dạy theo bảo, biết được lúc nói pháp, học hạnh vô sở úy, hiểu rõ nghĩa sâu xa, rõ biết chánh pháp, biết pháp hạnh bền chắc, lìa bỏ sân si, an trụ bất động. Trong tu hành trụ dùng mười hạnh quán tất cả pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã, không tự tại,chẳng đáng ưa thích, không tu tập phân tán, không có nơi chốn, lìa phân biệt, không bền chắc chân thật, hòa hợp vững chắc học mười pháp. Trong sinh quý trụ tu mười pháp, học mười pháp, cho đến Quán đảnh trụ thành mười trí. Học mười trí đầu tiên phát tâm cao quý cầu đại Bồ-đề, đã ở Sơ trụ khởi tâm đại từ bi, độ thoát chúng sinh, đã ở tru thứ hai trụ thứ hai, nhị trụ trên đây liền phát tâm rộng lớn là Đệ nhất tâm, đầu tiên nguyện muốn biết không, vô ngã.v..v... ở trụ thứ ba đã nghe khen ngợi che bai, tâm định bất động, ở tru thứ sáu hợp với hai trụ kia đều là thường tâm, vì không thấy ngoài thân có chúng sinh, phân biệt Tam-muội. Từ Tam trụ trở lên và Lục trụ trở xuống chia thành thường tâm, biết tất cả vô tánh, vô tướng. Ở Địa thứ bảy trụ không có tâm điên đảo, tức là nhiếp phục tán thời. Thất trụ trở lên, đều là tâm không điên đảo, cho nên biết phát tâm thuộc về Thập trụ. Do trong Thập trụ giải thích hạnh còn thiếu, sở tri còn kém cỏi cho nên nói sơ lược. Nhiếp đa trụ hạnh, Thập hạnh trở lên giải thích hạnh sở tri vì đều dần dần cao quý là do nói rộng. Kế là Nhị trụ xứ nghĩa là Ba-la-mật tịnh trụ xứ là Thập hạnh vị. Theo phẩm Minh Pháp trong kinh Hoa Nghiêm: Bồ-tát Tinh Tấn Tuệ rằng hỏi Bồ-tát Pháp tuệ, Bồ-tát phát tâm làm thế nào để công đức càng cao quý, Chư Phật vui mừng?. Pháp tuệ đáp: Bồ-tát phát tâm nên dứt bỏ buông lung, có mười pháp được sự không buông lung. Mười pháp giàu? Một là giữ giới thanh tịnh, hai là xa lìa ngu si tịnh tâm Bồ-đề, ba là bỏ tâm dua nịnh có lòng từ thương xót chúng sinh, bốn là khuyên tu không lui sụt, năm là thường an vui vắng lặng, xa lìa phàm phu, sáu là chẳng thích cái vui thế gian, bảy theo là tinh tấn làm các việc lành, tám lìa bỏ Hai Thừa , chín là tu công đức tâm không đắm nhiễm, mười là khó phân biệt thân mình và người.

Kế là tu mười pháp nhẫn thanh tịnh cho đến tròn đầy hạnh nguyện

được mười pháp tạng vô tận, Bồ-tát phát tâm công đức càng vượt trội, Chư Phật vuui mừng.

Sau mới nói Mười hạnh, Ba-la-mật tịnh trụ xứ, là sáu hạnh, nhưng chia làm hai: Thứ nhất là năm hạnh không trụ thí, không trụ tướng tưởng là hạnh thứ sáu, kia muốn trụ xứ là bốn hạnh sau chẳng trụ trong bố thí độ. đầu tiên , Đàn Ba-la-mật là hạnh hoan hỷ đầu, trong hạnh hoan hỷ là đại thí chủ, đều xả bỏ sở hữu.v.v... dùng tuệ thí ba thời không hối hận, chẳng mong quả báo, chẳng cầu danh tiếng, chẳng cầu sinh về cõi tốt đẹp, chẳng cầu lợi ích. Khi thực hành bố thí, có mười hành vi:

1. Chỉ muốn cứu giúp chúng sinh.
2. Nhiếp thọ chúng sinh.
3. Lợi ích chúng sinh.
4. Học bản hạnh của Phật.
5. Nhớ tưởng bản hạnh của Phật.
6. Thanh tịnh bản hạnh của Phật.
7. Giữ gìn bản hạnh của Phật.
8. Nói về bản hạnh của Phật.
9. Nói bản hạnh của Phật.
10. Khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui.

Cho đến nói rộng về chỗ sinh, vì thường thực hành hạnh bố thí, làm cho tất cả chúng sinh vui mừng kính mến, gọi là hạnh Hoan Hỷ, bố thí Ba-la-mật tức là Sơ hạnh. Thứ hai: là hạnh nhiêu ích thường giữ giới thanh tịnh, không nhiễm năm dục, nói pháp vô nhiễm, không cầu sinh ở chỗ tôn quý tốt đẹp cõi trời, cõi người, không thích lợi dưỡng, ngôi đế vương đoan chánh, chỉ giữ giới thanh tịnh. Ác ma dùng năm dục mê, loạn tâm Bồ-tát, cuối cùng Bồ-tát không khởi một niệm tâm ái dục, thà bỏ ngàn thân mạng chứ không gây thêm pháp ác. Đối với tất cả chúng sinh thường nghĩ chúng sinh đêm dài đắm chìm trong nước ái dục, nay ta phải học giúp cho ma vương đồng với tất cả chúng sinh lặp giới vô thượng cho đến thành Chánh giác nhập Niết-bàn vô dư, thường giữ gìn tịnh giới, lợi ích tự tha, gọi là hạnh nhiêu ích. Cho nên giới Ba-la-mật đa là hạnh thứ hai.

Thứ ba là Vô nhuế hạnh: thường tu nhẫn nhục, nhún mình cung kính hòa thuận ái ngữ, không hại mình và người, không tự tha chấp, không tự tha đều cho là đúng, không khen ngợi mình, niệm thường nói pháp, lìa tất cả ác, an lặp đại nhẫn. Lại bị vô lường sự mắng chửi ác độc, hủy theo nhục, dao gậy, đánh đập suy theo nghĩ chịu đựng các thứ quán hạnh. Suy theo nghĩ ta hiểu không, vô thường vì nhân nói tuy bị

oán hại, xót thương nghĩ nên nhẫn giúp cho thành Bồ-đề. Gặp tất cả khổ chẳng tức chẳng giận gọi là vô nhuế hạnh, nhận ba la mật là hạnh thứ ba.

Thứ tư là hạnh vô tận thường thực hành tinh tấn, không bị tất cả phiền não khấy rối, cho đến nói rộng tinh tấn nên làm. Nghĩ rằng: Dù cho nhiều kiếp chịu khổ, sau thành Bồ-đề, cũng tu hành tinh tấn, nói nhiều thí dụ vô lượng thế giới nghiền nát thành bụi ,niệm niệm thường không quên tâm đại Bồ-đề như thế. Như nghe nói lời phải không hối hận vui mừng, nhờ ta tinh tấn giúp cho vô lượng chúng sinh lìa hẳn các khổ, thường thay thế chịu khổ, khắp giúp tất cả chúng sinh lìa khổ, được vui niết-bàn, nhưng sau ta mới thành Vô thượng Chánh giác, và thường có tâm tu hành tinh tấn vô tận, gọi là hạnh vô tận. Vì thế tinh tấn Ba la mật là hạnh thứ tư.

Địa thứ năm là lìa si hạnh; thường trụ chánh niệm, không hề tán loạn vững chắc không hư hoại, cho đến chết đây sinh kia, ở trong thai hoặc ra thai chẳng có si loạn, nói rộng tướng ấy, thường trụ chánh niệm lìa ngu si tán loạn nên gọi là hạnh ly theo si. Phước định trí tuệ hai hạnh Ba-la-mật, đó là hạnh Địa thứ năm, vì chưa thể tu riêng định tuệ cao siêu, do đó giúp tu bốn hạnh dễ , cho nên vắng lặng riêng tạo tác.

Thứ sáu là hạnh Thiện, hiện thành tựu vắng lặng, ba nghiệp tất cả thị hiện ba nghiệp không ràng buộc, không giải thích thoát, cho đến hiểu tất cả thế gian đều vắng lặng, không phân biệt pháp thế gian, xuất thế gian. Cho đến chẳng bỏ tâm giáo hóa chúng sinh, nếu ta không giáo hóa chúng sinh thì ai sẽ giáo hóa, ta không làm cho chúng sinh vui mừng thì ai sẽ làm cho họ vui mừng. Chúng sinh chịu khổ sinh ra các phiền não, xả chấp Chánh giác là điều không nên, do đó ta tu hành chưa thành thì giúp cho thành, chưa điều phục làm cho điều phục thì, chưa độ giúp được độ thì, hiểu pháp vắng lặng và lợi ích chúng sinh các căn hiển bày theo gọi là thiện hạnh cho nên không trụ tướng tưởng là hạnh thứ sáu, hợp sáu hạnh trước là Ba-la-mật tịnh trụ xứ.

Dục trụ xứ có hai là:Muốn được sắc thân và.muốn được pháp thân.

Muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy, hạnh này không mê đắm do không có tâm mê đắm, thường nghĩ đến cõi Phật thấy cõi trang nghiêm thanh tịnh, tâm không đắm nhiễm, thường đến cúng dường, cho đến thấy Bồ-tát đại chúng, tâm không đắm nhiễm. Thấy cõi bất tịnh tâm không chán ghét vì quán chiếu bình đẳng, nghĩ các chúng sinh không hiểu chân đế, chẳng cầu quả Điều Ngự Sư, rơi vào lưới ma-la,

phải chịu các khổ, liền khởi tâm đại bi, quán các gốc lành, tâm quán pháp không mê đắm cho đến nói rộng, nguyện lợi ích chúng sinh, đối với tất cả hạnh, tâm không đắm nhiễm gọi là hạnh vô trước. Cho nên không dùng tướng thấy Như lai là hạnh không nhiễm đắm.

Muốn được pháp thân có ba: Một là muốn được nói năng, hai là muốn được trí tướng, ba là muốn được Phước tướng. Muốn được nói năng là hạnh tôn nặng thứ tám; thành tựu gốc lành tôn nặng ưa thích Phật pháp, chuyên cầu Bồ-đề, phân biệt pháp sâu xa, trụ vô sở úy, cho đến nói rộng hạnh lợi ích chúng sinh, nhập vào pháp giới thanh tịnh. Thí như hỏa châu phát ra lửa, không thể cùng tận, các công đức không thể cùng tận của các Bồ-tát như thế, giáo hóa chúng sinh cũng không thể cùng tận. Tôn nặng Bồ-đề, tôn nặng Phật pháp làm việc lợi ích chúng sinh gọi là hạnh tôn nặng. Cho nên đối với kinh này muốn được nói năng, sinh ra thật tướng, vì hạnh này do là hàng trăm, ngàn, muôn Chư Phật đã gieo trồng gốc lành tu pháp cúng dường, mới sinh một niệm thanh tịnh. Huống chi sinh ra thật tướng. Muốn được trí tướng pháp thân là hạnh thứ chín, hạnh pháp lành thứ chín vì các chúng sinh làm ao pháp trong mát, giữ gìn che chở Phật pháp, vì thế hạt giống Phật không dứt được Đà-la-ni, do đó được bốn món biện tài, trùm khắp cõi Tam thiên, thân biến hóa như Chư Phật, âm mầu đầy theo đủ. Đối với pháp không bị chướng ngại làm các Phật sự, được từ ngữ vô ngại, thuận theo tất cả câu hỏi có thể trả lời riêng, tâm không sợ sệt, được mười thứ thân. Làm ao pháp trong mát, được thông suốt Phật pháp, gọi là thiện hạnh pháp, cho nên muốn được trí tướng nói pháp bất định khả đắc, khả nói , y theo kia tu sẽ được thân Phước tướng, là hạnh thứ mười. Trong hạnh Chân thật thành tựu lời nói thành thật chắc chắn, đúng như lời nói thực hành, như hạnh hay học lời nói chân thật của Chư Phật ba đời, thành nhân mười trí. Bồ-tát nghĩ rằng: ta thấy chúng sinh chịu vô lượng khổ nếu chưa độ chúng sinh này thành Chánh giác trước thì không nên như vậy. Ta phải đầy theo đủ nguyện lớn rồi mới thành Phật, giúp cho các chúng sinh đều cầu Bồ-đề rốt ráo Niết-bàn vô dư. Chẳng đợi chúng sinh thỉnh ta mới phát tâm nguyện thực hành hạnh Bồ-tát, mà ta tự phát nguyện độ khắp chúng sinh, vì muốn cho tất cả chúng sinh rốt ráo chứng đắc Nhất thiết chủng trí, ta đối với tất cả vì các hạnh tương ưng cao quý, tâm sắc điều thuận, gọi là hạnh chân thật. Vì thế được tướng Phước , có khả năng đối với kinh này thọ trì giảng nói bốn câu được trí tuệ cao siêu vô biên ba thân Bồ-đề, vì xuất xứ từ kinh này giúp cho tu hạnh chân thật.

Thứ tư là lìa chướng trụ xứ, có mười hai thứ lìa chướng hợp thành

mười Hồi hướng, đối với thứ trung ở trước có chín loại lìa chướng. Chín hạnh Hồi hướng và hạnh Hồi hướng thứ mười, cuối cùng đầy theo đủ v.v... trở xuống, thuộc về từ Sơ phát tâm cho đến Mười Hồi hướng, cuối cùng tròn đầy vị, vì hợp thành đạo tư lương thuận giải thích thoát thuộc phần gốc lành. Ba pháp lìa chướng sau là Hồi hướng thứ mười sắp tròn đầy vị, hợp thành gia hạnh đạo thuận quyết trạch, thuộc phần gốc lành vị. Chín hạnh lìa chướng trước có ít phần hoàn toàn là hạnh Hồi hướng thứ mười.

Mười giai vị Hồi hướng theo kinh Hoa Nghiêm là:

1/ Cứu hộ tất cả chúng sinh lìa tướng chúng sinh Hồi hướng, tu sáu pháp Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng các gốc lành. Nghĩ pháp tu tập cho chúng sinh dứt bỏ phiền não rốt ráo thanh tịnh, dùng gốc lành Hồi hướng này làm nhà cho chúng sinh để họ tránh được các việc khổ, vì chúng sinh khởi tâm hộ niệm và giải thích thoát phiền não, nên làm Chủ Bảo thần, vì giúp được tịnh trí thân thanh, vô ngại xem kẻ oán kẻ thân như nhau không hai, thường ưa xem xét có nhân oán thù đến thì kết làm bạn lành và nói pháp sâu mầu cho họ nghe. Thí như biển cả các thứ độc hai không thể làm hoại được, như mặt trời không vì nhân mu mà bị che khuất, cũng thế không vì tâm oán hận của vô lượng chúng sinh mà Bồ-tát hiềm hận lui sụt tâm Hồi hướng, không vì chúng sinh khó điều phục mà lai sụt gốc lành, đã tu gốc lành đều vì cứu độ Hồi hướng cho chúng sinh. Vì độ chúng sinh mà không thấy tướng chúng sinh, gọi là cứu chúng sinh lìa tướng chúng sinh Hồi hướng. Trong mười hạnh trước các vị Bồ-tát do tu hành mười hạnh mà được mười công đức vô tận: tín, tàm, quý, giới, văn, thí, tuệ niệm, trì, biện. Tâm sinh kiêu mạn ta có khả năng tu hành hạnh này , nhờ hạnh này mà chứng được công đức đó, ta có khả năng nói pháp này , pháp này lợi ích cho chúng sinh đó, do tâm kiêu mạn như thế không thể tiến nhập vào Sơ Hồi hướng. Nay Phật giảng nói cho họ nghe bậcTiểu thánh Dự lưu.v.v.... còn không nói ta được nói pháp, huống chi Bồ-tát giúp cho lìa kiêu mạn, tu hạnh không kiêu mạn đắc nhập Sơ Hồi hướng. Cho nên đầu tiên lìa kiêu mạn là sơ Hồi hướng.

2. Bất hoại Hồi hướng: Đối với Chư Phật ba đời, Chư Bồ-tát, giáo pháp của Phật không hoại được lòng tin, dùng mắt từ bi quán sát chúng sinh, do gốc lành Hồi hướng này mà được lòng tin không hư hoại như thế. Nhờ năng lực Tam bảo mà không hoại lòng tin Hồi hướng, nhiếp lấy tất cả gốc lành chẳng bị tổn hoại, gọi là Bất hoại Hồi hướng, cho nên thứ hai lìa chướng ít học, giúp kia không lìa hạnh lúc Phật ra đời, là

Hồi hướng thứ hai, vì thường được thấy Phật nghe pháp sâu xa.

3. Đẳng Chư Phật Hồi hướng, học cách Hồi hướng của Chư Phật ba đời thấy sắc đẹp xấu, tâm vẫn thanh tịnh không thương ghét mà Hồi hướng. Khởi niệm Chư Phật diệu lạc Hồi hướng, Bồ-tát đầy theo đủ các nguyện, chứng Tát-bà-nhã Hồi hướng. Chúng sinh thấy Phật nghe pháp, tâm ta càng tinh tấn thêm niềm tin, cho đến có vợ con đâu chẳng lìa tâm Bồ-đề, tùy ˜ thọ dụng vật gì trong bốn món cúng dường kia nhưng không lìa tâm Bồ-đề, thảy theo đều Hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, chẳng mê đắm tất cả pháp. Như năm uẩn v.v... Như Phật đã biết Bồ-tát Hồi hướng, ta cũng như thế, thứ ba Hồi hướng gọi là đồng Chư Phật Hồi hướng. Do đó thứ ba là lìa một chút phan duyên, khởi niệm tu đạo chướng, giúp tu hạnh vô tướng, đó là Hồi hướng thứ ba.

Hồi hướng đến tất cả chỗ, lúc tu gốc lành, gốc lành này Hồi hướng như thế, giúp cho năng lực công đức của gốc lành đến tất cả mọi nơi. Thí như mé thật không chỗ nào chẳng đến, nghĩa là gốc lành đến khắp chỗ Phật, cúng dường Chư Phật, trang nghiêm ba đời, cho đến trong khoảng một niệm đầy theo khắp tất cả các thế giới ở mười phương. Lại nghĩ cúng dường tất cả Chư Phật, Bồ-tát mười phương đều do gốc lành vì tâm không tán loạn, cho đến không có tâm dối trá làm hại, đều vì Hồi hướng, Hồi hướng tương tốt, cho đến Hồi hướng thế giới Phật thanh tịnh, Bồ-tát ở mười phương đến đây được nhất thiết xứ thần túc. Thuận theo các Đà-la-ni biện tài, vì làm cho tất cả chúng sinh đều vui mừng. Do gốc lành này , không có nơi nào có chúng sinh mà Phật không đến, gọi là Chí nhất thiết xứ Hồi hướng. Cho nên thứ tư là lìa bỏ chướng chúng sinh, tu hạnh thành tựu chúng sinh, đây là hạnh Hồi hướng thứ tư.

Vô tận công đức tạng Hồi hướng, tu pháp sám hối gốc lành, lìa bỏ tất cả nghiệp chướng, đối với Chư Phật ba đời. Từ mới phát tâm cho đến thành Phật thị hiện nhập Niết-bàn, tất cả gốc lành thảy theo đều tùy hỷ, cho đến tất cả gốc lành của chúng sinh trong ba đời cũng đều tùy hỷ nhờ tùy hỷ gốc lành nên tất cả công đức vô tận. Sau được mười thứ vô tận Công đức tạng Hồi hướng. Cho nên Địa thứ năm là thuận theo ngoại luận tán loạn chứng tu hạnh xa lìa. Đây là hạnh Hồi hướng Địa thứ năm và các lỗi đều sám hối, nghiệp chướng đều xa lìa.

Thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hướng. Nếu lúc làm vua, được đất nước tốt đẹp an ổn giàu có yên vui, cho đến được bảy theo báu, thành tựu được thân Na-la-diên bền chắc, xa lìa nghiệp chướng, được nghiệp thanh tịnh, xả bỏ trong ngoài để cứu hộ nhân tù tội trong ngục, dùng bản thân mình thay thế cái khổ chết, cho đến nhiếp lấy tất

cả ân tuệ xả thí, thuận theo tất cả gốc lành bền chắc, thời đều thuận theo tất cả Chư Phật, cho đến thuận theo hạnh thanh tịnh. Hồi hướng như thế rồi, làm cho tất cả chúng sinh được pháp Như lai, Chư Phật vui mừng. Đối với mỗi hạnh đều không trái nghịch, gốc lành vững chắc, Hồi hướng đến bờ giác ngộ, gọi là thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hướng.

Tâm thuận theo tất cả gốc lành vững chắc Hồi hướng, thêm lớn ba phẩm, cho đến bao gốm tất cả cảnh giới gốc lành của chúng sinh. Thực hành gốc lành này tu tập rốt ráo, trụ trong nhẫn, đóng cửa đường ác, khéo điều phục các căn, oai nghi đầy theo đủ. Cho đến đến các gốc lành tưởng như có quả, tận đời vị lai tà mạng thực hành hạnh Bồ-tát, chẳng lìa bỏ chúng sinh, tu chân thật đại xả, Hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều không bỏ sót. Cho đến Bồ-tát này đươc đạo vô sinh đến chỗ không hai, với tất cả thân được tự tại, với các hạnh nguyện được tròn đầy , trí có thể đến khắp tất cả cõi Phật, được nhĩ căn vô ngại, nghe tất cả tiếng trong cõi nước, được mắt trí tuệ sáng suốt thấy được Chư Phật. Do tâm bình đẳng thuận theo tất cả chúng sinh Hồi hướng các gốc lành, gọi là bình đẳng tâm thuận theo tất cả chúng sinh Hồi hướng. Vì thế thứ sáu là lìa tướng ảnh tượng tự tại, không chứng được phương tiện khéo léo, thuận theo sắc và thân chúng sinh. Nắm lấy Trung quán, phá hạnh tương ưng, hai vị Hồi hướng thứ sáu và Địa thứ bảy, vì giúp họ có phương tiện khéo léo chứng được thần thông.v.v... vì phần nhiều ở Hồi hướng Địa thứ bảy.

Thứ Tám là Như tướng Hồi hướng, thành tựu niệm trí, an trụ bất động, đối với cảnh nhất thiết trí, được không lui sụt, cho đến tu tập các thứ gốc lành, một niệm quán cảnh giới không hai nhất thiết trí. Trong một niệm có khả năng trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi Phật, với các thần thông trí tuệ được tự tại, nhập pháp thật tướng, cho đến không mê đắm thế giới, không mê đắm chúng sinh, tâm không chỗ nương, vắng lặng không tán loại, chánh niệm đối với các pháp, đầy theo đủ trí Chư Phật không phân biệt, chẳng trái nghịch tất cả bình đẳng chánh pháp, không hoại tướng Phật, bình đẳng quán ba đời, rõ chúng sinh không chẳng trụ ở sở y, thuận theo như thật thông suốt, hiểu nghĩa chân thật. Vì đến địa vị Phật, nói về chỗ tu hành gốc lành thuận theo như tướng Hồi hướng, gọi là như thật Hồi hướng. Địa thứ bảy theo là xa lìa chướng không đầy theo đủ Phước tư lương, tu hạnh cúng dường làm thị giả Như lai, là Đệ Bát Hồi hướng. Tuy quán pháp thân nhập pháp thật tướng, chẳng hoại ba mươi hai tướng của Phật, nhưng không cho là chân thành

Phật.

Thứ chín không ràng buộc không đắm nhiễm Hồi hướng, đối với các gốc lành, chẳng sinh tâm chê bai không có tâm khinh thường, ra khỏi sinh tử.v.v... tất cả các gốc lành, thường ưa nhiếp thọ, vững chắc không hư hoại, do tâm không ràng buộc không mê đắm gốc lành, Hồi hướng đầy theo đủ. Cho đến trụ nơi vị Hồi hướng này các núi kim cương không thể phá hoại, tất cả các ma không thể phá hoại, đều có thể bẻ dẹp tiêu diệt các ma tà kiến. Đều được nghe và giữ gìn Phật pháp trong ba đời, thường không đắm nhiễm, được hạnh Phổ Hiền, các nguyện đầy theo đủ, tu hành tất cả công đức chẳng vì bản thân mà vì người khác, do tâm giải thích thoát không ràng buộc mê đắm hồi hương, lợi ích tất cả chúng sinh. Gọi là Hồi hướng vô trước tâm, do đó thứ tám là lìa chướng biếng nhác, lợi lạc đồng vị an vui. Tu hạnh lìa lợi dưỡng thiếu thốn nóng bức, đối với hạnh tinh tấn hoặc lui sụt hoặc không phát tâm, đây là hạnh Hồi hướng thứ chín.

Thứ mười là Hồi hướng vô lượng pháp giới, lìa cấu hệ đảnh, nhận lời Đại Pháp sư, có thể nói rộng về bố thí, thành đại từ bi, an lặp chúng sinh trong tâm Bồ-đề, cho đến thực hành pháp thí bình đẳng tất cả pháp hành, nhiếp lấy tâm Tát-Bà-nhã, rốt ráo chánh lực đến bờ bên kia. Dù cho một câu pháp vị, Đức Phật pháp hoặc nghe hoặc thọ trì, hoặc giảng nói, do hạnh Hồi hướng này nhất tâm bình đẳng chánh niệm vô lượng vô biên hư, không đồng với thế giới Chư Phật ba đời thực, hành hạnh Bồ-tát, giúp cho Chư Phật thường giữ gìn đối với tất cả thế giới, tận kiếp vị lai, vì một chúng sinh, tu hạnh Bồ-tát, vì tất cả chúng sinh cũng như thế. Cho đến điều phục pháp giới đồng vô lượng chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh pháp giới đông với vô lượng cõi Phật. Như vô lượng pháp giới sinh ra trí tuệ cũng giống như vậy, tất cả gốc lành Hồi hướng đều bình đẳng như pháp giới, gọi là pháp giới vô lượng Hồi hướng cho nên thứ chín lìa chướng bất năng nhẫn khổ Tu hạnh nhẫn khổ là hạnh Hồi hướng thứ mười. Luận Thành Duy Thức v.v... chép rằng: Từ khi phát tâm đại Bồ-đề vững chắc, cho đến chưa khởi thuận quyết trạch thức, cầu trụ tánh Duy thức chân thắng nghĩa, bằng địa vị này đều thuộc vị tư lương, vì đến Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, vì tu tập nhiều thứ tư lương cao quý, vì hữu tình cho nên siêng năng cầu giải thích thoát,đây cũng gọi là thuận giải thích thoát phần.

Vì vậy theo trong kinh này từ lúc mới phát tâm cho đến lìa chướng bất nâng nhẫn khổ tu hạnh nhẫn khổ v.v...trở xuống, hợp lại thuộc giai vị này , Bồ-tát trong vô lượng kiếp khéo tu Phước đức trí tuệ tư lương,

thuận theo giải thích thoát phần đã đầy đủ rồi, thì nhập thấy đạo Trụ Duy thức tánh. Lại tu gia hạnh điều phục dứt trừ hai chấp, nghĩa là Noãn – Đãnh – Nhẫn – Thế đệ nhất pháp, bốn giai vị này gọi chung là Thuận quyết trạch phần. Vì gần thấy đạo mà đặt tên Gia hạnh, nghĩa là chẳng phải tư lương ở trước không có gia hạnh. Bốn pháp,như Noãn.v.v..., bốn tầm tư, bốn trí như thật trước sau lặp vị, y theo minh mà đắc định. Phát ra tầm tư nương theo quán không có chỗ chấp, lặp thành Noãn vị, nghĩa là trong giai vị này , khai phát quán sở thủ tên đồng với bốn pháp, đều tự tâm biến hiện. Giả lặp có, thật không thể được và mới được mặt trời trí tuệ hành tướng trước, lặp minh được tên, tức là vị này được tướng đạo hỏa tiền, vì vậy theo cũng gọi là Noãn. Thứ mười là lìa thiếu sót, đều là Tư lương, tu hạnh lìa vắng lặng, lặp vị Noãn phục trừ sở thủ, vì cầu trí hạnh.

Luận ấy lại chép: Nhờ sáng tăng thêm định, phát thượng tầm tư, quán vô sở thủ lập thành Đảnh vị. Nghĩa là trong vị này quán lại sở thủ, bốn pháp như danh v.v... đều do tự tâm biến hiện,giả lập bày mà có, thật không thể được,tướng sáng càng rực rở nên gọi là ánh sáng tăng vị tầm tư cùng tột nên, còn gọi là Đảnh.

Mười một lìa chướng tự thủ, lúc tu chứng đạo, lìa hạnh hỷ động là Đảnh vị nầy. Do Noãn vị quán sở thủ không khai mở được ánh sáng được định, phát ra trí tầm tư cõi dưới, tâm sinh hỷ khả năng v.v.... Nói ta có thể đồng, chẳng thể tiến tu, chứng đương thánh vị chỗ có chứng đạo, cho nên nói lìa hạnh, giúp lặp Đảnh vị. Luận thì nương ấn thuận định, phát hạn trí như thật ở vô sở thủ quyết định ấn trì, không có trong năng thủ cũng thuận theo lạc nhẫn. Đã không có cảnh thật lìa năng thủ thức thì đâu có thật thức lìa cảnh sở thủ, vì sở thủ năng thủ đối đãi nhau mà lặp.

Lúc ấn thuận nhẫn, đặt chung là nhẫn ấn trước thuận sau, gọi là ấn thuận, nhẫn cảnh thức không, nên theo cũng gọi là Nhẫn.

Trong đây nói Nhẫn có ba phẩm: Hạ nhẫn ấn vô sở thủ; Trung nhẫn thuận quán năng thủ không; thượng nhẫn ấn trì năng thủ phi hữu. đầu tiên khởi quán tầm tư vô sở thủ, quán vẫn chưa cao siêu, chia thành Noãn, Đảnh thời gian hơi lâu, đối với ba thời nhẫn: đầu tiên ấn sở thủ không, kế là quán năng thủ không, sau là ấn quán cả hai đều không. Vì năng thủ dễ nên hợp lại đặt tên, không chia nhiều vị, do hạ phẩm nhẫn ấn sở thủ không, thượng phẩm quán vị ấn năng thủ không, trung nhẫn tuy chẳng phải ấn, vì cái đầu và sau ấn, gọi chung là ấn. Đối với không hai thủ đã có thể phân biệt quán, đã có thể phân biệt ấn.

Nhưng vì chưa song ấn, vì chưa chứng chân sau đây một niệm song ấn gọi là thế đệ nhất pháp, vì ngay lúc nhập liền chứng.

Duy Thức chép: Nương định không xen hở, phát như trí thật ở trên, ấn hai chấp không, lặp pháp thế đệ nhất. Nghĩa là trước thượng nhẫn chỉ ấn năng thủ không, nay đệ nhất pháp hai không đều ấn. Từ đây không còn đứt quãng, chắc chắn nhập thấy đạo, nên đặt tên là Vô Gián, trong pháp di sinh vì đây tối thắng gọi là pháp Thế đệ nhất.

Đây là thứ Mười hai lìa chướng không giáo thọ, tu hạnh cầu giáo thọ là Nhân , phát và thế đệ nhất. Pháp thế đệ nhất chỉ một sát-na, song ấn tiền không, không có hạnh rộng khác nên theo gộp chung. Mà nói Do Đảnh vị này cho đến cùng tột tầm tư thuận với sở quán, trụ trong Nhẫn vị, hành tướng càng cao quý không cầu Giáo thọ, chẳng do tiến tu, muốn làm cho tiến tu thì phải cầu giáo thọ, giáo thọ được rồi, y theo lời dạy theo mà tu hành, liền được nhập vào dòng thánh. Chẳng trãi qua bốn vị rồi bắt đầu cầu Giáo thọ mới chứng đạo. Một niệm không đứt quãng không còn cách vượt, liền nhập vào chân.Duy Thức lại chép: Noãn, Đảnh như vậy y theo năng chấp thức, quán sở chấp không, khi hạ nhẫn khởi thì cảnh ấn tướng không, trung nhẫn chuyển vị ở thức năng thủ như cảnh không nầy thuận lạc nhẫn khả, thượng nhẫn khởi vị ấn năng thủ không. Pháp thế đệ nhất song ấn tướng không, vì đều gồm tướng chưa thể chứng thật. Do đó nói Bồ-tát trong bốn vị này còn ở chơn thật an trụ lý Duy thức, tướng kia diệt rồi mới thật sự an trụ. Theo nghĩa như vậy nên theo có bài tụng rằng:

"Bồ-tát ở định vị
Quán ảnh chỉ là tâm
Tưởng nghĩa (noãn vị) đã dứt trừ
Quán kỹ chỉ tư tưởng (đảnh vị)
Trụ trong tâm như thế
Biết sở thủ chẳng có (hạ nhẫn)
Kế năng thủ cũng không (trung thượng nhẫn)
Sau xúc vô sở đắc".

(Chánh nhập Thánh vị do lúc thiếu pháp Thế đệ nhất, vì vậy theo không nói). Vị gia hạnh này chưa dứt tướng ràng buộc, đối với thô nặng ràng buộc cũng chưa thể dứt. Nay nói giáo vô tướng trừ tướng ràng buộc kia, do mười hạnh Hồi hướng trước y theo nhân duyên quán, khởi quán Duy thức hoàn toàn không thể dứt trừ tướng thô trong ràng buộc, dùng đó làm nhân để bước lên Thập Hồi hướng. Bốn gốc lành trước y theo Duy thức quán, tác các quán như vô tướng.v.v... mặc dù phân biệt

ràng buộc thiếu chiết phục, quán vẫn còn tướng chung, chưa thể phân biệt khởi quán, cũng chưa dứt trừ ràng buộc. Bốn gốc lành vị y theo vô tướng quán, tác quán chân như, vì còn mang tướng vẫn chưa chứng chân phân biệt hai thứ ràng buộc đều chiết phục hết, câu sinh hai sự trói buộc tuy chiết phục được một ít, cũng chưa dứt trừ. Nhập vị thấy đạo khởi quán chân như, đối với mỗi pháp thật chứng chân như, thông đạt lý vô tướng, mới dứt hai món ràng buộc. Do đó, luận Phật Địa v.v... nói về quán tướng riêng, dứt được phiền não. Các luận có nói y theo tướng chung quán dứt phiền não, theo gia hạnh thì có ba sư theo khác nhau: đầu tiên vừa quán nhân duyên vừa quán Duy thức. Chỉ quán tướng chung, nhân duyên Duy thức.v.v... chưa thể thực hành riêng. đầu tiên quán nhân duyên cho đến quán Duy Thức, địa vị còn tướng chung. Quán Duy thức v.v... mới quán riêng được, nhân duyên các pháp thắng giải thích kém. Đến vị quán vô tướng cũng chỉ tướng chung, thực hành quán vô tướng v.v... đối với pháp Duy thức mới quán riêng được. Vì vậy theo các luận chép ở Tư lương vị với lý Duy thức chỉ thuận theo nghe, sinh ra thắng giải. Đến vị gia hạnh có thể dần dần hàng phục dứt trừ năng thủ sở thủ, dẫn phát cái thấy chân thật.

Y THEO vô tướng này khởi quán Duy thức riêng, cho đến chân như quán đã chứng chân riêng cũng có thể biết pháp vô tướng riêng. v.v... vì quán hạnh cùng tột, vì quán căn bản, trí vô phân biệt chứng được lý riêng, trong trí hậu đắc năng thủ sự riêng. Chân như chỉ là tự tướng các pháp, vì vậy theo được tự tướng, đây gọi là biết theo riêng lý của các pháp. Thể của các pháp đó cũng phân biệt biết, cho nên Thánh hai trí của bậc có thể chứng hai tánh Viên thành thật và y theo tha, gọi là đắc thật pháp. Nếu quán chung về chân tùy theo thô tế, tức hai pháp quán biến kế và sở chấp nhân pháp hai ngã ở trước, đã không thể quán riêng trí vô phân biệt. Lúc quán không, sở không lý, sở kiến sự tức hai tánh, Luận Phật Địa thì Biến kế sở chấp không quán tâm sở biến, chẳng thuộc y theo tha khởi, lý chân như không thuộc Viên thành thật, cho nên chứng pháp chỉ nói riêng hai trí. Do hai pháp quán trước ở trước thấy đạo, chỉ có trí gia hạnh nhập Thánh rồi sau mới có cả trí hậu đắc. Nhưng nhập Thánh rồi tùy sở ứng kia nói mười chấp như, mười lớp chứng trước lìa chướng và đạo năng chứng gọi là có phần bằng trí chân đế lý. Nói có mười lớp chẳng phải thể chân như có mười thứ khác nhau, chẳng phải như cảnh tướng của ba pháp quán trước đều khác nhau. Do trước đã nói năng quán quán hạnh có trước sau, sở quán chân đế cũng có bốn thứ thể lý. Chân đế đã có bốn lớp thì hình tục đế cũng nói có

bốn, trung trí sở tri gọi là thế đế, vì thượng trí sở tri gọi là chân đế lẽ ra quán sát phải đặc biệt đầy theo đủ. Sở quán các pháp cạn sâu đã khác nhau, nói đế bốn lớp, năng quán quán tâm y theo cảnh khác nhau cũng nên nói khác nhau, ba pháp quán tâm trước có ở quán chân đế, vì ba pháp trước là chân đế tức ba pháp sau là tục đế. Chân như đồng quán chỉ có chân chẳng phải tục vì chỉ quán chân, song không có quán phân biệt. Chỉ đầu tiên là tục chẳng có tự thể ri6eng để quán, vì quyết hiệp chân quán, trên chân pháp không có sơ tục nầy, chỗ chấp này thật ra chẳng phải hai đế, y theo tâm tục đế cho nên nói là tục, quán hạnh này chỉ nói bốn lớp, chẳng thể nói không chỉ có chân như quán. Vì nói quyết hiệp lý tục, phải bỏ thuyên để chứng chân, quán hạnh chứng chân khác với ba pháp đối đãi nhau mà nói xét kỹ mới biết. Như lời nói trình bày theo riêng, mặc dù trước thấy đạo quán chẳng an lặp cho là vô tướng còn đối tướng chưa thể dứt trừ, cho đến nói rộng Vị Bồ-tát này đối với an lặp đế chẳng phải an lặp đế, đều học quán sát vì dẫn hai pháp quán ở đời vị lai, chính là điều phục phân biệt hai chương, chẳng phải an lặp đế là chánh sở quán không phải như Hai Thừa chỉ quán an lặp. Vì vậy theo ở các vị đều dùng Duy thức vô tướng làm đầu mà tu các hạnh, các vị trước đây đã tu các hạnh nguyện, cảnh lý sở quán làm lợi ích chúng sinh, đều như các kinh và luận khác có nói rộng.

■

KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ LUẬN HỘI THÍCH

QUYỂN HẠ

Dưới đây là giải thích chứng đạo trụ xứ, là trước tu tập gia hạnh vị tròn đầy liền nhập Sơ địa, được trí thể vô lậu, hội được chân như, nên gọi là chứng đạo, trong tám trụ xứ gọi là Tịnh tâm trụ xứ. Trong ba địa gọi Tịnh tâm địa, vì được vô lậu nên gọi là tâm bình đẳng, bốn chứng tịnh gọi là Tịnh tâm. Đối với trước Thấy đạo ở giai vị Gia hạnh, tuy quán không hữu nhưng vẫn mang tướng kia cho nên với ba tánh chưa thật sự chứng nhập, vì mang tướng quán tâm có sở đắc. Với chân thắng nghĩa thật còn chưa thể chứng, sau, giai vị gia hạnh lúc nhập Thấy đạo, vì dứt bỏ tướng trụ Vô sở đắc, bên trong thầm đến lý chứng chân thắng nghĩa gọi là nhập chứng đạo. Lúc chứng đạo được Nhất chủng trí, thành thân diệu đại, vì nói lên nghĩa nên có văn nầy.

Luận của Bồ-tát Thiên Thân trong dứt lớn thứ nhất giải thích nghi của, từ Như lai đã đắc A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề, mà trong đó là trung hạ có hai. Trong phần thứ hai nêu thí dụ để nói về thân, dùng thí dụ hư thật và sở đắc nay nói ấy A-nậu Bồ-đề không thật không dối. Nghĩa là do Như lai đắc Bồ-đề cho nên không luống dối, chẳng phải thật có tướng hữu vi nên chẳng phải thật, vì nói rõ lìa hai chướng, được gọi là thân mầu, vì công đức lớn khắp tất cả nơi chốn, được gọi là thân lớn. Mặc dù chẳng phải tướng hữu vi cũng gọi là diệu đại, hai thứ pháp thân, và báo thân như ứng nói tướng hữu vi diệu đại, nói về văn nghĩa của hai bộ đều khác nhau. Luận do Bồ-tát Thế Thân soạn chỉ y theo chân như giải thích diệu đại, hoặc hai luận đồng nhau là diệu đại, vì cũng có cả pháp thân và báo thân. Tịnh tâm địa gọi là có chung có riêng, Luận Trang Nghiêm chỉ xếp vào Sơ địa gọi là Tịnh tâm địa, từ chỗ Sơ đắc mà đặt tên. Nếu Luận nhiếp của Bồ-tát Thiên Thân thì có hai giải thích , như chia bốn nhân thành mười địa thì chỉ có sơ địa gọi thanh tịnh định hai địa cho đến thứ sáu địa gọi là hành nhân hữu tướng, Địa Địa thứ bảy gọi hành nhân là vô tướng Địa thứ tám,chín,mười, gọi là vô công dụng hành nhân . Nếu chung thì từ Sơ địa đến địa thứ mười

đều gọi là thanh tịnh định hành nhân, trong đây nói người nhập tịnh tâm địa được hai thứ trí, là theo nói chung lìa mạn cũng có ở nói Mười địa, nói Mười địa dứt được mười vô minh, dứt mười lớp chướng, địa thứ tám,địa thứ mười.

Văn kinh có hai, là được trí và lìa mạn, được trí có ba: đầu tiên Như lai nói tức y theo nói tướng dục nguyện, vì giúp cho nhân chưa được khởi tâm nguyện được. Kế là Thiện hiện an lập nghĩa bậc nhất, vì làm cho thêm lợi ích, lìa lỗi tổn giảm. Sau là Phật bảo Thiện hiện v.v... trở xuống là ấn khả, sao bản văn lược bỏ không có sự ấn khả. Luận văn có hai: đầu tiên nêu tên thuộc kinh, kế là chánh giải thích nghĩa, trong giải thích nghĩa đầu tiên nêu chung hai môn đắc trí lìa mạn, sau tùy hai nghĩà giải thích vì sao đắc trí v.v...trở xuống: Trong phần giải thích đắc trí có hai, đầu tiên đặt câu hỏi nêu lên hai trí, hai là giải thích hai trí.

1. Giải thích chủng tánh trí, nhân được thân mầu nhiệm do được trí vô phân biệt, chắc chắn có thế nối giai vị Như lai, nên gọi là chủng tánh trí. Được trí này rồi sẽ thành pháp thân, phật báo thân Phật, nên nói rằng được thân mầu nhiệm. Theo quyển trước thì đến khi được thành tựu thân rốt ráo chuyển y, sẽ được rốt ráo hai quả chuyển y. Theo ngài Thiên Thân lìa bỏ hai chướng được rốt ráo pháp thân, diệu thân, như đoạn trước đã nói Sơ địa chia thành ba thân gọi là Năng đắc. Vì Sơ địa trở lên tùy địa vị chứng được biến hành đồng chân như, gọi là rốt ráo thông đạt chuyển, cũng chẳng trái nhau.

2. Giải thích trí bình đẳng, vì chứng chân pháp giới thật bình đẳng, lìa ngã, ngã sở. Lúc giáo hóa chúng sinh đối với thân mình và nhân được năm thứ tâm bình đẳng, có công năng thu nhiếp tất cả thân chúng sinh đều là thân tự tại đồng nhất nên gọi là trí bình đẳng. luận Đại Trang Nghiêm cũng nói nhập Tịnh tâm địa, được năm thứ bình đẳng với tên này có đồng có khác, nhưng nghĩa không khác nhau. đầu tiên thô ác bình đẳng là chấp ngã, ngã sở là trình bày theo quả căn bản và nhân khổ sinh gọi là thô ác, do lìa được khổ này mà gọi là bình đẳng. Luận Trang Nghiêm thì một gọi là nhân vô ngã bình đẳng, hai là Pháp vô ngã bình đẳng. Là nêu ra pháp quán độ sinh chỉ thấy năm uẩn của mình và nhân đều như huyễn hóa gọi là, Pháp vô ngã. Luận Trang Nghiêm thì thứ hai là có khổ bình đẳng, đó tự giải thích rằng tự – tha tất cả pháp khổ của vì không khác nhau, ý nói do tướng vô ngã sở mà phân biệt. Lúc thấy kia có pháp khổ và tự thân có pháp khổ bình đẳng, gọi là pháp vô ngã bình đẳng, vì pháp khổ tự tha gọi là pháp. Ba là dứt tương ưng

bình đẳng là dứt hẳn khổ cho tha, và dứt khổ cho mình vì tâm tương ưng, trang nghiêm thứ ba gọi là sở tác bình đẳng. Kia tự giải thích rằng đối với tự tha làm việc dứt khổ, vì chẳng khác nhau. Bốn là không có tâm hy theo vọng tương ưng bình đẳng, nghĩa là lúc dứt khổ cho người là lúc niềm vui cho họ, không mong quả báo đó và tâm tương ưng dứt khổ cho mình, cho mình niềm vui, cũng không mong cầu quả báo, nên gọi là bình đẳng. Luận đó thì bốn là không trông mong bình đẳng, sau tự giải thích rằng cho mình và nhân diệt khổ ban vui, không có tâm mong cầu Phước báo vì chẳng khác nhau (trong đây bốn hạnh bình đẳng trước đều xếp vào luận Tư lương không đầy theo đủ được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Năm là tất cả Bồ-tát chứng đạo bình đẳng, như các vị Bồ Tát chứng pháp giới bình đẳng với thân tự tha được tâm bình đẳng, ta cũng đồng được. Kia Địa thứ năm gọi là đồng được bình đẳng kia tự giải thích rằng như chỗ chứng đắc của các vị Bồ-tát ta cũng được như vậy, vì chẳng khác nhau. (Theo Nhiếp Luận thì tất cả Bồ-tát được tâm bình đẳng, nhiếp luận lại nói được tâm bình đẳng của tất cả Chư Phật, lược qua không nói thể). Vì đối với chúng sinh được năm thứ tâm bình đẳng này, năng nhiếp tất cả thân người chung thành một thân lớn. Do đó luận kết: nhờ được bình đẳng này mà được thân lớn bình đẳng. Luận của ngài Thế Thân soạn thì, tự thể chân như lìa hai chướng nên gọi là thân mầu khắp tất cả chỗ và công đức lớn gọi là thân lớn. Kinh Mười địa nói lúc nhập vào Sơ địa được trăm pháp minh môn, tức dứt này nói chỉ được hai trí là tự lợi chứng chân, lợi tha bình đẳng, vì hai điều quan nặng này nên Đức Phật nói riêng. Luận Trang Nghiêm chép: vì sao Sơ địa được gọi là Hoan Hỷ, vì thấy chân thật lợi ích chúng sanh, trong hai lợi lấy lợi chủ yếu nên Như lai nói có hai trí.

Giải thích Thiện Hiện an lặp đệ nhất nghĩa trước nêu tên kinh sau giải thích nghĩa, có hai ý. Một là phá nhiếp tha ở trước thành chấp thân lớn của mình, nếu dùng tâm bình đẳng đều nhiếp tự tha thành một thân, chẳng phải tự, chẳng phải tha, cũng chẳng phải tự tha, nên luận chép : với thân an lặp phi tự phi tha. Hai là phá tìm hai thân gọi là khởi chấp, đều an lặp hai thân là đệ nhất nghĩa. Ở đây trong diệu thân bình đẳng an lặp đệ nhất nghĩa như thế v.v..., theo bản của ngài Chân đế và bản đời Đường đều an lặp hai thân tức chẳng phải thân, giúp cho các Bồ-tát lìa lỗi tăng ích. Lại cũng đều kết luận làm cho lìa lỗi tổn giảm, theo bản ngài La-thập và bản đời Ngụy theo đều kết luận thiếu thân mầu. Theo Bồ-tát Thế Thân chẳng phải thân là không có các tướng, thân lớn thì có tự thể chân như, như thế thì gọi là thân mầu lớn thân.

Theo kinh ở thứ ba được Phật ấn khả, vì sao hai bản đời Ngụy La-thập và theo không đúng, các bản khác đều có câu “Phật bảo này Tu Bồ-đề đúng vậy! Đúng vậy!” vì ngài Tu Bồ-đề an lặp hai thân hợp lý cho nên được ấn khả hai lần.

Giải thích thích lìa kiêu mạn văn kinh có ba. Một là nói khởi tâm ngã độ sinh, phát sinh kiêu mạn chẳng gọi là Bồ-tát. Hai là nói các pháp không thật, trừ xả bỏ các chấp. Ba là dẫn lời Phật dạy theo để chứng minh kết thành nghĩa trên. Luận giải thích có hai. Một là nêu câu hỏi thuộc về kinh, hai là giải thích nghĩa. Trong giải thích nghĩa có hai, đầu tiên giải thích theo kinh chấp ngã độ mạn thì không gọi là Bồ-tát, Chân đế cho rằng kinh Năng Đoạn và luận này đều nói nếu Bồ-tát khởi niệm, chỉ có bản của ngài La-thập và đời Ngụy theo không có chữ Bồ-tát, do lầm đưa vào văn in ở trước, nghĩa đó rất dể hiểu, không cần giải thích. Theo văn kinh thứ hai là dạy theo trừ độ chấp, như trong Đại Phẩm thứ nhất và thứ sáu chép: Bồ-tát chỉ có tên gọi, tên gọi cũng không, vì thế nói thật ra không có pháp nào gọi là Bồ-tát cả. Nếu không có pháp nào độ được Bồ-tát thì không thấy có pháp nào để khởi tâm kiêu mạn, do đó nói chẳng có pháp nào gọi là Bồ-tát. Trong bản Năng Đoạn lặp lại hữu tình, hai pháp năng độ sở độ hữu tình, thứ ba là dẫn lời Phật dạy theo để chứng minh. Đầu tiên nêu lời ghi trong kinh, kế là giải thích lại thành ở trên như Bồ-tát có nghĩ chúng sinh, trong nêu lời ghi chép vì nói về điều này nghĩa là nói kể trước thật không có pháp gọi là Bồ-tát, Phật Thế Tôn tự dẫn ở trước nói để thành nghĩa này . Đã xem bản đời Ngụy theo dường như dẫn lời Phật dạy theo Tu-Bồ-đề ở trước, và tìm kỹ làm gốc vì các bản khác đều là lời Phật Năng đoạn là chính, đem bản này làm gốc vì ít có chỗ khác nhau. Đoạn trước nói tịnh tâm địa nhân đối với thân tự tha được năm thứ tâm bình đẳng, thì kia lúc độ chúng sinh lẽ ra không nghĩ ta độ người, đâu cần phải trách kia ngã mạn độ người. Đáp: Đoạn trước nêu ra pháp quán lúc nhiếp tán tâm trở về duyên pháp giới sở chứng bình đẳng, thì đối với tự tha được tâm bình đẳng. Nhưng thói quen của câu sinh ngã chấp chưa dứt, lại chưa tránh khỏi niệm lui sut. Cho nên lúc độ chúng sinh, có khi thất niệm, bất giác khởi lên ngã chấp kiêu mạn thấy ta độ người.

Phẩm Phát Thú trong kinh Đại Phẩm dạy theo Bồ-tát Sơ Địa lìa kiêu mạn, Bồ-tát địa Địa thứ năm quán pháp trong ngoài đều không lìa tâm tự đại khinh miệt người. Cho đến địa Địa thứ bảy cũng dạy theo không mê đắm ta và chúng sinh chẳng thấy có pháp nào để khởi tâm kiêu mạn. về Mười địa, trong kinh và luận Trang Nghiêm đều nói: Địa

thứ ba có ngã mạn, giải thích pháp mạn, Địa thứ tư có thân tịnh phân biệt mạn, cũng gọi là tương tục dị mạn, Địa thứ năm có khổ nhiễm tịnh pháp phân biệt mạn. Luận Trang Nghiêm xếp vào Địa thứ bảy, có ngã mạn sẽ thành Phật, đều do thất niệm cho nên khởi tâm như thế, nay quở trách lỗi này. Ngã mạn ta độ nhân là Địa thứ tư, rồi trở lại thân tịnh phân biệt mạn, nếu sinh chấp tập và pháp chấp mạn, thì đến Địa thứ bảy trở xuống thất niệm đều có ngã mạn ta độ người. Theo kinh Đại Phẩm nói Bồ-tát Địa thứ bảy không chấp đắm ngã không chấp đắm, chúng sinh chẳng thấy có pháp đáng khởi ngã mạn. Vì vậy theo biết đến Địa thứ bảy mới dứt hết tâm ngã mạn ta độ người, tuy nhiên đối với Địa thượng có nhiều mạn mà ngã mạn độ tha chính là, trái với tâm bình đẳng độ chúng sinh của Bồ-Tát, vì thế ở đây quở trách riêng. Ngoài ra nên xa lìa. Luận Thành Duy Thức chép: trong tu tập vị Mười địa tu mười hạnh tốt đẹp dứt mười lớp chướng, chứng mười chân như, mới chứng được rốt ráo chuyển y. Nay nói tịnh tâm là thuộc về Mười địa, phần vị cao quý, vì đều tịnh tâm được hai chủng trí thuộc về thắng hạnh, vì trong hạnh tự lợi, lợi tha trí tuệ làm đầu, lìa ngã độ mạn thuộc mười lớp chướng, kia y theo ngại trí mà thông danh, ở đây rất do lỗi cao cử. Do đây Nhiếp luận gọi là mười thứ vô minh vì mê ám thêm lớn nêu riêng, tăng thêm gọi chung là chướng, cũng không trái. Y theo thật mạn mỗi địa dứt trừ, nhưng Đại phẩm v.v... đồng theo vị đối cơ một tướng nói khắp nay đây tuy mạn dùng thật mà nói có cả Mười địa. Trong mỗi vị dứt trừ phiền não sở tri hoặc hiện hoặc chủng, hoặc thể hoặc tập, hoặc phục hoặc ly, vì như ứng nói , tịnh tâm tên chung chung cho cả Mười địa. Nhưng trong đó lược qua không nói chứng Mười như, lìa tướng là tông, hiển như không hai, cho nên đối với chân lý không nói Mười như, vì vậy theo mà lược qua.

Ý nghĩa của Mười địa thắng hạnh, mười chướng v.v... như Thập địa, kinh luận và giải thích Thâm Mật, Duy Thức, Nhiếp luận vv... có giải thích rộng. Luận của Bồ-tát Thế Thân giải thích : Nếu Bồ-tát nói ra lời nói v.v... trở xuống là trong đoạn văn thứ hai lớn phá nghi có ba doạn trong đó : Bản tông trước cũng nghi, nghi rằng: Nếu không có Bồ-tát, Phật cũng không thành đại Bồ-tát, chúng sinh cũng không nhập Niết-bàn, cũng không có cõi nước Phật thanh tịnh. Nếu thế thì có ý nghĩa gì đối các Bồ-tát phát tâm muốn cho chúng sinh nhập Niết-bàn, khởi tâm tu hành, làm thanh tịnh cõi Phật ư? Từ dứt này trở xuống và văn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Nếu Bồ-tát nói những lời như thế v.v...một đoạn văn kinh, hai là luận giải thích riêng, Bồ-tát Thế Thân đồng phá

một nghi, xa nhập vào văn sau. Vô trước Luận chủ lúc nhập chứng đạo, nói ra khỏi mạn, vì vậy theo hợp lại thành đoạn trước, đều chẳng trái nhau. Nghi thứ hai, thứ ba sau đây sẽ nói.

Dưới đây đại văn thứ ba là giải thích Như lai địa, đây là nói công đức của Phật địa, giúp cầu tịnh tâm địa thượng. Do đó, trong Mười tám trụ xứ gọi là thượng cầu Phật địa, còn trong tám trụ xứ gọi là Cứu cánh trụ xứ, nghĩa rất dễ hiểu. Vì sao kế lại nói Phật địa, vì đầu tiên tịnh người tâm địa nguyện tròn đầy , công đức thành Phật không luống dối, lại giúp cho nhân chưa tròn đầy kính mến thượng cần cầu. Hỏi đã nói Phật địa giúp cho kia trên cầu cho nên kể nói, chẳng biết Phật địa có bao nhiêu? Đáp: Theo Nhật Chiếu Tam Tạng đời đường phiên dịch khế chứng với Đại Thừa công đức Trong kinh quyển hai chép:Như lai có mười Địa.

1. Tối thắng thậm thâm nan thức tỳ-phú-la quang minh trí đức địa.
2. Vô cấu thân oai trang nghiêm bất tư nghì quang minh hóa địa.
3. Tác diệu quang minh nguyệt tràng bảo sám hải tạng địa.
4. Tịnh diệu kim quang công đức thần thông trí hóa địa.
5. Quang minh vị tràng oai chiếu tác địa.
6. Không Trung thắng tịnh vô cấu trì cự khai phu tác địa.
7. Thắng quảng pháp giới tạng quang minh khởi địa.
8. Tối thắng diệu tịnh Phật trí tạng quang minh biến chiếu thanh tịnh chư chướng trí thông địa.
9. Vô biên trang nghiêm câu-chi-Tỳ-lô giá-na quang tác địa.
10. Trí hải tỳ-lô-giá-na địa.

Chánh sĩ đây gọi là không thể nói trí mười địa của Như Lai, trong kinh này Như lai địa sáu môn đầy theo đủ văn nhiếp lẫn nhau. Kinh đó lại nói Như lai sơ địa thói quen nhỏ nhiệm đều dứt, đối với tất cả pháp tự tại vô ngại, ở đây nói tế chứng sau cùng để nhập Như lai địa, do vậy theo Phật địa nói dứt hai cái ngu, dứt rồi thành Phật là câu chung. Lại nói Như lai địa thứ hai lặp bày theo lời dạy theo bảo Thanh văn, an lặp Ba thừa, Như lai từ địa nói tám mươi bốn ngàn nhóm pháp, hàng phục bốn ma hai địa nầy, tức là trong đây lặp ra đại pháp. Lúc lặp đại pháp giáo hóa Ba thừa dạy theo họ tu chánh đạo hàng phục bốn ma, xả tà. Lại kinh chép:Như lai Địa thứ năm bẻ dẹp các dị luận cho đến tà vọng đều điều phục tất cả nghiệp trong đường ác, tức là kinh này lặp ra lợi lớn phá nghi chấp bên ngoài, thuộc về niệm xứ. Do trụ niệm xứ vì hàng phục tà vọng thuộc về kiến trí tịnh, tha tâm trí... vì bẻ dẹp dị luận. Kinh

ấy lại chép:Như lai địa thứ sáu an lặp vô biên chúng sinh, đối với sáu thứ thần thông và sáu đại thông, nghĩa là thị hiện vô biên cõi Phật, dùng công đức của Phật trang nghiêm thanh tịnh, thị hiện vô biên Bồ-tát hầu hạ vây theo quanh, thị hiện cõi Phật rộng lớn vô biên, thị hiện vô biên cõi Phật, hiển theo bày theo tự thân, thị hiện diệt độ, cho đến nói pháp niết-bàn, thị hiện vô biên thần lực thần thông biến hóa. Sáu thông, đây là thiên nhãn tha tâm niệm xứ, niệm xứ cũng thuộc về lậu tận thông, lại là danh sắc quán tự tại hành trụ, tức lìa thông chướng thần được thần túc. Sáu đại thông ấy chỉ có Phật khởi được nên gọi là Đại, trong đó thị hiện cõi Phật, tức cõi nước thanh tịnh này thị hiện Bồ-tát vâng giữ, tức lặp pháp lợi lớn và phương tiện thị giả lại chẳng trụ Niết-bàn và lưu chuyển, chẳng nhiễm lợi sinh. Cho nên có nhân hầu hạ kính thờ. Trong cõi tịnh cũng có quyến thuộc hầu hạ kính thờ giúp đỡ, đều được đầy đủ , thị hiện cõi Phật rộng lớn cũng thanh tịnh tròn đầy, trong vô biên cõi nước thị hiện tự thân, đây là tướng tốt không trụ Niết-bàn, đều hiện thân trôi lăn mà không nhiễm ô. Thị hiện diệt độ tức, trước hiện thân đều có thị hiện diệt độ, hiện thần lực thần thông: ở đây là phá danh sắc tự tại hành trụ tịnh, vì quán danh sắc được tự tại, tùy nghi chuyển biến, khởi dụng thần thông. Lại kinh chép: Như lai Địa thứ bảy ba mươi bảy theo phần pháp Bồ-đề vì dùng vô tự tánh làm chỗ chấp đắm, vì các Bồ-tát như thật mở bày trong đây lời nói đầy theo đủ, lặp ra pháp lợi và nói pháp bất nhiễm. Lại nói: Như lai Địa thứ tám do pháp tứ ký, thọ ký cho tất cả Bồ-tát được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề (tứ ký, theo kinh Thủ-lăng-nghiêm:một là không hiện tiền thọ ký; hai là thọ ký hiện tiền; ba là phát tâm thọ ký; bốn là vô sinh nhẫn thọ ký), trong đây thuộc ngôn ngữ đầy theo đủ. Như lai địa thứ chín dùng phương tiện khéo léo chỉ bày theo cho các vị Bồ-tát (hiện chung ba nghiệp, tùy nghĩa ứng phối). Như địa thứ mười tất cả pháp vô tánh dạy theo các Bồ-tát, khai mở đại nhập Niết-bàn, nói niềm vui của rốt ráo bát Niết-bàn cho tất cả Thanh văn, ở đây nói tùy ứng rất dễ hiểu. Nhưng trong kinh phần nhiều y cứ theo thân ứng hóa lợi ích bên ngoài để nói về Như lai địa thứ Mười, trong đây nói chung pháp thân – báo thân, ứng thân – hóa thân, nghĩa phối hợp ba thân cho đến hạ phương tất.

Hỏi: Dưới đây đã nói về công đức Phật địa và luận Duy Thức, kinh Phật địa.v.v... có chỗ nào khác nhau, giống nhau chăng?

Đáp: Phần lớn nghĩa giống nhau, rộng lược là khác, theo kinh Phật địa thì đầu tiên nói chỗ ở tịnh độ, ở đây nói tịnh độ, theo kinh thì gọi là pháp giới thanh tịnh, thể thuộc về pháp thân, kinh quyển ba nói

nói bốn trí của Phật thể, không lìa năm thứ mắt tha tâm thuộc niệm xứ. v.v... bốn trí cũng tùy ứng tức năm thứ đã nói trong đây nói v.v..nhưng tịnh độ pháp giới bốn trí đó bằng nhiều nghĩa phân biệt. Sắc thân Phật nói pháp niệm xứ chánh giác không trụ sinh tử Niết-bàn, thực hành trụ tịnh vắng lặng.v..., ở đây tuy không lìa bốn trí, nhưng chẳng phải kinh ấy nói, cho nên ở đây nói, nên có rộng và lược đối với văn kia. Đối với Duy thức luận chỉ nên xếp vào đây, Luận xếp vào kinh nên có sáu thứ, như ở trước đã thuộc về kinh, nhưng luận ở trên nói : Phật địa luận chép có sáu thứ đầy theo đủ nhiếp chuyển y. Đầy theo đủ nhiếp chuyển y theo nghĩa là trong sáu món chuyển y theo nói công đức quả địa của Như lai là thuộc tứ quả thứ tròn đầy chuyển y theo thứ tư. Trong bốn nghĩa chuyển y theo là chỗ chuyển đắc tùy hữu vô vi vì sinh hiển đắc, hoặc ở đây tuy nói công đức Phật địa muốn làm cho tín tịnh nhị địa Bồ-tát hoặc ở gần hoặc xa tu hành cầu thành tựu chuyển y. Trong sáu chuyển y theo thì nhiếp đủ năm loại, tùy vị như ứng, tín hạnh tịnh tâm và Như lai địa vì thành chuyển y, nhưng không thuộc về thấp kém, bốn nghĩa chuyển y theo cũng đầy theo đủ, nhiếp ba địa, vì trước sau thành bốn nghĩa. Trong bốn nghĩa chuyển y theo thứ ba là chuyển xả, thức dị thục bình đẳng, pháp sinh tử thấp kém, thảy theo đều xả bỏ. Do vậy theo kinh chép xả uẩn vô thường, đạt được uẩn thường, theo Nhiếp Luận thì chuyển năm ấm y, vì chuyển sắc ấm y, được sắc thân quang minh vô biên âm, vô kiến đảnh tự tại, tức là tịnh độ tướng tốt hai thân ở tịnh độ và ngữ cụ túc vô biên âm, do chuyển thọ ấm y, được vô lượng an vui hoàn toàn tự tại, tức không trụ sinh tử Niết-bàn, thực hành trụ tịnh. v.v... do chuyển tưởng ấm y, được tất cả danh tự văn cú nhóm họp đồng trong chánh nói tự tại, nói tự tại tức là ngũ cụ túc và khi bố thí pháp đại lợi. Đối với danh tự văn cú và pháp nghĩa ba giải thích giống nhau, do chuyển hành ấm y, được dẫn nhiếp đại tập, dẫn đắc tịnh pháp thanh tự tại, tức khi lặp ra pháp lợi ích lớn. Dẫn tập đại chúng và chuyển được pháp thanh tịnh tự tại, giúp nhập vào tâm kia. Do chuyển thức ấm y, được hiển rõ bình đẳng diệu quán tác sự trí tự tại, hiển rõ cảnh trí, ngoài ra thứ ba nên biết, bốn trí như thứ lớp, mắt phật, mắt tuệ, mắt pháp tức là thể của và thức do, mắt trời, sinh ra. Thô tướng như vậy theo rốt ráo lý càng suy theo nghĩ, bốn trí đến khi thành Phật đều gọi là mắt Phật, nói chuyển y theo cụ túc. Trong sáu cụ túc nên khai chuyển cụ túc thành bảy, hoặc trong sáu thứ nên hợp tướng tốt làm thân cụ túc thành năm thứ cụ túc, nhưng luận lại lược bỏ, chia ra thánh sáu. Trong sáu pháp nói thanh tịnh cõi nước, cụ túc là quả bên ngoài,là chỗ nương tựa.

Văn kinh có ba: Một là chấp tướng và ngã trang nghiêm không gọi là Bồ-tát. Hai là trình bày theo` giải thích giáo xả tâm tưởng và ngã nghiêm ý. Ba là chánh khuyên nhập lý hai vô ngã, vô tướng trang nghiêm. Văn luận có hai: đầu tiên nêu ý kinh, kế là giải thích văn kinh; nêu ý kinh vì thanh tịnh cõi nước Tam-ma-bát-đế, ý rõ ràng đức Thế Tôn muốn cho Bồ-tát tu nhân vô tướng chứng, cõi vô tướng. Nhân vô tướng gọi là Đẳng chí, dạy theo Bồ-tát tu nhân đẳng chỉ vì trang nghiêm thanh tịnh cõi nước, cho nên có đoạn văn kinh này . của luận chủ Thế Thân văn tịnh độ này hợp với văn ly theo mạn ở trước thành một dứt đều là phá nghi, không đạt chân pháp giới, thật khởi ý độ chúng sinh và sinh tâm thanh tịnh cõi nước, tức là xếp vào đây để nói chưa chứng chân như, không dứt được hai ngã, khởi ý độ chúng sinh và tâm trang nghiêm cõi nước đều là điên đảo, vì thế chẳng phải Bồ-tát. Trong giải thích có hai: đầu tiên giải thích kinh, sau giải thích lại chánh hạnh khổ kiến ở trước.

Trong phần trước có ba giải thích dứt kinh như thứ lớp, trong dứt thứ ba đầu tiên giải thích hai vô ngã, kế là giải thích nói lại trong kinh chép Bồ-tát hiển song chứng hai vô ngã, văn giải thích khác, hoặc chỉ chứng người vô ngã cũng gọi là Bồ-tát tức Hai Thừa . Theo ngài Thế Thân thì chúng sinh và Bồ-tát biết các pháp vô ngã, chẳng phải thánh tự trí tín và Thánh do có trí, ý nói chúng sinh phàm phu chỉ tin hiểu ba vô ngã. Thánh là Bồ-tát dùng trí thế xuất thế gian chứng biết hai vô ngã tức do phàm thánh mà nói lại Bồ-tát vì thuộc xuất thế đều khác nhau, chỉ có bản của ngài La-thập là không lặp lại vô ngã, hoặc một chữ "vô" chung cho cả ngã pháp, không có Bồ-tát, văn thiếu nên lược bỏ, nhưng nghĩa tịnh độ như các chỗ khác đã nói, thân Phật nương cõi nước đều tự khác nhau. Theo Thành Duy Thức thì tự tánh thân nương vào cõi pháp tánh, tuy thể của thân cõi này không khác nhau mà vì thuộc tánh tướng Phật pháp có khác nhau. Tự thọ dụng thân lại nương cõi tự thọ dụng, nghĩa là trí Đại viên cảnh tương ưng với tịnh thức, do xưa kia tu vô lậu tự lợi thành tựu nhân duyên thuần tịnh cõi Phật, từ lúc mới thành Phật cho đến tận mé vị lai, nối nhau thay đổi làm thuần tịnh cõi Phật, trùm khắp tròn đầy không bờ mé, các báu trang nghiêm, thân tự thọ dụng tự nương an trụ, thân tha thọ dụng cũng nương tự độ, là năng lợi đại từ bi của năng lực bình đẳng, do xưa đã tu vô lậu lợi tha, thành tựu nhân duyên thuần tịnh cõi Phật, tùy ý an trụ địa vị Bồ-tát Mười địa biến thành tịnh độ, hoặc tiểu hoặc đại, hoặc kém hoặc hơn, trước sau chuyển biến, thân tha thọ dụng nương đó mà an trụ. Hoặc thân biến hóa nương cõi

biến hóa, nghĩa là thành sự trí đại, do xưa đã tu lợi tha vô lậu, thành tựu nhân duyên cõi Phật thuần tịnh, tùy sự thích hợp của Bồ-tát Thập Đại mà biến thành cõi Phật, hoặc kém hoặc hơn, hoặc tiểu hoặc đại, trước sau biến đổi, thân biến hóa của phật y theo đó an trụ vì tự tánh thân cõi tất cả Như lai đồng sở chứng, thể không khác nhau. Thân cõi tự thọ dụng, tuy tất cả Phật đều là khác nhau mà đều vô biên, chẳng chướng ngại nhau. Hai thứ thân cõi còn lại đều tùy theo hóa hữu tình được giáo của các Đức Như lai, công bất cộng trong kinh này ở trước khuyên bỏ hai thứ sau, khuyến cầu hai thứ trước, được hai thứ trang nghiêm chân thật, hiện được hai thứ sau, cho nên điều trong đây nói, cũng giống như pháp dụng lìa tiểu phan duyên, trong văn trước vì căn cơ khác nhau,ở trước tin hành địa, hoặc nhân hoặc quả đều chưa tròn đầy, Bồ-tát thập địa ở giáo trên nhân thành thì được tịnh độ Phật, do đó gọi là cụ túc.

Thứ hai là kiến trí tịnh cụ túc, trong sáu cụ túc thì ở trên nói là ngoại quả, dưới là trình bày theo nội quả. Trong nội quả đầu tiên nói về kiến trí tịnh, vì hóa dụng là quan trọng dạy theo Bồ-tát cầu nên có văn này . Luận của ngài Thế Thân giải thích, thì trong mối nghi thứ hai, “tử dứt thứ hai” nghĩa là có nghi trước rằng nói Bồ-tát chẳng thấy, đó là chúng sinh, chẳng thấy ta là Bồ-tát, chẳng thấy thanh tịnh cõi nước Chư Phật. Vì sao? Vì không thấy các pháp gọi là Chư Phật. Nếu như thế hoặc cho rằng Chư Phật, Như lai chẳng thấy các pháp, vì giải thích nghi nầy nên phát sinh ra đoạn văn này . Theo ý luận thì dù không thấy các pháp nhưng chẳng phải không rõ cảnh nhãn, năm thứ mắt của Chư Phật là thật, vì thấy kia điên đảo nên y Luận giải thích kinh có hai: đầu nói tiên thấy trí tịnh, sau nói Phước tự tại tức là hai hạnh Phước trí. Đoạn văn trước đầu tiên thấy, là trí, vì năm mắt tha tâm như thứ lớp có hai, văn luận chia thành hai, trước nêu tên thuộc kinh, kế là giải thích nghĩa trong giải thích nghĩa thì trước trí sau Phước. Giải thích chứng trí và ứng trí, sau giải thích lại đã lựa chọn, trong thấy tịnh trí nói ý kinh và giải thích năm thứ mắt, vì Phật từ xưa đến nay nói các pháp không. Có nhân cho rằng Phật chỉ có mắt tuệ, hoặc chỉ có mắt tuệ là hơn, hoặc chỉ dạy theo Bồ-tát cầu mắt tue của phật, do đây nói Phật co năm thứ mắt , vì để biết Phật thấy thanh tịnh tốt đẹp. Nói năm thứ mắt chẳng phải chỉ có một mắt tuệ, thế nào là tốt đẹp nói tốt đẹp có bốn loại trước trong nói có hơn, nói mắt Phật là, hiển rõ trong tất cả tu đắc thắng nói có mắt tuệ, Hai Thừa Bồ-tát có mắt tuệ. Mắt Phật chỉ có thắng nghĩa là nói có mắt thường, có thắng trong tất cả mắt thường. Nói có mắt trời, là nói thắng trong tất cả tu đắc, nói có mắt tuệ, hiển thắng trong mắt tuệ của

Hai Thừa Bồ-tát. Vì phàm phu không có mắt tuệ. Nói có pháp nhãn rõ thắng trong các Bồ-tát, vì Hai Thừa không có mắt pháp. Bốn thứ mắt trên đây nói lên sở kiến của Phật cao hơn sở kiến của kia của Bồ-tát, cho nên đồng với có thắng. Nói có mắt Phật nói lên chỉ có Phật mới có, trí nhất thiết chủng có khả năng thấy tất cả nhưng không thấy Pháp, vì vậy theo gọi là kiến Tịnh. Nếu không nói Phật có đủ năm thứ mắt, Bồ-tát thừa, nói ở trước. Phật, cho nên chỉ cầu mắt tuệ của Phật chẳng cầu bốn thứ mắt còn lại, vì có lỗi này , kế là nói Phật có năm thứ mắt gọi chung là nhãn, đem thấy cảnh làm nghĩa thấy cảnh có năm nên gọi là năm thứ mắt. giải thích tên riêng, bốn trần gọi là thường mắt, thanh tịnh sắc căn y theo mắt thường mà an trụ, nên gọi là mắt thường mà an trụ nên gọi là mắt thường. Tĩnh lự gọi là trời, do trời mà có mắt nên gọi là mắt trời, tuệ là nêu năng thấy, pháp là nêu bị thấy Phật là nên người nghĩa có thể biết. Mắt trời, mắt thường do bốn đại tạo tịnh sắc là tánh là, mắt thường có cả nuôi lớn dị thục vô ký. Trời căn cứ ly theo chứng tu pháp sinh chỉ có trưởng dưỡng. Mắt tuệ, mắt pháp tuệ là tánh là, vì mắt Phật lấy bốn thứ trước làm thể. Theo ngài Long Thọ thí như bốn dòng sông chảy theo vào ao lớn gọi chung là biển cả, từ bốn thứ mắt cho đến địa vị Phật cũng vậy, trời có mắt trời, nhân có mắt thường, Hai Thừa có mắt tuệ, Bồ-tát có mắt pháp, Phật có mắt Phật. Vì vậy theo gọi là năm thứ mắt. Nhưng nói mắt thường gọi là pháp quả, đối với thân Phật tu hành tròn đầy thì thành tựu, vì năm thứ mắt của Phật là vô lậu. Ngoài ra ở các thân khác, mắt trời, mắt thường chi là hữu lậu, thể tánh như vậy Luận nên biết.

Nếu tông Tát-Bà-Đa nói mắt thường, mắt trời, mắt pháp chỉ là hữu lậu, mắt tuệ, mắt Phật cũng có cả vô lậu như thứ lớp ấy. Do mắt thường thấy gần chẳng thấy xa, thấy lớn chẳng thấy nhỏ, thấy sáng chẳng thấy tối, thấy chướng bên trong không thấy ngoại chướng bên đối với dụng có thiếu sót. Cho nên tu mắt trời rồi, tuy không có lỗi trước chỉ thấy tướng sắc luống dối, không thấy thật tánh cú pháp chưa phải ra khỏi sinh tử. Do tu mắt tuệ tuy đắc mắt tuệ với các pháp không biết, nên tu mắt pháp tuy được mắt pháp trong sở tri do chưa trọn cùng tột, nên tu mắt Phật.

Trên đây là nói theo thứ lớp, vào tự dụng, nếu y theo nói về thứ lớp hóa tha thì Bồ-tát đã có mắt thường thấy chúng sinh có các tướng khổ như chịu sinh, già, bệnh, chết, tham ưu não.v.v... vì vậy theo sinh tâm thương xót muốn dứt hết nghiệp khổ chochúng sinh trong sáu đường nên tu mắt trời, được mắt trời rồi thấy chúng sinh trong ba đường ác chịu

các khổ não như đốt nấu.v.v... càng sinh tâm thương xót muốn độ họ. Lại tu mắt tuệ, mặc dù được mắt tuệ chưa biết phương pháp độ chúng sinh, lại chưa rõ căn, dục, tánh của chúng sinh, đối với việc giáo hóa chúng sinh có thiếu sót, nên tu mắt pháp,dù cho mắt pháp với việc hóa tha còn yếu kém chưa thể giáo hóa khắp tất cả, vì vậy theo tu mắt Phật. Nếu nói theo thứ lớp như vậy theo thì sẽ giải thích theo sự thích ứng ; hai câu “sở kiến”. Theo Du-già quyển mười bốn nói có ba thứ mắt.

1. Mắt thường thấy rõ đường, không chướng ngại sắc. Luận Đại Trí Độ thì mắt thường của nhân phàm cao nhất không hơn Luân vương thấy trong phạm vi một trăm do tuần không có ánh sáng. Như mặt trời, mặt trăng, sao v.v... có sắc ánh sáng, tuy chỗ càng xa nhưng người cũng thấy. Mắt thường của người Hai thừa giống như phàm phu, như trong Đại phẩm nói mắt thường của Bồ-tát. Nhỏ thấy một trăm do-tuần, lớn thấy cõi Tam thiên. Vì sao không nói thấy phương khác? Luận ấy giải thích vì mắt thường của Bồ-tát là mang chướng không thấy được phương khác. Nếu tu theo kinh Pháp Hoa dùng mắt thường do cha mẹ sinh ra thấy có cõi Tam thiên trên đến trời Hữu Đảnh cũng thấy nhân quả thiện ác của chúng sinh tương tự mắt trời thượng tịnh, thể nầy là pháp, quả dụng làtu kinh quả, chẳng phải tu thiền quả.

2. Mắt trời có khả năng soi chiếu tùy ý hiển rõ, có sắc không chướng ngại. Theo đại luận phàm phu tu được mắt trời, chỉ thấy một Tứ thiên hạ, Tiểu La-hán thấy thế giới tiểu thiên, Đại La-hán thấy trong ngàn cõi, A-na-luật dùng năng lực tu thấy khắp đại thiên thế giới. Tiểu Bích-Chi-phật đồng Đại La-hán, đại Bích-Chi-Phật mặc tình thấy thế giới đại thiên, đều chỉ thấy tướng sắc trần, mắt trời tiểu của Bồ-tát thấy một trăm do tuần cho đến Đại Bồ-tát thấy mười phương vô biên cõi, có thể thấy các vị trời mà không thấy sắc và nhân quả ba đời. Theo kinh Đại Phẩm, mặt trời của Thanh văn thấy tướng sắc luống dối, chẳng thấy tướng sắc sinh diệt cũng chẳng giống như Bồ-tát thấy sắc chẳng đúng như thật. Mắt trời của Thanh văn thấy tướng sắc trần giống như Bồ-tát không thấy sinh diệt v.v... chẳng giống như Bồ-tát nhiếp đầy theo đủ mắt trời. Nếu vậy theo thì Thanh văn lẽ ra có mắt pháp vì thấy các trần giống nhau, nhưng Đại luận xếp vào mắt pháp của Bồ-tát, biết tánh căn dục của chúng sinh và biết nhiều cách độ chúng sinh, Thanh Văn hoàn toàn không có trí cho nên chẳng có mắt pháp.

3. Mắt tuệ soi chiếu tất cả thứ như sắc phi sắc, thể của mắt pháp hợp với tuệ thành một, không giống cảnh sắc nhãn có ẩn hiện, cho nên lược bỏ không nói. Này hợp với mắt trời và mắt thường thành một vì

thuộc về sắc, mắt tuệ, mắt pháp khác nhau, quán lý sự vì chẳng có khác nhau. Du-già: chỉ nói về nhân , vì ba thứ nhất này chỉ Phật mới có, có cả cả bốn, thứ năm thứ mắt, nhậm vận thấy tất cả, chẳng giống như Bồ-tát. Theo Đại phẩm thì mắt Phật không có chỗ nào không thấy, không nghe, không biết.

Luận giải thích năm thứ mắt, văn kinh có năm vì năm thứ mắt khác nhau, trước Đức Phật hỏi từng thứ một, kế đó ngài Thiện Hiện đáp.

1. Hỏi có mắt thường chăng? Do trong kinh chép Địa thứ tám trở xuống không có thân máu thịt vì sợ rằng có điều nghi Phật không có mắt thường. Ngài Tu Bồ-đề đáp rõ Phật có mắt thường thanh tịnh vì có tự vô lậu thể là vượt hơn tất cả. Trừ Phật ra còn lại đều có mắt thường, vì thấy có giới hạn, ở đây dựa vào nghĩa để nói về tướng, ba nghĩa dục nguyện, vì khiến theo các Bồ-tát khởi tâm dục nguyện, cho nên mới hỏi. Ở dưới y theo nên biết, kinh năng đoán vốn nói Như lai.v.v... thêm chữ Đẳng, là nêu hiệu đầu tiên đồng với chín hiệu còn lại. Kế đến là ngài Thiện Hiện đáp rõ Đức Phật y theo thế tục đế hỏi vì để hiển rõ có, lại y theo thế tục đáp có, ngoài ra đều y theo nên biết, mỗi pháp đều nêu sở kiến của người khác để so sánh Phật mắt hơn mắt người khác. Đoạn trước đã giải thích xong, chỉ như mắt tuệ. Hai Thừa chỉ thấy sinh không, Bồ-tát Địa tiền cũng được mắt tuệ tương tự, Mười địa chân đắc vì còn có chướng chưa được quả Phật vì nhất là thắng hiển, ngoài ra đều y theo đó mà biết. Luận văn có hai: đầu tiên nêu bốn, năm thư mắt vì khai hợp khác nhau, kế là cảnh giới luống dối. Sau là giải thích nghĩa bốn thứ mắt. giải thích mắt tuệ chỉ nói đầu tiên sau không giải thích nghĩa vì rất dễ hiểu.

Dưới đây là nói trí tịnh văn kinh có ba: đầu tiên Như lai biết tất cả có bao nhiêu thứ tâm, kế là gạn giải thích biết lý do có nhiêu tâm, sau là gạn lại để giải thích nghĩa không có tâm trụ. Đoạn văn trước có sáu: 1/ Phật hỏi; 2/ Ngài Thiện Hiện đáp, biết Phật muốn dùng cát sông Hằng làm số y theo tục đế để hỏi, lại theo tục đế đáp; 3/ Hỏi lại; 4/ Đáp lại; 5/ y cứ theo trước nhiều cõi nói lên chúng sinh nhiều; 6/ Nhiều đời để nói có nhiều tâm. Vì mỗi đời có nhiều thứ tâm. Văn luận có hai: đầu tiên dẫn kinh thuộc đúng, kế là giải thích gạn hỏi. Hỏi mắt tuệ, mắt pháp tại sao không gọi là trí tha tâm, trí ấy cũng thấy ngoại cảnh, sao không gọi là thấy mà nói là trí ư?

Đáp: Pháp môn đều khác nhau như nghĩa chiếu soi cảnh tức kiến môn mà nói , như nghĩa quyết đoán tức trí môn mà nói . Trong Đại lu-

ận hỏi mắt pháp biết căn dục tánh của chúng sinh, cho nên cũng biết tha tâm, vì sao kinh này ngoài năm thứ mắt nói riêng trí tha tâm. Đáp: Chung thì mắt pháp, Phật cũng biết tha tâm, nay Phật riêng có nghĩa khác nhau. Theo đại luận quyết đoán, mắt pháp chỉ biết căn tánh dục của chúng sinh.v.v... không nói biết khác có bao nhiêu thứ tâm, tham hay không tham.... Đại phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm đều chép: Tha tâm biết tâm khác có tham hay không tham, v.v... không nói biết căn dục tánh khác, v.v...Y cứ theo hai đoạn văn này nói riêng mắt pháp không thuộc tha tâm. Mắt Phật tuy là trí nhất thiết chủng, từ mắt thường đến khi chứng quả thành mắt Phật. Bốn thứ mắt đã không thuộc tha tâm, mắt Phật cũng như vậy, hoặc nói mắt Phật cũng biết tha tâm, không như thế vì sao gọi là trí Nhất Thiết, chỉ do biết tướng không rõ ràng. Ngoài năm thứ mắt của Phật nói riêng trí tha tâm, lại do pháp môn khác nhau nên nói cũng khác nhau. Nhưng sáu thông ba minh cũng là kiến trí, vì sao không nói ngoài sáu thông ba minh, thần túc chỉ là tác dụng của thân, chẳng phải tướng trí kiến. Thanh văn chứng thiên nhĩ biết tâm kia, chỉ biết tâm kia nên nói tiếng chẳng phải cốt yếu, vì vậy theo không nói. Túc mạng mới biết việc vị lai thuộc về thiên nhãn, cho nên cũng không nói. Trong lậu tận, duyên tự lậu tận là thuộc về mắt Phật duyên tha lậu tận, biết đây thuộc về trí tha tâm cho nên không nói, hoặc nói một hội đối cơ, đâu cần phải đầy theo đủ.

Trong phần giải thích văn kinh có hai: đầu tiên giải thích tâm trụ và bao nhiêu loại, kế là trong phần giải thích kinh tâm trụ tức là phi trụ. Theo bản dịch đời Đường thì tâm trụ tức lưu chú vì tâm trụ nói có lỗi, y theo tâm này rốt cuộc không trụ nên nói trôi lăn, tức niệm niệm lưu chú trong ba đời sinh diệt nối nhau không lìa ba đời. Bao nhiêu loại, nhiều đời trước nói sinh loại có nhiều thứ tâm, văn luận rất dễ hiểu. Theo kinh Mười địa, Bồ-tát tha tâm trí có thể biết hai mươi hai loại tâm của tất cả chúng sinh, có tham hay không tham, theo nghĩa luận gồm thanh tám tâm đầu tiên có sáu tâm tham, sân, si và lìa tham, sân, si gọi là tùy phiền não tâm. Địa thứ bảy theo là tâm nhiễm, thứ tám là bất nhiễm tâm, gọi là tâm sử tương ưng với các tâm khác như thế, thứ chín là tiểu tâm, thứ mười là quảng tâm, mười một là đại tâm, mười hai là vô lượng tâm, bốn thứ này gọi là sinh tâm. Y cứ vào sinh có khác nhau sinh từ thiên hạ tri kiến nhỏ gọi là Tiểu tâm, sinh lên sáu tầng trời cõi dục tri kiến hơi rộng lớn gọi là Quảng tâm. Sinh lên cõi Sắc tri kiến càng lớn, gọi là Đại tâm. Sinh cõi Vô sắc sư thấy biết vô lượng gọi là vô lượng tâm, mười ba nhiếp tâm, mười bốn không nhiếp tâm, gọi

là học tam-muội tâm. Học tam-muội tâm gọi là nhiếp tâm, không học tam-muội gọi là không nhiếp tâm, mười lăm là định tâm, mười sáu là bất định tâm, gọi là đắc tam-muội tâm. Lúc nhập tam-muội gọi là định tâm, lúc không nhập gọi là bất định tâm, mười bảy là theo giải thích thoát tâm, mười tám không giải thích thoát tâm gọi là tâm ràng buộc lìa ràng buộc, mười chín là cầu tâm, hai mươi không cầu tâm gọi là vọng hành tâm, đây là tâm tạo nghiệp, hai mươi mốt hữu thượng tâm, hai mươi hai vô thượng tâm, gọi là tâm tăng thượng mạn. Trong hai mươi hai tâm trung, tiểu, quảng, đại bốn tâm vô lương đều có cả nhiễm tịnh, ngoài ra mười tám tâm đều một nhiễm một tịnh, các tâm này không thể nói hết vì vậy theo gọi chung là từng ấy tâm. Luận chép Thế, nghĩa là quá khứ đẳng phần sát-na có một thời kỳ ba đời, ba đời nhiễm tịnh các tâm niệm niệm sinh diệt, chẳng lìa ba đời, nói tâm tuy nhiều Như lai đều biết. Theo ngài Thế Thân thế nào là điên đảo, bài kệ các thứ điên đảo thức, do lìa thật niệm không trụ thật trí nên nói là điên đảo, nghĩa là bốn niệm xứ là trụ bất trụ, bốn niệm là điên đảo.

Thứ hai giải thích phi trụ, có hai: đầu tiên là nêu phối hợp kinh, an lặp đệ nhất nghĩa, kế là giải thích văn kinh suy theo ra ba đời tâm đều không có thật thể. Vì sao? Trong văn thứ hai trước gạn hỏi, sau giải thích . Theo đại luận giải thích có hai: đầu tiên là Phật tâm thừa là vắng lặng, làm sao biết hết tất cả tâm chúng sinh, kế là Phật tâm nhất tâm làm sao biết có nhiều tâm như vậy, nên hỏi vì sao kế là văn kinh giải thích lý do biết. Do Phật chứng được các tâm, cho nên gọi là phi tâm vì thấy các tâm thể mà chung biết các tâm. Vô Tánh Nhiếp Luận thì tổng tướng chân như của tất cả pháp, biết hết tất cả pháp gọi là Nhất thiết trí, nếu trải qua các pháp mới biết, mặc dù trải qua nhiều thời gian không thể biết tất cả pháp. Trong kinh Đại Tập, Đức Phật cũng tự hỏi, vì sao biết được tâm nhiễm của chúng sinh? Phật giải thích : Vì Phật y theo thật tướng các pháp cho nên biết, theo Đại luận giải thích tâm chúng sinh tuy có nhiều thứ nhưng không lìa thật tướng các pháp, y theo lý chiếu sự, vì vậy theo biết hết các tâm của chúng sinh. Theo phẩm Ma-ha-diễn nếu tất cả tâm, tâm sở của chúng sinh là thật có, chẳng phải luống dối thì Phật không thể biết các thứ tâm của tất cả chúng sinh, vì tâm pháp luống dối của chúng sinh không có chỗ đến, không có chỗ đi nên, Phật có khả năng biết các tâm của chúng sinh. Nếu phân biệt chấp tướng thì không thấy thật pháp, vì không thấy thật pháp nên không thể thông đạt tất cả. Nếu không chấp tướng tâm chẳng phân biệt thì được thật tánh các pháp, vì được thật tánh các pháp, soi chiếu biết tất cả

pháp, ý giải thích ở đây như thế. Vì nói các tâm trụ đều chẳng phải tâm, chiếu soi từng ấy thứ tâm của chúng sinh. Kế là giải thích văn kinh suy theo ra tâm trong ba đời đều không có thật thể, các kinh luận suy theo ra pháp hiện tại, thường do niệm niệm diệt, giải thích chưa tránh khỏi sự tranh luận nghĩa trụ tướng chưa diệt, làm sao ngăn là có. Nay dùng Đệ nhất nghĩa suy theo ra, trụ tướng trong sát –na cũng không thật có.

Văn luận sau đây là thứ hai, chia ra làm hai: đầu tiên vì sao nói kiến tịnh, sau nói trí tịnh, luận tự giải thích , vì trong tương ưng tri chứng đắc cho nên an lặp kiến, vì dạy theo chúng sinh tâm vắng lặng cho nên an lặp trí chẳng phải trước tự chứng trong chỗ nên biết. Nói kiến tịnh tự chứng hiểu rồi vì dạy theo chúng sinh dứt ác làm lành gọi là tâm vắng lặng. Kế là nói biết nhân này lấy tự giác, giác tha làm thứ lớp, giải thích đồng một trụ xứ, đối với trí tịnh an lặp tâm sở tri chẳng phải tâm. Trong kiến tịnh ở trước nói có năng kiến, năm thứ mắt cũng chẳng phải mắt lý cũng được thành. Nếu vậy theo thì Phước đầy theo đủ kiến trí cũng đồng một trụ xứ với, vì sao văn không nói Phước đầy theo đủ lại an lặp chung, Phước là nhân của kiến trí đồng một trụ xứ, thể của Phước tuệ khác nhau, là do an lặp riêng.

Phước đầy theo đủ, Đức Phật có Phước lớn trang nghiêm, vì sao kiến tri đồng một trụ xứ với. Phước trí này là trí Phật căn bản, chẳng phải Phước đức điên đảo, có Phước đức lớn trang nghiêm, kiến tri đều thanh tịnh, vượt nhiều hơn tất cả, Luận của Bồ-tát Thiên Thân thì giống nhau. Theo ngài Thiên Thân thì dứt nghi thứ ba, nghi rằng: Đoạn trước nói tâm trụ điên đảo, nếu vậy theo thì Phước đức cũng điên đảo. Nếu là điên đảo sao gọi là pháp lành vì nói Phước đức chẳng phải điên đảo, có bài kệ trí tuệ căn bản của Phật chẳng phải công đức điên đảo, do tướng Phước đức cho nên nói lại thí dụ. Dưới đây là nêu Phước đã có, so sánh với Phước kia đều là nhờ Phật tuệ. Vì Mười địa chuyển càng cao siêu, hoặc chỉ nêu Địa thượng thắng Phước , lại tự so sánh công đức thọ trì giảng nói khác nhau, trước đây chẳng phải hạnh Phước tuệ.

Theo văn kinh có bốn: Trước hỏi, sau đáp. Thứ ba là Phật nói lại thành tựu, như nhóm Phước, thứ tư là phá chấp tìm tên. Theo bản của ngài La-thập không có văn nói thành, lại chỉ dùng Phước đức không có văn dưới. Văn luận có hai đầu tiên nêu tên thuộc kinh, kế là theo lời gạn hỏi giải thích . Làm sao có thể đem bảy theo báu đầy theo khắp thế giới Tam thiên ra bố thí. Kinh Đại Phẩm thì Bồ-tát A-bệ-bạt-trí có khả năng đem bảy theo báu đầy theo khắp thế giới Tam thiên ra bố thí. Trong quyển ba mươi tám chép có khi Bồ-tát đem châu báu đầy

khắp theo thế giới tam thiên cúng dường Tam Bảo, huống chi dùng y theo phục, ăn uống đất nước, vợ con, đầu mắt thân thịt, v.v... ra bố thí và pháp thí, vô úy theo thí, tùy hỷ Hồi hướng, cho đến hiếu thảo nuôi nấng cha mẹ, cúng dường thầy bạn, từ bi hỷ xả, Phước đức sánh bằng hư không pháp giới. Nay lại đem bảy theo báu đầy khắp theo thế giới Tam thiên, bố thí hai ruộng Phước bi và kính nêu câu hỏi. Nếu có nhân tu Phước nghiệp từ quá khứ cho nên khó hiểu, e rằng nhân đó tìm cầu Phước đức gọi là khởi chấp, an lập, Phước đức Đệ nhất nghĩa. Dạy theo các Bồ-tát tu Phước mà không chấp đắm, lìa tăng thêm, diệt hai lỗi. Luận của ngài Thế Thân, do Phước đức này nhóm họp là hữu lậu, cho nên Đức Như lai không nói nhóm Phước đức . Lại giải thích ý rằng nếu đạo phần lành nhóm Phước đức tức là nhóm Phước đức , nếu không nói chia nhóm Phước đức thì Như lai không nói là căn bản trí tuệ do Phước phần đạo phần, hoặc có vô lậu khác nhau, cho nên trong kinh nói lại nhóm Phước.

Đại văn thứ ba dưới đây tùy thân hình tốt đẹp cụ túc và tướng cụ túc, nói Phật chuyển sắc ấm y, cho nên được sắc thân tướng tốt Phật địa, dạy theo Bồ-tát cầu tám mươi tướng tốt. Như các kinh Đại Phẩm, Niết-bàn nói "Vô kiến đảnh tướng", là tướng đầu tiên của tám mươi tướng tốt, còn Niết-bàn nói tướng cuối cùng trong ba mươi hai tướng. Nếu y theo theo Đại luận, Địa Trì thì so sánh các tướng công đức vô kiến đảnh tướng là lớn nhất, nhưng các kinh thì nói tướng thứ nhất trong tám mươi tướng tốt. Theo kinh văn đầu tiên hỏi sau đáp, luận sắp xếp rất dễ hiểu, ở đây hỏi có hai ý.

1. Ý nghĩa đối trị hỏi để phá Bồ-tát chấp đắm tướng sắc thân Phật, giúp dùng tâm vô tướng để cầu.

2. Ý theo ý của nói tướng mà hỏi để nói lên thân Phật đầy theo đủ tám mươi tướng tốt, dạy theo các Bồ-tát khởi tâm dục nguyện. Như lai nói sắc thân đầy theo đủ tức chẳng phải sắc thân đầy theo đủ, dẫn kinh Đại Phẩm giải thích tướng tốt của Phật, tám mươi tướng tốt là không nên Đức Như lai nói là phi, như vậy theo vì sao phải hiện tám mươi tướng tốt này . Kinh Niết-bàn giải thích thế gian việc chúng sinh có mười tám tầng trời, mười tám tầng trời đều có từng tướng tốt một, giúp cho cõi nhân kính tin hướng về, Phật vì giáo hóa việc đó cho chúng sinh cõi trời tin vào Phật pháp, cũng giúp cho tầng trời đó dứt trừ tâm kiêu mạn, Phật đối với một thân cõi hiện tám mươi tướng tốt, muốn cho học cầu nên đặt câu hỏi. Ngài Thiện Hiện biết câu hỏi có ý phá chấp, liền an lập sắc thân là Đệ nhất nghĩa, nên nói chẳng phải sắc thân cụ

túc. Cho nên Đức Như lai nói danh sắc thân cụ túc, thành ý Bồ-tát cầu sắc thân Phật, theo tục đế gọi là sắc thân cụ túc.

Thứ tư là nói về danh tướng thân cụ túc, nghĩa cũng giống như tùy hình tướng tốt, đều y theo theo trước giải thích luận cũng rất dễ hiểu. Luận của ngài Thế Thân dưới đây là đoạn văn thứ ba nói về pháp nghi, nghĩa là hai nghi trên là nhân bản tông trước khởi, có bốn điều nghi sau đều lần lượt sinh, y theo theo văn này có ba điều nghi. Nghĩa là có nhân nghi rằng nếu Chư Phật do pháp vô vi mà được tên, vì sao Chư Phật thành tựu tám mươi vẻ đẹp và ba mươi hai tướng tốt mà gọi là Phật? Vì Luận chủ không chấp tướng tốt phân biệt nên chia thành hai môn, Luận chủ Bồ-tát Thế Thân đồng bác bỏ sắc thân có nghi, cho nên hợp thành một. Luận ấy thì thể rốt ráo của pháp thân chẳng phải thân tướng tốt kia do không thành tựu tướng nênchẳng phải pháp thân kia, vì không lìa pháp thân, hai điều đó đều là, cho nên nói lại thành tựu, cũng không hai và có. Vì cái không trong pháp thân kia, tức chẳng thành tựu vì không lìa pháp thân nên nói thành tựu, ngoài ra rất dễ hiểu.

Địa thứ năm là nói danh ngộ đầy đủ là nói ngữ nghiệp của Phật điều mà đã nói là đầy đủ nói, cụ túc là sở nói . Như vậy theo tại sao nói điều mà phật nói đầy đủ, nghĩa là như trước nói sắc thân tướng tốt, trong vô sắc có thể bày theo tướng tốt diệu sắc, lời Phật đã nói cũng vậy. Trong cái vô nói mà nói đầy theo đủ pháp nên luận gọi là ngữ cụ túc, nhưng trong Phật địa nói chung ba nghiệp công đức của Như lai. Đã biết kiến trí tịnh tức là nói về công đức ý nghiệp của Như lai, sắc thân cụ túc nói về công đức thân nghiệp, ngữ nghiệp cụ túc là rõ công đức ngữ nghiệp, tâm cụ túc là nói tâm tạo tác của Như lai, tác dụng nhiều thứ không nói về đầy theo đủ. Luận của ngài Thế Thân thì dứt nghi thứ rằng hai về sắc thân và tướng thành tựu đã không thật có thì, tại sao nói Như lai nói pháp. Vì phá nghi này nên có bài kệ:

"Pháp của Như lai cũng như vậy
Đã nói hai pháp chấp đắm khác
Không xa lìa đối với pháp giới
Nói pháp đều không có tự tướng".

Nghĩa là hiển rõ pháp nghĩa hai thứ lìa chân pháp giới không thật thể đắc tự tướng, giống như luận này . Theo văn kinh có bốn. Một là hỏi, hai là ngăn, ba gạn lại giải thích ngăn lý do, bốn là gạn lại để có rất dễ hiểu, nay chỉ nói không có pháp để nói, không giải thích lý do. Kinh Lăng-già loại tám quyển nói thông nói pháp y theo hai thứ nghĩa.

1. Y theo chứng pháp bên trong của mình lìa tướng ngôn ngữ phân

biệt, lìa tướng danh tự, ta không thấy có một pháp nào để nói.

2. Y theo bực cổ tiên thánh đạo, nay ta chỉ nói theo đạo xưa của Cổ Phật, đạo này thường có, như thú hướng thành đạo, ngoài đạo xưa của Cổ Phật không có một chữ để nói, do đó nói không có một pháp nào để nói nên gọi là nói pháp. Do pháp nghĩa có hai, lại nói nói pháp, y theo theo bản của ngài La-thập thì không có lặp lại.

Thứ sáu là nói về tên tâm cụ túc, Phật có sáu thứ tác dụng tâm cho đến ba nghiệp hành trụ tịnh của Phật, do thân ngữ hành trụ cũng là sự vận dụng của tâm Phật, nên nói chung là Tâm cụ túc. Luận trên xếp văn này lại có sáu, như trước đã phối hợp, đầu tiên nói ba công đức niệm xứ của Phật nên gọi là Niệm xứ. Theo dứt nghi thứ ba của ngài Thế Thân thì như nói Chư Phật nói pháp là không có chỗ nói pháp không lìa pháp thân cũng không có điều gì giúp cho nhân tin pháp giới sâu xa như vậy. Theo văn kinh có hai trước hỏi sau đáp, đầu tiên là y theo hai đế, dùng hai pháp quán không, giả để đáp. Kế gạn lại giải thích thành nghĩa văn luận có ba đầu tiên nêu ra thuộc về kinh, kế là giải thích y, sau giải thích văn kinh. Ở đây nói như niệm xứ của Thế tôn nên nói Phật đối với nhân bán tin, đều như Đức Thế tôn, một niệm bình đẳng, y theo ba nhân nói do đó gọi là ba niệm xứ. Có nhân đời vị lai khai mở phát sinh lòng tin là nói nhân tin lời Phật dạy, không nêu nhân chẳng tin, và tin báng cả hai là cảnh động niệm, cho nên nêu riêng, không nêu nhân trong đó, do trái phiền cảnh tất cả xứ thời hữu. Nay y theo cứ vào nhân nghe kinh vì nói ý luận tức giải thích kinh. Ngài Thiện Hiện hỏi, giải thích kinh có hai: đầu tiên hiểu văn Phật đáp, kế là nhân hiểu Phật muốn tin pháp. Nếu dùng đệ nhất nghĩa quán tánh tướng của chúng sinh đều không, nói đó chẳng phải chúng sinh, gọi là “không quán”. Nếu hoàn toàn không có chúng sinh thì Phật ở chỗ nào mà khởi tâm bình đẳng, y theo tục đế chẳng phải không có chúng sinh luống dối gọi là “giả quán”. Đối với “không”, “Giả” đều không thật có trái nhau cho nên Đức Phật đối với nhân tin và báng đều khởi một tâm niệm bình đẳng. Kế đến gạn lại giải thích thành nghĩa trước, của vô trước luận không giải thích vì dễ biết ý gạn rằng: nói đó chẳng phải chúng sinh lý do gì lại nói phi, giải thích chúng sinh bằng hai nói không - giả, chẳng phải chúng sinh y theo theo đệ nhất nghĩa gọi là chúng sinh y theo thế tục đế. Kế là nói về nhân tin hiểu Phật pháp, nhân này là bậc nhất ít có nói lênđệ nhất nghĩa là bất cộng và tương ưng. giải thích ý này nay nhân muốn tin lời Phật có được lợi ích, tin Phật nói kia chẳng phải chúng sinh, y theo đệ nhất nghĩa để nói nghĩa bất cộng. Tin nói chẳng phải không phải chúng sinh, y

theo tục đế nói về nghĩa tương ưng. Có nhân bắt bẻ rằng bậc nhất ít có các bản đều không có văn nầy, nhưng Phật tuy với nhân tin hoặc báng đều bình đẳng, nay nói tin không đâu chẳng bình đẳng. Luận do ngài Thế Thân soạn thì nói sở nói , nhân nói đều đáng tin, chúng sinh chẳng phải chúng sinh, chẳng phải Thánh chẳng phải không phải Thánh, hai câu trên chính là đáp nghĩa trước, giải thích hai câu hỏi của ngài Thiện Hiện hiểu câu trả lời của Đức Như lai. Đây là nói người đáng kính tin chẳng phải chúng sinh phàm phu nên nói chẳng phải chúng sinh, cho đến bậc Thánh chúng sinh, nói chẳng phải không phải chúng sinh, bản của ngài La-thập thiếu không có đoạn văn này .

Dứt thứ hai tâm là cụ túc, luận gọi là Chánh giác, Phật đắc Vô thượng Chánh giác, Luận của ngài Thế Thân đại văn thứ tứ là bác bỏ nghi có ba dứt : Nghi đức Như lai không được một pháp, gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, làm sao lìa thượng thượng chứng, chuyển chuyển đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Đức Như lai thuở xưa ở chỗ Phật Nhiên Đăng thọ đối với pháp bảo không có sở đắc, văn trên do sinh nghi, hoặc Phật Nhiên Đăng ký sinh ra mối nghi này , đã không có một pháp để đắc tức là lìa tánh chứng pháp trên. Sao lại nói chuyển chuyển đắc Vô thượng Bồ-đề, văn kinh có ba trước hỏi, kế là đáp, sau ấn nói, bản của ngài La-thập thiếu không có văn đáp. Văn luận có hai trước là nêu tên thuộc kinh, sau chánh giải thích có ba, đầu tiên giải thích lời đáp, kế là giải thích ấn nói lược qua không giải thích câu hỏi. Nhưng trong câu hỏi cũng có ý nghĩa nói ba ý tướng - dục – nguyện, y theo nghĩa ý: câu hỏi này phá chấp của Bồ-tát chấp chứng quả Phật vô thượng Chánh giác, Phật hỏi hiển nói tướng thứ hai, ý câu hỏi này là nói tướng Phật Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dục nguyện ý: nay các vị Bồ-tát đối với quả vị Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khởi tâm nguyện ưa muốn, ngài Tu-Bồ-đề đáp vì cũng an lập Phật Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác là đệ nhất nghĩa, trước có đáp thẳng chăng? Kế là nói Đức Thế tôn không có pháp Như lai thì có giải thích được chăng? Cho nên luận giải thích rằng: không có pháp lìa lỗi chấp có, nói Phật không có chút pháp nào để được Bồ-đề, chẳng những nói Phật lìa lỗi chấp có cũng là giúp cho nhân tịnh tâm địa lìa lỗi chấp có. Nếu hoàn toàn không đắc thật ra cũng là lỗi, nhưng vì bịnh thường khởi chấp có. Đoạn này nói riêng Phật lìa cả hai chấp có – không.

Trong giải thích ấn nói, theo văn kinh thì trước ấn chứng sau nói lại ta đối với quả Bồ-đề... là văn nói lại. Luận của Bồ Tát Thế Thân chép. Chỗ kia không có chút pháp nào biết Vô thượng Bồ-đề v.v...,

pháp giới không thêm bớt, tự tướng thanh tịnh bình đẳng có phương tiện vô thượng và lìa hữu lậu pháp. Cho nên chẳng phải pháp tịnh tức là pháp thanh tịnh kia, dùng bốn nghĩa đã giải thích Phật Bồ-đề có nghĩa vô thượng. Một là nói Phật Bồ-đề không có pháp nào để được, vì vậy theo Bồ-đề được gọi vô thượng, hai câu đầu thuộc về kinh rất dễ hiểu. Hai là pháp bình đẳng là Phật chứng pháp giới bình đẳng không thêm bớt lại không có gì trên, gọi là Vô thượng là câu thứ ba. Ba là vì không có chúng sinh rõ pháp thân Phật bình đẳng không khác nhau, lại do pháp vô ngã tự thể chân thật không còn gì trên nên gọi là Vô thượng. Câu thứ tư tất cả pháp lành nói về Phật Bồ-đề có phương tiện vô lượng tu tất cả gốc lành, nên gọi là vô thượng, đều đối với Hai Thừa mà nói vô thượng. Dứt luận thứ hai này văn giải thích kinh ấn nói có hai: nghĩa là Bồ-đề và đạo Bồ-đề, đầu tiên y theo theo quả nói Phật Bồ-đề của có nghĩa vô thượng tức là nêu Bồ-đề, kế là tất cả pháp lành y theo theo nhân giải thích Phật, Bồ-đề có vô thượng giác tức là nêu đạo Bồ-đề. Trong đoạn văn trước có hai, nghĩa là hai lời nói khác nhau, tức là hai ngữ phối hợp giải thích pháp thân và báo thân đúng như nghĩa nên biết. Văn luận có hai: một là nêu hai thứ hai là phối hợp để giải thích , trong ngữ đầu trước lặp lại phối hợp, nói về tự tướng Bồ-đề, dưới là giải thích nghĩa. Tự tướng Bồ-đề trong phần giải thích nghĩa nói lúc Phật chứng Bồ-đề mặc dù được thật tướng các pháp nhưng không phân biệt thấy có chứng đắc, đây là giải thích kinh không thật đắc Bồ-đề, vì tự tướng không thật có. Vì tướng giải thích thoát cũng không thấy có thật thể Bồ-đề, đây là giải thích không thật có. Lìa chướng giải thích thoát tất cả tướng thể không thật có. Theo hai bản của ngài La-thập và bản đời Ngụy theo đều có tướng chung là chẳng có chút pháp nào để, theo bản đời Đường và ngài Chân Đế thì đều không có gì làm đầu, không đắc ở sau. Nếu như vậy theo tức là dùng tự tướng Bồ-đề giải thích không thật có, không thấy có tự thể Bồ-đề, thật có dùng tướng giải thích thoát giải thích vô đắc, vì không thấy có giải thích thoát để chứng đắc. Có chỗ giải thích rằng "không và có" khó được mà được trí vô thượng giác vì không thấy có năng giác tri, "vô đắc" thật tướng sở đắc tuy đắc cũng không thấy có thật tướng sở đắc, phối hợp với luận nên biết, tức kinh Đại phẩm nói vô trí cũng vô đắc, đây là giải thích ý nói . Trong phần ngữ đầu có cả năng chứng sở chứng, ngữ thứ hai chỉ có trí năng chứng. Nếu y theo bản của ngài Chân Đế thì trước chẳng có một pháp nào mà Như lai xả bỏ, nói Phật chuyển y, lúc xả chướng nhỏ nhiệm, không thấy có chút pháp nào để xả, đây là nói tướng Bồ-đề giải thích thoát. Sau

chẳng có chút pháp nào Đức Như lai chứng đắc, nói Phật đắc Vô thượng giác, đối với tất cả pháp đắc tri kiến vô ngại, cũng không thấy năng đắc sở đắc, là nói tướng Phật vô thượng giác gọi là tự tướng Bồ-đề. Thứ hai là giải thích câu Tam Phật-đà , kinh gọi Bồ-đề là có cả cả Hai Thừa và nhân quả nên luận là Phật-đà, chỉ ở quả Phật. Luận có ba:

1. Pháp bình đẳng nói lên Chư Phật đồng có trí Vô thượng giác bình đẳng, vì Chư Phật đồng có trí Chánh giác.

2. Không có cao thấp, nói lên Chư Phật đệ nhất nghĩa của vì có tuổi thọ đồng nhau, không có dài ngắn, hóa thân tùy duyên thị hiện có dài ngắn, thật báo của Chư Phật đồng chứng đệ nhất nghĩa, cho nên tuổi thọ sắc thân thần thông Phước báo đều không có cao thấp, gọi là Giác đẳng.

3. do không có chúng sinh v.v...trở xuống là nói Chư Phật đều không có ngã, ngã sở, đồng sinh tử không có tâm bình đẳng nên gọi là Đẳng giác. Luận này và bản đời Ngụy theo đều thiếu chữ Vô, ngoài ra đều có, vì sao nói hai ngữ.

1. Vì Phân biệt Hai Thừa , Bồ-tát chẳng phải vô thượng.

2. Phá chấp nghi của Hai Thừa , họ nghi Như lai và Bồ-đề không khác. Theo Đại luận, Hai Thừa không gọi là Vô thượng giác, chẳng được trí nhất thiết chủng vì có điều không biết, do Hai Thừa chưa dứt pháp chấp thấy có sở đắc vì ngã, ngã tập chưa dứt, thấy có năng đắc do đương niệm khởi ngã rồi hết, nay nói Như lai không phải như vậy, cho nên Phật Bồ-đề có Vô thượng lời nói.

Nêu do Phật Bồ-đề mà nói quả Phật Bồ-đề có Vô thượng đẳng giác, theo văn kinh có hai: trước là nói lên , sau là phá chấp, luận giải thích theo kinh cũng chia làm hai. Theo bản đời Lương và đời Ngụy theo đều cho rằng tu tất cả pháp lành đắc A-nậu Bồ-đề, là nói lúc nhân Phật đầy theo đủ, tu tất cả pháp lành tròn đầy nên được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề không đồng với người Hai Thừa . Theo kinh Đại quyển thứ ba mươi tám nói tất cả pháp lành là nhân Vô thượng Bồ-đề, ngài Tu Bồ-đề bạch Phật. Thế nào là tất cả pháp lành? Phật nói sáu pháp Ba-la-mật, bốn niệm xứ.v.v... cho đến mười tám pháp bất cộng đều là đạo Bồ-tát hạnh Bồ-tát tu hành, các pháp lành đầy theo đủ rồi, được trí Nhất Thiết chủng xoay theo bánh xe pháp độ chúng sinh, xoay theo bánh xe pháp độ chúng sinh lặp văn lợi lớn, ở đây nói Đức Phật tu tất cả pháp lành, cho nên được Vô Thượng Giác. Nếu theo bản của ngài Chân Đế và bản đời Đường thì tất cả pháp lành đều là hiện chứng, đều là Diệu giác, tất cả pháp lành chép chung về nhân quả, pháp lành

tròn đầy nghĩa là lúc được đạo Vô Gián, tất cả nhân của pháp lành đầy theo đủ, hoặc phiền não nhỏ nhiệm hết, cùng Chư Phật đồng chứng Tịch diệt nhẫn, nên nói tất cả pháp lành đều hiện chứng cho đến khi được đạo giải thích thoát, cái khổ vi tế cũng hết, công đức tròn đầy , đồng với Chư Phật gọi là Diệu giác, nên nói tất cả đều là Diệu giác, nhân quả đều không đồng với người Hai thừa , do đó Phật Bồ-đề có đẳng giác ngữ Vô thượng. Kế là phá chấp, vì có nhân tìm pháp lành gọi là khởi chấp, y theo đệ nhất nghĩa nói pháp lành tức phi thiện pháp. Luận này là an lặp Đệ nhất nghĩa, phá lỗi tăng ích, e rằng sau bỏ không có duyên sinh pháp lành, nên nói theo thế tục là pháp lành, giúp cho lìa lỗi tổn giản. Theo ngài Thế Thân, giải thích các lậu chẳng phải pháp thanh tịnh, trong đây nói thiện tức là pháp thanh tịnh vô lậu, còn thiện pháp không có pháp hữu lậu nên gọi là chẳng phài pháp lành, vì lậu là không nên gọi là pháp lành. Do bản đời Đường lặp lại pháp hai thứ là lành hoặc nhân quả, cho nên lặp lại.

Của Đại văn luận thứ ba trong tâm cụ túc ở dưới gọi là lặp bày theo pháp đại lợi, ở trước nói Phật chứng Chánh Giác, ở đây y chứng khởi nói lập bày chánh giáo làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Theo ngài Thế Thân, dứt hai nghi rằng: Nếu tất cả pháp lành đầy theo đủ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề thì pháp được nói không thể được đại Bồ-đề. Vì sao? Vì pháp sở nói là pháp vô ký, văn kinh có hai, đầu tiên lặp ra kinh này lợi ích cho đại thừa Tiểu thừa, nói lên Phật một đời nói pháp đều làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Kế là nếu ông cho rằng Như lai khởi niệm phá nghi chấp bên ngoài, đoạn trước nêu đại thí nhiều Phước . Nếu người đem Bát-nhã này so sánh nói về chẳng bằng tu một bài kệ lợi ích rất lớn, đầu tiên nói văn có ba:

1. Nêu bố thí được Phước nhiều.
2. Nói tu kinh ít.
3. So sánh lặp ra kinh này lợi ích nhiêu ít? Văn luận có hai: đầu tiên là nêu tên thuộc kinh, kế là tùy câu hỏi giải thích , theo bản mới dịch có mười so sánh, trăm phần không bằng một, tức là tu một phần của một bài kệ kinh này được Phước một trăm phần. Do kia bố thí nhiều được Phước nhiều so một phần trong một trăm phần này còn chẳng bằng một phần, nên nói một trăm phần chẳng bằng một ngàn phần, chẳng bằng một phần. Tu một bài kệ trong kinh Phước bằng một ngàn phần, hợp với thứ ba, thứ tư là nêu ra. Theo thứ ba của bản dịch mới thì một trăm ngàn phần tức trong mười muôn phần cũng chẳng bằng một. Thứ tư là nói một trăm ngàn phần câu-chi, câu-chi tương đương với

ngàn muôn, dùng một trăm ngàn làm số, số tính đến ngàn muôn tức, muôn ức phần cũng chẳng bằng một phần. Phước đại bố thí kia so với Phước tu một bài kệ kinh này trong muôn ức phần cũng không bằng một phần. Theo bản dịch đời Ngụy theo hợp cả ba và bốn nhưng bỏ chữ ức, do đó nói trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần. Ca-La phần tức Địa thứ năm này , Tây theo phương nêu số tên gọi. Theo bản mới Địa thứ năm gọi là Câu-chi na-dữu-da trăm ngàn phần. Một câu chi là một ngàn muôn. Muôn câu-chi là một na-dữu-đa tương đương một ngàn ức dùng một ngàn làm một số, số đến ngàn ức là một na-du-đa trăm ngàn. Lại dùng một na-dữu-đa trăm ngàn làm một số, số đến một câu chi gọi câu-chi na-dữu-đa trăm ngàn, trăm ngàn cai phần. Theo văn đời Ngụy theo không biết vì sao gọi một ngàn cai là ca-la phần. Năm số sau đây chưa thấy chỗ nào giải thích , trong các bản cũng có khác nhau, nên đối chiếu so sánh.

Bài kệ của ngài Thế Thân tuy nói pháp vô ký mà nói là nhân kia, vì vậy theo một pháp bảo còn hơn vô lượng châu báu. Hai câu trên là y theo tông khác để giải thích điều nghi, hai câu dưới là y tự tông, Chư Phật Đại thừa có ba danh – cú – văn, vì chỉ là pháp lành luận mà dứt bỏ dính mắc. Mười địa chép: một là Thinh, hai là chữ Thiện. Còn Luận kia thì mười lớp này so sánh thành bốn thứ thắng, từ loại thứ nhất đến thứ tám là can phần, thứ chín là số, thứ mười là dụ, gọi chung là số thắng. Vì số có giới hạn nhiếp được các số khác, Địa thứ năm Ca-La phần chẳng bằng một, gọi là lực thắng, luận ấy không giải thích (chứng tỏ bố thí Phước không bằng thế lực kinh này), thứ sáu số phần không bằng một gọi là không tương tự thắng, Phước này vô, số Phước kia có giới hạn. Phước này nếu vô số vì sao nói không bằng một. Địa thứ bảy theo là ưu-bà-ni-sa-đà phần không bằng một gọi là nhân thắng, vì nhân quả Phước này vượt hơn nhân quả Phước kia, mặc dù giải thích như vậy theo nhưng chưa thấy lý do. Mười thứ này đều là tên số, vì sao có nói về năng lực cao siêu, có hiển bày sự tốt đẹp không tương tự, có nói về nhân quả tốt đẹp, luận này không giải thích ý. Một phần số càng nhiều thì một phần càng ít, Phước đại thí kia nhiều so với Phước này cũng không bằng một phần nhỏ nhất. Có bài kệ:

"Số lực không tự thắng
Vô tự nhân cũng vậy
Tất cả pháp thế gian
Không thể làm thí dụ".

Thứ hai là phá nghi chấp bên ngoài, nghĩa là phàm phu Hai Thừa

nghe Phật lặp giáo pháp làm nhiều lợi ích cho chúng sinh bèn tưởng rằng Phật có ngã độ sinh, nên nói lên Phật tuy độ chúng sinh mà không nghĩ ta độ chúng sinh. Theo ngài Thế Thân thì dứt nghi thứ ba, cho rằng nếu pháp bình đẳng không có cao thấp vì sao Như lai gọi là độ chúng sinh, vì dứt nghi nên có văn này đồng là một dứt với văn chánh giác ở trước, vì lần lượt thay nhau có nghi sinh khởi, không mê đấm pháp lợi Chánh giác, vì tự lợi lợi tha chứng rồi mới lặp có khác nhau, thật ra không trái nhau. Văn kinh có ba: một là hỏi, hai là ngăn, ba là giải thích kỹ trong câu hỏi dựa vào nghĩa đối trị nói nhiếp trì nhau ở văn trước. Dứt thứ ba trước gạn, sau giải thích , trong giải thích có ba: đầu tiên là bác bỏ nghi của phàm phu là nghi phật nghĩ có độ tha, Như lai nói có ngã lại phá nghi là nghi Phật nghĩ có độ tha, Như Lai có ngã lại phá nghi cho phàm phu. Văn trước có hai: đầu tiên giải thích thuận theo , giải thích trái lại, luận theo sự gạn hỏi mà giải thích , chỉ giải thích phá ngoại đạo, văn nghi có hai: đầu tiên chỉ chung kinh số, an lặp Đệ nhất nghĩa, kế văn giải thích riêng, cũng có ba phần.

1. Giải thích nghi độ tha rằng nghĩ có .

2. Nếu thật vô ngã giải thích v.v...trở xuống nghi tưởng có ngã.

3. Phàm phu phàm phu là giải thích nghi phàm phu, trong phần đầu chỉ giải thích lại văn giải thích, văn thuận dễ hiểu. Chính phá phàm phu nghĩa là lúc Phật lặp giáo độ chúng sinh có tưởng ngã độ, Hai Thừa biết Phật không có tưởng ngã sở nên không sinh khởi nghi này , nên lúc Phật tự nói độ chúng sinh còn không thấy có chúng sinh để độ, làm sao nghĩ là ta hóa độ được? Do đó nói thật không có một chúng sinh nào được Như lai độ. Luận của ngài Thế Thân thì chân pháp giới bình đẳng, Phật không độ chúng sinh, do tên cùng âm kia không lìa pháp giới, như luận ấy giải thích nên biết. Kế là giải thích trái lại, chứng quả Phật không nghĩ là ta độ. Luận giải thích rằng: đức Như lai nhập Niết-bàn như vậy theo nên biết. Đoạn trước thật ra không có chúng sinh nào được Như lai độ. Chữ "Độ" Phật còn như sở chứng mà biết, tuy độ chúng sinh mà không thấy có chúng sinh nhưng nào thật đáng độ. Nếu có chúng sinh nào được Như lai độ thì Như lai có ngã chấp, đoạn này đầu tiên y theo kinh giải thích trái lại. Nếu cho rằng Phật thấy có chúng sinh đáng độ thì Phật lẽ ra đồng với phàm phu, chẳng bằng ông nhập Niết-bàn nên biết. Nếu tin Phật Như lai nhập Niết-bàn như vậy theo nhưng biết không đồng với phàm phu, vì cũng ở cả tin Phật không thấy có chúng sinh đáng độ, chẳng nghĩ là ta độ người. Luận của ngài Thế Thân thì chấp ta độ là lỗi do chấp pháp kia là chấp độ chúng sinh, một câu trên

là chung, câu kế là giải thích, một là giải thích chấp có chúng sinh, hai là giải thích khởi tưởng, đều là phá chấp của phàm phu Phật nói có ngã tưởng. Theo hai bản của ngài La-thập và đời Ngụy theo dường như phá nói ngã, theo bản kinh khác và luận này thì Như lai đều nói ngã chấp tức chẳng phải ngã chấp, y theo đoạn trước chấp khổ này , như Phật nhập Niết-bàn như thế mà biết, không thấy có chúng sinh để độ, cũng nên biết Niết-bàn như vậy theo tướng của ngã là tánh không, tại sao Phật nói chúng sinh phàm phu có ngã tưởng v.v.... Nên luận chép : Nếu thật không có ngã mà chấp có ngã là lìa chấp này . Ngã thủ kinh nói tức chẳng phải thủ v.v..., ngã thủ là ngã chấp Phật, là vì phá chấp ngã cho phàm phu, nói phàm phu vô ngã, chỉ có vọng tưởng chấp ngã. Hai Thừa bèn chấp Phật nói phàm phu có ngã tưởng, vì phá chấp này Phật nói ngã tưởng tức chẳng phải ngã tưởng, nhưng mao đạo phàm phu sinh cho là có ngã, danh từ mao đạo người dịch kinh lầm, tiếng Phạm Bà-la-tất-túc-thác-ngật-na. Bà-La-có hai nghĩa: một là mao, hai gọi là ngu, ý kinh này là chấp ngu si, tất-túc-thát-ngật-na, dịch là dị sinh đều thừa nhận nghiệp khác thọ sinh. Nhân dịch kinh thời đại trước dị sinh do ái sinh là phàm phu nên gọi là phàm phu, nghĩa là chấp ngu ở trước gọi đây là phàm phu. Theo bản mới dịch thì ngu phu dị sinh chân đế gọi là anh nhi phàm phu, luận này gọi là Tiểu nhi phàm phu, anh nhi tiểu nhi đều chấp nghĩa ngu, nói phàm phu Hai Thừa ngu si như trẻ nhỏ, chẳng bằng ngã bốn không có tự thể. Nghe Phật nói phàm phu có ngã tưởng liền tìm tên kia chấp có ngã tưởng, vì phá chấp này nên nói là chẳng phải. Theo bản dịch đời Ngụy, mao đạo phàm phu sinh, kia chấp tu là kẻ ngu như súc sinh, gần là chấp loài mang lông, đều là giải thích, hoặc nghiệp ngu phu dị sinh như thứ lớp, tức Hai Thừa phàm phu vì hai hạng này đồng chấp, luận Duy thức gọi là phàm phu. Theo kệ luận của ngài Thế Thân giải thích là chẳng thủ thủ nên biết, do kia không thật nghĩa, cho nên Như lai không chấp thủ. Nhưng do Phật không chấp tức là chấp thủ trong ngu phu, do vậy theo gọi là không thủ thủ.

Thứ ba là phá nói nghi của phàm phu, nếu Phật không có ngã tưởng, cũng nên không nghi là phàm thánh. Vì sao Phật nói có ngã tưởng gọi là phàm phu, nên Phật phá´ chẳng phải phàm phu. Kinh này phá chấp là tông, e các học giả tìm danh khởi nghi, vì vậy theo Phật theo đó nói pháp để phá nghi, luận này chỉ lặp lại nêu ra ý kinh mà không nêu ra lời giải.Thích Luận của ngài Thế Thân Như lai nói danh phi sinh, không sinh pháp bậc Thánh nên nói phi sinh, giải thích rằng vì vô chủng tánh nên Thánh pháp không sinh, do có Hai Thừa dị sinh

khác nhau, luận này lặp lại kinh, lặp lại phàm phu.

Dưới đây là:Đại văn thứ tư là nói về danh nhiếp thủ pháp thân nói Phật Như lai nhiếp thủ pháp thân để làm thân. Kinh Như lai địa nhiếp ba thân, vô thượng kiến trí niệm xứ chánh giác và không trụ sinh tử Niết-bàn, tuy có ở cả hóa thân pháp thân, xếp vào đại vị nói lên báo thân. Nhiếp thủ pháp thân nói về pháp thân, trong hành trụ tịnh nói về đủ ba thân pháp, ba, hóa, vì như thứ lớp là ba hành trụ hoặc kia chỉ nói lên ba nghiệp Như lai, ngoài ra đều nói về chung báo thân, hóa thân. Luận Thành Duy Thức thì pháp giới thanh tịnh nhiếp tự tánh thân, vì tự tánh thân là bản tánh thanh tịnh, vì không sinh diệt, vì chứng nhân đắc, không thể nói là các vật như sắc tâm v.v.... Trong phẩm Bốn Trí cảnh trí công đức chân thật sinh khởi sắc thân thường biến, thuộc về tự thọ dụng. Phẩm Bình Đẳng Trí hiện thân Phật, thuộc về tha thọ dụng, phẩm thành sự trí hiện tùy loại chủng chủng thân tướng thuộc về thân biến hóa, đầy theo đủ như luận kiã nói. Nay pháp thân nầy tức hai loại đầu đó, nếu có các pháp công đức vô vi đều là pháp thân, ánh sáng vàng vì như như và trí đều là Pháp thân.

Theo ngài Thế Thân thì đoạn lớn Địa thứ năm là phá bỏ nghi ngờ, nhưng cũng có ba: đầu tiên mặc dù tướng thành tựu không thể thấy được Như lai, nhưng vì chẳng phải thể kia, pháp thân Như lai là thể mà pháp thân Như lai do thấy tướng thành tựu, so với trí thì biết pháp thân Như lai từ tướng Phước thành tựu, vì vậy theo có ra đoạn văn này . Trong đây Phật nhiếp thủ hai thứ pháp thân làm thân, văn xuôi và bài kệ nói Phật nhiếp thủ pháp thân chân như làm thân chẳng lẽ do tướng thinh sắc mà thấy. Bài kệ sau nói nhiếp thủ năm phần pháp thân vì tương ứng với pháp thân chân như đắc Bồ-đề, chẳng lấy sắc tướng làm Bồ-đề. Năm phần pháp thân kia tức là phẩm Bốn Trí Thân, trong đoạn văn trước phần đầu là văn xuôi phần, sau là kệ tụng. Văn xuôi có sáu: hỏi, đáp, ấn khả, giải thích ngược, thuận theo tổng kết, sau sinh là văn, có thể hiểu theo bản của ngài La-thập thì chia ra văn và lược. Kệ tụng lại ý của văn xuôi có bốn thứ kệ, kết nghĩa kệ cũng lẽ ra là kinh tụng. Văn luận có hai nêu tên thuộc kinh và giải thích , trong lúc giải thích kinh không giải thích kệ văn xuôi ở trước. Luận Thế Thân thì chẳng phải tướng sắc thân, có thể so sánh biết Chư Phật Như lai chỉ có pháp thân, v.v...chuyển Luân Vua chẳng phải Phật, bài tụng này là trả lời nghi ngờ ở trước. giải thích vua Chuyển Luân chẳng phải Phật, bài tụng này đáp đoạn trước không có nghi, vua Chuyển Luân lẽ ra là Như lai, nghĩa là có nhân nói Phước đức có công năng thành tướng vì quả

báo do thành có tướng thì biết năng lực Phước đức được đại Bồ-đề. Nếu vậy theo thì Như lai do tướng thành tựu đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề vì ngăn điều này nên có văn giải thích ngược và thuận kết. Bài kệ chẳng phải quả báo tướng tốt y theo Phước đức thành tựu mà chứng đắc pháp thân chân thật, vì phương tiện hiện tướng khác nhau, nói lên Phước đức quả báo là tướng khác nhau, chẳng đồng với pháp thân. dùng trì nội chứng tướng khôngkhác nhau, phương tiện mỗi mỗi khác nhau, luận giải thích kinh, trước là giải thích bài kệ.

Nếu như vậy theo Như lai giải thích bài kệ đầu: Nữa bài kệ trên nói như thế nào không nên thấy, nữa bài dưới nói không thể thấy. Nay nói “nếu dùng sắc thấy ta” là phàm phu, Hai Thừa dùng tướng tốt sắc thân quán Phật, “dùng âm thanh cầu ta” là phàm phu, Hai Thừa dùng tướng sắc thân Phật tám thứ âm thanh mầu nhiệm và mười sáu âm thinh trang nghiêm quán Phật. Bốn uẩn của Chư Phật thì phàm phu và Hai Thừa không thể thấy biết. Phật chỉ thị hiện hai tướng sắc thinh giúp cho họ thấy nghe khởi nhân duyên vào đạo, phàm phu Hai Thừa và Tiểu Bồ-tát phần nhiều chấp tướng sắc thinh mầu nhiệm của Chư Phật. Do quán Phật mà dùng tướng này , càng không thể thấy được pháp thân vô tướng. Phật phá chấp tướng sắc thinh, dạy theo họ quán pháp thân chân như của Chư Phật. Vì sao đầu tiên giải thích danh sao không nên thấy, như kia chấp tướng sắc thinh, chỉ thấy tướng thinh sắc luông dối, không nên dùng giác này thấy pháp thân chân như của Phật vì sao chấp chương thinh sắc chẳng thấy pháp thân Phật, vì nữa bài kệ sau nói không thể thấy. Tâm chấp tướng không thể thấy pháp thân Phật vô tướng, vì sao không thấy? luận nói vì chấp các thế đế, pháp thân là đệ nhất nghĩa, chỉ có trí vô phân biệt xuất thế mới chứng hội chẳng thấy sắc nghe tiếng. Vì pháp thế đế thấy cảnh giới sở tri, nhân thực hành đạo tà không thể thấy Như lai, luận giải thích hành đạo tà, gọi hành tà tĩnh, để đắc thiền nói là vắng lặng. Vắng lặng là tên định, chấp tướng Phật bằng thinh sắc mà quán Phật là tu hành chấp tướng tà định, chẳng thể dùng chấp này mà thấy pháp thân Phật, cho nên không thể thấy Như lai. Theo bản đời Đường thì phú-da đoạn , đạo, dứt tĩnh, cả ba đều là tên khác của định, còn pháp thân dứt là dứt tánh, do trí khế chứng gọi là Phú. Nếu quán tướng hóa thân chấp là pháp thân vì chẳng phải chánh chứng gọi là phú tà đoạn, ở trước giải thích ưng là thắng chấp luận là đúng, sau giải thích trái với luận, còn gọi là tên khác của thiền định. giải thích nghĩa tà định, thiền định cũng gọi là tư Duy tu, tư thuộc về ý, ý là tư lương nghĩa, khi muốn nhập định, trước tiên ý suy theo nghĩ

cảnh định, lúc được chánh định gọi là Tu. Cảnh tướng trong định do định thức biến đổi, là định thức sở chấp lấy, tà định là thế tục đế, thuộc ý và thức, chẳng phải trí vô phân biệt của Bồ-tát, vì không thể nhờ đó mà thấy được pháp thân Như lai. Phật nói không thể thấy Như lai. Kế là giải thích bài kệ thứ hai; nói lên nhân duyên đó không nên thấy và không thể thấy, nữa bài trước là nói lên không nên thấy. Nói pháp thân Như lai như vậy theo vì thể mầu của Như lai không nên chấp tướng vô thức của phàm phu Tiểu thừa mà thấy được nên nói thể mầu Như lai là pháp thân Chư Phật. Theo bản văn đời Đường thì có khác, còn bản của ngài La-thập thì thiếu bài kệ sau, theo ngài Chân Đế và luận này thì câu đầu đều dùng pháp ứng thấy Phật, là thuận đảo ngữ ở phương Tây. Nếu thuận với ngôn ngữ Trung quốc thì lẽ ra do pháp thấy Phật, luận giải thích pháp là nghĩa chân như. Tại sao chỉ dạy theo dùng pháp chân như quán Phật, theo kinh thì pháp Đạo sư là thân vì nói Phật đạo sư chỉ có pháp là thân, chỉ nên dùng pháp chân như quán Phật. Có nhân sinh tâm nghi Phật hiện có tướng sắc mầu thinh mầu, vì sao không cho dùng tướng sắc thinh quán Phật. Luận giải thích như duyên sinh ra thân thanh tịnh của Chư Phật, ở đây không thể thấy, chỉ nên thấy pháp, nói chỉ do quán sắc thinh, sinh ra quả Phật sắc mầu mầu thinh. Theo kinh Đại Phẩm thì Chư Phật nói tát-đề-đà-ba-luân, chúng ta không trụ trong sở niệm nghĩa là thân sắc vàng chói sáng rực rở ba mươi hai tướng tốt, là sự sau cùng của pháp thân, nên không thấy được, chỉ nên quán pháp thân chân như Phật, pháp thân chẳng phải chấp lấy tướng tâm sở, do đó luận gọi là như kia không nên thấy.

Kế là giải thích nhân duyên không thể thấy, tức là hai câu ở dưới pháp thể không thể thấy, nói lên pháp thân Phật chẳng phải thô thức sở duyên của phàm phu, Hai Thừa, thức ấy không thể biết rõ thô thức của phàm phu Hai Thừa vì chẳng thấy pháp thân. Hai câu này là nhân duyên không thể thấy lời, luận giải thích lại do nhân duyên gì nên không thể thấy văn dễ hiểu. Vì chẳng phải thật không thể biết, nếu không chứng thấy thật tế chắc chắn không biết. Luận do ngài Thế Thân chỉ thấy sắc nghe tiếng nhân này không thể biết, vì pháp thân chân như Phật chẳng phải cảnh thức, ý giải thích rất dễ hiểu.

Kế là Văn kinh giải thích bài kệ sau, Phật nhiếp thủ năm phần pháp thân tương ưng với pháp thân chân như ở đoạn trước, cho nên được Bồ-đề, không dùng các tướng làm Bồ-đề, cũng không dùng các tướng làm nhân được Bồ-đề. Văn kinh có ba: đầu tiên là hỏi, kế là ngăn, sau là gạn lại giải thích. Theo hai bản của ngài La-thập và đời Ngụy theo

đều thiếu văn gạn hỏi giải thích. Văn luận có hai giải thích câu hỏi bên ngoài, vì lìa chấp đấm, thuộc kinh thành ý này , y theo nghĩa trên phá nghi bên ngoài,luận quyển trước phá hai nghi một, phá nghi chấp các tướng của Phật là Bồ-đề, luận trên giải thích câu hỏi này tướng cụ túc, tự thể chẳng phải Bồ-đề. Hai là bác bỏ nghi Phật lúc còn làm Thái tử đầu tiên đầy theo đủ các tướng làm nhân mới được Bồ-đề, vì vậy Luận cũng không dùng các tướng làm nhân được Bồ-đề, ý trước rất dễ hiểu nên không nêu ra đây, luận giải thích không dùng tướng làm nhân , vì tướng là sắc tánh. Trí Bồ-đề chánh giác tức năm phần pháp thân, là tuệ thân do tu đắc, vì trí chánh giác này chứng pháp thân chân như mới được Bồ-đề. Các tướng là sắc tánh, các pháp không thể chánh giác nên biết các tướng không phải Bồ-đề, cũng không dùng các tướng làm nhân để được Bồ-đề.

Dưới đây là của Đại văn Địa thứ năm luận, gọi là không trụ sinh tử Niết-bàn, nếu theo Nhiếp Luận của ngài Thế Thân thì bi trí giúp nhau gọi là vô trụ, do phân biệt với Hai Thừa phàm phu, nêu y theo Đại Phẩm và ý kinh này thì chẳng những hai hạnh giúp nhau mà còn do Bát-nhã không thấy có sinh tử, Niết-bàn đáng trụ nên gọi là Vô trụ. Văn kinh có hai đầu tiên là nói Bồ-tát không thấy có phiền não để dứt do đó chẳng thấy có Niết-bàn để trụ, nói lên Phật không trụ Niết-bàn, vì sao có văn này? Vì lúc ấy đại chúng nghe Phật chẳng dùng các tướng làm nhân mà được Bồ-đề, bèn chấp Chư Phật đồng với Hai Thừa do dứt phiền não, được trụ hữu dư, xả thân này mới trụ vô dư, vì phá chấp này. Kế là nói Phật không trụ Niết-bàn có ba: trước là hỏi, kế là ngăn, sau là gạn lại giải thích. Bản đời Ngụy theo hỏi: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề nói tướng các pháp dứt diệt, đã nói Bồ-tát không có hoặc để dứt, là lỗi của người giải thích. Nếu theo bản của ngài Chân Đế cho rằng Như lai nói nhân thực hành Bồ-tát thừa có pháp đáng diệt, đáng dứt chăng? thế thì Phật không nói Bồ-tát có hoặc đáng diệt, đáng dứt . Nếu theo bản đời Đường thì hỏi trực tiếp nhân phát hạnh Bồ-tát thừa mới có pháp chút hoặc hoại hoặc dứt, thì ngay theo nơi đó Bồ-tát không thấy có hoặc để dứt, để bỏ. Theo ngài chân đế giải thích thì diệt tức là diệt tập, nói lên trụ hữu dư, dứt là dứt khổ, nói lên trụ vô dư. Nếu thấy có khổ tập để dứt để bỏ thì thấy có Niết-bàn đáng trụ, nay dạy theo Bồ-tát không thấy có khổ tập để dứt để bỏ vi tế không thấy có Niết-bàn để trụ, cho nên đặt câu hỏi.

Văn luận chia làm hai: đầu tiên nêu tên thuộc kinh, kế là giải thích kinh,trong phần giải thích kin, đầi tiên là giải thích không trụ

Niết-bàn, không trụ sinh tử. Nhưng gạn lại giải thích văn nghĩa cũng không đúng, như giải thích trong câu hỏi nên lấy bản đời Đường để quyết định, như pháp sở trụ để thông đạt. Nghĩa là thông đạt Niết-bàn sở trụ không nhất định là thật pháp để có thể trụ. Không dứt sinh tử, ảnh tượng pháp nói về sinh tử huyễn hóa giống như ảnh tượng, tướng ảnh tượng là do thức biến. Dạy theo các Bồ-tát không nên trụ đắm Niết-bàn, cho nên lưu hoặc phiền não giúp cho hiển bày thọ sinh, trụ trong pháp sinh tử ảnh tượng gọi là không dứt, do được Niết-bàn. Mặc dù ở chỗ sinh tử mà được tự tại làm việc lợi ích, chẳng đồng với Hai Thừa hoàn toàn vắng lặng, do đây nói lên không trụ Niết-bàn. Luận của ngài Thế Thân thì dứt thứ hai bác bỏ nghi, nếu chẳng nhờ Phước đức được đại Bồ-đề thì, các vị Bồ-tát như vậy theo mất Phước đức và mất quả báo. Vì bác bỏ nghi này nên có văn, bài chép rằng:

"Không mất nhân công đức
Và quả báo cao quý,
Được nhẫn tốt không lỗi
Do chứng quả vô cấu.
Bày theo tướng Phước đức hơn
Vì vậy theo nói thí dụ
Phước đức không quả báo
Thọ không chấp như thế".

Hai câu đầu giải thích không nói dứt diệt, đối với các pháp đã không nói dứt diệt là nói lên nhân quả đều bất sinh. Hai câu kế biết vô ngã được thành nhẫn, câu Địa thứ năm, thứ sáu giải thích lại thí dụ, hai câu cuối giải thích không thọ Phước đức. Lẽ ra y theo đây phối hợp, luận giải thích dường như sai lầm. Luận của ngài Vô Trước, dứt kinh văn thứ ba dưới đây nói Phật không trụ sinh tử, luận văn có hai: đầu tiên nêu lên gạn hỏi thuộc kinh, kế là giải thích người Hai thừa và Bồ-tát sơ học nghe Phật không trụ Niết-bàn bèn cho rằng Như lai có sinh tử, cho nên gạn hỏi, thuộc về kinh rất dễ hiểu.

Giải thích thích ba nghĩa trong kinh nói: Phật không trụ sinh tử.

1. Nói Phật xa lìa sinh tử là không vì không có pháp ngã chấp sinh tử, không thấy có sinh tử để trụ, không chịu khổ sinh tử tức là bản tánh Vô sinh nhẫn. Luận của ngài Thế Thân vì hai ngã sinh và pháp xưa nay không thật có.

2. Nói Thân Phật không phải do hoặc nghiệp sinh cho nên không chịu khổ sinh tử hoặc khổ vô sinh nhẫn, do chứng chân như nên hoặc khổ diệt.

3. Nói Vì Phật không chấp Phước nên không trụ sinh tử, chẳng có quả khổ sinh tử đáng trụ tức, là tự nhiên Vô sinh nhẫn, vì từ nhân sinh chẳng phải tự nhiên. Nghĩa là gạn hỏi có ba mà văn chỉ có hai, đầu tiên hợp lại nói Phật vô ngã vô sinh, nên chẳng chịu khổ sinh tử. Từ các vị Bồ-tát trở xuống là nói Phật không có nhân trụ sinh tử nên không chịu khổ sinh tử, nay nói đại thí nhiều Phước đây là nói lên không bằng Phước Bồ-tát, tin hiểu vô ngã vô sinh. Tin là tin Phật vô ngã vô sinh, hiểu là tự mình hiểu vô ngã vô sinh, Phước đức tin hiểu ấy còn nhiều hơn Phước đại thí kia. Huống chi là Phật chứng đầy theo đủ Phước trí vô ngã vô sinh bằng với hư không, mà lại chịu khổ sinh tử. Kế là luận dạy theo giải thích ý vô ngã, do Phật thấu đạt pháp sinh tử là không, vì không có ngã pháp sinh tử, chẳng thấy có sinh tử để trụ nên nói vô ngã. giải thích ý vô sinh thân Phật hóa hiện chẳng do hoặc nghiệp sinh, gọi là Vô sinh, cho nên gọi là vô ngã vô sinh. Trên là giải thích văn,kế là hỏi đáp để nói lên ý hỏi rằng Đoạn văn này nói đại thí đa Phước so sánh nói về Phước không nhiều bằng Bồ-tát tin hiểu vô ngã vô sinh. Vì sao nói Phật không chịu khổ sinh tử? Vì phàm phu dùng tâm chấp tướng tu bố thí, giữ giới v.v... được Phước hữu lậu, còn với trời, nhân hướng Phước báo an vui không có các khổ não, huống chi Bồ-tát thông đạt vô ngã vô sinh với tâm vô tướng tu tự lợi, lợi tha Phước đức nhiều hơn vô lượng vô biên mà lại chịu khổ sinh tử ư! Bồ-tát phần chứng vô ngã còn không chịu khổ sinh tử, huống chi Phật chứng đủ hai vô ngã thân cũng chẳng do hoặc nghiệp sinh, sao lại chịu khổ sinh tử. Cho nên biết Phật sống trong sinh tử mà không nhiễm, như bóng trong gương, trăng đáy theo nước.v.v... Phật không có nhân chấp Phước , trụ sinh tử, chẳng chịu khổ sinh tử. đầu tiên dạy theo Bồ-tát không chấp Phước đức , nói lên Phật không có nhân chấp Phước trụ sinh tử, kế là ngài Thiện Hiện hỏi, sau Như lai giải thích .

Theo hai bản của ngài La-thập và bản đời Ngụy theo dịch mất "nhân" trái với sự so sánh nhiều Phước ở đoạn văn trước, vì Bồ-tát không chấp Phước đức. Đã giải thích lý do nhiều Phước, bản của ngài Chân Đế và bản dịch đời Đường đều nói rei6ng rằng Bồ-tát không nên thọ chấp nhóm Phước, luận quyển trước nêu đoạn văn này cũng cho rằng Bồ-tát đối với nhóm Phước không nên thọ, không nên chấp. Lại giải thích vì thọ nói có, chấp là tu đạo kia, nghĩa là lúc tu Phước nói có Phước thể đáng thọ lại chấp Phước đức hay chấp đạo quả lành, dùng tâm này tu Phước là nhân trụ sinh tử. Nay khi dạy theo Bồ-tát tu Phước không thấy có Phước thể để thọ, cũng không thấy Phước nghiệp năng

chấp quả báo lành, trong Phước thể và quả đều không nên mê đắm. Vì vậy theo nói không thọ không chấp nhóm Phước. Kinh Đại Phẩm dạy theo Bồ-tát lúc thực hành bố thí chớ chấp đắm bố thí, vì sao? Vì nếu chấp đắm bố thí thì còn trở lại thọ thân, nếu có thân thì không lìa được sinh già bệnh chất, đâu chẳng phải do chấp Phước nên chịu khổ sinh tử. Đức Phật Thích-ca từ khi gặp Phật Nhiên Đăng đã được vô tướng vô sinh, đến nay tuy thường tu Phước ,không thấy có Phước thể đáng thọ, cũng chẳng thấy có Phước báo lành năng chấp vì không có nhân trụ sinh tử. Phật không trụ sinh tử, luận giải thích văn này nên không nói lại, kế là giải thích câu hỏi của ngài Thiện Hiện, vì Đức Thế tôn ở các chỗ khác nói nên thọ nhóm Phước , nghĩa là các chỗ nói tu trãi qua sẽ được Phước vô lượng vô biên. Vì sao lại dạy theo Bồ-tát không thọ, không chấp Phước đức . Văn giải thích Như lai nói ta không thọ chẳng phải không tu Phước mà mê đắm nên nói thọ mà không chấp. Luận vì phương tiện nên thọ mà không nên chấp, không có nhân chấp Phước trụ sinh tử, nên không trụ sinh tử. Luận của ngài Thế Thân không sinh hai vô ngã tướng nên thọ mà không chấp, nghĩa là khi các vị Bồ-tát đắc pháp nhẫn có thể hai thứ ngã sinh pháp ngã là không, mà đối với hai vô chẳng sinh hai tướng gọi là thọ mà không chấp. Chấp đắm Phước đức cầu quả hữu lậu gọi là thủ, thủ chấp đạo lành này là có lỗi, cũng như chẳng phải lỗi của đạo thiện, như chấp chẳng phải đạo. Nếu không chấp Phước đức lành mà được quả hữu lậu, lúc tu như vậy theo gọi là thọ Phước đức mà không chấp đắm.

Của Đại văn thứ sáu Luận gọi là hành trụ tịnh, ở đây nóĩ ba nghiệp của Phật, hành trụ đều không nhiễm nên gọi là tịnh. Vì sao có văn nầy? Vì giải thích và hàng phục điều nghi nên thành nghĩa không trụ sinh tử ở đoạn văn trước. Phàm phu, Hai Thừa thấy ba nghiệp hành trụ của Phật chẳng khác chúng sinh, làm sao thọ sinh mà không nhiễm? Kế là nói Phật thị hiện hành trụ khác nhau mà không đắm nhiễm, y theo trụ chia thành ba: đầu tiên gọi là oai nghi hành trụ tịnh, thân nghiệp của Phật hiện hành trụ mà chẳng phải hành trụ. Kế là danh sắc quán tự tại hành trụ tịnh, ý nghiệp của Phật quán sinh sắc kia hành trụ tự tại. Nếu Bồ-tát dùng đầy theo vô lượng v.v... trở xuống thứ ba gọi là bất nhiễm hành trụ tịnh, trong đây có nói pháp bất nhiễm, nói lên ngữ nghiệp hành trụ của Phật trôi lăn nhưng không nhiễm, nói Phật đối với tất cả pháp hữu vi ở trong hành trụ tịnh. Luận gọi chung là hành trụ tịnh, nhưng ở trên đã phối hợp ba nghiệp đoạn này đâu khác với, nghĩa là niệm xứ nói chung tâm sở tác nghiệp của Đức Như lai gọi là tâm cụ túc, hoặc tâm lý tánh,

hoặc tâm sự tướng, hoặc báo tâm, hoặc hóa tâm, đều là ở đây nói. Văn tâm lý tánh pháp thân là thể, không tác dụng từ năng chứng nói , ở đây nói ba nghiệp đều y theo theo hóa hiện, vì trí thành sở tác hiện ba nghiệp tức là tác dụng tâm sở của Như Lai. Đoạn trước phối hợp ba nghiệp cả báo thân hóa thân nên khác ở đây, văn kinh trong phần oai nghi có hai. Đầu tiên nêu oai nghi bên ngoài, ngăn phá, kế là giải thích đưa ra lý do. Văn luận có hai: nêu tên thuộc kinh và theo lời gạn hỏi giải thích . Luận của ngài Thế Thân thì dứt thứ ba là phá nghi. Nếu các Bồ-tát không chịu quả báo tại sao các vị Phước đức của Bồ-tát chúng sinh thọ dụng vì bác bỏ nghi nầy nêu văn chia thành bốn dứt :

1. Nói hóa thân bên ngoại lợi ích chúng sinh cũng thọ Phước đức pháp thân không có đến đi, nên không thọ Phước đức .

2. Phá cát bụi là nói pháp thân bên, một hóa thân nhiều.

3. Nếu có nhân cho rằng Phật nói ngã.v.v... trở xuống là nói ngã pháp không thật.

4. Nếu có Bồ-tát dùng đầy theo v.v... trở xuống là nói có vô lượng Phước, có bài kệ rằng:

"Là Phước đức ứng báo
Vì hóa độ chúng sinh
Nghiệp tự nhiên như thế
Chư Phật hiện mười phương".

Bài kệ này là phá nghi bên ngoài, một câu kệ đầu nói về nghĩa không đến đi nói đến đi là hóa thân Phật, Như lai thường bất động, đối với pháp giới chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Nữa bài kệ trên là giải thích nghĩa không đến đi, nữa bài kệ là dưới sinh khởi kinh sau. Nếu có nhân nói: Như lai.v.v... đây là nêu nghi chấp của phàm phu, Hai Thừa. Thấy thân Phật hiện các tướng đi đứng, nghĩa là đồng phàm phu thật ra có đi đứng ngồi nằm thì. Hoặc hóa thân thành đạo gọi là lai, nhập diệt gọi là khứ, nhân này không hiểu, giải thích Như lai để ngăn chấp bên ngoài, Phật chứng chân như thành Phật, trong như Phật thật không có đi đứng, ngồi, nằm. Nếu nhân chấp Phật có đến đi ngồi nằm, họ không hiểu "ngã" ở đoạn trước giải thích nghĩa Như lai. Ý gạn hỏi rằng vì sao không hiểu? Vì Như lai là chân như không có mé trước nên chẳng từ đâu đến, không có mé sau nên không đi đâu, chẳng có chặng giữa cũng không có chỗ trụ, chỗ trụ cũng không có, huống chi ngồi nằm mà thật có ư?

Kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát Tát-đà-ba luận hỏi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt: Chư Phật từ chỗ nào đến và đi về đâu? Ngài Đàm-vô-kiệt đáp:

Chư Phật không từ đâu đến cũng chẳng đi đâu. Vì sao? Vì các pháp "Như", tướng không lay theo động, các pháp như tức là Phật, trong cái như chẳng những không có tướng đi cũng chẳng có tướng đến. Phật vì chúng sinh dùng nhiều duyên đến đi, tướng chấp gọi là Như lai. Phật chẳng đi về đâu cũng không từ đâu đến, nên gọi là Như lai, là nói bốn oai nghi của thân Phật dường như đi đứng mà chẳng phải đi đứng.

Dưới đây là Trong pháp quán thứ hai phá danh sắc tự tại đi đứng nghĩa là dạy theo tịnh tâm địa thực hành quán phá bỏ danh sắc, nói lên Phật phá danh sắc quán đi đứng tự do nên sinh khởi văn kinh. Luận do ngài Thế Thân dịch thì pháp thân có một, hóa thân có nhiều, thân tha thọ dụng cũng thuộc hóa thân, cả hai văn luận đều có ý khác nhau, y Luận chia khoa kinh có hai: đầu tiên phá hai thứ phương tiện của danh sắc thân. Kế là nếu nhân cho rằng Phật nói ngã kiến, nhân kiến.v.v... là nói lúc thực hành hai pháp quán không phân biệt trong phần trước có ba đầu tiên. Phật nêu giới trên làm câu hỏi, kế Thiện Hiện đáp giải thích lại, sau Như lai nói lại thành lời giải thích của ngài Thiện Hiện. Trong câu hỏi của Phật có hai phần: phần thứ nhất nêu hai lớp trần giới, sau đó đặt câu hỏi chỉ nêu phương tiện nhỏ nhiệm để phá sắc thân tự tha, đầu tiên đáp đủ hai thứ phương tiện, nay nói thiện nam v.v..., nhân cầu Phật địa, dùng ba ngàn cát bụi của thế giới, trước dạy theo dùng phương tiện tế tác phá đất ở thế giới Tam thiên thành cát bụi, tức là phá tự sắc thân thành cát bụi, sau dùng từng ấy thế giới như cát bụi làm cát bụi. Phá tất cả sắc thân của chúng sinh cũng là thành cát bụi, do các chúng sinh mê tướng sắc thân của mình khởi ra tướng ràng buộc, ý đó khởi ra các hoặc nghiệp thô nặng thương ghét v.v... lại phá tất cả sắc thân của chúng sinh cũng là thành cát bụi. Trong câu hỏi phá danh sắc ở trước do không có tác ý phan duyên hạn lượng, vì Bồ-tát thường phan duyên tác ý đối với thế giới nói thế giới Tam Thiên đã phá chung sắc thân tự tha, đâu cần phá đất thế giới khác, phá tất cả sắc thân của chúng sinh. Do tin hành địa nhân phá ảnh tượng sắc thân không có phương tiện khéo léo, vả lại phá một thế giới Tam Thiên là phá sắc thân tự tha. Nay nói phương tiện rộng lớn khéo léo của Phật để phá đất thế giới tam Thiên thành cát bụi, tự sắc thân tuy đất phá thành cát bụi lại dùng đất từng ấy thế giới nhiều như cát bụi so sánh tất cả sắc thân của chúng sinh mà phá cũng là thành cát bụi (đây là dựa vào bản văn đời Ngụy theo giải thích theo bản ngài La-thập có hơi khác).

A-tăng-kỳ là nói vô số cát bụi, văn này có bản có, có bản không. Lại hỏi cát bụi nhiều chăng, đâu cần phải tự nói vô số cát bụi, do các

bản thường không có, nên hỏi có hai ý:

1. Nếu không thấy nhiều cát bụi thì không phá sắc thân, là chấp thứ nhất, phải hỏi rõ nhiều cát bụi thành phương tiện tế tác ở trước.

2. Nói lên sắc thân là một phá thành nhiều cát bụi, nên biết cát bụi tuy nhiều nhưng phá thì chẳng phải cát bụi, lại sinh không thấy phương tiện nên sắc thân tự tha là cát bụi, hỏi cát bụi có nhiều chăng?luận của ngài Thế Thân có hai bài tụng giải thích, bài tụng trước giải thích:phá bỏ thế giới nhiều như cát bụi, dùng dụ pháp hóa một nhiều và dụ phiền não hết pháp giới tịnh thanh, bài tụng sau nói cõi là không chẳng phải thật dụ do ba thân là một là khác. Thế giới thành cát bụi thí dụ này chỉ cho nghĩa cát bụi nát vụn nói lên phiền não sinh hết, nữa bài tụng trên nói lên một nhiều, pháp giới xứ chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác, phiền não hết chứng pháp thân nghĩa là thô bụi cõi thành bột hư không, được thể của hai chướng thanh tịnh, tức lầm pháp thân, được trong một nhiều có bốn lớp:

1. Thế giới.

2. Phá giới thành cát bụi.

3. Tính cát bụi thành thế giới.

4. Cõi kia đều là cát bụi, nay là bốn thí dụ.

Một thế giới do nhóm cát bụi mà thành, dụ cho dứt phiền não để thành pháp thân, lại dụ cho pháp thân chỉ có một không có hai pháp Phật chứng. Kế là Phá thành bụi dụ cho tha thọ dụng nương theo pháp thân khởi cho nên có nhiều, tính bụi thành thế giới, dụ cho mỗi cõi có một đại hóa thân, trong quyết trạch vị Bồ-tát chứng đắc, cõi đều là bụi dụ cho mỗi bụi cõi du chọ trăm ức hóa thân. Vì phàm phu Hai Thừa cùng sở kiến, tha thọ dụng và biến hóa thân tùy căn cơ chúng sinh thấy có khác nhau. Như Bồ Tát Sơ địa thấy báo thân Phật ngồi trên đài trăm cánh hoa, mỗi cánh là thế giới tam thiên lượng có trăm ức hóa thân Đức Thích-ca Mâu-ni. Phàm phu sơ tâm và Hai Thừa thấy, giai vị bốn gốc lành gần với Sơ địa chỗ thấy cũng khác nhau, trên mỗi cánh có một đại tổng chủ hóa Phật vương Tam thiên giới. Do đó trong kinh chép một thế giới Tam thiên là một cõi Phật phải chăng? Như thế bao nhiêu gọi là một cõi Phật? nên nghiệm lời sở trong sáu căn của kinh Pháp Hoa để thành lập. Nếu đến địa thứ hai thấy thân Phật ngồi trên ngàn cánh sen, có mười vị Bồ-tát Sơ địa thấy trăm Đức Phật, Bồ-tát bốn gốc lành thấy một ngàn trăm ức cõi nước của đức Thích-ca Mâu-ni, ở đây tùy sự lớn nhỏ. Bồ-tát địa thứ hai thảy theo đều được thấy, cõi trên được thấy cõi dưới,cõi dưới không thấy được cõi trên, nhưng tự thân lượng của Bồ-tát

chỗ thấy với một ngàn cánh tổng chủ lớn nhỏ tương xứng, mỗi địa đều như vậy, y theo đầy theo đủ nên biết. Trong kinh chép ta là đức Tỳ-lô-giá-na (Hán dịch là Thọ dụng) mới ngồi trên toà hoa sen, bao quanh trên ngàn cánh lại hiện ngàn Đức Thích-ca, một hoa có trăm ức cõi, mỗi cõi có một Đức Thích-ca đều ngồi dưới cội Bồ-đề, đồng thời thành Chánh giác. Trên ngàn cánh hoa có ngàn Đức Thích-ca liền biết ngàn cánh mỗi cánh đều có một vị Đại hóa chủ, Bồ-tát bốn gốc lành thấy Phật chứng tướng tốt này . Theo bản ngài La-thập thì bụi cõi chỉ có một lớp, lại thiếu nghĩa trên kế lại, có bài tụng:

"Chẳng nhóm họp nên nhóm
Chẳng phải chỉ một thí dụ
Chỗ nhóm họp chẳng kia
Không dụ khác nhau".

Đây là thứ hai nói bụi cõi không thật, dụ cho ba thân chẳng đồng khác. Nữa bài kệ trên giải thích cát bụi tức chẳng phải cát bụi do thí dụ pháp thân hóa thân chẳng phải một khác, pháp giới là bụi bụi cõi chẳng phải một khác. Pháp thân lưu hóa, hóa pháp cũng không tức lìa ký trần, do dụ hóa thân là nhiều, đâu có thật thể của cát bụi nên lại chẳng phải. Nữa bài kệ sau là giải thích thế giới chẳng phải cõi, phá chấp nhất hợp nghĩa y theo nên biết. Luận ấy văn xuôi đầu tiên giải thích hai câu trên, ba ngàn thế giới như thế dụ tướng hợp nhất của.giải thích hai câu sau. Nhưng nhân phàm phu hiểu bài tụng kế rằng: chỉ theo âm thanh mà phàm phu chấp điên đảo. Theo ngài Thế Thân giải thích một dứt này phối hợp giải thích hơi ẩn khó biết, y theo sự nhân xưa trình bày, giải thích của đều không chỉ ra, Đại sư đã dứt mọi đớn đau, từ cố chưa thành bi chẳng phát ngộ. Vả lại tùy sự thấy quê hèn, nếu dùng phép tắc ngõ hầu có chỗ thấy thông suốt, hy theo vọng sửa đổi quyết đoán.

Trong phần Thiện Hiện đáp văn chia làm hai: đầu tiên phá riêng danh sắc, kế là hai tướng nếu thế giới trở xuống thứ hai là hợp phá hai tướng danh sắc. Trong đoạn trước cũng có hai: phá riêng sắc thân, là nói tướng phần chẳng thật có nói sở thủ là không dạy theo thực hành quán Phật vô tướng. Đức Như lai Thế tôn nói tam Thiên,.v.v... là phá riêng danh thân, là nói kiến thật có phần chẳng là nói năng thủ là không dạy theo tác quán vô sinh, tuy cũng có cả cả sở thủ vì nay đối sắc thân chỉ có sở thủ, từ uẩn thể chứng. Nói năng thủ thâu sở chấp, tướng kiến tức năng sở thủ, hai thủ y theo tha tức tướng kiến. Tùy theo sự thích ứng giải thích đều được, vì sao trước phá sắc thân, có hai ý:

1. Trừ oai nghi hành trụ tịnh ở trước, nghi sở chứng của Phật như,

tuy không có đến đi, tướng sắc thân Phật không có đến đi nên Phật phá bỏ sắc thân ở trước, vì không thành trước thật không có đến đi.

2. Tướng thô thấy tế trước phá tướng phần, tướng phần phá rồi vì thấy không có chỗ nương phá thì dễ nên trước phá sắc, trong sắc có năm. Một là đáp trực tiếp, hai là gạn lại, ba là giải thích ngược, bốn là gạn hỏi lặp lại, năm là dẫn lời Phật trước nói ở thuận thành. Văn luận có hai: đầu tiên nêu tên thuộc kinh, kế là giải thích nghĩa kinh trước, giải thích riêng phá danh sắc, sau hợp phá danh sắc. Trong phần phá bỏ danh sắc chỉ đồng với đoạn trước, giải thích nghĩa riêng, kinh thuộc về phương tiện sau rốt, sau kinh thuộc phương tiện vô kiến. Đáp gạn cát bụi nhiều lại có hai nghĩa: trước nói lại Thế tôn nói cát bụi nhiều, ý thành phương tiện tế tác ở đoạn văn trước nên luận phán rất nhiều lời. Trả lời là phương tiện tế tác, ngài Thiện Hiện nói lại phương tiện tế tác của Phật chẳng phải tự nói. Kế Phật hỏi trần nhiều, ý muốn phá trần là chẳng phải trần không có phương tiện sở kiến, có hai ý này nên đáp là trần nhiều. Lại gạn vì sao đoạn trước nói rất nhiều, thứ ba lại giải thích xếp dứt này vào phương tiện không có sở kiến, luận tránh giải thích ngược có ý nghĩa gì? Nên luận xếp đoạn này vào không có sở kiến phương tiện, luận tránh giải thích ngược có ý nghĩa gì? Phật hỏi cát bụi có nhiều chăng? Chỉ nên đáp thẳng là rất nhiều, vì sao lại giải thích nếu cát bụi thật có Phật thì không nói nghĩa trước. Lời nói này có ý nghĩa gì? Luận tự giải thích nếu trong nhóm cát bụi đệ nhất nghĩa là có, Phật tiền tín hành địa không, nên nói cát bụi chẳng phải cát bụi, trước Phật nói trần tức chẳng phải trần. Nên biết nay hỏi trần nhiều lại muốn nói chẳng phải cát bụi, hỏi trong đệ nhất nghĩa không có tất cả pháp, vì sao nói riêng không có cát bụi? Đáp do phàm phu, Hai Thừa không thể phá cát bụi, hoặc chấp cát bụi là thật, là thường, hoặc chấp trong đệ nhất nghĩa thật có cát bụi là phá vọng chấp này. Nếu nhóm cát bụi trong đệ nhất nghĩa là có Phật thì không nói là cát bụi chúng, thứ tư lại gạn vì sao trước nói trong cát bụi Đệ nhất nghĩa là có Phật thì không nói là cát bụi chúng. Địa thứ năm là dẫn lời Phật ở đoạn trước, thuận theo thành Phật, nói cát bụi chẳng phải cát bụi nên biết hỏi nhiều chăng, lại muốn nói lên chẳng phải cát bụi, vì vậy Luận chép . Đức Thế Tôn nói nhóm cát bụi, gọi là cát bụi do đây tụ thể nhóm không thành tựu nếu khác đây không nói cũng tự biết là nhóm. Nghĩa đâu cần phải nói, Phật hỏi cát bụi nhiều chăng? Nói thể cát bụi là thể không nếu không như vậy thì theo phá sắc thân là nhiều cát bụi . Phàm phu, Hai Thừa đều tự biết là nhiều cát bụi đâu cần hỏi cát bụi có nhiều chăng, biết câu hỏi này là

không có sở kiến phương tiện. Trên đây dùng hai thứ phương tiện phá sắc thân, là nói tướng phần không có sở thủ chẳng có rốt ráo, kế là phá sắc thân kiến phần chẳng có, văn kinh rất dễ hiểu.

Văn luận có hai: Trước là nhắc lại kinh thuộc nghĩa, chỉ đồng với nói trước, kế là nói thế giới chỉ thuộc hữu tình nhưng gọi là thân, nay quán danh thân giới là không, ý nói thế giới là chẳng thật có.

Dưới đây là Đại văn thứ hai của hợp phá danh sắc thân, có cả năng thủ sở thủ vô tướng vô sinh, phá tâm năng thủ giúp bất sinh nen gọi là Vô sinh. Trong văn có ba: đầu tiên y theo trước gạn lại, nếu dưới thế giới thứ hai chỉ nêu ra chấp khác nhau, Như lai nói thứ ba là chánh phá. Nay nói lý do vì sao nương theo trước khởi ra lời trách, vì sao trước nói cát bụi tức chẳng phải cát bụi, thế giới tức chẳng phải thế giới. Kế là thứ hai cũng giải thích lại, chỉ nêu ra chấp thể. Nếu chấp cát bụi và danh thân giới là thật có thì đều là hợp nhất vọng tưởng trong vọng tưởng, nên luận giải thích : hoặc thế giới, hoặc cát bụi thế giới, hai điều này đều là hợp nhất vọng tưởng. Tại sao không nêu sắc thân hợp, nhất tướng, sắc thân phá tướng thô tướng dễ biết, bụi cõi phá tướng tế khó biết nên lại phá, nếu chấp hai thứ này là thật có thì cả hai hợp nhất vọng tưởng chẳng phải chữ tướng. Theo bản mới gọi là nhất hợp chấp, theo bản ngài Chân Đế gọi là nhóm nhất chấp, tức là tám món phân biệt trong luận Trung Biên chấp nhất phân biệt, cũng là Địa trì trong tám thứ vọng tưởng chứa nhóm vọng tưởng tám vọng tưởng là?

1. Hợp vọng tưởng là tham.

2. Không hợp vọng tưởng là sân.

3. Hợp không trái vọng tưởng là si.

Ba thứ này thuộc về phiền não.

4. Ngã vọng tưởng là chấp minh la ngã.

5. Ngã vọng tưởng của, là chấp chúng sinh là ngã sở.

Hai thứ này hoàn toàn là phiền não.

6. Tự tánh vọng tưởng là chấp tự tánh các pháp cũng gọi là tự tánh phân biệt.

7. Sai biệt vọng tưởng là chấp pháp có lớn nhỏ, tốt xấu, v.v..... khác nhau, cũng gọi là sai biệt phân biệt.

8. chứa nhóm vọng tưởng đối với nhiều vật hợp xứ khởi một chấp.

Ba thứ này là tâm phiền não.

Ngài Thiện Hiện biết nhóm danh thân và nhóm cát bụi do nhiều vật hợp thành, đoạn trước tuy khác phá thành không. Sở nhân mới học

còn khởi một chấp nên nếu chỉ chấp danh thân giới và trần là thật có thì hai thứ hợp nhất tướng, luận gọi là hai thứ chuyền thủ, đó là Nhất chuyền thủ và sai biệt chuuyên thủ, triền là nhất hợp, thủ là chấp tướng, nhưng thế giới là cõi danh thân không thể phá một thành nhiều, chỉ là triền thủ cát bụi là khác nhau trong sắc thân. Nhân chấp có cát bụi là sai biệt chuyên thủ. Luận do chấp cát bụi nhóm họp, ý ngài Thiện Hiện là phá hai chấp này , đầu tiên chỉ hai chấp đều là nhất hợp trong tám thứ vọng tưởng. Thứ ba là dẫn đoạn trước phá bỏ nhất hợp tướng, tức chẳng phải chuyên thủ gọi là an lặp đệ nhất nghĩa, an lặp nhất hợp tướng là đệ nhất nghĩa. Nhất hợp tướng y theo tục đế giả nói là nhất hợp tướng.

Đại văn thứ ba của, đức Như lai nói lại thành tựu lời giải thích của ngài Thiện Hiện lý cũng hợp nói phá riêng danh sắc, do kế là hợp phá danh sắc, riêng nói lại thành ý sau: thế đế có chuyên thủ đệ nhất nghĩa nên pháp kia không thể nói. Trong đệ nhất nghĩa không có chuyên thủ đáng nói, nhưng phàm phu Hai Thừa không biết nhất hợp tướng không tìm danh gượng chấp. Cho nên luận dẫn kinh chép tiểu nhi phàm phu kia như nói năng chấp, chẳng phải đệ nhất nghĩa. Luận ngài Thế Thân chỉ theo âm thinh phàm phu chấp điên đảo là giải thích văn này .

Đại văn thứ hai của nói lúc khởi hai pháp quán không phân biệt, dạy theo lúc nhập tương ưng tam-muội vô phân biệt, đầu tiên nương đoạn trước khởi ra lời gạn hỏi, nếu nhất hợp tướng tức chẳng phải nhất hợp tướng, chỉ là phàm phu tùy chấp, tức ngã kiến.v..v... là kiến lẽ ra cũng chẳng phải kiến. Vì sao Phật nói phàm phu có ngã kiến, biên kiến, v.v.... luận này trùng với kinh, bản ngài La-thập không có văn gạn hỏi, kế phá nói ngã kiến. Trong văn có ba đầu tiên là hỏi, kế là đáp, sau Phật là nói lại thành tựu cũng là kiết khuyên Bồ-tát, tất cả pháp nên thấy biết tin hiểu như vậy. Văn luận có hai đầu tiên giải thích phương tiện đẳng chí, kế là nói không, nói dục nguyện và lý do phương tiện, đầu tiên là kiết, đoạn trước đã nói theo rõ sau chưa nói, kế là nêu câu hỏi có bốn môn, sau tùy lời nêu phối hợp giải thích . Đoạn trước là phá chung, phá riêng tác quán vô tưởng vô sinh, đều là không cố sở kiến phương tiện nên nói đã nói, chưa nói tịnh tâm. Lúc nhân địa chứng chân tục tương ưng tam-muội vô phân biệt, trong phần phối hợp giải thích, trước là phối hợp giải thích văn này, sau nêu các trụ xứ, đầu tiên là hỏi và đáp nói lên như chỗ không phân biệt. Bồ-tát phát tâm là nói la nói nhân nào không phân biệt, đối với tất cả pháp nói về pháp nào không phân biệt. Thứ tư là phương tiện nào chung câu hỏi đáp ở trước và pháp quán sau thấy biết tin hiểu đều là không phân biệt phương tiện. Cho

nên hỏi đáp đã nói: Quán Bồ-tát như thế cho đến quán sát pháp này là nhập phương tiện.

Thế Thân tự trở xuống là đại văn thứ ba của nói ngã pháp không thật, bài kệ ấy chép chẳng phải không có hai pháp đắc đạo, xa lìa ngã pháp, không có pháp ngã này , hai thứ mà đắc Bồ-đề, ắt lìa hai chấp này , vì phương tiện đắc Bồ-đề. Bài kệ này giải thích chung ý văn của một bộ, của vô đấm luận, đầu tiên là giải thích vì sao không phân biệt, đầu tiên hỏi khởi chỉ đáp, sau giải thích văn thích kinh có ba: đầu tiên nhắc lại kinh để phối hợp, kế là hỏi đáp giải thích , quán sát như vậy theo kết chung phương tiện. Vì dùng phương tiện nào cũng chung nên dùng câu hỏi đáp này . Trong phần giải thích câu hỏi đáp, ý hỏi: vì sao nói về như chỗ không phân biệt, nghĩa là Phật tuy nói phàm phu có các chấp ngã nhân v.v..., biết các chấp thể không, không nên như lời Phật dạy theo khởi chấp có phân biệt. Nếu như vậy theo tại sao Phật nói phàm phu có các chấp ngã nhân, v..v..... Luận giải thích như ngoại đạo nói ngã, Như lai nói là ngã kiến nên an lặp nhân vô ngã. Theo kinh thì như nhân ngu phân biệt của thì, ngoại cảnh, thật ra đều không tập, khí khuấy dục tâm, cho nên dường như bị chuyển. Phật vì phá phàm phu ngoại đạo nên nói có ngã, Phật nói phàm phu chỉ có chấp ngã vọng kiến, thật ra không có ngã. Kinh Hoa Nghiêm vì đối trị dứt trừ kẻ ngu chấp pháp thật ngã của, đối với cái do thức biến ra, giả gọi là ngã pháp. Nay Phật nói ngã bị chấp là không, chỉ giả nói có ngã chấp kia, giống như nghĩa đó. Phật nói phàm phu có ngã kiến, vả lại vì thành lặp lý nhân vô ngã, nội phàm Hai Thừa nghe Phật nói phàm phu các chấp nhân ngã.v.v... của lại chấp Phật nói có nhân ngã chấp đây là pháp chấp. Nay trong kinh Niết-bàn này Phật đều phá các chấp phân biệt của phàm phu Hai Thừa nói lên các chấp thể không, nên hỏi ngài Thiện Hiện ý luận giải thích câu hỏi này Phật vì phàm phu Hai Thừa nói có ngã kiến muốn nóĩ ngã kiến thể không, nói pháp vô ngã nên đặt câu hỏi này .

Luận Thành Duy Thức chép:vì nhập ngã không nói sáu mươi hai pháp, còn Luận Duy thức quyển hai mươi y theo giáo này năng nhập sác thủ thú vô ngã. Sở chấp pháp vô ngả lại y theo các giáo nhập vào pháp không, như vậy theo các văn đều đồng lời nói này. Văn đáp có ba: đầu tiên trả lời trực tiếp, kế lại gạn hỏi, sau dẫn lời Phật̉ giải thích. Đoạn trước Phật thành lặp lợi ích lớn nói ngã tưởng tức phi ngã tưởng, kia chấp Phật nói ngã kiến, chẳng phải là lời nói đúng. Nếu có ngã kiến thuộc về ngã sở, nếu chấp có ngã kiến lại thuộc về pháp chấp vì chướng nhập tương ưng tam muội. Phật dạy theo quán ngã kiến tức

chẳng phải chấp. Luận của ngài Thế Thân thì chấp ngã tức chẳng chấp không thật, chấp luống dối, đây là chướng nhơ nhiệm xa lìa chân như. Đây là nói chấp ngã, chấp vốn không chấp ngã, do không thật thể chỉ là vọng chấp, ngã kiến không thật thể, nhưng pháp chấp cũng vậy. Vì lúc chứng chân như không thấy có hai ngã là chướng nhỏ nhiệm, lại được xa lìa nên biết hai chấp này gọi là không chấp. Ý luận ấy nêu pháp sinh loại chấp tức chẳng phải chấp cho nên phối hợp văn này nhân đọc nên xét kỹ, văn luận thứ ba ý kết chung phương tiện trước dùng văn, tư, tu tuệ, suy theo ra thể của chấp ngã vốn không chẳng khởi các chấp phân biệt mới được nhập vào tương ưng tam muội do đó nên quan sát để nhập phương tiện.

Đoạn văn thứ ba Phật nói lại để thành tựu cũng khuyên người thực Bồ-tát hành thừa, y theo ngã kiến, chẳng phải kiến cũng nên thấy biết tin hiểu tất cả pháp chẳng phải pháp như vậy. Đầu tiên nói lại thành tựu, kế phá chấp tìm danh, Bồ-tát phát tâm Năng Đoạn của chân đế và luận này đều nêu, nhân phát hạnh Bồ-tát Luận phát hạnh Bồ Tát đây là nói nhân nào không phân biệt đáp câu hỏi thứ hai ở đoạn trước. Hành Bồ-tát thừa không nên phân biệt như vậy, đối với tất cả pháp nói pháp nào không phân biệt? ý nói đối với tất cả pháp đều không phân biệt, chẳng phải chỉ ngã chấp v.v... phải nên thấy biết mà tin hiểu như vậy, để đáp thế nào là phương tiện thứ tư. Nay y Luận giải thích như chỗ không phân biệt rồi, quán sát như thế, mà nhập vào phương tiện. Do đó nên biết phương tiện có ở cả ba nghĩa ở trước. Thấy biết tin hiểu theo kinh có ba; luận chia thành hai là định tuệ học tức tâm trí, với hai thời tu, giới vô lậu đều gọi là giới học, vị vô phân biệt nên lược không nói, nếu vậy theo tại sao thành ba câu thấy biết tin hiểu. Luận chép: tri kiến thắng giải thích trong vô phân biệt, ý nói lúc tu vô phân biệt định tuệ riêng tu thành hai, hợp tu nhập quán là một nên có ba câu. đầu tiên nói nên biết như vậy, đây là dạy theo lúc tu định nên biết các pháp chẳng phải pháp. Luận nói là hoặc trí là nhân trí tu vô phân biệt, y theo chỉ Xa--ma-tha. Là lúc tu định gọi là trí phẩm, nhân tu vô ý nói phân biệt, nếu tu định và y theo định khởi mắt trời, v.v... Khi quán các pháp nên biết định tâm định cảnh và pháp sở tri đều chẳng phải pháp, như trước ngã kiến chẳng phải kiến, do đó nói nên biết như vậy, nên thấy như vậy. Luận y theo chỉ Tỳ-bát-xá-na quán chung lý sự, nếu Bồ-tát dùng trí tuệ khi quán các pháp cũng nên thấy rõ các pháp là chẳng phải pháp, như trước ngã kiến chẳng phải kiến. Nên dùng pháp quán tuệ như vậy theo nói không đồng với định trí tuệ gọi là kiến, hai pháp này trong giai vị Gia hạnh,

định tuệ tùy tăng tu, hai mươi pháp đều chưa tu. Nên tin hiểu như vậy, giữ cả hai tâm định tuệ, lúc chánh nhập chân quán thì hiểu. Luận rằng: hai pháp này vì y theo chỉ tam-ma-đề cho nên thắng giải, lúc bấy giờ hiểu đúng các pháp chẳng phải pháp, đây là chứng tín thời giải, do đó kinh gọi là tín hiểu. Luận nhiều hơn tri kiến thời giải thích ở đoạn trước nói, nên gọi là thắng giải. Theo Vô Tánh Nhiếp Luận của gọi là pháp giới, nội chứng tương ưng mà khởi ra thắng giải thích thế nào là thắng giải? Luận chép: do tự tại đối với tam-ma-đề, đây là y theo lúc nhập chân quán lìa chấp tướng chuyển nên gọi là tự tại. Giải tiền chấp tướng giải thích nên gọi là Thắng giải. Vì sao gọi là thắng nội phan duyên ảnh tượng kia gọi là thắng giải? y theo lúc nhập tục quán, giải thích thức nội pháp như ảnh tưởng v.v... gọi là thắng giải thích luận. Nhắc lại kinh để kết luận: hiểu biết như thế rồi mà không trụ pháp tưởng là nghiên cứu sưu tầm các bản đều không có văn kết, chỉ có luận này trùng với kinh có một câu này . Kết ba câu trước, kết ba nghĩa trước suy theo ra thế lực của đoạn văn này cũng có chỗ vô ngãi mà chẳng trụ pháp tưởng. Lúc được thắng giải thích này với tất cả pháp không trụ trước tưởng như với tưởng ngã kiến trụ phi kiến, nên Năng Đoạn chép: như không trụ pháp tướng. Bản của ngài La-thập chép: bất sinh pháp tưởng thì không khởi chấp đắm nhưng thiếu chữ "Như". Ở Đây không trụ tưởng chính là nói lên vô phân biệt, trước hai tri kiến ở là gia hạnh, hoặc tri kiến thắng giải thích ba loại đều thuộc phương tiện. Chánh không trụ pháp mới là hai trí căn bản và hậu đắc cho nên, luận nhắc lại kinh kết luận giải thích , hiểu biết như thế rồi không trụ pháp tưởng đây là nói về vô phân biệt. Luận của ngài Thế Thân giải thích ba câu rằng: hai trí và tam muội được xa lìa như vậy, nghĩa là trí thế gian xuất thế gian như luận chép tri kiến, vì cả hai đều nương tam-muội gọi là thắng giải thích vì chấp pháp năng phục và dứt ngã gọi là xa lìa. Thứ hai là phá chấp tìm danh, Phật dạy theo không trụ pháp tưởng vì có pháp tưởng để trụ, sau an lặp pháp tưởng là Đệ nhất nghĩa, phá lời tức chẳng phải pháp tưởng, chẳng phải pháp là nghĩa bất cộng đó gọi là pháp tưởng là nghĩa tương ưng, đều y theo đoạn trước để giải thích .

Đoạn văn lớn thứ ba gọi là bất nhiễm hành trụ tịnh có hai: đầu tiên trong văn xuôi nói Phật nói pháp bất nhiễm, kệ kế văn chép : Phật ở trong trôi lăn mà bất nhiễm. Do đại thí nhiều Phước so sánh thì Phước nhiều chẳng bằng nói pháp bằng tâm vô nhiễm, Phật dùng tâm vô nhiễm muốn cho những nhân nói pháp học theo Phật bằng tâm vô nhiễm nói pháp. Tại sao vì nhân hỏi đáp giải thích tướng nói pháp

không nhiễm, nêu đại thí Phước nhiều và nhân thiện nam dùng Phước nhiều đó để so sánh nói pháp mà tâm vô nhiễm. Văn luận có hai: đầu tiên nêu tên gọi thuộc kinh, kế là giải thích nghĩa văn theo đoạn trước xếp vào kinh cũng có hai dứt nghĩa nói lên dễ biết, vượt hơn Thiên vương Bát-nhã, Phật tự hai nghĩa giải thích bằng :

1. Dùng tài thí có hết, còn pháp thí vô tận, ở đây nói khi thực hành bố thí tiền của có giới hạn nên thí thì có hết, pháp vô hạn nên nói bất tận.

2. Vì tài thí chỉ được quả báo thế gian, thuở xưa đã được mà đã đọa lạc, nay lại được chắc chắn lại mất đi. Nếu bằng tâm vô nhiễm nói pháp chưa được thì, chắc chắn sẽ được Đại Niết-bàn, đã được thì không mất, tự lợi lợi nhân không bao giò cùng tận, nói đắc quả thời gian khác nhau. Văn Đại luận thì tài thí có được quả khác nhau, đắc nghiệp quả cõi Dục, đắc hệ quả trong hai cõi, pháp thí đắc quả vô lượng đắc quả hệ bất hệ trong ba cõi văn đó căn theo hữu tướng tài thì đối trị pháp thí. Nay đây kiến trí tịnh v.v...trở xuống:là, chỗ nêu Phước đều thí vô tướng quả cũng vô lượng, nhưng so sánh pháp thí, pháp thí cũng hơn Phước đức , trí tuệ gọi là dẫn đường. Vì chính đạo pháp Phước là trợ giúp, có lợi ích to lớn lao này , do đó Phật khuyên tu. Luận thì có lợi ích lớn như vậy, quyết định giảng nói mà không đắm nhiễm, thọ trì đọc tụng là nhân nói pháp. Theo cho nên gồm nêu Luận của ngài Thế Thân thì hóa thân thị hiện Phước đều là Phước vô tận, tuy tác nghiệp hóa thân Phật, mà lúc nói pháp có Phước vô tận, khuyên nhân học tâm bất nhiễm. Trong phần hỏi đáp có hai ý:

1. Hỏi vì sao giảng nói cho nhân nghe Phước nhiều hơn đại thí?

2. Hỏi vì sao giảng nói cho nhân nghe mà không gọi là giảng nói? Phật tự giải thích không giảng nói gọi là giảng nói. Theo bản dịch đời Ngụy theo tạo tác mà không gọi là giảng nói và theo bản mới đều viết chữ “Như”. Nói giảng nói mà như không giảng nói có hai nghĩa:

1. Quán năng nói, sở thuyết thể là không tuy thường giảng nói như không giảng chép: Nên luận chép không thể nói năng cho nên chẳng giảng nói, pháp đó có tự thể thể nói nên giảng nói như vậy. Nếu khác đây thì là nhiễm nói, vì điên đảo, nếu không quán nói thể không thì do chấp tướng tâm nói vì đều nhiễm nói. Theo ngài La-thập không chấp tướng như như bất động, nghĩa là lúc nói pháp như chứng chân như, xa lìa do động, tức các bản khác nói, như không giảng nói.

2. Với tâm danh lợi giảng nói thì tuy hằng nói mà như không giảng nói, cho nên. luận chép : lúc nói như vậy theo không tham cung

kinh cúng dường v.v. cũng là nói pháp không đắm nhiễm. Nhưng Phật đối với cuối kinh này nói pháp vô nhiễm, chẳng những nói lên Phật vô nhiễm trong nói pháp mà Phật cũng dạy theo nhân đời sau dùng tâm vô nhiễm. Theo ngài Thế Thân thì lúc Chư Phật nói pháp chẳng nói hóa thân, do không nói như vậy, cho nên kinh ấy nói là lúc Phật nói pháp chẳng nói ta là hóa thân gọi là không giảng nói đây là ý riêng.

Trong pháp trôi lăn bất nhiễm không trụ sinh tử, Luận cũng gọi là không trụ trôi lăn, trước nói chung Phật không trụ sinh tử. Do đạt pháp vô ngã, trong đây nói riêng chín thứ quán hạnh nói lên bất nhiễm, trôi lăn thành ra nghĩa không trụ sinh tử ở trước. Lại giải thích tuy Phật nói không thấy có sinh tử để trụ, nào ngăn ngại sinh tử là có, chín thứ quán Phật pháp sinh tử đều luống dối như mất nhậm v.v... Phật tuy ở sinh tử, sinh tử không thể làm nhiễm ô gọi là trôi lăn bất nhiễm. Luận do ngài Thế Thân dịch đại văn thứ sáu dưới đây là giải thích nghi rằng nếu Chư Phật, Như lai thường nói pháp cho chúng sinh, vì sao nói Như lai nhập Niết-bàn, nghi hóa thân có đến đi, pháp thân không có đến đi. Hoặc khởi nghi chẳng bằng giảng nói, nếu hiểu như vậy theo thì là dứt Địa thứ năm, không khai riêng ra dứt thứ sáu vì dứt nghi này nói chín pháp quán, có bài kệ rằng:

"Chẳng hiểu vì chẳng lìa
Các Như lai Niết-bàn
Chín thứ pháp hữu vi
Vì chánh quán diệu trí".

Đây là nói Chư Phật được Niết-bàn nên không trụ sinh tử, thị hiện làm lợi ích thế gian nên không trụ Niết-bàn, pháp thân thường trụ nhập vào Niết-bàn. Hai câu trên là đáp nghi, hai câu dưới là hóa thân thị hiện thực hành thế gian mà không trụ pháp hữu vi, dùng pháp hữu vi thành chín pháp quán. Bài kệ trong kinh này chia làm ba: câu đầu nêu chung pháp hữu vi là cảnh sở quán, hai câu kế là dùng chín thí dụ dạy theo quán chín pháp hữu vi, một câu cuối kết khuyên tu hành. Kinh Năng Đoạn chép các hòa hợp sở vi nghĩa là nhân duyên của bốn tướng hòa hợp, sinh trụ gọi là sở vi, thể vô lậu hữu vi cũng dời đổi. Hai Thừa nhàm chán nên dạy theo bất nhiễm, hoặc chỉ hữu lậu là sở vi của phiền não, gọi là hữu vi. Hữu tình chìm đắm tạp nhiễm sinh tử dạy theo họ chớ đắm nhiễm nên thực hành chín pháp quán, ngoài ra như lời giải thích thích trong quyển trước của Đại sư.

Tháng năm mùa hạ Khách Tuế, kinh Kim Cương Hội Thích toàn bộ ba quyển mượn được tàng bản ở viện Long Tùng diện Đại Phật

khuyến tấn chùa Đông Đại ở Nam Kinh, thấm thoát đã qua năm nay, Ngày năm tháng giêng mùa Xuân năm Bính Tý niên hiệu Văn Hóa thứ mười ba, kính ghi.

Thuận Nghệ Chí thông thứ ba mươi hai, cùng trong một năm hiệu đính lần thứ nhất vào Ngày mười chín tháng sáu vào mùa hạ, đến Ngày hai mươi mốt xem xét lại, Ngày hai mươi ba xem lại lần thứ ba, không sai một chữ.

Ngày mười bảy tháng tám năm Kỷ Mão niên hiệu Văn Chánh năm thứ hai mượn được một bản trong tạng thuộc viện Long Tùng ở Nam Kinh, hợp lại hiệu đính. Cùng năm vào Ngày hai mươi bốn tháng mười hai mùa Đông năm Tân Tỵ thứ tư xem xét lần thứ hai. Đến Ngày tám tháng bốn mùa Hạ năm Nhâm Ngọ Địa thứ năm hiệu đính lần thứ ba.

Hội thích ba quyển, một quyển trước chỉ giảo nghiệm Long Tùng hai bản tạng vào tối hai mươi tám tháng tư năm Nhâm Ngọ niên hiệu văn hóa năm thứ năm ở Lạc Đông cương kỳ khách xá đã thành công.

Thích Thuận Nghệ xuân thứ hai mươi tám.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 146

NÓI SƠ LƯỢC KHEN NGỢI MỘT BÀI TỤNG SAU CÙNG TRONG KINH BÁT NHÃ

SỐ 1817

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1817

NÓI SƠ LƯỢC KHEN NGỢI MỘT BÀI TỤNG SAU CÙNG TRONG KINH BÁT-NHÃ

Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh Đời Đường soạn

Sư Nghĩa Tịnh nhân lúc dịch và giải thích xong bài tụng Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước, có giải thích chín dụ của Đại sĩ, có thể nói văn tụng rất sâu xa, nghĩa lý mầu nhiệm ngắn gọn, bản thân sư mà không vui, thì ai phát được minh tuệ đây?Nhưng sự tướng Thừa ở Tây Vực nói: Bồ-tát Vô Trước xưa ở tầng trời Đỗ-Sử-đa chỗ Đức Từ Thị, đích thân thọ tám mươi bài tụng, giảng nói pháp yếu Bát-nhã, thuộc về nghĩa lý của tông Du-già, nói˜ nghĩa Duy thức, bèn cho dạy lưu truyền ở Ấn độ, các vùng như Diễm-hách Phù-tang ở Kim Ô, nghĩa lý được mở mang ở Thần Châu, đồng với ánh sáng của thỏ ngọc trên đỉnh núi.

Nhưng kinh Kim Cương Năng Đoạn, bên phương Tây mới có giải thích nhiều, mà khảo sát đầu tiên về Kim Cương thì bài tụng nầy có đầu tiên, nên chính Đại Sĩ Thế Thân giải thích bài tụng nầy. Tuy ở Thần châu đã dịch xong, mà nghĩa dường như còn thiếu, nên ngài Thế Thân nghiệm xét hội hợp bàn luận, nói lại lý mầu ấy, rất phù hợp vừa ý. Lại dịch ra kinh nầy, Bồ-tát Thế Thân giải thích nghĩa bảy môn Bát-nhã, mà ở chùa Na-lan-đà truyền bạ́ luận ấy rất thạnh hành, nhưng người tìm đầu mối u huyền đối với nghĩa khó mà suy lường được.

Bấy giờ, có Pháp, sư Sư Tử Nguyệt soạn lời giải thích luận nầy.

Lại có danh sĩ học rộng ở Đông Ấn-độ tên là Nguyệt Quan, Ngài xem xét hết các nhà dịch cũng giải thích nghĩa cho họ, ý của các nghĩa nầy đều phù hợp với ba tánh, nhưng khác với Trung Quán. Lại có giải

thích riêng, nhưng thuận theo ngài Long Mãnh, thì không khế hợp với Du-già. Du-già thì chân có tục không có, ba tánh làm gốc, Trung Quán thì chân vô tục có, thật hai đế làm đầu, đại tông Bát-nhã bao gồm hai ý nầy, cho đến Đông Hạ thì đạo chia ra Nam Bắc, phương Tây thì nghĩa tánh riêng có không, đã biết chia ra giềng mối, lý không xen lẫn, đều y theo ý chỉ bậc Thánh, thật khéo cạnh tranh trái ngược, nhưng một bài tụng cuối cùng chép:

"Tất cả pháp hữu vi
Như sao băng đèn huyễn
Sương mộng, bọt điện mây
Nên tác quán như vậy,

Mà văn giải thích đã ẩn ý, e cho người sưu tầm còn mờ mịt, do mươi tám việc dụ, nhờ làm mười tám đề, trông mong sứ triều xem xét, ngõ hầu tiêu dứt lưới ngăn trệ của Tiêu thần, đích thân được thọ ký trong đêm, không bao giờ có việc đè kiếm, nhưng chín việc như thấy v.v... tức cõi sinh tử. Bậc Đại Sĩ hiểu rõ như các ngôi sao, cho nên ở mà không đắm, trí không trụ bến mới, sánh bằng nước động của sen hồng, thương xót thay không ở chỗ viên tịch, như bị chìm ngọc trắng, do đó đáp Niết-bàn Vô Trụ trình bày chín dụ rằng.

1. Nói về thấy.

Quán thấy như sao trong đêm dài vọng chấp.

Tâm thấy cảnh đêm dài.
Vọng chấp tối lâu dài.
Ba tâm vừa mới phát.
Hai phần thảy đều trừ.

2. Dụ sao.

Sao dụ cho thấy đâu mà có sáng không.

Cây sao cảnh suốt đêm.
Sắc liễu sáng dịu dàng.
Nếu ngàn tia sáng phát.
Sáng mai thảy đều trừ.

3. Nói về cảnh.

Cảnh đạo như nhặm mắt vọng thấy hoa đốm trong hư không.

Cảnh sắc đều chướng ngại.
Vọng thấy có bụi trần.
Chỉ do sức chân trí.
Không còn thấy hoa cuồng.

4. Dụ mắt nhặm.

Dùng mắt nhặm để dụ cho cảnh vốn không, không nên vọng chấp.

Không hư vốn vô chướng.
Cảnh tịnh, tánh không vết.
Chỉ do sức mắt nhặm.
Liền thấy hoa trong không.

5. Nói về thức.

Nói thức như ngọn đèn, không bao giờ tắt.

Thấy khởi, khởi không thôi
Vọng sinh sinh không cùng.
Dính mắc chết trong cung
Do nương năng lực thức.

6. Dụ về đèn.

Dùng ngọn đèn để dụ cho lửa mạnh của thức không cùng.

Ngọn lửa phát không thôi.
Phát sáng, sáng không cùng.
Đuốc sáng giữa bầu trời.
Bởi nhờ năng lực dầu mở

7. Nói về cõi.

Nói cõi như huyễn, nương nghiệp phát sinh mà hiểu hết.

Sự nghiệp khéo trang sức.
Do mê sinh các tướng.
Vọng chấp quyết chẳng chân.
Giới thể toàn luống dối.

8. Dụ về huyễn.

Huyễn dụ cho giới, nhờ sư tượng khởi, rốt cuộc thì vô.

Nhà ảo thuật khéo léo.
Làm hình tướng giả tạm.
Thể quả bóng chẳng chân,
Chỗ thấy đều luống dối.

9.Nói về thân.

Thân như thể sương móc, không dững trụ lâu dài.

Bỏ thân sinh chỗ hiểm,
Gởi mạng chết dưới sông.
Đêm trên núi lơ lửng.
Lại tiếng gió vi vu.

10. Dụ sương móc.

Sương móc dụ cho thân, gặp gió thì tan biến.

Như châu trên đầu cỏ.
Giọt sương ở trong hoa.
Thương tiếc động rừng đêm.
Đều tan tác theo gió.

11. Nói về thọ dụng.

Nêu dụng như bọt bóng căn, cảnh, thức đối đãi.

Cõi trần chứa căn sắc.
Nương gá vào tâm hạnh.
Thật do ba xúc hợp.
Bèn khiến ba thọ sinh.

12. Dụ bọt nước.

Dùng bọt nước để dụ, tạm thời như giọt nước tan theo gió.

Trong ao mặt nước bằng.
Giọt nước rơi theo gió.
Chỉ do ba việc hợp .
Dù muôn bọt nước sinh.

13. Nói về lỗi.

Nói lỗi như mộng do suy nghĩ mà khởi.

Quá khứ tuy vô cảnh.
ÝSuy nghĩ cũng thông.
Bèn ở trong gang tấc.
Lại thấy dung chín thành.

14. Dụ mộng.

Mộng dụ cho lỗi do nhớ tưởng liền sinh.

Ban ngày thường duyên cảnh
Ban đêm ghi nhớ hết.
Nên khiến trong giấc ngủ.
Nhớ lại được thời xưa.

15. Nói về hiện tại.

Nói hiện tại như điện chớp chỉ tạm thời có.

Muôn tượng như điện chớp.
Ánh sáng bốn tướng thảy.
Đâu biết chỉ một niệm.
Vọng chấp có ba thường.

16. Dụ điện chớp.

Điện chớp dụ cho hiện tại bỗng chốc liền mất

Tiếng sấm sét khắp nơi.
Sấm nổi phát ánh sáng.

Sát-na trong một niệm.
Ngay thể tự vô thường.

17. Nói về sau cùng.

Nói về cuối cùng như mây bản thức, giữ gìn được hạt giống

Tạng thức không đầu cuối.
Sóng tình từng lượm khỏi
Bởi vì có tham ái.
Kèm giống định đâu nghi.

18. Dụ mây.

Mây dụ cuối cùng tự thể bao gồm thấm nhuần

Mây lành dồn hết lại.
Mây bay cảnh xán lạn.
Hoa quang rất đáng yêu.
Đều thấm nhuần vô nghi.

19. Lại dùng một câu bao gồm sự và dụ, rút ra yếu nghĩa kia mà thành một bài soạn:

Thấy tâm trí diệt như sao lặn.
Mê cảnh chân hết, mắt hết nhặm.
Khởi tưởng do thức như ngọn đèn.
Cõi có nương nghĩ đồng xe huyễn.
Một thân tạm thời đồng sương móc.
Ba thọ bỗng hiện đồng giọt nước.
Nhớ quá khứ mộng liền hiện.
Vọng chấp hiện tại như điện chớp.
Đã biết mưa thấm ở trong mây.
Chúng tánh thường nương vào tạng thức.

20. Kế sau là riêng y cứ ba tánh ba thân chân trụ Bát-nhã, để nói chín dụ quán hạnh, giải thích chín việc:

Ai quán sanh giới đều như thế.
Người trí nên làm việc chân thường.
Chân thường thật không huyền.
Viên thành ở trước mắt.
Hai thể giác thảy đều buộc không.
Hoàn toàn chẳng phải trăng treo gương.
Lúc trăng treo gương không suy nghĩ.
Chỉ làm duyên khác sinh chỗ phước.
Duy thức sơ tâm làm chỗ nương.
Sau chân như, niệm không chỗ nương.

Không nương tức Bát-nhã.
Thắng tục quên chân giả.
Bến phước như thuyền , bỏ mà không.
Bi trí theo sinh xả không xả.

Nói sơ lược về khen ngợi bài tụng sau cùng trong kinh Bát-nhã.
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 146

PHÁP HOA LUẬN SỚ

SỐ 1818

(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1818

PHÁP HOA LUẬN SỚ

Hồ Cát Tạng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ

Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đậu, Hán dịch Thiên Thân soạn

Tam Tạng Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi vâng chiếu dịch.

Diệu pháp Liên Hoa kinh Ưu-ba-đề-xá do Bà-tẩu-bàn-đậu soạn, Bồ-đề-lưu-chi dịch. Bà-tẩu Hán dịch là Thiên, Bàn-đậu Hán dịch là Thân. Người này vốn là em trai của trời Đế-thích,Đế Thích lưu lại Diêm-phù-đề hàng Phục Tu-la, nên gọi là Thiên Thân. Bồ-đề Hán dịch là Đạo, Lưu-chi Hán Dịch là Hy, dịch chung là Đạo Hy. Có nhiều truyền thuyết khác nhau, không kể ra đây, các bản luận dịch cũng đã có rất lâu, bài lý do không được thịnh truyền ở thế gian có hai ý. Một là đơn ý chỉ văn kinh giản, trước sau dường như lộn xộn, truy tìm thì không biết đầu cuối. Hai là ngày trước đất Bắc sông Nam, thường dùng năm thời bốn tông để giải thích đạo này. Trái với dư luận, các bậc thầy giảng đạo giữ đều cố chấp cũ kỹ, trái Thánh tín phàm, nên không truyền ở thế gian. Ta giảng văn sớ kinh này có ba thứ: Một là dùng cựu tông của Quan Hà Duệ Lang; Hai là dựa vào Long Thụ, Đề-bà giải thích đại ý Kinh; Ba là sử dụng luận cương lĩnh này để dịch Pháp Hoa. Thế nhưng trước đây ba kinh sớ xuất ra vẫn chưa giải luận văn, nay đều giải thích được, giúp cho kinh luận sáng tỏ dễ lĩnh hội Thế nhưng luận này có hai bản: Một là Vô Tiền Tự Trực nói kinh chép: qui mệnh tất cả Chư Phật, Bồ-tát, đây là lời thỉnh cầu che chở của người biên tập kinh. Hai là Hữu

Quy Kính, thứ này là do Thiên Thân tự soạn ra. Nay đều dựa theo hai thứ văn này chia ra làm ba phần: Một là Quy Kính Ba ngôi báu trình bày luận ý, mong uy linh che chở làm phần duyên khởi; Hai là nhắc lại kinh giải thích làm phần chính thể; Ba là nhắc lại Chương Môn tìm hiểu rõ giới dưới làm phần thế còn Đầu tiên có hai: Một là Thiên Thân Quy Kính trình bày soạn luận ý; Hai là người biên tập kinh Quy Kính trình bày việc biên tập kinh ý. Theo phần đầu có hai: Hai bài kệ trước quy kính Tam Bảo trình bày soạn luận ý, một bài kệ rưỡi kế là quy kính Phật tăng, thỉnh Uy Linh che chở. Y theo phần đầu lại có hai: Một là chung với quy kính nhất thể Tam bảo thân soạn luận ý. Kế là quy kính riêng Thích-ca Phật tăng trình bày soạn luận ý. Y theo phần đầu lại có hai: kế nửa bài kệ kệ trước Quy Kính Nhất Thể Tam bảo, nửa bài kệ trình bày soạn luận ý, y theo phần đầu lại có hai: hai chữ đầu nói về lòng chí thành năng kính; tám chữ sau nói về sự cực kỳ tôn nghiêm của đảnh lễ đỉnh lễ là câu thứ nhất.

Đỉnh lễ: lễ có ba thứ là dưới, trung, trên. Trước là nói về trên phẩm người được kính cực kỳ tôn nghiêm, lễ năng phài đặt ở địa vị tối trên ấy la sự cực kỳ tôn kính của sở thích thứ hai Chính Giác Hải Dưới.

Hỏi: Làm thế nào để biết đây là nhất thể Tam bảo?

Đáp: Đã được gọi là Tịnh pháp Vô Vi tăng, là biết nói Thường trú tăng, ở chỗ tăng đã như thế, pháp Phật cũng vậy.

Hỏi: Vì sao lại kính Nhất thể Tam bảo?

Đáp: Đã là kinh Nhất thừa rốt ráo thì phải rõ Tam bảo rốt ráo, lại lấy Tam bảo rốt ráo để hiểu biết rõ Nhất thừa. Nhất thừa là thứ kinh rất đạo của Giang nam Ngũ thời. Chính Giác Hải Tịnh Pháp Vô Vi Tăng nói Chính Giác Hải: Một là pháp thân Phật ở khắp mọi, nơi rộng như biển cả, nên kinh Phổ Hiền Quán chép: Tì-lô xá-na ở khắp mọi nơi; Hai là sâu như biển, nói rằng bảy lần làm mà không cần nói, năm mắt quên sự chiếu rọi. Nên nói là sau ba là một vị như biển, pháp thân bình đẳng, một thân vị như. Bốn là pháp thân đều có một công đức như biển cả có đầy đủ các vật báu, Pháp Tăng còn lại dễ biết là người có sâu sắc` trí tụê, thứ hai là trình bày ý soạn luận lại có dướii, câu đầu là nói giáo vì người.

Thế nào là sâu sắc người có trí tuệ? Nói người sâu sắc có trí tuệ, vừa nghe đã hiểu được điều lợi dướii, được đến, chí lý. Nên luận này không thịnh truyền, chung sanh đời Mạt pháp đần độn cạn cợt đi nhiều. Nên biết được tri âm là ít có. Khai Thị Tỳ-già-điển là duyên đã làm nay đã thành đạo đầy đủ.

Khai Thị Tỳ-già-điển, duyên làm được lợi ích sâu sắc, lý luận đầy đủ sẽ mở rộng, lại có thể gợi ý, là mở rộng và giải thích.

Luận Tỳ-già-la: văn này trích dẫn từ Niết-bàn Bát-nhã để khen ngợi Pháp Hoa ngày nay, chỉ dạy kinh bán tự đối với con trẻ, người trưởng thành thì dạy mãn tự luận, Tỳ-già-la. Ngày xưa nói Ba thừa ngụ dụ đồng với bán tự nay nói nhất cực gọi là kinh mãn tự, cùng dùng lời nói này đả phá lại thuyết năm thời bốn tông. Dùng thứ đó gọi là kinh Độc Niết-bàn. Giáo lý tròn đầy Pháp Hoa, v.v... chính là bán giáo. Tỳ-già-la Hán dịch là tự bản. Luận Tỳ-già-la chưa thấy phiên dịch Hà Tây lãng Sư nói do Bồ-tát Đại Quyền soạn, chỉ cung kính Mâu Ni tôn dưới thứ hai kính riêng Thích-ca Phật tăng. Sở dĩ tu kính riêng Tam bảo có nhất thể biệt thể, nên phải kính chung, kính riêng. Lại giáo chủ Thích-ca hiện là muốn giải thích đạo mà mình nói thì phải kính trọng người giảng kính. Văn có hai: nữa trước là quy kính Phật tăng nữa, sau là trình bày soạn luận ý. Hai chương mỗi chương đều có hai chương đều có hai, là: hai chữ chỉ kiền ở đầu nói về sự chí thành năng kính, tám chữ sau khen ngợi sự cực tôn của sở lễ Chỉ-kiền: chỉ là nặng, kiền là kính trước là chung với lễ, nay lại riêng kính, nên gọi là nặng, cũng có thể trước nói đỉnh lễ dùng âm Trung quốc. Nên gọi là Chỉ kiền là dựa vào sự dạy dỗ của Thiên-trúc, còn chưa hiểu được những thứ về sau, xin đặc hỏi riêng người dịch.

Mâu-ni tôn và Bồ-tát Thanh Văn: lệnh pháp đem lợi cho mình cho người là nói trình soạn luận ý, cũng mở ra làm hai, câu đầu trình bày soạn luận ý.

Lệnh pháp tự lợi lợi tha: là nói về sự giải thích, pháp này mầu tự có được lợi ích, là nói tự thành Phật, liền được truyền thụ cho người, khiến họ cũng thành Phật. Lược nêu luận Lặc-già, là thứ hai nói về soạn luận.

Lược nêu luận Lặc-già, sự giải thích vòng vo từ đầu đến cuối, nói rằng để mở rộng luận. Nay rút bỏ những điều cốt lõi chấn chỉnh đề cương như là rút bỏ sừng răng của loài tê voi, rút bỏ lông vũ của loài lông cánh. Luận Lặc-già là Ma-được-lặc-già, nói về giải thích luận A-tỳ-đàm. Đây trở thành cảnh giới, tìm được ý chỉ của luận này sẽ giải thích được tự lợi lợi tha là cảnh giới sinh giải, quy mệnh qua đời sau. Lần thứ hai nói về kính thỉnh hộ là mở làm hai, bán hành chí kính. Một bài kệ thỉnh hộ cả hai. Điều thứ hai là hai chữ quy mệnh, là nói sự chí thành của năng quy.

Quy mệnh - Kế là nói về sự cực tôn của sở kinh.

Đời sau, hiện tại, Bồ-tát Hoằng Từ giáng thần lực nguyên thí ngã vô úy.

Hoằng Từ giáng thần lực giúp cho điều ta nói hợp lý xứng cơ, không có những lỗi lầm hợp lý xứng cơ, nửa bài kệ kế là thỉnh đại bi che chở thoát khỏi bốn ma thêm lớn Tam-Bồ-đề.

Đại bi ngăn bốn ma che chở bồ-đề thêm lớn. Câu đầu xin lìa bỏ những đều nên lìa bỏ. Kế là nói những điều nên được đều được. Kinh nói: quy mệnh tất cả Chư Phật Bồ-đề. Tập kinh thứ hai này là những lời thỉnh hộ, kinh chép: quy mệnh tất cả Chư Phật Bồ-đề. Tiền quy kính này trình bày ý soạn luận, thỉnh cầu uy linh che chở. Lời quy kính nầy là do người biên tập kinh muốn nêu ra kinh phật,cũng thỉnh uy linh che chở,Tất cả các kinh đều có lời nầy, thế nhưng tùy gửi vào câu văn ẩn lộ có khác nhau, nên kinh chép: Tôi nghe như vầy. Đây là chứng minh thứ hai thể luận. Thế nhưng luận lược khó rõ. Nay dẫn ra hai đều để nêu thể ví dụ: một là nói về sự khác nhau` giống nhau giữa hai kinh, hai là nói về cách soạn luận này.

Giữa Hai kinh đồng khác: Là kinh do La-thập dịch và kinh đới luận do Lưu-chi nêu ra. Văn chương của chúng khác nhau, gồm có năm thứ:

Một là cựu kinh lược, luận Kinh rộng như cựu kinh khen ngợi đức của La-hán chỉ có năm câu. Luận kinh có mười sáu câu, hoặc có thể ở bản Pdươín, rộng lược không giống nhau, hoặc có thể nghe tiếng thường chúng không nơi nào không nhóm họp khen ngợi. Nên La-thập đã lược khen đức độ, muốn có ý làm cho dân chúng nhận thức được kinh là tụng đức, nên nói rộng.

Hai là cựu kinh rộng, luận kinh lược, như phẩm Phương Tiện. Tựa kinh có mười câu là như thế tướng, như thế tính v.v... Luận kinh chỉ có năm môn, là Thiên Thân dùng lược nhiếp rộng.

Ba là hai kinh đều không có rộng lược, như khen ngợi công đức Bồ-tát.

Bốn là phẩm thứ lớp trước sau. Cựu kinh chúc lụy ở trước Dược Vương, luận kinh lại ở sau Phổ Hiền. La-thập thì dựa vào ý nghĩa, duyên cớ này đặt ở trước. Thiên Thân đồng kinh thường pháp, nên ở sau.

Năm là danh nghĩa không giống nhau. Cựu kinh nói có sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát. Luận kinh nói có sáu mươi hai ức Hằng hà sa Phật, La-thập dựa vào văn kinh mà dịch nên nói là Bồ-tát luận đã dùng ý nghĩa khen ngợi giải thích,phước ấy bằng nhau,là nói Sơ Địa Bồ-tát được pháp thân chân như nên liền thành Phật, vì Quán Ân không hai

với sáu mươi hai ức pháp thân nêu gọi là phúc bình đẳng, nên gọi là Phật. Kế là nói luận chế tác không giống nhau, ví dụ như Long Thụ giải Thích kinh, chẳng ngờ mở ra chương môn. Đối với việc sau này truy tìm ngược về trước Thiên Thân giải thích kinh này gồm có hai ý: một là dự định mở cho kỳ hết như ban đầu, chia ra làm bảy phần sơ phẩm; hai là tới sau cùng mới trình bày rõ, như là luận cuối cùng gọi là phẩm Phương Tiện gồm có năm luận. Nói chung là bậc Thánh vận dụng hợp tâm thời. Thiên Thân mở rộng kinh này gồm có ba mươi hai chương. Ba mươi hai chương này là bảy phần tự phẩm, năm ngôn phương tiện phẩm là mười hai. Theo phẩm ví dụ cuối cùng là phẩm Bảo Tháp, phá mười thứ bệnh lợi ích cho mười người là thập đoạn. Theo Dược Thảo Cách Nhất Kinh Minh Thập Vô thượng, lại có mười chương, nên hợp lại thành ba mươi hai.

Hỏi: Lúc đầu từ nhà lửa sau cùng đả phá được mười bệnh ở tháp báu, nói làm sao có thể từ Dược Thảo Cánh Nhất Kinh Minh Thập Vô thượng? Đáp: Dựa theo kinh Pháp tạng chép: Bà-tẩu-bàn-đậu khéo giải tất cả Tu-đa-la nghĩa Tu-đa-la có năm nghĩa: Một là nói là nói lý đi cớ các nghĩa, như phẩm tự bảy đoạn phương tiện năm môn là nói được mười hai thứ nghĩa; Hai là suối vọt, nói rằng ý nghĩa của nó là vô tận, như nước suối tuôn trào. Như sự giải thích ví dụ cuối cùng là ở tháp báu liền từ cỏ thuốc cuối cùng là ở Nhất kinh, giải thích ở hậu kinh mà truy giải ở trước để có ý nghĩa là vô tận là nghĩa nước suối tuôn tràn; Ba là sinh ra, là sinh ra các nghĩa như giải thích đệ thập năng lực công đức cao quý Vô thượng. Khen ngợi sinh ra nhiều công đức kinh vô tận, là nghĩa sinh ra: Bốn là dây mực, trừ bỏ mọi; lấp biết nói lên sự ngay thẳng. Phá mười bệnh gọi là bỏ tà, noi lên mười nghĩa gọi là bày chính; Năm là kết vòng xỏ xâu pháp các Phật. Đó là ba mươi hai chương cùng làm sáng tỏ một đạo, để dạy cho con người, như việc xỏ xâu hoa tô điểm đầu người. Lại giải thích về sau truy tìm nguồn gốc giải thích lên trước. Trong bậc Thánh có trí tuệ vô ngại, bên ngoài có giải thích của vô phương, nên có khả năng tự tại giải thích. Lại từ trước giải thích về sau nói lên điều mục chuyển nhanh. Từ sau giải thích lên phía trước như sư tử ném trở lại. Nếu dịch kinh còn có điều nghi ngờ thì hỏi lại, nên về sau càng được giải thích. Ngày nay nghĩa nhân thân hậu, chương sau có khoa mục riêng còn bậc Thánh ở nước ngoài soạn ra đại thể của luận thì giải thích sơ phẩm đầu thành hai thứ: một là điệp kinh, hai là luận dịch. Điệp kinh chỉ nhắc lại hai chương, là tự phân kinh và chúng phân kinh. Điệp tự phân kinh từ đầu đến kết thúc đều ở Quật sơn, là Điệp

kinh tự phân.

Phẩm tựa thứ nhất Tôi nghe như vầy: một thuở nọ, Đức Phật ngụ tại thành Vương-xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng với các vị Đại Tỳ-kheo v.v... trở xuống. Thứ hai điệp chúng thành tựu chia ra ta Thập Dịch kinh do có ba: một là Thanh Văn, hai là Bồ-tát, ba là chúng trời, người. Nay chỉ nhắc lại trước có hai, dùng hai chúng hữu khen ngợi đức nay muốn dịch ra. Nên nhắc lại chúng trời, người không khen đức, lại dịch giải nhiều kinh đã được giải thích nên không nhắc lại. Nhắc lại hai chúng là hai chúng nhắc lại Thanh Văn, cựu kinh có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni. Nay trong phần nhắc lại Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo có hai: một là bày danh, hai mà mật hạnh. Nay chỉ nhắc lại hiển danh không nhắc lại mật hạnh, cũng là điều dễ giải thích nguyên nhân không khen ngợi đức. Trong Tỳ-kheo có sáu: một là nêu hiệu chung, hai là xướng số, ba là nói về vị, bốn là khen ngợi đức, năm là nêu danh, sáu là tổng kết. Nay chỉ nêu bốn thứ đầu, không nêu hai thứ cuối. Còn trong Luận thích không giải thích một hiệu chung đầu và thứ năm nêu danh.

Trong số chúng một muôn hai ngàn vị Đại Tỳ-kheo đều là A-la-hán, tất cả đều không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo được giải thoát tâm, khéo được trí tuệ giải thoát được tâm, giỏi điều phục được con rồng lớn trong loài người, biết làm những điều nên làm, biết lánh xa những gánh nặng nô lệ, được lợi bởi kết những điều lành, được trí tuệ chính xác, tâm giải thoát được mọi điều, tâm được tự tại tới bờ bên kia. Trong Bồ-tát cũng có sáu môn: một là hiệu chung, hai là xướng số, ba là nói về vị, bốn là khen đức, năm là tên khác, sáu là tổng kết. Còn trong giải thích của hậu luận không giải thích điều đầu tiên và điều thứ hai. Văn đã rõ ràng.

Bồ-tát Ma-ha-tát tám muôn vị đều ở A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề không lui sụt đối với, đều được Đà-la-ni đại biện tài lạc thuyết, xoay bánh xe pháp không lui sụt, cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật ở các Phật, trồng các gốc lành ở các chỗ Chư Phật, xưng là Đại từ bi mà tu thân tâm, khéo nhập Phật tuệ thông đạt trí ở bờ bên kia, tên là Phổ Văn Vô Lượng thế giới, độ được vô số trăm ngày chúng sinh luận nói v.v... trở xuống là luận thích thứ hai ý theo văn chia làm hai: thứ nhất là giải thích chung một phẩm, gồm có bảy môn, thứ hai là nêu riêng bảy môn.

Luận chép: trong Pháp Môn của kinh này, đầu tiên là phẩm thứ nhất biểu hiện bảy công đức thành tựu. Phần đầu lạicó hai câu: một bộ của pháp môn này là hiệu chung, phẩm thứ nhất là tên khác của một

chương, cả bảy thứ đều gọi là công đức, bảy thứ này đều có công năng hiển bày đạo lợi ích chúng sanh nên được gọi là công đức. Trong mỗi chương nghĩa nói đầy đủ, chẳng thừa, chẳng thể phá hoại, nên gọi là thành tựu. Thế nào là bảy v.v... trở xuống là thứ hai là nêu riêng bảy môn văn lại có hai. Đầu tiên là nêu,kế là giải thích văn.

Thế nào gọi là bảy thứ? Một là tự phần thành tựu, hai là chúng thành tựu, ba là khi Như lai muốn nói pháp chí thành tựu, bốn là y sở thuyết pháp uy nghi thuận theo trụ thành tựu, năm là y trên thuyết nhân thành tựu, sáu là đại chúng dục văn pháp hiện tiền thành tựu, bảy là Văn-thù-sư-lợi đáp thành tựu.

Phần Tựa thành tựu v.v...trở xuống thứ hai là giải thích bảy chương môn, chia thành bảy phần, phần đầu có năm: một là như vầy, hai là tôi nghe, ba là một thời, bốn là giáo chủ, năm là trú xứ, nay chỉ giải thích thứ năm. Phần đầu chia thành bốn dư kinh khác đã nói, đều dễ giải thích, nên không giải thích. Luận chép tự phần tựa thành tựu, ở đây nhắc lại thành tựu nghĩa của bài tựa.

Lại phân tựa thành tựu. Trong pháp môn này biểu hiện ra hai thứ thắng nghĩa thành tựu cũng cần phải biết. Thứ hai giải thích tự phần thành tựu, văn có hai: một là giải thích, hai là nên kinh bày chỗ giải thích. Y theo phần đầu lại có bốn, một là nêu hai thứ thắng nghĩa khuyên biết. Thế nào gọi là hai v.v...trở xuống thứ hai là nêu riêng hai thứ thắng nghĩa, như ở dưới thành Vương xá. Thứ ba, đã nêu thành núi hai thứ thắng nghĩa ở chính cử thành sơn, nói pháp môn này là nghĩa tối thắng v.v... trở xuống. Thứ tư là nói về thắng nghĩa.

Trong pháp môn này đã chỉ bày hai thứ thắng nghĩa thành tựu phải biết, hai thắng nghĩa gồm: Một là nói lên thành tựu nghĩa trên hết trong pháp môn, hai là nói lên thành tựu nghĩa công đức. Nên như thành Vương xá hơn tất cả các thành xá khác, núi Kỳ-xà-quật hơn các núi khác.

Hỏi: Vì sao thành Vương xá hơn tất cả thành khác?.

Đáp: Truyện in riêng chép các nước thuộc năm Thiên-trúc có mười sáu nước lớn, năm trăm nước trung bình, mười ngàn nước nhỏ có sáu thành lớn, thành Vương xá là thành lớn nhất. Long Thụ nói: Sau khi Phật diệt độ trong nước, vua A-xà-thế dân chúng giảm ít, nên lập riêng một thành nhỏ, nhưng cũng hơn tất cả thành, huống chi thành Vương xá gốc, ví như kinh này hơn các kinh khác. Hễ gọi là thừa thì có bốn thứ: một là nhân thiên, là Thế gian thừa, hai là Tiểu thừa, ba là Đại thừa, bốn là Nhất thừa. Kinh này chứng minh Nhất Phật thừa, nên hơn các

kinh khác. Còn nói kinh này đã cùng tận lý pháp, thông hiểu hết tâm chúng sinh, đầy đủ được ý nguyện của chư Phật. Các đạo trước Pháp Hoa như, Hoa Nghiêm v.v...tuy đã cùng tận được lý pháp, nhưng chưa hiểu rõ được chúng sinh năm thừa đều thành Phật, chưa thông suốt được tâm Chư Phật, cho nêu kinh này là hơn hết. Kết thúc nhất hóa đều cuối, nên hơn hết. Như phẩm Thần Lực chép: Tất cả các pháp của Như lai, mọi thứ đều là thần lực tự tại; Tất cả mọi sự vật tiềm tàng sâu thẳm quan trọng đều được nói hết chỉ ra trong kinh này. Các kinh khác cho dù có dạy rõ nghĩa cũng không thông suốt được tâm Chư Phật, nên kinh này trên hết. Lại như luận nầy phẩm dưới v.v...trở xuống chép: Kinh này có mười bảy tên hiện rõ mười bảy công đức sâu xa nhất, nên gọi là hơn hết.

Hỏi: Đại thừa, Nhất thừa có gì khác với kinh này?

Đáp: Có giống, có điều khác. Giống là chỉ một mà bao gồm nên Nhất thừa gọi là Đại, là lớn không có hai, nên Đại thừa gọi là Nhất. Văn ở dưới chép: Vì các thanh nghe nói kinh Đại thừa gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, cũng như Thắng-man Nhiếp thụ chính pháp tên là Ma-kha-diễn, nên biết nhất Đại không hai khác, Nhiếp luận gọi là Tiểu thừa, Đại thừa, Nhất thừa. Kim Cương Bát-nhã chép: cho người nói Đại thừa, cho người nói tối trên thừa, nên biết Đại khác với nhất. Nói khác là vì Đại thừa không phế bỏ hai. Nhất thừa đã bế bỏ hai, Đại thừa thầm phế hai, Nhất thừa công khai phế bỏ hai, Đại thừa chỉ là nhân, Nhất thừa là quả. Như luận Trí Độ nói thừa này xuất phát từ Ba cõi cho đến trụ trong Tát-bà-nhã. Tới Phật thừa thì lại đặt tên là Nhất thiết chủng trí, mà không gọi là thừa, nên biết được Đại thừa chỉ có nhân. Pháp Hoa nói ba xe một thành đều là quả vị ,nên biết chỉ có quả Nhất thừa. Lại Đại thừa có cả lẫn quả, như luận Thập Hai Môn nói chư Phật sở thừa nên gọi là Đại. Đại sí sở thừa nên gọi là Đại Nhất thừa chỉ có quả lại như Pháp Hoa chép. Nhất thừa là nói quả rốt ráo Bồ-đề Vô thượng.Ở đây chia nhất thừa thì lại có nghĩa khác. Kinh Niết-bàn chép: Phật tính là Nhất thừa bát-Nhã Thủ-lăng-nghiêm sư tử gầm. Nếu đã như vậy văn là Nhất thừa cũng là nhân không hai với Đại.

Hỏi: Vì sao Nhất thừa nghiêng thuộc về quả?.

Đáp: Trước nói Ba quả, rốt ráo đến đây kinh nói hai quả chẳng rốt ráo chỉ có quả Phật mới rốt ráo, nên nói Nhất thừa chỉ thuộc về quả Phật. Núi Linh Thứu tất cả nơi núi; Nước Ma-già-đà có năm quả núi, trong năm quả núi đó, núi Linh thứu là hơn hết.

Hỏi: Như Kinh Thập Địa, v.v... nói mười núi báu, vì sao nói núi

Linh Thứu hơn tất cả?

Đáp: Núi Linh Thới là nơi thường trú của Chư Phật ba đời, các núi khác không bằng, nên nói nghiêng về sự vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tự tại?

Đáp: Đã nói Phật thừa, Phật sẽ liền tự tại, lại các kinh khác sẽ dạy ý nghĩa, kinh này kết thúc chung hội nhất hóa đầu cuối, sinh ra thu nhập, nên gọi là tự tại.

Hỏi: Trong chương môn nói một là nghĩa hơn, hai là nghĩa tự tại, nay lại nói Thành sơn đều là nghĩa hơn, thế nào là tự tại?

Đáp: Tứ hai thắng này nên là Tự tại, lại Vương thành lấy là tự tại, núi phải lấy hơn.

Hiểu rõ được lý do nghĩa tối thắng của pháp môn này, cũng giống Như kinh chép:: Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Đức Phật trú lại trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Chúng thành tựu như sau là: chúng phần thứ hai trong bảy thành tựu chia thành hai, trước là nêu, sau giải thích.

Chúng thành tựu có bốn nghĩa thành tựu nên biết: Thích đầu tiên nêu bốń chương môn, kế là giải thích có bốn chương môn bốn chương môn là.

Thế nào là bốn? Một là sở thành tựu, hai là hành thành tựu, ba là nhiếp công đức thành tựu, bốn là uy nghi đúng như pháp thành tựu. Bốn chương đầu là giải thích chung, Đại thừa Tiểu thừa có bốn việc này: một sắc thành tựu dưới, giải thích tứ riêng bốn chưởng môn, tứ thành bốn chương khác nhau.

Một là sác thành tựu, là đại chúng vô số. Sác thành tựu là nói chung con số đại tiểu hai chúng như từng nghe nói một muôn hai ngàn Bồ-tát có tám muôn dòng nói là vô số, nói lên sự tồn lược nên chỉ gọi chung là không thể nói .

Trong hành thành tựu̦ , giải thích chương hai. Văn có hai: đầu tiên là giải thích chung hai chúng đại tiểu, gồm có bốn hành, sau là giải thích riêng về hành thể của; Hai hành thành tựu có bốn thứ: một là các Thanh Vănnghe tu hạnh Tiểu thừa, hai là nói các Bồ-tát tu Đại thừa, ba là nói các Bồ-tát thần thông tự tại lực tùy thời nói lên năng lực, tu hành các hạnh, mười sáu Hiền sĩ như Bồ-tát Bạt-đà Ba-la, v.v... đều không thể suy nghĩ bàn luận,thường nói lên các thứ hình tướng được nói lên ra mà không phải suy xét gì tới các việc được gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Tỳ-kheo ni, v.v... Nên bốn hạng xuất gia đó nghe thanh danh uy nghi chắc chắn Bồ-tát không giống với Bốn hạnh Bồ-tát, gồm có hai: một

là đối với Đại Tiểu, hai là định hay bất định, đại tiểu Thanh Văn nhất định tu Tiểu hạnh, Bồ-tát nhất định tu Đại hạnh. mới có khả năng nói lên hạnh vô định vô phương. Như mười sáu Hiền sĩ có khả năng nói lên bốn chúng Tiểu thừa, là Đại bao gồm tiểu . Đại nói lên Tiểu hạnh. Sau đó, các Tỳ-kheo ni xuất gia Thanh Văn định hạnh, sau cùng chắc chắn sẽ định được uy nghi của người xuất gia.

Hỏi: Vì sao luận lại nêu ra mười sáu Đại sĩ.

Đáp: Mười sáu là vị Bồ-tát tại gia để đối với Tiểu thừa xuất gia là nói đạo tục, nói định bất định, đều là A-la-hán trở xuống. Thứ hai này là giải thích riêng hai thứ hành sự của Tiểu thừa và Đại thừa. Lại có hai: đầu tiên là nêu chung số công đức của Đại Tiểu thừa, sau đó là phân biệt giải thích như vậy.

Đều là các bậc A-la- hán có mười sáu câu nói lên thành tựu công đức Thanh Văn do đó đều không lui sụt đối với quả vị A-nậu - đa-la Tam- miệu Tam- bồ-đề, có mười ba câu nói lên thành tựu công đức Bồ-đề, Tiểu thừa có mười sáu câu công đức. Luận kinh rộng nên có mười sáu câu, Bồ-tát có mười ba câu. Kinh của La thập đồng với luận kinh của Thiên Thân, những người thành tựu công đức A-la-hán là giải Thích chưởng môn. Trên nay trước giải thích La-hán chương môn ở lại chia thành hai: trước nêu môn ba chương, sau là giải thích môn ba chương.

Người thành tựu công đức A-la-hán Mười sáu câu kia đã nói lên ba môn nhiếp nghĩa, nên biết ba môn đó là? Một là môn trên trên khởi, hai là môn tổng biệt tướng, ba là môn nhiếp lấy sự. Là dùng ba môn này làm mười sáu câu văn kinh của, trên trên khởi môn là giải thích thứ hai.

Môn Trên trên khởi là các lậu đã hết gọi là A-la-hán, vì tâm vì tự tại nên gọi là các lậu đã hết. Bởi các lậu đã hết nên gọi là La-hán, Vì tâm không còn phiền não nên gọi là tâm được tuệ giải thoát,Tâm được tự tại, từ nơi cách xa mà thấy được những gì đáng thấy, nên có tên là không còn phiền não. Vì khéo được ba giải thoát,khéo được tuệ giải thoát,nên có tên là tâm thiện, điều phục được con rồng lớn trong loài người làm điều ác như đi trên đất bằng không gặp trở ngại gì, người đi đường đã tới nơi cần tới, nên điều cần làm đã làm được, con rồng lớn ở trong loài người đã được đối trị, hàng phục được phiền não; kẻ thù, nên việc cần làm đã làm xong, càng không có hậu sinh,như việc tương ứng đã thành được. Nên trút bỏ được gánh nặng trên đường xa, việc cần làm đã làm xong, gánh nặng hậu sinh đã vứt bỏ. Vì thế người cầu lấy lợi cho mình đã vứt bỏ được gánh nặng, chứng được Niết-bàn. Nên người

đã hết các hữu kết đã vứt bỏ được lợi mình dứt được nguyên nhân phiền não, nên khéo được tâm chính trí giải thoát,các lậu đã hết. Nên người có tâm tự tại lại khéo biết, gặp đạo tu đạo trí, nên tới được bờ kia, khéo được chính trí, tâm được giải thoát, khéo được thần thông, không tranh giành các công đức như Vô tránh tam-muội, v.v..., nên các bậc Đại A-la-hán tâm được tự tại, tới được bờ bên kia. Mọi người đều biết nghĩa là các vua, vương tử, đại thần, dân, Đế-thích Thiên vua, Pdưởim Thiên Vương, v.v... đều quen biết nên lại là Thanh Văn, Bồ-tát, Phật. Đó là thắng trí giả, thắng trí giả này đều khéo biết gọi là mọi người đều quen biết có thể y theo môn hai nghĩa giải thích :Một là y theo nghĩa giải thích, hai là y theo văn giải thích, có thể y theo hai nghĩa để giải thích, là người học có công đức cao hơn công đức của kẻ phàm phu. Công đức của người Vô học hơn công đức người hữu học, nên gọi là Trên trên. Như ở dưới luận chép: khéo được chính trí tâm giải thoát nên gọi là trên trên công đức, chỉ có La-hán mới được công đức nầy.

Lại như La-hán cũng có hai thứ: Một là độn căn tiểu La-hán công đức vi trên, đây là khen ngợi công đức bậc Đại La-hán nên nói là trên trên. Đại La-hán có hai công đức: Một là trên công đức, hai là trên trên công đức. Mười sáu câu khen ngợi trên trên công đức, lúc sắp sinh khởi trên trên công đức này. Theo dưới Thích Văn đã nói trên trên là một trên là trên một trên là dưới. Trên, dưới lẫn nhauˀ hiện thích là môn trên trên khởi xét trong giải Thích ở dưới đều có năm ý: một là dùng dưới giải thích trên, hai là dùng trên giải thích dưới, ba là dùng trên giải thích trên, bốn là dùng dưới giải thích dưới, năm là dùng trên và dưới để giải thích một câu. Dùng dưới giải thích trên nói các lậu đã hết nên gọi là A-la-hán. Các lậu đã hết, vì tâm được tự tại, nên điều này cũng là dùng dưới giải thích trên. Điều khác với câu trước là trước thì nhiếp, kế dùng dưới giải thích trên. Nay là siêu cú dùng dưới giải thích trên. Dùng không còn phiền não nên gọi là tâm được tự tại. Đây là dùng trên giải thích dưới. khéo được tâm giải thoát gọi là tâm được tự tại. Đây là dùng dưới giải thích trên. Nên câu giải thích tâm tự tại dùng hai câu trên dưới để giải thích. Hỏi: Vì sao tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát? Đáp: Luận Trí Độ chép: thuộc ái hết gọi là tâm thoát, thuộc kiến hoặc tận gọi là tuệ thoát, định chướng lại giải thích rằng hết gọi là tân giải thoát Tuệ chướng hết là tụê giải thoát. Theo Tỳ-đàm định là số, định tuệ là tuệ số, giải thoát cũng là giải thoát số, tương ứng giải thoát với định gọi là định giải thoá, tuệ giải thoát cũng giống như thế. Từ nơi cách xa có thể thấy cái có thể nhìn, nên gọi là không còn phiền não. Điều này đã

được giải thích. Những điều nghi ngờ phải do từ cái năng thấy mà sinh ra. Đã xa cách mà nhìn được cái năng nhìn, là sự phiền não không còn khởi nữa. Khéo được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, gọi là tâm khéo điều phục. Đây là dùng trên giải thích dưới. Con rồng lớn ở trong loài người là giải thích câu nói ấy. Ở xa biết trước có thể thấy được hết những điều đã nhìn, đó là dùng trên giải thích trên, nay là dùng dưới giải thích trên. Điều ứng tác này là dùng trên giải thích dưới, người làm được điều đã nói chính là ở câu đó, như những việc tương ứng đã được thành tựu, với lý Tứ đế tương ứng. Người buông bỏ các gánh nặng, đây là dùng trên giải thích dưới. Dùng hai câu trên để giải thích câu này! Làm được lợi mình là dùng trên giải thích dưới. Các hữu kết hết, dùng là trên giải thích dưới. Khéo được chính trí tâm giải thoát là dùng trên giải thích dưới. Tất cả tâm đều được tự tại là; giải thích ngang câu đó. Đến bờ bậc nhất kia, là dùng trên giải thích dưới, cũng là giải thích câu nói đó. Đại A-la-hán, trong giải thích kinh ngang, là các vị Đại A-la-hán mà mọi người đều biết. Dùng hai câu trên để khen ngợi đức trong tâm được, tự tại và bờ bên kia để giải thích. Lấy việc tới bờ bên kia là rốt ráo Thanh Văn, nên gọi là Đại A-la-hán.

Hỏi: Tâm được tự tại, vì sao là giải thích Đại A-la-hán?

Đáp: Trước đã giải thích tâm được tự tại đều là định tuệ, cả hai nghi hoặc đều đã hết thì gọi là Tâm tự tại, điều này phải là Đại A-la-hán. Trong giải thích mọi người đều quen biết, trước tiên là hiểu rõ trí thức của phàm chúng. Lại Thanh Văn v.v...trở xuống là nói sự hiểu biết của các bậc thánh. Dùng những điều mà người phàm và bậc thánh đều đã biết nên được gọi là chúng.

Phân biệt chung giải thích môn thứ hai. Đầu tiên là môn nêu chương đều là A-la-hán v.v...trở xuống giải thích môn chung riêng A-la-hán, v.v... Một câu A-la-hán là chung, lậu tận đã phân biệt với mười lăm câu sau.là riêng,

Tướng môn chung riêng đều là A-la-hán. Dưới đây chỉ giải thích chung, không giải thích riêng.

Mười sáu câu đều là A-la-hán v.v..., câu đầu là chung, các câu còn lại là riêng, đều là A-la-hán kia. A-la-hán gọi là tương ứng, có mười lăm nghĩa, mười lăm nghĩa gồm: Một là nên thọ ăn thức uống, đồ nằm cung kính cúng dường; Hai là nên giáo hóa tất cả đại chúng; Ba là nên nhóm họp trong thành ấp; Bốn là nên hàng phục các ngoại đạo; Năm là nên dùng trí tuệ nhanh chóng quán sát các pháp; Sáu là nên nói pháp không nhanh không chậm, đúng như pháp tương ứng không

mệt mỏi; Bảy là nên tĩnh tọa ở chỗ vắng, mọi thức ăn uống quần áo đủ sống không chứa dư, ít muốn biết đủ; Tám là nên thường thực hành hạnh lành, không đắng các thiền; Chín là nên thực hành không thánh hạnh; Mười là nên thực hành vô tướng thánh dưới; Mười một là nên thực hành vô nguyện thánh dưới; Mười hai là nên hàng phục thế gian thiền tịnh tâm; Mười ba là nên khởi các thần thông thù thắng công đức; Mười bốn là nên chứng nghĩa đệ nhất thắng công đức; Mười lăm là nên cùng sống như thật với chúng sinh, được các công đức đều làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tổng La-hán hoặc dịch là bất sinh, tặc, Vô trước, Ứng cúng. Ngày nay ngài Thiên Thân dịch thẳng là ứng. Câu đầu tiên giải Thích trong mười lăm câu, là nói nên thức uống ăn chính là nghĩa ứng cúng. Mười bốn câu còn lại chỉ gọi là Ứng như văn đã nêu. Điều thứ mười lăm nói nên biết như thật đồng với chúng sinh, được các công đức. Nhưng kinh nói: có hai thứ, năm thứ Phật tử, cùng sinh ra từ miệng Phật, cho rằng cùng sinh ra chúng sinh. Một là Bốn quả và Duyên giác gọi là năm thứ Phật tử. Hai là bốn quả là Bồ-tát pháp thất là năm thứ phật tử Nhiếp lấy sự môn là giải Thích thứ ba môn, y theo văn có hai: đầu là nêu chung, kế là giải thích riêng.

Nhiếp lấy (nhiếp lấy nghĩa là nhiếp lấy) sự môn, mười lăm câu nầy nhiếp lấy mười thứ công đức nên biết nói lên quả có thể nói, hoặc quả không thể nói. Mười lăm câu nhiếp lấy nầy, mười thứ công đức nên biết. Là nói dùng mười lăm câu nhiếp lấy mười thứ công đức nói lên quả có thể nói, hoặc quả không thể nói. Một giải thích: khác có quả của hành vi có thể nói, không có quả của hành vi thì không thể nói. Nếu theo giải thích, làm mười tên công đức thì danh vị có thể nói, nếu không làm được mười công đức thì danh vị không thể nói. Mười thứ ấy là gì trở xuống: là nói mười công đức riêng. Một là nhiếp lấy đoạn đức công đức hai câu nói lên như kinh các lậu đã hết không còn phiền não; Hai là ba câu nhiếp lấy các công đức: một câu là hàng phục thế gian công đức Như kinh chép: tâm được tự tại, hai câu là hàng phục xuất thế gian, công đức của người học như kinh khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát; Ba là nhiếp lấy không chống lại công đức thuận theo giáo Như lai mà htực hành. Vì thế Như kinh chép: tâm khéo điều phục; Bốn là nhiếp lấy công đức Như kinh chép: rồng lớn trong loài người; Năm là nhiếp lấy sở ứng tác thắng công đức. Sở ứng tác có thể theo pháp cúng dường cung kính tôn trong Như lai nên điều Như kinh chép: nên làm, phải làm; Sáu là lấy đầy đủ công đức, đầy đủ học địa, nên điều như kinh làm, đã làm được hết; Bảy là ba câu đã nhiếp lấy qua công đức: a/ quá

yêu, b/ quá cầu mong cúng dường cung kính, c/ vượt quá cõi trên, dưới đã quá Học địa, nên Như kinh chép: trút bỏ các gánh nặng, được lợi mình, dứt hết các hữu kết; Tám là nhiếp lấy lấy công đức trên trên Như kinh chép: khéo được chính trí tâm giải thoát; Chín là nhiếp lấy những lợi ích nên làm cho công đức lợi ích của chúng sinh, Như kinh chép: tất cả tâm được tự tại; Mười là nhiếp lấy công đức trên thủ, Như kinh chép: tức bờ kia bậc nhất.

Một là nhiếp lấy lấy đức công đức của nói lên hai câu.

Hỏi: Thế nào là công đức danh đức?

Đáp: Tất cả La-hán phải ứng theo các lậu đã hết, không còn phiền não, nên nói đức công đức.

Hai là ba câu nhiếp lấy các công đức.

Hỏi: Thế nào gọi là các công đức?

Đáp: Trong ba câu, câu đầu là hàng phục phàm, hai câu sau là hàng phục bậc thánh, nên gọi là các. Đã nhiếp lấy được quá cũng ba câu sao không gọi là các? Lấy ở nguyên nhân đầu, lại như ba câu sau nói là qua. Ba ứng này là Ba hàng phục công đức, nhưng đặt tên không giống nhau.

Ba là nhiếp lấy mà không trái với công đức. Câu trước nói có khả năng hàng phục cõi. Câu này khen ngợi sự trên thuận của nó, nói rằng được quả La-hán rồi thì mới khéo thuận theo Phật hạnh dạy

Bốn là công đức nhiếp lấy thù thắng, nghĩa là trong các La-hán trên hết như con rồng lớn trong loài người.

Năm là nhiếp lấy lấy công đức thù thắng nên làm là nói, tuy được La-hán vị báo ân Phật càng nên kính dưỡng, tôn trọng Đức Phật. Điều kể thứ ba ở trước là thuận theo pháp, câu này đã nói về tôn người quý.

Sáu là nhiếp lấy đầy đủ công đức, học địa phải làm mà, chưa làm nên chưa đầy đủ. Nay những điều phải làm đã làm xong, nên gọi là đầy đủ.

Bảy là ba câu nhiếp lấy qua công đức, trước xếp vào ba quá, đầu tiên là hai quá quá phàm, sau là nhất quá quá cõi trên dưới. Nói rằng quá Học địa thật quá ba cõi. Còn nói cõi trên dưới thì cõi dục là tán, hai cõi trên là tĩnh, nên cõi trên dưới đã lấy ba cõi. Ba câu kế là Hữu học, trút bỏ các gánh nặng thích trên quá ái. Gánh nặng tuy là có năm ấm mà ái là chính. Được lợi mình giải thích rằng quá cầu mệnh cúng dường cung kính. Để được lợi ích Niết-bàn nên không cầu mệnh kính dưỡng lợi lộc ở thế gian. Dứt hết các hữu kết được giải thích trên quá cõi trên

dưới. Đã hết ba kiết hữu nên quá cõi trên dưới.

Tám là nhiếp lấy công đức trên trên.

Hỏi: Khéo được chính trí tâm giải thoát, vì sao lại gọi là công đức trên trên.

Đáp: luận nói:trong môn trên trên khởi ở trước chép: tại sao gọi là khéo được chính trí tâm giải thoát, là vì các lậu đã hết. Ý của người giải thích chính là ở chỗ lậu hết. Nên lậu tận là công đức trên trên. Y theo lời văn giải thích các lậu hết trong mười lăm công đức là công đức đầu tiên, nên nói là trên trên.

Chín là nhiếp lấy lấy nên làm công đức lợi ích chúng sinh để cho tất cả tâm được tự tại, có thể tự tại lợi ích chúng sinh.

Mười là nhiếp lấy công đức trên thủ. Luận Tỳ-bà-sa chép: Ba-la-mật-đa Thanh Văn nghe. Điều này đã vượt qua được bờ thứ nhất bên kia. Bờ thứ nhất bên kia là Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao gọi là bờ bên kia?

Đáp: Tất cả công đức cao quý của La-hán, như Tam-muội Vô Tránh, v.v... đều hiểu biết được rốt ráo, vì thế gọi là bờ bên kia.

Hỏi: Trong mười công đức của kinh La-thập gồm có thứ?

Đáp: Chỉ có ba công đức, các lậu đã hết không còn phiền não nữa. Là đức ở trong công đức là công đức. Được lợi mình hết dứt các hữu kết, là quá công đức thứ bảy. Trong luận về Quá Công Đức có ba câu. Nay không trút bỏ được các gánh nặng thế nhưng đã được đức lợi mình dứt hết các hữu kết. Tâm được tự tại, là công đức thứ hai trong mười công đức. Luận nói các công đức có ba câu, nay chỉ có công đức hàng phục thế gian, gọi là tâm tự tại, khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát. Điều hàng phục thứ hai này là công đức Hữu học ở người, nay không thuộc ở đây. Bồ-tát thành tựu công đức, lần thứ hai đặc biệt giải thích công đức của Bồ-tát. Công đức Bồ-tát đã thành tựu, y theo văn có hai, đầu tiên là nêu chung.

Các Bồ-tát thành tựu công đức. Có mười ba câu công đức như sau: thứ hai là giải thích văn có hai, đầu tiên là nêu hai môn, kế giải thích hai môn, đầu tiên lại có hai, trước nêu chung hai môn khuyến tri.

Có mười ba câu công đức, hai môn công đức lấy nghĩa ra đã nói lên điều nên biết. Thế nào là hai môn? Ở đây sẽ phân biệt về hai môn.

Thế nào là hai môn? Một là trên chi dưới chi môn, hai là nhiếp lấy lấy sự môn.

Ttrên chi dưới chi môn nói về tướng chung và tướng riêng. Tướng

chung ở trước gọi là trên chi, tướng riêng ở sau gọi là dưới chi. Muốn nói hai nghĩa chung và riêng cành nhánh khác nhau nên gọi là chi.

Nhiếp lấy sự môn lấy mười ba câu nhiếp lấy sự việc công đức quan trọng của Bồ-tát. Nên nói nhiếp lấy sự môn đều ở chỗ Tam Bồ-đề không lui sụt kế biến chuyển là chung. Đây là thứ hai giải thích hai môn, liền thành hai khác nhau. Nay trước giải thích môn trên chi dưới chi.

Môn Trên chi dưới chi là tướng chung và tướng riêng, so với nghĩa nên biết đều được A-nâu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề không lui sụt đó là tướng chung, còn lại là tướng riêngkhông lui sụt. Có mười thứ nói lên nên biết.

Một, là trú nghe pháp không lui sụt. Đây là sự khác nhau giữa mười câu là thứ hai giải thích biệt môn cũng thứ lớp sinh nhau.

Thế nào là mười?

Một, là trụ nghe pháp không lui sụt như kinh đều được Đà-la-ni.

Hai, lạc không lui sụt chuyển đại biện tài lạc thuyết.

Ba, thuyết không lui sụt như kinh chuyển không lui sụt thuộc về pháp không lui sụt.

Bốn, chỉ thiện tri thức không lui sụt, dùng tâm nghiệp của bản thân y theo sắc thân nhiếp lấy lấy, nên như kinh cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật, nên đã trồng được các gốc lành đối với Chư Phật.

Năm, là dứt bỏ mọi nghi vấn không lui sụt, như kinh và các Đức Phật thường xưng hô, khen ngợi.

Sáu, là Nói pháp vì biết bao nhiêu việc đã nhập vào các pháp không lui sụt, như kinh đã dùng đại từ bi để tu thân tâm.

Bảy,là Nhập vào tất cả trí tuệ như thật cảnh giới không lui sụt Như kinh chép: khéo nhập Phật tuệ.

Tám, dựa vào ngã không, pháp không chẳng lui sụt như kinh thông đạt đại trí.

Chín, nhập vào cảnh giới như thật không lui sụt Như kinh chép: đến bờ bên kia.

Mười, làm những điều nên làm, trụ trì không lui sụt như kinh gọi là nghe khắp vô lượng thế giới, độ được trăm ngàn chúng sinh.

1. Ban đầu nghe pháp không lui sụt gọi là văn trì.

2. Mà vui nói không lui sụt: bên trong tuy nghe pháp mà không quên, bên ngoài lại có biện tài lạc thuyết.

3. Lạc thuyết không lui sụt: nghe pháp mà không quên lại có biện tài, về sau lại được nói pháp.cho chúng sanh nghe.

4. Y chỉ thiện tri thức không lui sụt: Vì ba công đức kể trên đều do thiện tri thức tạo thành nên được nói lại. Nghiệp thân tâm dựa vào sắc thân để nhiếp thụ, nghiệp thân tâm nói ở đây là ba nghiệp của Bồ-tát để cúng dường trăm ngàn Phật. Dựa vào sắc thân, sắc thân ở đây nói chỉ là thân Phật; Bồ-tát dựa vào sắc thân Phật để gieo trồng gốc lành!

Hỏi: Vì sao không dựa vào pháp thân để gieo trồng gốc lành?

Đáp: Là để chứng minh các việc cúng dường để gieo trồng gốc lành? Nên phải hiểu rõ về sắc thân. Những thứ nhiếp lấy được dựa vào sắc thân Phật để gieo trồng tất cả gốc lành nhiếp thụ.

5. Dứt tất cả nghi không lui sụt: Tuy đã gieo trồng được gốc lành nhưng có nghi ngờ chưa hiểu thì Phật sẽ giải quyết cho. Vì thế đối với Tam bảo không được hoại tín, đã không còn nghi ngờ và giải quyết được, nên phải khen ngợi Phật.

6. Là những gì, những gì gọi là kính thờ nói pháp, nhập vào các pháp kia không lui sụt. Đã được vô nghi, liền đứng thẳng dùng thân, miệng ý nói pháp cho chúng sinh nghe, nên phải trên khởi. Nói pháp vì việc gì, các việc đều không giống nhau, nên phải nhấn mạnh vào chữ thứ nào. Nhập vào pháp kia là đã thấu đạt các thứ pháp môn.

7. Là nhất thiết trí như thật cảnh giới không lui sụt. Phần trên là hiểu rõ từ bi, nay nói về trí tuệ. Nên đó là điều cần thiết thứ hai.

Hỏi: Trí Nhất thiết nói như thế nào là cảnh giới như thật.

Đáp: Mọi trí tuệ của Phật và Bồ-tát là cảnh giới đã nhập vào.

8. Là y theo ngã không pháp không chẳng lui sụt. Phần trên đã hiểu rõ hữu tuệ, nay lại nói về không tuệ, nên đều cần thiếť .

Hỏi: Ngã không, pháp không vì sao lại gọi là đại trí?

Đáp: Ngã không pháp không là thật tướng các pháp. Lý của thật tướng rộng lớn, dựa vào thật tướng mà sinh ra, nên gọi là đại trí. Lại như Tiểu thừa chỉ được nhân không, tiểu trí. Các Bồ-tát đều được hai không, nên gọi là đại trí.

9. Là cảnh giới như thật không lui sụt. Ở trên nói không có hai tuệ, nay nói không có hai cảnh, cùng có thể tiếp nhận được của cõi trên không tuệ. Nhưng nói về cảnh giới Không là cảnh như thật.

10. Là tác sở ứng tác không lui sụt. Bồ-tát đã đi sâu vào cảnh giới như thật, được đến bờ bên kia, còn muốn cho chúng sinh cũng đến bờ bên kia, nên tiếp với điều trên cũng như vậy làm điều nên làm. chính là giáo hóa chúng sanh giáo hóa chúng sanh là nên làm, vì việc thường giáo hóa chúng sanh không ngừng nghỉ nên gọi là Trụ trì.

Hỏi: Giáo Hóa chúng sanh vì sao lại nói nghiêng về làm đều nên

làm?

Đáp: Đại phẩm nói đại sự chính là nói về việc cứu giúp các chúng sinh. Điều này chính là việc mà Bồ-tát thường vẫn nên làm. Trí Luận Độ chép: Bồ-tát được Vô Sinh Nhẫn nên về sau càng không có dư sự nữa, điều duy nhất là đã thành tựu được cõi Phật thanh tịnh cho chúng sinh. Trong đó chứng minh được Bồ-tát vô sinh nhẫn, nên điều duy nhất là phải giáo hóa chúng sinh, nên nói là nói làm những điều nên làm).

Nhiếp thọ sự môn là giải thích nhiếp thọ sự môn thứ hai, hễ có hai vòng thì: vòng đầu là môn phân biệt nêu chương, vòng sau là môn giải thích chương.

Nhiếp thụ sự môn là nói về người nhiếp lấy dùng mười ba câu để nhiếp thụ việc Bồ-tát. Nói lên ra các Bồ-tát ở dưới. Thứ hai là giải thích chương môn, nhập vào văn nghĩa có hai: đầu tiên là nêu ba môn, kế là giải thích ba môn. Người giữ gìn được sự thanh tịnh như thế nào ở trong đó thì được xếp vào ba môn .

Nói lên các Bồ-tát đã sống trong cõi nước thanh tịnh như thế nào, đã có phương tiện như thế nào, ở trong cảnh giới như thế nào, để làm được những việc nên làm. Đất thanh tịnh là nói về vị trí của Bồ-tát. Luận Thập Địa của Long Thọ chép: Đất là nói các thứ bậc của Bồ-tát ở và sử dụng, vì vậy người đã phương tiện được tới mức độ nào thì được xếp vào chương môn thứ hai. Là ở trong mảnh đất ấy nên làm những việc có tông dụng tốt đẹp thì được gọi là phương tiện. Người ở cảnh giới nào thì được xếp vào thứ ba chương môn? Là làm được những việc đối với cảnh giới, làm những việc nên làm ở trong cảnh giới.

Địa thanh tịnh v.v...trở xuống là giải thích môn Tam chương, là thành ba biệt.

Địa thanh tịnh: Ba địa từ Địa thứ tám trở lên là vô tướng thực hành vắng lặng thanh tịnh là địa thứ tám chín mười vô tướng thực hành vắng lặng thanh tịnh. Định của địa thứ sáu là bất tịnh, giữa hai cõi của địa thứ bảy, vừa tịnh vừa bất tịnh. Địa thứ bảy thứ tám trở lên gọi là Định thanh tịnh địa vô tướng hữu công dụng nên chưa được vắng lặng. Bát địa vô tương vô công dụng, nên vắng lặng vì vắng lặng nên thanh tịnh. Lại cũng được vô tướng là thứ tám địa, vắng lặng là địa. Thứ chín thanh tịnh là nói địa, thứ mười vì thứ mười địa đối với hai chướng hoặc và, trí dứt là chướng kết tập triền hết, nên gọi là thanh tịnh. Phương tiện môn v.v...trở xuống là giải thích. thứ hai.

Địa phương tiện có bốn thứ: Một là nhiếp lấy pháp mầu phương tiện trụ trì pháp mầu, dùng năng lực lạc thuyết để giảng nói cho người;

Hai là nhiếp lấy thiện tri thức phương tiện, dựa vào thiện tri thức để làm những việc nên làm; Ba là nhiếp thụ chúng sinh phương tiện để không ruồng bỏ chúng sinh; Bốn là nhiếp thụ trí phương tiện để giáo hóa chúng sinh, giúp cho người nhập được nhập vào trí kia.

Xướng chung phương tiện có bốn thứ:

- Một là nhiếp thụ pháp mầu phương tiện, nêu phương tiện gọi là Trú trì. Pháp mầu v.v...trở xuống giải thích phương tiện gọi là Trú trì. Pháp mầu tức la trên đều được Đà-la-ni, để được văn trì, ngày nay pháp mầu đã nghe không mất là trụ trì. Người dùng lạc thuyết phục để nhiếp thụ trên lạc thuyết, biện báng xe tài tình, người được thuyết phục nhiếp thụ trên chuyển không lui sụt pháp luận, nên dùng ba câu kinh để nhiếp lấy pháp mầu phương tiện.

Hỏi: Vì sao gọi đây là làm Phương tiện?

Đáp: Là Trụ trì dẫn tới thuyết phục người gọi là phương tiện.

Hỏi: vì sao gọi là pháp mầu?

Đáp: Câu đầu đều đối với Tam Bồ-đề không lui sụt, là lấy Bồ-đề làm pháp mầu.

- Hai là nhiếp lấy thiện tri thức phương tiện, gọi là phương tiện. Y theo thiện tri thức v.v...để giải thích phương tiện. Lại nhiếp ba câu kinh để dựa vào thiện tri thức là văn kinh vô lượng trăm ngàn muôn ức Chư Phật. Người làm điều nên làm nhiếp lấy ba câu văn kinh: một là thu nhiếp cúng dường, hai là nhiếp lấy các Đức Phật đã gieo trồng lành mà, ba là nhiếp lấy những điều thường được các Đức Phật che chở. Ba thứ này dựa vào thiện tri thức, là việc phải làm.

- Ba Nhiếp thụ chúng sinh phương tiện là nêu tên phương tiện, lấy việc không xả bỏ chúng sinh để giải thích phương tiện, là lấy kinh để đại phương tiện, là để nhiếp kinh dùng đại từ bi mà tu thân tâm.

- Bốn nhiếp lấy trí phương tiện là nêu tên phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, khiến nhập trí kia lẫ? giải thích phương tiện, là dùng kinh khéo nhập Phật tuệ để thông đạt đại trí.

Cảnh giới là dị giải: cảnh giới dị giải là giải thích điểm thứ ba ở trên, là ở trong cảnh giới như thế nào thì nên làm những điều phải làm, là nhiếp kinh được đến bờ bên kia. Nên trong luận văn ở trước chép: cảnh giới như thật không lui sụt là đã đến được bờ bên kia. Lại như ở văn sau giải thích cảnh giới ba trí, nên ở đây văn không giải thích. Lại có nhiếp lấy sự môn, vòng thứ hai giải thích lại nhiếp lấy sự môn, đầu tiên là nêu môn.

Lại có nhiếp lấy sự môn: Từ nói lên các địa hấp lấy công đức, cao

quý v.v...trở xuống là:giải thích môn, là với môn trước khác. Tiền môn là nói địa vị và cảnh giới phương tiện. Ở đây là nói công đức nhiếp lấy của trên địa.

Việc nói lên các địa nhiếp lấy công đức cao quý không giống như công đức Hai thừa, nên trong thứ tám địa trí vô công dụng khác nhau giữa địa trên địa dưới. Cái không giống với địa dưới, công dụng của địa dưới là không thể động được, không giống với địa trên là vô tướng hành bất năng động. Nên tự nhiên mà thực hành ở trong địa thứ chín được thắng tiến Đà-la-ni môn cụ túc bốn trí vô ngại tự tại. Nên trong địa thứ mười xoay bánh xe pháp không lui sụt, được nhận ngôi vị phật như Thái tử vua của Chuyển Luân, nên đã dùng được đồng để nhiếp thụ nghĩa công đức.

Khác với Hai thừa công đức: công đức trong phần nói chung về các địa không giống như Hai thừa. Trong Thứ tám địa không có công dụng dưới đây được phân biệt rõ công đức trong địa thứ ba, không giống như địa trên địa dưới là vì vậy. Phân biệt với công đức, của địa thứ tám là hiệu đầu tiên khác với cõi trên cõi dưới. Từ chỗ khác với cõi dưới giải thích sự khác nhau với cõi trên cõi dưới. Công dụng của địa dưới không thể động được, từ Sơ địa tới Thất địa đều là vị công dụng. Lấy trong vị công dụng chia làm hai phần trên và, dưới. Địa Thứ sáu trở xuống gọi hữu tương hữu công dụng là nhất vị. Một địa thứ bảy gọi là vô tướng hữu công dụng là một vị. Nay bước lên thứ tám địa không vì hai công dụng trên dưới như vậy mà động được. Tự nhiên thực hành là địa thứ tám vô tướng vô công dụng. Dùng sự vô công dụng nên nói là tự nhiên thực hành.

Lại chia Thập địa ra làm ba vị, một là vị hữu tướng hữu công dụng vị, hai là vô tướng hữu công dụng, ba là vị vô tướng vô công dụng. Từ sơ địa tối địa thứ sáu vị gọi là vị hữu tướng hữu công dụng. Địa thứ bảy là vô tướng hữu công dụng. Địa thứ tám là trên vô tướng vô công dụng. Luận nói rằng công dụng địa dưới bất năng động là vị thứ hai, tự nhiên thực hành là vị thứ ba.

Hỏi: Vì sao nói công dụng địa dưới trên vô tướng hành bất năng động?

Đáp: Chính là sự giải thích tên gọi bất động địa. Nên gọi bất động là không vị hai công dụng mà động, nên đặt tên là bất động. Chỉ có luận Pháp Hoa có ba vị này, các luận khác thì không.

Hỏi: Bất đồng Hai thừa và Bất Đồng dưới vị được giải thích ở kinh nào?

Đáp: Giải thích trước hết ở Tam Bồ-đề không lui sụt. Nhất không lui sụt là Hai thừa khác với địa trên, Hai thừa công đức nói năng miễn trừ cho sự thoái hai. công dụng địa dưới bất năng động nói về hạnh không lui sụt. Địa Trên vô tướng hạnh bất năng động nói về niệm không lui sụt. Để miễn trừ lui sụt, nên nói Tam-bồ-đề không lui sụt. Cũng từ sự khác nhau với công đức Hai thừa, cuối cùng dẫn đến tự nhiên thực hành đều là̩ giải thích công đức của địa thứ tám. Sau đó địa thứ tám được gọi là địa không lui sụt, là để miễn trừ ba lui sụt. Còn ở địa thứ chín thì giải thích của công đức của địa thứ chín. Được thắng tiến Đà-la-ni là trên sự nhiếp thụ đều được Đà-la-ni. Đầy đủ bốn trí vô ngại nhiếp thụ được biện tài lạc thuyết ở trên. Là Bồ-tát địa thứ chín đầy đủ mười hat giống trí vô ngại. Trong địa thứ mười đã làm đơn giản hóa công đức của Địa thứ mười.

Không lui sụt bánh xe pháp: xuất xứ từ văn kinh thuộc về bánh xe lui sụt để được cùng nhiếp thụ nghĩa công đức, là nhiếp thụ trên thiện, nhập vào Phật tuệ rồi đưa xuống văn kinh, đã nói khéo nhập Phật tuệ, là đồng tuệ gọi là đồng nhiếp công đức với Phật. Lại dựa vaò̃ nhân nghĩa năm trong Nhân Vương kinh. Thứ năm là tịch diệt nhẫn Phật và Bồ-tát cùng có nhẫn này. Dưới nhẫn là Bồ-tát, trên nhẫn là Phật, nên nói là cùng nhiếp thọ công đức. Sơ vị nhiếp thụ khen ngợi công đức của Bồ-tát. Từ sơ Tam-bồ-đề không lui sụt là khen ngợi công đức của địa thứ tám, đều được Đà-la-ni, lại thuyết biện tài khen ngợi công đức thứ chín,tứ xoay bánh xe pháp không lui sụt cuối cùng sẽ độ được trăm ngàn chúng sinh, khen ngợi công đức địa thứ mười.

Nhiếp công đức thành tựu thứ ba, chúng thành tựu có bốn môn. Một là số, hai là hành đã xong, ngày nay giải thích là Nhiếp công đức thứ ba, ở đây muốn hiểu từng tận luận văn này thì phải thông hiểu sự giải thích công đức của hai chúng, Đại, Tiểu, hai môn trước đặc biệt giải thích công đức hai chúng. Nay giải thích hai môn sau, nói chung về công đức của hai chúng Đại, Tiểu. Y theo văn có hai, đầu tiên là nêu chương.

Nhiếp công đức thành tựu, thứ ba nói lên dựa vào đâu để giải thích chương môn, y theo văn có hai, đầu tiên xếp vào môn năm chương, là hỏi.

Nói lên y theo nơi nào, căn cứ vào tâm nào, y theo trí nào, căn cứ vào cảnh giới nào để phân biệt. Từ chỗ dựa vào chỗ nào để giải thích môn ngũ chương, là đáp.

Y theo nơi nào? Y theo thiện tri thức.

Dựa vào tâm nào? Ta dựa vào tâm độ chúng sinh giáo hóa rốt ráo làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Dựa vào trí nào? Dựa vào ba thứ trí, một là thọ ký mật trí, hai là chư thông trí, ba là chân thật trí.

Dựa vào cảnh giới nào? Dựa vào chỗ nào để giải thích được là ba thứ trí có khả năng thích ứng để biết được. Tất cả công đức của Hai thừa Bồ-tát có đều phải dựa vào thiện tri thức mà. Đầu tiên phải hiểu ràng dựa vào thiện tri thức. Dựa vào tâm, câu đầu tiên phải hiểu rõ, ở trên phải có chỗ dựa. Câu này nói v.v...trở xuống có lợi cho Bồ-tát như thế.

Hai thừa cũng được phân chia, nêu trước giải thích La-hán. Trong môn chung riêng chép: nên giáo hóa đại chúng tất cả mọi sự mọi việc nên gọi là Ứng. Cho đến câu thứ mười lăm nói nên biết như thật đồng sanh với chúng sinh được các công đức, vì lợi ích cho tất cả các chúng sinh. Nên biết Hai thừa cũng có tâm dưới tế. Dựa vào trí nào để giải thích đệ môn trí chương thứ ba. Thọ ký là việc sâu kín ở vị lai, nên nói thọ ký là mật trí. Việc thông trí là năm thần thông đều lấy trí tuệ làm thể. Ba thứ trí chân thật nói về trí vô lậu và trí chiếu không.

Dựa vào cảnh giới nào để thực hành, dựa vào năng lực nào để biện luận? Hợp cái thứ tư và thứ năm đó lại, là ba thứ trí có thể nhiếp thọ để biết. Hợp lại để giải thích thứ tư, thứ năm! Nói rằng trí có công năng chiếu cảnh là giải thích nghĩa cảnh giới. Dựa vào ba trí để chiếu cảnh sanh ba trí nên gọi là năng biện.

Hỏi: Luận chủ dựa vào văn nào để nói về năm môn này?

Đáp: Lại dựa vào sự khen ngợi đức của Bồ-tát, trong đó sinh khởi năm môn này. Vòng thứ hai ở trước nhiếp thụ sư môn, khen ngợi ba địa thứ tám,thứ chín,thứ mười. Địa thứ mười chỉ giải thích xoay bánh xe pháp, không lui sụt. Từ việc cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật đến việc có thể độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Văn chưa được giải thích, nay muốn giải thích văn kinh này phải chia thành năm môn, bắt đầu từ việc dựa vào thiện tri thức, là cúng dường vô lượng trăm ngàn ức Chư Phật. Dựa vào tâm nào? Là đại từ bi tu thân tâm bằng. Dựa vào trí nào? Là khéo nhập vào Phật tuệ để thông đạt đại trí. Dựa vào cảnh giới nào để tới bờ bên kia? Dựa vào năng lực biện luận nào để độ được vô lượng trăm ngàn chúng sinh.

Hỏi: Nếu dựa vào việc khen ngợi công đức Bồ-tát, thì khởi lên năm môn này làm sao giải thích Hai thừa?

Đáp: Hai thừa cũng có nghĩa nhờ cậy bề trên cứu giúp kẻ dưới,

nên được thông minh.

Bốn uy nghi đúng pháp trụ thành tựu, giải thích thứ tư, trước tiên hết là nêu chương.

Bốn uy nghi đúng pháp trụ thành tựu, có bốn thứ sau: giải thích chương lại có hai. Bây giờ giải thích trước, có bốn thứ nói lên, bốn thứ ấy là: Một là chúng vi nhiễu, hai là tiền hậu, ba là cúng dường cung kính, bốn là tôn trọng khen ngợi, kế là trình bày kinh xứ, Như kinh chép: bây giờ. Đức Thế Tôn, bốn chúng vây quanh cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi. Những điều này cũng có ở cả hai thừa Đại Tiểu.

Hỏi: Kinh nói là bốn chúng vây quanh thế nhưng nghe nói có hai chúng xuất gia, hai chúng tại gia vì sao cổ cả Bồ-tát?

Đáp: Bồ-tát cũng có tại gia xuất gia, Luận Trí Độ chép: Bồ-tát phải tùy trong bốn chúng. Bốn chúng chưa hẳn đã tùy trong Bồ-tát. Khi Như lai muốn nói pháp đã đến thì sẽ thành tựu. Giải thích lúc muốn nói thứ ba trong bảy phần.

Hỏi: Nay chính là nói kinh Vô Lượng Nghĩa vì sao nói là sắp nói thì thành tựu?

Đáp: Về sau nói Pháp Hoa nên là sắp. Muốn nói Pháp Hoa nên trước nói kinh vô Lượng Nghĩa, nên vô Lượng Nghĩa là thứ lớp của Pháp Hoa. Văn chia làm hai, trước là nêu tên chương.

Khi Như lai sắp nói pháp đã đến thì thành tựu, vì các Bồ-tát v.v... trở xuống là giải thích tên chương, văn chia làm ba môn: Một là thị thích kinh xứ; Hai là chính giải thích; Ba là nói ý giải thích.

Cho các Bồ-tát nghe nói kinh Đại thừa, ban đầu như văn. Ở đây Đại thừa Tu-đa-la trở xuống là giải thích thứ hai, y theo văn có hai. Ban đầu nêu chung có mười bảy tên khuyên biết.

Đại thừa này Tu-đa-la v.v...trở xuống có mười bảy tên nói lên công đức sâu xa xa , nên phải biết. Mười bảy tên là v.v...trở xuống là giải thích thứ hai.

Hỏi: Vì sao luận lại giải thích kinh này có mười bảy tên?

Đáp: vì lược nói năm nghĩa.

- Một là Thiên Thân soạn luận thường phân biệt nói chung để giải thích kinh. Con số mười bảy này là tổng mục của một kinh. Ngoài con số mười bảy ra là sự phân biệt của một kinh.

- Hai là muốn nói lên mười bảy tên có mười bảy công đức. Khuyên tất cả chúng sinh thọ trì cúng dường để sinh tâm cực tôn quý.

- Ba là muốn định ra sự cạn sâu của đạo, giúp cho các dòng nhánh đọc tụng bỏ tà theo chính, có người cho Pháp Hoa là vô thường giáo

lý.

Thứ hai cho là che lấp tướng nói thường, còn thứ ba thì chấp định tánh thường trú. Giờ dùng mười bảy tên để phá hết ba thuyết rằng. Nên v.v... trở xuống là mười hai tên tất cả Chư Phật kiên cố xá-lợi của, nghĩa là của Như lai chân như pháp thân ở đây Tu-đa-la không hoại, đã nói chân như pháp thân, nên biết phi vô thường, phi phục tướng. Thể của chân như là quên lời dứt nghĩa, cũng là thường định tính chẳng phải.

- Bốn là khi sắp giải thích đề của một kinh. Đề nói là Diệu Pháp Liên Hoa, Diệu pháp là nói pháp thân Tịnh Diệu của Như lai.

- Năm là từ trước người giảng nói rằng Vô Lượng Nghĩa khác với Diệu Pháp Liên Hoa. Nay giải thích theo nghĩa khác nên đặt tên khác, hoặc tên là Vô Lượng Nghĩa, hoặc tên là Diệu Pháp Liên Hoa, dùng để giải thích mười bảy tên, tức thành mười bảy.

Mười bảy tên là gì? Làm thế nào để hiển bày một tên Vô Lượng Nghĩa Kinh thành tựu nghĩa chữ, nên dùng pháp môn phương tiện này để nói về cảnh giới pháp mầu sâu xa xa đó, do đó cảnh giới pháp diệu sâu xa sa đó chính là cảnh giới cao siêu của Chư Phật, Như lai. Nhất vô Lượng Nghĩa là nêu tên kinh. Thành tựu nghĩa chữ là: giải thích tên Vô Lượng Nghĩa. Tự ở đây chính là giáo! Nghĩa để nói làm cho lý sáng, lý giáo vô lượng. Điều này cũng tương ứng với kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói chúng sinh căn tánh có vô lượng nên giáo vô lượng. Giáo vô lượng nên nghĩa vô lượng. Vì vậy nên nay nói thành tựu tự nghĩa. Dùng pháp môn này nói phương tiện, nói cảnh giới pháp mầu sâu xa sắc đó. Giải thích nghĩa của các chữ trên cùng là để nói phương tiện thuyết sâu xa xa Hai thuyết ở đây giải thích các chữ trên nói phương tiện sâu xa, giải thích chữ ở trên nên gọi là nghĩa chữ. Cảnh giới sâu xa xa mầu đó chính là cảnh mầu của Chư Phật, Như lai. Điều này tương ứng với kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh đó nói vô lượng từ một pháp sinh ra. Một pháp đó nói là Vô tướng, như thế vô tướng, vô tướng bất tướng gọi là Thật tướng. Nên biết chỉ có Phật và Phật mới rốt ráo, cùng tận thật tướng các pháp gọi là cảnh giới sâu xa.

Hỏi: Nói sâu xa là cảnh giới mầu của Phật, nói phương tiện vì sao lại gọi là nghĩa phương tiện?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa một. là nói năm thừa. Trong đó trời, người và Hai thừa đều gọi là phương tiện. Thuyết Đại thừa gọi là sâu xa lại là lý thật không có năm. Nói về năm thừa đều là phương tiện, lại ràng buộc lý giáo sáng nói thật phương tiện. Giáo có công năng giải thích lý, nên dùng giáo làm phương tiện để lý nghĩa. Chính vì thế luận

văn chỉ giải thích sâu xa mà không giải thích phương tiện. Nên biết rằng phương tiện được nói lên ra ở lý. Nếu nhận thức được lý đã nói lên là nhận thức được sự dạy dỗ đã nói lên, nên không giải thích phương tiện.

Hai gọi là: Tối thắng Tu-đa-la là tạng mẫu cao siêu trong Ba Tạng, pháp môn này đã khéo thành tựu. Hai danh tối thắng Tu-đa-la, nếu đối với Ba Tạng Tiểu thừa thì kinh này thuộc về Tạng Bồ-tát. Hai thứ đó ở trong Đại thừa, tự có Ba Tạng như nhiếp lấy Đại thừa thuyết, còn Pháp Hoa là Tu-đa-la hơn hai tạng còn lại.

Ba là: Đại Phương Quảng là vô lượng Đại thừa pháp môn thuận theo căn cơ chúng sinh mà trú trì thành tựu. Ba gọi là Đại Phương Quảng, Phương Quảng là tên chung của Đại thừa, là giải thích kinh này là kinh Đại thừa mà các Bồ-tát nói. Lại có nghĩa là văn Đại thừa đều rộng, nên mới gọi là Đại Phương Quảng. Người giải thích luận văn này lấy giáo quảng làm quảng, nên mới nói là vô lượng Đại thừa môn. Môn ở đây là giáo ,thuận theo chúng sinh căn cơ trú trì thành tựu là giải thích Đại thừa môn vô lượng. Lấy Đại thừa chúng sinh căn cơ vô lượng để giáo năng hiển lý thuận cơ nên gọi là Trụ trì.

Bốn là: Giáo Bồ-tát pháp cho rằng giáo hóa căn cơ chín muồi, Bồ-tát thuận theo pháp khí khéo thành tựu. Bốn là pháp giáo hóa Bồ-tát. Đến thời Pháp Hoa hồi Tiểu nhập Đại, rồi tiến thẳng tới căn cơ Bồ-tát đều đã chín muồi. Nên sau đó nói khi Như lai Niết-bàn cho tới chúng lại thanh tịnh.

Năm gọi là: Phật sở hộ niệm v.v... dựa vào Phật Như lai mới có pháp này. Năm là Phật sở hộ niệm, trở xuống kinh nói Phật tự trụ Đại thừa, nên Phật thường hộ niệm pháp này, nay trao cho chúng sinh thuyết Đại thừa. Chúng sinh cũng được trú Đại thừa là chúng sinh cũng được Phật mà che chở. Lại như Nhiếp Luận nói mười hai bộ kinh từ pháp thân mà ra, là văn kinh dựa vào Phật, Như lai nên mới có pháp này.

Sáu là: tất cả Chư Phật pháp bí mật của pháp này sâu xa xa, có chỉ Phật, Như lai mới biết. Sáu gọi là chư Phật pháp mật của tất cả cũng như văn dưới nói chỉ có Phật mới biết được, không nên truyền trao bừa bãi, gọi là bí mật.

Bảy là: tất cả Chư Phật tạng của, là Tạng công đức Tam-muội của Như lai ở trong kinh này. Bảy gọi là Nhất thiết Chư Phật tạng, như phẩm Thần lực chép: tất cả các pháp, tất cả thần lực tự tại của Như lai, cho đến tất cả những việc đều thuộc về kinh này.

Tám là: Nhất thiết Chư Phật bí mật xứ. Các chúng sinh có căn

cơ chưa chín muồi không nhận được pháp khí thì không truyền cho họ được. Tám gọi là nhất thiết Chư Phật bí mật xứ, như năm ngàn vị đệ tử đứng dậy bỏ đi, không được nghe. Cũng như hơn bốn mươi năm chưa được giảng nói.

Chín là: Năng Sinh Nhất Thiết Chư Phật kinh, là nghe pháp môn này sẽ được thành Phật Đại Bồ-đề. Chín gọi là Năng Sinh Nhất Thiết Chư Phật, như phẩm Pháp Sư chép: nghe một câu của kinh này đều sẽ được thọ ký thành Phật.

Mười: Nhất thiết Chư Phật đạo tràng, nghe pháp môn này sẽ thành Chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chẳng phải Tu-đa-la khác. Mười gọi là Nhất Thiết Chư Phật đạo tràng. Đạo Tam-bồ-đề khởi ra từ kinh này nên gọi là tràng. Phẩm Thần Lực chép: nên biết nơi này là đạo tràng, ở đó đã từng đốt kinh, đâu không phải thế hay sao?

Mười một là: Nhất thiết Chư Phật xoay bánh xe pháp là dùng pháp môn này phá hủy được tất cả mọi chướng ngại. Mười một gọi là Nhất thiết Chư Phật xoay bánh xe pháp mầu. Phẩm Dược Vương nói có công năng phá bỏ được các thứ mờ tối bất thiện. Cũng như v.v...trở xuống là luận dứt ba nghĩa quyết định, v.v... dứt trừ bốn trong năm thứ kinh hoàng sợ hãi, cho đến phá được mười thứ bệnh của con người.

Mười hai là: Nhất thiết chư Phật kiên cố xá-lợi kinh, là nói pháp thân Như lai chân như của, ở đây Tu-đa-la bất bại hủy. Tên thứ mười hai như giải thích ở trước. Ở đây đã dùng nhiều tháp Phật báu có ý nói là pháp thân không bị hủy hoại, cũng như trong phẩm Thọ vương ý nói ba thân Như lai, vả trong dùng phẩm Pháp Sư nên biết đây có văn của toàn thân Như lai.

Mười ba là: Nhất thiết Chư Phật đại xảo phương tiện kinh. Dựa vào pháp môn này thành đại Bồ-đề đã vì chúng sinh nói thành các thiện pháp. Trời, các Thanh Văn, Bích-chi-phật. Mười ba gọi là Đại xảo phương tiện, văn cho rằng nhất Phật thừa là chân thật. Được nhất Phật thừa rốt ráo vì nhất Phật thừa mà nói, Hai thừa và trời, người gọi là phương tiện.

Mười bốn là: Thuyết Nhất Thừa kinh là dùng pháp môn này để nói lên Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề có thể cuối cùng là đạo Hai thừa kia chẳng phải rốt ráo. Tên thứ mười bốn là Nhất Thừa kinh. Trong đây chính là dùng quả Vô thượng Bồ-đề làm thể của Nhất thừa. Trong phẩm Phương tiện dùng chân như pháp thân làm thể của Nhất thừa. Hai thứ này không trái nhau, nói theo nghĩa ẩn thì dùng chân như pháp thân làm thể. Nói rõ ràng là quả pháp Vô thượng Bồ-đề làm

thể.

Mười lăm là: Đệ nhất nghĩa trú – pháp môn này là nơi trú ngụ cuối cùng của pháp thân Như lai. Mười lăm tên là Đệ nhất nghĩa trú. Đệ nhất nghĩa là pháp thân, kinh này có công năng hiện ra pháp thân, là nơi trú ngụ của pháp thân.

Mười sáu là Diệu Pháp Liên Hoa, có hai nghĩa, hai nghĩa ấy là Một nghĩa ra khỏi nước: vì không thể ra khỏi bùn nhơ Tiểu thừa, nên lại có nghĩa như hoa sen ra khỏi nước bùn, dụ như các Thanh Văn được vào ngồi trong đại chúng của Như lai, như các vị Bồ-tát ngồi trên đài hoa sen nghe nói cảnh giới thanh tịnh vô thượng của Như Lai, chứng được Như Lai tạng thâm mật của. Hai là nghĩa hoa mở, lấy các chúng sinh ở trong Đại thừa có tâm hồn khiếp sợ không thể sinh tín, nên phải khai mở. Chỉ có pháp thân mầu nhiệm của Chư Phật, Như lai mới sinh ra tín tâm được. Tên thứ mười sáu là Diệu Pháp Liên Hoa, là giải thích đề kinh. Luận chủ y theo nghĩa thứ hai để giải thích điều một là nghĩa ra khỏi nước, điều hai là nghĩa hoa nở, từ việc ra khỏi nước mở rộng thành hai: một là nghĩa ra khỏi nước, ở đây nêu nghĩa ra khỏi nước, dùng pháp Hai thừa, nước nhơ không bao giờ tận dụng hết được để giải thích việc ra khỏi nước. Kinh này nói về cách ra khỏi nước bùn nhơ của Tiểu thừa. Nên nói ra khỏi nước bùn nhơ của Tiểu thừa

Hỏi: Chỉ nên nói ra khỏi nước bùn nhơ rồi Hai thừa, vì sao lại nói không thể hết được?

Đáp: Một là không thể hết được, không thể hết được chính là thật tướng pháp thân. Nay nói thật tướng pháp thân, nên được ra khỏi nước bùn nhơ của Hai thừa. Dùng thật tướng pháp thân tuy ở trong nước bùn nhơ Hai thừa nhưng không thể khiến nó diệt hết được, chính là chân như có cặn ra khỏi thành chân như vô cấu; Hai là ba đời Phật giúp cho chúng sinh ra khỏi nước bùn nhơ Hai thừa thành Phật, mà Phật thừa thì không thể hết được. Như ví phẩm thí dụ chép: dùng vật này của ta chu cấp cho một nước còn không thiếu huống chi các đệ tử; Ba là hoa sen tuy ra khỏi nước bùn nhơ nhưng lại không bỏ nước bùn, ở đây cũng vậy. Tuy giúp cho chúng sinh lìa khỏi Hai thừa thành Phật, thường làm Hai thừa phương tiện để giáo hóa chúng sinh, cũng như phẩm Dược Thảo Dụ có nói. Lý tuy không hai, tùy duyên nói hai, mà duyên đã có hai thì nghĩa cùng sẽ có nghĩa thứ hai. Mượn việc hoa ra khỏi nước để dụ cho người Hai thừa hồi Tiểu nhập Đại được ngồi trong đại chúng Như lai, cũng như Bồ-tát được ngồi trên đài sen, được cùng Bồ-tát nghe Pháp Hoa thành Phật. Nghĩa trước có khác với nghĩa sau, có thể có hai ý. Đầu tiên là

giải thích pháp, nói theo kinh này thì pháp thân Phật ra khỏi nước bùn nhơ của Hai thừa, sau đó con người ra khỏi nước bùn nhơ của Hai thừa. Điều thứ hai đã ước hẹn trước đi thẳng tới chỗ Bồ-tát, sau đó mới hồi Tiểu nhập Đại. Điều thứ hai là nghĩa hoa nở. Điều ví dụ chính là hoa nở mà thật ra như Nhất thừa giáo nở hiện ra Nhất thừa lý. Nở hiện ra pháp thân mầu nhiệm của Như lai giúp cho tất cả các chúng sinh được sinh tâm tịnh tín. Pháp thân sạch mầu chính là đề kinh Diệu Pháp.

Mười bảy là tối thắng pháp môn là được thành tựu. Thành tựu đạt là nhiếp thụ được vô lượng danh cú tự thân Tần-bà-la, A-súc -bà-đẳng Thủ-lư-ca (cũng gọi là kệ). Mười bảy tâm là pháp môn ở trên đã nói về Phật thừa. Phật thừa đầy đủ muôn đức nên nói chúng đức vô lượng. Nay nói về đức, đức đã vô lượng thì văn cũng vô lượng. Nên văn dưới chép nói: là kinh Pháp Hoa nầy như Hằng sa kệ. Cũng như phẩm Dược Vương chép: tám trăm ngàn muôn ức na-do-tha Tần-bà-la đăng kệ. Phẩm Dược Vương gọi là Kệ, nay nói Thủ-lư-ca, cũng có thể dùng kệ để dịch Thủ-lư-ca. Cũng có thể dùng tên khác. Ở đây đều như sự giải thích của Pháp Hoa sớ. Ở nước ngoài còn gọi là thủ lư hoặc gọi là Thủ-lư-ca. Đó chỉ là các âm khác nhau mà thôi.

Hỏi: Vì sao lại nói là Thủ-lư kệ?

Đáp: Thủ-lư là kệ thông thường, nhiều pháp ở nước ngoài như là văn xuôi, như kệ đều gọi là Thủ-lư. Nên chẳng dùng kệ khác, mười bảy câu pháp môn này là câu dư,chung là đặc biệt, cách giải thích thứ ba này đều là mười bảy thứ danh ý.

Mười bảy câu pháp môn này là câu dư chung, là đặc biệt, nên như kinh đã nói các Bồ-tát là kinh Đại thừa, tên` Vô Lượng, Nghĩa cũng như vậy. Luận chủ dùng mười bảy tên này. Giải thích chung tên một bộ kinh. Nếu giải mười bảy tên này thì sẽ biết hết ý của kinh Pháp Hoa. Bao gồm tất cả là tâm từ bi, có ý nghĩa người nghe ít mà ngộ được ý nhiều. Sở y thuyết pháp thuận theo uy nghi trú thành tựu, giải thích phần thứ tư, trước nhắc lại tên chương, kế đó giải thích.

Sở y nói pháp thuận theo uy nghi trú thành tựu, trong môn nhắc lại Điệp chương, nói thuận theo uy nghi trụ là thuận theo uy nghi quá khứ Phật, như quá khứ khi nói Pháp Hoa nhập định, động đất hoa. Tuôn rãi như mưa nay cũng như vậy. Thứ hai là thuận theo uy nghi hiện tại của chúng sinh. Văn sau nói làm cho thuận theo chúng sinh nói lên sự đối trị. Nhiếp thụ giác Bồ-đề phần pháp, nói lên dựa theo pháp nào để có sự giải thích về chương môn, y theo văn thì có hai: trước hỏi, sau đáp. Nói lên pháp nào để nói pháp? Là hỏi.

Nói lên dựa vào pháp nào để nói pháp. Ý hỏi rằng: Phật dựa vào pháp nào để nói kinh Pháp Hoa nầy? Dựa vào ba pháp ở sau, đó là Đáp. Đầu tiên nêu chung, dựa vào ba pháp, một là dựa vào Tam-muội thành tựu, đặc biệt giải thích dựa vào ba pháp.

Dựa vào ba pháp, y theo giải thích có hai, đầu tiên là giải thích riêng y Tam-muội. Sau đó là giải thích chung là mặt đất rung chuyển hoa tuôn nở như mưa. Y theo giải thích y Tam-muội còn mở ra hai điều khác. Đầu tiên là giải thích, sau đó nêu chỗ giải thích. Trong chính thích đầu tiên là nêu Tam-muội là chỗ nương.

Một là nương Tam-muội thành tựu, dùng Tam-muội để thành tựu, có ba thứ nói lên. Giải thích y theo Tam-muội dùng Tam-muội thành tựu hai pháp nói lên giải thích lý do nương vào tam muội,vì tam muội thành tựu hai thứ pháp,thị hiệp hai là:? Một là thuận theo chúng sinh bất kiến đối trị nhiếp thụ giác Bồ-đề phân pháp, hai là đối trị kiên chấp phiền não. Từ vô lượng đời đến nay, Nên có câu hỏi rằng: Nay nói kinh Pháp Hoa tại sao không nhập vào Tam-muội Pháp Hoa mà lại nhập vào Tam-muội vô Lượng Nghĩa Xứ? Điều này được giải thích rằng: Tam-muội vô Lượng Nghĩa có hai thứ lực nên phải dựa vào đó. Một là thành tựu năng lực tự tại thân tâm bất động, giải thích năng lực tự tại thân tâm bất động, nên vắng lặng cùng cực, vì vắng lặng cùng cực nên thấy rõ; Hai là xa lìa các chướng ngại. Theo luận ở dưới giải thích Phật nhập Tam-muội, không người nào có thể cảnh ngộ được, là xa lìa các chướng ngại. Phật lại nhập vào chỗ này định nói Pháp Hoa, không có duyên bên ngoài làm chướng ngại, giúp cho không được nói. Lại không có duyên ngoài làm chướng ngại, giúp cho chúng sinh không được nghe nói.

Hỏi: Lấy gì để biết có năng lực này?

Đáp: Văn nói xa lìa các chướng ngại. Đã nói các ở đây là không có chướng ngại nào không xa lìa.

Tùy năng lực tự tại được giải thích là xa lìa các tâm tướng, Phật thuận theo năng lực tự tại của Tam-muội nên các chướng ngai không thể gây trở ngại được. Năng lực tự tại này lại có hai thứ v.v...trở xuống lại giải thích lại Tam-muội có hai năng lực:

Một là thuận theo chúng sinh nói lên đối trị, nói rằng tùy Hai thừa chúng sinh trong hơn bốn mươi năm nói lên đối trị Hai thừa bệnh pháp. Lại như luận sau thuận theo mười thứ chúng sinh nói lên ra mười thứ đối trị. Nhiếp thụ giác Bồ-đề phần pháp. Điều này xuất ra pháp có công năng đối trị rồi nhập vào tam-muội, chính là dùng vô lượng Bồ-đề đối trị Hai thừa, người bị bệnh được gọi là nhiếp thụ. Còn các thứ

gọi là giác Bồ-đề phân pháp, nói những điều nên nói, biết được những chính biến Vô thượng, nay lược gọi là giác Bồ-đề. Giác chính là Bồ-đề. Bồ-đề lấy trí làm thể, còn nói chia ra chính là vì Vô thượng Bồ-đề mất đi ở Hai thừa không dùng tới pháp khác, nên gọi là phần. Lại như bày phần giác tám thánh đạo phần. Là Đạo phẩm cũa Đại thừa nay khen ngợi bảy giác đã tiêu diệt. Nên nói là giác Bồ-đề phân, Giác Bồ-đề còn chia ra Bồ-đề, giác biết phân. Việc phân chia đó gọi là nhân, nhân là Hai thừa Bồ-đề. Của Nhiếp thu Bồ-đề phần là Hai thừa Bồ-đề của nhập vào Bồ-đề phần.

Hai là đối trị chấp chặt phiền não. Từ vô lượng đời đến nay trước đã nói về tri dược (coi về thuốc) nay nói về thức bệnh (biết bệnh). Tóm lại thì vô Lượng Nghĩa định ra bốn năng lực của nó: một là bên trong, là thân tâm bất động, hai là bên ngoài không có chướng ngại thì nói là trong ngoài một đôi, ba là rành về thuốc, bốn là biết bệnh. Gọi thuốc và bệnh là một đôi, lấy việc có năng lực này để nhập vào vô Lượng Nghĩa thì chắc chắn không nhập vào Tam-muội Pháp Hoa. Phẩm này tương ứng với kinh vô Lượng Nghĩa, nên kinh vô Lượng Nghĩa chép: kinh vô Lượng Nghĩa văn lý chân chính, tôn quý không gì hơn. Chư Phật ba đời cùng che chở không có chúng ma. Các đạo được nhập vào cảnh không sinh tử, không hủy hoại. Kinh vô Lượng Nghĩa đã như vậy, định vô Lượng Nghĩa cũng vậy. Như kinh v.v...trở xuống thứ hai là giải thích kinh xứ.

Như kinh do Phật nói kinh này phật ngồi kết già, nhập vào Tam-muội vô Lượng Nghĩa xứ. Cả hai thứ ấy nương khi, thế gian.v.v...trở xuống Lấy việc trước đây Phật đã nói Pháp Hoa, đất rung chuyển sáu cách. Nay cũng như vậy, nên nương vào động đất là nói Đại pháp phá đại bộ, nên được lợi ích lớn, giúp cho chúng sinh vui mừng. Và nên biết các việc trong vô lượng kiếp ở quá khứ, giải thích dựa vào chúng sinh ở thế gian. Quá khứ vô lượng kiếp Phật nói Pháp Hoa, khi đó trời rãi bốn thứ hoa như mưa, đại chúng vui mừng.

Hỏi: Đại chúng vui mừng thế nhưng chúng sinh ở thế gian, trời rải bốn thứ hoa như mưa, sao nói là chúng sinh ở thế gian?

Đáp: Trời là số chúng sinh, như kinh v.v...trở xuống là hai thứ nêu kinh, chỗ giải thích.

Như kinh chép: lúc ấy trời rãi hoa Mạn Đà-la, như mưa cho đến vui mừng, chấp tay nhất tâm nhìn Phật. Những kinh này chính là chứng minh chúng sinh thế gian. Ở trước nói rung chuyển thế giới, đã chứng minh khí thế giới. Rồi Y chỉ nói nhân thành tựu. Đây là phần thứ năm

y theo văn có hai, đầu tiên là nhắc lại tên chương.

Y chỉ nói nhân thành tựu. Các đại chúng kia v.v...trở xuống là đã được giải thích tên chương. Y theo văn có ba, một là giải thích, hai là dẫn kinh chỗ giải thích, ba là phân biệt. Y theo giải thích ở đầu lại có ba trước: giải thích ý phát ra ánh sáng. Kế là giải thích ý phát ra ánh sáng, ba là trong ánh sáng sự việc hiện ra. Giải thích đầu tiên là tên chương, là giải thích phát ra ánh sáng. Các đại chúng kia hiện thấy dị tướng không thể suy nghĩ tới việc Như lai nay vì ta nói khát ngưỡng muốn nghe, sinh tâm ít có y chỉ thuyết nhân thành tựu. Như lai phát ra ánh sáng rực rở nói lên các việc trong thế giới.

Ngôn y chỉ thuyết nhân, chính là tâm bên trong của chúng sinh, nói nội tâm là khát vọng kính mến muốn nghe Pháp Hoa. Tuy nói nhập định, hoa rơi động đất, nếu không có tâm khát vọng kính mến muốn được nghe ở bên trong, thì Phật cũng không thể nói Pháp Hoa được. Lại như nhập định động địa mưa hoa ở trên là duyên bên ngoài, nay tâm khát vọng kính mến muốn được nghe thì lại là nhân bên trong. Nhân duyên đầy đủ mới được nói giáo.

Hỏi: ở Trên mưa hoa động đất đã khiến chúng vui mừng, là nhân đã xong nay nói vì sao lại nói về nhân?

Đáp: Trên tuy sinh vui mừng nhưng chưa biết muốn nói Đại pháp. Nay thấy Phật phát ra ánh sáng hiện lên các việc của cõi Phật ở phương Đông, còn phải biết ứng với Đại pháp Ngài nói vì ta. Điều đó chính là khát khao, kính mến muốn được nghe danh làm nhân nghĩa thành tựu.

Trước hiệu việc bên ngoài là giải thích thứ hai, phát ra ánh sáng chính là phân biệt hai điểm trước sau khác nhau.

Trước là nói lên sáu việc bên ngoài vì đại chúng, rung chuyển sáu cách, thứ lớp nói lên ra bên trong, pháp môn đã chứng được là pháp sâu xa mầu nhiệm, mưa hoa động đất đều là nhiều việc bên ngoài, Phật đích thân tự phát ra ánh sáng trí tuệ sáng láng huy hoàng, nên ánh sáng trên mình lấp lánh. Đó gọi là việc bên trong.

Nội chứng pháp sâu xa mầu nhiệm, dựa vào sự giải thích của phẩm Phương Tiện là Vô thượng Bồ-đề, giờ nói về Phật đã chứng Vô thượng Bồ-đề, cũng giúp cho chúng sinh được trụ trong pháp này tự hiểu mình sẽ thành Phật. Lại dựa vào khí thế gian v.v... trở xuống là chánh giải thích thứ ba ra việc trong ánh sáng.

Lại nương khí thế gian, chúng sinh thế gian. Các thứ vô lượng, các thứ đầy đủ, phiền não khác nhau, đầy đủ thanh tịnh khác nhau, Phật pháp đệ tử khác nhau, đã nói lên ra Tam bảo, nên lại nương khác nhau

mà có thế giới có Phật, có thế giới nương Phật, giúp cho chúng sinh thấy người tu hành, người chưa được quả đắc đạo là được quả, trong đó mười việc lược nói. khí thế gian thì một muôn tám ngàn cõi Phật ở phương Đông. Chúng sinh thế gian một muôn tám ngàn cõi chúng sinh trong các thứ số giải thích rõ sự khác nhau các lượng thứ :là nói hình lượng khí thế giới khác nhau. Đầy đủ phiền não khác nhau là:, giải thích chúng sinh sáu đường không giống nhau. Sáu đường không giống nhau đều do trên trung dưới phiền não khác nhau đầy đủ thanh tịnh khác nhau là:, giải thích thanh tịnh thế giới sai biệt không giống nhau. Phật pháp đệ tử sai biệt nói lên Tam bảo, Phật phương Đông là một muôn tám ngàn cõi Phật trong pháp là pháp do một muôn tám ngàn cõi nói. Đệ tử là bốn chúng, cho đến Bồ-tát. Lại thừa khác nhau: Bốn quả là Tiểu thừa, Bồ-tát là Đại thừa.

Có thế giới có Phật, có thế giới không Phật: các thế giới phương Đông phật hiện tại Phật là có ở. Lại thấy Chư Phật sau khi Niết-bàn dùng Xá-lợi Phật xây tháp bảy báu gọi là vô Phật. Giúp cho chúng sinh thấy: trên nói hiện mười việc. Đây là nói giúp cho chúng sinh thấy mười việc, là giải thích trong kinh ở thế giới này đều thấy hết người tu hành chưa được quả. Ở trên giải thích chưa hết nay phân biệt lại, hễ giải thích hai việc, đầu tiên là giải thích bốn chúng tu hành, người chưa được quả tu ba học hành chưa đắc bốn quả. Người đắc đạo đã được bốn quả, như kinh trở xuống là bày chỗ giải thích.

Như kinh chép: những người tu hành đắc đạo có cáo thứ số: Thứ hai giải thích số trước, nói lên các thứ.

Các thứ Sổ là nói lên các thứ quan, nên nói lược bốn thứ quan: một là thực trụ, hai là nghe pháp, ba là tu hành, bốn là lạc. Các thứ quan là giải thích các thứ số, Phật phát ra ánh sáng cũng có thể quán thấy các vị Bồ-tát ở phương Đông kia ăn và nghe pháp nói lên một muôn tám ngàn cõi chúng sinh trong, các thứ quan khác nhau nên gọi là sổ các thứ quan. Nói sơ lược về bốn thứ quan là giải thích các thứ quan: Một là thực cũng có thể thiền duyệt là thức ăn, cũng có thể là bốn thực; như nưng thực v.v....Hai là nói ăn xong nghe pháp; Ba là nghe pháp xong tu hành; Bốn là tu hành được quả là vui. Như kinh v.v... trở xuống là thứ hai cũng chỉ bày chỗ giải thích. Bấy giờ Phật phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, cho đến dùng Phật Xá-lợi xây tháp bảy báu.hiểugiải cho đến việc nói về hành đạo của Bồ-tát.

Hành đạo Bồ-tát là giáo hóa chúng sinh, dựa vào bốn thứ nhiếp lấy pháp phương tiện, nhiếp lấy nên biết tự nhiếp lấy như kinh đã nói.

Nói bốn nhiếp pháp nhiếp lấy, thuộc về bố thí, ngày nay bỏ ác để làm lành đã thuộc về quyến thuộc ái ngũ. Ngày nay phát tâm Bồ-đề thuộc về lợi hành, giúp cho gốc lành thêm lớn, đồng sự nhiếp lấy, khiến họ thành Phật như kinh đã nói, nên tự đẩy mạnh nhiếp lấy, giải thích trước trong tu hành đắc đạo là trình bày kinh xứ. Nay giải thích trong Bồ-tát, hành đạo Bồ-tát, không trình bày kinh xứ. Chỉ nói Như kinh chép: nên tự đẩy mạnh nhiếp thụ, sở dĩ như vậy tiền văn lược dẫn cho dễ, từ hậu văn trở đi là rộng dẫn nên khó, vi vậy kinh nói rằng các thứ nhân duyên, các thứ tin hiểu, các thứ tướng mạo đều hành đạo Bồ-tát. Mọi ý muốn đều tồn lược, nên nói ra lời này.

Dưới đây là nói lên đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu dây. Giải thích phần kinh thứ sáu, tựa văn chia làm hai, trước là nhắc lại tên chương.

Dưới đây là nói lên đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu.

Hỏi một người v.v...trở xuống là. Thứ hai giải thcíh đại chúng nghi ngờ có hai: một là đại chúng nghi về ý niệm, hai là Di-lặc thưa hỏi. Nay giải thích cả hai tánh này. Trong ý niệm nghi ngờ của đại chúng có hai: một là ý niệm nghi ngờ của Di-lặc, ở đây chỉ giải thích Di-lặc mà không giải thích đại chúng. Ý niệm nghi ngờ của Di-lặc có ba: một hỏi Phật vì sao hiện ra điềm lành, hai thưa hỏi người quyết nghi, ba được làm chủ trật thiền, là chỉ giải thích cái đầu và cuối. Hỏi một người là Văn-thù, nên được giải thích thứ ba, chủ trật thiền, ở đầu đã có giải thích này. Ở đây nói về đại tông, dùng ý văn để giải thích kinh. Di-lặc tuy có kinh ba chương mà ý lại hỏi ở Văn-thù. Nên giải thích ở trước, hỏi ý Văn-thù. Vì sao chỉ hỏi một người là Văn-thù, đây là câu hỏi.

Hỏi một người, ý hỏi rằng: Vì sao lại chỉ hỏi một mình Văn-thù mà không hỏi các vị khác. Nhiều người muốn nghe sinh tâm ít có, đây là đáp. Nhiều người muốn nghe sinh tâm ít có, đây là chỉ muốn hỏi Văn-thù-sư-lợi đã nói lên đệ tử Thế tôn thuận theo pháp không trái. Vì nhiều người muốn nghe câu trả lời của Văn-thù nên chỉ hỏi Văn-thù-sư-lợi.

Kết luận ý hỏi của Văn-thù. Hỏi: Đại chúng không biết Văn-thù có khả năng trả lời cho người, vì sao lại nói nhiều người muốn nghe câu trả lời của Văn-thù? Đáp: Di-lặc biết được cơ duyên của đại chúng thuộc về Văn-thù. Nếu nghe Văn-thù nói thì sẽ sinh tâm ít có. Điều đó nói lên đệ tử Thế tôn thuận theo pháp không trái. Đó là đã giải thích ý mà Văn-thù có thể trả lời. Thế nhưng Di-lặc vị cùng bổ xứ, đã không thể biết được ý hiện ra điều lành mà chỉ có Phật mới biết được mà thôi.

Phật nhập Tam-muội thì không được hỏi nữa. Tuy Văn-thù là Phật quá khứ, nhưng hiện nay đã nói lên làm đệ tử Thế Tôn. Nên kinh khác nói ngày xưa là Năng Nhân Sư, nay lại làm đệ tử hóa. Hai tôn không ra đời đều nói lên làm Bồ-tát. Thuận theo pháp mà không trái Điều này có hai nghĩa, một là quả thực là tiền sư mà nói lên làm đệ tử. Điều bao gồm là thuận theo pháp mà không đi ngược lại. Hai là Văn-thù có khả năng được pháp tướng, không trái với pháp tướng, nên có khả năng hỏi đáp.

Nay Phật, Thế tôn hiện thần biến tướng, là giải thích sự nghi ngờ của Di-lặc. Đầu tiên là hỏi về ý mà hiện thần biến. Đây là câu đầu tiên nhắc lại văn kinh. Nay Phật, Thế tôn hiện thần biến tướng. Như vậy có ý nghĩa gì là ? Giải thích ý niệm nghi ngờ của Di-lặc nói do nhân duyên gì mà có được sự tốt đẹp này. Kinh nói do nhân duyên gì? Do ý nghĩa nào? Nghĩa này là nhân duyên, để hiện nhân duyên về đại tướng. Luận chủ giải thích điều nghi ngờ của Di-lặc, chính là câu trả lời. Văn chia làm hai. Đầu tiên là nêu môn hiện đại tướng nhân hai chương, vì sao lại dùng hiện nghĩa làm hiện đại tướng nhân vì đại tướng có v.v...trở xuống:là, giải thích hai chương, đầu tiên giải thích là môn Đại Tướng chương.

Vì hiện đại tướng, vì nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên hiện ra điềm lành lớn, cùng bàn, cùng muốn nói Đại pháp. Nên nói là vì hiện ra điềm lành lớn. Vì thuyết Như lai nên được pháp mầu không thể suy nghĩ gì về câu văn là. Giải thích môn Nhân Chương thứ hai ở trên.

Cói cho nghe văn tự chương cú pháp mầu không thể suy nghĩ bàn luận mà như lai chứng đắc. Dùng câu văn là giáo, giáo là lý, do đó gọi là nhận. Lại vì sắc nói kinh Pháp Hoa nên hiện ra điềm lành lớn, là kinh Pháp Hoa. Nên hiện ra điềm lành lớn, tức Pháp Hoa là nhân của điềm lành. Xét kỹ câu văn trước sau đều có ba nhân: Một là Pháp Hoa giáo làm nguyên nhân của lý; Hai là Pháp Hoa nhân của điềm lành; Ba là do thấy điềm lành nên biết nói Pháp Hoa. Nên điềm lành là nhân của Pháp Hoa.

Có hai thứ nghĩa, nên kính mến Văn-thù. Đây là giải thích thưa hỏi Văn-thù thứ ba. Văn có hai, đầu tiên giải thích ý hỏi Văn-thù, sau đó giải thích văn kinh hỏi với Văn-thù.

Vì Có hai nghĩa nên suy ra Văn-thù-sư-lợi. Hai thứ đó gồm: Một là hiện thấy các pháp, hai là xa lìa nhân duyên, chỉ có tự tâm thành tựu pháp đó. Hỏi ý Văn-thù? Một là Văn-thù là Phật rõ ràng hiện ra thấy các pháp. Hai lìa các nhân duyên. Vì lìa các nhân duyên dùng các thứ Văn-thù không thúc đẩy mà biết. Thành Luận chép: nhân duyên trong

các việc hiện lên thấy đều vô dụng, chỉ có tự tâm thành tựu pháp đó, giải thích nhân duyên xa lìa vì Văn-thù tự tâm thấy rõ việc đó, không nhờ nhân duyên khác. Nói lên các điềm lành, giải thích là thứ hai hỏi văn kinh với ngài Văn-thù.

Nói lên các điềm lành là nói lên các việc nên như tướng của việc ấy hiện ra chưa trú diệt, nên biết. Văn Đại Bổn chép: Phải thấy điềm ít có này. Bấy giờ, hiện ra các điềm lành Điều này xuất phát từ quá khứ Văn-thù đã từng thấy các điềm lành của Chư Phật. Các việc đó, là các điềm lành của Chư Phật trong quá khứ là việc hữu vi như là các điềm lành kia hiện tại chưa trụ diệt, nêu biết. Các Phật trong quá khứ có ở hiện tại, không có ở hiện tại, còn sống hoặc đã tận diệt, không có ở hiện tại, còn sống hoặc đã tận diệt. Điều phải biết là nên làm cho đại chúng biết quá khứ đã có việc như thế nào. Nên phải biết, dùng những việc mà Văn-thù có thể ghi nhớ được. Đây là giải thích văn kinh nói từng gần gũi cúng dường vô số Chư Phật trong quá khứ. Lại nói Văn-thù có hai nghĩa: một là được Đà-la-ni có khả năng ghi nhớ được những việc đó, hai là những thành tựu nhân quả mà Văn-thù đã làm. Thành tựu có công năng nói lên thấy pháp đó, trước nêu hai thành tựu chương môn.

Vì Văn-thù-sư-lợi có khả năng ghi nhớ được những việc đó, nên dùng những thành tựu nhân quả mà Văn-thù-sư-lợi đã làm để thành tựu pháp đó mà nói lên thấy pháp ấy thành tựu đã làm là giải thích hai chương môn. Công đức thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thích các chương môn đã làm, những thành tựu đã làm, có hai thứ: một là công đức thành tựu, hai là trí tuệ thành tựu. Nhân thành tựu ở dưới, là giải thích nhân quả chương môn , trước giải thích nhân, sau giải thích quả.

Nhân thành tựu là tất cả trí, thành tựu lại là duyên nhân. Thành tựu là các tướng đầy đủ. Giải thích trong nhân có hai nhân, một là chính nhân, hai là duyên nhân. Chính nhân là nói về tất cả trí, vì có nhân nên trí Nhất thiết thấy tướng của các việc trong quá khứ. Lại duyên nhân thành tựu là nói về các tướng, là giải thích duyên nhân thứ hai. Nói các tướng là nói về động đất, hoa rải như mưa, phát ra ánh sáng gọi là các tướng. Vì thấy Phật ở đời quá khứ hiện ra các tướng, nên hiện ra Đại pháp. Nay thấy Đức Thích-ca hiện ra các tướng cùng nói là Đại pháp, nên các tướng là nhân của việc nói pháp. Quả tướng thành tựu là giải thích chương môn quả tướng thứ hai.

Quả thành tựu là nói về Đại pháp, Nhân là trí Nhất thiết và điềm lành nên biết muốn nói Đại pháp, là quả của các tướng. Các thứ cõi Phật trên đây đã giải thích Di-lặc niệm nghicủa xong. Nay giải thích

Di-lặc thưa hỏi. Trong việc thưa hỏi của đại chúng có hai chương: Một là ý hỏi, hai là câu hỏi. Nay chỉ giải thích chính không giải thích ý hỏi. Trong câu hỏi có hai: một là văn xuôi, hai là kệ tụng. Nay giải thích cả hai. Giải thích trong văn xuôi có hai: một là giải thích, hai là nêu kinh,chổ bày chỗ giải thích.Giải thích có hai: một là giải thích điềm lành hiện tại, hai là giải thích điềm lành thấy.

Các thứ cõi nước Phật nói lên, trong các cõi nước Phật đó có rất nhiều thứ khác nhau phải biết.

Các thứ cõi Phật là giải thích một muôn tám ngàn cõi Phật, nói lên ra trong cõi Phật kia có các thứ khác nhau, phải biết. Ở đây có hai ý: một là biểu thị một muôn tám ngàn cõi với các cõi khác nhau. Hai là nói lên trong một muôn tám ngàn cõi đó có mười việc khác nhau. Như ở trên đã giải thích, cõi nước mầu nhiệm giải thích thấy điềm lành thứ hai.

Cõi nước mầu nhiệm là nói tới chỗ ở của chúng sinh không có phiền não, là giải thích những câu văn trang nghiêm thấy ở cõi Phật đó trong kinh. Cả hai thứ đều chung một muôn tám ngàn cõi đã nói ở trên. Nay giải thích cõi tịnh, như kinh trở xuống là giải thích kinh thứ hai. Như kinh soi chiếu một muôn tám ngàn thế giới ở phương Đông, cho đến thấy tất cả thế giới Phật trang nghiêm ở đó.

Chiếu vào một muôn tám ngàn thế giới phương Đông, nói lên đoạn đầu chỗ giải thích kinh, cho đến đều thấy tất cả chỗ kinh thứ hai. Như lai đầu tiên giải thích kệ thứ hai, cũng mở ra hai thứ: đầu tiên giải thích kệ, hai là chỉ bày chỗ kinh.

Như lai là vị Thượng thủ, là các Bồ-tát v.v...đều theo Như lai mà ở, nên lấy chỗ ở của Như lai làm đất nước, đất nước của đại chúng được tự tại. Như lai là Thượng thủ là nhắc lại kinh lại thấy văn nói Chư Phật thánh chúa sư tử. Như lai đã là vị thánh d8ứng đầu các thánh nên gọi là Tượng thử. CácBồ-tát nương Như lai mà ở. Các Bồ-tát có lý là nương Như lai mà được ở, nên Phật là bậc trên thủ của Bồ-tát. Vì Như lai ấy v.v...trở xuống là giải thích lời nói của sư tử, làm cho Phật được tự tại ở trong đại chúng, nên nói là Sư tử.

Hỏi: Vì sao không giải thích văn đầu của kệ?

Đáp: Văn xuôi đã giải thích, nên không giải thích lại.

Hỏi: Vì sao chỉ giải thích hai câu là trên thủ, v.v...?

Đáp: Ở đây thuộc về hai v.v...trở xuống là nhất thiết kinh cùng tên,tôn Phật là trên thủ của tất cả Bồ-tát và Hai thừa chúng dựa vào Phật mà được trụ lý.

Lại vì Phật ở trong tất cả đại tiểu chúng tự tại có khả năng hóa giáo đại tiểu chúng trở xuống Nhật thiết kinh sau này không ngoài hai việc này. Nên chỉ giải thích hai. Như kinh trở xuống là thứ hai dẫn kinh giải thích xứ.

Như kinh chép: lại thấy cõi ấy hiện ra ở Chư Phật như thê v.v... dưới đây là giải thích phần hỏi đáp thứ bảy của Văn-thù. Văn chia thành hai: phần đầu nói Văn-thù có đức để đáp, phần sau đặc biệt giải thích những việc xảy ra mà kinh đã đáp.

Dưới đây là nói bậc Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đã được trí túc mệnh. Dĩ trí túc mệnh là đức có thể đáp lại được, hiện ra những việc có thể thấy rõ ở dưới. Y theo văn lại chia hai phần, phần đầu nêu ba môn, phần sau giải thích ba môn. Nói về ba môn, một là nhân tướng trong quá khứ, hai là quả tướng, ba thành tựu, mười việc.

Hiện thấy nhân tướng quả tướng trong quá khứ thành tựu mười việc như hiện tại, do đó đáp được Bồ-tát Di-lặc hiện thấy nhân tướng quá khứ về sau, là giải thích ba chương môn, nên ba chương khác nhau.

Hiện thấy nhân tướng quá khứ là Văn-thù-sư-lợi tự thấy bản thân mình từng tu các hạnh sự trong các cõi Phật đó. Trước Diệu Quang chưa thể nói Pháp Hoa vì chúng sinh nên gọi là nhân tướng. Hiện thấy quả tướng là giải thích chương môn thứ hai.

Hiện thấy quả tướng quá khứ là Văn-thù-sư-lợi tự thấy bản thân đã là Bồ-tát Thế Diệu Quang ở quá khứ đã nghe được pháp môn này ở chỗ Phật đó, rồi nói cho chúng sinh nghe. Từ Diệu Quang nghe kinh Pháp Hoa rồi nói lại cho chúng sinh, điều nay gọi là quả tướng.

Hỏi: Nhân quả tướng này giải thích văn kinh ở chỗ nào?

Đáp: Từ đầu đã nóiDi-lặc rồi là lời suy nghĩ Thành tựu mười việc là, giải thích chương môn thứ ba. Y theo văn có hai: đầu tiên là nêu thứ mười thứ thành tựu là chương môn nêu.

Thành tựu mười việc gồm:

Một là hiện thấy đại nghĩa nhân thành tựu.

Hai là hiện thấy văn tự chương cú ở thế gian ý nghĩa sâu xa xa ấy là nhân thành tựu.

Ba là hiện thấy nhân ít có thành tựu.

Bốn là hiện thấy nhân tốt đẹp thành tựu.

Năm là hiện thấy đại nhân thụ dụng thành tựu.

Sáu là hiện thấy nhiếp thụ tất cả Chư Phật, nhân xoay bánh xe pháp thành tựu.

Bảy là hiện thấy khéo kiên thật của Như lai nhân Pháp luân thành tựu.

Tám là hiện thấy có khả năng tiến nhập nhân thành tựu.

Chín là hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu.

Mười là hiện thấy nhân trải qua của mình thành tựu.

Từ đại nghĩa nhân thành tựu là giải thích thứ hai về mười chương môn, tức thành số mười. Nói đại nghĩa nhân thành tựu, là giải thích Đại pháp mà kinh muốn nói, nên gọi là Đại. Chữ Đại này sâu xa nên gọi là Nghĩa, còn chữ nhân là nhân duyên. Muốn nói về tám thứ nhân duyên có nghĩa sâu xa xa, nên hiện ra điềm lành này. Văn lại có hai: đầu tiên là nêu chương nhắc lại kinh.

Đại nghĩa nhân thành tựu là: giải thích thứ hai về chương kinh. Đầu tiên lại có ba đầu tiên là , nêu chương nói chung ám câu khuyên mọi người nên biết.

Tám câu nói lên nên biết, từ câu một là muốn nói về Đại pháp, đó là tám việc nhắc lại kinh thứ hai.

Một là muốn nói Đại pháp.

Hai là muốn mưa xuống đám mưc Đại pháp.

Ba là muốn đánh trống Đại pháp.

Bốn là muốn dựng cờ Đại pháp.

Năm là muốn đốt đèn Đại pháp.

Sáu là muốn thổi loa Đại pháp.

Bảy là muốn không ngừng tiếng trống Đại pháp.

Tám là muốn nói Đại pháp.

Tám điều này đã được nói lên như vậy, là thứ ba luận chủ giải thích chung.

Tám câu này muốn nói lên điều muốn nói của Như lai, đó là Đại pháp. Vì sao gọi tám Đại nghĩa? V.v...trở xuống là Giải thích chương Giải kinh thứ hai. Kinh không có ba câu, luận thì có tám câu.

Những thứ nào được gọi là tám Đại nghĩa? người có nghi sẽ được hết nghi. Người đã hết nghi thì thêm lớn thuần phục trí thân. Căn thuần phục là nói về hai thứ cảnh giới sâu. Một là nói về Thanh Văn cảnh giới sâu kín của, hai là nói về Bồ-tát. Hai câu "trống Đại pháp" là nói nghe tiếng từ xa nên nhập vào cảnh giới sâu kín giúp cho tiến thủ được nghĩa trên trên thanh tịnh. Nên người được nghĩa trên trên thanh tịnh thì sẽ được các trí tuệ nói lên ra. Người tiến thủ được các thứ trí sẽ được nói lên ra các thứ pháp xây dựng được nghĩa của danh tự chương cú. Vì thế xây dựng được nghĩa của danh tự chương cú sẽ khiến được nhập

vào chứng trí xoay bánh xe pháp không thể nói. Nói rằng người có nghi sẽ dứt được nghi. Giải thích này muốn nói về Đại pháp thứ nhất là Vô Luận kinh sắc nói Đại pháp. Xưa nay không dựa vào luận để giải thích kinh. Thế nhưng ý của áng văn trước sau vẫn giải thích từ cạn tới sâu. Kể từ hơn bốn mươi năm điều nghi cũ và nghe Pháp Hoa sinh ra nghi mới, v.v... Sắc nói Đại pháp đã cắt đứt được hai mối nghi ngờ cũ mới này. Nên ở dưới kệ Văn-thù không nói những người cầu Ba thừa nếu có nghi hối, Phật sẽ dứt trừ hết không cón sót lại gì. Người đã hết nghi ngờ sẽ thêm lớn được trí thân. Giải thích điều hai: Rưới mưa Đại pháp (mưa) thế gian giúp cho muôn vật thêm lớn thành tựu. Mưa Pháp Nhất thừa giúp cho nhân Ba thừa đều nhập vào đại tuệ bình đẳng. Như trong thân tử lĩnh giảng nói nghi hối cắt đứt hẳn sự yên lành trong thật trí. Người có căn cơ thuần thục là nói về hai thứ cảnh giới sâu kín. Giải thích điều thứ ba: Muốn đánh trống Đại pháp và điều thứ bảy trống Đại pháp không dứt, trên đã nói về người Ba thừa trí thân thuần thục. Nay lần lượt truyền trao nhân Ba thừa thành Phật, nêu tên để nhớ. Về sâu kín cảnh giới, luận Trí Độ chép: kinh Pháp Hoa khiến Hai thừa thành Phật tên là Pháp Bí Mật, Pháp Bí Mật sâu xa xa sa khó hiểu. Trong suốt hơn bốn mươi năm không hiểu được việc này, nên gọi là Mật. Hai câu trống Đại pháp nói lên điều gì? Một là đánh trống Đại pháp, hai là không dứt trống Đại pháp. Người nghe được từ xa là giải thích tên trống pháp. Còn việc đánh trống Đại pháp giúp cho người ở xa nghe thấy. Nay đem Đại pháp truyền trao cho người Ba thừa để ghi nhớ, giúp cho người mười phương ở xa cũng nghe thấy.

Hỏi: Vì sao nói trống pháp không dứt?

Đáp: Đó là Hai thừa độc thiện không còn chuyển hóa, nếu được thọ ký thành Phật thì sẽ chuyển hóa ngay và con cũng người thành Phật. Nên mới nói trống pháp không dứt. Người nhập vào cảnh giới sâu kín sẽ tiến thủ được nghĩa trên trên thanh tịnh, giải thích điều thứ tư muốn dựng cờ Đại pháp. Ba thừa đã được thọ ký sau đó thực hành hạnh Bồ-tát. Hạnh Bồ-tát xa lìa hai bên, là hạnh Trung đạo, nên gọi là trên trên thanh tịnh. Ở trong nhà có hai cửa cao, nên gọi là nghĩa trên trên thanh tịnh. Người được nghĩa thanh tịnh giúp cho tiến thủ được các thứ trí được hiện thấy. Giải thích điều thứ năm: Muốn đốt đèn Đại pháp, chữ đèn có hai nghĩa: một là xua tan tăm tối, hai là soi rõ vật làm cho người Ba thừa thực hành hạnh, đả phá hết được không còn tăm tối, thì sẽ được các thứ trí. Nên thấy được pháp của tính Phật. Bốn câu trước giúp cho người Ba thừa vì thế mà được thành hạnh. Nay chỉ một câu này có thể

giúp cho người Ba thừa được quả đức được; được các trí hiện ra. Giải thích câu thứ sáu muốn thổi loa Đại pháp (1) (ở trang 793 thì dùng loa, ở đây dùng lãi, loa là ốc, chỉ cái loa, lãi chỉ cái gáo, vỏ sò). Thổi vào vỏ sò thì phát ra âm thanh, người Ba thừa được quả Phật càng nói được các giáo cho chúng sinh. Nên nói đặt ra tên gọi, chương cú cho các pháp là nghĩa đặc ra tên gọi chương cú. Giải thích câu thứ tám: Muốn nói Đại pháp. Ở câu thứ bảy thành Phật cuối cùng là giảng nói giáo nói pháp cho chúng sinh. Nay câu thứ tám nói giáo giúp cho ngộ được lý, nhập vào lý cũng được thành Phật.

Hỏi: Vì sao nói nhập chứng trí xoay bánh xe pháp không thể nói?

Đáp: Làm cho chúng sinh được chứng trí chân thật, thời là trong ngoài đều tối, duyên nhìn đều vắng lặng, gọi là không thể nói, là trí thể này gọi là pháp luân, từ kia tới đây gọi là chuyển. Nay giải thích chung cả tám câu. Phật nói Pháp Hoa gồm có hai ý: một là làm cho chúng sinh tự được thành Phật. Hai là chúng sinh hóa tha cũng giúp cho thành Phật. Sáu câu trước là tự hành, hai câu sau gọi là hóa tha. Cứ hai âm một trong này tự hành trong năm câu biện một câu nhân rồi nói quả. Câu đầu trong hóa tha giảng nói giáo pháp cho chúng sanh. Câu kế là giúp chúng sanh khiến vật chứng nhập.

Hỏi: Vì sao nói pháp giúp cho tự hành hóa tha?

Đáp: Người Hai thừa chỉ có khả năng tự tu cho mình, nay đã thành Phật, cuối cùng giáo hóa chúng sinh cũng thành Phật. Lấy năm câu làm hai, câu đầu dứt nghi đã giúp cho hoặc diệt, kế nữa là câu bốn giúp cho được giải sinh, chia làm hai. Câu đầu từ Thập tín đến Thập giải thành tựu. Câu sau giải hạnh thuần thục đi vào cảnh giới sâu kín, nên được thọ ký từ Thập Hạnh đến Thập Hồi hướng, nghĩa của trên trên thanh tịnh từ Sơ địa đến tới Thập địa. Hiện thấy ý nghĩa của tên chữ chương cú trong thế gian sâu xa, đó là nhân thành tựu, giải thích mười chương thứ hai, ở trước nhắc lại tên chương.

Hiện thấy thế gian tên gọi chương cú ý sâu xa nhân thành tựu. Như kinh v.v... trở xuống là giải thích kinh xứ.

Kinh chép:ta và các Đức Phật quá khứ đã từng thấy điềm lành này dẫn tới, nên hiện ra các điềm lành.

Hỏi: tên gọi chương cú ý nghĩa sâu xa, là giải thích ở văn kinh nào?

Đáp: Giải thích muốn cho chúng sinh giảm được sự nghe biết tất cả các văn của kinh pháp khó tin trong thế gian. Điều đó giúp cho Ba

thừa thành Phật là những việc khó tin. Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi là việc khó hiểu.

Hỏi: Vì sao nói ý nghĩa của tên gọi, chương cú sâu xa xa xa?

Đáp: Điều dạy đó đã nói lên nghĩa lý chú thích. Tuyệt vời, một lời giải thích lý cũng bặt. Nên ở dưới nói rằng: pháp này chẳng nói lên bày ra được. Tướng nói năng vắng lặng, hiện tại thấy ít có nhân thành tựu, giải thích chương kinh thứ ba, nhắc lại chương trước.

Hiện thấy ít có nhân thành tựu, dùng vô lượng thời v.v... trở xuống là giải thích chương. Trước là giải thích, kế nêu kinh nói lên chỗ giải thích.

Dùng thời gian vô lượng thì không thể được, nên không thể suy nghĩ, không thể gọi là không thể lượng, nói lên kiếp A-tăng-kỳ kia trong quá khứ, không thể nói lên trở lại được. Có năm thứ kiếp: một là đêm, hai là ngày ba là trăng, bốn là thời, năm là năm, hiển bày ra những thứ đó là kiếp vô lượng vô biên. Sự giải thích trong đó có hai, một là kiếp nói A-tăng-kỳ không thể nói, hai là nói thời không thể nói. Kiếp A-tăng-kỳ không thể nói, dùng hữu vô lượng A-tăng-kỳ lại nói lên ra năm thứ kiếp, đây là hai minh thời không thể nói.

Hỏi: Giải thích như thế nào để gọi ngày đêm, v.v... là kiếp?

Đáp: Tiếng phạm gọi là kiếp-ba(kalpa), Hán dịch là phân biệt thời tiết, nên kiếp là tên gọi thông thường về thời gian. Thế nhưng trong kinh lấy sự mở đầu và kết thúc của trời đất đặt ra tên gọi chung là Kiếp. Trời trăng đêm ngày chỉ là tên khác.

Hỏi: Trong chương danh vì sao nói hiện thấy ít có nhân thành tựu?

Đáp: vì thời gian lâu xa trong quá khứ mới có việc nói Pháp Hoa, nên nói là ít có, như kinh dùng v.v...trở xuống là thứ hai giải thích nơi chốn.

Kinh chép:như quá khứ vô lượng vô biên không thể suy nghĩ bàn luận A-tăng-kỳ kiếp, lúc đó có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề thành tựu được trí Nhất Thiết. Ở đây đã dùng kinh quá khứ vô lượng vô biên kiếp để giải thích nơi chốn. Từ lúc đó đã có đèn trời trăng chiếu soi. Ở đây không giải thích nữa, hiện tại đã thấy tốt đẹp nhân thành tựu. Giải thích điều thứ tư, nhắc lại tên gọi ở trước.

Hiện thấy nhân tốt đẹp thành tựu là. Nói về nhân tốt đẹp, hai muôn ức Phật nói pháp đều có bảy thiện là tốt đẹp. Dùng Chư Phật, Bồ-tát tự dụng mà nói lên ra, Phật thọ dụng bảy thiện giáo hóa chúng

sanh, Bồ-tát cũng vậy, nên nói là thọ dụng, như kinh v.v.... trở xuống là nói về chỗ kinh.

Như kinh chép: lại Đức có Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, cho đến có thể nói pháp, sơ trung hậu đều lành. Điều này thủ hậu có thể nói pháp, sơ trung đều lành, không chấp văn trước, lấy hai muôn Phật nói pháp môn đều là bảy đều thiện nên nói có thể nói pháp sơ trung đều lành, vì thế hợp lại một chỗ để giải thích. Hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu, giải thích điều thứ năm, nhắc lại tên Chương ở trước.

Hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu. Thọ dụng đại nhân giải thích khi Vương Tử chưa xuất gia thọ vui hấp dẫn, cho đến giải thích sáu mươi kiếp nghe kinh Pháp Hoa thọ pháp lạc không sinh mệt mõi. Nên gọi là hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu. Điều này giải thích thời thứ hai của Vương Tử.

Vào thời ấy, Vương Tử thọ vui hấp dẫn, đều xã bỏ xuất gia, lại có đại chúng vào lúc đó, không sinh tâm mệt mỏi. Rất dễ hiểu như kinh v.v... trở xuống là giải thích nơi chốn.

Chép :Phật cuối cùng như kinh khi chưa xuất gia cho đến được phật thọ ký rồi bèn trong đêm đó nhập Niết-bàn vô dư. Hiện thấy tất cả Chư Phật xoay bánh xe pháp, nhân thành tựu thứ sáu, nhắc lại tên chương Năm chương trên đây nói về việc Phật hóa hành sự. Rồi bốn chương thuộc về khả năng giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh,kế là nói giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Nay nói Bồ-tát sau khi Phật diệt độ hoằng kinh, là xoay bánh xe pháp, hiện thấy nhiếp thụ Chư Phật xoay bánh xe pháp nhân thành tựu là. Nói tất cả Phật, hiện thấy các Đức Phật ở trước. Bồ-tát sau khi Phật diệt độ đã giảng nói không dứt, là đã giúp cho Phật pháp truyền bá không dứt, nên nói là tất cả.

Bánh xe pháp không dừng: Như kinh chép: sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa đủ tám mươi tiểu kiếp giảng nói cho người nghe, giải thích và tring2 bày kinh rất dể hiểu hiện thấy thiện kiên thật Như Lai pháp luân nhân thành tựu, giải thích thứ bảy, trước nhắc lại tên chương.

Hiện thấy thiện kiên thật Như lai pháp luân, nhân thành tựu: là nói thiện kiên thật Như lai pháp luân. Diệu Quang từ tám mươi kiếp về sau, cho đến khiến tám người con kiên cố Vô thượng Bồ-đề, vô lượng thời thành tựu. Pháp luân là: bất hoại gọi là thiện kiên thật Như lai pháp luân. Nói về vô lượng thời sau khi Phật diệt độ, Như kinh chép: Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người con đều tôn thờ ngài Diệu

Quang làm thầy cho đến đều giúp cho thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề kiên cố. Giải thích và trình bày kinh rất dể hiểu thiên thấy tiến nhập vào nhân thành tựu. Giải thích này có tám điều, bảy điều trên là nói Diệu Quang năng việc hóa của, nay nói tám người con nghe pháp được ích là tiến nhập vào nhân thành tựu hiện. Thấy tiến nhập nhân thành tựu. Các Vương Tử ấy được Đại bồ đề như kinh chép:các vương tử này cho đên đều thành Phật đạo là. Giải thích và trình bày kinh hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu là giải thích điều thứ chín nói về sự nhớ nghĩ của Diệu Quang.

Hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu: quá khứ hóa Vương Tử đều được thành Phật, nên gọi là nhớ nghĩ nhân thành tựu.

Vì người nói pháp lợi ích người, Như kinh chép: vị thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng, cho đến được tôn trọng, khen ngợi. Như kinh chép: : là không giải thích văn kinh, nhưng giải thích ý kinh, là nói nhớ nghĩ quá khứ giáo hóa tám người con thành Phật. Sau đó nhớ nghĩ Nhiên Đăng giáo hóa Đức Thích-ca thành Phật, cho đến Di-lặc thành Phật. Hiện thấy tự thân sở kính sư nhân thành tựu, là giải thích điều thứ mười nói về sự nhớ nghĩ của Văn-thù.

Hiện thấy tự thân sở kính sự nhân thành tựu, là quá khứ vì thành tựu có thê ngộ giải Pháp Hoa, sau đó lại giảng nói cho người nghe, là tự thân được vui chấp dẫn.

Vì tự thân Văn-thù được vui hấp dẫn:, Như kinh chép:: Di-lặc nên biết cho đến được phật che chở, nên ông hiệu là Cầu Danh,là nói biết được sự tích trong quá khứ, lại biết được pháp cụ túc trong hiện tại. Như kinh chép: v.v...trở xuống là Bồ-tát Diệu Quang chẳng phải ai khác mà chính là thân ta, giải thích thẳng câu này.

Ông hiệu là Cầu Danh: là giải thích riêng biết các việc của Di-lặc. Hai câu: câu đầu là giải thích Di-lặc ông hiệu là Cầu Danh, sau đó lại nói lên được pháp đó, là nói tên cuối cùng của Di-lặc, Di-lặc cùng được pháp này đầy đủ thành Phật.

Nhật Đông Thiên Thai Hậu Học Sa môn.

Thật Quan Phân Hội.

Pháp Hoa Luận Sớ quyển thứ nhất. (Hết).

■

PHÁP HOA LUẬN SỚ

QUYỂN TRUNG

PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Y theo tên thứ mười ba trong mười bảy tên của luận thì tất cả Chư Phật đều có đại xảo phương tiện kinh. Dựa vào pháp môn này mà thành đại Bồ-đề, rồi nói pháp trời, người Hai thừa cho chúng sinh, nghe gọi là đại xảo phương tiện. Nên gọi là Phẩm Phương Tiện. Lại v.v... trở xuống là luận nói Phật có bảy thứ phương tiện, nên gọi là Phẩm Phương Tiện. Y vv..trở xuống đến cuối luận là Luận chủ chia phương tiện thành năm đoạn. Một là nói pháp mầu công đức; Hai là nói Như lai Pháp Sư công đức của Như lai; Ba là nói đại chúng ba nghĩa; Bốn là nói Như lai bốn nghĩa; Năm là giải thích bốn nghi ngờ. Văn có hai: Trước là nhắc lại kinh, sau là giải thích luận. Văn kinh đã dài, nay trước chia khoa, sau đó lấy ra giải thích luận. Y theo luận chia khoa kinh làm ba, một là nói về Như lai khởi định.

Phẩm Phương Tiện: kinh chép: Bấy giờ, Đức Thế tôn nhập Tam-muội sâu xa chính niệm bất động, dùng trí như thật quan xuất định một cáh khoan thai xuất. Định rồi, bảo Xá-lợi-phất trở xuống là thứ hai nêu người đối dương.

Xuất định rồi, bảo Xá-lợi-phất: Từ trí tuệ Chư Phật trở xuống thứ ba nói về hai thứ công đức: Một là pháp mầu công đức; Hai là Pháp Sư công đức, nói hai thứ công đức tức hai. Chương đầu có hai một là nói chung nội chứng sâu xa, A-hàm sâu xa.

Có Trí tuệ Chư Phật sâu xa, vô lượng môn trí tuệ ấy, khó thấy, khó giác, khó biết, khó giải, khó nhập. Như lai sở chứng của tất cả Thanh Văn Bích-chi Phật v.v...không thể biết được. Từ đâu biết được? V.v... trở xuống thứ hai nói riêng A-hàm sâu xa, lại chia ra tám khác nhau. Đầu tiên là nói thọ trì, đọc tụng sâu xa.

Vì sao? Nầy Xá-lợi-phất vì! Như lai Ứng Chính Biến Tri đã từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số Chư Phật Đối.

Với các Đức Phật v.v...trở xuống là thứ hai nói tu hành sâu xa.

Các Đức Phật đều tu hành pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Xá-lợi-phất Như lai đã đối với v.v...trở xuống là thứ ba nói quả hành sâu xa.

Xá-lợi-phất! Như lai đã tinh tiến mạnh mẽ, sở tác thành tựu, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức na-do tha-kiếp. Tên gọi là Phổ Văn v.v... trở xuống, là thứ tư nói về thêm lớn công đức v.v...sâu xa.

Gọi là Phổ văn, này Xá-lợi-phất! Như lai rốt ráo v.v...trở xuống là. Thứ năm nói quyết diệu sự tâm sâu xa, Xá-lợi-phất! Như lai rốt ráo thành tựu pháp ít có, đó là pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất. Điều thứ sáu nói Vô thượng sâu xa.

Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất Như lai có khả năng biết được. Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất đã xong. V.v...trở xuống:là thứ bảy nói về nhập sâu xa.

Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất, chư Phật Như lai tùy nghi nói ý thú khó hiểu. Tất cả Thanh Văn Bích chi Phật v.v...trở xuống thứ tám nói việc trú trì không làm chung với Hai thừa sâu xa.

Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết được, vì sao Xá-lợi-phất v.v...trở xuống? Là thứ hai nói công đức của Pháp Sư Như lai. Pháp mầu công đức là tự đức công của Phật. Công đức Pháp Sư là đức hóa tha của Phật, lại chia làm hai: một là nói chung Pháp Sư công đức vì sao Xá-lợi-phất vì, Chư Phật, Như lai tự lại nói nhân thành tựu? Từ Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là nói riêng về Pháp Sư công đức. Trong đó có hai: một là nói sơ lược Như lai có bốn công đức, đều là Pháp Sư. Thứ hai là nói rộng bốn thứ công đức, đầu tiên cũng là nêu chương môn, thứ hai là giải thích chương môn.

Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ quán niệm, các thứ ngôn từ.

Nói bốn công đức: một là các thứ phương tiện y theo trụ công đức. Các thứ tri kiến đây là thứ hai, giáo hóa công đức. Các thứ quán niệm nói thành tựu công đức cuối cùng. Các thứ ngôn từ v.v...trở xuống thứ tư nói về công đức. Xá-lợi-phất ta từ thành Phật đến nay v.v...trở xuống là thứ hai nói rộng bốn thứ công đức, giải thích bốn chương môn, là bốn khác nhau, thứ nhất trước nói rộng an trú công đức.

Xá-lợi-phất từ khi thành Phật đến nay đã ở mọi nơi mọi chỗ, giảng rộng ngôn giáo, vô số phường liên dẫn dắt chúng sinh ở mọi chỗ, khiến chúng sinh được giải thoát. Xá-lợi-phất tri kiến v.v...trở xuống là thứ hai giáo hóa công đức

Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện của Như lia là đến bờ bên kia. Xá-lợi-phất! Như lai tri kiến rộng lớn v.v..., trở xuống là thứ ba, rốt ráo thành tựu công đức.

Xá-lợi-phất! Như lai tri kiến rộng lớn, sâu xa vô chướng, vô ngại lực, không sợ, căn lực bất cộng pháp Bồ-đề phần, thân định giải thoát Tam-muội Tam-ma Bồ-đề, đều đã đầy đủ. Lần Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai thâm nhập, nói rộng các công đức cho đệ tử nghe. Y theo văn lại mở ra bảy thứ khác là có bảy lần Xá-lợi-phất. Thứ nhất là nói các thứ giải thích thành tựu. Xá-lợi-phất! chư Phật, Như lai thâm nhập vô tế thành tựu tất cả, không hề có thật pháp. Xá-lợi-phất! Như lai trở xuống là thứ hai nói riêng về ngôn ngữ thành tựu.

Xá-lợi-phất! Như lai có khả năng phân biệt các thứ xảo thuyết, các pháp ngôn từ, mềm mỏng, làm vui lòng chúng sinh. Hãy thôi Xá-lợi-phất trở xuống là. Thứ ba nói về tướng thành tựu. Thôi Xá-lợi-phất không nên nói nữa. Này Xá-lợi-phất! Chỗ thành tựu của Như lai v.v... trở xuống là. Điều thứ tư nói về sự thành tựu. Xá-lợi-phất thành tựu pháp ít có có hiểu bậc nhất. Xá-lợi-phất, chỉ có Phật và Phật trở xuống. Thứ năm nói về vô lượng chủng thành tựu.

Xá-lợi-phất! chỉ có nói pháp Phật và Phật v.v..., Chư Phật Như lai có khả năng biết được tướng thật của pháp đó, Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai trở xuống là. Thứ sáu hiểu rõ giác thể của thành tựu.

Xá-lợi-phất chỉ có Phật Như lai biết được các thứ pháp.

Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật nói được v.v... trở xuống là. Thứ bảy nói về thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành thành tựu. Văn lại chia làm bốn: một là nói chung Như Lai nói tất cả pháp.

Xá-lợi-phất, chỉ có Phật Như lai nói được tất cả pháp từ những pháp nào? v.v...trở xuống là thứ hai nói riêng năm pháp như thuyết chứng v.v...

Những Pháp nào? Pháp thế nào là? Pháp giống như cái gì? Pháp tướng thế nào? Pháp thể ra sao? Nói như thế nào v.v...trở xuống là? thứ ba` nói năm pháp như thuyết giáo, v.v...

Thứ nào? Nói thế nào? Giống cái gì? Tướng thế nào? Thể thế nào? tất cả pháp. Như thế v.v...trở xuống là thứ tư là tổng kết chứng giáo hai pháp Như lai hiện thấy, chẳng phải không hiện thấy. T6át cả pháp như vậy v.v... Như lai hiện thấy, chẳng phải không hiện thấy. Nay sẽ chỉ bày chỗ văn, sau đó dựa vào luận để giải thích riêng Luận chép v.v...trở xuống là thứ hai luận thích. Văn chia làm hai: thứ nhất là giải thích chung một bộ kinh, thứ hai là giải thích riêng.

Luận chép: Từ đây trở xuống là nói lên tướng nhân quả của pháp đã nói ,nêu biết. Nói tướng nhân quả đã nói nên biết, gần là nói về phẩm Phương Tiện, nói nghĩa nhân quả. Như nói nghĩa nhân sâu xa của việc thọ trì, đọc tụng v.v.... Trí tuệ chư Phật sâu xa vô lượng, v.v... nói về quả nghĩa. Xa là nói về kinh này chỉ hiện ra một lý, nói Nhất thừa, chỉ giáo một người. Nên dùng Nhất thừa nhân quả làm tông. Bấy giờ, Thế tôn v.v...trở xuống la thứ hai nhắc lại kinh giải thích có năm chương kinh, là năm đoạn, như trên đã nói. Văn đầu có hai: nhắc lại trước Phật xuất định, bảo Xá-lợi-phất hai chương kinh mà giải thích. Kế là nhắc lại phép mầu công đức và Pháp Sư công đức mà giải thích.

Lúc đó, Đức Thế tôn nhập vào Tam-muội sâu xa, chính niệm bất động dùng trí như thật quán từ Tam-muội an lành xuất định, xuất định rồi, bảo Xá-lợi-phất. Dùng trí như thật quán là nói về sự xem xét, xem xét là nói biết bệnh cho thuốc. Từ tam-muội an tường xuất định khởi: sau khi biết bệnh cho thuốc rồi, nên kịp thời bốc thuốc theo bệnh, nên xuất định. Xuất định rồi bảo Xá-lợi-phất là nêu ra người đối dương. Nói lên Như lai được năng lực tự tại, nên Như lai nhập định không thể giật tỉnh.

Nói lên Như lai được năng lực tự tại,là giải thích chính niệm trên là bất động và dùng trí quán sát như thật. Dùng định lực tự tại được thân tâm bất động và quan sát như thật. Như lai nhập định không ai có thể làm ngài xuất định là, giải thích an tường xuất định, không bị duyên ngoài làm kinh động, nên được an tường xuất định. Trước nói bên trong có năng lực tự tại, nay nói không có sự kinh động bởi duyên ngoài, đều là khen ngợi Vô Lượng Nghĩa, khẳng định có hai năng lực này. Tại sao lại phải bảo với Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là giải thích thứ hai đối với người đối dương lại chia ra hai khác nhau, một là giải thích các Thanh Văn không đúng, sau đó là giải thích Bồ-tát không đúng. Trong mỗi pháp đều có hai, đầu tiên vì sao? Là hỏi lấy gì để bảo với Tôn giả Xá-lợi-phất, không báo các Thanh Văn khác. Theo sau trí tuệ sâu xa v.v..., trở xuống là thứ hai là đáp.

Theo trí tuệ sâu xa tương ứng với Như lai. Nay là nói về đại tuệ bình đẳng. Chỉ có Thân Tử trí tuệ là bậc tương ứng với Phật. Người khác không như thế do vậy chỉ bảo thân tử. Tại sao lại không bảo các Bồ-tát là thứ ba giải thích không bảo với các Bồ-tát. Trước hỏi, sau đáp.

Vì sao không bảo các Bồ-tát? Đáp: Trong đầu tiên là nêu chung năm nghĩa.

Có năm thứ nghĩa: từ một v.v...trở xuống là giải thích riêng năm

nghĩa: một là việc nên làm vì các Thanh Văn, hai là các Thanh Văn mà hồi tâm hướng về đại Bồ-đề. Ba là bảo hộ các Thanh Văn sợ sệt yếu đuối. Bốn là vì giúp cho người khác khéo suy nghĩ. Năm là vì các Thanh Văn bất khởi mà làm ra biện tâm. Thế nhưng lại nói Thanh Văn có năm nghĩa, nên phải báo cho biết.

Một là việc nên làm, các Thanh Văn. Dưới đây ví dụ phẩm nói. ta tuy nói các thầy diệt độ, nhưng hết sinh tử mà thật chẳng diệt. Nay việc nên làm là duy nhất trí tuệ Phật. Bồ-tát đã phát tâm Phật, hành Phật, đã làm ra nghiệp của trí tuệ Phật, nên không cần phải bảo Bồ-tát. Thanh Văn chưa làm được nghiệp Phật, muốn cho họ làm, thì bảo với cho họ biết. Hai là vì các Thanh Văn mà hồi tâm hướng về đại Bồ-đề. Bồ-tát phát tâm về với đại đạo, nên không cần bảo, Thanh Văn chưa đáp lại, nay muốn làm cho họ đáp lại, thì phải bảo. Điều trên là khiến họ làm nhân Phật. Nay nói thú quả hướng về Phật. Ba bảo vệ các Thanh Văn sợ sệt yếu đuối. Thanh Văn sợ Phật đạo dài xa, nên phải bảo, Bồ-tát thì không như thế.

Bốn là vì giúp cho người khéo suy nghĩ. Từ người ngoài Thanh văn, dòng dõi của Bồ-tát trời người đều gọi là người khác. Thanh Văn vốn không phải là người có khả năng thành Phật, sẽ thành Phật, Phật nói sao không cầu thành Phật; khiến họ suy nghĩ đạo lý.

Năm vì giúp cho Thanh Văn bất khởi niệm phải làm đã làm xong Thanh Văn có sự tự nắm giữ bảo vệ rốt ráo cho nên phải bảo. Bồ-tát không có bệnh này, nên không phải bảo. Trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng là thứ hai giải thích hai thứ công đức là hai điểm khác nhau. Trong giải thích diệu pháp chia làm hai: là giải thích chung hai thứ sâu xa. Điều thứ hai đặc biệt giải thích riêng A-hàm thứ sâu xa. Thứ nhất lại chia thành hai, một là giải thích, hai là nêu kinh để giải thích chỗ. Trong giải thích có hai: một là nhắc lại, hai là giải thích. Trong nhắc lại, trước nhắc lại hai chương môn là trí tuệ và sâu xa.

Chư Phật trí tuệ sâu xa vô lượng: là tâm tôn trọng các đại chúng sinh trở xuống là thứ hai giải thích. Văn có hai, đầu tiên là sinh khởi chung hai chương, kế là giải thích riêng hai chương.

Vì các đại chúng sinh mà tâm tôn trọng rốt ráo muốn nghe Như lai nói, đầu tiên phải có câu hỏi vì sao Phật xuất định, khen ngợi trí tuệ sâu xa vô lượng. Nên giải thích vì sao các đại chúng sinh tâm tôn trọng cuối cùng là muốn nghe Như lai nói. Nói sâu xa v.v... trở xuống là sâu xa thứ hai giải thích hai chương môn: một là giải thích chương môn, hai là giải thích chương môn trí tuệ. Còn giải thích chương môn sâu xa lại

có ba: một là nói chung hai thứ sâu xa, hai là nói riêng chứng sâu xa, ba là giải thích thể của sâu xa, sơ văn nêu hai thứ khuyến biết.

Nói sâu xa, là nói hai nghĩa sâu xa, nên biết như vậy. Hai pháp ấy lá v.v...trở xuống? Là nêu hai thứ sâu xa.hải pháp ấy là

Một là chứng sâu xa là, nói trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng. Hai là A-hàm sâu xa nói về trí tuệ môn của họ sâu xavô lượng. Nên nói sâu xa là bày riêng của tướng chung. Chứng sâu xa là pháp sở chứng bên trong. A-hàm sâu xa Thích Đạo An nói? A-hàm gọi là´ vô, nói tất cả pháp đều thú hướng về pháp không rốt ráo, nên được gọi là thú vô.

Tăng Triệu nói: A-hàm gọi là Pháp quy, được quy về phủ tạng muôn điều lành nhưng A-hàm là trên nước ngoài giáo pháp, có ở cả Tiểu. Bốn A-hàm, v.v... là Đại Tiểu. Niết-bàn nói phương đẳng A-hàm đây là Đại. Nói sâu xa là tướng chung, còn lại là tướng riêng, chung riêng là sâu xa thông chứng giáo, nên nói là chung. Còn có chứng giáo khác nhau, nên gọi là riêng. Chứng sâu xa có năm thứ nói lên v.v...trở xuống là thứ hai giải thích riêng chứng sâu xa.

Chứng sâu xa có năm thứ nói lên. Một là nghĩa sâu xa là dựa vào nghĩa sâu xa như thế nào. Hai là thật thể sâu xa. Ba là nội chứng sâu xa. Bốn là y chỉ sâu xa và năm là Vô thượng sâu xa.

Nghĩa sâu xa trước là giải thích năm thứ sâu xa chưa thấy được ý văn. Sau thấy luận Phật Tính và kinh Thắng-an mới được ngộ giải. Luận Phật Tính giải thích năm tạng cuối cùng đến Thắng-nan năm tạng làm chứng. Như Lai tạng tự tính là nghĩa, tất cả các pháp đều không ngoài tự tính. Vô ngã là tướng. Nghĩa Tự tính nói về một tạng này là thể của tất cả các pháp. Tất cả các pháp chân như là thể. Nên không có một pháp nào ra ngoài như

Trong năm nghĩa của luận tiếp theo, thứ nhất là tính nghĩa luận này gọi là thể sâu xa, thứ hai là Pháp giới tạng, lấy nhân làm nghĩa, niệm xứ quan của bậc thánh v.v... đều đưa vào tính này làm cảnh giới. Ý này nói pháp giới là các duyên như niệm xứ v.v..., duyên với duyên tăng trên. Nhân là nhân nghĩa trong năm nghĩa của luận Đại Thừa tiếp theo. Luận này dựa vào sự sâu xa. Ba pháp thân tạng lấy chí được làm nghĩa. Tất cả bậc thánh tính ưa chánh tánh giúp cho các bậc thánh được công đức Như lai, là tạng nghĩa thứ ba trong Nhiếp luận. Tất cả pháp luống dối ẩn giấu phi phàm kia là năng duyên của Hai thừa, do đó Tiểu thừa không tương tự. Thế nhưng luận Phật tính thủ hiển thời làm nghĩa, nên gọi là Pháp thân tạng, cho đến được làm nghĩa bốn nhiếp, luận nói theo lúc ẩn, nên nói tạng là chứng sâu xa ở trong đó. Bốn xuất thế gian

trên trên tạng, chân thật là nghĩa. Chữ Thế có ba nghĩa: một là đối trị khả diệt, hai là vọng tâm niệm niệm diệt, ba là bên trong có kiến chấp điên đảo không được thánh pháp, cả ba nghĩa này đều được gọi là Thế. Quá ba nghĩa ấy nên gọi là nghĩa xuất thế, tức năm nghĩa trong Nhiếp luận, Thứ tư là nghĩa Chân thật, tức trong luận này là Vô thượng sâu xa. Năm tự tánh thanh tịnh tạng là bí mật là nghĩa. Như tất cả các pháp thuận theo tính này thì được gọi là vi nội. Đó là chính, không phải tà, nếu trái với lý này thì là vi ngoại, là tà không phải chính. Trong luận Tứ Nhiếp nghĩa sâu xa xa. Năm tạng này thể là một nhưng nghĩa không giống nhau. Tất cả đều có chân như là Thể, nên gọi là Thể nghĩa, tức chân như là nhân để cho bậc Thánh quán sát thực hành, gọi là nhân nghĩa, người chứng được chân như này làm pháp thân thì gọi là chứng được nghĩa. Chân như này vượt ngoài thế gian thì gọi là nghĩa trên trên, sâu xa mầu nhiệm gọi là Nghĩa Bí Mật, Nhiếp luận Đại thừa ban đầu nói Tất cả tướng y chỉ môn. Nói về quả có năm nghĩa đều là ý của Thắng-man kinh, của luận Phật tính. Ngày nay cả năm thứ này đều là nghĩa của năm tạng. Ý nói rằng ít không thứ lớp. Nay nói có tự thể sâu xa là thứ nhất Như Lai tạng sâu xa nội chứng sâu xa, là Pháp giới tạng. Vô thượng sâu xa là xuất thế trên trên tạng. Dựa vào nghĩa nào mà nói sâu xa là Tự tính thanh tịnh tạng.

Hỏi: Tại sao lại nói năm thứ, không nhiều hơn không ít hơn?

Đáp: Đầu tiên là tự tính trụ Phật tính, thứ hai là dựa vào tự tính trụ Phật tánh. Khởi chủ quán hành là dẫn ra Phật tính. Thứ ba là chủ được Phật tánh. Thứ tư là khen ngợi ba thứ mà thế gian không có này. Thứ năm nghĩa sâu xa chỉ có ở cảnh giới Phật. Năm thứ này gồm nhiếp hết sự nghĩa của tất cả Phật.

Hỏi: Lấy gì để nói về năm việc này?

Đáp: Nay Phật nói Nhất thừa muốn cho chúng sinh thành Phật. Ý nghĩa của việc thành Phật đều ở năm việc này. Cho nên giải thích đầu tiên nếu nói Pháp Hoa chưa nói Phật tính, phá bỏ năm nghĩa này thì tội nghiệp sẽ vô biên. Hiểu được năm nghĩa này thì phúc tuệ sẽ vô lượng. Tại sao lại sâu xa? Là thứ ba giải thích thể của sâu xa.

Thế nào là sâu xa là? Nói đại Bồ-đề, đại Bồ-đề là do Như lai chứng đắc A-nậu-Đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề, sâu xa lại là điều Thanh Văn, Bích-chi-phật không thể biết được, nên gọi là sâu xa. Là nêu riêng thể của sâu xa, chính là Vô thượng Bồ-đề là sâu xa thể của. Bồ-đề lời quên bặt nghĩ nên gọi là sâu xa. Những thứ ở dưới sâu xa, trên kia đã nói là đương thể sâu xa Hai thừa không lường được nên gọi là sâu xa.

Nói về trí tuệ, ở trên đã giải thích môn sâu xa rồi, nay giải thích môn trí tuệ. Nói trí tuệ, là nói về nghĩa của mọi thứ, tất cả tất cả trí.nói tất cả loại là nghĩa trí của Nhất thiết trí,tất cả thứ là trí Nhất thiết chủng Luận Trí Độ chép: môn trí tuệ có tên là chủng, chủng nói về chủng biệt, vì môn trí tuệ có chủng biệt khác nhau nên gọi là chủng. Nghĩa trí của Nhất thiết trí. Giải thích thứ nhất là nói trí của trí người nhất thiết, nên coi trọng về trí an định. Lại giải thích, mọi trí mà ta biết nên gọi là trí trí. Như kinh đã v.v...trở xuống là nói thứ hai nêu kinh giải thích nơi chốn.

Khinh chép:Trí tuệ của Chư Phật, sâu xa vô lượng, môn trí tuệ ấy khó thấy, khó giác, khó biết khó hiểu, khó nhập. Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết được.

Nói A-hàm sâu xa từ trên giải thích chung hai thứ sâu xa. Nay lại một lần nữa giải thích A-hàm sâu xa. Trước chung, sau riêng đều là Thiên Thân giải thích thể của kinh. Chia văn làm hai. Một là trước nhắc lại A-hàm sâu xa làm chương môn.

Nói A-hàm sâu xa biểu thị có tám thứ v.v...trở xuống:, giải thích là thứ hai, đầu tiên là nói chung có tám chỉ ra có tám thứ.

Một là thọ trì đọc tụng, v.v...trở xuống là giải thích riêng tám thứ tức thành tám môn. Trong mỗi thứ đều có hai trước là nêu tên, như kinh v.v...trở xuống là dẫn kinh chứng minh, một` thọ trì đọc tụng sâu xa. Như kinh chép:Phật nói từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm ngàn muôn ức Chư Phật.

Hỏi: Kinh nói gần gũi, cúng dường vô lượng Chư Phật, thế nào là thọ trì, đọc tụng?

Đáp: Sở dĩ gần gũi, cúng dường chỉ là muốn được thọ trì đọc tụng.

Hai tu hành sâu xa, trước đã thọ trì đọc tụng, nay là như lợi dụng tu hành, lại như trước là văn tuệ, nay là từ tuệ; lại trước là tín thọ, nay là tu hành.

Hỏi: Trước nói thế nào là Tín?

Đáp: Long Thọ nói vì tín lực nên thụ vì niệm lực nên trì vì thế biết trước là Tín.

Như kinh chép: đối với Chư Phật tận hành các sở tu pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ba quả hành sâu xa, quả hành sâu xa trước là tư tuệ, nay là tu tuệ. Dùng ba tuệ làm đầy đủ nghĩa gần, của quả quá khứ nên nói là quả hành, lại có hai tuệ làm nhân để tu tuệ làm quả.

Như kinh phép:Xá-lợi-phất nói Như lai đã mạnh mẽ tinh tiến

thành tựu trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp.

Bốn thêm lớn công đức tâm sâu xa, trước là ba tuệ nay là chứng tuệ. Chứng tuệ là sau phần tu tuệ bắt đầu chứng được chân như pháp thân, nên nói là thêm lớn tâm công đức, Như kinh tên chép: gọi là Phổ Văn, nên năm là khoái diệu sự tâm sâu xa.

Năm là khoái diệu sự tâm sâu xa, bốn thứ trên đây nói về nhân sâu xa, từ sau bốn thứ này nói về quả sâu xa, khoái diệu sự là nói về Đại Niết-bàn.

Như kinh chép:Xá-lợi-phất nói Như lai rốt ráo đã thành tựu pháp ít có. Sáu là Vô thượng sâu xa.

sáu là Vô thượng sâu xa, thứ năm là quả Niết-bàn, thứ sáu là quả Bồ-đề. Thắng tướng thứ chín, thứ mười hai của luận Tứ Nhiếp trước cũng là quả quả. Nay là quả của nó, lại trước là pháp thân Như kinh chép:nầy Xa-lợi-phất, nay là ứng thân, pháp khó hiểu, Như lai có khả năng hiểu, bảy là nhập sâu xa.

Bảy là nhập sâu xa gọi là tự chương cú ý khó được nên trú trì tự tại, không đồng với và ngoại đạo nói phép nhân duyên gọi là sâu xa. Ba thân vi luận, nay là hóa thân, tự tha phân biệt hai tên trước là tự đức, hai tên sau là đức hóa tha.

Nói nhập sâu xa: Như Lai nói giáo giúp cho người ngộ nhập lý, trú trì được tự tại. Không đồng nói pháp nhân duyên với ngoại đạo, pháp ngoại đạo nói ở đây là rơi vào tà nhân hoặc rơi vào vô nhân, lại nhân duyên gọi là lý do, lý do là nghĩa. Pháp của ngoại đạo có chữ mà vô nghĩa. Phật pháp thì không phải như thế. Như kinh chép: Xá-lợi-phất khó hiểu pháp, là Chư Phật Như lai tùy nghi sở thuyết ý thú khó hiểu. Tám là bất cộng Hai thừa trú trì sâu xa.

Tám là bất cộng Thanh Văn, Bích-chi-phật sở tác trụ trì sâu xa. Trước khác với ngoại đạo, nay thì không chung với Hai thừa. Còn nói sở tác trú trì là Chư Phật, Như lai hễ lập bày Phật pháp để tạo tác trụ trì, thì Hai thừa không thể biết được.

Như kinh chép:Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết, đây là nói về pháp mầu công đức trên đây đã phân biệt pháp mầu công đức, nay là Luận chủ tổng kết giúp cho người biết phân biệt rõ ràng.

Thế nào là pháp mầu công đức? Kế là nói Như lai Pháp Sư công đức? Là thứ hai kế nói về Pháp Sư công đức, văn chia làm hai: một là nói chung công đức Pháp Sư, hai là nói riêng công đức Pháp Sư. Trước nói pháp mầu công đức, cũng trước chung, sau riêng. Hai thứ sâu xa

là chung, A-hàm sâu xa là riêng, nay cũng nói chung và riêng. Trong chung chia làm hai: một là Luận chủ nêu chung công đức Pháp Sư, hai là dẫn kinh chứng minh.

Kế là nói về công đức của Như lai Pháp Sư thành tựu nên biết: Pháp mầu công đức là tự đức, công đức Pháp Sư là đức hóa tha. Trước nói về tự đức, sau nói về hóa tha, nên nói là kế nói. Như kinh v.v...trở xuống là kế dẫn kinh làm chứng.

Như kinh chép:vì sao Xá-lợi-phất, chư Phật Như lai tự tại nói nhân thành tựu.

Nói tự tại thuyết nhân thành tựu có đức tự tại nói pháp đức này là nhân của nói pháp, nên nói là tự tại nói nhân.

Hỏi: điều thứ bảy, thứ tám ở trước cũng có nói về pháp nghĩa, đã là Pháp Sư, vì sao đến bây giờ mới bắt đầu giải thích?

Đáp: Luận chủ chia ra hai chương, nên mở ra hai môn, chương đầu chẳng phải không có Pháp Sư. Đoạn sau cũng có pháp mầu. Lại có điều bảy, điều tám trước đã nói lời dạy của Như lai chưa chứng minh sự giáo hóa chúng sinh của Hai thừa không giống với ngoại đạo. Nay đã chứng minh giáo hóa chúng sinh, nên gọi là công đức Pháp Sư.

Như Lai thành tựu bốn thứ công đức v.v...trở xuống là thứ hai nói về công đức Pháp Sư của Như lai văn chia làm hai: một là nói sơ lược về bốn thứ công đức, hai là nói rộng về bốn thứ công đức, cũng là mở đầu nêu chương, sau là giải thích. Văn lại chia hai: một là luận chủ nói chung bốn thứ công đức, hai là dẫn kinh nói riêng bốn thứ công đức, là giải thích nhân của tự tại nói ở trên vì đủ bốn thứ công đức nên có khả năng nói pháp cho người nghe.

Như lai đầy đủ bốn thứ công đức nên độ được chúng sinh. Bốn thứ công đức là nói nhân của, vì sao lại có bốn? V.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh nói riêng bốn thứ công đức, lã thành bốn thứ khác nhau. Mỗi pháp trong đó có ba, thứ nhất nêu tên, thứ hai dẫn kinh chứng minh, thứ ba giải thích kinh nói trụ thành tựu là nói về nêu tên.

Một là trụ thành tựu, là trụ các phương tiện độ thoát chúng sinh nên mới gọi là Trụ, hoặc có luận bản chép: chữ vãng, các người là vãng chúng sinh có hai thứ: Một là bỏ Tiểu hướng Đại gi là lai, như gã nghèo hướng về quê cũ, dần dần đi tới nhà cha; Hai là bỏ Đại hướng Tiểu, gọi là khứ, cũng như gã nghèo bỏ nhà ra đi. Phật cũng có hai thứ: một là ứng thân, vi chúng sinh đại tâm nên gọi là, Lai hai là hóa thân, thành tựu chúng sinh, như vị Trưởng giả kia tay cầm đồ hốt phân đến chỗ con. Nay ở trong đó có tám tướng thành đạo là vãng nghĩa, nên còn nói là vãng

phương tiện, như kinh chép:v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ phương tiện là thứ ba giải thích kinh.

Các thứ phương tiện: từ trời Đâu-suất lui sụt đến nói lên nhập Niết-bàn. Tám tướng thành đạo` tám phương tiện, nên gọi là các thứ. Nếu theo luận Phật Tính thì có mười bốn thứ phương tiện: một là hiện bản sinh sự, hai là hiện sinh lên cõi trời Đâu-suất, ba là từ cõi trời xuống thọ thân trung ấm, bốn là nhập thai, năm là xuất thai, sáu là học kỹ năng, bảy là đồng tử du hý, tám là xuất gia, chín là khổ hạnh, mười là đến dưới gốc Bồ-đề, mười một là phá ma quân, mười hai là thành Phật đạo, mười ba là xoay bánh xe pháp, mười bốn là nhập Niết-bàn.

Hai là giáo hóa thành tựu, là giải thích thứ hai cũng có ba thứ khác nhau, một là nêu chương, hai là dẫn kinh, ba là giải thích kinh.

Hai là giáo hóa thành tựu. Nói về giáo hóa thành tựu, Như lai có khả năng biết được nhân duyên thanh tịnh. Pháp nhiễm thì răn dạy cho bỏ, pháp thanh tịnh thì khuyên tu, dùng cả hai môn khuyên răn (khuyên bảo và ngăn cấm) nên gọi là giáo hóa. Kinh chép:v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép: các thứ tri kiến: các thứ tri kiến nói lên các nhân nhiễm tịnh vvtrở xuống là, thứ ba giải thích kinh.

Các thứ tri kiến là nói các nhân nhiễm tịnh, vì có nhiễm có tịnh nên gọi là các thứ. Nếu theo Nhiếp luận thì thức A-lại-da là tất cả nhân nhiễm tịnh. Nên kệ ấy chép:: Thế giới này vào thời vô thỉ, tất cả pháp y chỉ, đạo này có nhiễm tịnh, rồi được Niết-bàn. Lại giải thích theo kinh Thắng-man thì Như lai tạng là nhân nhiễm tịnh, dùng nhiễm tịnh dựa vào Như lai tạng, hai là luận chung. Tất cả nhiễm phiền não là nhân của pháp nhiễm sinh tử. Vô lậu là nhân của pháp thanh tịnh Niết-bàn như nói rộng các danh chương kia và kinh Thắng-man. Sinh tử nương vào Như lai tạng. Giải thích chung Hạt giống nhiễm tịnh là nhân sinh tử. Vô lậu huân tập là nhân Niết-bàn. Phật bên trong biết được hai thứ này, bên ngoài chỉ bày cho chúng sinh, nên gọi là Pháp Sư. Có luận bản nói đó là nhân của nhiễm tịnh. Nay nói, biết được các nhân của nhiễm tịnh thuộc về biết hết ý nghĩa của nhân. Nếu nói tịnh nhân thì chỉ biết tịnh mà không biết nhiễm, Nhiếp nhân nghĩa bất tận, ba là công đức thành tựu sau cùng, là giải thích điều thứ ba cũng có ba thứ khác nhau, đầu tiên là nêu, kế là dẫn chứng, sau là giải thích.

Ba là công đức thành tựu sau cùng.

Nói về công đức thành tựu sau cùng, dựa vào hai điểm sau để giải

thích. Một là nói tất cả công đức có đủ sức mạnh không sợ sệt gọi là công đức thành tựu sau cùng; Hai là nói dựa vào hậu văn có quán nhân vô ngã và pháp vô ngã. Chỉ ở trong pháp Đại thừa mới có công đức này, tên là rốt ráo thành tựu, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh chứng minh.

Như kinh chép: các thứ niệm quán: các thứ niệm quán giải thích là thứ ba, các thứ niệm quán dùng nói pháp để thành tựu nhân duyên tương ưng như pháp. Dùng nói pháp ấy để thành tựu nhân duyên, muốn nói pháp thì phải thành tựu nhân duyên, là nói pháp nhân duyên. Có nói pháp nhân duyên mới được tương ưng các pháp, tương ưng các pháp mới được nói pháp. Ba trước biết được nhân nhiễm tịnh, là nói Phật biết pháp hữu. Nay nói hai vô ngã quán nhân và pháp rằng biết pháp không, vì biết đủ không hữu nên gọi là Pháp Sư.

Hỏi: Vì sao gọi là các thứ niệm quán.

Đáp: Hai vô ngã nhân và pháp gọi là các thứ, bốn là thuyết thành tựu cùng có ba, đầu tiên là nêu.

Bốn là thuyết thành tựu: như kinh chép v.v... trở xuống là dẫn kinh.

Như kinh chép: các thứ ngôn từ, các thứ ngôn từ để giải thích kinh thứ ba.

Các thứ ngôn từ là dựa vào bốn trí vô ngại dựa vào các danh tự chương cú nào, tùy chúng sinh nào có khả năng thọ mà làm thành thuyết. Dựa vào danh tự, chương cú nào? Giải thích là ngôn từ trên trên. Tùy theo chúng sinh nào là tùy muôn thứ chúng sinh, nên có các thứ ngôn từ. Vậy mà Pháp Sư La-thập không có văn nói về bốn thứ công đức này. Thế nhưng nói từ khi thành Phật đến nay đã có các thứ nhân duyên ví dụ nói rộng ngôn giáo, các thứ nhân duyên, là điều thứ ba trong bốn thứ. Giải rộng ngôn giáo có công năng kết thành công đức thứ tư. Các thứ tỉ dụ có công năng kết thành thứ hai, không có các phương tiện bậc nhất. Bởi thế nên trong vô số phương tiện đã nhiếp được tất cả phương tiện, đầu tiên là phương tiện cánh vô.

Hỏi: Bốn thứ công đức này thứ lớp như thế nào?.

Đáp: Các Đức Phật đều trụ trong tám tướng thành đạo. Thứ nhất là nói về trú công đức, sở dĩ trú tám tướng vì Như lai biết nhiễm biết tịnh, giúp cho chúng sinh xả nhiễm được tịnh, nên có thứ hai là giáo hóa công đức. Việc giáo hóa chúng sinh đó cần phải chuẩn bị đủ các đức bên trong là tương ứng với các pháp, nên có thứ ba là công đức rốt ráo. Đức có đầy đủ ở bên trong thì khéo nói ra ngoài, nên lại có thứ tư là

công đức nói pháp. Bốn thứ này là nghĩa nhiếp hóa chúng sinh, nên gọi chung là công đức Pháp Sư. Lại có nghĩa v.v...trở xuống:

Thứ hai là phương tiện quảng bốn: cũng là giải thích chương môn. Giải thích chương môn là ứng thành bốn thứ khác nhau. Thế nhưng luận chủ chia thành hai. Giải thích ba phương tiện trước thành một thứ, giải thích phương tiện thứ tư thành một loại. Ba phương tiện trước lại chia thành hai, là giải thích kinh, hai là giải thích luận, giải thích kinh là ba. Trong từng chương đều có ba, đó là một là nêu, hai là dẫn chứng, ba là giải thích kinh.

Lại có nghĩa các thứ phương tiện: là nói ngoại đạo có tà pháp như thế là có vô vàn lầm lỗi, nên phải có các thứ phương tiện nói lên chính pháp của chư Phật, như thế là có các thứ công đức. Nói lại có, như trên đã nói về tám tướng, phương tiện nghĩa vẫn chưa cùng tận. Nay muốn giải thích rộng, nên nói lại có nghĩa các thứ phương tiện, nêu ra các thứ, nói ở dưới giải thích các thứ. Có thể có ba đoạn các thứ: Một là nói lên chính pháp có các thứ lầm lỗi như chín mươi sáu thứ; Hai là nói chính pháp của Phật có các thứ công đức. Lược nói có năm thừa, nói rộng có tám muôn pháp tạng; Ba là tà làm một thứ, chính là một thứ nên gọi là các thứ. Như kinh v.v...trở xuống là dẫn chứng văn có hai: một là nói vô số phương tiện như kinh chép:Xá-lợi-phất ta từ khi thành Phật tới nay là nói rộng ngôn giáo vô số phương tiện, hai là từ dẫn đạo v.v...trở xuống: là, giải thích nói ý phương tiện.

Dẫn dắt chúng sinh về các chỗ dính mắc để họ được giải thoát, lại có vô số phương tiện là, thứ ba giải thích kinh, văn có hai: một là giải thích vô số phương tiện, hai là giải thích trên nói ý phương tiện.

Lại vô số phương tiện khiến nhập vào các pháp lành nên lại có phương tiện, dứt phương tiện nghi, lại phương tiện khiến nhập vào thắng trí tăng trên, nên lại có phương tiện là dựa vào bốn nhiếp pháp nhiếp thụ chúng sinh khiến được giải thoát.

Trong đây˜ nói bốn thứ phương tiện. Nay dùng ba nghĩa để giải thích:

Một là chúng sinh chưa nhập pháp lành, thì giúp họ nhập vào pháp lành, tuy được dứt nghi nhưng chưa nhập vào thắng trí, thì giúp cho được thắng trí. Tuy nhập vào thắng trí nhưng chưa được giải thoát, thì nên khiến họ được giải thoát.

Hai là bốn thứ gánh nặng, trong kinh thắng –Man:Bốn thứ gánh nặng là:a/ vì chúng sinh vô văn phi pháp mà nói nhân thiên thừa, khiến nhập vào pháp lành. b/ nói Thanh Văn thừa dứt nghi đối với Bốn đế,

nên nói là dứt các nghi, c/ Nói Duyên giác thừa giúp cho nhập vào thắng trí. Dùng trí duyên giác thắng trí Thanh Văn. d/ phương tiện vi nói Đại thừa, trong Đại thừa dùng bốn nhiếp pháp thu nhiếp, dùng bố thí để nhiếp, khiến làm khuyến thuộc của mình, dùng ái ngữ đổ nhiếp khiến phát tâm Bồ-đề, dùng lợi hành tha nhiếp giúp cho gốc lành thêm lớn, dùng đồng sự nhiếp để giúp họ thành Phật.

Ba là theo luận Phật Tính, vì bốn người phá bốn chướng thành bốn nhân được quả, nên không nhiều không ít. Thế nhưng nói bốn thứ:

a/ Phương tiện phá xiển-đề bất tín chướng, giúp cho tin ưa Đại thừa làm thành đại tịnh hạt giống.

b/ Phương tiện phá ngoại đạo tà ngã tương chướng, khiến được Bát-nhã, là dưới giống của Đại ngã mà nói dứt các nghi, không có cái ngã của luống dối mà có cái ta Phật tính, có những nghi ngờ đối với vô pháp được đứt bỏ.

c/ Phương tiện phá Thanh Văn kinh sợ sinh tử chướng, khiến được phá hư không Tam-muội thành tựu đại lạc hạt giống. Hạt giống nhờ hai phương tiện tốt đẹp ở trước mà nói là thắng trí. Lại thứ nhất là thấp, kể một là trung, sau một là trên, nên nói là tăng trên. d/ là phá độc giác tự ái thân chướng giúp cho được Đại từ đại bi thành tựu làm Hạt giống Đại thừa, dùng làm Duyên giác vô bi. Bây giờ nói bốn nhiếp pháp, là đại bi. Chư trước Xứ v.v... trở xuống là, thứ hai, giải thích nói ý phương tiện. Văn chia làm hai, đầu tiên là nhắc lại chung giải thích.

Chư trước Xứ là chỗ nào cũng đắm nhiễm,hoắc đắm cái cõi v.v... trở xuống là thứ hai riêng giải thích văn có hai, phần đầu nêu ra thành bốn, phần sau giải thích bốn đắm

Hoặc đắm nhiễm các cõi hoặc đắm nhiễm các địa, hoặc đắm nhiễm các phân, hoặc đắm nhiễm các thừa, trên đây đã nói bốn thứ phương tiện. Nay nói bốn đắm nhiễm là bốn thứ đắm nhiễm nói là bốn phương tiện, không phải là trị riêng, nhưng là trị chung, đắm nhiễm v.v...trở xuống là thứ hai giải thích bốn đắm, là bốn thứ khác nhau. Nay trước là giải thích đắm cõi.

Đắm cõi là nói đắm cõi dục cõi Sắc cõi Vô Sắc, đắm địa v.v...trở xuống là, giải thích thứ hai.

Đắm địa là đắm đắm giới thủ Tam-muội sơ thiền định địa cho đến Phi phi tưởng và diệt tận định địa. Giới thủ là ngoại đạo cho tà giới là đạo. Tam-muội trước đây là Tam-muội trong cõi dục, như luận Thành thật nói điện quang định, v.v... lại là vị lai thiền của tì-đàm. Đắm phân là giải thích thứ ba, trước nêu trước tại gia, xuất gia hai chương môn.

Đấm phân :là đấmphần tại giai xuất gia.kế là giải thích hai chương môn:

-Đấm phần tại giai:là đấm mình

đồng thứ gây ra các thứ nghiệp tà kiến v.v... Đấm xuất gia phần là mê đấm tiếng tăm lợi dưỡng các thứ chư giác phiền não v.v... rất dễ hiểu

Đấm thừa là giải thích thứ tư, trước nêu Thanh Văn Bồ-tát hai chương môn.

Đấm thừa là đấmThanh Văn thừa, Bồ-tát thừa, kế là giải thích hai môn.

Đấm Thanh Văn thừa là thích giữ giới Tiểu thừa cầu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nên đấm Đại thừa là nói đấm lợi dưỡng, cúng dưỡng, cung kính, v.v... nên đấm phân riêng quán các thứ pháp tướng cho đến Phật địa,rất dễ hiểu.

Là các thứ tri kiến,là nói rộng thứ hai ý nghĩa các thứ tri kiến, văn có ba, một là nêu chương môn, lược giải thích, sau là dẫn kinh, ba là giải thích kinh. Lại các thứ tri kiến là tự thân thành tựu cảnh giới tốt đẹp không thể suy nghĩ bàn luận bằng với Thanh Văn, Bồ-tát, v.v... Tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn là nói bặt cảnh giới Hai thừa và Bồ-tát, v.v... bằng với Thanh Văn Bồ Tát.Trên đây nói về sự khác nhau giữa hai hạng Đại Tiểu, nay nói về sự giống nhau giữa hai hạng Đại Tiểu. Như kinh chép: này Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện Như lai. Là thứ hai dẫn kinh làm chứng hai nghĩa trước.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện của Như lai tới bờ bên kia. Trước đã chứng thượng bằng với Thanh Văn, Bồ-tát. Như lai chân thật đã vượt hơn Thanh Văn, Bồ-tát mà có thể đồng với Thanh Văn Bồ-tát, nên nói là phương tiện, phương tiện này khác với phương tiện ở trên, vẫn lấy Thanh Văn và Bồ-tát làm phương tiện. Tới bờ bên kia, chứng được cảnh giới bậc nhất, vắng bặt hai hạng người. Tới bờ bên kia vv trở xuống là giải thích kinh thứ ba. Tới bờ bên kia; là hơn tất cả Bồ-tát. Đã hơn Thanh Văn thì, Bồ-tát không cần nói. Lại các thứ niệm là thứ ba các thứ niệm quán. Văn này có hai, một là nêu chương, lại các thứ niệm quán, hai là dẫn kinh.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! tri kiến của Như lai rộng lớn sâu xa, không chướng không ngại, năng lực không sợ, bất cộng pháp căn lực, Bồ-đề phần thiền định giải thoát Tam-muội tam-ma-bạt-đề đều đã đầy đủ. Nên không có giải thích kinh thứ ba. Trong đây đã nói năng lực vô úy. Kinh luận chỗ nào cũng đều giải thích cuối cùng. Lại như văn đã

hiển bày, không cần phải giải thích. Lại như thành tựu bậc nhất v.v...trở xuống là, trước nay thứ nhất là dựa vào kinh nói rộng ba Phương Tiện, nay nói thứ hai luận chú trọng rộng ba Phương Tiện, tức thành ba thứ riêng trong mỗi pháp. Một là nhắc lại, có thể giáo hóa chúng sinh. Thứ hai là giải thích, giải thích luận` kinh có khác. Kinh thường theo pháp giải thích, luận chỉ y theo người để giải thích, nên có khác nhau.

Lại như thứ nhất thành tựu có thể giáo hóa chúng sinh, y chỉ tri thiên thức mà thành tựu.

Thứ nhất thành tựu là các thứ phương tiện, nên đã nói lên các thứ phương tiện, giúp cho có khả năng giáo hóa chúng sinh nương vào thiện tri thức được thành tựu.

Thứ hai thành tựu là chúng sinh căn cơ thuần thục khiến được giải thoát. Thứ hai thành tựu là các thứ tri kiến, giúp cho căn cơ thuần thục được giải thoát.

Thứ ba thành tựu là lực gia, được tự tại thanh tịnh hàng phục.

Thứ ba thành tựu hoặc nói lực gia tự tại lấy gia làm chính. Lực đây là mười lực, gia đây là các đức. Đó là lực gia thuộc loại, nên gọi là gia, tự tại thanh tịnh hàng phục, thứ ba là các thứ niệm quán, các thứ niệm quán là nói về năng lực vô úy như trên nêu. Trên là hai thành tựu giáo hóa thành hai thứ chúng sinh. Nay thành tựu thứ ba, đã có đầy đủ tất cả công đức, nên có khả năng hàng phục cùng khắp tất cả chúng sinh. Lại như hai thứ thành tựu trên lợi ích căn cơ thuần thục vẫn chưa thuần thục được chúng sinh. Nay thành tựu thứ ba đã hàng phục được tất cả phiền não của Như lai. Vì vậy nên ở trước nói về đức hóa tha. Nay nói về tự đức, nên môn trước nói nhân tri là hóa tha, sau không nói nhân tri là tự đức.

Thứ tư là thuyết thành tựu: trên đây là nói rộng ba phương tiện đã xong, nay nói rộng thuyết thành tựu thứ tư văn chia làm hai, thứ nhất từ đầu đến cuối có bảy thứ, giúp cho chúng sinh tự thân công đức thành tựu. Nói Như lai nói pháp giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu v.v.... Thứ hai là từ giáo hóa thành tựu trở xuống.Là nói Như lai nói pháp giúp cho hành hóa tha thành tựu. Trong giải thích hiện điềm lành ở trước, tám thứ như v.v... cũng đều ở trong hai thứ này. Sáu thứ đầu là Phật muốn giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Hai pháp sau giúp hành hóa tha thành tựu, do đó mà hiện điềm lành. Vậy thuyết định khởi vi vật nói pháp càng giúp cho hai đức thành tựu. Trong tự đức thành tựu có hai, thứ nhất là kinh rộng, thứ hai là luận lược Trong kinh rộng lại chia làm hai, đầu tiên là nhắc lại chương môn hai là,rộng nêu chung lý

do bảy số.

Thứ tư thuyết thành tựu có bảy thứ. Chương này chứng minh Pháp Sư công đức. Pháp Sư tuy có bốn đức mà lại lấy việc thuyết pháp làm chính nên nói người có bảy đức này có khả năng nói pháp cho chúng sinh nghe.

Một là các thứ thành tựu. Hai là chứng minh bảy thứ thành tựu, là thành bảy thứ riêng. Sơ trung có hai, một là nêu chương, hai là dẫn kinh.

Một là các thứ thành tựu. Nói về các thứ thành tựu,đối với tất cả các pháp môn đều tận cùng nguồn cuội, sau đó có khả năngnói pháp cho chúng sinh nghe. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! chư Phật, Như lai thâm nhập vô tế,thành tựu tất cảchưa từng có pháp. Hai là ngôn ngữ thành tựu cũng chia hai, đầu tiên là nêu chương sau là dẫn kinh.

Hai là ngôn ngữ thành tựu được năm thứ âm thanh hay nói pháp. Ở trên đã nói nội cùng pháp môn. Nay nói bên ngoài có âm thanh hay, sau đó mới có khả năng nói pháp cho chúng sinh nghe. Như kinh chép: Như lai có các thứ phân biệt khéo léo, các pháp ngôn từ mềm dịu làm vui lòng chúng sinh. Ba là tướng thành tựu cũng có ba: đầu tiên là nêu,kế là dẫn kinh, sau là giải thích kinh.

Ba là tướng thành tựu: nói về tướng thành tựu, hãy do thời mà động, đáng nói thì nói, đáng yên lặng thì yên lặng, nên gọi là Tướng. Hai là có chúng sinh lợi căn. Nghe lời nói trước ngộ giải tướng hiện, không cần nói lại, nên gọi là tướng, như kinh chép:v.v... trở xuống là thứ hai dẫn chứng.

Như kinh chép: : hãy thôi Xá-lợi-phất, không nên nói nữa.Có chúng sinh pháp khí trở xuống thứ ba là giải thích kinh. Có chúng sinh pháp khí tâmđã đầy đủ : Là Bồ-tát lợi căn nghe Phật nói kinh Pháp Hoa liền được giải ngộ không cần nhắc lại, mà sau ba lần thỉnh lại nói rộng, nói cho Thanh Văn đôn căn nghe, lại từ trong đó khen ngợi Chư Phật có đức biết căn cơ. Có người lợi căn hiểu được lời Phật, không cần nhắc lại.Thứ tư là kham thành tựu: Ở trên đã nói người lợi căn hiểu được lời Phật không cần nói lại. Nay nói người có khả năng nhận lãnh giáo hóa, vẫn chưa được hiểu nên phải nóicho nghe, đầu tiên là giải thích.

Bốn là kham thành tựu, tất cả giáo hóa chúng sinh đáng đều biết Như Lai thành tựu công đức cao quý ít có, có khả năng nói pháp, kế là dẫn kinh. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Phật thành tựu Pháp bậc Nhất ít có khó hiểu, rất dễ hiểu thứ năm là vô lượng chủng thành tựu, văn có ba: một là nêu chương giải thích sơ lược, hai là dẫn kinh, ba là giải

thích kinh.

Năm là vô lượng chủng thành tựu, nói không thể hết được, vô lượng chủng thành tựu là pháp thân đầy đủ các đức do đó không thể nói hết được. Như kinh chép: thứ hai là dẫn kinh. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật nói pháp chư Phật Như lai mới biết được thật tướng rốt ráo của pháp đó. Thật tướng vv..trở xuống, giải thích kinh là thứ ba. Nói thật tướng là nói nghĩa bất biến của thể pháp thân Như lai tạng: ở trong phiền não gọi là Như Lai tàng, còn gọi là Như Lai thai, của thể pháp thân nghĩa bất biến, tuy ở trong phiền não nhưng không bị phiền não nhiễm làm, nên gọi là bất biến.Luận Phật tính nói pháp luống dối có ba biến dị, giải thích nghĩa vô biến dị: một là quả báo hết nên biến dị, hai là đối trị sở phá nên biến dị, ba là niệm niệm diệt nên biến dị. Pháp thân đã xa lìa ba lỗi này: Một làtrước sau vắng lặng, vô quả báo đều biến dị; Hai là vô lậu nên vô đối trị phá biến dị, Ba là phi hữu vi, vô niệm niệm hoại biến dị.

Sáu là giác thể thành tựu, văn chia làm ba: đầu tiên lànêu, kế là giải thích, sau là dẫn kinh chứng minh.

Sáu là giác thể thành tựu. Điều năm ở trên là nói về pháp thân. Bây giờ nói về ứng thân, cũng là báo thể thân giác của, là Phật thể của cũng gọi là Phật tính, dùng Phật tính để nói lên là nên gọi là thành tựu. Điều Như lai nói ở dưới, thứ hai là giải thích.

Như lai nói tất cả pháp chỉ có Phật Như lai tự chứng được, ngoài Như lai người nói được tất cả pháp chỉ có Phật tự chứng được tự chứng được là tự chứng được pháp thân;như kinh v.v.... trở xuống là thứ ba dẫn kinh; Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai biết được tất cảpháp. Bảy là thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp, tu hành có ba: một là nêu, hai là giải thích, ba là dẫn kinh.

Bảy là thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành thành tựu pháp đó. Điều thứ bảy này là hóa thân, thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành, Phật tùy ý chúng sinh nói pháp giúp cho chúng sinh tu hành theo , thứ lớp bảy pháp này, đó là muốn nói pháp thì phải có bảy đức, một là nối tận cùng cội nguồn của pháp, hai là ngoài có xảo biện, ba là biết yên lặng, bốn là biết ngộ, bốn điều này có hai cặp là trong ngoài, nói nín vv... Nên phải có hai cặp này, phải chuẩn bị từ pháp thân hiện hóa thân. Ba thứ sau là nói ba thân, thành tựu được pháp đó, Như lai thành tựu thuận theo ý chúng sinh, nói pháp cho chúng sinh nghe, vì sao như vậy, điều thứ hai này giải thích, là trong phần nhắc lại kinh các pháp nào, nói pháp là, dùng kinh để giải thích luận.

Hà đẳng như thị: các pháp nào là nhắc lại mở đầu của năm môn, như thị đẳng là, đẳng v.v... trở xuống bốn câu. Như kinh v.v...trở xuống là thứ ba dẫn kinh.

Như kinh chép:: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai mới nói được tất cả pháp, thứ nhất các pháp môn v.v... trở xuống. Trên đây thứ nhất y theo kinh giải thích rộng bảy pháp. Nay thứ hai y theo luận lại một lần nữa giải thích bảy pháp. Văn chia làm hai: một là giải thích trước, hai là kết luận trước, giải thích sau. Giải thích bảy chương trước là thành bảy thứ riêng. Thứ nhất các thứ pháp môn, là nhắc lại các thứ thành tựu. Thứ nhất ở trên

Thứ nhất các thứ pháp môn nhiếp lấy chúng sinh. Nhiếp lấy chúng sinh là trọng tâm thấu hiểu tận cùng các thứ pháp môn mới nhiếp lấy được chúng sinh.

Thứ hai là khiến bất tán loạn trụ: là lấy ở ngoài đủ năm thứ âm thanh, nghe âm thanh của Phật hay ,tâm bất tán loạn.

Thứ ba là khiến lấy được: là nghe pháp bất loạn, giúp cho họ nhận lấy pháp.

Thứ tư giúp cho được giải thoát: là dùng nhận lấy pháp nên liền được giải thoát.

Thứ năm là khiến kia: tu hành thành tựu được pháp đối trị: điều thứ năm giúp cho người tu hành được giải thoát nên phải đối trị.

Thứ sáu là khiến kia tu hành tiến thú thành tựu: Điều thứ sáu là giúp cho người tu hành tiến thú, trước giúp cho họ được thấy đạo, nay tiến tới hứng thú tu đạo.

Thứ bảy là khiến được tu hành không lui sụt: thứ bảy là giúp cho người được tu hành lui sụt; giúp cho đắc đạo vô học.

Bảy pháp này do tự thân chúng sinh làm ra, được các pháp lành thành tựu. Trên đây thứ nhất là nói riêng bảy pháp. Nay điều thứ hai sắp kết luận trước, giải thích sau. Nói kết luận trước, luận chủ giải thích bảy pháp, Phật nói nói pháp cho chúng sinh nghe giúp chúng sinh tự hành thành tựu.

Bảy pháp này vì thân các chúng sinh tự làm ra điều lành thành tựu.

Hỏi: Bảy pháp này nói như thế nào về tự hành thành tựu?

Đáp: Bảy pháp này là Địa tiền bốn giai vị và địa trên ba giai vị. Thứ nhất được Thập tín vị, nên gọi là nhiếp lấy, nhiếp lấy khiến được nhập vào Thập tín; Thứ hai là giúp cho không trụ tán loạn, là Thập Trú, cũng gọi là Thập giải; Thứ ba là lệnh thủ là tu Thập Hạnh, nên gọi là

tu làm đầu; Thứ tư là giúp cho được giải thoát. Giải hạnh thuần thục sẽ được giải thoát, là thập hồi hướng; Thứ năm là bước lên Sơ địa là dứt bỏ phiền não, chứng được pháp thân, nên nói được đối trị; Thứ sáu là hai địa, trở lên tu đạo, nên nói là tiến thú; Thứ bảy là giúp cho người tu hành lui sụt mất Từ địa thứ tám trở lên, tránh được ba lui sụt cho đến Phật địa, gọi là Vô Học đạo, do đó có gọi là tự hành thành tựu, lại giáo hóa giúp cho thành tựu. Trên đây đã nói về Phật nói pháp giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Nay thứ hai là giải thích kinh. Nói Phật nói pháp giúp cho chúng sinh hóa tha thành tựu. Nếu theo thứ lớp sinh nhau, là giải thích điều thứ bảy trong quảng kinh tùy thuận ý của chúng sinh tu hành thành tựu.

Hỏi: Làm sao biết được trước khiến cho chúng sinh đó tự tu hành thành tựu, sau khiến chúng sinh hóa tha hành thành tựu.

Đáp: Phật trong luận và luận chủ có hai giải thích, bảy pháp là tổng kết chung. Bảy pháp này làm cho tự thân chúng sinh thành thục. Nên biết trước là tự tụ hành thành tựu. Kế là nói, lại cùng với việc giáo hóa khiến được thành tận cho nên biết là hạnh giáo hóa người. Văn có hai: một là nói chung hóa tha, hai là y cứ siêng năm pháp để nói về hóa tha. Văn lại chia hai: đầu tiên nhắc lại hóa tha chương môn, nên nói lại giáo hóa khiến được thành tựu.

Lại giáo hóa cho được thành tựu: hai pháp này vv,...trở xuống là thứ hai giải thích hóa tha chương môn. Văn chia làm bốn, một là nêu chung hai pháp, hai là nói riêng hai pháp, ba là nói tướng mạo hai pháp, bốn là nói thứ lớp hai pháp. Dũ hai thứ pháp giúp cho thành tựu thứ nhất văn.

Cho hai thứ pháp khiến họ thành tựu: Thế nào là hai, thứ hai giải thích hai pháp. Thế nào là hai? Một là cho chứng pháp, hai là cho nói pháp cho. Một là cho chứng pháp khiến thành tựu là nói dựa vào chứng pháp mà trao cho, nên hai là nói pháp cho khiến được thành tựu là nói dựa vào nói pháp mà nói cho Phật giúp cho chúng sinh khi nói pháp cho họ nghe, nếu dựa vào y chứng pháp mà nói, thì sẽ trao cho chứng pháp. Giáo pháp cũng như thế. Hai thứ pháp này như đã nói trên. Thứ ba là nêu tướng mạo hai pháp. Hai pháp này như đã nói ở trên, trước đây kinh Phật thứ nhất đã nói bảy thứ. Phật nội tự chứng bảy pháp sau đó mới nói pháp cho chúng sinh. Điều này là vì chúng sinh nói chứng pháp. Về sau luận chủ đã nói bảy pháp. Nếu y theo kinh Phật giúp nghe mà nói giáo pháp. Dựa vào hai pháp này có thứ tự nào; thứ tư là nói thứ lớp của hai pháp. Văn có hai: đầu tiên là hỏi, thứ lớp hai là nói của pháp.

Dựa vào hai pháp này có thứ lớp nào mà được tu hành? Hai pháp có thứ lớp nào mà được tu hành, là câu văn trước kia được nói lại, nên biết. Là giải thích thứ hai, là câu văn trước kia nói lại nên biết. Nếu dựa vào thứ lớp tu hành thì trước dựa vào bảy pháp của Luận chủ để giải thích tự hành thành tựu. Sau đó dựa vào bảy pháp của Phật mà được hóa tha, vì thế nói là nói lại, nên biết. Nếu dựa vào thứ lớp của Phật thì trước nói về sự thành tựu của bảy pháp. Sau đó mới được hóa tha, như bảy pháp của Luận chủ, lại dựa vào chứng pháp có năm thứ trở xuống v.v... trên đây thứ nhất nói chung là hóa tha rồi. Nay y cứ riêng thứ hai gộp năm pháp lại để nói về hóa tha. Văn có hai, nay là y theo chứng pháp để giải thích năm pháp, hai là thâu tóm giáo pháp để giải thích năm pháp. Văn đầu lại có hai: một là nêu ra năm pháp, hai là giải thích năm pháp. Việc nêu lên chứng pháp đầu tiên có năm thứ, lại dựa vào chứng pháp có năm thứ, dùng nội tâm giải thích năm pháp, gọi là chứng, từ một trở xuống, theo thứ lớp nêu ra năm pháp: một là hà đẳng pháp, hai là vân hà pháp, ba là hà tự pháp, bốn là hà tướng pháp, năm là hà thể pháp. Kinh của La-thập có mười pháp, nay nói năm pháp, có thể là bản Pdướin rộng lược khác nhau, khó biết tường tận được, cũng có thể là năm pháp này nhiêu lấy mười pháp kia, hãy tự suy đoán.

Hỏi: Vì sao chỉ nói năm pháp?

Đáp: Muốn hóa tha thì phải biết pháp. Năm pháp này nhiếp hết tất cả pháp. Nếu chứng pháp, hoặc giáo pháp thì đều nằm trong năm pháp này cả. Đó là dùng sự hóa tha phải biết năm pháp.

Hà đẳng pháp: Thứ hai là giải thích, chu hễ giải thích. Theo cách ba thì chu đầu tiên y theo ba thừa Nhất thừa, lại giải thích y theo pháp y theo người để giải thích năm pháp.

Hà đẳng pháp là nói về pháp Thanh Văn, pháp Bích-chi-phật và pháp Phật cho nên ; vân hà pháp là nói về các thứ sự việc cho nên hà tự pháp là dựa vào ba môn được thanh tịnh. Hà tương pháp là nói ba thứ nghĩa nhất tướng pháp. Hà thể pháp là không hai thể. Không Vô hai thể là nói vô lượng thừa chỉ có nhất Phật thừa, không có hai ba.

Hà đẳng pháp. Hỏi: Pháp gọi là pháp Ba thừa, Phật chỉ chứng Nhất thừa.

Vì sao nói chứng pháp có Ba thừa?

Đáp: Trong Phật chiếu đạt Ba thừa nên gọi là chứng Ba thừa. Lại từ Ba thừa này giúp cho chúng sinh được chứng, nên gọi là chứng pháp.

Vân là pháp: Trách sở nhân các pháp khởi, pháp gọi là Ba thừa

này nổi lên từ đâu? Nổi lên bởi các thứ giáo Ba thừa. Vân hà pháp là khởi lên các việc hoặc giảng nói pháp, hoặc thí dụ, tùy thời tùy người nói pháp Ba thừa.

Hà tự pháp: Trách pháp thí thứ. Nhiếp Luận có hai giải thích: một là dùng lý pháp làm tự, dùng lý tựa như môn; hai là được quả làm tự pháp, dùng quả tựa như nhân. Lại quả và văn lý tương tự, nay nên dùng quả làm tự pháp. Hai câu trước nói về pháp Ba thừa, nay được quả Ba thừa, nên văn nói dựa vào ba thứ môn để được thanh tịnh.

Hà tướng pháp: Trách pháp ngoại tướng, ba câu trên đây nói pháp Ba thừa, dưới đây hai câu nói về pháp Nhất thừa, nói giáo Ba thừa khiến quy về Nhất thừa, Nhất thừa là nhất Tướng.

Hà thể pháp: Trách pháp nội thể nghi, lấy nhất Phật thừa là thể, không có hai, ba Duyên giác là hai, Thanh Văn thứ ba. Lại có nghĩa v.v...trở xuống là, chu thứ hai giải thích năm pháp. Trước y theo Ba thừa, Nhất thừa để giải thích năm pháp. Nay y cứ chung để giải thích tất cả pháp. Cũng được mỗi môn nhiếp tất cả pháp. Lại giải thích y theo lý, y theo sự để giải thích. Lại có nghĩa hà đẳng pháp là nói mười pháp vô vi pháp hữu vi v.v... vân hà pháp là nói về pháp nhân duyên mà không phải là pháp nhân duyên v.v... Hà tự pháp nói về pháp thường, pháp vô thường, v.v... Hà tướng pháp nói về sinh đẳng ba tướng pháp bất sinh đẳng ba tướng pháp. Hà thể pháp là nói về năm ấm thể không, phải là thể năm ấm. Đầu tiên có pháp môn hữu vi và vô vi. Là Ba hữu vi, ba vô vi nhiếp y được hết các pháp. Thứ hai trách sở nhân của pháp khởi. Nhân duyên, phi nhân duyên, pháp vô vi không sinh ra từ nhân duyên. Hà tự pháp trách kỳ tỉ thứ, nói pháp thường, vô thường cũng nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Thường, vô thường` hữu vi, vô vi có gì khác với?

Đáp: Nếu thủ nhiếp pháp luận gọi là nghĩa dị thể không có gì cùng khác. Nhược thủ dị là nói về hữu vi vô vi là ba vô vi và ba hữu vi. Nay thường và vô thường là nói pháp thân thường ứng hóa vô thường. Ở Sau cùng nên giải thích.

Hỏi: Thường và vô thường vì sao gọi là tự pháp?

Đáp: Chứng được quả vô thường nên nói là tương tự, cũng được lý vô thường với văn tương tự. Hà pháp tướng là trách pháp tướng. Pháp Hữu vi có ba tướng là sinh trú diệt. Pháp Vô vi có ba tướng là vô sinh, vô trú, và vô diệt. Hai pháp này cũng nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Ba tướng như tướng sinh v.v..., ba tướng như tướng bất sinh v.v... thường, vô thường, hữu vi vô vi có gì khác với?

Đáp: Y theo tướng không giống nhau, nên khác nhau. Thể càng không khác, hà thể pháp là trách pháp thể, năm ấm là thể, chẳng phải năm ấm là thể vô vi, y theo năm ấm thể chẳng phải thể không giống nhau. Hai thứ này cũng nhiếp được tất cả pháp. Còn tất cả pháp thì phải có năm nghĩa. Nói vi vô vi cho đến ấm hoặc phi ấm, như Trí luận chép: tất cả pháp đều phải có đủ chín nghĩa. Lại như hà tự pháp, thứ ba là chu thích, chỉ giải thích nghiêng về ba pháp, không giải thích hai điều trước.

Lại hà tự pháp là nói pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên. Hà tướng pháp là nói có thể thấy các pháp. Hà thể pháp là nói về năm ấm năng thủ sở thủ, dùng năm ấm làm thể của khổ tập. Lại Năm ấm là thể của đạo đế. Trong hà tự pháp lấy các pháp vô thường, nhân duyên hữu vi này, v.v... nêu thứ tương tự. Hà tướng pháp là lấy tướng sáu trần thấy, được nghe được. Hà thể pháp, hữu lậu năm ấm là thể của khổ tập. Năm ấm Vô lậu làm thể của đạo đế. Lại có nghĩa khác v.v...trở xuống trên đây ba chu là nói nên trao cho chứng pháp trao cho chứng pháp rồi. Chu thứ hai này nói nên trao thuyết pháp là, trao cho thuyết pháp. Lại có nghĩa khác dựa vào thuyết pháp thuyết Hà đẳng pháp là nói danh cú tự thân, v.v... Vân hà pháp là dựa vào pháp do Như lai nói. Hà tự pháp là nói có đáng năng giáo hóa độ chúng sinh khả hóa. Hà tướng pháp là nói dựa vào âm thanh để lấy cho nên nương vào âm thanh để nhận lấy pháp kia.. Hà thể pháp là giả danh thể pháp tướng nghĩa vì khác với chứng pháp trên nên nói lại có nghĩa khác. Nói pháp phải có đủ năm thứ: Một là có danh tự cú thân, Hai là dựa vào nhân mà Phật nói; Ba là dựa vào chúng sinh đáng hóa độ để so sánh. Các chúng sinh có thể hóa độ được thì hóa độ , không thể hóa độ được thì không hóa; Bốn là trách tướng, dựa vào âm thanh để lấy được các pháp đã nói; Năm là các pháp đã nói đã có những giả danh trách thể.

Hỏi: Dựa vào luận kệ này của làm sao tụng hai thứ công đức ở trên Đáp: Ba bài kệ đầu nói về pháp công đức trên diệu của kệ tụng, ngoài ra đều tụng Pháp Sư công đức. Trong pháp công đức trên diệu có hai: Hai bài kệ đầu nói chứng sâu xa, kệ sau nói về A-hàm sâu xa. Trong chứng sâu xa ở đâu, luận chủ mở ra năm nghĩa. Nay văn chia ra làm hai: bài kệ đầu nói chung về sâu xa, bài kệ sau nói về công đức sâu xa. Cũng như bài kệ đầu, là những người khả năng chứng được sâu xa. Bài kệ thứ hai nói về pháp sở chứng sâu xa. Trong văn xuôi chỉ nói về trí tuệ một đức sâu xa. Trong kệ nói về tất cả công đức sâu xa. Bài kệ sau khen ngợi A-hàm sâu xa. A-hàm sâu xa ở trên có tám thứ, nay đem

ra tụng trước sau thành bốn thứ. Câu đầu tụng đệ nhất thọ trì đọc tụng sâu xa, câu sau tụng tu hành thứ hai sâu xa. Câu kế tụng ưa thích sự sâu xa. Câu kế tụng thứ tám bất cộng sâu xa. Hành các đạo này trong vô lượng ức kiếp ở dưới. Tụng Pháp Sư công đức, Pháp Sư công đức ở trên có hai: đầu tiên là lược, sau là rộng, nay kệ nhiếp chung làm hai: Bài kệ thứ nhất khen ngợi Như lai tự đức công đức là giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Bài kệ thứ hai trở đi trong bài tụng giúp cho chúng sinh hạnh hóa tha thành tựu. Bài tụng trong từ khi ta thành Phật đến nay rốt ráo cùng tận các pháp thật tướng văn. Từ đại quả báo như thế trở đi. Bài tụng trong nói về công đức hóa tha. Văn có hai: đầu tiên là nêu cả hai chương môn. Kế là cả hai giải thích hai chương môn. Song nêu là đầu tiên nêu Phật Phật giải chương môn, kế nêu chúng sinh bất giải chương môn. Nêu Phật giải chương môn nói Phật khả năng có tự hiểu, kế nêu chúng sinh không hiểu phải giáo hóa chúng sinh giúp cho chúng sinh được hiểu. Từ dù cho đầy thế gian là giải thích hai chương môn. Đầu tiên giải thích chúng sinh không hiểu chương môn, từ lại bảo Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là giải thích chỉ có Phật hiểu chương môn. Phẩm Phương tiện, kinh phải dựa vào luận để giảng. Kệ cũng tụng theo ý luận, tụng văn xuôi, văn cú khác không thể biết được. Từ đây v.v...trở xuống là dựa vào ba thứ nghĩa để nói lên. Trên đây giải thích diệu pháp công đức, Pháp Sư công đức, nghĩa hai chương trong phẩm phương tiện đã xong,nay. Giải thích thứ ba đại chúng ba nghĩa, là giải thích trong ba thỉnh, đầu tiên thỉnh văn kinh, văn chia làm hai, đầu tiên nêu ba nghĩa, thứ hai là giải thích riêng ba nghĩa. Đầu tiên lại có ba, thứ nhất là nêu chung ba nghĩa.

Dưới đây là thứ lớp dựa vào ba nghĩa, thứ nhất trở xuống, thứ hai là riêng ba nghĩa: Một là nghĩa quyết định, hai là nghĩa nghi, ba là dựa vào việc nào nghi nghĩa, là nên khéo biết, thứ ba là khuyên biết ba nghĩa. Nên khéo biết nghĩa quyết định. Thứ hai là riêng giải thích ba nghĩa tức thành ba, trong mỗi nghĩa có hai, trước là dùng nghĩa để giải thích, dẫn kinh nói về chỗ giải thích. Quyết định nghĩa là có phương tiện Thanh Văn chứng được pháp sâu xa làm quyết định. Tâm ở trong đạo Thanh Văn được phương tiện Niết-bàn chứng nên tri là hai thứ chứng pháp nói lên ra pháp vô vi và pháp hữu vi. Có Thanh Văn phương tiện chứng được thâm pháp làm tâm quyết định, ở đây nói phương tiện bao gồm trong Thanh Văn tu Niết-bàn xứ phương tiện, không phải phương tiện khéo léo. Ở trong đạo Thanh Văn được phương tiện Niết-bàn chứng, phương tiện này là quyền phương tiện thật không phải Niết-bàn Thanh

Văn. Phương tiện nói có Thanh Văn Niết-bàn mà cho đó là rốt ráo, nên nói là quyết định hai thứ chứng pháp như thế, điều này xuất xứ từ pháp sở chứng của Thanh Văn. Pháp Hữu vi, vô vi là hai thứ công đức hữu vi vô vi. Chứng được hai thứ công đức này cho là rốt ráo. Hai thứ Niết-bàn là công đức vô vi. Khi trú hữu dư Niết-bàn không có lậu giới định tuệ vô lậu. Đây là công đức hữu vi, như kinh v.v... trở xuống. Thứ hai là dẫn kinh nêu chỗ giải thích. Trong đại chúng như kinh chép: lúc đó có các Thanh Văn lậu tận A-la-hán cho đến cũng được pháp môn nầy đến Niết-bàn. Cũng được pháp môn này là nói bậc trên hữu vi bậc. Đến Niết-bàn là nói về trên vô vi. Nghi nghĩa là giải thích thứ hai, chương môn cũng có hai, trước là giải thích, sau là nêu kinh chỉ chỗ.

Nghi nghĩa là nói Thanh Văn, Bích-chi-phật, v.v... có những điều không thể biết, nên điều này sinh nghi. Nói Hai thừa biết là phương tiện Nhất thừa là chân thật, nên sinh nghi, như kinh chép: v.v...trở xuống là thứ hai chỉ ra chỗ giải thích. Như kinh chép: mà nay không biết nghĩa này hướng về đâu. Dựa vào việc nào để nghi. Giải thích điều thứ ba cũng có hai: trước giải thích, sau dẫn kinh. Y theo văn có hai: trước dựa vào tích giáo sinh nghi, hai là dựa vào kim giáo sinh nghi.

Y theo sự nghĩa nghi nghe Như lai nói Thanh Văn giải thoát không khác với giải thoát của phật nên sinh nghi, nói ba thừa giải thoát không khác. Nghe tích giáo không khác nên sinh nghi. Nói sinh nghi ở trước. Thứ hai là nghe kim giáo sinh nghi. Nói sinh nghi là sinh nghi ở trong nhân. Việc này thế nào?vì sao Như lai thường nói cảnh giới sâu xa. Trước nói sâu xa, sau nói sâu xa khác với Thanh Văn như thị v.v... nên sinh nghi. Kim giáo nói về Phật giải thoát của khác với Hai thừa giải thoát của, chính là dùng nay nghi xưa. Thuyết ngày nay nếu không khác với xưa nói là chẳng nên nói thì không khác. Thuyết xưa nếu không khác nay không nên nói khác, mà nói sinh ra nghi trong nhân. Tuy xưa và nay nghi ngờ lẫn nhau mà chính là chấp, giáo xưa nghi giáo nay. Như kinh trở xuống là thứ hai chĩ chỗ giải thích.

Như kinh lúc đó Xá-lợi-phất biết bốn chúng tâm nghi của cho đến nói kệ. Dưới đây điều thứ tư trong phẩm Phương Tiện nói Như lai bốn nghĩa của, là giải thích đệ nhất dứt thỉnh rồi bỏ mười phương thế giới còn không có hai thừa, sao lại có ba được? Văn chia làm hai, một là nêu chung bốn việc khuyến tri, thứ hai là giải thích riêng bốn việc, đầu tiên lại có ba câu, thứ nhất là nêu chung, dưới đây là nói lên dựa vào bốn thứ sư để nói, hai là nêu.

Một là quyết định tâm, hai là nhân thọ ký, ba là nhận thọ ký, bốn

là thụ ky cho là, ba khuyên biết.

Nên biết thế nào là quyết định tâm v.v...trở xuống là: Thứ hai là giải thích bốn việc, là bốn thứ khác nhau. Đầu tiên văn có hai: thứ nhất giải thích trước tâm quyết định của Phật. Thứ hai giải thích năm thứ kinh sợ. Đầu tiên có ba câu, một là nêu tâm quyết định, đã sinh ra kinh sợ, là thứ hai giải thích tâm quyết định bởi Như lai đã có tâm quyết định. Là Thứ ba kết thúc tâm quyết định.

Thế nào là tâm quyết định: tâm quyết định, Phật ý quyết định xử dứt sự kinh sợ, giúp cho được lợi ích gọi là tâm quyết định. Đã sinh sợ hãi: thì Khiến dứt sợ hãi để được lợi ích cho hai hạng người. Lại nói hai hạng người, Thanh Văn có bốn: 1. quyết định. 2. Lui sụt tâm Bồ-đề, 3. biến hóa, 4. Tăng trên mạn. Nay có hai hạng người: Lui sụt tâm và biến hóa được lợi ích, nhưng nói hai hạng người chính là người Hai thừa. Lại nói hai hạng người: 1 có . sợ hãi, 2. không lợi ích, vì còn sợ hoặc và vô giải, gọi là hai hạng.

Hỏi: Tâm quyết định này giải thích văn kinh chỗ nào?

Đáp: –Giải thích ý Phật ngăn thỉnh ,nhưng chưa giải thích dừng thỉnh văn, sở dĩ dừng ý là muốn quyết định lợi ích chúng sinh.

Cho nên Như lai có tâm quyết định, nên biết sự sợ hãi này có năm thứ nên biết.

Kế là giải thích riêng năm thứ sợ hãi, là người, làm việc đầu tiên nêu chung năm thứ.

Nên biết sự sợ hãi này có năm thứ,kế là giải thích riêng năm thứ, tức thành năm thứ khác nhau, làm bớt sợ hãi: chấp Tiểu thừa chê bai. Đại thừa nên gọi là “Tổn”. 1. chia thành hai chương môn, 2. giải thích hai môn:

1. Bớt sợ hãi nghĩa là chúng sinh Tiểu thừa như thủ chứng quả Thanh Văn cho là thật, chê bai không có Đại thừa.

Nói hai môn: Người chấp Tiểu thừa chê bai Đại thừa. Không nói Đại thừa là hoàn toàn không. Chỉ dẫn Đại thừa là cảnh giới Bồ-tát phi ngã, Hai thừa học đạo mà. Nói chê bai không có Đại thừa v.v...trở xuống là thứ hai.

2. Chê bai Đại thừa mà nói rằng v.v.... Là giải thích hai chương môn.

Mà nói rằng Như lai nói quả A-la-hán rốt ráo Niết-bàn ta đã thủ chứng rốt ráo. Như thế thủ chứng Niết-bàn là A-la-hán không nhập Niết-bàn, vì còn sợ hãi như thế.

1. Trước giải thích thủ chứng Tiểu Thừa, nên A-la-hán không

nhập Niết-bàn. ở đây giải thích chê bai Đại thừa, vì Đại thừa không nói A-la-hán nhập Niết-bàn.

2. Còn nhiều điều sợ hãi: các chúng sinh căn tánh Đại thừa nghĩ rằng trong vô lượng kiếp ta thực hành hạnh Bồ-tát chịu nhiều khổ sở, vì nghĩ như vậy nên sinh tâm sợ hãi, khởi tâm chấp khác nhau, nên sợ hãi. Nghĩa là hàng Tiểu thừa kia nói, chúng sinh không liên quan đến việc của ta, nhưng trong thời gian dài tu khổ hạnh, nên muốn độ thoát. Lui sụt tâm Đại-thừa, thủ chứng Đại thừa gọi là sợ hãi. Lại giải thích Đại thừa nhiều điều, nên lui sụt Đại thừa thủ chứng tiểu thừa.

3. Sợ hãi điên đảo: Tâm phân biệt có ngã và ngã sở, các pháp thân kiến bất thiện, đó gọi là sợ hãi. Thật ra không có người và pháp mà chấp có người và pháp, nên gọi là điên đảo.

4. Sợ hãi vì tâm hối tiếc: Đại đức Xá-lợi-phất nghĩ rằng. Ta không nên chứng pháp Tiểu thừa như thế, hối tiếc như thế là tự ngừng, nên biết tâm hối tiếc này gọi là sợ hãi. Hối tiếc chứng tiểu thừa cũng gọi là sợ hãi.

Hối tiếc thủ chứng Tiểu thừa là đúng đạo lý, vì sao gọi là kinh hãi?

- Không nên thủ chứng Tiểu Thừa mà thủ chứng Tiểu thừa rồi, lại hối tiếc thủ chứng Tiểu thừa, nên cũng gọi là điều kinh hãi.

5. Kinh hãi vì lừa dối nhau: Những các Thanh Văn tăng trên mạn nghỉ rằng, vì sao Đức Như lai lừa dối chúng ta, vì sợ hãi như thế. Tăng trên mạn cho rằng Phật nói Nhất thừa là lừa dối người Hai thừa, nên gọi là dối nhau. năm thứ kinh hãi này là năm hạng người sau: 1. người chấp vào Tiểu thừa, là năm ngàn vị Tỳ kheo. 2. người Đại thừa, 3. người Ngoại đạo, 4. Hối tiếc đã người thủ chứng Tiểu thừa, 5. người tăng trên mạn.

Nhân thọ ký là, giải thích môn thứ hai, văn chia làm hai: 1. Nhắc lại tên chương, 2. giải thích.

Nhân thọ ký: mà nói nhân thọ ký là giải thích ý Phật dạy đừng thỉnh nữa. Sở dĩ Phật nói từng thỉnh nữa là vì muốn thọ ký cho người thành Phật. Ở đây Phật nói từng thỉnh nữa là nhân duyên thọ ký, cũng là do Ngài muốn thọ ký cho chúng sinh, nên Phật nói thôi từng thỉnh. nên gọi là nhân thọ ký.

Hỏi:Quyển thứ hai ở sau mới thọ ký, tại sao nay đã nói việc thọ ký?

Đáp:Ở đây muốn giải thích ý Phật, nhưng Phật muốn thôi đừng thỉnh nữa là ý Phật muốn cho người Hai thừa được thọ ký thành Phật.

Hỏi: Thôi đừng thỉnh nữa làm sao được thọ ký thành Phật?

Đáp: - Ba lần Phật ngăn không cho thỉnh có ba điều lợi là nhân của đừng thỉnh nữa. Như kinh chép:v.v... trở xuống thứ hai là giải thích văn chia làm hai: 1 giải thích ba lần Phật dạy thôi. 2. giải thích hai lần thỉnh, đầu tiên lại có hai. 1. Nhắc lại ban đầu thôi thỉnh nói kinh` nhắc đồng thời lại hai lần khác đừng nói kinh.

Như kinh chép: Phật nói thôi thôi Xá-lợi-phất không nên nói nữa. Nếu nói việc này thì tất cả thế gian các trời, người đều kinh hãi, đây là nhân thọ ký sinh sợ hãi.

- Giải thích thôi thưa thỉnh có hai: 1.Nhắc lại, 2. giải thích.

Nhân thọ ký này đều sinh sợ hãi, đây là nhân thọ ký nhắc lại tên chương. Đều sinh sợ hãi ý văn nói đừng thỉnh nữa vì người trời đều sinh sợ hãi nên phải dừng, có ba nghĩa v.v...trở xuống. Thứ hai là giải thích, đầu tiên là nêu chung ba nghĩa.

Có ba nghĩa: từ điều thứ nhất về sau là, giải thích riêng ba nghĩa, tức thành ba điều khác nhau.

1. Muốn cho kia và đại chúng suy tìm cảnh giới nhiệm mầu sâu xa và để cho đại chúng suy lường.vì

1. Muốn cho kia và đại chúng suy tìm cảnh giới nhiệm mầu sâu xa nên Phật bảo đừng thỉnh nữa vì Ngài không muốn nói pháp, thì phải biết pháp này là nghĩa nhiệm mầu sâu xa, nay mọi người có thể tìm kiếm, thế nào là pháp sâu xa? nếu ba thừa là pháp.Sâu xa thì ngày xưa Phật đã nói, không nên nói thôi đừng thỉnh nay phật nói thôi đừng thỉnh, thì phải biết ngoài Ba thừa có riêng pháp mầu. Phật muốn cho đại chúng tâm nghi ngờ như thế, nên nói thôi đừng thưa thỉnh, là lợi ích thứ nhất là nhân thọ ký.

2. Muốn đại chúng sinh tâm trọng pháp kính người, Muốn cho đại chúng sanh tâm tôn trọng rốt ráo muốn nghe Như lai nói.

3. Muốn những hạng người tăng trên mạn ra khỏi pháp hội. Ba là vì khiến cho các Thanh Văn là những vị tăng Thượng mạn lìa bỏ pháp tòa mà đứng dậy đi.

Hỏi: Hai điều trước lợi ích cho đại chúng, một điều sau vì sao cũng là lợi ích?

Đáp: - Hạng Người tăng trên mạn nếu ở trong pháp hội là nhân làm chướng ngại cho đại chúng không được thọ ký nên để họ ra khỏi pháp hội. Hơn nữa chúng thấy người pdưới m tội đã ra khỏi pháp hội càng sinh tâm trọng pháp quý người, lại càng phát tâm siêng cầu nghe pháp cao quý nên cũng là điều lợi ích cho đại chúng. Ba nghĩa này là

văn giải thích ba lần Phật ngăn Thứ nhất là trước thỉnh sau dừng, còn lại thứ hai là thỉnh sau dừng trước. Thứ hai là thỉnh rồi, trên giải thích ba lần ngăn Phật. Nay giải thích thứ hai này sau hai lần thỉnh.

Hỏi?Tại sao không giải thích lần thỉnh đầu?

Đáp:Trong chương thứ ba trước quyết định có ba nghĩa đã giải thích lần thỉnh đầu, nên nay chỉ giải thích hai lần thỉnh sau.

Hỏi:Giải thích hai lần thỉnh sau, tại sao thuộc về nhân thọ ký?

Đáp:Hai lần thỉnh sau nói về quá khứ gia trồng gốc lành hiện tại tu phước thì đây là nhân duyên thọ ký. Hơn nữa, hai lần thỉnh này nói lên được sự trọng pháp kính người đây chính là nhân duyên thọ ký.

Lần Thỉnh cũng là trọng pháp kính người, vì sao không phải quyết định nhân duyên thọ ký?

- Trong lần thỉnh đầu, tâm quyết định là chấp và nghi. Chấp thì chấp Tiểu thừa chê bai Đại thừa, không chấp nhận lời Phật. Nghi thì còn do dự chưa tin, chưa tin trọng pháp kính người, nên không phải nhân thọ ký, nên văn giải thích hai lần thỉnh có hai ý, trong mỗi lần thỉnh chia làm hai: 1. Giải thích, 2. Dẫn kinh. Lần thỉnh thứ hai nói sự giáo hóa của Phật từ vô lượng kiếp quá khứ.

Lần thỉnh thứ hai là nói về sự giáo hóa chúng sinh của Chư Phật từ vô lượng kiếp quá khứ. Như kinh chép: vô số hội cho đến đã nghe Phật nói nhiều thì sẽ kính tin. lần thỉnh thứ ba là sự giáo hóa của Phật hiện nay hơn bốn mươi năm.

Lần Thỉnh thứ ba là nói về sự giáo hóa chúng sinh của Phật hiện nay. Như kinh chép: nay trong hội này như chúng ta v.v...là so sánh cho đến đêm dài an ổn được nhiều lợi ích, văn xuất xứ dễ hiểu được thọ ký. Giải thích được thọ ký: thứ ba.Một là Nhắc lại chương.

Người được thọ ký: Từ Xá-lợi-phất trở xuống là giải thích thứ hai, Xá-lợi-phất, v.v... muốn được thọ ký ,hai là

2. Dẫn kinh: Như kinh chép:Phật bảo ngài Xá-lợi-phất. Các thầy đã ba lần thưa thỉnh, chẳng lẽ không nói cho các thầy nghe hay sao? Nay các thầy hãy lắng nghe như thế v.v....

Phật nhận lời thưa thỉnh của Xá-lợi-phất, hứa khả chỉ dạy, vì sao ngài Xá-lợi-phất được thọ ký?

Vì trong cơ duyên, ngài Xá-lợi-phất muốn được thọ ký thành Phật, nên Phật chấp nhận lời thưa thỉnh.

Thọ ký cho là giải thích chương thứ tư đây là, giải thích chánh thuyết, từ đầu đến cuối, văn kinh ở năm trược trước.

Hỏi:Nay chính thức nói kinh Pháp Hoa, vì sao gọi là thọ ký cho?

Đáp :Sở dĩ nói kinh Pháp Hoa vì Ngài muốn thọ ký cho chúng sinh thành Phật. Đây là giải thích Phật môn, văn chia làm hai: 1. Nhắc lại tên, 2. Giải thích.

Thọ ký: cho trong giải thích có hai: 1. Chánh thích, 2. Dẫn hai pháp trước để chứng minh giải thích đầu tiên lại có ba. Trước chia làm sáu môn, kế là giải thích sáu môn, sau kết thúc sáu môn, là mở ra kinh chánh thuyết nầy là sáu môn. Sau kết thúc sáu môn là kết mở chánh thuyết kinh này là sáu môn.

Nên biết có sáu: 1. chưa nghe làm cho được nghe, 2. Thuyết, 3. Nương vào những nghĩa nào, 4. Làm cho trụ, 5. Nương pháp, 6. Ngăn người chưa nghe, hai là thứ giải thích sáu môn thì thành sáu thứ khác nhau. Nên đầu tiên chia làm hai, chưa nghe giúp cho nghe là, nhắc lại tên chương như, kinh chép v.v...trở xuống là, trình bày chỗ giải thích.

Chưa nghe khiến được nghe: Pháp Nhất thừa xưa chưa hề nghe nay được nghe, nên nói chưa nghe giúp cho nghe.

Như kinh chép: này Xá-lợi-phất! pháp nhiệm mầu như thế lúc Chư Phật Như lai nói pháp này cũng như hoa Ưu-đàm nở, như thế, v.v... trở xuống là.

Giải thích chương môn thứ hai: lại chia thành ba phần khác nhau.

1. Nêu chương, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

1/Người nói: hỏi: Vì sao gọi là .

–Đáp:Muốn nói Ba thừa không có ba lý chỉ có tên gọi, nên gọi là nói, như kinh chép: v.v...trở xuống :là thứ hai

2/ Dẫn kinh: Như kinh chép: nầy Xá-lợi-phất ta dùng vô số phương tiện và các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ giảng nói các pháp, như thế v.v..., các thứ nhân duyên v.v...trở xuống là thứ ba

3/ Kinh giải thích các thứ nhân duyên, cái gọi là ba thừa. Ba thừa kia chỉ có danh từ, chương cú ngôn thuyết không có nghĩa thật, vì thật nghĩa kia không thể nói. Các thứ nhân duyên đây là nhắc lại kinh, cái gọi là ba thừa là . Giải thích các nhân duyên cho, vì các nhân duyên nên nói Ba thừa, nói Ba thừa là các thứ nhân duyên. Lại ,Ba thừa, nhập đạo đều có nguyên nhân đạt đến, nên gọi là các thứ nhân duyên. Ba thừa kia thật ra chỉ có tên gọi, như đã giải thích trong phần chương danh ở trước và gọi là nói. Lại trong kinh giải thích câu “Ngôn từ giảng nói” vì thật nghĩa kia không thể nói. Thực nghĩa là không có ba thừa, vì lời dứt, nghĩ bặt nên không thể nói.

Hỏi:Vì sao kinh không giải thích “Vô số phương tiện và thí dụ”.

Đáp:Câu thứ hai này văn sau sẽ giải thích. Lại vô số phương tiện

ở trên đã giải thích rồi.

Nương vào nghĩa nào là giải thích chương ba? văn cũng chia làm ba: 1. Nhắc lại chương, 2. Dẫn kinh, 3. Giải thích kinh.

Nương vào nghĩa nào: trong kinh nói là "Một việc nhân duyên lớn" Luận nói nhân duyên là lý do cho nên là nầy nghĩa, nay nương vào nghĩa này nên xuất hiện ở đời, nên nói nương vào nghĩa nào.

Lại nương vào nghĩa nào: Vì nương vào bốn nghĩa "Khai, thị, ngộ, nhập, nên nói nương vào nghĩa nào:

Lại Đối với Ba thừa ở trên có lời mà không có nghĩa. Nhất thừa vừa có lời vừa có nghĩa, nên nói nương vào các nghĩa nào. Như kinh v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép:: Này Xá-lợi-phất! "Chư Phật Thế tôn vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời" như thế v.v.... Một việc nhân duyên lớn v.v...trở xuống là thư ba giải thích kinh.

Văn chia làm hai: 1. Nêu bốn việc khuyên biết. Một việc nhân duyên lớn nương vào bốn nghĩa phải khéo biết.Bốn nghĩa là gì v.v...trở xuống :là thứ hai.Giải thích bốn nghĩa riêng, thành bốn thứ khác nhau. giải thích mở rộng nghĩa chia thành ba: 1. Nêu chương giải thích lược sơ, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

Nêu chương Vô Lượng Nghĩa: Bốn là gì? 1. Vô Lượng Nghĩa chỉ trừ trí nhất thiết trí của Như lai v.v...trở xuống là htứ hai.Giải thích chương: chỉ trừ trí Nhất thiết trí của Như lai, không còn việc khác, trừ Phật, ngoài ra người Hai thừa, trời, người trí tuệ sở tri đều có giới dưới, chỉ có tri kiến Phật là vô thượng. Nay muốn khai mở tri kiến Vô thượng, nên nói là khai Phật tri kiến, như kinh chép v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh: kinh chép:Đức Phật muốn mở bày "Tri kiến Phật" cho chúng sinh biết để được thanh tịnh, nên Ngài xuất hiện ở đời.

Muốn cho chúng sinh biết được thanh tịnh: giải thích ý khai tri kiến Phật. Sở dĩ Ngài khai tri kiến Phật là vì muốn cho chúng sinh biết được và được sự thanh tịnh. Muốn cho chúng sinh biết được Phật tánh và được thanh tịnh, ý thứ nhất giúp cho chúng sinh biết và làm cho chúng sinh thanh tịnh.

Phật tri kiến: giải thích là thứ ba kinh.

Tri kiến Phật: Như lai là năng chứng, nên Ngài dùng trí như thật để biết được nghĩa kia. đây là giải thích tri kiến Phật, bốn chữ khai, thị, ngộ, nhập đều có tri kiến Phật, nay nương vào chương đầu để giải thích chung những chữ này. Như lai năng chứng dùng trí như thật biết nghĩa

ấy. Như lai năng chứng là năng chứng pháp thân, trí Như thật xuất phát từ trí năng chứng. Biết được nghĩa ấy, nghĩa ấy là pháp thân, xuất phát từ pháp thân sở tri.

Đồng với nghĩa v.v...trở xuống là thứ hai là giải thích văn cũng chia làm ba: 1. Nêu chương, 2. Dẫn kinh, 3. Giải thích kinh.

Đồng nghĩa: Vì pháp thân của cácThanh Văn, Bích chi Phật và Phật bình đẳng. Đồng nghĩa như giải thích ở trên. Vì pháp thân của Thanh Văn, Bích-chi-phật và Phật bình đẳng, nên giải thích đồng nghĩa sở ngôn đồng người. Ba thừa đồng, pháp thân bình đẳng, nên gọi là đồng.

Hỏi:Vì sao nói đồng nghĩa?

Đáp:Trước tuy nói "vô thượng nhưng" chỉ Phật còn những hạng người khác thì không nên nói người bà thừa cùng một pháp thân.

Hỏi:Vì sao giải thích là đồng nghĩa?

Đáp :Nói đồng có nghĩa pháp thân nên giải thích là đồng, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép:Phật muốn chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sinh nên Ngài xuất hiện ở đời.

Pháp thân bình đẳng là thứ ba giải thích kinh pháp thân bình đẳng: Phật tánh, pháp thân không có gì khác. Phật tánh pháp thân không có gì nhau, cũng gọi là Phật tánh cũng gọi là Pháp thân, Phật tánh và pháp thân không khác. Người ba thừa Phật tánh đồng có, pháp thân đồng, nên nói không khác. Trong nghĩa vô thượng bậc nhất nói Phật được thanh tịnh là chân như vô cấu, nay nói đồng nghĩa là chân như hữu cấu. Luận Phật tánh dùng vô cấu chân như làm đồng tướng, hữu cấu chân như làm tướng đẹp, vì vô cấu thù thắng ở trong hữu cấu nên gọi là cao siêu. Nghĩa bất tri như v.v...trở xuống là

3. Giải thích nghĩa ngộ văn chia thành ba: 1/ Nêu, 2/ Giải thích, 3/ Dẫn kinh.

Nghĩa bất tri: Hỏi Vì sao giải thích ngộ mà gọi là bất tri?

Đáp :người Hai thừa không biết giúp cho biết, nên giải thích là ngộ, đồng với bất tri ở trên, nay trình bày giúp cho đồng với tri, vì sao ở đây lại khác?

Đáp :Ở trên chỉ chấp nhận đồng nghĩa, nay nói chỉ nhất Phật thừa chân thật rốt ráo, nên khác với ở trên, tất cả Thanh Văn v.v... trở xuống là thứ hai giải thích nghĩa bất tri: Tất cả Thanh Văn, Bích chi Phật không thể biết được chỗ chân thậtấy nên. Ở đây nói các Thanh Văn không biết rốt ráo, chỉ là nhất Phật thừa biết đầu tiên là giải thích.Từ

chỗ không biết chân thật là, truyện giải thích, như kinh trở xuống là thứ ba. Dẫn kinh: như kinh chép Phật muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến Phật, nên xuất hiện ở đời.

Phật muốn cho chúng sinh chứng được địa vị không lui sụt, như giải thích thứ tư là nhập cũng có ba: 1/ Nêu, 2/ giải thích, 3/ dẫn kinh.

Nghĩa của nhân là muốn cho chúng sinh chứng được địa vị không lui sụt, trong kinh gọi là nhập, luận gọi là chứng, vì nhập tức là chứng.

Giúp cho chúng sinh không lui sụt: đã chứng được pháp thân thì không lui sụt vì muốn nói lên trí nghiệp vô lượng. Là thứ hai,Giải thích: Vì nói lên cho trí nghiệp vô lượng, nên khiến chúng sinh chứng được pháp thân không lui sụt, vì muốn nói lên cho trí nghiệp vô lượng là dụng.

Thủ chứng không lui sụt: Muốn nói lên trí nghiệp vô lượng này là dụng, cũng được trí nghiệp vô lượng. Trong kinh giải thích nhập đạo tri kiến Phật, Đạo là Nghiệp, như kinh v.v... trở xuống là thứ ba dẫn kinh: Như kinh chép: Phật muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật nên ứng hiện ở đời.

Hỏi:Vì sao nói bốn không nhiều, không ít, lại bốn này thứ lớp ra sao?

Đáp :Ban đầu nói mở là khai mở pháp thân Chư Phật mười phương, như trước nói khai thị pháp thân thanh tịnh của Như lai để cho chúng sinh sinh lòng tin, nên thứ nhất trước là nói chữ khải này. Dù khai mở pháp thân chư Phật mười phương nhưng, hoặc nói chỉ có Chư Phật mới có pháp thân, người Hai thừa không có, Phật được thành Phật, người Hai thừa không thành Phật, cho nên nói người Ba thừa đồng có pháp thân này, đồng thành Phật. Dù nói Ba thừa đồng pháp thân, nhưng người Hai thừa không biết đồng một pháp thân, nên nói ngộ chỉ một không hai. Đã ngộ chỉ một không hai, thì chỉ có con đường tiến không có đường lui, nên nói hạng người này, đây là bốn thứ vô nghĩa không chấp nhận, cho nên không được nhiều ít, chính là thứ lớp.

Thị: trên đây tất cả đều giải thích bốn pháp là y theo người Hai thừa. Từ đây về sau tất cả ba đều giải thích lại. Hễ theo người Ba thừa, 1/ Bồ-tát, 2/ ngoại đạo, 3/ Hai thừa. Theo Bồ-tát thì lại có Ba thừa, một là Bồ-tát hữu nghi, giải thích lại nghĩa nói lên.

Thị: Vì các Bồ-tát còn tâm nghi, giúp cho họ biết được tu hành như thật.

Bồ-tát nghi: Phật nói là vì một việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, khi xưa là nói theo việc Năm thừa nên xuất hiện ở đời, tức nay

và trái nhau xưa, nên còn nghi. Cho nên nay nói xưa vì phương tiện nên nói năm, vì nói theo lý nên cuối cùng chỉ một sự, vì đồng pháp thân nên Bồ-tát dứt nghi, nên được tu hành đúng như thật.

Ngộ nhập: Thứ hai là hợp thành hai thứ Bồ-tát. Ngộ nhập là người chưa phát tâm Bồ-đề làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm thì khiến họ nhập pháp. Đã đồng một pháp thân, thì chỉ nên phát một tâm Phật, không nên phát tâm khác. Làm cho những người chưa phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề, chỉ có một không khác, là chỉ tiến tới không lùi bước, nên người đã phát tâm thì làm cho nhập pháp.

Hỏi: Bồ-tát Ba thừa khác nhau thế nào?

Đáp :Khi xưa Ba thừa là Bồ-tát bậc trung, sau Hai thừa này là Nhất thừa Bồ-tát trong.

Lại Ngộ nhập: Giúp cho các chúng sinh ngoại đạo phát sinh giác ngộ.

Nói về Ngộ Đã chỉ một Phật đạo tức ngộ vô ngã, chín mươi sáu là ngoại đạo quy y Phật đạo, nên nói ngộ.

Lại Nhập: Ngài làm cho các Thanh Văn được quả Tiểu thừa nhập đại Bồ-đề, giúp cho người Hai thừa hồi tâm Tiểu thừa, nhập đại Bồ-tát, là nhập Thập Tín vị, là tâm Bồ-đề.

Giúp cho trụ: là giải thích nghĩa Trụ thứ tư, văn chia làm hai: 1/ Nêu, 2/ dẫn kinh khiến cho trụ đã nói chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác. Tức giúp cho người Hai thừa trụ ở Phật thừa, không trụ thừa nào khác, nên nói là Trụ. Hơn nữa giải thích ý môn của Phật, nên nói là Nhất thừa, vì Phật muốn cho tất cả chúng sinh trụ nhất Phật thừa.

Ở dưới Như kệ chép Phật tự trụ Đại thừa, như được sức định huệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sinh. Phật đã trụ Đại thừa lại muốn cho chúng sinh trụ chỗ Phật đã trụ, nên nói giúp cho chúng sinh được trụ. Cũng như kinh Niết-bàn chép:lại Có một hạnh là hạnh Như lai, gọi là Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Phật trụ trong Đại Niết-bàn nói pháp cho chúng sinh nghe, làm cho chúng sinh được trụ.

Như Kinh chép: này Xá-lợi-phất! Phật chỉ dùng Nhất thật thừa nói pháp cho chúng sinh nghe.

Nương pháp: Thứ năm là giải thích, văn chia làm ba: 1. Nêu, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

Nương pháp: là Nương pháp là, nương vào pháp Phật ba đời để nói pháp, nên nói à nương pháp, cũng là pháp như thị, nên nói là nương pháp.

Hỏi: Nói nương pháp, lấy văn nào làm chứng?

Đáp: Văn trước nói: nầy Xá-lợi-phất Tất cả pháp của Chư Phật mười phương đều như vậy. Luận chủ dùng văn nầy chứng minh, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ. Dẫn kinh văn chia làm hai: 1/ Dẫn chứng chương quá khứ Phật. Như kinh chép: này Xá-lợi-phất, chư Phật quá khứ nói pháp vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện niệm quán đều là nhất Phật thừa, như vậy v.v...

Như vậy vân vân: các chúng sinh nầy nghe pháp Phật nói rồi, đức Thích Ca cũng đồng như thế đều là Nhất Phật thừa, trí nhất thiết chủng.

Nói thí dụ:là thứ ba Giải thích kinh gồm giải thích bốn câu: 1/ giải thích các thí dụ, 2/ giải thích nhân duyên, 3/ giải thích quán niệm, 4/ giải thích phương tiện. Văn chia làm ba: 1/ Nêu thí dụ, 2/ giải thích thí dụ, 3/ kết thúc thí dụ. Nói về thí dụ: Như nhờ bò nên có sữa, v.v...trở xuống là thứ hai. Giải thích thí dụ văn chia làm hai: 1/ khai thí 2/ hợp thí.

Như nhờ bò nên có sữa, lạc, bỏ sống, bỏ chín cho đến đề hồ, trong năm năm vị này đề hồ là bậc nhất. Khai là dụ cho năm vị sinh nhau. Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ. Là thứ hai.Hợp thí dụ: Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ. Thí dụ này chỉ nói Đại thừa Vô thượng, các Thanh Văn, v.v... cũng đồng với nghĩa Đại thừa Vô thượng, nên Thanh Văn đồng. Trong đây trình bày tánh của pháp thân Chư Phật, Như lai đồng với pháp thân của phàm phu. Thanh Văn, Bích-chi-phật bình đẳng không khác nhau. Lược hợp hai vị, nghĩa là Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ, thí dụ này nói Đại thừa là vô thượng trong, nương vào hợp vị chỉ nhận lấy một vị làm thí dụ, cho rằng kinh này chỉ nói Đại thừa Vô thượng nên thí dụ đồng với đề hồ.

Các Thanh Văn v.v... cũng đồng với Đại thừa: Ở trên giải thích chỉ nói Đại thừa Vô thượng, các Thanh Văn đồng giải thích ở sau. Trong các Thanh Văn cũng đồng với nghĩa Đại thừa, đây là trình bày thí dụ ở dưới.

Hợp pháp: Hỏi :Trình bày thí dụ này, hợp đúng một vị dụ cho ý nghĩa vì tất cả chúng sinh đồng một pháp thân bình đẳng nên gọi là nhất vị kinh nào hợp thí dụ đủ năm vị này?

Đáp:Kinh Niết-bàn chép: “Như nhờ bò có sữa, từ sữa có bơ, từ bơ có bơ sống, từ bơ sống có bơ chín, từ bơ chín có đề hồ. Như vậy Phật nói ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh có Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng có kinh Bát-nhã-Ba-la-mật, từ Ba-nhã-Ba-la-mật có Đại Bát Niết-bàn, đề hồ dụ cho Niết-bàn. Nay

kinh này dụ đề hồ với pháp thân bình đẳng, nên biết kinh Pháp Hoa,niết bàn nói không hai nghĩa. Nghĩa nhân duyên đã nói ở trước: Nhân duyên như trước đã nói;, nhân duyên đã nói ở trước chỉ cho sáu môn ở trước, giải thích thuyết môn thứ hai trong, nói niệm quán v.v...trở xuống;là. Giải thích thứ ba, đầu tiên là nhắc lại, kế là giải thích.

Nói niệm quán: Trong giải thích trước là nói về của người Tiểu thừa quán vô ngã. Trong đế của Tiểu thừa nhân vô ngã v.v... kế là giải thích của Đại thừa quán hai vô ngã. Trong Đại thừa đế pháp tánh thật tế, pháp giới chân như và người vô ngã, pháp cũng vô ngã quán các thứ cũng vậy, văn trình bày dễ hiểu. Nói phương tiện là giải thích thứ tư, trước nhắc lại sau giải thích.

Nói Phương tiện: Trong giải thích trước nói phương tiện Tiểu thừa, sau giải thích phương tiện Đại thừa. Trong Tiểu thừa quán ấm giới, nhập nhàm chán khổ, lìa khổ được giải thoát.

Quán ấm, giới, nhập nhàm chán lìa khổ, là thấy đạo bảy phương tiện trước của.

Lìa khổ được giải thoát: nhờ khởi đủ các phương tiện nên được giải thoát Trong Đại thừa, các Ba-la-mật là giải thích phương tiện Đại thừa. Trong Đại thừa, các Ba-la-mật là pháp đối trị được lợi ích thúc liễm cho mình và người bằng bốn nhiếp pháp. Trong Đại thừa phương tiện vào đạo bằng sáu độ, vì pháp đối trị lợi ích thúc liễm cho minh và người bằng bốn nhiếp pháp, là phân biệt và khác với Tiểu thừa. Giải thích khởi phương tiện Tiểu thừa là chỉ khiến tự thân được giải thoát. Đại thừa dùng bốn pháp nhiếp để giúp, cho mình và người được trụ lý.

Pháp đối trị: là phương tiện cũng là trụ lý, Ngăn:là giải thích môn trong thứ sáu sáu môn văn chia làm ba: 1/ Nêu, 2/ Dẫn kinh, 3/ giải thích kinh. Ngăn: chỉ cho nhất Phật thừa, ngoài Nhất thừa không còn thừa nào khác nên gọi là Ngăn, như kinh chép:v.v...trở xuống là thứ.

Hai Dẫn kinh: Như kinh chép: này Xá-lợi-phất trong các thế giới ở mười phương không có hai thừa, huống chi có ba thừa, như thế v.v... không có hai thừa: Thứ ba là giải thích kinh.

Hỏi :Vì sao không có hai thừa, ba thừa, tại sao nay chỉ giải thích không có hai thừa.

Đáp :Vì trong kinh cho người Duyên giác là Hai thừa, Thanh Văn là Ba thừa, thì hai và ba đều là Hai thừa, nên nay giải thích hai thừa, là giải thích không hai, không Ba. Theo văn luận này thì Thừa chính là quả, cho quả Tiểu Thừa Niết-bàn và quả Đại thừa Niết-bàn là hai thừa

đại tiểu. Văn có bốn câu.

1/ Là nói không có Niết-bàn Tiểu thừa.không có Hai thừa, là không có Hai thừa được Niết-bàn chỉ có Phật, Như lai như giải thích ở sau.

2/ Nói Có Niết-bàn Đại thừa: chỉ có Phật Như Lai chứng được Đại thừa rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải các Thanh Văn v.v...trở xuống. Là thứ

3/ Nói không có Niết-bàn Tiểu thừa: chẳng phải các Thanh Văn, Bích-chi-phật có pháp Niết-bàn, chỉ có nhất Phật thừa.

Chí có nhất Phật thừa: Đưa ra chỉ có một, giải thích không có Niết-bàn hai thừa. Nhất Phật thừa v.v...trở xuống là thứ

4/ Chỉ có Niết-bàn Đại thừa: Nên biết Đại thừa nương vào bốn nghĩa, là bốn nghĩa khai, thị, ngộ, nhập ở trên. Nếu nương vào sáu thứ này thọ ký cho người, thì chương trước có ba:1/ Nêu sáu môn, 2/ giải thích sáu môn, 3/ kết thúc sáu môn, chương hai đã trình bày.Xong nay thứ ba là

Kết: Như lai nương vào sáu thứ này thọ ký, nên nói pháp gì trước đã giải thích ở sau. Trong việc thọ ký có hai: 1/ Nêu sáu môn nói về thọ ký, 2/ Dẫn năm pháp trước đã chứng minh cho sáu môn, chương đầu đã giải thích. Nay thứ hai

Dẫn chứng năm pháp để chứng minh cho sáu môn. Sở dĩ dẫn chứng vì gồm có hai nghĩa:

1/ Giải thích nghi. Nghi làm sao biết được chương chánh thuyết này có sáu môn? Nên giải thích: Phật nói năm pháp nhiếp sáu môn, vì thế, nên biết có sáu môn.

2/ Nói năm pháp là pháp do Phật nói cho chúng sinh nghe. Nay sáu môn này cũng là pháp nói cho chúng sanh nghe, nên nói sáu môn. Kế dẫn năm pháp

Văn chia làm hai: 1/ Dẫn năm pháp, 2/ Dùng Năm pháp nhiếp sáu môn, nên trước nói pháp gì? Thế nào là pháp thế nào là tự pháp, thế nào là tướng pháp, thế nào là thể pháp, thế nào là nói lên, như phần đầu của văn.

Gồm những pháp nào? Là Thứ hai là dùng năm pháp gom nhiếp sáu pháp. Lại dùng gồm những vào pháp thứ nhất gôm nhiếp pháp chưa từng nghe.thứ nhất

Gồm những pháp nào: là pháp chưa từng nghe thế nào là, pháp nào gom nhiếp thuyết môn thứ hai.

Thê nào là Pháp: là nói các ngôn từ thí dụ.

Thế nào là Pháp tương tự: gom nhiếp nương nghĩa pháp nào thứ ba.

Thế nào là Pháp tương tự: chỉ là một việc lớn. Pháp tướng nào gom nhiếp khiến trụ nương pháp thứ năm.

Pháp tướng nào: Tuỳ theo căn khí chúng sinh nói pháp chư Phật. Tuỳ theo căn khí chúng sinh là khiến trụ thứ tư. Nói pháp Chư Phật là nương vào pháp thứ năm.

Thể pháp nào: gom nhiếp già thứ sáu văn chia làm hai: 1. Nói pháp thân bình đẳng là thể Nhất thừa.

Pháp thể nào: Chỉ cho thể Nhất thừa. Thể nhất thừa là pháp thân bình đẳng của Như lai. Các Thanh Văn kia v.v...trở xuống:là. Nói Hai thừa chẳng phải thể nhất thừa. Các Thanh Văn, Bích-chi-phật kia chẳng phải là thể pháp thân bình đẳng vì nhân quả hạnh quán khác nhau. Nhân quả hạnh quán khác nhau thì giải thích ở Hai thừa không có nghĩa thể Nhất thừa. Theo Hai thừa nhân quả quán hạnh không có pháp thân bình đẳng, bảy phương tiện là nhân, chân thánh vị là quả. Hạnh là sở hành bốn đế các pháp của Hai thừa, quán là người quán vô ngã, vì bốn nghĩa này khác với Đại thừa chẳng, nên Hai thừa có thể của pháp thân bình đẳng.

Hỏi :Thế nào là pháp thân bình đẳng là thể của Nhất thừa?

Đáp :Thừa có ba thứ: 1. Tánh thừa, 2. Tuỳ thừa, 3. Thừa được. Tánh thừa là pháp thân chân như. Chính yếu là do có pháp thân chân như sau đó tu muôn hạnh nên gọi là tuỳ Thừa, chứng được quả Phật gọi là Thừa được. Vì tánh thừa là căn bản nên nói là thể Nhất thừa. Từ đây về sau, giải thích phẩm Phương Tiện chương dứt nghi thứ năm trong, là trong kinh giải thích Chư Phật, Như lai xuất hiện ở đời năm trược đã xong phần văn xuôi, văn chia làm hai: 1. nói chung là dứt bốn nghi, 2. giải thích riêng văn chia làm ba: 1/ Nói chung pháp Phật nói để dứt bốn nghi. Dưới đây là. Như lai nói pháp để dứt bốn nghi. Nên biết bốn nghi ấy là v.v... trở xuống là thứ hai nêu riêng bốn nghi, bốn nghi ấy là: 1/ Khi nào nói, 2/ Làm sao biết được người tăng trên mạn, 3/ Thế nào là có khả năng nói, 4/ Thế nào là Như lai không thành nói dối. Khi nào nói v.v...trở xuống là.

Thứ ba Giải thích dứt bốn nghi, thì thành bốn thứ khác nhau: Trong mỗi pháp chia làm hai, 1/ Nhắc lại nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi ban đầu.

Khi nào nói: chư Phật, Như lai khi nào nói các thứ phương tiện. Khi nào nói: Lúc này là kiếp vẫn đục. Nghi ý nói: Phật khi nào khởi

phương tiện Đại thừa. Vì dứt nghi kia v.v...trở xuống là

Thứ hai dẫn kinh giải thích nghi: vì dứt nghi kia, như trong kinh Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất: Chư Phật xuất hiện ở đời có năm thứ vẫn đục đó là vẫn đục về thời kiếp, khi nói đời năm thứ vẫn đục là khởi phương tiện Ba thừa, là dứt nghi thứ nhất. Trong nghi thứ hai cũng có hai: 1/ Nói về nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi.

Làm sao biết được người tăng trên mạn. Đức Như lai không nói pháp cho người tăng trên mạn nghe. Làm sao biết người kia là tăng thượng mạn? Ý nghi rằng: " Phật không nói pháp cho người tăng trên mạn nghe, vì người tăng trên mạn chưa được rốt ráo mà tự nói được rốt ráo, không thọ nhân lời Phật. Làm sao biết được người tăng trên mạn? Vì muốn dứt nghi ấy nên như kinh chép v.v...là thứ hai giải thích nghi.

Vì dứt nghi ấy nên kinh chép: nếu có Tỳ kheo thật chứng quả La-hán mô không tin pháp này thì không có việc đó, như thế v.v.... Nếu có Tỳ kheo thật chứng quả La Hán thì tin pháp này, chẳng phải tăng trên mạn. Nếu người nghe pháp này không tin thì chẳng phải A-la-hán, là tăng trên mạn. Thế nào là có khả năng nói pháp: giải thích nghi thứ ba: 1/ Nhắc lại nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi.

Thế nào là người có khả năng nói pháp? Như người nghe pháp Phật khởi tâm muốn gần Phật. Thế nào là Như lai không thành công, không có khả năng nói pháp cho người? Nghi rằng: Phật là người có khả năng nói pháp nhưng họ nghe pháp Phật mà khởi tâm chê bai, thì biết Phật không chịu nói pháp cho họ, vì dứt nghi này v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh giải thích nghi : vì dứt nghi này, như kinh chép: "Trừ sau khi Phật diệt độ, không có Phật hiện tại như vậy v.v.... Gặp Phật nghe pháp thì thật không khởi tâm chê bai, nếu Phật biết chê bai thì không nói, trừ khi Phật diệt độ, hiện tại không có phật, nghe pháp này không tin, chẳng phải lỗi của Phật. Hỏi Thế nào là hạng người sau khi Phật diệt độ nghe pháp chê bai?

- Sau khi Phật diệt độ, bậc A-la-hán chân thật thì khi nghe nói pháp Nhất thừa sẽ không khởi tâm chê bai. Nếu người khởi tâm chê bai thì đây là̉ phàm phu.

Thế nào là Như lai không thành nói dối là?

Giải thích dứt nghi thứ tư, trước đã trình bày về nghi. Là thứ hai

Dẫn kinh giải thích nghi. Thế nào là Như lai không thành nói dối: vì ở đây cho rằng xưa kia Như lai nói pháp khác, nay nói pháp khác. Thế nào là Như lai không thành nói dối? Nghi rằng: xưa, Như lai nói có

Ba thừa, nay nói không có Ba thừa, trước sau trái nhau nên họ nói Như lai nói dối. Để giải quyết nghi trên, v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh giải thích nghi: Vì để giải quyết mối nghi này, như kinh chép : này Xá-lợi-phất! các thầy phải nhất tâm tin hiểu lời Phật. Chư Phật, Như lai nói không luống dối, không có thừa nào khác, chỉ có Nhất thừa. Chỉ có Nhất thừa không có thừa nào khác: một là nói thật, ba là phương tiện nói, nên Như lai không nói dối, cho đến đồng tử chơi giỡn đắp tháp Phật bằng cát. Trên đây là giải thích kinh văn xuôi. Nay giải thích kệ nên văn chia làm hai: 1/ giải thích một bài kệ, 2/ giải thích các bài kệ khác. Phần đầu văn chia làm hai: trước nhắc lại kệ, nói từ khi phát tâm Bồ-đề v.v...trở xuống là giải thích kệ, cho đến đồng tử đắp tháp Phật bằng cát để vui đùa những người như thế cũng được thành Phật đạo. Kệ chia làm hai: Nói về tâm Bồ-đề hạnh Bồ-đề. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề hành đạo Bồ-tát thì tạo gốc lành mới chứng được Bồ-đề.

Hai gốc lành này có công năng chứng được quả Phật, chẳng phải các phàm phu v.v...trở xuống, đây là nói phàm phu và quyết định Thanh Văn.

Như các phàm phu và quyết định Thanh Văn xưa nay chưa phát tâm Bồ-đề thì chẳng thể được. Hai gốc lành này không thành Phật được, như thế cho đến hơi cúi đầu v.v... trở xuống là thứ hai so sánh giải thích kệ khác.

Như thế cho đến hơi cúi đầu v.v...đều cũng như thế.

Hỏi :Tất cả gốc lành đều thành Phật, vì sao chỉ nói phát tâm lành Bồ-đề mới được thành Phật?

Đáp :Ý Phật dù tu tất cả điều lành, nhưng phải biết tâm Bồ-đề, lại mượn những điều thiện làm nhân duyên phát tâm Bồ-đề, sau cùng phải phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề là tâm Phật, phát tâm Phật mới được thành Phật. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ. Trên đây là giải thích xong phẩm Phương Tiện. Hậu học Sa- môn Thật Quán Thiên Thai Nhật Đông phân hội Pháp Hoa Luận Sớ quyển trung hết.

■

PHÁP HOA LUẬN SỚ

QUYỂN HẠ

Dưới đây là, giải thích phẩm Thí Dụ, lãnh hội đầu tiên là ngài Thân Tử. Đại ý của văn này, phẩm giải thích Phương Tiện trước giúp cho người Tiểu thừa ngộ nhập Nhất thừa được thọ ký. Nay giải thích Tiểu thừa ngộ nhập Nhất thừa rồi, tự trách lỗi Tiểu thừa, văn chia làm hai: 1. Nhắc lại kinh, 2. luận thích.

Phẩm Thí Dụ: Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ rằng “Băm tướng mầu vàng, mười lực các giải thoát đều chung trong một pháp, con không được việc này. Tám mươi điềm lành đẹp mười tám pháp bất cộng các công đức như thế mà con đều đã mất.

Luận giải thích có hai:1. Hỏi ý kệ, 2. giải thích ý kệ. Luận cho rằng kệ này nói về nghĩa gì, là hỏi kệ này.

Giải thích rằng kệ này nói về nghĩa gì: Xá-lợi-phất tự trách mình v.v...trở xuống :là thứ hai.

Đáp Giải thích ý kệ, văn chia làm hai: 1. Nêu chương môn quở trách, 2. giải thích quở trách chương môn là giải thích cả kệ.

Chương môn quở trách chia làm ba: 1. Nêu chung tự trách, 2. Nói tự trách riêng. Nên Xá-lợi-phất trở xuống là tổng kết.

Xá-lợi-phất tự quở trách mình rằng: “ Ta không thấy Chư Phật, không đến chỗ Phật, không nghe Phật nói pháp, không cúng dường Phật, cung kính Chư Phật, không làm những việc lợi ích chúng sinh, chưa được pháp không lui sụt, tự trách mình gồm nêu sáu câu không thấy Chư Phật: Nghĩa là Thân Tử chỉ gặp Át-bệ, lúc đó không thấy Phật, 2. không đến chỗ Phật: Lúc gặp át-bệ không đến chỗ Phật.

3. Không nghe Phật nói pháp: Lúc gặp át-bệ nghe nói Ba đế, đắc đạo rồi không nghe Phật nói pháp.

4. Không cung kinh: Lúc gặp Át-bệ không cũng kính Phật.

5. Không cúng dường Phật: Lúc gặp át Ty chưa cúng dường Chư Phật.

6. Không làm việc lợi ích chúng sinh: Lúc gặp át-bệ không có tâm

độ sinh và làm việc lợi ích. Năm việc trước nói tâm cầu Vô thượng, việc sau nói tâm cầu độ sinh.

Đối với pháp chưa được không lui sụt, phải được sáu việc trên, nhưng thủ chứng quả Tiểu thừa không được sáu điều này, nên gọi là lui sụt chớ nên Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là thứ ba kết tự trách mình: Thế nên, Xá-lợi-phất quở trách mình như thế v.v....

Không thấy Phật: là htứ hai giải thích sáu môn trên, là cả giải thích hai bài kệ.

Đầu tiên giải thích chương môn không thấy Phật.Thứ nhất

Không thấy Chư Phật. Là nói không thấy tướng Chư Phật Như lai đại nhân, không sinh tâm cung kính, cúng dường, vì không thấy Phật, không sinh tâm cung kính, cúng dường.

Không đến chỗ Phật, giải thích chương môn thứ hai.

Không đến chỗ Phật: là nói năng lực giáo hóa chúng sinh. Nếu đến chỗ Phật biết Phật có nói lên năng lực giáo hóa chúng sinh, thì không chấp tiểu quả. Nay không đến chỗ Phật, thì chấp chứng Tiểu quả, mất năng lực giáo hóa chúng sinh.

Phát ra ánh sáng vàng: giải thích trên đây chương hai. Nay giải thích kệ.Hỏi Tại sao Luận chủ giải thích điều này.

Đáp :Trước có hai câu: 1. không thấy Phật, 2. Không đến chỗ Phật.

Nếu thấy Phật, đến chỗ Phật thì thấy Phật phát ra ánh sáng và ba mươi hai tướng. Hai nghĩa này làm thành lẫn nhau, nên giải thích chung.

Phát ra ánh sáng vàng: Là nói lên Phật tự thân khác với thân được vô lượng các công đức.

Phát ra ánh sáng vàng: Đầu nhắc lại kệ nói ba mươi hai tướng là nói thấy Phật tự thân khác với thân. Dùng thấy Phật ở sau để giải thích trước lỗi không thấy Phật ở. Tự thân là bổn thân, thân khác là hóa thân. Thấy hai thân này thì được vô lượng phước. Nên biết trước không thấy Phật, không đến chỗ Phật thì mất vô lượng phước, nghe nói pháp giải thích ở chương môn thứ ba.

Nghe nói pháp: là nói làm lợi ích cho chúng sinh và bày tỏ làm những việc lợi ích chúng sinh là giải thích chương môn. Nếu nghe Phật nói pháp, biết Phật làm được việc lợi ích, thì không chấp chứng Tiểu quả, nay không nghe pháp thì không biết việc này, nên chấp chứng Tiểu quả.

Lực giải thích ở kệ đầu gọi là mười lực, Phật đang trụ mười lực nói

pháp, làm được những việc lợi ích chúng sanh, khai mở chung hai điều này, nên giải thích chung một chỗ.

Lực là nói điều nghi của chúng sinh nương vào mười lực để dứt nghi. Chương môn văn lực, nói lên những điều nghi của chúng sinh nương vào mười lực để dứt nghi là, giải thích chương môn: Mười lực là nói dứt nghi,là như luận Tạp tâm nói.

Cúng dường là giải thích chương môn thứ tư.

Cúng dường: là Nói khả năng giáo hóa chúng sinh, dùng việc cúng dường Phật, biết Phật nói lên khả năng giáo hóa chúng sinh. Nay không cúng dường thì không biết việc này. Lại, Phật sở dĩ đáng cúng dường, vì Phật có năng lực giáo hóa chúng sinh, nếu ta cúng dường Phật thì cũng được năng lực này, sẽ không chứng quả Tiểu thừa. Vì không cúng dường Phật chấp chứng Tiểu quả nên mất năng lực giáo hóa chúng sinh.

Mười tám pháp bất cộng: giải thích kệ thứ hai câu thứ hai, trong bài vì Phật có mười tám pháp bất cộng không có các lỗi lầm, nên phải cúng dường. Hai nghĩa thành nhau nên giải thích một chỗ. Mười tám pháp bất cộng: là nói xa lìa các chướng ngại văn đầu là chương môn bất cộng. Nói về xa lìa sẽ giải thích ở sau. Giải thích nghĩa bất cộng: vì không dính mắc tất cả chướng ngại lỗi lầm, nên gọi là pháp bất cộng.

Hỏi :Tại sao không giải thích tám mươi điềm lành.

Đáp :Đây vẫn thuộc ba mươi hai sắc vàng của Phật, lại thuộc về thấy Phật v.v..., nên không giải thích riêng.

Cung kính giải thích ở chương năm môn thứ.

Cung kính: là nói sự xuất phát vô lượng phước đức nương vào sự giáo hóa của Như lai được giải thoát.Đầu tiên là nhắc

Lại Chương: Từ thị hiện v.v...trở xuống là giải thích chương giải thích ý cúng kính, vì cúng kính Phật nên được vô lượng phước và được giải thoát vì không kính Phật nên mất lợi ích này.

Tại sao giải thích phước đức và giải thoát, không giải thích điều thứ sáu không làm điều lợi ích chúng sinh?

Đáp :Cung kính Phật được phước đức và được giải thoát là việc lợi ích chúng sinh. Lại, không làm điều lợi ích là giải thích như từ trước đến nay, mỗi câu đều có lời này, nên không giải thích riêng. Vì người vô ngã pháp vô ngã là giải thích câu “các công đức như thế trong bài kệ thứ hai”. Vì người vô ngã và pháp vô ngã nên tất cả các pháp đều bình đẳng. Vì hai thứ đều vô ngã nên thuộc về tất cả công đức, hơn nữa trong tất cả công đức nó là hơn hết. Cũng có thể lời này giải thích việc

không làm lợi ích chúng sinh ở trên, cũng được giải thích lại nương vào lời dạy của Phật mà được giải thoát, nên Xá-lợi-phất v.v...trở xuống;là giải thích.Kệ Thứ tư: “Mà con đều đã mất”. Lại nữa sở dĩ có , văn này là vì:

1. Nêu ra trách mình chưa được pháp nên lui sụt.

2. Giải thích tự trách mình chưa được pháp nên lui sụt.

Nay kết thúc trách mình chưa được pháp nên lui sụt.

Nên Xá-lợi-phất trách mình: “Ta chưa được pháp như thế, chưa được nên lui sụt.” Dưới đây là có bảy hạng người là. Nói rõ về ý, phẩm Phương tiện trên đều chúng sinh mà đều nói pháp Nhất thừa, nên luận văn ở sau nói: “Chương năm phẩm Phương tiện lá bỏ hai về một. Từ ví dụ nhà lửa mà phá riêng về mười loại người bệnh.” Kế là nói mười nghĩa Vô thượng, văn chia làm hai đầu tiên: Phá mười thứ người bệnh kế là nói mười thứ Vô thượng.

Phá mười thứ người bệnh, chia làm hai:

1. hạng người phải biết năng trị sở trị tâm.

2. Phá riêng mười hạng người bệnh.

Trước nên bảy hạng người bệnh năng trị, sở trị phải biết, chia làm hai đầu tiên:

1. Bảy hạng phàm phu phải biết năng trị, sở trị.

2. Trình bày bậc Thánh không phiền não năng trị, sở trị phải biết, phần đầu chia làm bốn:

a. Xuất phát vì người.

b. Nói về năng trị.

c. Nói về sở trị.

d. Khuyến trị.

Vì chúng sinh đầy đủ tánh nhiễm phiền não là nói vì người.

Dưới đây, kế là bảy hạng chúng sinh đầy đủ tánh nhiễm phiền não. Đầy đủ phiền não là nói phàm phu bị phiền não trói buộc. Nhiễm là tánh nhiễm, nói bảy ví dụ là.Nói về năng trị thứ hai: Nói bảy ví dụ để đối trị bảy hạng người tăng trên mạn. Là Nói về sở trị: thứ ba đối trị bảy thứ tâm tăng trên mạn. Bảy hạng người này và pháp tăng trên mạn, nhưng tự cao ngạo mạn không cầu danh tăng. Nghĩa này nên biết v.v... trở xuống, thứ tư là văn.

Nghĩa này nên biết, cho nên khuyến khích, giúp cho người tu hành biết được bảy lỗi này, nương vào kinh đối trị để lìa bỏ cho nên khuyên biết. Ba thứ v.v...trở xuống là

Thứ hai kế nói Người không phiền não cũng có bốn:

1. Nói Người làm.

2. Nói về bệnh sở trị.

3. Nói về thuốc năng trị.

4. Khuyến khích nên biết.

Ba thứ nhiễm mạn không có phiền não là nêu người làm.

Lại nữa người, ba thứ nhiễm mạn không có phiền não, thừa dứt hết các phiền, não trong nên gọi là người không phiền não, nhưng đối với Đại thừa vẫn có phiền não bị phiền não Đại thừa làm nhiễm, nên gọi là nhiễm. Chưa được rốt ráo mà tự cho là rốt ráo, cho nên tự cao gọi là mạn, tam-muội giải thoát kiến đẳng nhiễm mạn. Là htứ hai thoát.

Khỏi bệnh sở trị: Tam-muội giải thoát kiến đẳng nhiễm mạn là giải thích ở nhiễm mạn trên. Như Kinh Thắng-man chép: "Ngoài ba cõi Hằng sa phiền não, nghĩa là trên trên phiền não quán trên phiền não v.v.... Nay nói Tam-muội phiền não trong là trên phiền não chính thọ của kinh Thắng-man." Trong giải thoát phiền não của Đại thừa là quả trên phiền não, kiến phiền não lẽ ra là trí trên phiền não. Đẳng là đang chấp thọ hằng sa phiền não. Để đối trị điều này v.v...trở xuống là thứ ba, vượt khỏi năng trị. Để đối trị điều này nên nói ba thứ bình đẳng. Là thứ tư,Khuyến khích nên biết.

Nên biết điều này, như văn nói thế nào là bảy thứ đầy đu v.v...trở xuống là thứ hai giải thích riêng

Lại chia làm hai:

- Giải thích riêng bảy hạng người.
- Giải thích riêng ba hạng người.

Giải thích riêng bảy hạng người, lại có ba:

- Nêu bảy hạng người.
- Nói năng trị, sở trị.
- Kết chung thứ nhất.

1. Nêu bảy hạng người:

–Thế nào là bảy hạng người có đủ tính chất phiền não?

a. Hạng cầu thế lực.

b. Hạng người cầu giải thoát Thanh Văn.

c. Hạng người cầu Đại thừa.

d. Hạng người có tịnh,

e. Hạng người vô định.

f. Hạng người chứa nhóm công đức.

g. Hạng người không chưa nhóm công đức.

Như văn chép: "Thế nào là bảy thứ tâm tăng trên mạn" v.v...trở

xuống là

2. Giải thích năng chung môn tri, sở tri, văn chia làm hai:

- Nương kinh giải thích sơ lược điều thứ hai. Luận chủ giải thích lại: "Giải thích bảy hạng người thành bảy khác nhau. Trong mỗi điều có hai: Một là nêu người là nói bệnh sở trị; hai là nói về thuốc năng trị. Người điên có tâm tăng thượng manđảo cầu các công đức là hạng tăng trên mạn.đây là,thứ nhất bệnh sở trị: Thế nào là bảy thứ tâm Tăng trên mạn? Thế nào là bảy thứ ví dụ đối trị?

1. Điên đảo cầu các công đức tâm tăng trên mạn, nghĩa là nhiễm các phiền não thế gian luôn lẫy lừng lớn mạnh, nhưng cầu quả báo hữu lậu cảnh giới cao quý của người, trời, như thế chấp điên đảo. Ba cõi thật là cảnh khổ mà cầu thường an vui, nên gọi là điên đảo. Đầu tiên là nêu ra điên đảo cầu các công đức, đây là tâm tăng trên mạn, là hai chương môn: là trong thế gian v.v...trở xuống :là Giải thích tâm tăng trên mạn ở trên:

Giải thích tâm tăng trên mạn gần. Tâm tăng trên mạn là các phiền não trong thế gian lừng lẩy tăng thượng, nhưng cầu cảnh giới đẹp đẽ, người, trời v.v...trở xuống là. Giải thích điên đảo tăng thượng cầu các công đức, để đối trị điều này nên Phật nói ví dụ "nhà lửa".

Năng trị: Để đối trị điều này nên Phật nói ví dụ nhà lửa, các Thanh Văn v.v...trở xuống là giải thích. Trong điều thứ hai cũng có hai: Một là vượt ra sở trị; hai là vượt ra năng trị.

Các Thanh Văn một bề tâm nhất định tăng trên mạn, tự nói ta nương vào Như lai thừa không có khác nhau, như thế là đảo thủ.

Người Hàng Thanh Văn: Nêu lên người này, một bề nhất định tâm tăng trên mạn là, nói lên bệnh này. Tự nói ta nương vào Như lai thừa không khác là giải thích bệnh trên. Người Hai thừa cầu, là người Hai thừa cùng Phật dứt hết phiền não, đồng được vô sinh trí, đồng được Ba học vô lậu, đồng được vô dư, như thế là chấp điên đảo. Phật và người Hai thừa thật ra khác nhau, khác nhau nghĩa là giống nhau, nên gọi là chấp điên đảo. Để đối trị điều này cho nên v.v...trở xuống là thứ hai.

Vượt khỏi Năng trị: Để đối trị điều này nên noi ví du "cùng tử nên biết". Như cùng tử so với Trưởng giả, am tranh sánh với nhà lớn, nên Hai thừa khác với Phật.

Người Đại thừa cũng có hai: Sở trị và Năng trị.

Người Đại thừa hoàn toàn quyết định tâm tăng trên mạn. Như vậy ý chẳng khác các Thanh Văn, Bích-chi-phật, như thế chấp điên đảo

Người Hai thừa nêu người, hoàn toàn quyết định. Nêu bệnh khỏi

ý như thế là giải thích, bệnh là không có phân biệt người Hai thừa, nên gọi là Bệnh. Người này ban đầu nghe kinh Nhất thừa nghĩa là chỉ có Phật thừa không có thừa nào khác, thì có hai lỗi: Một là đối với một nói ba; hai là lỗi đối với duyên thành ba, như thế chấp điên đảo. Thật có hai thứ Hai thừa có nhưng nói không, nên nói là chấp điên đảo thủ, vì đối trị điều ấy nên v.v...trở xuống là thứ .

Hai Vượt ra năng trị: Để đối trị điều này nên nói ví dụ mây mưa. Dù đất mưa là một, nhưng sự nuôi lớn cây cối và căn cơ khác nhau. Theo sự lớn lên của cây có khác nhau, dù lý là một nhưng theo duyên thành ba, nên đối với duyên thành ba.

Người cũng là mưa nên ban đầu nói Sở trị là nói về năng. Sự thật mình không được mà nói được, đó là tăng trên mạn, đã có thế gian, hữu lậu, tam-muội, tam-ma-bát-đề, thật không có Niết-bàn, như vậy là chấp điên đảoʾ. Trong Sở trị đầu tiên là nêu thật không có công đức, là không có tâm tăng trên mạn, có thế gian, hữu lậu v.v...trở xuống là

Giải thích môn: Người này được vô lậu, thật không được Niết-bàn mà nghĩ là được Niết-bàn, chia thành hai hạng:

1. Hạng nội đạo.

Như luận Trí Độ chép: "Có một tỳ-kheo khi được Sơ thiền là được Sơ quả, cho đến được Bốn thiền, cho là được quả thứ tư.

2. Hạng ngoại đạo: Được hai định Phi tưởng và Vô tưởng là được Niết-bàn.

Như thế chấp điên đảoʾ: Thật ra chưa được Niết-bàn mà nói là được Niết-bàn, nên gọi là chấp điên đảo. Lại còn hữu lậu mà nói được vô lậu, nên gọi là Đảoʾ. Để đối trị điều này vv..trở xuông là thứ hai nói.

Về Năng trị: Để đối trị điều này nên Phật nói ví dụ Hóa thành, ở đây có: nghĩa Một là thả thuyết; hai là nương Niết-bàn để làm ngôi thành chân thật, vì đối trị hai hạng trước nên dụ thành là luống dối. Nói hóa thành cho những hạng người này. Niết-bàn của Hai thừa là hóa thành, thì sở được của các thầy sao gọi là chân thật được.

Văn kinh chỉ nói hóa thành, vì sao ở đây nói ngôi thành chân thật?

- Trong phẩm Hóa Thành có nói xưa và nay, ý nói xưa là chân, nói nay là hóa, hiện v.v... trở xuống là văn luận.

Hạng người thứ năm cũng có hai: Một là Sở trị; hai là Năng trị. Trong Sở trị trước nêu hai môn sau giải thích hai môn.

Tán loạn tâm tăng trên mạn: Nêu hai môn, một là tán loạn, hai là

tâm tăng trên. Thật không có định, v.v...trở xuống là

Quá khứ thật không có nhất định, dù có gốc lành Đại thừa, nhưng không hay nên chẳng biết gì. Không cầu Đại thừa trong tâm lượng hẹp hòi khởi kiến giải luống dối, là bậc đệ nhất thừa, đảo .chấp điên như thế đối với đầu tiên là giải thích chương môn toán loạn tâm không rộng lượng giải thích ở sau.Giải thích chương môn tăng trên mạn, như thế chấp điên đảo: Tiểu thừa chẳng phải bậc nhát mà cho là bậc nhất, đó là chấp điên đảo Thật có Đại thừa mà không cầu Đại thừa, thật không có Tiểu thừa mà cầu Tiểu thừa, cũng là chấp điên đảở . Để đối trị điều này v.v...trở xuống là thứ hai nói về Năng trị: Để đối trị điều này nên Phật nói ví dụ cột dướìt châu trong chéo áo. Nói dụ dướìt châu trong chéo áo để họ nhớ lại tâm Bồ-đề, bỏ Tiểu thừa theo Đại thừa.

Điều thứ sáu cũng chia làm hai: Sở trị và Năng trị.

Thật có công đức tâm tăng trên mạn nghe nói pháp Đại thừa thì chấp không có Đại thừa, như vậy chấp điên đảo

Nghe pháp Đại thừa chấp không có Đại thừa: hạng người này vốn học Đại thừa, nhưng học có sở được, nên nghe nói Đại thừa bèn lui sụt Tiểu thừa, thủ chứng Tiểu quả. Như trong Đại phẩm có ví dụ chim lớn, chim con không cánh, chưa có hai cánh mà học bay, nên bị rớt xuống đất. Người có sở được tuy có tâm Đại thừa hạnh Đại thừa không được phương tiện tuệ, nên nghe nói Đại thừa tâm liền lui sụt, chứng Tiểu quả. Nên trong Đại phẩm sáu mươi vị Bồ-tát nghe nói Bát-nhã thành A-la-hán, đây là phàm phu, khác với Đại phẩm thành A-la-hán, đại khái hơi giống với điều này. Như thế chấp điên đảo ,thật có Đại thừa mà không chấp chứng Đại thừa, không có Tiểu thừa mà thủ chứng Tiểu thừa, nên gọi là điên Đảo. Lại học Đại thừa mà thủ chứng Tiểu thừa nên gọi là Đảo. Để đối trị những điều này v.v... trở xuống là thứ hai nói về Năng trị: Để đối trị những điều này nên Phật nói dướìt châu trong búi tóc Luân vương để làm ví dụ. Dướìt châu trong búi tóc là tôn quý nhất, là nhất thừa trên hết, ban nhất thừa tối trên này cho họ để họ thủ chứng Đại thừa. Hàng thứ bảy cũng chia làm hai: Sở trị và Năng trị.

Hạng thứ bảy: Thật không có công đức để tâm sinh tăng trên mạn đối với đệ nhất thừa chưa thề tu tập để chứa nhóm các gốc lành, nên nghe nói bậc nhất thừa, trong tâm không chấp, cho là nhất, như vậy chấp điên đảo Đầu tiên là nhắc lại hai chương môn.Thật không có công đức và tâm tăng trên mạn, đối với bậc nhất thừa không tu tập các gốc lành. Là Giải thích thật không có công đức như trên, hạng người này quá khứ không chưa nhóm gốc lành Đại thừa. Nghe nói Đại thừa v.v...

trở xuống:là

Giải thích tâm tăng trên mạn như thế chấp điên đảo, đối với pháp bậc nhất cho là chẳng phải bậc nhất v.v..., nên gọi là chấp điếu đảo. Vì đối trị v.v...trở xuống là thứ hai nói về Năng trị: Để giải quyết vấn đề này nên Phật nói ví dụ thầy thuốc hay, thầy thuốc hay để trị bệnh điên. Phật nói lên Niết-bàn để chúng sinh chịu uống thuốc Đại thừa. Hạng người thứ nhất trở xuống là thứ hai Luận chủ y chung theo nghĩa giải thích lại, giúp cho hạng người thứ bảy đều thành Phật, cũng thành bảy đoạn.

Đầu văn có ba.

Hạng người thứ nhất: nói ở thế gian các thứ gốc lành Tam-muội công đức, phương tiện khiến họ được vui mừng, sau giúp họ vào Đại Niết-bàn.

Thứ nhất trước nêu hạng người ở trước. Nói ở thế gian các thứ gốc lành Tam-muội công đức và nêu ra phương tiện để giáo hóa người này. Trong đây nói gốc lành ở thế gian, đây là giải thích theo ý Phật. Ý Phật, tá nói gốc lành ở thế gian để các thầy nhổ sạch gốc khổ trong ba đường, khiến các thầy vui mừng, sau đó nhập vào thành Đại Niết-bàn.

Làm sao bảo vệ quả báo tốt đẹp?

- Vì để giải quyết vấn đề này Phật nói ví dụ nhà lửa.

Hỏi ?Hạng người thứ nhất cần quả báo trời, người ở thế gian, nay vì sao nói gieo trồng các gốc lành ở thế gian? Đáp Ở đây chữ Thế gian này khác với chữ Thế gian ở trên. Chữ thế gian ở trên là Thế gian ba cõi. Nay nói chưa được vô lậu chân thật, về sau phát tâm Bồ-đề và các địa như Thập Tín, v.v..., phương tiện trước gọi là thế gian. Luận dưới giải thích trong phẩm Pháp Sư và phẩm Phân Biệt Công Đức đều nói Địa Tiền chưa được vô lậu chân thật nên gọi là Thế gian. Nay nói Địa tiền và các thứ công đức để họ được vui mừng.

Gốc lành là ba thứ gốc lành không tham khả, sân không si, vì những hạng người này tham đắm ba cõi nên nói gốc lành không tham cho họ nghe. Những hạng người này tham đắm năm dục, ngoài ra còn ham vui, nên nói các Thiền, tam-muội như hữu quán, hữu giác, v.v... để họ tự nhập vào Đại Niết-bàn, là nhân thế gian chứng được quả xuất thế gian. Nói Đại Niết-bàn vì vui Đại Niết-bàn thay cho được vui tham đắm Tiểu quả thế gian của họ.

Sau đó, nhập vào Đại Niết-bàn. Trước là thực hành nhân, giúp họ được quả, người này trước cầu quả báo hữu lậu, nay được quả Niết-bàn vô lậu.

Giải thích hạng người thứ hai: ba hợp thành một, giúp họ nhập Đại thừa.

ba hợp thành một khiến họ nhập vào Đại thừa. Chẳng phải ngoài ba lại có một, vì gom Ba thừa thành Nhất thừa, như gom ba nhóm gạo thành một đấu. Nói về đại tông như vậy, nên văn dưới chép: "Phá hai về một" lại văn trên ba thừa đồng nhất thừa, vì đồng một pháp thân.

Giải thích hạng người thứ ba: giúp cho họ biết các thừa khác nhau, chư Phật, Như lai nói pháp bình đẳng tùy theo các Hạt giống gốc lành của chúng sinh mà nẩy mầm khác nhau.

Khiến họ biết các thừa là giúp cho họ biết năm thừa. Đức Phật nói pháp tùy theo Hạt giống gốc lành của chúng sinh mà nẩy mầm. Chúng sinh ở đời quá khứ lãnh thọ giáo môn năm thừa của Phật, họ có Hạt giống năm thừa, nhưng vì người Năm thừa lãnh thọ Phật ra đời nói pháp năm thừa khiến Hạt giống Tiểu thừa nẩy ra mầm Tiểu thừa, cho đến quả chân thật.

Giải thích hạng người thứ tư: Phương tiện giúp họ vào thành

Đại Niết-bàn, nên thành Niết-bàn còn gọi là thành Chư Phật, thiền tam-muội về sau khiến họ vào thành lớn Niết-bàn. Ý luận muốn nói khiến cho hạng này biết trước. Ở thế gian không có thành nào thật, về sau khiến họ bỏ thành nhỏ vào thành lớn Niết-bàn Đại thừa.

Hạng người thứ năm: Chỉ bày tất cả gốc lành ở quá khứ giúp họ nhớ lại, sau đó dạy bảo giúp họ nhưng vào tam-muội. Nói gốc lành quá khứ cho họ, nghe giúp họ nhớ lại đã từng phát tâm Bồ-đề, sau đó giúp họ được tam-muội, thường nhớ tâm Bồ-đề không quên.

Hạng người thứ sáu: Nói pháp Đại thừa, dùng pháp môn này đồng với Thập địa hạnh tròn đầy, Chư Phật, Như lai thầm thọ ký cho họ.

Nói pháp Đại thừa là ban dướit hạt ngọc sáng trên búi tóc cho họ. Vì pháp môn này đồng với Thập địa hạnh tròn đầy. Pháp môn này là pháp môn Nhất thừa, pháp môn Nhất thừa là nói Thập địa, đây là giải thích nghĩa nào?

- Giải thích dưới ngọc sáng trên đảnh là quý nhất, Kinh Nhất thừa đồng với Thập Địa hạnh tròn đầy, cũng là quý nhất.

Chư Phật, Như lai thầm thọ ký: Vì ban hạt ngọc sáng cho họ, thầm muốn họ thành vua Chuyển Luân. Vì nói Pháp Hoa là thầm họ ký cho họ và để họ thành Phật.

Hạng thứ bảy: căn cơ chưa thuần thục khiến cho thuần thục, như thế là nói lên được sư rộng lớn của Niết-bàn.

Căn cơ chưa thuần thục làm cho. được thuần thục, là người điên

cuồng chưa uống thuốc, muốn họ uống thuốc là nói sự rộng lớn của Niết-bàn. Như cha muốn con uống thuốc nên nói lên bị bệnh. Đức Phật ngày nay cũng như vậy, Ngài muốn chúng sinh liễu ngộ nên nói lên nhập Niết-bàn, vì ý nghĩa này nên Như lai nói bảy ví dụ.

Kết Hợp thành bảy hạng người, nói bảy ví dụ.

Vì nghĩa này nên Như lai nói bảy ví dụ.

Thế nào là ba hạng người không có phiền não? V.v...trở xuống : là thứ

Hai Giải thích ba hạng người không có phiền não là nói ba thừa đối trị, văn chia làm hai:

1. Nói chung về ba hạng người và nói ba pháp đối trị.

2. Nói riêng về thọ ký, văn có hai:một là: Sở trị hai là Năng trị.

Trong Sở trị có hai: Nêu chung và giải thích riêng.

Nêu chung: Thế nào là ba hạng người không có phiền não? Không có Ba thứ tín nhiễm mạn và ba thứ điên đảo?

- Như văn chép: Thế nào là ba thứ v.v...trở xuống là thứ hai.Nêu riêng ra ba thứ bệnh, ba thứ bệnh là:

1. Tin các thừa khác nhau.

2. Tin thế gian và Niết-bàn khác nhau.

3. Tin thân mình và người khác nhau.

a/ Không có ba thừa khác nhau mà khác nhau, nên gọi là điên đảo.

b/ Thật không có thế gian và Niết-bàn khác nhau không khác mà cho là khác, nên gọi là điên đảo.

c/ Thật không có thân mình và người khác nhau, không khác mà cho là khác, nên gọi là điên đảo.

Để đối trị ba thứ này v.v... trở xuống là thứ hai nói về Năng trị, cũng hai: Nêu chung và giải thích riêng.

Để đối trị ba thứ nhiễm mạn này, nên Phật nói ba thứ bình đẳng. Nghĩa này nên biết như văn đầu. Ba thứ ấy là v.v... trở xuống là thứ hai giải thích riêng tức thành ba thứ khác nhau.

Thế nào gọi là ba thứ bình đẳng? Thế nào là đối trị?

1. Thừa bình đẳng cho rằng thọ ký Bồ-đề cho các Thanh Văn chỉ có Đại thừa không có Hai thừa, nên nương vào bình đẳng không có khác nhau. Cho rằng thọ ký Bồ-đề cho các Thanh Văn, là nương vào một câu bình đẳng. Giải thích phẩm Tháp về trước nương vào quyền thừa đúng với văn kinh.

2. Thế gian Niết-bàn bình đẳng, vì cho rằng Đa Bảo Như lai nhập

Niết-bàn nên thế gian Niết-bàn, mình và người đều bình đẳng không khác nhau. Trong giải thích thứ hai nói: "Như lai Đa Bảo nhập Niết-bàn", câu này nêu chương môn thế gian và Niết-bàn bình đẳng, vì thế gian Niết-bàn mình người bình đẳng, vì cho rằng Như Lai Đa Bảo ở trong các thế giới mười phương nên gọi là nhập Niết-bàn, nên nói thế gian Niết-bàn đều bình đẳng.

3. Giải thích chương ba: Pháp thân bình đẳng, Như lai Đa Bảo nhập Niết-bàn, lại nói lên thân mình thân người pháp thân bình đẳng không khác nhau. Như lai Đa Bảo đã nhập Niết-bàn lại nói lên thân. Văn trên nói thế gian Niết-bàn bình đẳng là bảo rằng Đa Bảo Như Lai là niết bàn ở tại thế gian, nên biết thế gian và Niết-bàn bình đẳng. Thế gian và Niết-bàn đã bình đẳng, nên biết thân mình, thân người cũng bình đẳng. Thân mình là thân Phật Đa Bảo, thân người đó là mười phương Phật, thân Phật Thích-ca, lời văn là như vậy, phải quán hạnh sâu mới thủ chứng được điều này. Hơn nữa, Phật Đa Bảo tuy nhập Niết-bàn nhưng thường nói lên ở thế gian, nên cho rằng thế gian Niết-bàn và bình đẳng, là cùng Chư Phật mười phương như Phật Thích-ca, v.v..., tuy ở thế gian nhưng thường Niết-bàn, cũng là thế gian và Niết-bàn bình đẳng. Hơn nữa, Phật Đa Bảo tuy ở thế gian nhưng thường nhập Niết-bàn. Đức Thích-ca, Chư Phật mười phương tuy ở thế gian nhưng cũng là Niết-bàn. Nên biết Đức Đa Bảo và Đức Thích-ca tự tha không khác, cũng là pháp thân bình đẳng. Của mình mà người Duy-ma có ba điều như, đó là tất cả pháp cũng như, tất cả chúng sinh cũng như và chúng hiền Thánh cũng như. Tất cả pháp cũng như, đây là bình đẳng thứ ba, tất cả chúng sinh cũng như. Đây là hai thứ bình đẳng, chúng hiền Thánh cũng như, đây là bình đẳng thứ nhất. Muốn nói thế gian và Niết-bàn bình đẳng, như phẩm Niết-bàn trong Trung luận chép: "Thế gian và Niết-bàn bình đẳng không chút khác nhau, Niết-bàn và thế gian cũng không khác nhau, như thế hai mé không có mảy may khác nhau." Luận Trí Độ chép: "Chỉ có pháp Đại thừa nói sinh tử và Niết-bàn bình đẳng." Trong pháp Tiểu thừa không có lý này, luận Pháp Hoa đồng ý quan điểm này. Như vậy ba hạng người không có phiền não. Là Nói riêng về thọ ký cũng là giải thích lại bình đẳng về thừa trong ba bình đẳng:. Lại Hai thừa thành Phật là chánh tông của Pháp Hoa. Như luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa là pháp bí mật, nói A-la-hán thành Phật, văn chia làm năm:

a. Nói về lý do thọ ký.

b. Nói về Thanh Văn và Bồ-tát được thọ ký khác nhau.

c. Thọ ký khác nhau.

d. Thanh Văn được thọ ký, không được thọ ký.

e. Nói lại về Ba thừa Nhất thừa.

Đầu tiên văn chia làm hai: nói về bệnh và thuốc đối trị.

Phần bệnh chia làm bốn:

Nêu chung ba hạng người bệnh có tâm nhiễm mạn. Như vậy ba hạng không có tâm phiền não nhiêm mạn, là tâm vô minh thấy việc làm của mình và người khác nhau, thấy sáu đường, ba thừa khác nhau.

Thấy việc làm của mình và người khác nhau, là có tâm phân biệt. Vì không biết Phật tánh pháp thân của mình và người đều bình đẳng. Không được trí vô phân biệt, Vì không biết được pháp thân Phật tánh của mình và người đều bình đẳng, nên cho rằng ta chứng được pháp này còn người kia thì chưa được. Lại sanh tâm phân biệt, là người kia và ta đồng chứng pháp này mà cho rằng người kia không được, để đối trị sự thật này nên nói dùng thuốc năng trị.

Để đối trị điều này nên Phật thọ ký cho các Thanh Văn, các Thanh Văn kia cho là thật thành Phật v.v... trở xuống là thứ hai, nói về Thanh Văn và Bồ-tát được thọ ký khác nhau, văn có hai: Hỏi và đáp. Trong hỏi có hai là hai của sơ định

Các Thanh Văn cho là thật thành Phật, được thọ ký, hay không thành Phật mà được thọ ký?

Nếu thật thành Phật. Là Kết thúc cả hai và gạn hỏi cả hai.

Nếu thật thành Phật, tại sao Bồ-tát tu vô lượng kiếp chứa nhóm vô lượng các thứ công đức nếu không được thành Phật, là thọ ký vì sao cho họ luống dối, lời văn dễ hiểu. Các Thanh Văn kia được thọ ký v.v... trở xuống là thứ hai

Gạn hỏi chung cả hai, văn cũng chia làm hai: Đáp cả hai và bác bỏ cả hai Đáp cả hai, là thành hai thứ khác nhau. Nay đáp chung câu gạn hỏi thứ nhất ở trước.

Đáp:

Các Thanh Văn kia được thọ ký được tâm quyết định, không thể cho rằng các Thanh Văn thành tựu pháp tánh. Gạn hỏi về ý: Nếu các Thanh Văn thật thành Phật, vì sao Bồ-tát từ vô lượng kiếp tu vô lượng công đức, nên giải thích rằng: các Các Thanh Văn được thọ ký chỉ là được tâm quyết định. Nói được tâm quyết định, quyết định gọi là tin, được nhập Thập tín vị, không thể thành tựu pháp tánh, đáp đúng câu hỏi này. Văn dưới nói pháp tánh là pháp thân, Thanh Văn chưa thành tựu pháp thân, tu chưa được rốt ráo. Như Lai y theo ba thứ bình đẳng kia nói

pháp Nhất thừa là.Giải thích câu hỏi thứ hai: Như lai y theo ba thứ bình đẳng này mà nói pháp Nhất thừa, nên pháp thân Như lai và pháp thân các Thanh Văn kia bình đẳng không khác, nên thọ ký cho các Thanh Văn.

Gạn về ý: Thanh Văn nếu không thành Phật thì tại sao thọ ký luống dối. Nên ở trước giải thích: "Pháp thân Như lai và pháp thân Thanh Văn bình đẳng không khác, nên thọ ký cho các Thanh Văn, chẳng phải luống dối."

Hỏi Trước nói được tâm quyết định nên thọ ký các Thanh Văn. Sau nói nương Phật tánh bình đẳng nên thọ kýcho , hai điều này khác nhau thế nào?

Đáp: Trước là nhân duyên, sau là chánh nhân. Lại, trước nêu ra Phật tánh, sau là tự tánh trụ Phật tánh, cho nên khác nhau. Chẳng phải tu hành đầy đủ công đức là thứ hai.Chẳng phải cả hai trả lời chung và đáp hai câu hỏi trước. Chẳng phải vì tu hành đầy đủ công đức, nên công đức của Bồ-tát đầy đủ, các Thanh Văn không đầy đủ.

Trước kết thúc trả lời câu hỏi thứ nhất.

Nên Bồ-tát công đức đầy đủ, các Thanh Văn công đức chưa đầy đủ là kết thúc, trả lời câu hỏi thứ hai. Nói thọ ký, có nói lên sáu xứ v.v... trở xuống là thứ ba nói về thọ ký khác nhau, văn chia làm hai:

1. Nêu chung thọ ký khác nhau.

2. Giải thích riêng.

Phần đầu chia làm hai:

1. Nói lên nói chung sáu xứ.

2. Nói về thọ ký, nói lên sáu xứ.

Năm điều Như Lai thọ ký. Một thọ ký cho các Bồ-tát giải thích trở xuống là thứ hai nói riêng kết thúc thọ ký chỉ có hai thứ.

Có sáu chỗ thị hiện Năm là Như lai thọ ký:

1. Thọ ký Bồ-tát. Như lai thọ ký.

2. Giải thích riêng hai người tức thành hai thứ khác nhau.

Giải thích` Như Lai thọ ký cho năm hạng người, tức thành năm hạng khác nhau: Người thứ nhất mọi người đều quen biết, danh hiệu khác nhau, nên Như lai thọ ký cho .

Như Lai thọ ký: Như Xá-lợi-phất, Ma-ha-Ca-diếp v.v...được mọi người quen biết, vì danh hiệu khác nhau nên thọ ký khác nhau. Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... bốn vị Đại Thanh Văn như, năm vị này mọi người đều quen biết, thành Phật danh hiệu khác nhau, nên thọ ký có trước sau, gọi là biệt ký. Thứ hai làThành Phật cùng một danh hiệu,

nên thọ ký cùng lúc Phú-lâu-na v.v..̀. năm trăm vị, một ngàn hai trăm vị như vì, cùng một danh hiệu, nên được thọ ký cùng lúc.

Thứ ba là Thành Phật đèn đồng một danh hiệu, nhưng chẳng được mọi người quen biết, nên khác với người thứ hai, cũng được thọ ký cùng lúc.

Bậc hữu học và vô học đều chung một danh hiệu, nhưng chẳng được mọi người quen biết, nên thọ ký cùng lúc. Đề-bà-đạt-đa thọ ký cho ba hạng người trên và hạng người lành được thọ ký, nay thọ ký cho người ác.

Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa, Như lai không có tâm oán ghét là. Như Lai nói lên không có tâm oán ghét: Điều-đạt gây ra ba tội nghịch gọi là oán ác, nên nay nói Phật không có oán ghét, nên Phật thọ ky cho. Bốn hạng trước đều là nam giới có cả người ác và thiện. Tỳ-kheo-ni và Thiên nữ thứ năm là nói lên hai hàng người nữ u hiển đối với hai hạng người nam thiện và ác ở trước cũng đều được thọ ký.

Tỳ-kheo ni và các Thiên nữ thọ ký cho là: Nói người nữ tại gia và xuất gia tu hạnh Bồ-tat đều chứng quả Phật. Trong kinh Pháp hoa không thấy thiên nữ được thọ ký, chỉ có long nữ, có chỗ cho rằng long nữ là Thiên nữ.

Ý thọ ký cho người nữ: Chỉ dạy cho người chuẩn bị tu hành Bồ-tát đều được thành Phật.

Bồ-tát được thọ ký: Như trong phẩm Thương Bất Khinh nói phải lễ bài khen ngợi và nói rằng: “Tôi không dàm khinh các Ngài, vì các Ngài đều sẽ thành Phật.” Dạy các chúng sinh đều có Phật tánh. Chỉ dạy chúng sinh đều có Phật tánh và đều được thành Phật nên thọ ký cho họ. Thọ ký cho các Thanh Văn trở xuống là giải thích sơ lược về các Thanh Văn được thọ ký hay không, chia làm hai:

1. Nói bốn hạng Thanh Văn được thọ ký, Thanh Văn chia làm bốn:

a. Thanh Văn Quyết định.

b. Thanh Văn tăng thượng mạn.

c. Thanh Văn lui sụt tâm Bồ-đề.

d. Thanh Văn ứng hóa.

Từ thứ hai Thanh Văn v.v... trở xuống là thứ là nói Thanh Văn được thọ ký không được thọ ký văn lại có hai:đầu tiên là y theo phật nói hai thứ Thanh Văn thọ ký,hai thứ không được thọ ký.Trừ được. Bồ-tat được thọ ký v.v...trở xuống là thứ hai nói Bô-tát được thọ ký chung.

Như Lai thọ ký cho hai thứ Thanh Văn là ứng hóa Thanh Văn,

thoái tịch rồi lại phát tâm Bồ-đề. Thanh Văn Quyết định tăng trên mạn, có hai: Thứ Thanh Văn căn cơ chưa thuần thục nên Như Lai không thọ ký.

Trong Thọ ký cho Bồ-tát cũng có hai: Câu thứ nhất nói Bồ-tát được thọ ký.

Thọ ký cho Bồ-tát. Từ Bồ-tát được thọ ký rồi v.v... trở xuống là thứ hai. Giải thích nghi. Bồ-tát thọ ký là dùng phương tiện khiến họ phát tâm Bồ-đề. Nghi rằng: "các Thanh Văn tăng trên mạn Phật không thọ ký, Bồ-tát Bất khinh thọ ký có ở cả hạng người thứ hai." Giải thích: "Phật y theo căn cơ đã thành thục hay chưa thành thục, nên thọ ký hay không thọ ký. Bồ-tát có hai nghĩa, đó là ly do được thọ ký:

1. Như ở trước nói Bồ-tát có Phật tánh nên được thọ ký.

2. Vì phương tiện khiến họ phát tâm Bồ-đề, nên được thọ ký.

Nếu vậy vì sao Phật không y theo hai nghĩa này mà thọ ký có ở cả bốn hạng người này?

Vì Bồ-tát so với nghĩa Phật cũng được, lại nương vào nghĩa v.v... trở xuống là thứ năm gọi là về Ba thừa văn, nói nghĩa Nhất thừa có hai: Hỏi và đáp. Nương vào nghĩa gì mà Như lai nói Ba thừa gọi là Nhất thừa.

Hỏi:

Theo ý nói: "Hỏi Phật nương vào đâu mà nói Ba thừa gọi là Nhất thừa?"

- Nương vào nghĩa đồng.

Đáp: có hai

1. Y theo lời dạy hôm nay nên nói nghĩa đồng và Ba thừa là Nhất thừa.

2. Theo nghĩa xưa nói khác nên có Ba thừa.

Nương vào nghĩa xưa nói Ba thừa gọi là Nhất thừa, có hai:

a. Nêu đồng nghĩa, nương vào đồng nghĩa nên thọ ký cho các Thanh Văn được Đại Bồ-đề, đồng nghĩa giải thích ở sau. Nêu ra Pháp thân bình đẳng nên giải thích đồng.

b. Nói đồng là vì Pháp thân Như lai và pháp thân Thanh Văn đồng với kia, ở đây đều bình đẳng không khác. Vì Ba thừa đồng có pháp thân bình đẳng nên Ba thừa đồng gọi là Nhất thừa. Vì các Thanh văn vv..trở xuống:là thứ hai nói y.

Theo giáo xưa có Ba thừa khác nhau: vì các Thanh Văn và Bích-chi-phật và thừa khác nhau nên có khác nhau, vì Hai thừa kia chẳng phải Đại thừa, vì giáo xưa chưa nói Ba thừa pháp thân bình đẳng với Đại

thừa. Như lai nói không lìa thân này là nghĩa Vô thượng. Trên đây phá mười bệnh và nói về mười cách đối trị, từ đây về sau nói về mười thứ Vô thượng. Ý Vô thượng văn có hai :thứ nhất là nói chung

Hai là: Nói riêng mười Vô thượng không phần đầu lại có hai: thứ nhất là yêu nghĩa vô thượng chỉ phật mới có,hai là nói thuyết y vô thượng thuyết ý Vô thượng.

Như lai nói không lìa thân này là nghĩa Vô thượng. Như lai nói không lìa thân này là nghĩa Vô thượng. Phật là bậc cao tột trong tất cả mọi người, nên nói chỉ có Phật là Vô thượng. Nhưng nói không lìa thân này, là không lìa pháp thân là Vô thượng.

Vì sao ở đây Như lai nói điều này chợt?

- Vì nghĩa đồng và không đồng ở trên mà sinh ra. Nay nói người Ba thừa đồng có pháp thân, xưa nói Ba thừa pháp thân không có, vì lời này nên nói đồng có pháp thân là Vô thượng. Nếu trong môn trước không nói đồng có pháp thân thì không nói Vô thượng. Tất cả Thanh Văn v.v...trở xuống là thứ hai.Nói thuyết Vô thượng không thuyết nghĩa Vô thượng, đầu tiên nói trong pháp Hai thừa không nói nghĩa Vô thượng.

Trong pháp của Hai thừa Thanh Văn, Bích-chi-phật, không nói nghĩa này, vì họ không hiểu đúng, như thật vì hai thừa không hiểu cho nên nghĩa này sẽ v.v...trở xuống:là nói. Trong pháp Bồ-tát là Vô thượng.

Vì nghĩa này nên các Bồ-tát v.v...thực hành hạnh Bồ-tát không phải hành suông, vì Bồ-tát hiểu đúng, hành được không phải luống dối. Điều này đồng với luận Nhiếp Đại thừa mười tướng cao siêu của và. Vô đẳng Thánh giáo.

Nghĩa vô thượng là thứ hai: Giải thích riêng̀ mười thứ Vô thượng, văn lại có hai:

1. Nêu chung mười thứ.

2. Giải thích riêng mười thứ.

Trong nêu chung, một câu đầu la nhắc lại nghĩa Vô thượng.

Nghĩa Vô thượng, còn lại là Tu-đa-la v.v...trở xuống là.

Nói về xuất xứ kinh Vô thượng vẫn khuyên chúng sinh nên biết. Còn lại là Tu-đa-la nói về nghĩa Vô thượng. Nghĩa Vô thượng có mười thứ nên biết, cũng như Nhiếp Luận, nên biết là tướng cao siêu. v.v...

1. Nói về Hạt giống vô thượng.

2. Giải thích thành mười thứ bậc.

Hạt giống Vô thượng chia làm ba:

Nêu chương: nói về Hạt giống Vô thượng. Hạt giống Vô thượng

là tâm Bồ-đề. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Tâm Bồ-đề là Hạt giống của Chư Phật mười phương ba đời. Chư Phật ba đời nhờ tâm Bồ-đề này mà thành Đẳng Chánh Giác. Nói ví dụ như mây mưa v.v... trở xuống là thứ hai nói về xuất xứ kinh: Nói ví dụ mây mưa. Mây mưa là pháp có công năng sinh ra Hạt giống, nên nên năng sinh để nói về sở sinh. Hơn nữa mây mưa v.v... là nói Hạt giống Vô thượng.

Việc các thầy làm là đạo Bồ-tát. Là thứ ba giải thích kinh.sở hành của các thầy là đạo Bồ-tát: là phát tâm Bồ-đề rồi. thoái tâm, sau đó phát lại. Đã tu, gốc lành lúc trước không mất,đồng với, sau chứng quả. Đầu tiên nhắc lại

Kinh, là phát tâm Bồ-đề, thoái tâm, sau đó phát lại. Là nói Thanh Văn có ba: thời

1. Quá khứ đã phát tâm Bồ-đề.

2. Giữa chừng lui sụt tâm Bồ-đề.

3. Nghe kinh Pháp Hoa phát tâm Bồ-đề trở lại.

Nay lại nhận tâm Bồ-đề làm Hạt giống Vô thượng, nên dùng văn này để giải thích Đã tu hành, gốc lành không mất, đồng thời sau đó chứng quả. Quá khứ phát tâm Bồ-đề thực hành hạnh Bồ-tát, giũa chừng tuy lui sụt tâm Bồ-đề nhưng Hạt giống không mất. Như luận Nhiếp Đại thừa chép: "Hạt giống này đều gá vào-lê-đa đồng với sau đồng với được được quả." Ban đầu phát tâm Bồ-đề, sau lại phát tâm Bồ-đề được thành quả Phật.

Nói về hạnh Vô thượng là hai: Giải thích thứ trước giải thích kế là nói xuất xứ kinh:.

Nói về tu hành Vô thượng:

1. Phát tâm Bồ-đề.

2. Khiến tu hành hạnh Bồ-tát, hạnh Bồ-tát so với hạnh bốn thừa thì hạnh Bồ-tát là trên hết, nên nói hạnh vô kế là.

Xuất xứ kinh: Nói về bản sự của Đức Như lai Đại Thông Trí Thắng, ba căn Thanh Văn và mười sáu vị Sa-di, đối với Phật Đại Thông Trí Thắng thực hành hạnh Phật.

Trình bày năng lực thêm lớn vô là giải thích thứ ba. Vì trình bày năng lực thêm lớn Vô thượng nên nói ví dụ người dẫn đầu; vì thực hành hạnh Bồ-tát nên hạnh Bồ-tát được thêm lớn, vì thế mà nói sức thêm lớn Vô thượng và nói ví dụ thương chủ. Đoàn buôn là người dẫn đường trong phẩm Hóa Thành. Kinh lấy sự hướng dẫn người làm chính nên ví dụ Đạo sư. Luận để được dưới châu vô giá nên dẫn ví dụ như vì muốn nói lên giúp cho họ hiểu Vô thượng nên nói ví dụ buộc dưới châu trong

chéo áo.

Muốn nói cho họ hiều được nghĩa Vô thượng, nên gần gũi để chỉ dướit châu trong chéo áo cho họ. Thấy Dưới châu giải chéo áo là tâm Bồ-đề, hiểu được tâm Bồ-đề là hiểu được Vô thượng trong ngộ nên gọi là hiểu được Vô thượng.

Hỏi :Làm sao giúp chúng sinh hiểu được Vô thượng?

Đáp :Khi xưa, mười sáu vị Sa-di nói kinh Pháp Hoa giúp cho ba căn tánh hiểu được nghĩa Vô thượng, nên phát tâm Bồ-đề, giúp cho họ hiểu được Vô thượng.

Nói lên cõi nước thanh tịnh Vô thượng. Bốn thứ trước là nói nhân Vô thượng, dưới đây là nói về quả Vô thượng.

Hỏi :Bốn thứ trên nói nhân nhân của Đức Thích-ca, hay là nhân giáo hóa chúng sinh?

Đáp :Nói chung cả hai thứ, còn nói riêng là nhân của Đức Thích-ca. Vì Đức Thích-ca từ khi mới phát tâm là Hạt giống Vô thượng thứ nhất, phát tâm Bồ-đề là tin Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã tu hành được, nên có hạnh Vô thượng thứ hai. Vì hạnh lớn mạnh có năng lực dắt dẫn chúng sinh, nên gọi là năng lực thêm lớn Vô thượng, vì vậy mà biết đời quá khứ đã có được châu báu, nên có khả năng giúp cho chúng sinh hiểu được nghĩa Vô thượng.

Hỏi : Đã nói khiến chúng sinh được hiểu Vô thượng gọi là người hiểu Vô thượng. Cũng giúp cho chúng sinh tu hành thêm lớn, nên nói là năng lực thêm lớn Vô thượng chăng?

Đáp :Cũng có thể như vậy.

Hỏi :Làm sao biết được sự thành tựu của Phật Thích-ca mà giải thích mười thứ Vô thượng?

Đáp:Trong phần đầu nêu chung là không lìa thân này mà có nghĩa Vô thượng, nên mười thứ Vô thượng trước là nói Đức Phật Thích-ca từ khi phát tâm cho đến thành Phật, tất cả mọi việc đều đầy đủ. Đức Thích-ca đã như vậy, nên nay nói mười việc này để cho chúng sinh đều được mười điều như Ngài, Nhiếp luận nói có cảnh vô đẳng, hạnh vô đẳng, quả vô đẳng. Nay mười thứ Vô thượng, kinh này nói hạnh vô đẳng, quả vô đẳng, cảnh uẩn đều ở trong đó.

Nói lên cõi thanh tịnh Vô thượng là giải thích thứ năm. Từ đây là nói về quả Vô thượng, Hỏi

Làm sao biết bốn thứ trước là nhân?

Đáp : Hạt giống và hiện hành là nhân, nên biết “buộc châu trong chéo áo” là việc ở đời quá khứ mà cũng là nhân, thì buộc châu là buôn.

Buộc châu đã là nhân thì buôn cũng là nhân. Do đó, hệ châu và buôn là một người, nên hai nghĩa đều nói điều này. Có khả năng dắt dẫn chúng sinh thành Phật, nên gọi là Thương chủ. Giúp cho không mất tâm Bồ-đề, nên gọi là "hệ châu". Nói về cõi tịnh điều quan trọng là phải có cõi trước, sau đó Phật mới xuất hiện, nên phải nói cõi tịnh trước.

Nói lên cõi nước thanh tịnh Vô thượng nên mới nói lên tháp Như lai Đa Bảo. Như trong phẩm Tháp mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha cõi nước hợp thành một cõi, là trong tất cả cõi, cõi Vô thượng Tịnh độ là hơn hết.

Nói lên nói Vô thượng, nên nói trong mở túi tóc là thí dụ hạt ngọc. Kế là nói lên nói Vô thượng để ban hạt ngọc quý trên đỉnh cho chúng sinh, là nói đại tuệ bình đẳng, nghĩa là trong tất cả thì "thuyết Vô thượng", là hơn hết. Đã có cõi nướcthanh tịnh thì phải có cõi giáo môn, rồi mới nói về thuyết Vô thượng để giáo hóa chúng sinh được Vô thượng.

Nói lên giáo hóa chúng sinh Vô thượng, nên từ đất vọt lên vô lượng vị Đại Bồ-tát. Đã có giáo môn thì phải có quyến thuộc, sau đó nói giáo môn hóa độ chúng sinh Vô thượng, do đó giáo hóa ngàn thế giới Bồ-tát như số bụi cát, ba mươi hai tướng đều đầy đủ. Số nhiều đức chưa nhóm, tất cả giáo hóa cùng tột, chúng sinh Vô thượng là quả quyến thuộc.

Nói lên Bồ-đề Vô thượng. Đã có sở giáo hóa thì phải có năng giáo hóa rồi mới biết được quả Bồ-đề, có Ba thừa Bồ-đề của, Phật Bồ-đề, thì trong hai Bồ-đề Vô thượng là trên hết nên gọi là Vô thượng. Trong của Phật Bồ-đề có năm:

1. Phát tâm Bồ-đề.
2. Hàng phục tâm Bồ-đề.
3. Nói về tâm Bồ-đề.
4. Bồ-đề.xuất đắc
5. Vô thượng Bồ-đề.

Nay nói Bồ-đề thứ năm nên gọi là Vô thượng Bồ-đề, văn này giải thích Vô thượng Bồ-đề trong phẩm Thọ Lượng, có hai:

1. Giải thích ba thứ Bồ-đề.
2. Giải thích ba câu như bản hành đạo của Bồ-tát v.v...

Hợp chung lại sáu câu văn kinh. Giải thích Ba Bồ-đề là ba:

1. Giải thích hóa thân Bồ-đề.
2. Giải thích báo thân Bồ-đề.
3. Giải thích pháp thân Bồ-đề.

Nhưng tu hạnh thứ lớp nói về Pháp thân trước. Pháp thân là tự tánh trụ Phật tánh. Căn bản có Phật tánh, nên trước nói pháp thân vì có Phật tánh, hạnh nhân đầy đủ. Phật tánh hiển hiện nên gọi là Báo thân Bồ-đề. Đức mình đầy đủ, sau đó nói giáo hóa độ chúng sinh nên có hóa thân Bồ-đề. Nay nói thuyết môn kế là tám tướng thành đạo của Phật Thích-ca nói lên thành Phật ở thành già da. Nên biết Hóa thân Bồ-đề, hóa thân này từ Báo thân mà có. Kế là nói Báo thân Bồ-đề, Báo thân do pháp thân mà có. Kế là nói pháp Phật Bồ-đề, có hai:

1. Nêu Bồ-đề Vô thượng và nói chung ba thứ Bồ-đề. Dưới đây, nói riêng ba thứ Bồ-đề, là thành ba thứ riêng. Trong mỗi thứ này có hai:

a. Giải thích.

b. Dẫn kinh.

Trong giải thích lại có hai:

a. Nêu ứng hóa. Ứng hóa Phật Bồ-đề, tùy theo sự thích ứng giải thích ở sau. Giải thích chung về Ứng hóa, tùy theo sự thích ứng thấy mà nói lên, hơi khác với Nhiếp luận ba Phật của. Nhiếp luận chia Ứng hóa thành hai, nay Ứng hóa hợp thành một, vì sao? Vì Nhiếp luận nói thân Ứng hóa tương ưng với chân như. Là luận này nói Báo thân, Hóa thân là tám tướng thành đạo, nên chia Ứng hóa thành hai môn. Nay ở đây nói đức mình là Báo thân, nghĩa của Hóa thân là Ứng hóa thân. Hơn nữa, Nhiếp luận và kinh đồng một thể tánh. Trong cõi Tịnh hóa thân của các Bồ-tát gọi là Ứng thân. Nay ở đây hợp cõi tịnh, cõi uế đều thuộc hóa tha gọi chung là Ứng hóa thân. Luận chép: báo thân thường trụ tùy theo sự thích mà ứng thấy nhưng nói lên gọi là hóa thân. Như kinh đều nói Như lai ra khỏi cung họ Thích cách thành Già-da không xa, ngồi dưới đạo tràng được Vô thượng Bồ-đề, là dẫn kinh dễ hiểu.

b. Báo thân Bồ-đề cũng có hai: Giải thích và dẫn kinh.

Báo thân Phật Bồ-đề, Thập địa hạnh tròn đầy, chứng được Niết-bàn, nên Nhiếp luận nói là Ứng thân. Nay nói Báo thân tương ưng với chân như nên gọi là Ứng thân. Hạnh và Nhân đã được là báo của mình, là nghĩa nhân nên nghĩa không trái với. Luận mỗi trong pháp đều nêu ra một nhưng không trái nhau. Chứng được vô thường thì Phật tánh hiển bày, nên gọi là báo. Phật tánh là thường nên báo thân cũng thường. Báo thân đã thường hiển hiện thì, Hóa thân là vô thường.

Kinh chép, này người thiện nam! Ta thật thành Phật từ xưa đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp, là dẫn kinh dễ hiểu. Pháp Phật Bồ-đề có ba:

1. Giải thích sơ lược.
2. Dẫn kinh.
3. Giải thích kinh.

Pháp Phật Bồ-đề, là Như lai tạng, tánh thanh tịnh Niết-bàn, thường hằng thanh tịnh không thay đổi.

Nêu pháp Phật Bồ-đề, pháp là pháp tánh thanh tịnh Niết-bàn, chân nghĩa như là thể nhu có giác, nên gọi là Phật, đạt đến nhiệm mầu thông suốt gọi là Đạo, đạo là Bồ-đề, nghĩa là Như Lai tạng tánh tinh Niết-bàn, vượt khỏi thể Bồ-đề Phật pháp, kinh và luận khác nhau. Kinh chép: "Sâu kín là Như lai tạng, hiển bày gọi là Pháp thân. Luận này cho Như lai tạng là Pháp thân, hiển bày gọi là Báo thân."

Tánh thanh tịnh Niết-bàn: Niết-bàn có hai thứ: Tánh tịnh và phương tiện tịnh. Bản tánh thanh tịnh gọi là tánh tịnh. Tu phương tiện, dứt được phiền não, được thanh tịnh gọi là phương tiện tịnh. Nay dùng tánh tịnh Niết-bàn này làm Bồ-đề Phật pháp. Phương tiện tịnh thuộc báo Phật, hai thứ thanh tịnh là Nhiếp luận hữu cấu chân như,trong vô cấu chân như. Thường hằng tánh tinh không thay đổi: vượt khỏi thể Niết-bàn thanh tịnh. Niết-bàn tánh thanh tịnh này, thể là thường trụ nên nói là thường hằng. Nhiếp luận chép: "Thanh là tịnh, lương là an lạc. Hai đức tịnh lạc này gọi là Thanh lương. Lại nói thanh là hữu dư, lương là vô dư. Nên dùng ý trước để giải thích văn này. Không thay đổi như giải thích trên trên. Như kinh trở xuống là thứ hai, nói về xuất xứ kinh.

Như kinh chép: Như lai thấy biết tướng ba cõi như thật, cho đến thấy ba cõi không như thật đều ở trong ba cõi. Như lai thấy biết như thật cho đến thấy ba cõi không như thật, đều ở trong ba cõi để giải thích văn Bồ-đề Phật pháp này, nên nói tướng ba cõi.

Giải thích kinh: Giải thích năm câu văn kinh thành năm đoạn, trong mỗi đoạn có hai: đầu tiên nhắc lại kinh, kế là giải thích.

Tướng ba cõi: Nhắc lại kinh câu đầu, là thế giới chúng sinh là thế giới Niết-bàn.

Giải thích kinh: Thế giới chúng sinh là thế giới Niết-bàn, không lìa thế giới chúng sinh mà được Như lai tạng, nên thế giới chúng sinh xưa nay dứt bốn thứ, là thế giới Niết-bàn, không lìa thế giới chúng sinh mà có Như Lai tạng. Trên đưa ra chữ "Tức", nay đưa ra chữ "bất ly" để giải thích chữ "tức ở" trên. Không có sinh tử hoặc lui sụt, hoặc xuất là. Giải thích câu thứ hai. Đầu tiên là nhắc lại.

Không có sinh tử hoặc thoái, hoặc xuất, là Như lai thường hằng không thay đổi.

Giải thích kinh: Nghĩa là thường hằng không thay đổi, vì Như lai tạng thường hằng không thay đổi, không có sinh tử hoặc thoái, hoặc xuất, cũng không có ở đời và diệt độ.

Giải thích câu ba: đầu tiên là nhắc lại kinh: Nghĩa là thể của Như lai tạng chân như. Là thứ ba giải thích kinh.

Cũng không có ở đời và diệt độ, là giải thích kinh có hai:

1. Nhắc lại thể Như lai tạng, là thể chân như của Như lai tạng, không tức thế giới chúng sinh, không lìa thế giới chúng sinh.là

Giải thích văn kinh ở trên: Vì không tức thế giới chúng sinh lìa không thế giới chúng sinh. Không có thế thế giới chúng sinh là giải thích không có ở đời. Không lìa chúng sinh giới là giải thích không ở đời và diệt độ, cũng nói rằng Như lai tạng không ở tại thế gian, nên không tức thế giới chúng sinh. Như lai tạng không có diệt độ không lìa chúng sinh thế giới, nên kinh luận giải thích khác nhau. Lại, đối với lý không phải buổi đầu hai, nên không lìa thế giới chúng sinh. Đối với duyên không phải buổi đầu một, nên không phải thế giới chúng sinh, cũng là sáu đường pháp thân thường hằng, nên không lìa Pháp thân. Đối với duyên thành tựu sáu đường cho nênkhông phải tức, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác là:Giải thích bốn câu: đầu tiên là nhắc lại Không thật, không hư, không như, không khác, là lìa bốn tướng. Là thứ hai giải thích kinh.là lìa bốn tướng có bốn tướng:là vô thường.nói bốn tướng là

Hỏi : Nương vào văn này cho rằng thật, hư, như, dị là bốn. Bốn thứ này vì sao vô thường đáp? – Vì bốn thứ này đều là danh ngôn, nên vô thường. Pháp thân dứt danh ngôn nên Thường trụ. Theo luận Phật tánh nói có bốn tướng:

1- Tướng duyên.

2- Tướng nhân.

3- Tướng sinh.

4- Tướng hoại.

Tướng duyên là phiền não vô minh, là phương tiện sinh tử. Tướng nhân là nghiệp vô lậu, là nhân duyên sinh tử. Tướng sinh là hữu hữu sinh tử. Tướng hoại là hữu vô sinh tử. Lìa bốn tướng này thì không còn bốn tướng sinh tử, nên Pháp thân thường trụ.

Không như ba cõi mà thấy ba cõi là giải thích câu năm, đầu tiên là nhắc lại kinh: Không như ba cõi mà thấy ba cõi. Như lai thấy được v.v...trở xuống là thứ hai giải thích kinh: Như lai có khả năng thấy và chứng pháp thân chân như, không phải như phàm phu thấy, nên kinh nói

Như lai thấy rõ ràng. Câu thứ ba này, dùng suốt một kinh để chứng minh câu thứ năm. Cho Nên kinh nói Như lai thấy rõ không sai. Xưa Ta khi hành đạo Bồ-tát nay vẫn chưa hoàn mãn. Đây giải thích Tam Phật Bồ-đề xong. Dưới đây là giải thích câu thứ ba, nên thành ba thứ khác nhau. Giải thích kinh hành đạo Bồ-tát tròn đầybản nguyện, vì được Tam Phật Bồ-đề phải đầy đủ bản nguyện.đầu tiên là nhắc lại kinh

Khi xưa ta hành đạo Bồ-tát nay vẫn chưa đầy đủ, vì bản nguyện chưa đầy đủ. Bản đối với thế giới chúng sinh chưa xong. Nguyện chưa được tròn đầy, nên nói chưa hoàn mãn, không phải nói Bồ-đề đầy đủ. Vì khi Bồ-tát nguyện độ hết chúng sinh trong pháp giới, nay tùy thành Phật mà chúng sinh chưa hết, nên nguyện chưa mãn, chẳng phải Bồ-đề chưa được đầy đủ. Luận chủ sợ người nghiên cứu kinh nghe nói hành đạo Bồ-tát bản nguyện chưa tròn đầy, nói là Bồ-tát chưa tròn đầy, nên giải thích sơ điều này là nguyện chưa tròn đầy, không phải Bồ-đề chưa tròn đầy. Đã thành tựu được tròn đầy lại thêm số lượng ở trên. Trước là nhắc lại kinh.

Văn kinh: Đã thành tựu tuổi thọ lại gấp bội số trên. Văn này thọ nói tuổi của Như lai là thường hằng.thứ hai là

Giải thích kinh, văn chia làm hai: Nêu tuổi thọ thường hằng để giải thích kinh. Phương tiện khéo léo để nói lên số nhiều.

Giải thích tuổi thọ thường hằng ở trên: văn nầy nói lên tuổi thọ Như lai là thường hằng, ở trên nói bốn số:

1. Thế giới không thể biết.
2. Thế giới nhiều như bụi cát không thể biết được.
3. Kiếp số như cát bụi không biết
4. Nói tuổi thọ của Phật, lại vượt qua ba số trên không thể biết.

Nay số thứ năm này lại hơn số thứ tư, thì số tuổi thọ không thể biết, nên nói là thường.

Phương tiện khéo léo là khen Như lai có phương tiện khéo léo.

Phương tiện khéo léo là nói số nhiều là hơn số lượng trên, không thể biết được số lượng. Có khả năng tạo ra số nhiều như vậy hơn cả số lượng không thể biết được. Vì nói về tuổi thọ, số lượng không thể biết được, nên gọi là Thường. Khi xưa, Pháp Sư Tăng Duệ nói về kinh Pháp Hoa do La-thập dịch rằng: Đa Bảo chiếu khắp không diệt mất, tuổi thọ dưới định không có số lượng", lúc đó luận chưa xuất hiện, nhưng nói ý này đều hợp với luận. Ngài La-thập khi tịch, thiêu lưỡi không cháy, mới biết rằng sự phiên dịch của Ngài hợp ý kinh.

Hỏi: Thế nào là tuổi thọ của Như lai thường hằng không cùng

tận?

Đáp :gồm có năm ý:

1. Vì tròn đầy bản nguyện, tuổi thọ của Phật nếu vô thường thì không thường độ chúng sinh, là bản nguyện không tròn đầy, vì Phật thường trụ, nên thường độ chúng sinh, được bản nguyện tròn đầy.

2. Phá chấp cho người Tiểu thừa. Nếu Phật vô thường nguội thân bặt, trí không còn độ sinh, thì trái với thệ nguyện cuả Phật. Là nói nghĩa nhân quả: Khi Ngài mới phát tâm nguyện thành Phật độ tất cả chúng sinh. Mơi phát tâm nguyện là nhân, nay được thành Phật thường trụ độ khắp tất cả là quả, nên nghĩa nhân quả được thành tựu. Nếu theo Tiểu thừa Phật có nhân không quả, thì mới phát tâm nguyện độ là nhân, được thành Phật muốn người đạt Niết-bàn thì có nhân không quả. Nhưng không nhân quả cũng không được.

Nếu Phật vô thường thì diệt với Niết-bàn Hai thừa. Người Hai thừa không bỏ tiểu cầu Đại ưa quả mà thực hành nhân, nay muốn cho chúng sinh ưa mến quả, thực hành nhân, bỏ tiểu cầu đại, nên nói tuổi thọ của Phật thường hằng. Khi xưa, ở Giang Nam phương Bắc, năm Tông, bốn thời, dụng lại thêm lời nói số trên, dùng Pháp Hoa để chứng minh Phật vô thường. Nay luận chính là dụng câu này, để nói lên Phật là thường, nên phàm phu nói người phần nhiều ngu si, bác bỏ tội lỗi. Khi không nói nên khó giải thích điều này. Cõi thanh tịnh của ta không hủy các kiến giải đều tiêu. hết

Kinh giải thích câu ba, dưới đây là giải thích quả, nay một câu này kế là giải thích theo quả.đầu tiên nhắc lại kinh.

Văn kinh: Cõi ta thanh tịnh không hủy hoại, các kiến giải đều tiêu hết, báo thân Như lai v.v... trở xuống là giải thích kinh: tức là nêu người để giải thích cõi nước.

Cõi nước thanh tịnh Báo thân Như Lai chân thật thuộc về nghĩa đế bậc nhất. Báo Phật thường như giải thích ở trước. Nên biết cõi Báo thân Phật cũng thường hằng, vì thường hằng nên không thể tiêu diệt Hỏi:đã là. Cõi nước thường hằng tại sao các tầng trời đánh trống rải hoa?

Đáp :Đối với cõi thường hằng không có tác dụng ngăn ngại, nên có việc này. Nói lên Niết-bàn Vô thượng. Trước nhắc lại chương, nên nói ví dụ thầy thuốc v.v...trở xuống là thứ hai nói xuất xứ của kinh. Thứ hai là nói xuất xứ kinh.

Nói lên Niết-bàn Vô thượng: Tiểu thừa nguội thân, bặt trí thật nhập vô dư, đây là có Niết-bàn thật ở trên. Nay vì cuồng tử phương tiện nói diệt ba đức Niết-bàn, chẳng phải diệt hẳn, nên là Vô thượng.

Ở trên Giải thích Vô thượng Bồ-đề là nghĩa quả. Nay giải thích Niết-bàn Vô thượng là quả nghĩa, đồng nghĩa với kinh Niết-bàn. Nhưng xưa tạo vô thường để che lấp tướng thường để giải thích kinh Pháp Hoa nên nói ví dụ thầy thuốc.

Hỏi :Ví dụ thầy thuốc là văn xuôi, văn này ở trước. Cõi thanh tịnh của ta không hủy hoại là kệ, văn này ở sau. Vì sao luận chủ giải thích lại văn này.

Đáp :Luận chủ lấy Tam-bồ-đề ở trước làm chánh quả. Cõi tịnh là nương quả, hai điều này đều nói nghĩa thường, nên đều thuộc về Vô thượng Bồ-đề, nên giải thích chung một chỗ. Niết-bàn Vô thượng là nói quả quả nghĩa, nên giải thích ở sau.

Nói lên năng lực Vô thượng, là giải thích mười Vô thượng thứ văn có ba:

1. Nêu chung xuất xứ kinh.

2. Nói lại nghĩa Vô thượng của cõi tháp Đa Bảo. Tông này giải thích lại năng lực Vô thượng, trước là nêu tên. văn đầu lại có hai

Nói lên năng lực Vô thượng nhiệm mầu: nói năng lực mầu nhiệm vô thượng là: Cùng khen ngợi kinh Pháp Hoa có công dụng khéo léo, nên gọi là năng lực, còn gọi là Tu-đa-la. là

Nói về xuất xứ kinh.

Còn lại Tu-đa-la là nói về thị hiện nên biết, là từ phẩm Phân Biệt Công Đức về sau là một kinh. Tháp Như lai Đa Bảo vv..trở xuống là thứ hai.

Luận giải thích lại mười thứ Vô thượng ở trước. Nói lên cõi nước thanh tịnh Vô thượng, giải thích phẩm tháp Hiện Bảo.

Hỏi :Tại sao không giải thích Vô thượng thứ năm ở trước, đến đây mới giải thích?

Đáp:Trên đây là giải thích số môn này, nay muốn nói có những điều còn nghi ở trước chưa rõ, nên luận giải thích lại điều này, có hai:

1. Nói chung tám thứ.

2. Giải thích riêng.

- Nói chung lại có hai:

1. Nói chung về cõi tịnh.

2. Nói riêng tám thứ.

Tháp Như Lai Đa Bảo hiển bày tất cả cõi Phật thanh tịnh, nói lên cảnh giới thật tướng của chư Phật, các thứ báu xen lẫn trang nghiêm. Tháp Như lai Đa Bảo: cầu này là nhắc lại tháp Như lai Đa Bảo. Hiển bày tất cả cõi Phật thanh tịnh là muốn nói mở cửa thánh hiện tất cả cõi

thanh tịnh, chẳng phải chỉ có cõi Phật Thích-ca, nên nói hiển bày cõi Phật thanh tịnh.

Nói lên trong cảnh giới thật tướng của Chư Phật: vượt ra cõi thanh tịnh. Nói lên có tám thứ v.v...trở xuống. Cõi tịnh là gồm nhiếp hết tất cả tám điều, trong cõi tịnh nói riêng tám điều.

Gồm có tám thứ:

1. Tháp.
2. Lượng.
3. Lược.
4. Trụ trì.
5. Nói lên vô lượng cõi Phật.
6. Lìa uế.
7. Đa Bảo.
8. Đồng ngồi trong một tháp.

Tháp trở xuống là thứ hai giải thích riêng támviệc thành tám thứ khác nhau, trong mỗi điều đều nêu chương, giải thích kế là.

Tháp là nói lên xá-lợi Như lai trụ trì.

Nói lên xá-lợi Như lai trụ trì, do đó mà xây tháp. Vì muốn giữ gìn xá-lợi làm lợi ích cho chúng sinh.

Lượng là giải thích thứ hai, đầu tiên nhắc lại chương.

Lượng có hai nghĩa:

1. Quả hình lượng, cõi nghĩa là mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha hỉnh lượng. Quả cõi.

2. Nhân lượng, là gốc lành vô lậu sinh, chẳng phải gốc lành hữu lậu sinh.

Nói lên phương tiện v.v... trở xuống giải thích lại hai lượng trên đầu tiên là. Giải thích quả lượng.

Nói lên phương tiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh. Của tất cả phật là Xuất thế gian v.v...trở xuống là giải thích nhân lượng.

Xuất thế gian thanh tịnh từ gốc lành vô lậu sinh, chẳng phải từ gốc lành hữu lậu sinh.Lược là giải thích thứ ba, đầu tiên là nhắc lại.

1. Lược là kế giải thích.

Thân Như lai Đa Bảo một thể, nói lên thâu nhiếp tất cả pháp thân chân thật của chư Phật. Đây là một thân Phật Đa Bảo phân ra nhiều thân, vì pháp thân không hai nên Phật Đa Bảo chỉ có một. Vì hóa dụng chẳng phải một, nên phân thân thành nhiều, cũng là giải thích nghi, nên giải thích nghi.

Vì sao chỉ có một tháp Đa Bảo chứ không có nhiều tháp hiện lên.

Nên giải thích rằng: "Đa Bảo là pháp thân, Chư Phật mười phương đồng một pháp thân chân như, nên pháp thân Đa Bảo thuộc pháp thân tất cả Chư Phật, nên chỉ có một."

Hỏi :Đa Bảo là pháp thân, hay biểu hiện cho pháp thân?

Đáp :Theo các sư như Quang Trạch v.v... nói: "Đa Bảo là xá-lợi của nhà của hóa thân, chẳng thuộc ba thân, cũng thuộc về Phật bảo." Nay nói bốn ý:

1. Nói Theo dấu vết thì là xá-lợi Phật. Trong tám nghĩa, nghĩa đầu nói là tháp.là Như Lai nói lên xá-lợi trụ trì. Của Đa Bảo biểu thị cho pháp thân. Như ngài Tăng Duệ nói: "Nói Đa Bảo là thường hằng." Nương vào thân Phật Đa Bảo để nói lên pháp thân bất diệt, ngài Thiên Thân giải thích trong ba thứ bình đẳng, nói thân Phật Đa Bảo là pháp thân. Thân Đa Bảo này nhập Niết-bàn, đây là nhập vào Ba đức Niết-bàn. Ba đức Niết-bàn là pháp thân. Lại trong tám nghĩa, nghĩa thứ ba, một là nghĩa thể thân Như lai Đa Bảo thuộc tất cả pháp thân của Chư Phật, nên biết là pháp thân. Phật Đa Bảo tuy nhập Niết-bàn, nhưng thường ở thế gian, nên thế gian và Niết-bàn không hai. Chẳng phải thế gian, chẳng phải Niết-bàn, lời quên dứt nghĩ cho nên, Trung luận chép: "Mé thật sinh tử và mé Niết-bàn, hai mé như vậy không khác nhau mảy may là." Giải thích thứ tư

Trụ trì là nói lên pháp thân Như lai, Chư Phật thân lực tự tại. Trung giải thích pháp thân của Chư Phật tự tại thân lực: Ở đây giải thích Đa Bảo xuất hiện ở các thế giới mười phương và phát tâm nghe những điều khen Phật, pháp thân trùm khắp tất cả mọi nơi, có thể ở trong tất cả các nơi có công đức này, trụ trì Phật pháp nên gọi là Trụ trì.

Thị hiện vô lượng Phật là giải thích thứ năm.

Nói lên vô lượng Phật: Nói lên kia đây gây ra các nghiệp không khác nhau. Trung giải thích: "Nói lên kia, đây gây ra các nghiệp giống nhau, ý là giải thích Phật nói lên phân thân mười phương, nên tự cho là kia, thân Đức Thích-ca gọi là đây, cũng được thấy tướng phân thân mười phương tư là kia đây. Mười phương Chư Phật đều muốn hoằng đạo lợi người, nên nói mười phương chư Phật tạo các nghiệp không khác nhau. Lại , Phật phân thân mười phương đồng trụ cõi tịnh, đồng nói nhất thừa, đồng giáo hóa Bồ-tát, là nói lên của các Phật đạo đồng nhau, nên nói tạo nghiệp không khác nhau. Đạo Chư Phật đã đồng, cho việc biết ngày nay Đức Thích-ca cũng đồng với chư phật. Xa lìa uế bất tịnh v.v... trở xuống là giải thích thứ sáu.

Xa lìa uế bất tịnh là trong kinh nói việc dời trời, người và núi

biển.

Nói lên tất cả Chư Phật thanh tịnh bình đẳng ý.

Nói Đa Bảo là giải thích thứ bảy.

Nói Đa Bảo: tức trong giải thích kinh nói đất bằng lưu ly.

Ngồi chung một tháp. Là giải thích thứ tám.

Ngồi chung một tháp: Nói lên hóa Phật, Pháp Phật, Báo Phật v.v... đều làm thành việc lớn Trung giải thích: Nói lên hóa Phật, Báo Phật, Pháp Phật đều làm thành việc lớn. Đại Phẩm chép: "Cứu độ tất cả chúng sinh gọi là việc lớn." Nay nói Phật Thích-ca, Phật Đa Bảo ngồi chung trong một ngôi tháp đồng một mệnh lệnh giáo hóa chúng sinh, giúp cho tất cả qua lại trong các thế giới mười phương mở mang đạo Nhất thừa và đều thành Phật cho những điều ấy là việc lớn.

Hỏi: Chỉ có Phật Đa Bảo và Đức Thích-ca ngồi chung trong một ngôi tháp phân thân không ngồi chung, tại sao nói ba Phật cùng làm việc lớn?

Đáp: Đức Thích-ca có ba thân. Nói lên thành đạo ở thành Già-da đó là Hóa thân. Từ lâu đã thành Phật, hạnh sở đắc do nhân đó là Phật Báo thân. Có chân nên có Pháp thân, vì thế Đức Thích-ca có ba thân, là ba Phật ngồi chung làm một việc lớn.

Hỏi: Đã biết Đức Phật Thích-ca có ba thân, trong văn chỉ nói Đức Thích-ca và Đa Bảo ngồi chung một tòa, đây là hai Đức Phật, vì sao nói ba Phật cùng làm việc lớn?

Đáp: Phân thân không ngồi chung, nhưng ý Chư Phật đồng thành việc lớn Đức Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo phân thân, ba thân này là Phật nào?

Đáp: sắp xếp theo văn thì luận chủ nói: Phật Đa Bảo là Pháp thân. Đức Thích-ca là Phật Báo thân, phân thân là Phật hóa thân.

Hỏi :Trước nói pháp thân khi ẩn là, Phật Đa Bảo đâu có khi nào ẩn?

Đáp :Luận giải thích hai thứ pháp thân:

1. Khi ẩn gọi là pháp thân thì chẳng phải Phật Đa Bảo.

2. Khi hiển bày gọi là pháp thân, chính là Đa Bảo.

Hỏi :Nếu vậy thì có gì khác với Phật Báo thân?

Đáp: Thể một nhưng nghĩa khác, đáp nghĩa nhân là báo bên mình, sở y các pháp chánh y là thân, nên gọi là Pháp thân. Có người nói: "Phật phân thân là Phật Ứng thân, làm sao biết. Nhiếp luận và đồng tánh kinh đều nói là Ứng thân. Ở trong cõi tịnh nói pháp giáo hóa các Bồ-tát. Nay phân thân nói pháp trong cõi tịnh thì biết đó là Ứng thân, Ứng thân là

Báo thân. Đức Thích-ca ở trong cõi uế là hóa thân. Nay nói và giải thích như vậy cũng đúng, mỗi thân đều chấp nhận một nghĩa.

Dưới đây là nói về pháp lực, trì lực, tu hành lực. Nên biết Khoa thứ ba nay phân biệt tháp Đa Bảo xong, sau đó giải thích tông, trước nói năng lực vô thượng cao siêu văn có hai:

1. Nêu chung ba năng lực. Khuyên nên biết.Dưới đây nói về pháp lực, trì lực, tu hành lực nên biết. Từ pháp lực đã xong phần giữa. Giải thích riêng ba lực nên thành ba thứ khác nhau. Trong mỗi thứ có hai: Nêu chương và giải thích.

Pháp lực: Pháp là chữ Pháp của Pháp Hoa, có công dụng cao siêu nên gọi là Pháp lực.

Trình bày năm môn: Thứ hai là giải thích xuất xứ kinh, có hai:

1.Nêu chung năm môn.

2. Giải thích riêng, văn đầu chia làm ba: thứ nhất là

- Nêu chung năm môn:

1. Chứng v.v... trở xuống là thứ hai nêu năm môn:

2. Trình bày năm môn.

1. Chứng môn, 2. tín môn.

3. Cúng dường môn.

4. Văn pháp môn.

5. Đọc tụng trì thuyết môn.

Bốn môn nầy trong phẩm Di-lặc. Thứ ba là nói về xứ môn, bốn môn trong phẩm Di-lặc. Nói một môn trong phẩm Thường Tinh Tấn Bồ-tát. Phẩm Di-lặc tức phẩm Phân Biệt Công Đức. Phẩm Thường tinh Tấn là phẩm Pháp Sư Công Đức. Hai phẩm này lấy tên người đặt tên phẩm. Kinh do ngài La-thập dịch là theo pháp gọi tên.

Bốn Môn trong phẩm Di-lặc, thứ hai là giải thích riêng, đầu tiên là nhắc lại có bốn.

1. Chứng môn v.v...trở xuống.

2. Giải thích bốn môn.

Bốn Môn trong phẩm Di-lặc. Môn đầu có hai:

1. Chứng môn: Như kinh v.v...trở xuống.

2. Dẫn kinh nói về xuất xứ có hai văn:

a. Giải thích ban đầu được Nhẫn Vô thượng.

b. Giải thích tám sinh cho đến một sinh được Tam-bồ-đề.

Phần đầu lại chia làm hai:

Nhắc lại kinh: Như kinh chép ta nói tuổi thọ của Như lai dài xa sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa, chúng sinh được pháp

nhẫn Vô sinh. Được pháp nhẫn Vô sinh v.v...trở xuống là thứ hai, giải thích kinh: Nói pháp nhẫn Vô sinh nghĩa là người Sơ Địa chứng trí nên biết. Như luận Trí Độ chép: "Từ Sơ địa vô sinh đến Thất địa vô sinh. Nay trong đây nói Sơ Địa là Vô sinh. Vì người Sơ địa mới chứng được pháp thân chân như Vô sinh nên nói được Vô sinh nhẫn." Từ tám sinh cho đến nhất sinh v.v... trở xuống là thứ hai, giải thích kinh sau cùng, văn cũng chia làm hai: nhắc lại kinh và giải thích kinh.

Trong nhắc lại kinh có hai:

Nhắc lại tám đời cho đến một thời. Tám đời cho đến một đời, cả hai là nhắc lại được A-nậu Tam-bồ-đề. Được A-nậu Tam-bồ-đề Đa-la-tam-miệu là chứng được là Bồ-đề của Sơ Địa.

Thứ hai là Giải thích kinh chia làm ba: Giải thích theo địa vị và giải thích tám đời cho đến một đời ba là kinh dữ Dị Nhân Tránh.

Nghĩa là chứng được pháp Bồ-đề của Sơ địa. Gọi là Bồ-đề Sơ địa. Kinh có hai câu.

1. Tám sinh cho đến nhất sinh.

2. Được Tam-bồ-đề, nay trước bèn gần giải thích đắc Tam-bồ-đề nghĩa là Bồ-đề Sơ địa.

Tám đời cho đến một đời, nghĩa là các phàm phu quyết định chứng được Sơ địa, tùy theo khả năng, tùy theo phần mới được tám sinh cho đến nhất sinh chứng được Sơ địa.

Tám đời một đời là nhắc lại câu kinh đầu, nghĩa là từ các phàm phu v.v... trở xuống là. Giải thích kinh nói Bồ-tát Địa Tiền là phàm phu. Nghe kinh Pháp Hoa tùy theo khả năng ngộ sâu cạn, hoặc qua tám đời nhập Sơ Địa. Nói A-nậu- Tam-bồ-đề, là thứ hai Dữ Dị Nhân Tránh..

Nói A-nậu-đa-la-Tam-miệu Tam-bồ-đề vì lìa được sinh tử phần đoạn trong ba cõi tùy theo phần thấy được chân như Phật tánh, gọi là được Bồ-đề, không thể gọi là rốt ráo tròn đầy Niết-bàn phương tiện của Như lai. Người khác chép: Kinh nói trong A-nậu Tam-bồ-đề có năm thứ Bồ-đề. Bồ-đề Vô thượng này chẳng phải Bồ-đề của Sơ địa, Sơ địa nói tâm Bồ-đề. của Vì có điều nghi này nên luận chủ nhắc lại văn kinh Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì Lìa sinh tử phần đoạn trong ba cõi, Luận chủ kinh có giải thích hai câu. Trước nói Bồ-đề Sơ địa, sau nói chẳng phải Vô thượng Bồ-đề vì lìa sinh tử phần đoạn trong ba cõi, nói là có chỗ lìa. Dùng văn này để chứng minh Bồ-tát Địa Tiền còn chịu sinh tử phần đoạn, để xác định các giải thích. Có Luận sư luận Nhiếp nói: "Địa Tiền lìa được phần đoạn, nhưng không dùng văn để chứng minh, lại chứng minh Địa Tiền đều là phàm phu."

Hỏi :Nhiếp luận chép: “Bồ-tát Thập giải được người vô ngã gọi là bậc Thánh”. Luận này nói Địa Tiền là phàm phu, làm sao hiểu được?

Đáp:Theo kinh Nhân Vương, Anh Lạc và, luận này cho Địa Tiền là phục nhẫn, gần giống bậc Thánh, chưa phaỉ Thánh. Tùy phần thấy được chân như Phật tánh. Trên nói sở ly, nay nói sở được, thì ở đây đối với Địa tiền chưa được chân như, chẳng phải Vô thượng. Người Đăng địa mới thấy được chân như, nên gọi là Vô thượng Bồ-đề. Không thể gọi là rốt ráo.

Chẳng phải Vô thượng Bồ-đề: Niết-bàn phương tiện là Niết-bàn thanh tịnh phương tiện. Niết-bàn này rốt ráo, người này chưa được Niết-bàn này, nên chẳng phải quả địa Vô thượng.

Tín môn. Giải thích phát tâm Bồ-đề thứ hai.

Tín môn: Là lên được địa vị Thập tín là Tín môn, như kinh chép v.v... trở xuống là giải thích xuất xứ kinh.

Như kinh chép: lại có tám thế giới chúng sinh như số cát bụi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trong đây lợi ích có thứ lớp gì?

Đáp: Trong đây nói ba lợi ích:

1. Trên phẩm lợi ích: Là mới được Vô sinh cho đến xoay bánh xe pháp thanh tịnh.

2. Trung phẩm lợi ích: là tám đời cho đến một đời được Tam-bồ-đề.

3. Dưới phẩm lợi ích: là chúng sinh trong các thế giới của tám Đức Phật đều phát tâm Bồ-đề.

Về chấp Tôi mới đọc tám đời đến một đời được tam-bồ-đề trong luận nầy của Thiên Thân Mới được Vô sinh cho đến Tám đời một đời đều là số tăng từ cạn đến sâu. Không biết lợi ích của Ba phẩm, giảng mấy trăm biến mới giải thích được điều này.

Hỏi: tám đời một đời vì sao là lợi ích Trung phẩm?

Đáp: Mới nghe kinh Pháp Hoa liền được vô sinh, cho đến được pháp luân thanh tịnh. Nay nghe kinh Pháp Hoa, qua tám lần thọ sinh mới bước lên Sơ địa, cho đến qua một lần thọ sinh mới bước lênSơ địa, nên lợi ích Trung phẩm, luận chủ hợp ba lợi ích này thành hai. Lợi ích đầu đều gọi là chứng vì đều được Vô Sinh nhẫn, còn một đời sau cùng mới được phát tâm, nên gọi là Tín.

Hỏi: Nói phẩm Thọ lượng, vì sao nói nhiều người đạt đạo?

Đáp: Ở đây nói Đức Thích-ca từ khi mới phát tâm, cho đến lúc thành Phật và tất cả thời tiết, hoặc lý, hoặc quyền, hoặc đều hiển bày,

nên người đắc đạo cũng nhiều.

Cúng dường môn:là nhắc lại môn thứ ba giải thích

Cúng dường môn như kinh chép: các Đại Bồ-tát khi được lợi ích của Đại pháp, thừa ở trong hư không hoa Mạn-đà-la như tuôn rải mưa, như thế v.v.... Phẩm Thọ lượng là công đức nói pháp của Như lai, Phẩm Phân Biệt Công Đức là công đức Như lai nói về người, đều dùng pháp nói về người đều được lợi ích, thường chiêu cảm thứ cúng dường.

- Nghe pháp môn như phẩm Tùy hỷ. Nói nên biết:là giải thích thứ tư

Nghe pháp môn như nói phẩm Tùy hy nên biết là nghe pháp sinh tâm tùy hỷ, lại nói pháp cho người khác, nghe nên nói là nghe pháp.

Hỏi :Trước nói phẩm Phó chúc Di-lặc, nay vì sao nói phẩm Tùy hỷ?

Đáp :Tùy hỷ ở đây là ban đầu Di-lặc hỏi về Tùy hỷ, nương vào nghĩa này cũng goi là phẩm Di-lặc. Nếu từ nghĩa Tùy hỷ đặt tên Tùy hỷ, nên không khác, cũng có thể người dịch sai từ ngữ, một pháp môn trở xuống. Pháp lực ở trên có năm môn, trước giải thích bốn, nay văn giải thích năm là môn đọc, tụng, thọ trì và nói, văn chia làm bốn.

1. Nói về môn và xuất xứ của phẩm.

Nói về phẩm Pháp môn Bồ-tát Thường Tinh Tấn, là đọc tụng v.v...trở xuống.

Giải thích sơ lược là chương môn là đọc tụng, giải biên chép v.v... được sáu căn thanh tịnh. Đọc tụng là nhân, được sáu căn thanh tịnh là quả. Như kinh v.v... trở xuống là dẫn xuất xứ kinh để chứng minh nhân, quả ở trên.

Chứng minh nhân ở trên.

Như kinh chép:, nếu có người thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải thích, hoặc biên chép, người này sẽ được trở xuống là nói kế sẽ chứng trên quả.

Người này sẽ được trăm công đức của mắt, cho đến một ngàn hai trăm công đức của ý.

Được thanh tịnh sáu căn. Thứ tư là Luận giải thích, trong giải thích chia làm hai: đầu tiên Giải thích theo địa vị kế là giải thích lại thanh tịnh sáu căn.

Trong giải thích theo địa vị có hai: Giải thích và dẫn kinh để chứng minh.

Được sáu căn thanh tịnh, là phàm phu nhờ năng lực kinh, nên được dụng căn cao siêu chưa nhập chánh vị Sơ địa của Bồ-tát. Nghĩa là

phàm phu nhờ năng lực kinh nên được dụng của sáu căn cao siêu nhưng chưa nhập được Sơ địa v.v...trở xuống. Chứng minh Địa Tiền là phàm phu, như kinh v.v... trở xuống là kế. dẫn kinh chứng minh.

Như kinh chép: thấy Tam thiện Đại thiên thế giới bằng mắt thường do cha mẹ sinh, như vậy v.v.... Đã nói mắt thường do cha mẹ sinh, nên nói phàm phu chưa được pháp nhãn, pháp thân của Sơ Địa. Lại, sáu căn thanh tịnh. Văn này có ba nghĩa nên giải thích lại.

1. Giải thích nhãn căn thấy Tam thiên cho đến ý cũng như vậy. Nay giải thích sáu căn dùng lẫn nhau.

2. Giải thích những việc nhãn căn, nay giải thích việc của tỷ căn.

3. Nói về mỗi dụng của sáu căn. Nay giải thích sự dùng lẫn nhau của sáu căn, chia làm hai:

a. Sáu căn văn dùng lẫn nhau.

b. Lại ,sáu căn thanh tịnh: Trong mỗi căn đều đầy đủ thấy sắc, nghe tiếng, biết mùi, phân biệt vị, cảm xúc biết các pháp, nên biết nghĩa này các căn dùng lẫn nhau.

Mắt thấy, ngửi mùi biết được, ở đây lược một căn giải thích dùng lẫn nhau.

Mắt thấy, ngửi mùi biết được, như kinh chép v.v...trở xuống là dẫn kinh để chứng minh mắt có khả năng thấy, sắc ngửi mùi.

Như kinh chép:: “Thích đề hoàn nhân khi ở trên điện tốt đẹp năm dục vui chơi cho đến nói pháp, ngửi mùi đều biết, đây là biết cảnh dùng tỷ căn để biết. Biết ngửi mùi đây là giải thích có khả năng ngửi mùi, đây là biết cảnh. Hương là sự biết cảnh của tỷ căn, vì dùng tỷ căn để biết, xuất phát từ năng biết. Lại dùng mắt thấy cảnh, dùng tỷ căn biết nên gọi là dùng lẫn nhau.

Trì lực: đây là giải thích pháp lực đã xong. Nay giải thích trì lực thứ hai văn chia làm hai: đầu tiên là nêu:

Trì lực: Nói trì lực vì trì kinh có công dụng cho lớn nên nói là trì lực. Có ba pháp môn, thứ hai là giải thích trì lực văn chia làm hai:

a. Giải thích chung ba phẩm.

b. Giải thích riêng về Pháp Sư.

Có ba pháp môn trình bày, như phẩm Pháp Sư, phẩm An lạc hạnh, phẩm Khuyến Trì v.v... Nói rộng pháp lực như kinh chép nên biết như. Phẩm Pháp Sư là chỉ cho ba phẩm là ba pháp môn.

Kinh La-thập chỉ nói phẩm Trì, nay vì sao nói phẩm Khuyến Trì?

Nhắc lại trước khuyến ở, sau nói trì ở, nên gọi là phẩm Khuyến Trì, cũng là nhân khuyên mà trì, nên nói là khuyến trì. Đúng là phẩm

Trì để nói rộng pháp lực.

Hỏi :Nên nói rộng trì lực, sao lại nói pháp lực?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Nêu ra pháp sở trì, nên nói pháp lực, đúng ra phải gọi là trì lực.

2. Trong ba phẩm này chỉ có phẩm Pháp Sư là pháp lực,làm sao biết? Vì theo thứ lớp văn này thì giải thích kinh phẩm Pháp Sư. Tâm này chắc chắn biết nước đã gần, giải thích riêng những lời trong phẩm Pháp Sư.

Tâm này chắc chắn biết nước đã là gần: đây là thứ hai Thọ trì kinh này được nước Phật tánh, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năng lực tu hành: là Giải thích năng lực thứ ba: 1. nhắc lại; 2. Giải thích.

Năng lực tu hành: nói năng lực tu hành là Nương vào kinh tu hành có công dụng cao siêu, nên nói là năng lực tu hành, có năm môn trình bày như ở dưới.

Giải thích văn chia thành ba:

1. Nêu chung năm môn.

2. Giải thích riêng năm môn.

3. Phân biệt riêng. Mô thứ ba

- Trình bày năm môn:

1. Năm lực. Giảng nói năng

2. Hành khổ hạnh lực. thực

3. Năng lực Giữ gìn những điều khó cho chúng sinh.

4. Công đức năng lực. Tốt đẹp của

5. Hộ pháp năng lực.

Theo năng lực giảng nói vv..trở xuống ;là thứ hai. Giải thích riêng năm điều khác nhau trong mỗi môn: 1.Nhắc lại; 2. Giải thích.

Năng lực giảng nói: Nói thuyết lực là Phật nói pháp cho chúng sinh trong các thế giới ở mười phương, nên gọi là thuyết lực, cũng là trong tiếng tằng hắng nói trong kệ, giúp cho vang khắp các thế giới ở mười phương là thuyết lực. Có ba thứ v.v... trở xuống. Đầu tiên nêu chung ba thứ nói về xuất xứ của phẩm.

Nêu ra chiếc lưỡi rộng dài giúp cho nhớ nghĩ, nên hai tiếng nói cười là tằng hắng giúp cho nghe. giúp cho nghe rồi thì tu hành như thật không buông lung, nên búng ngón tay khiến chúng sinh giác ngộ, giúp người tu hành được giác ngộ. Nói nhờ chiếc lưỡi rộng dài của Như lai khác với tất cả thế gian, lời Phật chắc chắn tin được. Lại chiếc lưỡi

chính là đứng đầu trong việc nói pháp, cũng là thuyết lực, b.khiến cho họ nghe hai tiếng tằng hắng

Kinh La-thập thẳng là tằng hắng nói khóc cười, ý của luận này là phát ra tiếng tằng hắng nói kệ để cho chúng sinh mười phương nghe tu hành không buông lung. Là:giải thích năng lực khổ hạnh có hai phẩm.

Trình bày phẩm Dược vương tu hành khổ hạnh giáo hóa chúng sinh, lại trình bày phẩm Bồ-tát Diệu Âm tu hành khổ hạnh giáo hóa chúng sinh.

Hỏi: Dược vương có thể là khổ hạnh, vì sao Diệu Âm cũng gọi là khổ hạnh?

Đáp: Diệu Âm phân thân trong bốn sinh sáu đường để đem kinh giáo hóa chúng sinh và cứu giúp các hoạn nạn nên cũng gọi là khổ hạnh.là giải thích thứ ba dùng năng lực che chở hoạn nạn, cũng có hai phẩm.

Dùng năng lực bảo vệ hoạn nạn cho chúng sinh. Là nói phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm, phẩm Đà-la-ni. Quán Âm giúp đỡ những việc khó khăn cho người. Phẩm Đà-la-ni bảo vệ khó khăn cho người bằng pháp. Lại phẩm Quán Âm là bảo vệ khó khăn cho một người, Đà-la-ni bảo vệ việc khó khăn cho nhiều người.

Năng lực công đức: là nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương dựa vào công đức quá khứ của hai đồng tử kia có được năng lực như vậy. là giải thích thứ tư về năng lực tốt đẹp của công đức: Hai đồng tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn được các tam-muội, lại được sáu độ đạo phẩm, lại được thần thông hướng dẫn cha bỏ tà về chánh, dắt dẫn chúng sinh gặp Phật nghe kinh Pháp Hoa, nên nói hai đồng tử được năng lực như thế. Thứ năm là năng Hộ pháp lực:

Năng Hộ pháp lực là nói phẩm Bồ-tát Phổ Hiền và phẩm sau. Phổ Hiền chính là hộ pháp, nên văn chép: "Nếu kinh Pháp Hoa truyền bá ở đời thì đều nhờ năng lực của ngài Văn-thù." Phẩm sau là phẩm Chúc lụy, Phật giao phó cho các Bồ-tát mở mang truyền bá chánh pháp cũng là hộ phap. Lại nói thọ trì Quán Âm v.v...trở xuống là văn kinh thứ hai phân biệt năng lực hộ nạn thứ ba văn lại chia làm ba:

1. Nhắc lại kinh nêu bình đẳng.

2. Giải thích bình đẳng.

3. Kết luận bình đẳng.

Lại nói thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm và thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức Hằng hà sa Chư Phật hai công đức đó bằng nhau. Đầu tiên

Như văn kinh có hai nghĩa v.v...trở xuống là thứ hai giải thích bình đẳng trong văn kinh có hai: Trình bày hai môn và giải thích hai môn. Có hai nghĩa: Tín lực và rốt ráo biết. Nói hai môn, Tín lực là Địa tiền tín bình đẳng, Rốt ráo biết nghĩa là Đăng địa chứng bình đẳng. Từ Tín lực v.v...trở xuống là thứ hai giải thích hai môn.

Giải thích Tín lực môn.

Tín lực có hai thứ

1. Cầu thân ta tự tại, năng lực tin rốt ráo như Quán Thế Âm.

2. Đối với Bồ-tát sinh tâm cung kính, như công đức kia ta cũng rốt ráo được như thế.

Tín bình đẳng có hai:

1. Tín thân mình và thân Quán Thế Âm bình đẳng, mình và Ngài đồng một pháp thân.

2. Đức bình đẳng: Đã đồng một pháp thân lại đồng một công đức cũng là nhân bình đẳng. Sau là pháp bình đẳng, từ Rốt ráo biết v.v...trở xuống: là giải thích môn thứ hai:

Rốt ráo biết: là chắc chắn biết được pháp giới rõ nói pháp giới gọi là, pháp tánh gọi là. Pháp tánh kia Nói pháp thân bình đẳng của tất cả chư Phật, Bồ-tát, là pháp thân chân như Sơ địa Bồ-tát năng chứng, năng nhập. Nói về pháp giới, pháp tánh, pháp thân đều là tên khác, từ Sơ địa năng chứng, năng nhập bình đẳng pháp thân, nên thọ trì v.v...trở xuống: là thứ ba.Kết hợp bình đẳng

Nên thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu Chư Phật và, thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm hai thì công đức có giống nhau. Vì danh hiệu Quán Thế Âm và sáu mươi hai ức chư phật đồng chứng pháp thân bình đẳng, nên công đức bình đẳng. Hỏi ;Đồng chứng pháp thân nên bình đẳng, vì sao chỉ nói sau mươi hai ức?

Đáp:Hướng đến chỉ nêu một số. Hỏi :Chỉ nói sau chứng nhập pháp thân bình đẳng, vì sao lại nêu tín bình đẳng.

–Nêu lòng tin Địa Tiền muốn hiển bày chứng sau bình đẳng. Lại, Luận Chủ muốn giải thích chung tất cả bình đẳng. Tất cả bình đẳng không ngoài tín bình đẳng và chứng bình đẳng. Phẩm Tựa thứ nhất v.v...trở xuống. Thứ ba là nhắc lại chương môn nói về giới hạn..

Phẩm tựa thứ nhất nói thành tựu bảy thứ công đức, phẩm Phương tiện thứ hai nói có năm phần, phá hai minh và một phẩm khác dư như phân trước rất dễ hiểu. Nói phẩm như phần xứ ở trước, là phá mười bệnh và nói mười Vô thượng.

Mùa đông, ở Thiên Thai, hậu học Sa-môn Thật Quán phân hội.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 146

VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU BA ĐỀ XÁ NGUYỆN SINH KỆ

SỐ 1819
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1819

VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ NGUYỆN SINH KỆ

- Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đầu soạn và chú thích
- Đời Ngụy chùa Vĩnh Ninh,
Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người Bắc Thiên Trúc dịch.
- Đời ngụy, chùa Huyền Trung trong hang
Thạch Bích Tỉnh Tây Hà, Sa-môn Đàm Loan chú giải.

QUYỂN THƯỢNG

Xét kỹ luận "Thập Trụ Tỳ-bà-sa" của Bồ-tát Long Thọ có chép: Bồ-tát tìm cầu A-tỳ-bạt-trí có hai thứ đạo:

- Đạo khó hành.
- Đạo dễ hành.

1. Đạo khó hành: Trong cõi đời đầy năm thứ vẩn đục, vào thời không có Phật mà tìm cầu chánh định thì rất khó. Cái khó này có nhiều đường, mà dùng dăm ba lời thô thiển để chỉ bày ý nghĩa:

1. Tướng thiện của ngoại đạo làm loạn pháp Bồ-tát.
2. Các Thanh Văn vì tự lợi mà ngăn che lòng từ bi lớn.
3. Những bọn xấu ác vô lại phá hoại đức tốt của người.
4. Làm điên đảo quả lành, làm phá hoại phạm hạnh.
5. Chỉ nương vào sức mình mà không nhờ sức người

Những việc như thế ở đâu cũng thấy thì như đi đường bộ thì rất vất vả.

2. Đạo dễ hành: Tức là chỉ do nhân duyên tin Phật nguyện sinh về Tịnh độ, nương vào nguyện lực của Phật thì sẽ được vãng sinh về cõi thanh tịnh ấy, nhờ an trú vào Phật lực liền được nhập vào nhóm Đại

thừa chánh định của

- Chánh định tức là A-tỳ-bạt-trí. Ví như đi thuyền dưới nước, thì an vui. Kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá này bao gồm hết mọi nẻo cao thấp rộng hẹp, như người đi thuyền lướt gió mà không bị lui sụt.

Vô Lượng Thọ là tên khác của Đức Như Lai ở cõi Tịnh An Lạc. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngụ trong thành Vương xá và nước Xá-vệ, ở trong đại chúng nói về công đức trang nghiêm của Đức Phật Vô Lượng Thọ, lấy danh hiệu của Đức Phật ấy làm thể của Kinh. Bậc Thánh sau này là Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đậu hết sức khâm phục lời dạy của Đức Như Lai Đại Bi.

Dựa vào kinh để soạn bài kệ nguyện sinh, lại dùng lối văn xuôi nhằm giải thích lần nữa. Tiếng Phạm Ưu-ba-đề-xá ở trung quốc không có tư ngữ tương đương để dịch, nếu chỉ nêu ra một phần của ý nghĩa thì dịch là Luận. Sở dĩ không có từ ngữ tương đương để dịch là vì ở trung quốc vốn không có Phật. Như sách ở trung quốc do Đức Khổng Tử soạn thì gọi là kinh, đệ tử soạn thì đều gọi là Tử. Lịch sử, kỷ cương của đất nước thì mỗi nơi có thể lệ khác nhau. thuyết giảng nói trong mười hai bộ kinh, có kinh mang tính chất nghị luận gọi là Ưu-ba-đề-xá. Nếu các đệ tử Phật hiểu rõ lời dạy trong kinh ấy, tương hợp với nghĩa lý của Phật đã dạy thì Đức Phật cũng chấp thuận, gọi là Ưu-ba-đề-xá, xếp vào pháp tướng của Phật.

Ở đây gọi là Luận, chính là nghị luận mà thôi, đâu thể dịch đúng tên gọi này?

Lại như người nữ, đối với con cái thì gọi là mẹ, đối với anh gọi là em. Cũng thế v.v...những việc khác cũng đều tùy theo nghĩa mà có khác nhau. Như chỉ lấy tên người nữ mà luận bàn phiếm về mẹ và em vẫn không làm mất đi đại thể của người nữ, nên có thể bao gồm hết ý nghĩa cao thấp chăng? Những điều gọi là luận cũng lại như vậy. Bởi do vẫn còn giữ nguyên âm tiếng Phạm nên gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Luận này trước sau gồm có hai lớp:

- Một là phần nói chung.
- Hai là phần giải nghĩa.

1. Phần nói chung: Bao gồm hết bài kệ mỗi câu năm chữ ở phần trước.

2. Phần giải nghĩa: Từ luận rằng v.v...trở xuống là văn xuôi cho đến hết. Sở dĩ gọi là hai lớp, vì có hai nghĩa:

- Kệ dùng để tụng kinh là gom nhiếp chung.
- Luận để giải thích kệ là giải nghĩa

Vô Lượng Thọ: Chỉ cho Đức Như Lai Vô Lượng Thọ, tức tuổi thọ lâu dài không thể suy nghĩ bàn luận luận.

Kinh: là thường. Nói cõi nước An Lạc, Phật và Bồ-tát đều có công đức trang nghiêm thanh tịnh. Cõi nước có công đức trang nghiêm thanh tịnh thì có thể làm lợi ích lớn cho chúng sinh thường được lưu hành ở đời, nên gọi là Kinh.

- Ưu-ba-đề-xá là tên bộ kinh mang tính Nghị luận của Phật.

- Nguyện là nghĩa ưa thích mong muốn.

- Sinh: Bồ-tát Thiên Thân nguyện sinh về cõi tịnh An Lạc ấy, được sinh trong hoa báu thanh tịnh của Đức Như Lai, nên gọi là nguyện sinh.

- Kệ: Là nghĩa về số câu, dùng câu năm chữ để lược tụng kinh Phật nên gọi là kệ.

- Bà tẩu dịch là Thiên, Bàn đầu dịch là Thân. Vị nầy tự là Thiên Thân. Việc này trong kinh Phó Pháp Tạng có nói.

- Bồ-tát: Nếu giữ đủ nguyên âm tiếng Phạm phải nói là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là tên của Đạo Phật. Tát đỏa Hán dịch là chúng sinh, hoặc dịch là Dũng Kiện. Các chúng sinh nào cầu Phật đạo, có ý chí mạnh mà vững chắc thì gọi là Bồ Đề Tát Đỏa.

Nay chỉ nói Bồ-tát là do người dịch lược bớt. Chữ Tạo cũng gọi là Tác, bởi người soạn pháp nên gọi là người ấy tạo. cho nên nói: "Vô Lượng Thọ kinh Ưu-ba-đề-xá nguyên sinh kệ, Bà-tẩu-bàn-đầu Bồ-tát Tạo". (Bài kệ nguện sinh của kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá do. Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đầu soạn).

Giải thích danh mục của Luận đã xong.

Trong bài kệ chia làm năm niệm môn, sau đây dùng văn xuôi để giải thích.

Bài thứ nhất là bốn câu kệ, gồm có Ba niệm môn. Ba câu trên thuộc về môn Lễ bái tán thán. Một câu sau là thuộc về môn phát nguyện,

Bài thứ hai là Luận chủ tự nói con òn nương vào kinh Phật mà soạn luận, tương ưng với lời Phật dạy, đã có tông chỉ, vì sao Luận này thành tên Ưu-ba-đề-xá. Cũng là thành ba môn trên, khởi hai môn dưới, như thế là theo thứ lớp nói.

Từ bài thứ ba cho đến hết bài thứ hai mươi là thuộc về môn quán sát. Một bìa sau cùng thuộc về

Môn hồi hướng. Phân chia kệ chương môn đã xong.

Thế Tôn! con một lòng
Quy mạng khắp mười phương

Như Lai Vô Ngại Quang
Nguyện sinh cõi An Lạc.

Thế Tôn là hiệu chung của Chư Phật. Nói về Trí thì nghĩa chẳng có chỗ nào không thông đạt. Nói về sự dứt trừ thì thói quen đều dứt sạch. Trí, đoạn đầy đủ thì làm được lợi ích cho thế gian, là bậc đáng tôn trọng ở đời, nên gọi là Thế tôn.Ở đây ý nói là trở về với Đức Thích-ca Như lai. Vì sao biết được?

Vì câu sau nói: "Con nương Tu-đa-la", Bồ-tát Thiên Thân ra đời vào thời tượng pháp của Đức Thích-ca Như lai thuận theo lời dạy trong kinh của Ngài, cho nên nguyện sinh.

Nguyện sinh có tông chỉ, cho nên biết câu nói nầy là trở về với Đức Thích-ca. Nếu cho rằng ý này chỉ cho khắp cả Chư Phật thì cũng không ngại gì. Bồ-tát trở về với Phật cũng như người con hiếu thảo trở về với cha mẹ; như tôi trung trở về với Vua chúa. Động tĩnh chẳng phải mình, nổi chìm phải có lý do. Biết ân báo đức, lý nên nêu bày trước.

Lại, Sở nguyện không xem thường, nếu Đức Như lai không gia thêm sức thần uy nghiêm thì lấy gì thông đạt? Cho nên Bồ-tát cầu xin thêm năng lực oai thần, vì vậy mà nói là kính bạch.

- Con một lòng: Bồ-tát Thiên Thân là lời là tự bạch của ý nóinhớ nghĩ Đức Như lai Vô Ngại Quang, nguyện sinh về cõi An Lạc, tâm niệm nối nhau không có ý tưởng nào khác xen vào.

- Hỏi: Trong Pháp Phật nói vô ngã,` trong luận này vì sao nói Ngã?

- Đáp: Nói Ngã, có ba thứ căn bản:

1. Lời tà kiến;

2. Lời tự đại;

3. Lời thông thường.

Nay nói Ngã là do Bồ-tát Thiên Thân tự chỉ mình nên dùng lời nói thông thường, chứ chẳng phải lời nói tà kiến, tự đại.

- Quy mạng tận mười phương Vô Ngại Quang Như Lai:

- Quy mạng` thuộc về môn lễ bái.

- Tận thập phương Vô Ngại Quang Như lai thuộc về môn khen ngợi.

Làm sao biết quy mạng là Lễ bái? Bồ-tát Long Thọ soạn trong "A di đà Như lai tán"do hoặc nói là khể thủ lễ, hoặc nói là Ngã quy mạng, hoặc nói là quy mạng lễ.

Trong luận, văn xuôi của này cũng nói là tu môn năm niệm. Trong môn năm niệm thì lễ bái là thứ nhất. Bồ-tát Thiên Thân đã nguyện

vãng sinh, đâu không lễ bái?.

Cho nên biết quy mạng tức là lễ bái. Nhưng lễ bái chỉ là cung kính, không cần quy mạng, còn quy mạng thì phải lễ bái. Nếu xét kỹ việc này thì quy mạng là quan trọng. Kệ trình bày về tâm nguyện của mình nên nói là quy mạng. Luận giải về nghĩa bài kệ. Bàn rộng thích lễ bái, kia đây thành nhau đối với nghĩa càng bày rõ.

- Vì sao biết khắp mười phương Vô Ngại Quang Như lai thuộc về môn tán thán?

Trong văn xuôi ở dưới có nói.

- Thế nào là môn tán thán?

Nghĩa là xưng niệm danh hiệu A-di-đà Như lai, Đức Như Lai đó trí tướng sáng chói đúng như danh nghĩa. Vì muốn tu hành tương ưng như thật theo kinh Vô Lượng Tho do phật giảng nói ở nước xá vệ thì, phật giải thích danh hiệu A-di-đà Như lai.

Vì sao hiệu là A-di-đà?

Vì Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng chiếu khắp tất cả các cõi nước ở mười phương, không hề chướng ngại, nên hiệu là A-di-đà. Lại, Đức Phật và dân chúng trong nước ấy có tuổi thọ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên hiệu là A-di-đà.

- Hỏi: Nếu nói Đức Vô Ngại Quang Như lai có ánh sáng vô lượng chiếu khắp mười phương cõi nước không hề bị chướng ngại, thế thì chúng sinh ở thế gian này vì sao không được ánh sáng đó soi chiếu? Ánh sáng còn có chỗ không chiếu, thì đâu chẳng phải là có chỗ bị ngăn ngại ư?

- Đáp: Ngại là thuộc về chúng sinh chứ chẳng phải ánh sáng bị ngăn ngại.

Ví như ánh sáng mặt trời chiếu soi cả bốn châu trong thiên hạ, nhưng người mù thì không thấy được, chứ chẳng phải do ánh sáng mặt trời không chiếu khắp. Cũng như từ đám mây dày đặc kia, tuôn mưa xuống mà hòn đá vô tri không thấm được thì đó là do đá, chứ chẳng phải mưa không thấm ướt.

Như nói một Đức Phật là giáo chủ, hóa độ khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới là trong luận Thanh Văn nói, nếu nói Chư Phật ứng hiện giáo hoá vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương là trong luận Đại thừa nói. Bồ-tát Thiên Thân nay nói khắp mười phương vô Ngại Quang Như lai, tức là nương vào danh hiệu của Đức Như lai ấy, khen ngợi trí tưởng ánh sáng của Ngài, cho nên biết câu này thuộc về môn khen ngợi.

Nguyện sinh về cõi nước An Lạc: Câu này thuộc về môn khởi nguyện. Ý nói Bồ-tát Thiên Thân quy mạng, là quy mạng về cõi nước An Lạc kia, có nói đủ trong môn quan sát dưới đây.

- Hỏi: Trong kinh luận Đại thừa đều nói chúng sinh rốt ráo vô sinh như hư không, thế thì sao Bồ-tát Thiên Thân lại nói là nguyện sinh?

- Đáp: Nói chúng sinh vô sinh như hư không, có hai thứ:

Một, như phàm phu cho là chúng sinh thật có tức phàm phu đã thấy cho sinh tử là thật, nhưng sự thấy biết này hoàn toàn rốt ráo không thật có, như lông rùa, như hư không.

Hai, cho là các pháp do nhân duyên sinh, tức là bất sinh, không thật có, như hư không.

Bồ-tát Thiên Thân nguyện sinh là nghĩa nhân duyên.Vì nghĩa nhân duyên giả danh sinh, chẳng phải như phàm phu cho là thật có chúng sinh, thật có sinh tử.

- Hỏi: Nương vào đâu mà nói vãng sinh?

- Đáp: Ở đây người mượn danh tu môn năm niệm, niệm trước và niệm sau khởi nhân. Người mượn danh cõi uế trược, người mượn danh cõi thanh tịnh, không được quyết định một, không được quyết định khác, tâm trước tâm sau cũng như thế.Vì sao? Vì nếu một thì không có nhân quả, nếu khác thì chẳng phải nối nhau, là nghĩa pháp môn quán một quán khác, trong luận. Có nói rõ

Hạnh thứ nhất về Ba niệm môn đã xong.

Kế là thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá! Lại thành phần trên khởi kệ sau.

Con nương Tu-đa-la
Tướng công đức chân thật
Xin nói kệ tổng trì.
Hợp với lời Phật dạy.

Hạnh này, sao gọi là thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá? Sao gọi là thành ba môn trước, khởi hai môn sau?

Bài kệ chép: Con nương Tu-đa-la, hợp với lời Phật dạy. Tu-đa-la: là tên kinh Phật. Con nói về nghĩa kinh Phật hợp với kinh, được xếp vào pháp tướng của Phật nên thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá: Thành tên đã xong. Kế là thành ba môn trước, khởi hai môn sau.

Nương vào chỗ nào? Do đâu mà nương? Nương bằng cách nào? Chỗ nương vào ấy tức nương vào Tu-đa-la, vì sao lại nương?

Vì Đức Như lai là tướng công đức chân thật.

- Thế nào là nương?

Vì tu môn năm niệm hợp nhau. Thành phần trước, khởi phần sau đã xong.

- Tu-đa-la: Trong mười hai bộ kinh, đều được gọi là Tu-đa-la, nghĩa là bốn bộ A-hàm ba tạng, v.v.. Ngoài ba tạng, các kinh Đại thừa cũng gọi là Tu-đa-la. Trong luận này nói nương vào Tu-đa-la, đó là nói các kinh Đại thừa ngoài ba tạng, chẳng phải kinh A-hàm, v.v..

Chân thật có hai thứ công đức:

- Một là từ tâm hữu lậu phát sinh, không thuận theo pháp tánh, nghĩa là các cõi trời, người phàm phu thuộc về quả báo lành của trời, người, hoặc nhân hoặc quả đều là điên đảo, đều là luống dối, cho nên gọi là công đức không chân thật;

- Hai là từ Bồ-tát trí huệ thanh tịnh, làm các Phật sự thường trang nghiêm, nương vào pháp tánh hội nhập tướng thanh tịnh, là pháp không điên đảo, không luống dối, nên gọi là công đức chân thật.

Thế nào là không điên đảo?

Nghĩa là nương theo pháp tánh, thuận theo hai đế.

Thế nào là không luống dối?

Nhiếp hóa chúng sinh hội nhập cõi thanh tịnh rốt ráo, nói nguyện kệ tổng trì, hợp với lời Phật dạy.

- Trì: Tức là không tan, không mất.

- Tổng: Là dùng ít thu nhiếp nhiều

- Kệ: là nói số câu năm chữ.mỗi câu

- Nguyện: Ưa muốn vãng sinh.

- Thuyết: Là nói các luận kệ, bao gồm chung mà nói. Nói kệ nguyện sinh, giữ gìn kinh Phật, hợp với lời Phật dạy.

- Tương ưng: Ví như nắp và hộp vừa khít nhau.

Quán tướng thế giới vượt khỏi ba cõi.

Dưới đây thuộc về môn quán sát thứ tư, trong môn này chia làm hai thứ khác nhau:

1- Quán sát sự thành tựu trang nghiêm khí thế gian.

2- Quán sát sự thành tựu trang nghiêm chúng sinh thế gian.

Từ câu này trở xuống cho đến câu nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà, là thuộc về quán sự thành tựu tranh nghiêm khí thế gian.

Trong phần quán khí thế gian lại chia ra mười bảy thứ khác nhau cho đến văn đương xem. Hai câu này tức là sự thứ nhất gọi là quán sát sự thành tựu công đức trang nghiêm thanh tịnh sự.

- Thanh tịnh này là tướng chung. Đức Phật sở dĩ tạo nên công đức

thanh tịnh này vì Ngài nhận thấy ba cõi là tướng luống dối, luẩn quẩn như loài côn trùng, như con tằm nhả kén, tự trói buộc mình.

Thương thay chúng sinh bị buộc ràng mãi trong ba cõi này, đảo điên không thanh tịnh, Ngài muốn đặt chúng sinh vào chỗ không luống dối, vào nơi không bị trôi lăn, vào nơi không phải vô cùng, vào nơi thanh tịnh lớn lao, có được sự an vui rốt ráo, nên nêu ra công đức trang nghiêm thanh tịnh này.

- Thành tựu: Ý nói sự thanh tịnh ấy không thể phá hoại, không bị ô nhiễm, chẳng phải như ba cõi là sự ô nhiễm, là tướng bị phá hoại.

- Quán: Là quán sát

Kia : Chỉ cõi nước An Lạc.

- Tướng thế giới: Tướng thế giới An Lạc thanh tịnh, tướng ấy khác với tướng ở cõi dưới, vượt khỏi ba cõi.

- Đạo: Là chung vì nhân như thế thì được quả báo như thế. Quả như vậy lã nhận từ nhân như vậy, chung nhân đến quả, chung quả đáp lại nhân, nên gọi là Đạo.

* Ba cõi:.

- Một là cõi Dục. Cái gọi là sáu tầng trời cõi Dục và cõi người gồm bốn châu thiên hạ, các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

- Hai là cõi Sắc: Gồm các tầng trời Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền..

- Ba là cõi Vô Sắc: gồm có tầng trời Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ba cõi này vốn là cái nhà u tối mãi bị trôi lăn trong vòng phàm phu sinh tử, vì có sự khổ vui khác nhau ít nhiều, sự tu tập tạm thời, ngắn ngủi không giống nhau.

Tóm lại đều là pháp hữu lậu, nương vào sự tuần hoàn không có bờ bến, xen nhau sinh ra xúc thọ và bốn thứ điên đảo kéo dài, vừa nhân vừa quả, luống dối nối nhau

An lạc là do nhận từ bi chánh quán của Bồ tát sinh ra, Như lai lập nên thần lực bổn nguyện. Thai, noãn, thấp, sinh duyên theo đó hứng lấy nghiệp trói buộc lâu dài, từ đây dứt hẳn. Tiếp tục cân nhắc, bó buộc mình, không đợi khuyên bảo mà phải tự mình xem xét, siêng năng, khéo léo nhún nhường và cũng có đức độ như Ngài Phổ Hiền, là nói lời thiết thực để vượt khỏi ba cõi.

Rốt ráo như hư không
Rộng lớn không bờ mé

Hai câu này là nói sự thành tựu về lượng công đức trang nghiêm.

Đức Phật sở dĩ nêu lượng công đức trang nghiêm này, vì Ngài thấy ba cõi nhỏ hẹp, đọa vào những nơi hiểm nan, đồi núi gò nỗng, hoặc nơi cung cấm ép ngặt, hoặc đất ruộng ngăn che hiểm trở, hoặc chí cầu đi trên đường ngắn, hoặc núi sông ngăn cách, hoặc cõi nước chia ra từng bộ phận. như thế có những việc cấp bách cho nên , các Bồ-tát khởi nguyện lập nên số lượng công đức trang nghiêm này. Nguyện cõi nước của ta rộng lớn như hư không, không bờ bến.

- Như hư không: Ý nói đời vị lai tuy có nhiều nhưng cũng như hư không.

- Rộng lớn không bờ mé: Thành nghĩa như hư không ở trên, vì sao như hư không? Vì rộng lớn không có bờ mé.

- Thành tựu: Nói chúng sinh mười phương đều được vãng sinh, hoặc đã sinh về, hoặc đang sinh về, hoặc sẽ sinh về, dù rằng vô lượng vô biên nhưng rốt ráo thường như hư không, rộng lớn không bờ mé, không hề có lúc đầy, cho nên nói rốt ráo như hư không, rộng lớn không bờ mé.

- Hỏi: Như ngôi thất vuông vức một trượng của Ngài Duy-ma chứa đựng mọi thứ, đâu phải nói cõi nước không lường được mới gọi là rộng lớn?

- Đáp: Nói rộng lớn, chẳng phải lấy diện tích đất đai để làm thí dụ, chỉ nói như hư không cũng đâu cần phải hạn lượng đến vuông vức một trượng. Lại chỗ dung chứa của thật vuông vức một trượng thì ở đấy tuy hẹp mà rộng. kỹ quả báo, đâu như ở chỗ rộng mà nói rộng?

Nẻo chánh đại từ bi
Gốc lành sinh ra đời.

Hai câu này là nói sự thành tựu tánh công đức trang nghiêm. Vì sao Đức Phật lập nên tánh trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy do ái dục nên có cõi Dục, do dụng lực của thiền định duyên hợp nên có cõi Sắc cõi Vô Sắc. Ba cõi này đều bắt nguồn từ nẻo tà hữu lậu phát sinh, như giấc ngủ dài trong cõi mộng lớn, chẳng cầu mong ra khỏi. Cho nên ta khởi tâm đại bi, nguyện khi thành Phật dùng đạo chánh kiến vô thượng lập nên cõi thanh tịnh, vượt ra ba cõi.

Tánh là nghĩa căn bản, nói cõi Tịnh này thuận theo pháp tánh, không trái với nền tảng chánh pháp. Việc ấy đồng nghĩa với việc dấy khởi tánh Như lai Bảo Vương trong kinh Hoa Nghiêm. Lại nói chứa nhóm thành tánh, chỉ cho Bồ-tát Pháp Tạng chứa nhóm các pháp Ba-la-mật mà được thành tựu, cũng nói tánh là chủng tánh của bậc Thánh.

Bồ-tát Pháp Tạng ở vào thời Đức Phật Thế Tự Tại Vương, ngộ

được pháp nhẫn Vô Sinh. Bấy giờ, ở giai vị Thánh Chủng tánh ở, trong tánh đó, Ngài phát ra bốn mươi tám nguyện lớn, lập nên cõi này gọi là cõi Tịnh An Lạc, do nhân đó mà được, tức trong quả nêu nhân, nên gọi là Tánh.

Lại nói Tánh là nghĩa tất nhiên, không thay đổi. Như tánh của nước biển chỉ có một vị, các dòng chảy vào cũng hợp thành một vị, mùi vị nước biển không vì sự thêm vào kia mà thay đổi.

Lại như thân người, thể tánh vốn bất, các thứ vị thơm ngon tốt đẹp được đưa vào thân đều thành bất tịnh. người được vãng sinh về cõi Tịnh An Lạc đều được sắc thân trong sạch, tâm thanh tịnh, rốt ráo đều được pháp thân thanh tịnh, bình đẳng, vô vị, vì cõi Tịnh An Lạc thành tựu được tánh thanh tịnh.

Chánh đạo đại từ bi, gốc lành xuất thế sinh: Là đại đạo bình đẳng. Đạo bình đẳng gọi là chánh đạo, vì bình đẳng là thể tướng các pháp. Do các pháp bình đẳng nên phát tâm bình đẳng. Vì phát tâm bình đẳng, nên đạo bình đẳng. Vì Đạo bình đẳng nên đại từ bi bình đẳng.

Đại từ bi là nhân chánh của Phật đạo cho nên nói chánh đạo đại từ bi.

* Từ bi có ba duyên:

1- Duyên với chúng sinh: Là từ bi bậc thấp.

2- Duyên với các pháp: Là từ bi bậc trung.

3- Duyên với không: Là từ bi rộng lớn.

Đại từ bi là điều lành xuất thế gian.Cõi Tịnh An Lạc từ đại từ bi này mà phát sinh, nên gọi đại bi này là gốc của Tịnh độ. Kệ viết:

Gốc lành xuất thế sinh
Đầy đủ ánh sáng tịnh

Như gương vầng trời trăng Hai câu này nói sự thành tựu về hình tướng công đức trang nghiêm. Phật sở dĩ lập nên tướng công đức trang nghiêm này, vì Ngài thấy mặt trời vận hành trong bốn cõi, ánh sáng không thể bao trùm hết cả ba phương, chiếu soi đủ khắp mọi nhà, soi thấu xa không đầy mười nhận (một nhận là tám mươi thước nhà Chu), vì thế Ngài khởi nguyện giúp cho ánh sáng được đầy đủ như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, thể tánh của nó thường đầy đủ.

Cõi Tịnh An Lạc kia lại rộng lớn vô biên, ánh sáng thanh tịnh không chỗ nào không chiếu sáng đầy đủ, nên gọi là:

Đủ đầy ánh sáng tịnh
Như gương trời trăng vầng

Tánh châu báu đủ các
Diệu trang nghiêm đầy đủ

Hai câu này là nói thành tựu về vô số sự việc công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của đức Phật lại dốc lòng lập nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước dùng bùn đất để trang sức cho nhà cửa, dùng cây đá làm đền đài đẹp đẽ, hoặc khắc vàng chạm ngọc, ý nguyện không đầy khắp hoặc mưu cầu trăm ngàn thứ, chịu đủ mùi cay đắng. Thế nên Ngài khởi tâm đại bi, nguyện khi mình thành Phật, sẽ giúp cho cõi nước đủ đầy các thứ châu báu tự nhiên đẹp đẽ, quên cảnh hữu dư, tự được Phật đạo.

Sự trang nghiêm này, dẫu cho Tỳ-thủ-yết-ma được xem là một người thợ khéo léo, chứa chất những tư duy hết sức dồi dào, cũng đâu thể giữ được bức tranh đó?

Tánh là nghĩa căn bản. Chủ thể sinh ra đã thanh tịnh thì chỗ được sinh ra làm sao không thanh tịnh?

Cho nên trong kinh chép: "Hễ tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh". Cho nên nói: "Tánh châu báu đủ các, diệu trang nghiêm đầy đủ".

Ánh không nhỏ sáng ngời.
Sáng sạch Chiếu thế gian.

Hai câu này nói sự thành tựu về sắc mầu công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước hơn kém khác nhau, vì khác nhau nên hình tướng có cao thấp, đã có hình tướng cao thấp thì phải quấy liền sanh phải quấy đã sanh thì đắm chìm mãi trong ba cõi. Cho nên Ngài dấy khởi tâm đại bi phát thệ nguyện bình đẳng, nguyện cho cõi nước của mình ánh sáng tỏa chiếu đầy đủ bậc nhất không cõi nào sánh bằng, không mầu vàng các cõi trời, người thể bằng được. Nếu cả hai cõi là hơn ví như gương sáng ở bên cạnh vàng thì gương sẽ không còn hiển hiện.

Vàng với thời này so sánh với vàng thời Phật thì vàng thời nay thua xa. Vàng thời Phật so với vàng Diêm-phù-na thì vàng thì phật thua soa vàng Diêm-phù-na so với cát vàng dưới biển lớn của vua Chuyển Luân thì vàng Diêm-phù-na không còn hiển hiện. Đem cát vàng của vua Chuyển Luân mà so với núi vàng thì thứ vàng nêu trước không còn hiển hiện. Sánh núi vàng so với vàng núi Tu-di thì núi vàng kia thua xa . Vàng ở núi Tu-di so với vàng Anh Lạc của tầng trời Ba mươi ba (trời

Đao-lợi) thì vàng ở núi Tu-di thua kém. Vàng tầng trời Ba mươi ba so với vàng ở cõi trời Diệm-ma thì váng ờ tầng trờ ba mươi ba thua xa. Vàng ở tầng trời Diệm-ma so với vàng ở tầng trời Đâu-suất-đà thì vàng của Diệm-ma thua xa. Vàng trời Đâu-suất-đà so với vàng của cõi trời Hoá Tự tại thì vàng ở cõi trời đâu suốt đã thua xa . Vàng của trời Tha Hóa Tự Tại so với vàng ở tầng trời Hóa Tự Tại thì vàng của cõi trời Hoá Tự Tại thua xa.

Vàng ở tầng trời Tha Hoá Tự Tại so với vàng ở cõi An Lạc thì vàng ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại thua xa. Vì sao? Vì vàng ở cõi An Lạc là từ diệu lực của nghiệp lành vô cấu sinh ra, cho nên thanh tịnh, không nơi nào không thành tựu.

Cõi Tịnh An Lạc là do nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát đạt pháp Vô Sinh Nhẫn dấy khởi. Do Đức A-di-đà Như laï Pháp Vương thống lãnh, A-di-đà Như lai là duyên tăng thượng, cho nên nói:

"Ánh không nhơ sáng ngời,
Sáng sạch chiếu thế gian".

Chiếu sáng thế gian là hai thứ thế gian chiếu sáng.

Cỏ công đức tánh báu
Mềm mại xoay theo chiều
Chạm vào sinh ưa thích
Hơn Ca-chiên Lân-đà.

Bốn câu này gọi là nói sự thành tựu xúc công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Đức Phật lập nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước, mặc dù vàng ngọc quý giá đầy dẫy nhưng không được dùng làm y phục. Ngọc báu, gương sáng, không được chọn làm vật trang sức cho các tòa ngồi. Duyên theo đó chỉ tạo sự ưa thích ở mắt mà không tiện lợi đối với thân. Thân và mắt hai (căn), đâu chẳng phải mâu thuẫn?

Cho nên Ngài nguyện rằng: Nguyện cho cõi nước của tôi, người và trời sáu căn hòa hợp, như nước hòa với sữa, trút bỏ hết bao nhiêu sự lao nhọc vất vả. Do đó, bảy thứ báu mềm mại không chỉ làm ưa thích mắt mà còn là sự tiện lợi cho thân.

Ca-chiên-lân-đà là tên một thứ cỏ mềm mại ở nước Thiên trúc, chạm vào loại cỏ này thì sinh ra sự ưa thích, cho nên dùng để ví dụ.

Người chú giải nói: Ở cõi này, đất đá, cỏ cây mỗi vật đều có tự thể nhất định của nó. Người dịch dựa vào đâu mà khen ngợi tánh báu ấy là của cỏ? Vì loài cỏ ấy mầm lá nõn nà xoay theo chiều và nhỏ nhắn cho nên chỉ dùng loại cỏ mắt thấy đó mà thôi. Nếu tôi dịch xen vào thì sự

diễn tả sẽ́ khác nhau.

Sinh thắng lạc giả: Chạm vào Ca-chiên-lân-đà thì sinh ra sự thích thú mang tánh chất tham đắm, còn chạm vào loại cỏ báu mềm mại thì sinh tâm vui mừng ưa thích. Hai thứ khác nhau, chẳng phải hơn loại cỏ kia hay sao? Cho nên nói: "Cỏ công đức tánh báu, mềm mại xoay theo chiều, chạm vào sinh ưa thích, hơn Ca-chiên-lân-đà".

Muôn ngàn loại hoa báu
Giăng phủ khắp suối ao
Gió nhẹ động cánh hoa
Ánh sáng hòa rung rinh.

Bốn câu này là nói sự thành tựu nước công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Đức Phật khởi lên thệ nguyện này?

Vì Ngài thấy có cõi nước bị mưa lớn làm chìm đắm, sóng dữ của biển cả dâng tràn cuồn cuộn là cho mọi người kinh sợ, hoặc là ngưng đọng, hoặc đóng thành băng lớn, ép ngặt bất thường, khiến trong lòng không được an vui, lại còn có bao sự lo lắng sợ sệt.

Bồ-tát thấy như thế nên khởi tâm đại bi. Nguyện khi thành Phật thì, ở cõi nước mình nơi nào cũng đều có các dòng suối ao hồ, thường hợp với cung điện lầu gác, lại có vô số các thứ hoa báu trải rộng khắp nơi, tô điểm cho dòng nước cùng với gió nhẹ thổi từ từ, ánh sáng phát ra theo thứ lớp cảnh trí ấy, tự bản chất là sự thần diệu tuyệt vời không gì hơn, không thể diển tả hết, cho nên bài kệ chép:

Muôn ngàn thứ hoa báu,
Giăng phủ khắp suối ao,
Gió nhẹ động cánh hoa,
Ánh sáng hòa rung rinh.
Các lầu gác cung điện
Thấy mười phương vô ngại
Cây chen sáng màu khác
Lan can báuvây quanh

Bốn câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm về đất. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước với bao cảnh đồi núi, hang hốc, cây cối sông biển, nơi thì chập chùng gồ ghề, chốn thì mênh mông hoang vắng. Bồ-tát thấy như thế, phát khởi tâm đại bi, nguyện cõi nước mình đất đai bằng như lòng bàn tay, cung điện lầu gác, gương nạp mười phương, không thuộc vào đâu, cũng chẳng phải không thuộc. Cây báu, lan can báu lẫn nhau tô điểm. Cho nên nói: "các lầu gác cung điên, thấy mười phương vô ngại, cây chen

sáng khác mầu, lan can báu bao quanh”.

Vô lượng báu xen nhau
Mành lưới khắp hư không
Muôn ngàn linh réo rắt
Vang re tiếng hay ho.

Bốn câu này là gọi sự thành tựu công đức trang nghiêm về hư không. Vì sao bản nguyện của Phật phát khởi tạo nên sự trang nghiêm ấy? Vì Ngài thấy có cõi nước với vô số khói mây bụi bặm, sương mù che khắp bầu trời. Sét đánh, lửa cháy dữ dội, mưa tuôn xối xả từ trên cao đổ xuống kéo theo bao điều nguy hiểu. Rồi những cầu vòng đủ mầu sắc hiện ra trong hư không, con người lại lo sầu trăm mối, vì thế mà thường sợ hãi kinh hoàng.

Bồ-tát thấy thế nên khởi tâm đại bi: “Nguyện cho cõi nước mình có nhiều lưới báu xen nhau, mành lưới trùm khắp hư không, tiếng linh reo, tiếng chuông lắc, với đủ cung bậc trầm bỗng phát ra muôn ngàn âm thanh giảng nói đạo pháp khiến cho mọi người nghe thấy không hề nhàm chán, lại thường nhớ nghĩ đạo lý, thấy rõ công đức”. Cho nên nói: “Vô lượng báu xen nhau, mành lưới khắp hư không, muôn ngàn linh réo rắc, ra tiếng hay ho”.

Mưa hoa, y trang nghiêm
Xông tỏa vô lượng hương

Hai câu này nói là sự thành tựu công đức trang nghiêm mưa. Vì sao Phật lại phát khởi tạo lập sự trang nghiêm ấy? Vì Ngài thấy có cõi nước, trãi các thứ y phục trang nghiêm trải trên mặt đất để thỉnh mời những bậc tôn quý, hoặc trãi hương hoa quý giá nổi tiếng, để nói lên sự cung kính trong các trường hợp trên, nhưng do nghiệp cảm còn quá ít ỏi thiếu thốn nên sự việc không đạt kết quả.

Vì thế Ngài phát nguyện đại bi: “Nguyện cõi nước của tôi, thường tuôn rãi các vật này nhiều như mưa, giúp cho tâm ý chúng sinh được thỏa mãn”.

* Vì sao lấy mưa để nói?

Vì e rằng chúng sinh sẽ tham đắm, nếu thường tuôn hoa, áo, luôn như mưa thì sẽ lấp bít hư không, chẳng có gì ngăn ngại được? Cho nên mưa du như. Khi mưa rơi thì không có cái lo lắng về trường hợp nước lớn mênh mông, được phước báo an vui, đâu có vật để trói buộc các căn?

Trong kinh chép: “Ngày đêm sáu thời trong thường tuôn rãi y phục báu, hoa báu nhiều như mưa, chất báu ấy mềm mại, thì lún xuống bốn tấc hễ khi dở chân lên thì bằng phẳng lại như cũ. Dùng xong thí

chìm vào đất báu, như nước chảy xuống chỗ trũng cho nên nói: hoa đẹp y phục trang nghiêm tuôn rãi như mưa, xông tỏa vô số hương.

Mặt trời Phật tuệ chiếu
Xua mê tối cho đời.

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm ánh sáng. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì ngài thấy có cõi nước, tuy đã nhờ có ánh sáng mặt trời soi chiếu khắp chốn, nhưng ánh sáng đó không thể xua tan ngu si tăm tối.

Cho nên Ngài nguyện rằng: "Nguyện cho cõi nước của ta thường có ánh sáng chiếu soi có công năng dứt trừ sự ngu si mê tối, nhập vào trí huệ Phật, chẳng có việc gì không ghi nhớ. Cũng có thể nói rằng áng sáng ở cõi An Lạc là từ năng lực phước báo trí tuệ của Như lai khởi lên nên mới có năng lực mầu nhiệm xua tan được sự si tối cho thế gian". kinh chép: "Có cõi Phật dùng ánh sáng làm Phật sự", chính là ý này.

Vì vậy kệ chép:

"Mặt trời Phật tuệ chiếu,
Xua si tối cho đời.
Ngộ sâu xa Phạm âm
Mười phương nghe mầu nhiệm

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm âm thanh mầu nhiệm. Vì sao Phật tạo nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước tuy có được các pháp lành nhưng tiếng tăm không được truyền khắp, hoặc tiếng tăm tuy truyền nhưng lại không mầu nhiệm, hoặc có được danh tiếng mầu nhiệm vang khắp nhưng không thể giúp cho sự vật giác ngộ. Cho nên Ngài khởi lên sự trang nghiêm này.

Ở nước Thiên-trúc gọi các hạnh thanh tịnh là Phạm hạnh, gọi các lời nói mầu nhiệm là phạm lời Đất nước ấy rất quý trọng Phạm Thiên nên phần nhiều thường dùng chữ Phạm để làm việc khen ngợi. Có thể cho rằng phép tắc ở Trung quốc cũng không khác mấy với sự tôn kính Phạm Thiên.

Thinh là tiếng.

Danh là tên gọi cõi Tịnh An Lạc. Kinh chép: "Nếu người nào chỉ nghe được danh hiệu Tịnh An Lạc, dốc nguyện vãng sinh thì cũng được như nguyện". Đó gọi là chứng minh giác ngộ chúng sanh.

Thích Luận chép: "Như tịnh thế chẳng thuộc ba cõi, vì sao nói như thế?

Vì cõi An Lạc là vô dục nên chẳng phải cõi Dục. Vì cõi An Lạc là

địa cư nên chẳng phải cõi Sắc, vì là Hữu sắc cho nên chẳng phải cõi Vô Sắc. Nói chung, nghiệp riêng của các Bồ-tát đã hoàn toàn thuần thục, nên ra khỏi ba cõi mà vẫn có cõi tịnh độ gọi là Vi, tên gọi cõi ấy có thể tạo được sự khai ngộ, nên gọi là mầu nhiệm Vì vậy mà cho rằng: Ngộ sâu xa Phạm âm, mười phương nghe mầu nhiệm.

Bậc chánh giác A-Di-đà
Pháp vương khéo trụ trì

Hai câu này nói sự thành tựu công đức trang nghiêm chủ. Vì sao Phật khởi lên sự tang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước nếu loài La-sát làm vua, thì đất nước sẽ thành mục tiêu tàn sát lẫn nhau. Nếu bậc Bảo Luân ngự trị trong cung điện thì bốn cõi không còn lo sợ. Ví như, các vật lướt theo gió, đâu không có cội gốc hay sao?

Cho nên Ngài khởi nguyện: "Nguyện cõi nước của ta thường có bậc Pháp Vương, bậc Pháp Vương ấy khéo dùng năng lực tài giỏi để trị an chắc chắn".

Trụ trì: Ví như con chim Hoàng Hộc che chở chim con được an ổn, giúp cho con nó sống ngàn tuổi. Cũng như cá mẹ bảo vệ cá con, vượt qua được chỗ nước cạn không bị chết.

Cõi nước An Lạc được bậc Chánh giác ấy khéo giữ gìn, đâu có việc chẳng phải Chánh giác? Cho nên nói: "Bậc Chánh giác Di-đà, Pháp vương khéo trụ trì.

Như lai muôn hoa tịnh
Hoa chánh giác hóa sinh

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm quyến thuộc. Vì sao Ngài khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước, sự tạo tác thành thân người và sự lớn đều khởi từ ô uế, bất tịnh. Hoặc các quan lại công hầu dọc ngang một cõi, lại sinh ra thứ con cái điên cuồng, còn người trẻ ở tầng lớp thấp kém lại có tài nghệ xuất chúng. Chê cười, trách cứ là do mãi ôm lòng giận dữ. Bị sỉ nhục, hổ thẹn nên mãi giữ gìn thái độ lạnh lùng.

Vì thấy những điều đó nên Ngài phát nguyện: "Nguyện cho cõi nước ta tất cả đều từ trong hoa báu của Như lai mà sinh ra, quyến thuộc đều bình đẳng và không hề có con đường nào khác", cho nên nói: Như lai muôn hoa báu, hoa Chánh giác hóa sinh.

Ưa thích vị pháp Phật
Thiền định làm thức ăn.

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm thọ dụng. Vì sao Ngài nguyên điều này` vì Ngài thấy có cõi nước, hoặc chỉ vì

miếng ăn ngon mà phải lặn lội tìm cầu, đánh đập giết hại, hoặc để cát vào bọc cho đó là lương thực để làm phương tiện an ủi qua ngày. Than ôi! Các ngươi, thật đáng thương thay!

Cho nên Ngài khởi nguyện đại bi: "Nguyện cho cõi nước ta Phật pháp thiền định, tam-muội là thức ăn, hoàn toàn dứt hết các thứ thức ăn mang tính khổ cực của con người". Người ưa thích hương vị Phật pháp, như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh giảng nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi tiểu kiếp. Thời gian đó ở trong pháp hội, người nghe pháp cũng ngồi yên một chỗ. Sáu mươi tiểu kiếp trôi qua chỉ như khoảng thời gian bữa ăn, không có một người nào hoặc thân hoặc tâm sinh ra sự biếng lười, mệt mỏi.

Thiền định là thức ăn: Nghĩa là các vị Đại Bồ-tát thường an trụ trong tam-muội chứ không có thức ăn nào khác. Tam-muội đó là chỉ cho các người, trời kia, nếu đúng giờ ăn thì trăm thứ mùi vị thức ăn thơm ngon đã bày sẳn trước mặt. Mắt thấy sắc, mũi ngửi mùi, thân thọ sự vui thích thì tự nhiên no đủ, ăn rồi thì đi giáo hóa, nếu lúc nào cần thì hiện trở lại, những việc này có nói trong kinh Pháp Hoa, cho nên nói: "Ưa thích vị Pháp Phật, Thiền định la thức ăn".

Lìa hẳn não thân tâm,
Thường Hưỡng vui không dứt.

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm, không có các chướng nạn. Do đâu mà Phật khởi lên điều này? Vì Ngài thấy có cõi nước, buổi sáng thì được dự vào hàng ân sủng, mặc áo lễ phục chầu Vua, chiều tối thì kinh hoàng vì bị xử trị gia hình. Hoặc lúc nhỏ thì lẫn lộn trong đám dân dã quê mùa, khi lớn khôn thì trở thành bậc tu hành đức độ. Hoặc lúc lên đường thì tiếng kèn tiếng trống giục giã, trải qua rồi thì hối thúc quay về. Có biết bao nhiêu sự việc trái ngược như vậy.

Cho nên Ngài nguyện: "Nguyện cho cõi nước của ta thường được sự an vui liên tục, không bao giờ xen hở". Thân não, là những sự đói khát, nóng lạnh, giết hại. Tâm não là những việc phải trái, được mất, và ba độc tham sân si, v.v.. Cho nên nói: "Lìa hẳn não thân tâm thường, hưởng vui không dứt".

Cõi gốc lành Đại Thừa
Dứt mọi tiếng chê bai
Người nữ và căn thiếu
Người Hai thừa không sinh

Bốn câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm Đại nghĩa môn.

Môn là chỉ chung cho môn Đại Nghĩa. Đại Nghĩa là các nghĩa tiêu biểu cho Đại thừa. Như người xây dựng thành trì, được cửa thì vào, nếu người được sinh về cõi An Lạc thì thành tựu được môn Đại thừa. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước, tuy có Chư Phật, Như lai và các chúng Hiền Thánh, v.v.. Nhưng vì cõi nước vẫn đục, nên một mà phải nói thành ba. Hoặc nheo mày cười cợt, hoặc dựa theo ngón tay,lời nói mà với lấy sự chê bai.

Cho nên Ngài khởi nguyện: "Giúp cho cõi nước của ta đều thuần một vị Đại Thừa, một vị bình đẳng. Các hạt giống căn trí xấu kém, thì không bao giờ được sinh, người nữ khuyết tật ngay cả tên gọi cũng không nghe". Cho nên nói: "Đối gốc lành Đại thừa, dứt các tiếng hiềm nghi, người nữ và căn thiếu, Người Hai thừa không sinh".

- Hỏi: Theo kinh Vô Lượng Thọ giảng ở thành Vương-xá, trong bốn mươi tám lời nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng có nguyện rằng: "Nếu khi ta được thành Phật, mà tính đếm biết được số lượng các Thanh Văn trong nước, thì ta không thành Chánh giác". Đó là chứng cớ thứ nhất cho thấy có Thanh Văn.

Lại trong Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Bồ-tát Long Thọ soạn "A di đà Tán rằng: "Vượt khỏi ngục ba cõi, mắt như cánh hoa sen, chúng Thanh Văn vô lượng, cho nên cúi đầu lễ". Đó là chứng cớ thứ hai cho biết là có Thanh Văn.

Lại trong Luận "Ma-ha-diễn" chép: "Vô số các cõi Phật không đồng nhau, hoặc có cõi Phật thuần là các Thanh Văn tăng, hoặc có cõi Phật thuần là các Bồ-tát tăng, hoặc có cõi Phật vừa có Bồ-tát tăng Thanh vừa có Văn Tăng, như cõi An Lạc của Đức Phật A-di-đà. Đó là chứng cớ thứ ba xác nhận có Thanh Văn.

Trong các kinh có nói về cõi An Lạc, phần nhiều đều nói có Thanh Văn, chẳng nói là không có. Thanh Văn là một trong Hai Thừa.

Thế mà luận nói kể cả tên gọi Hai Thừa cũng không có, như thế là sao?

- Đáp: Dùng lý mà suy điều này thì ở cõi Tịnh An Lạc không thể có người Hai Thừa. Vì sao nói như vậy? Vì hễ thấy có bệnh thì có thuốc chữa, lý thường là như thế.

Kinh Pháp Hoa chép: "Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai vì xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẩn đục, nên chỉ một thừa mà phải tạm chia làm ba. Cõi Tịnh độ chẳng có năm thứ vẩn đục, nên không có ba thừa là điều đã rõ".

Kinh Pháp Hoa chép:các Thanh Văn là những người do đâu mà được giải thoát?

Chỉ là do đã lìa bỏ sự luống dối nên gọi là giải thoát. Thật ra những vị này chưa được giải thoát hoàn toàn, vì chưa chứng được đạo quả Vô thượng. Theo lý này mà suy ra một cách nghiêm túc thì A-la-hán chưa được giải thoát rốt ráo, vẫn còn phải sinh, nhưng A-la-hán này không còn sinh trong ba cõi. Ngoài Tịnh độ, ba cõi không còn có cõi nào phải sinh, do đó chỉ còn sinh về Tịnh độ mà thôi.

Như nói Thanh Văn chính là do Thanh Văn từ phương khác sinh đến, nhưng tên gốc vẫn còn gọi là Thanh Văn. Như trời Đế-thích sinh vào loài người thì họ Kiều-thi-ca, về sau này tuy đứng đầu cõi Trời, Đức Phật muốn cho tưởi biết lý do từ đâu đến, nên lúc nói chuyện với Đế-thích vẫn gọi là Kiều-thi-ca, cho nên biết Thanh Văn ấy cũng thuộc loại như thế.

Lại, trong luận này chỉ nói hạt giống Hai Thừa không sinh, nghĩa là nói cõi An Lạc không phải là nơi sinh hạt giống như Hai Thừa.Vì sao lại ngăn người Hai Thừa sinh về? Ví như giống quýt thì đem trồng không sống được ở vùng Giang Bắc, còn ở vùng sông Hà, sông Lạc thì trái cây phơi bày ra nơi gian hàng, hầu như lúc nào cũng thấy có quýt. Lại nói về chim Anh Vũ không thể bay qua vùng Lũng Tây, nhưng ở nước Triệu, nước Ngụy thì các cái gia cái lồng, cũng có chim Anh Vũ. Hai vật này nhằm nói về giống, loại kia không thích hợp theo từng vùng. Trường hợp người Thanh Văn cũng như thế, giải thích như vậy là hợp với kinh luận.

- Hỏi: Danh là để gọi sự, có sự mới có danh. Cõi An Lạc đã không có các việc của Hai Thừa, người nữ căn thiếu, thì đâu cần phải nói lại ba tên gọi này?

- Đáp: Như tâm nhu hòa của Bồ-tát có, không kham việc mạnh mẽ chê trách Thanh Văn. Như kẻ dua nịnh hoặc yếu hèn chê bai người nữ. Lại như hai mắt tuy sáng mà không nhận thức được sự việc, lại trách cứ người mù. Như tai tuy nghe nhưng nghe nghĩa mà chẳng hiểu, lại chê trách người điếc. Như lưỡi tuy nói được nhưng lời nói thì chậm chạp, lắp bắp, lại chê cười kẻ câm. Người có các căn như thế tuy gọi là đầy đủ nhưng tên gọi ấy chỉ tạo sự chê trách, nghi ngờ. Cho nên phải nói: Kể cả việc không còn có tên gọi, nhằm nói lên Tịnh độ không có các tên gọi, bị đoạt mất như thế.

- Hỏi: Suy tìm bổn nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng và những lời khen ngợi của Bồ-tát Long Thọ đều giống như việc chỉ cho chúng Thanh

Văn cõi nước kia có nhiều điều kỳ lạ, ý nghĩa ấy thế nào?

- Đáp: Các Thanh Văn dùng thực tế để chứng minh, tính ra không nên phát sinh được mầm mống căn bản của Đạo Phật. Nhưng Đức Phật đã dùng bổn nguyện thần lực không thể suy nghĩ bàn luận luận để nhiếp hóa giúp họ sinh về cõi kia, thì phải dùng thần lực để làm phát sinh đạo tâm vô thượng. Ví như con chim trấm, lặn xuống nước thì loài Cá loài trai đều phải chết. Còn con tê giác thì đụng vào nó tuy chết nhưng đều lại sống. Như thế thì không phải sinh mà lại là sinh, do đó nên nói có điều kỳ lạ.

Nhưng trong năm thứ không thể suy nghĩa bàn luận, thì Phật pháp là không thể suy nghĩ bàn luận luận bậc nhất. Đức Phật có khả năng giúp cho Thanh Văn phát đạo tâm vô thượng, sinh về cõi kia, thật là điều không thể suy nghĩ bàn luận luận tột cùng.

Nguyện cho chúng sinh vui
Tất cả đều đầy đủ

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm tất cả sở cầu luôn đầy đủ. Vì sao Phật lại khởi lên nguyện này?

Vì Ngài thấy có cõi nước hoặc tiếng tăm cao, địa vị trọng, thường bị chìm đắm trong đó mà không rõ lý do. Hoặc kẻ phu phàm tánh tình thô bỉ, mong tạo ra được con đường tốt đẹp. Hoặc tu tập yếu kém bị nghiệp chướng trói buộc, chế ngự bản thân thường bị động, cũng giống như Tiên A-tư-đà, có những việc như thế nên bị gió nghiệp xoay chuyển, không được tự tại.

Cho nên Ngài nguyện: “Giúp cho cõi nước của ta thường đầy đủ các thứ sở cầu, đều như ý nguyện”. Cho nên nói: nguyện cho chúng sinh vui, tất cả đều đầy đủ”.

Cho nên nguyện sinh về,
Cõi Phật -di-đà kia

Hai câu này kết thúc quán sát thành tựu sự mười bảy thứ trang nghiêm cõi nước, cho nên nguyện sinh. Giải thích về khí thế gian thanh tịnh, ở trên đã xong.

Kế là quán sát về chúng sinh thế gian thanh tịnh, trong môn này chia làm hai phần khác nhau.

1. Quán sát công đức trang nghiêm của A-di-đà Như lai.

2. Quán sát công đức trang nghiêm của các Bồ-tát ấy.

Trong phần quán sát công đức trang nghiêm của Đức Như lai có tám thứ, đến văn sẹ nêu ra.

- Hỏi: Có các Luận sư giải thích danh nghĩa chúng sinh, do chúng

sinh trôi lăn trong ba cõi chịu nhiều sinh tử, nên gọi là chúng sinh. Nay gọi Phật và Bồ-tát là chúng sinh có ý nghĩa thế nào?

- Đáp: Kinh chép: Một pháp có vô lượng tên gọi, một tên gọi có vô lượng nghĩa. Do chịu nhiều sinh tử nên gọi là chúng sinh. Đây là nghĩa do các Luận gia thuộc phái Tiểu thừa giải thích

Còn phái Đại thừa nói Chúng sinh là như trong Tâm kinh gọi là chẳng thêm chẳng bớt. Nói Chúng sinh là nghĩa bất sinh, bất diệt. Vì sao?

Vì nếu có sinh, sinh rồi lại sinh, thì có lỗi vô cùng. Có lỗi bất sinh mà sinh, nên nói làVô sinh. Nếu có sinh thì có diệt, đã vô sinh thì làm sao có diệt? Cho nên nói vô sinh vô diệt là nghĩa Chúng sinh. Như trong kinh nói thông đạt năm thọ, ấm là không, là Vô sở hữu, đó là nghĩa khổ, là loại chúng sinh ở đây.

Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa tịnh nhiệm mầu

Hai câu này là nói sự thành tựu tòa công đức trang nghiêm. Vì sao Phật khởi lên nguyện này?

Vì Ngài thấy có Bồ-tát đối với thân mạng cuối cùng trải cỏ mà ngồi, chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Các trời, người thấy thế thì tâm kính tin thêm lớn, phát huy lòng cung kính, sự ưa thích và việc tu hành cũng thế.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật thì vô lượng Đại Bảo Vương, đài hoa thanh tịnh mầu nhiệm để la tòa ngồi của Phật”.

- Vô lượng: Như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Bảy thứ báu trên mặt đất, có tòa báu hoa sen lớn chúa mỗi cánh hoa có trăm sắc báu, có tám muôn bốn ngàn đường gân nổi lên như nét vẽ của các vị trời, mỗi đường gân có tám mươi bốn ngàn tia sáng, cánh hoa nhỏ, tỏa rộng đến hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa nầy có tám mươi bốn ngàn cánh, giữa hai cánh có trăm ức ngọc chúa Ma-ni để tô điểm đẹp đẽ, mỗi hạt ngọc Ma-ni phát ra ngàn tia sáng, ánh sáng như cái lọng do bảy chất báu hợp thành trải khắp trên mặt đất.

Đài bằng chất báu Thích-ca-Tỳ-Lăng-già. Đài hoa sen này được tô điểm bằng tám muôn chất báu Kim Cương Chân-thúc-ca, Báu Phạm Ma-ni, lưới chân châu mầu nhiệm. Ở trên đài, tự nhiên có bốn cột báu, mỗi cột báu, như tám vạn bốn ngàn ức núi Tu-di, trên cột báu cao có màn báu như cung trời ạma, có năm trăm ức ngọc báu mầu nhiệm, để tô điểm. Mỗi viên ngọc báu, có tám mươi bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng phát ra tám mươi bốn ngàn mầu vàng khác nhau. Mỗi mầu vàng

đó, biến khắp cả đất báu cõi An Lạc, biến hóa khắp nơi, mỗi nơi phát ra mỗi tiếng khác nhau. Hoặc là đài kim cương hoặc lưới chân châu, hoặc làm nhiều thứ mây hoa ở khắp mười phương, tùy ý biến hiện, thực hành các Phật sự, những việc như thế vượt hơn số lượng.

Cho nên nói vô lượng Đại Bảo Vương, đài hoa tịnh mầu nhiệm.

Ánh sáng xa một tầm
Sắc tướng hơn chúng sanh.

Hai câu này là nói sự thành tựu thân nghiệp công đức trang nghiêm.Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm về thân nghiệp như thế? Vì Ngài thấy thân Phật, có ánh sáng chiếu xa một trượng, đối với ánh sáng ở thân người không thể hơn được. Như tướng tốt của vua Chuyển Luân phần lớn cũng đồng. Còn Đề-bà Đạt-đa thì chỉ thua có hai, đã từng xúi giục Vua A-xà-thế, làm cho vua mê loạn theo các ngoại đạo như San-xa-da,v.v... chẳng lượng sức mình, hoặc cùng loại như vậy. Cho nên thân nghiệp trang nghiêm như thế.

Xét việc chú giải nghĩa văn, ở đây cho rằng sáu thước gọi là tầm.

Như kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Thân Đức A-di-đà Như lai cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Ánh sáng của Phật chiếu xa đến trăm ức Tam thiên Đại thiên thế giới. Dịch người dùng chữ tầm để diễn tả, như vậy nghĩa không rõ ràng chăng? Người đời làm nhà không có chiều dọc ngang, dài ngắn. Nếu gọi là bề ngang thì duỗi hai cánh tay ra làm một tầm. Nếu người dịch giữ ý loại này thì dùng theo chuẩn mực của Đức A-di-đà Như lai, duỗi cánh tay ra để nói, nên gọi là một tầm. Ánh sáng tròn đầy đó cũng qua sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng ha-sa do-tuần, nên nói: ánh sáng xa một tầm,, sắc tướng hơn chúng sanh.

- Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Chư Phật Như lai là thân pháp giới, nhập vào trong tất cả tâm tưởng chúng sinh, cho nên lúc tâm họ tưởng Phật thì tâm đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thêm thân, tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật, biến Chánh Biến Tri của chư Phật là từ tâm tưởng mà sinh, nghĩa đó như thế nào?

- Đáp: Thân là do nhóm hợp lại mà thành cõi gọi là sự khác nhau. Như nhãn giới là do duyên hợp của năm nhân duyên là căn, sắc, hư không, ánh sáng, tác ý mà sinh, nên gọi là nhãn giới. Cho nên hai mắt tự vận hành theo duyên của mình, chứ không làm theo các duyên khác, do đó sự việc có khác nhau, Nhĩ giới, Tỷ giới, v.v...cũng như thế.

Nói chư Phật, Như Lai là thân pháp giới: Pháp giới là tâm pháp

của chúng sinh. Do tâm có công năng sinh ra tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi tâm là pháp giới. Pháp giới có công năng sinh ra thân tướng tốt của các Đức Như lai, cũng như sắc, v.v... có công năng sinh ra nhãn thức. Cho nên thân Phật gọi là thân pháp giới, thân này không vận hành theo các duyên khác, vì vậy nhập vào tất cả tâm tưởng chúng sinh. Khi tâm nhớ nghĩ Phật thì tâm đó là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp theo thân. Lúc tâm chúng sinh tưởng Phật thì thân tướng tốt của Phật liền hiển hiện trong tâm chúng sinh. Ví như nước yên lặng thì cảnh vật hiển bày. Nước và cảnh vật đó chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, cho nên nói thân tướng tốt của Phật tức là tâm tưởng Phật. "Tâm này làm Phật": Là nói tâm có khả năng làm Phật. "Tâm này là Phật": Tức là ngoài tâm không có Phật, ví như lửa từ cây sinh ra, lửa không thể lìa cây được. Vì không lìa cây nên có khả năng đốt cháy cây. Cây bị lửa đốt cháy thì cây chính là lửa.

Biển Chánh Biến Tri của Phật từ tâm tưởng sinh ra.

- Chánh Biến Tri là chân chánh đúng như pháp giới mà biết. Pháp giới vô tướng nên Chư Phật là vô tri. Do vô tri cho nên không có điều gì không thấu đạt. Vô tri mà thấu đạt tất cả nên gọi là Chánh Biến Tri. Cái biết này sâu rộng không thể lường tính được, nên ví như biển.

Tiếng Như lai mầu nhiệm
Âm Phạm vang mười phương

Hai câu này nói về sự thành tựu khẩu nghiệp công đức trang nghiêm. Do đâu mà bản nguyện của đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này? vì Ngài thấy có Đức Như lai danh tiếng dường như chưa phải là cao quý tột bậc. Như các ngoại đạo vốn là hạng đẩy xe cho người cũng gọi họ là Cù-đàm, hoặc âm thanh ngày thành đạo chỉ thấu đến cõi Phạm Thiên.

Vì thế nên Ngài nguyện rằng: "Nguyện khi ta thành Phật, âm thanh mầu nhiệm ban bố cùng khắp, giúp cho người nghe ngộ được pháp nhẫn". Cho nên, nói: Tiếng Như lai mầu nhiệm âm phạm nghe mười phương.

Đồng đất, nước, gió, lửa
Chẳng phân biệt hư không.

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm tâm nghiệp. Vì sao bản nguyện của Đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có Đức Như Lai nói pháp rằng: Đây đen, đây trắng, đây không đen, không trắng,´ pháp hạ, pháp trung, pháp thượng, pháp thượng thượng. Có vô lượng phẩm khác nhau như thế, dường như có

phân biệt.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật, như mặt đất đảm nhận tất cả, không có sự khác nhau về nặng, nhẹ, như nước thấm lâu, không có sự khác nhau giữa loại cỏ độc, và cỏ lành, như lửa đã thuần thục không khác nhau hôi, thơm. Ví như gió thổi không có sự khác nhau giữa ngủ thức. Như hư không bao gồm hết không có ý nghĩ mở hay đóng. Được cái bên trong những điều đó thì bên ngoài sự vật được an ổn. Hư đi thật về, vì thế cho nên dứt”. Cho nên nói: “Cùng đất, nước, lửa, gió, chẳng phân biệt hư không”.

Chúng Trời, người bất động.
Biển trí thanh tịnh hiện.

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm đại chúng. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có Đức Như lai ở chỗ giảng nói chánh pháp, đại chúng hiện đang có mặt căn tánh và sự ước muốn đều không giống nhau, đối với trí tuệ Phật hoặc lui sụt hoặc chìm mất, vì sự lãnh hội không đồng đều, nói chung là đại chúng không có sự thuần tịnh, nên Ngài khởi nguyện rằng Nguyện khi ta thành Phật, tất cả các trời, người đều từ biển trí tuệ thanh tịnh của Như laì sinh ra.

Biển là nói Trí NhấtThiết Chủng của Đức Phật sâu rộng không bờ mé, không lưu giữ các điều tạp thiện của người Hai Thừa, nên dụ như biển.

Cho nên nói: “Chúng Trời, người bất động, biển trí thanh tịnh hiện”.

Như núi chúa Tu-di
Tốt đẹp không gì hơn

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm thượng thủ. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có trường hợp trong chúng của Đức Như lai, hoặc có người hung bạo, như bọn ông Đề-bà-đạt-đa. Hoặc có vị vua cùng Phật xử trị việc nước nhưng không biết lại suy tôn Phật. Hoặc có vị thỉnh Phật, do nhân duyên khácnên lại quên. Có những việc như thế, vì năng lực của vị thương thủ không thành tựu.

Cho nên Ngài nguyện: “Khi ta thành Phật, nguyện tất cả đại chúng, không hề sinh tâm dám ngang hàng với ta. Chỉ có bậc Pháp Vương, không có hàng Tục vương”, cho nên nói: “Như núi chúa Tu-di, tốt đẹp không gì bằng”.

Trời, người chúng trường phu
Nhiễu Cung kính chiêm ngưỡng

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm chủ. Do đâu Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có Phật Như lai, mặc dù có chúng đông, nhưng trong chúng cũng có người tỏ ra thiếu cung kính. Như có một vị Tỳ-kheo nói với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni: "Nếu không giải thích mười bốn câu hỏi cho tôi, thì tôi sẽ đi học đạo khác".

Cũng như ông Cư-ca-ly chê bai Ngài Xá-lợi-phất. Đức Phật khuyên ba lần, mà ông cả ba lần đều không nghe lời. Lại như có các ngoại đạo, giả vào trong đại chúng của Phật, mà thường dò xét, tìm kiếm lỗi của Phật.

Lại như Thiên-ma ở tầng trời thứ sáu, thường gây ra mọi sự khó khăn trở ngại đối với Phật. Có vô số các việc như thế, bày tỏ hình sự không cung kính.

Cho nên Ngài nguyện: "Khi ta thành Phật, chúng trời, người thường luôn cung kính, không` có sự mệt mỏi. Cho nên chỉ nói Trời, người, Tịnh độ không có người nữ và tám bộ chúng quỷ thần". Cho nên nói: "Trời, Người chúng trượng phu, cung kính nhiễu chiêm ngưỡng".

Quán sức bổn nguyện Phật
Vượt ra lỗi vô không
Nên giúp chóng trọn đủ
Biển báu công đức lớn.

Bốn câu này nói về thành tựu công đức trang nghiêm của sự trụ trì. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có Đức Như lai chỉ lấy Thanh Văn làm Tăng, không cầu Phật đạo. Hoặc có người được gặp Phật mà không tránh khỏi việc rơi vào ba đường dữ, như các vị Thiện Tịnh, Đề- bà đạt- đa, Cư-ca-ly, v.v...

Lại như người nghe danh hiệu Phật, phát tâm cầu đạo Vô Thượng, gặp nhân duyên xấu ác liền lui sụt xuống Thanh Văn và Bích-chi-Phật. Có những người tội lỗi, người lui sụt như thế.

Cho nên Ngài nguyện rằng: "Khi ta thành Phật, những người gặp được ta, đều mau chóng có đầy đủ báu lớn vô thượng". Cho nên bài Kệ chép: "Quán sức bổn nguyện Phật, vượt ra lỗi vô không, nên giúp chóng tròn đủ, biển báu lớn công đức".

Nghĩa trụ trì như trên. Phần trên, quán sát về tám thứ công đức trang nghiêm của Phật đã xong.

Kế là quán sát sự thành tựu` bốn thứ công đức trang nghiêm của các vị Đại Bồ-tát ở cõi An Lạc.

- Hỏi: Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Như lai, còn có

chỗ thiếu sót hay sao mà phải quán sát công đức của Bồ-tát nữa?

- Đáp: Ví như có vị Vua sáng suốt thì có bề tôi hiền, lời khen vua nghiêm vua Thuấn, là vô vì nhầm để so sánh. Dù cho chỉ có vua pháp là Như lai mà không có bề tôi là Đại Bồ-tát để giúp đạo thì đâu đáng gọi là đầy đủ? Cũng như củi đống nhỏ thì lửa cháy không lớn.

Như kinh chép: "Cõi nước của Đức Phật A-di-đà, có vô lượng vô biên các vị Đại Bồ-tát như: Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v... đều có một đời sống ở cõi khác, kế mới giúp cõi Phật. Nếu có người xưng niệm danh hiệu các Ngài, quy y, quán sát như phẩm Phổ Môn trong kinh pháp Hoa nói thì không có nguyện nào không đầy đủ. Nhưng, các vị Bồ-tát ưa thích công đức như biển gồm thâu nước mọi dòng sông, không hề biết dừng đủ. Cũng như Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai nghe một vị Tỳ-kheo mù than rằng: "Ai ưa thích công đức thì hãy xỏ kim giúp tôi". Bấy giờ Đức Như lai xuất định đứng dậy, đi đến chỗ vị Tỳ kheo mù bảo rằng: "Ta rất ưa thích phước đức" Ngài liền xỏ kim cho vị Tỳ-kheo mù. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo mù không thấy ánh sáng, chỉ nghe tiếng Phật nói, vừa sợ sệt, vừa vui mừng, lần đến gần Phật bạch phật rằng: "Bạch Đức Thế tôn! Công đức của Đức Thế tôn chưa đủ hay sao?" Phật bảo: "Công đức của ta đã tròn đầy, không có chổ nào không đủ, như thân của ta đây là từ các công đức sinh, biết ân phần công đức", nên nói là ưa thích.

Như có người hỏi: Quán sát công đức của Phật, thật không có nguyện nào không đầy đủ, cho nên lại quán công đức của Bồ-tát là vì có các nghĩa như trên.

Cõi An Lạc thanh tịnh
Xe vô cấu thường xoay
Phật Bồ-tát mặt trời
An trụ như Tu-di

Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi Phật, chỉ có các vị Bồ-tát nhỏ thì không thể làm Phật sự trong các thế giới rộng lớn ở mười phương, hoặc chỉ là các Trời, Người, Thanh Văn với những lợi ích nhỏ hẹp.

Cho nên Ngài khởi nguyện: "Nguyện trong nước của ta, có vô lượng chúng Đại Bồ-tát, không lay động bổn xứ, đến khắp mười phương các thứ ứng hóa, tu hành như thật thường làm Phật sự". Ví như mặt trời ở trên cao tỏa bóng hiện trên trăm sông, mặt trời đến đó haykhông?

Như kinh Đại Tập chép: "Ví như có người khéo sửa sang các đường đê, lượng sức mình mà làm, đến khi nước chảy, sức lực của tâm không hề tăng". Bồ-tát cũng như thế.

Trước nên tạo sự ứng hợp với tất cả Chư Phật và chúng sinh nên cúng dường, nên giáo hóa, làm các thứ đường đê ngăn dứt phiền não cho đến khi nhập Tam-muội, thân tâm không dao động, tu hành như thật, thường làm Phật sự. Như Phật tu hành: Là tuy thường tu hành nhưng thật ra` không có sự tu hành.

Cho nên nói: "Cõi An Lạc thanh tịnh, xe vô cấu thường xoay, mặt trời Hoá Phật Bồ-tát, An trụ như Tu-di".

Ánh chẳng nhỏ trang nghiêm,
Một niệm và một lúc
Soi khắp hội Phật các
Lợi ích các chúng sanh.

Do đâu Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có quyến thuộc của Đức Như lai, muốn cúng dường vô lượng Chư Phật ở phương khác. Hoặc muốn giáo hóa vô lượng chúng sinh, mất đây sinh kia, trước phía Nam sau phía Bắc, không thể dùng một niệm và một thời, phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới trong mười phương để giáo hóa chúng sinh. Vì có tướng sinh ra mất đi, trước và sau.

Cho nên Ngài khởi nguyện: "Nguyện cho các vị Đại Bồ-tát ở cõi nước của ta, trong một khoảnh khắc đi khắp mười phương, làm các Phật sự. Cho nên nói: Ánh chẳng nhơ trang nghiêm, một niệm và một lúc, chiếu sáng khắp hội Phật, lợi lạc đến muôn loài".

- Hỏi: Chương trên nói thân không dao động mà đi khắp mười phương, không động mà đến, đâu chẳng phải là nghĩa một lúc hay sao? hay là khác với ở đâu?

- Đáp: Ở trên chỉ nói bất động mà đến, hoặc dung hợp mà có trước sau, ở đây nói không có trước, không có sau, đó là khác nhau, cũng là thành ý nghĩa bất động ở trên. Nếu chẳng một lúc thì là qua lại. Nếu có qua lại thì chẳng phải bất động, cho nên vì thành nghĩa bất động ở trên, nên phải quán một thời.

Mưa hoa, áo, nhạc trời
Hương diệu cúng dường thủy
Khen công đức Chư Phật
Không có tâm phân biệt.

Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi Phật, có các trời, người và Bồ-tát, chí hướng không rộng lớn, chẳng thể bao gồm khắp cả các thế giới ở mười phương không cùng tận, để cúng dường Chư Phật, Như lai và Đại chúng. Hoặc

do cõi nước của mình vốn nhơ đục, nên không dám đến cõi tịnh khác. Hoặc do chỗ ở thanh tịnh mà cõi nước thì thô lậu uế tạp. Do các việc như thế mà có vô số sự phân chia, nên đối với các chõ đục của Chư Phật, Như lai thì không thể nào cúng dường khắp hết, cũng như phát khởi gốc lành rộng lớn.

Cho nên Ngài nguyện: "Nguyện khi ta thành Phật, tất cả đại chúng Bồ-tát, Thanh Văn và các trời, người ở nước ta, khắp đến tất cả các pháp hội lớn của Chư Phật trong mười phương, thường rải tuôn nhạc trời, hoa trời, áo trời, hương trời như mưa, khéo dùng lời lẽ mầu nhiệm cúng dường, ngợi khen công đức Chư Phật". Mặc dù than thở về cõi nhơ đục, nhưng lòng đại bi của Đức Như lai chịu đựng hết, không thấy cõi Phật có các tướngnhi7 bẩn lẫn lộn. Dù rằng khen ngợi cõi Tịnh độ, nhưng Đức Như lai vô lượng trang nghiêm không thấy cõi Phật có tướng thanh tịnh, vì sao?Vì các pháp đều bình đẳng, các Đức Như Lai bình đẳng nên chư Phật gọi là Đẳng giác. Nếu đối với cõi Phật khởi tâm hơn kém, thì dù có cúng dường Như Lai, thì đó cũng chẳng phải pháp cúng dường. Thế nên nói: "Mưa hoa, áo nhạc trời, cùng hương diệu cúng dường, khen công đức Chư Phật, lìa các tâm phân biệt"

"Những thế giới nào vô
Báu Phật pháp công đức
Con Nguyện vãng sinh đều
Nêu pháp phật như Phật"

Vì sao Phật khởi lên nguyện này?

Bởi Ngài thấy có Bồ-tát tâm mêm mỏng, chỉ thích tu hành ở cõi nước có Phật, không có tâm từ bi bền chắc.

Thế nên Ngài nguyện: "Nguyện khi ta thành Phật, các vị Bồ-tát ở cõi nước của ta, đều có tâm từ bi và chí nguyện mãnh mẽ.bền chắc, có thể rời bỏ cõi thanh tịnh đến những cõi khác không có Phật - pháp - Tăng để gìn giữ sự trang nghiêm của ba ngôi báu, chỉ bày như có Phật, giúp cho hạt giống Phật ở khắp mọi nơi đều không dứt mất". Cho nên nói: Những thế giới nào vô Phật Pháp báu công đức báu, con nguyện đều vãng sinh nêu pháp phật như Phật.

Trên đây là quán sát sự thành tựu bốn thứ công đức trang nghiêm của Bồ-tát đã xong.

Kế, bốn câu cuối là môn Hồi hướng.

Con soạn luận nói kệ
Nguyện thấy Phật Di đà
Cùng khắp các chúng sanh,

Vãng sinh cõi An Lạc

Bốn câu này là Luận chủ môn hồi hướng cũa. Hồi hướng là công đức của mình ban bố cho khắp chúng sinh, đều được thấy A- Di- Đà Như Lai, vãng sinh cõi An Lạc.

Chương cú Vô Lượng Thọ Tu Đa La. Con dùng kệ tụng nói chung đã xong.

- Hỏi: Trong chương hồi hướng của Bồ-tát Thiên Thân chép: "Cùng khắp các chúng sinh vãng sinh` cõi An Lạc", ở đây chỉ cho cùng với chúng sinh nào?

- Đáp: Theo Đức Phật nói ở thành Vương xá kinh Vô Lượng Thọ, thì Phật bảo Tôn giả A-Nan: "Hằng hà sa chư Phật Như Lai trong mười phương, đều khen ngợi các công đức oai thần không thể suy nghĩ bàn luận luận của Đức Phật Vô Lượng Thọ". Nếu có các chúng sinh nghe được danh hiệu của Ngài, sinh lòng tin hoan hỷ, dù chỉ trong một niệm mà dốc lành hồi hướng, nguyện sinh về cõi ấy thì liền được vãng sinh, trụ giai vị không lui sụt, chỉ trừ năm tội nghịch lớn và chê bai chánh pháp. Nói theo đây, thì tất cả những ngoài đạo phàm phu đều được vãng sinh.

Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có chín phẩm vãng sinh: Người sinh ở phẩm Hạ hạ: hoặc có chúng sinh gây ra những nghiệp bất thiện, như tội năm nghịch, mười điều ác đủ các thứ bất thiện. Những người ngu như thế do nghiệp ác phải bị đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu các khổ không cùng. Những người ngu ấy khi chết ,gặp được Thiện tri thức an ủi, nói pháp hợp cơ cho họ nghe, dạy phải niệm Phật. Người này bị các khổ ép ngặt, không kịp niệm Phật. Thiện tri thức bảo: "Ngươi nếu không thể niệm được thì phải xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, dốc lòng như vậy tiếng niệm không thể cho dứt, đầy đủ mười niệm", xưng: "Nam mô A Di Đà Phật". Nhờ xưng danh hiệu Phật trong mỗi niệm, nên dứt trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi chết thấy được hoa sen vàng như vầng mặt trời xoay ở trước mặt người đó. Như chỉ trong khoảnh khắc một niệm liền được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Ở trong hoa sen suốt mười hai đại kiếp thì hoa sen mới nở. Các ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dùng âm thanh đại bi nói rộng về thật tướng các pháp, cùng pháp trừ diệt tội lỗi hco người ấy nghe. Người ấy nghe rồi vui mừng nên ngay đó liền phát tâm bồ đề. Đó gọi là Hạ phẩm hạ sinh. Lấy kinh này để chứng minh thì biết phàm phu chỉ được sinh hạ phẩm, chỉ cần họ không chê bai chánh pháp, có nhân duyên tin Phật thì

đều được vãng sinh.

- Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ chép: Người nguyện vãng sinh đều được vãng sinh, chỉ trừ tội năm đại nghịch và tội chê bai chánh pháp. Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: "Người gấy ra tội năm đại nghịch, mười điều ác, đủ các tội bất thiện cũng được vãng sinh". Hai kinh này nên phải hiểu thế nào?

- Đáp: Một kinh thì nêu hai thứ tội nặng: Một là tội năm đại nghịch; hai là tội chê bai chánh pháp, do gây ra hai tội nặng này nên không được vãng sinh. Một kinh nữa thì cho là: Người gây tội năm đại nghịch, mười điều ác, không nói tới tội chê bai chánh pháp, do không chê bai chánh pháp cho nên được vãng sinh.

- Hỏi: Nếu có người gây ra đủ năm tội đại nghịch nhưng không chê bai chánh pháp, trong kinh nói là được vãng sinh. Lại có một người chỉ chê bai chánh pháp mà không gây ra tội năm nghịch, lại nguyện vãng sinh. Vậy người này có được vãng sinh hay không?

- Đáp: Chỉ tội chê bai chánh pháp, cho dù không gây ra các tội khác, chắc chắn cũng không được vãng sinh. Vì sao nói điều đó vì?

Trong kinh chép: Người phạm tội năm đại nghịch, đọa vào địa ngục lớn A tỳ, chịu đủ một kiếp tội nặng. Còn người chê bai chánh pháp đọa trong địa ngục lớn A Tỳ, nếu hết kiếp này, lại bị chuyểnđến trong địa ngục lớn A Tỳ khác. Lần lượt như thế trải qua trăm ngàn địa ngục lớn A tỳ, cả Đức Phật cũng không nói về thời gian được ra khỏi. Vì tội chê bai chánh pháp là hết sức nặng nề.

Lại nữa, chánh pháp tức là Phật pháp. Những người ngu si này đã sinh lòng chê bai thì đâu có lý nào lại nguyện sinh về cõi Phật? Dù cho chỉ vì tham sinh về cõi An Lạc kia mà nguyện sinh thì cũng như tìm băng mà cho rằng không phải nước. Lửa mà không có khói thì đâu có việc ấy.

- Hỏi: Những hình tướng gọi là chê bai chánh pháp?

- Đáp: Như cho rằng không có Phật, không có pháp của Phật, không có Bồ-tát, không có pháp của Bồ-tát, những kiến thức như vậy, hoặc tự tâm mình nhận định hoặc lãnh hội từ người thì chắc chắn thứ kiến thức đó đều gọi là chê bai chánh pháp.

- Hỏi: Kể ra những việc như thế thì chỉ là việc của mình, đối với chúng sinh có gây ra những khổ não gì mà cho là nặng hơn năm tội nặng đại nghịch?

- Đáp: Nếu không có Chư Phật và Bồ-tát, nêu giảng về con đường lành của thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sinh thì làm sao

biết được nhân, lễ, nghĩa, trí, tín! Như thế thì tất cả pháp lành thế gian đều dứt, tất cả các bậc Hiền Thánh xuất thế gian đều diệt. Ông chỉ biết tội năm đại nghịch là nặng mà không biết tội năm đại nghịch ấy chính là từ chỗ không có chánh pháp mà sinh ra. Cho nên kẻ chê bai chánh pháp thì tội ấy là cực nặng.

- Hỏi: Kinh Nghiệp Đạo chép: Con đường tạo nghiệp như các cân, hễ nặng thì lôi kéo trước.

Như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Có người gây ra năm tội đại nghịch, mười điều ác, đủ các nghiệp bất thiện thì, phải bị đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp, chịu vô lượng khổ, khi chết gặp được Thiện tri thức dạy bảo, xưng niệm "Nam mô A di đà Phật" dốc lòng giúp cho âm thanh liên tục, như thế đủ mười niệm liền được vãng sinh về cõi Tịnh An Lạc, được vào cõi Chánh Định Đại Thừa, rốt ráo không hề lui sụt đối với ba đường ác và các sự khổ đều dứt hẳn. Vậy thì nghĩa kéo lôi nêu trước đó là lý như thế nào?

Lại do từ nhiều kiếp đến nay, gây ra đủ các pháp hành hữu lậu, bị trói buộc trong ba cõi, nhưng nhờ vào việc niệm danh hiệu Phật A di đà mười niệm, liền được ra khỏi ba cõi. Thế thì ý nghĩa của sự trói buộc bởi nghiệp là sao?

- Đáp: Các ông cho rằng tội năm đại nghịch, mười ác nghiệp trói buộc của chúng.vv... là nặng, cho người được sinh nơi Hạ hạ phẩm do mười niệm là nhe, nên bị chổ lôi kéo trước của tội nặng kia bị đọa vào địa ngục, bị trói buộc trong ba cõi. Nay nghĩa so sánh thì nghĩa nặng nhẹ là do tâm, do duyên, do sự quyết định chứ không do thời gian lâu hay mau, nhiều hay ít.

* Thế nào là do tâm?

Người gây ra tội kia tự mình nương vào pháp luông dối điên đảo mà dấy khởi nhận thức sai lạc. Còn mười niệm này thì nương vào các vị Thiện tri thức dùng phương tiện an ủi, được nghe pháp thật tướng mà phát sinh. Một thật một dối, đâu được so sánh? Vì như ngàn năm ở trong ngôi nhà tối tăm, như có ánh sáng dẫn đến thì ngôi nhà này liền được sáng sủa quang đãng. cái tối tăm đâu được nói là mình đã ở trong căn nhà cả ngàn năm rồi nên không chịu đi? Đó gọi là do tâm.

* Thế nào là do duyên?:

Người gây ra kia, tự nương vào tâm vọng tưởng, dựa vào quả báo đầy những phiền não luống dối của chúng sinh mà phát sinh. Còn mười niệm này thì nương vào lòng tín vô thượng, tựa vào danh hiệu công đức vô lượng, thanh tịnh chân thật, phương tiện trang nghiêm của a -di -đà

Như Lai. Ví như có người bị trúng mũi tên độc phạm đến cả gân, xương, nghe tiếng trống giục giã về thứ thuốc thần diệt trừ thì mũi tên sâu độc kia liền được nhổ ra. Vậy có thể nói rằng mũi tên sâu độc ấy đã gắng nghe được hay không đó tiếng trống lại không thể nhổ mũi tên ra được? Đây gọi là do duyên.

* Thế nào là do quyết định?:

Người gây ra kia đã nương vào tâm có sự phân biệt sau trước để phát sinh. Còn mười niệm này thì nương vào tâm không còn có sự phân biệt kia mà sinh. Đó gọi là quyết định.

So sánh ba nghĩa thì mười niệm là nặng. Nặng thì gây ra sự lôi kéo trước, nên sẽ ra khỏi ba cõi. Hai bộ kinh chỉ là diễn đạt một nghĩa mà thôi.

- Hỏi: Thời gian bao lâu gọi là một niệm?

- Đáp: Một trăm sinh diệt gọi là một sát na, sáu mươi sát na gọi là một niệm. Ở đây cho rằng niệm ấy đã không chọn lấy thời gian theo kiểu nầy. Chỉ nói là nhớ niệm Đức Phật a -di -đà, hoặc về tướng chung , hoặc là tướng riêng, tùy theo sự duyên hợp của đối tượng quán sát, tâm không hề duyên tưởng vào đối tượng khác, mười niệm nối nhau gọi là Mười niệm, việc xưng danh hiệu cũng như thế.

- Hỏi: Nếu tâm duyên theo các đối tượng khác, phải gom nhiếp nó về thì có thể biết là bao nhiêu niệm. Vả đã biết được nhiều ít thì chẳng phải là không có khoảng giữa. Nếu đừng dứt tâm chuyên chú vào tưởng, thì phải nương vào đâu để biết được là đã ghi nhớ được niệm nhiều hay ít?

- Đáp: Trong kinh nói mười niệm, là nói về sự thành hình của nghiệp, không cần biết về số lượng. Như nói con ve sầu không biết mùa Xuân mùa Thu, thế thì con sâu ấy đâu biết về thời tiết của mặt trời? Biết là nói về điều đó. Mười niệm được tạo thành cũng là sự hợp chung với thần lực mà nói điều đó. Vậy chỉ chứa niệm nối tiếp, không cho duyên theo việc khác, điều ấy có thể làm được, đâu muốn phải biết về số lượng của niệm. Nếu cần biết thì cũng phải có phương tiện, nên dùng miệng để truyền trao, không được dùng bút để diễn đạt.

Chú giải bài kệ nguyện sinh của kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá.

■

VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ NGUYỆN SINH KỆ

QUYỂN HẠ

Luận chép: Dưới đây là phần giải thích,nghĩa trong phần này có mười lớp:

1. Đại ý của nguyện kệ.
2. Khởi quán sinh tín.
3. Quán hạnh thể tướng của.
4. Tịnh nhập nguyện tâm.
5. Khéo léo nhiếp hóa.
6. Lìa chướng Bồ-đề.
7. Thuận Bồ-đề môn.
8. Danh nghĩa nhiếp đối.
9. Nguyện sự thành tựu.
10. Lợi hạnh đầy đủ.

Luận là bàn luận, y nói nguyên nhân luận bàn của kệ. Rằng là lời cho các câu dưới đây. Là luận bàn giải thích về lời kệ, cho nên luận chép:đại ý của nguyện kệ.

Kệ nguyện này nói về nghĩa gì? Là nói quán thế giới an vui của kia thấy Như lai A-di-đà nguyện sinh về cõi ấy.

1. Khởi quán sinh tín: Trong đây có hai lớp:

Nói về năng lực của năm niệm.

Nêu ra năm niệm môn.

Nói về năng lực của năm niệm: Làm sao quán, làm sao sinh tín tâm? Nếu người thiện nam hay thiện nữ tu năm niệm môn. Thực hành thành tựu rốt ráo được sinh về cõi An Lạc, thấy Đức Phật A-di-đà kia là nêu ra năm niệm môn.

Năm niệm môn là:

1. Môn lễ bái.
2. Môn khen ngợi.

3. Môn Tác nguyện.

4. Môn Quán sát.

5. Môn Hồi hướng.

Môn nghĩa là ra vào, nếu người có được môn thì ra vào không chướng ngại. Bốn niệm môn trước là môn đến cõi An Lạc thanh tịnh, một niệm môn sau là phát khởi lòng từ bi giáo hóa.

Thế nào là lễ bái thân nghiệp, lễ bái Di-đà Như lai Ứng Chánh Biến Tri. Chư Phật Như lai có vô lượng đức. Vì đức vô lượng nên đức hiệu cũng vô lượng. Nếu muốn ghi chép đủ bằng bút mực cũng không sao ghi hết. Đó là điểm mà các kinh đưa ra mười hiệu, hoặc nêu ba hiệu, đó là để thể hiện tấm lòng hết mực tôn kính. Có chuyển tải hết ý nghĩa này hay chăng? Nói về ba hiệu này là Như lai, Ứng Cúng và Chánh Biến Tri.

Như lai:

Hiểu đúng tướng pháp, nói đúng tướng pháp. Như đạo an ổn của Chư phật mà đến Đức phật này cũng đến (lai) như thế không đi vào thân hậu hữa, nên gọi là Như Lai.

Ưng:là Ưng cúng. Đức Phật tất cả kiết sử đã dứt hết được tất cả trí tuệ. Xứng đáng thọ sự cúng dường của chúng sanh trong trời, đất nên gọi là Ứng.

Chánh Biến Tri là biết tất cả Chư Phất thật không có tướng hư hoại không thêu không bớt Thế nào là không hư hoại? chỗ tâm hành dứt, đường nói năng bặt các pháp như tướng Niết-bàn bất động, nên gọi là Chánh Biến Tri. Nghĩa vô ngại quang như trong kệ trước đã giải thích. Vì ý sinh về nước kia cho nên mới nói điều này. Pháp của Bồ-tát là thường ngày ba thời, đêm ba thời lễ bái tất cả Chư Phật mười phương vào, không cần có ý nguyện sinh. Nay phải thường có ý nguyện sinh cho nên lễ Như lai, A-di-đà. Thế nào là khen ngợi, khẩu nhgiệp khen ngợi? Tán là khen ngợi, thán là tán dương. Khen ngợi là dùng miệng nên thuộc về khẩu nghiệp.

Gọi là Như lai phải đúng trí tưởng ánh sáng của Đức Như lai. Muốn đúng theo danh nghĩa đó thì tu hành chân thật mới tương ứng.

Xưng danh hiệu Như lai kia, là xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như lai.

Đúng với trí tướng ánh sáng của Đức Như lai kia:

Ánh sáng của Phật là tướng trí tuệ. Ánh sáng này chiếu soi khắp các thế giới ở mười phương không bị cản trở, có công năng xua tan hết những bóng tối mười phương cho chúng sinh, còn ánh sáng mặt trời, mặt

trăng. hạt châu chỉ chiếu soi xua tan bóng tối trong hang sâu.

Đúng với danh nghĩa kia thì phải tu hành chân thật mới được tương ưng: Danh hiệu Vô Ngại Quang Như lai kia có năng dứt bỏ vô minh cho chúng sinh, làm thoai mãn tất cả chỉ nguyện của chúng sinh nhưng co

1. Khi xưng nhớ niệm danh Ngài mà vô minh vẫn còn nên không được mãn nguyện. Vì sao? Vì không tu hành đúng như thật danh nghĩa nên không tương ưng. Thế nào không tu hành đúng như thật với danh nghĩa không tương ưng? Vì không biết Như lai là thân thật tướng hay thân vật chất. Lại, có ba thứ không tương ưng.

2. Lòng tin không được thuần thục lúc có lúc không. Tín tâm không chuyên nhất chẳng nhất định

3. Lòng tin không nối nhau, vì xen lẫn niệm khác. Ba câu này lần lượt làm thành lẫn nhau, vì lòng tin không thuần thục nên không quyết định Không quyết định nên nên không được nối nhau, cũng có thể niệm không được nối nhau, cho nên không được lòng tin quyết định. Hễ không được lòng tin quyết định, thì tâm không được thuần thục. Vì trái nhau nên gọi là tu hành như thật tương ưng đúng, cho nên luận chủ nói rằng: Con nhất tâm.

Hỏi:Tên là pháp chỉ bày, như ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu có người xưng danh hiệu Phật thì được đầu đủ nguyện vọng.

Ngón tay Chỉ mặt trăng lẽ ra có công năng phá tôi nếu ngón tay chỉ mặt trăng không thể phá tối mà xưng danh hiệu Phật thì cũng đâu thể mãn nguyện phải không?

Đáp :Các pháp có muôn ngàn khác nhau, không thể nói một mà bao gồm tất cả có khi danh tức là pháp, có khi danh khác, pháp danh là pháp. Danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát, Bát-nhã Ba-la-mật và, chương cú Đa-la-ni âm từ cấm chú v.v.... Như từ cấm thủng nói mặt trời mọc ở phương Đông vừa đỏ, vừa vàng, dú cho đến giờ dâu, giờ hơi cấm không cho mặt trời mọc, nên nó to ra khác đi, như lính đánh trận, trong miệng luôn đọc binh đấu thì đều bày la liệt phía trước. Khi binh đến đọc chín chữ này, thì thứ năm binh không bắn trúng. Bao Phát Tử nói là yếu đạo. Lại có người đau khổ thấm dần vào gân xương thì cây dừa đốt trên lửa cũng lành, hoặc có người chỉ kêu đến cây dừa cũng lành bệnh, thân ta được hiệu quả này. qua những việc gần gũi người đời ai cũng biết, huống chi cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận luận. Thí dụ diệt trừ thuốc bôi lên trống, lại là một việc. Thí dụ này đã nói từ trước, cho nên không dẫn lại. Có tên mà pháp khác, như từ ngữ ngón tay chỉ mặt trăng.

Thế nào là phát nguyện? Tâm thường phát nguyện nhất tâm chuyên niệm rốt ráo vãng sinh về cõi nước An Lạc muốn thật tu hành đúng như thật. ma-tha -ma-tha, Hán dịch là chỉ. Chỉ là dừng tâm một chỗ không làm điều ác. Dịch danh từ này nếu không nương vào đại ý thì đối với nghĩa chưa đầy đủ. Nói như vậy vì sao? Như trụ tâm ở chót mũi, cũng gọi là Chỉ. Quán bất tịnh để dứt tham, quán từ bi để dứt sân, quán nhân duyên để dứt si, như vậy v.v.... cũng gọi là chỉ. Như người sắp đi không đi cũng gọi là chỉ,chonnên từ ngữ chỉ là lâng lâng không chính thức được gọi là Sa-ma-tha. Như cây mận, cây mít, cây du, cây liễu, dù đều gọi là cây, nhưng chỉ nói cây đâu có được cây du, cây liễu ư? Sa-ma-tha gọi là chỉ có ba nghĩa.

1. Nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Như Lai, nguyện sinh về cõi nước của ngài, đây là danh hiệu Như Lai và danh hiệu cõi nước kia có công năng dứt tất cả điều ác.

2. Cõi nước An lạc vượt ngoài qua ba cõi, nếu sinh về cõi nước kia tự nhiên dứt được ba nghiệp ác của thân, miệng, ý.

3. Đức Như lai A-di-đà có năng lực dừng, cầu tâm Thanh Văn, Bích-chi-Phật. Ba thứ Chánh giao1 trụ trì .tự nhiên dứt mong này đều từ công đức chân thật của Đức Như lai sinh ra, cho nên nói muốn tu hành -ma-tha.đúng như thật

Thế nào là quán sát trí tuệ, quán sát chánh niệm, thấy kia muốn tu hành Tỳ-bà-xá-na đúng như thật?

Tỳ-bà-xá-na, Hán dịch là “Quán”. Nhưng nói rộng nghĩa quán cũng chưa đầy đủ. Phải nói thế nào? Như quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, chin tưởng v.v... đều gọi là “Quán”. Cũng như tên cây ở trên hư không được gọi là cây Xuân, cây Chá. Tỳ-bà-xá-na dịch là Quán, cũng có hai nghĩa:

1. Ở đây quán tưởng kia, có ba công đức trang nghiêm, vì công đức này chân thật, nên người tu hành cũng được công đức chân thật. Nếu người được công đức chân thật thì chắc chắn vãng sinh về cõi kia.

2. Khi được sinh về cõi tịnh kia liề thấy Phật A-di-đà, chưa chứng được tâm thanh tịnh, Bồ-tát rốt ráo chứng được pháp thân bình đẳng Bồ-tát tâm thanh tịnh, Bồ-tát thượng địa rốt ráo đồng được vắng lặng bình đẳng, cho nên nói muốn tu hành đúng như thật Tỳ-bà-xá-na.

Quán sát kia có ba thứ, thứ ấy là:

1. Quán sát công đức trang nghiêm ở cõi Phật kia.

2. Quán sát công đức trang nghiêm của Phật A-di-đà.

3. Quán sát công đức trang nghiêm của các Bồ-tát kia.

Tâm duyên vào việc này gọi là "Quán", tâm quán biết rõ ràng gọi là "sát".

Thế nào là hồi hướng không bỏ tất cả những điều khổ não của chúng sinh? là tâm thường nguyện hồi hướng làm đầu, thành tựu được tâm đại bi.

Hồi hướng có hai tướng: 1. Vãng tướng. 2. Hoàn tướng. Vãng tướng là ban công đức của mình cho tất cả chúng sinh, và nguyện cùng họ vãng sinh về cõi nước thanh tịnh của Đức Như lai A-di-đà. Hoàn tướng là khi sinh về cõi nước ấy rồi, được thành tựu năng lực phương tiện Xa-ma-tha Tỳ-bà-xá-na, vào rừng rậm sinh tử để giáo hóa tất cả chúng sinh, cùng họ hướng về Phật đạo. Vãng hay Hoàn cũng đều là cứu chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Cho nên nói hồi hướng làm đầu vì muốn được̀ thành tựu tâm đại bi.

Quán sát thể tướng, trong phần này có hai thế:

1. Khí thể.

2. Chúng sinh thế.

- Trong phần khí có ba lớp:

1. Thể tướng của cõi nước.

2. Thị hiện lợi mình, lợi người, nhập vào bậc nhất nghĩa đế, đó là thể tướng của cõi nước.

Thế nào là quán sát công đức trang nghiêm cõi Phật kia? Cõi Phật kia công đức trang nghiêm vì năng lực thành tựu không thể suy nghĩ bàn luận luận như tính chất của báu Ma-ni như ý kia giống như pháp tương đối.

Không thể nghĩ lường là chỉ chung mười bảy năng lực công đức trang nghiêm của cõi Phật kia không thể suy nghĩ bàn luận luận. Các kinh nói chung, có năm thứ không thể suy nghĩ bàn luận luận:

1. Chúng sinh nhiều hay ít không thể suy nghĩ bàn luận.

2. Nghiệp lực không thể suy nghĩ bàn luận.

3. Công lực không thể suy nghĩ bàn luận.

4. Năng lực thiền định không thể nghĩ suy bàn luận.

5. Phật pháp không thể nghĩ bàn suy luận.

- Có hai thứ năng lực:

1. Nghiệp lực: Nghĩa là Bồ-tát Pháp Tạng ra đời nghiệp lực gốc lành và đại nguyện đã thành tựu.

2. Chánh giác Pháp Vương A-di-đà khéo có năng lực giữ gìn và nhiếp phục tất cả. Những điều này không thể suy nghĩ bàn luận cũng như mười bảy điều dưới đây, mỗi tướng đều không thể suy nghĩ bàn

luận, văn sao sẽ giải thích như tính chất của báu Ma-ni như ý kia, dường như tương đối, vì muốn mượn tính chất của báu ma-ni như ý kia, để chỉ rõ tính chất cõi Phật kia không thể suy nghĩ bàn luận. Khi Chư Phật nhập Niết-bàn, dùng năng lực phương tiện để lại toiá thân xá-lợi để chúng sinh làm phước. Chúng sinh hết phước thì xá-lợi này trở thành châu báu ma-ni như ý. Châu này thường ở dưới biển cả. Đại Long Vương dùng để làm đẹp trên đầu. Nếu vua Chuyển Luân xuất hiện ở đời, vì lòng từ bi phương tiện sẽ được hạt châu này, ở trong Diêm-phù-đề làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Nếu cần cơm ăn, áo mặc, nước uống, ánh sáng, tất cả dụng cụ v.v... đều tùy theo ý muốn mà có các thứ. Vua liền để hạt châu trong sáng trên đầu cây sào phát nguyện: “Nếu tôi thật là vua Chuyển Luân thì mong hạt châu này mưa rãi xuống các vật dụng như mưa đúng như điều mong cầu hoặc khắp cả một dặm, mười dặm, hoặc trăm dặm đều đúng theo tâm nguyện của tôi”. Khi ấy trong hư không trời mưa rãi xuống tất cả vật dụng xuống như mưa, đều đúng với những điều mìnhmong cầù đầy khắp thiên hạ, tất cả đều thỏa đáng với nguyện vọng của người, nhờ năng lực của tánh báu này. cõi Phật An lạc kia cũng như vậy, vì đã thành tựu được các tính chất An lạc.

Tương tự tương đối: Năng lực của hạt châu kia, nếu người cầu mong cơm, áo, thì sẽ mưa rãi xuống tất cả cơm ăn, áo mặc như mưa đúng với ý cầu xin của người, nhưng phải mong cầu mới được. Cõi Phật kia thì không phải như vậy, vì bản chất đã đầy đủ và thành tựu, không bị nghèo thiếu. Ở đây lấy chút việc ấy làm ví dụ, nên nói là hơi giống. Hơn nữa, quả báo chỉ đáp ứng như mong cầu cơm, áo cho chúng sinh, không thể đáp ứng sự khao khát đạo Vô thượng cho chúng sinh. Báo kia đáp ứng như cầu vật chất cho chúng sinh chỉ một đời, không phải nhiều đời. Vì có những điều khác nhau như thế nên nói: là “Tương Tự”.

Nếu có người quán sát cõi Phật kia Thành tựu công đức trang nghiêm có mười bảy thứ nên biết. Mười bảy công đức ấy là:

1. Thành tựu công đức trang nghiêm thanh tịnh.
2. Thành tựu công đức trang nghiêm lượng.
3. Thành tựu công đức tánh trang nghiêm.
4. Thành tựu công đức trang nghiêm hình tướng.
5. Thành tựu công đức trang nghiêm các việc.
6. Thành tựu công đức diệu sắc trang nghiêm.
7. Thành tựu công đức trang nghiêm xúc chạm.
8. Thành tựu công đức ba thứ trang nghiêm.
9. Thành tựu công đức mưa trang nghiêm.

10. Thành tựu công đức trang nghiêm ánh sáng.

11. Thành tựu công đức trang nghiêm âm thanh hay.

12 Thành tựu công đức trang nghiêm chủ.

13. Thành tựu công đức trang nghiêm quyến thuộc.

14. Thành tựu công đức trang nghiêm thọ dụng.

15. Thành tựu công đức trang nghiêm không có các nạn.

16. Thành tựu công đức trang nghiêm đại nghĩa môn.

17. Thành tựu công đức trang nghiêm tất cả việc mong cầu đều đầy đủ.

Trước nêu ra chương môn, sau giải thích đề.

Về Thành tựu công đức trang nghiêm thanh tịnh, kệ chép:

Quán thế giới ấy trang nghiêm thanh tịnh tướng tốt đẹp hơn ba cõi. Tại saoể điều này gọi là không thể suy nghĩ bàn luận? Vì Có các phàm phu còn phiền não cũng được sinh về cõi nước thanh tịnh kia. Nghiệp ràng buộc trong ba cõi hoàn toàn không thể lôi kéo, do đó không cần dứt bỏ phiền não, nhưng vẫn được Niết-bàn, đều đó suy nghĩ bàn luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm lượng là: Kệ chép rốt ráo như hư không không có bờ mé. Vì sao nói là không thể suy nghĩ bàn luận.

Trời, người ở cõi kia nếu ý muốn cung điện lầu gác rộng hoặc một do-tuần, hoặc trăm do tuần, ngàn do tuần, hay ngàn gian, muôn gian thì, tùy theo tâm liền được thành tựu và mỗi người đều được như vậy. Chúng sinh trong các thế giới ở mười phương nguyện vãng sinh, hoặc đã sinh, đang sinh và sẽ sinh, trong khoảnh khắc một giờ, một ngày, tính số không thể biết, là nhiều hay ít. Nhưng thế giới kia thường như hư không, không có sư chèn ép, chúng sinh cõi đó ở đúng lượng như vậy, chí nguyện của họ cũng rộng lớn như hư không chẳng có hạn lượng, lượng cõi nước kia có thể thành tựu lượng tâm hạnh của chúng sinh, đâu thể suy lường được?

Thành tựu công đức trang nghiêm tánh:

Kệ chép: chánh đạo đại từ bi xuất hiện ở đời thì gốc lành sinh, thế nào là không thể suy nghĩ bàn luận?

Thí như lòai trùng ca-la-cầu-la, thân nó nhỏ nhắn, nhưng nếu có gió lớn thổi đến thì thân nó cao lớn như núi. Tùy theo gió lớn nhỏ mà thành thân tướng của mình, chúng sinh sinh về cõi An Lạc cũng như thế. Sinh vào thế giới chánh đạo kia thì thành được gốc lành xuất thế, nhập vào chánh định. Cũng như gió kia không phải thân mà thành thân, đâu thể suy nghĩ bàn luận được.

Thành tựu công đức trang nghiêm hình tướng: Kệ chép: sáng ngời

vằng vặc đầy đủ như vầng mặt trăng, mặt trời, vì sao gọi là không thể suy nghĩ bàn luận.

Hễ nhẫn nhục được đoan chánh thì tâm ta được ảnh hưởng Hễ được sinh về đó thì không có sân, nhẫn khác nhau, hình tướng dung nhan người trời đều đẹp tướng tốt ngang nhau, vì đều nhờ năng lực ánh sáng thanh tịnh. Ánh sáng ấy không phải tâm hành mà làm việc của tâm hành đâu thể suy nhĩ bàn luận được.

Thành tựu công đức trang nghiêm các việc :

Kệ chép:đầy đủ các tính chất châu báu, đầy đủ sự nhiệm mầu trang nghiêm. Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì các việc kia hoặc một thứ báu, mười thứ báu, trăm ngàn thứ báu, đều tùy theo tâm đáp ứng đầy đủ, đúng theo ý muốn. Nếu muốn nó không còn thì thoắt chốc biến mất, tâm được tự tại, có thần thông bay xa, đâu thể suy nghĩ bàn luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm sắc nhiệm mầu:

Kệ chép ánh sáng thanh tịnh rực rỡ trong sáng chói khắp người đời. Tại sao không thể suy nghĩ bàn luận?

Ánh sáng này khi gặp việc thì ánh lên thấu suốt trong ngoài. Tâm ánh sáng này thì thấu cả vô minh, sáng soi làm Phật sự, đâu thể suy nghĩ bàn luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm xúc chạm:

Kệ chép công đức bản chất của báu mềm mại như cỏ, tất cả mọi người chạm vào đều sinh ra ý nghĩ cao quý hơn cả Ca-chiên-lân-đà. Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì thông thường báu là cứng chắc nhưng ở đây thì mềm mại, chạm vào dễ chịu nên ưa thích, nhưng lại thêm lớn tâm đạo, sự việc như ái tác. Đâu thể suy nghĩ bàn luận được. Có vị Bồ-tát tên là Ái tác, hình dung xinh đẹp làm cho người sinh tâm kính mến. Người kính thương ngài hoặc được sinh lên cõi trời, hoặc phát tâm bồ-đề.

Thành tựu công đức trang nghiêm ba thứ:

Có ba việc nên biết, ấy là ba việc :

Điều thứ nhất là nước, thứ hai là đất, thứ ba là hư không. Ba thứ này sở dĩ nói chung, vì chúng đồng loại. Thế nào là nói chung:

1. Sáu đại: Đó là hư không, thức, đất, nước, lửa, gió.

2. Loại vô phân biệt: Đất, nước, lửa, gió, hư không.

Chỉ nói ba loại: Thức là một đại thuộc chúng sinh thế gian, hỏa là một đại trong không kia, dù có gió nhưng gió không thấy, được vì không có chỗ trụ. Do đó trong sáu đại, năm thứ chấp nhận có nhưng trang ng-

hiêm được, nên ba thứ này nói chung.

Thành tựu công đức trang nghiêm nước: Kệ chép muôn ngàn hoa báu rủ đầy hồ, suối chảy, gió nhẹ động hoa lá, ánh sáng xen lẫn nhau, lung linh tung tăng. Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì cõi thanh tịnh kia trời người không phải nuôi sống thân bằng nước, thì đâu cần dùng nước? Vì được sự thành tựu thanh tịnh nên không cần dùng nước để rửa, giặt, thì đâu cần dùng nước, ở cõi đó không bị bốn mùa chi phối, lúc nào khí hậu cũng điều hòa không nóng bức, thì đâu cần dùng nước? Không cần nhưng vẫn có, nên có những điều này. kinh chép: Các Bồ-tát kia và các Thanh Văn nếu vào đất báu, ý muốn nước tới chân thì ngập tới chân, muốn tới đầu gói thì nước đến đầu gối, muốn tới eo thì tới eo, muốn đến cổ thì đến cổ, muốn nước rót vào thân thì tắm một cách tự nhiên, muốn nước trở lại chỗ cũ thì nước trở lại chỗ cũ. Điều hòa không khí nóng, lạnh tự nhiên theo ý. Mở thần diệt thể sạch trừ tâm nhơ sáng vắng lặng trong, rỗng không như hư không chẳng hình tướng, diệu báu sáng chiếu, thấu suốt những nơi sâu xa. Sáng lớn, nhỏ chảy dần dần rót vào nhau, nhẹ nhàng, thong thả không chậm, không nhanh vô lượng. Sống lăn tăn, các âm thanh tự nhiên nhiệm màu tùy theo ứng sự thích đều nghe được: Hoặc nghe tiếng Phật hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, hoặc nghe tiếng vắng lặng, tiếng không, vô ngã, tiếng đại tự bi, tiếng Ba-la-mật. Hoặc nghe tiếng mười sáu pháp vô úy bất cộng, các tiếng thông tuệ, tiếng vô sở tác, tiếng chẳng sanh diệt, tiếng vô Sinh Nhẫn, cho đến tiếng cam lộ rót lên đảnh, các thứ âm thanh nhiệm mầu. Các thứ tiếng như thế ứng với những điều nghe này vui mừng vô lường. Thuận theo nghĩa thanh tịnh, dục vắng lặng chân thật. Thuận theo năng lực Tam bảo, vô sở úy, pháp bất cộng. Thuận theo thông tuệ Bồ-tát, Thanh Văn sở hành của. Không có tên ba đường khổ nạn, chỉ có tiếng an vui tự nhiên, cho nên tên cõi nước này là “An lạc”, nước này làm Phật sự, đâu thể suy nghĩ bàn luận luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm đất đai:

Kệ chép: cung điện các lầu gác thấu mười phương vô ngại trở, cây chen nhau, sáng lạ, lan can báu bao quanh khắp nơi, vì sao những điều này không thể suy nghĩ bàn luận?

Các việc kia, hoặc một thứ báu, mười thứ báu, trăm thứ báu và vô lượng thứ báu, tùy tâm thích ý trang nghiêm` đầy đủ những việc trang nghiêm này. Như gương trong sáng, mười phương cõi nước tịnh uế, các tướng nghiệp duyên thiện, ác tất cả đều hiện trong đó, trời người trong cõi nước đó đều thấy việc này. Trước cảnh tượng thành tựu tự nhiên

không khen ngợi hết, cũng như các đại Bồ-tát các bàu như tánh pháp chiếu v.v... làm mũ trong mũ báu này đều thấy Chư Phật, lại thông suốt tánh của tất cả các pháp.Lai Như khi Phật nói kinh Pháp Hoa, Ngài phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày chiếu về phương Đông một muôn tám ngàn cõi nước, đều như mầu vàng ròng, từ địa ngục A-tỳ trên đến Hữu Đảnh, chúng sinh sinh tử trong sáu đường ở các thế giới thú hướng nghiệp duyên thiện ác và thọ báo tốt xấu đều hiện trong đó, đều bao trùm những loài này, ảnh này là Phật sự, đâu thể suy nghĩ bàn luận.

Thành tựu công đức trang nghiêm hư không:

Kệ chép vô lượng báu đan xe nhau, lưới trùm khắp hư không, các thứ linh réo rắc phát ra tiêng êm tai. Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì kinh nói:

"Vô lượng lưới báu giăng khắp cõi Phật, đều dùng chỉ vàng, chân châu ngọc trăm ngàn thứ báu xen lẫn, quý lạ đẹp đẽ tô điểm trang nghiêm, chung quanh bốn bên có linh báu rủ xuống, ánh sáng rực rỡ vô cùng trang nghiêm đẹp đẽ. Tự nhiên gió công đức từ từ nổi thổi nhẹ, gió này điều hòa không lạnh không nóng, ôn hòa mát mẽ, mềm mại không mau không chậm. Gió thổi làm các màn lưới và cây báu, vang ra pháp âm nhiệm mầu, tỏa ra muôn thứ hương đức ôn hòa thanh nhả, có người nghe được đều này, các tập khí trần lao tự nhiện không còn, gió chạm vào thân thì được an vui tiếng này làm Phật sự".

Thành tựu công đức trang nghiêm mưa, Kệ chép:

Mưa hoa trang nghiêm áo vô lượng hương thơm xông khắp. Ở đây vì sao là không thể suy nghĩ bàn luận? Vì kinh nói:

Gió thổi hoa rơi đầy khắp cõi Phật, mầu sắc tùy theo thứ bậc nên không lẫn lộn, hoa rực rỡ, mềm mại tỏa ngát hương thơm. Chân bước lên thì hoa lún xuống bốn tấc, nhấc chân lên thì hoa bằng đầy trở lại như cũ, hoa xài rồi đất nứt ra, hoa vùi xuống theo thứ lớp, sạch sẽ không sót .Tùy theo thời tiết cõi đó gió thổi hoa rơi, như thế nhiều lần. Còn có các thứ hoa sen báu đầy khắp thế giới, mỗi hoa báu có trăm ngàn ức cánh, ánh sáng hoa này có vô lượng mầu sắc, hoa màu xanh có ánh sáng xanh, hoa màu trắng có sánh sáng trắng, hoa mầu đen, vàng, đỏ, tía thì ánh sáng cũng có mầu như vậy, rực rỡ sáng chói như mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi hoa tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng có mươi sáu trăm ngàn ức Phật, thân màu vàng ròng, tướng tốt xinh đẹp. Mỗi Đức phát ra trăm ngàn tia sáng, nói pháp mầu nhiệm cho khắp mười phương. Như thế mỗi Đức Phật đặt vô lương chúng sinh vào chánh đạo của Phật. Hoa là Phật sự, đâu thể suy nghĩ bàn luận.

Thành tựu công đức trang nghiêm ánh sáng, Kệ chép:

Mặt trời Phật tuệ sáng, xua tối si mê, điều này vì sao là không thể suy nghĩ bàn luận? Vì cõi kia sáng ngời từ phước báu trí tuệ Như lai tỏa ra, ai tiếp nhận được thì vô minh đen tối hoàn toàn dứt hết. Ánh sáng này chẳng phải trí tuệ thì có thể là dụng của tuệ, đâu thể suy nghĩ bàn luận được.

Thành tựu công đức trang nghiêm âm thinh, mầu nhiệm, Kệ chép:

Tiếng phạm ngộ sâu xa nhiệm mầu, khắp mười phương Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận?

Kinh chép:

Nếu người chỉ nghe nói cõi nước kia thanh tịnh an vui hết lòng nguyện vãng sinh, thì cũng được vãng sinh, nhập vào nhóm chánh định. Cõi nước này dùng danh tự làm Phật sự, đâu thể suy nghĩ bàn luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm chủ, Kệ chép:

Chánh giác A-di-đà, Pháp Vương khéo trụ trì. Điều này vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì Chánh giác A-di-đà không thể suy nghĩ bàn luận là cõi nước thanh tịnh an vui do Chánh giác A-di-đà kia khéo dùng năng lực trụ trì, làm sao nghĩ bàn được? Trụ là bất dị, bất diệt. Trì là không tan không mất. Như dùng thuốc không mục nát để ướp hạt giống, bỏ vào nước không thối rữa, vào lửa không cháy, gặp nhân duyên thì sinh. Vì sao? Vì năng lực thuốc không hư hoại. Nếu người vừa sinh về cõi thanh tịnh an vui, về sau phát nguyện sinh trở lại ba cõi để giáo hóa chúng sinh. Bỏ mạng sống cõi tịnh, theo nguyện thọ sinh, dù sinh trong ba cõi, sống len lõi trong nước lửa nhưng hạt giống vô thượng Bồ-đề hoàn toàn không mất. Vì sao? Vì đi thẳng đến chánh giác A-di-đà khéo trụ trì.

Thành tựu công đức trang nghiêm quyến thuộc, Kệ chép:

Như lai chúng tịnh hoa Chánh giác, hóa hóa sinh. Điều này tại sao không thể suy nghĩ bàn luận? Hễ sinh trong thế giới lẫn lộn, hoặc sinh bằng thai, bằng trứng, bằng ẩm ướt, bằng hiếu hóa, bao nhiêu quyến thuộc, chịu ngàn muôn khổ vui, vì nghiệp lẫn lộn. Cõi nước An Lạc kia đều hóa sinh trong tịnh hoa Chánh giác của Như lai A-di-đà đồng một niệm Phật không cócon đường nào khác. Xa chung cả trong bốn biển đều là anh em, quyến thuộc, đâu thể suy nghĩ bàn luận.

Thành tựu công đức trang nghiêm thọ dụng, Kệ chép:

Ưa thích pháp Phật, thiền tam-muội thức ăn. Điều này vì sao gọi là không thể suy nghĩ bàn luận? Không ăn nhưng nuôi được mạng sống,

vì đã có trí tuệ thì đâu chẳng phải Như lai đã đầy đủ bản nguyện hay sao? Nương theo mạng sống Phật để duy trì mạng sống của ta, đâu thể suy nghĩ bàn luận?

Thành tựu công đức trang nghiêm không có các điều khó khăn, kệ chép:

Thân tâm lìa hẳn não hưởng vui, thường không dứt. Điều này vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì kinh chép: Thân là đồ chứa khổ, tâm là mối lo buồn, nhưng kia có thân tâm mà hưởng vui không dứt đâu thể suy nghĩ bàn luận luận.

Thành tựu công đức trang nghiêm đại nghĩa mon, kệ chép:

Cõi Gốc lành Đại thừa đều không có chê bai, người nữ và căn thiếu, giống hai thừa chúng sinh. Của báu cõi tịnh xa lìa hai lỗi che bai nên biết: Một là thể, hai là danh. Thể có ba thứ:

1. Người Hai Thừa.
2. Người nữ.
3. Người các căn không đủ.

Vì Không ba lỗi này nên danh lìa thể chê bai, danh cũng có ba thứ, chẳng những khôngcó ba thể, mà cho đến không nghe các tên: Hai Thừa, người nữ, các căn không đủ, ba thú danh nên gọi là lìa danh từ chê bai. Tất cả mọi người đều bình đẳng một tướng. Vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì các vị trời đều đựng chung cơm một bát nhưng có mầu sắc khác nhau là tùy theo phước của nói vị, hể họ ấn chân xuống đất thì biết là vàng hay gạch. Nếu có người nguyện vnãg sinh, vốn là phẩm ba ba, nay không có một hai khác nhau, cũng như nước biển. Tuy chỉ một vị, đâu thể suy nghĩ bàn luận.

Thành tựu công đức trang nghiêm sở cầu đầy đủ, Kệ chép:

Chúng sinh nguyện ưa thích, tất cả đều đầy đủ. Ở đây vì sao không thể suy nghĩ bàn luận? Vì trời, người ở nước kia nếu muốn vãng sinh về vô lượng cõi Phật ở thế giới phương khác thì phải cúng dường chư Phật và Bồ-tát, phải cúng dường đầy đủ đều đúng với bản nguyện. Lại nữa, muốn xả tuổi thọ ở đó sinh về cõi khác tự tại dài ngắn, tùy nguyện đều được. Chưa đến địa vị tự tại, nhưng đồng với dụng tự tại, đâu thể suy nghĩ bàn luận được.

Nói về tự lợi, lợi tha.

Lược nói về sự thành tựu mười bày thứ trang nghiêm công đức. Như lai thị hiện thành tựu tự thân làm lợi ích lớn và năng lực công đức, thành tựu công đức lợi ích cho người. Lược nói là trình bày công đức cõi tịnh kia nhiều vô lượng, không phải chỉ mười bảy thứ. Như núi Tu-

di nhét vào hạt cải, biển cả chứa trong lỗ chân lông. Há là sự nhiệm màu của núi biển chẳng? Sức mảy lông của hạt cải chăng? Đâu phải sự nhiệm mầu, cho nên mười bảy thứ dầu nói lợi tha, nghĩa tự lợi cũng như vậy, rất dễ hiểu.

Nhập vào nhất nghĩa đế. bậc

Cõi Phật Vô Lượng Thọ kia trang nghiêm cảnh giới tướng nhiệm màu bằng bậc nhất nghĩa đế và nói mười sáu câu và một câu thứ lớp. Nên biết bậc nhất nghĩa đế là pháp duyên khởi của Phật. Đế này là cảnh nghĩa, cho nên trang nghiêm bằng mười sáu câu gọi là tướng cảnh giới nhiệm mầu trang nghiêm được nghĩa này là quán khí tịnh, chung và riêng mười bảy quán hạnh thứ lớp. Thế nào là khởi thứ lớp, dựng chương ngôn Quy Mạng Vô Ngại Quang Như lai, nguyện sinh về cõi An Lạc, trong đây có nghi rằng sanh laà gốc của hu74,là đầu của các ương luy, bỏ danh nguyện sanh sanh đâu thể cùng tận:là giải thích nghĩa nầy, cho nên phải quán Thành tựu công đức trang nghiêm cõi tịnh. Nói cõi tịnh kia là sinh trong bản nguyện vô sinh thanh tịnh của Như lai A-di-đà không phải như sinh vào ba cõi luống dối. Vì sao nói những điều này? vì pháp tánh thanh tịnh hoàn toàn Vô sinh, nói sinh là thức của phàm phu thì trên mất thân vô vi, năng vi, dưới chắc chắn suy mê trong ba không bất không. Căn bại hoại mắt hẳn gào thét rung chuyển cõi Tam Thiện, không trở lại không hồi phục được sự hổ thẹn nầy. Thể sinh lý gọi là cõi tịnh, nhà tịnh độ là mười bảy câu. Trong mười bảy câu chung riêng chia hai: câu đầu là tướng chung, là cõi Phật thanh tịnh vượt ngoài ba cõi. Vượt ngoài ba cõi có tướng gô, Thành tựu mười sáu thứ công đức trang nghiêm dưới là tướng. Lượng rốt ráo bằng hư không, rộng lớn không bờ mé. Đã biết được lương, lương này lấy gì làm gốc? Cho nên phải quán tánh, tánh nghĩa là gốc. Cõi tịnh kia sinh ra từ chánh đạo, đại từ bi gốc lành xuất thế, đã nói gốc lành xuất thế, gốc lành này sinh ra các tướng gì? Cho nên phải quán hình tướng trang nghiêm. Đã biết hình tướng thì phải biết thể của hình tướng là gì? Cho nên phải quán các việc, đã biết các việc thì, phải biết những việc hình sắc nhiệm mầu. Thì sắc này có xúc gì? Cho nên phải quán xúc, đã biết thân xúc, thì phải biết nhẫn xác xúc, thì cho nên phải quán đất, hư không để trang nghiêm ba việc. Đã biết nhãn xúc thì phải biết tỷ xúc, cho nên phải quán áo đẹp hương xông. Đã biết nhãn, tỷ, xúc phải biết lìa nhiễm, cho nên phải quán Phật tuệ sáng ngời, đã biết năng lực trí tuệ thanh tịnh vang xa. Đã biết danh tiếng phải biết ai là tăng thượng, cho nên phải quán chủ. Đã biết có chủ thì ai là quyến thuộc, cho nên phải quán quyến thuộc, phải

quán thọ dụng. Đã biết thọ dụng, thì phải biết thọ dụng này là hữu nạn hay vô nạn, cho nên phải quán không có các nạn, vì sao Vì không có các nạn nên phải quán đại Nghĩa Môn thì. Đã biết Đại Nghĩa Môn, phải biết Đại nghĩa Môn có tròn này hay không, cho nên phải quán sở cầu sung túc. Hơn nữa, mười một câu chẳng những chỉ giải thích nghi, mà phải quán thành tựu mười bảy thứ trang nghiêm này, mới sinh được lòng tin chân thật, chắc chắn được sinh về cõi Phật An Lạc kia.

Như nói biết sinh là Vô sinh, đúng là sinh phẩm thượng nếu hạ hạ phẩm nương mười niệm vãng sinh, đâu chẳng chấp nhận thật sinh hay chăng? Nhưng chấp nhận thật sinh thì rơi vào hai chấp: Một là sợ không được vãng sinh, hai là sợ lại sinh mê hoặc, thí như phén lóng nước vào nước đục, thì nước liền trong. Nếu người dù có tội sinh tử không lường, nghe được danh hiệu A-di-đà Như lai chí cực vô sinh hạt ngọc thanh tịnh, buông bỏ tâm nhơ , trong niệm niệm tội diệt, tâm thanh tịnh, liền được vãng sinh. Lại như hạt ngọc ma-ni thanh tịnh gói trong giẻ rách vàng đen bỏ vào nước thì nước liền vàng đen như mầu sắc của vật, cõi Phật thanh tịnh kia có bảo châu vô thượng A-di-đà Như lai, dùng lụa bọc thành tựu công đức trang nghiêm vô lượng, để thấy sinh thành trí Vô sinh chăng? Lại, như lửa trên băng, lửa hừng hực thì băng tiêu, băng chảy thì lửa tiêu, bậc hạ phẩm kia dù không biết pháp tánh Vô sinh nhưng xưng danh hiệu Phật thì được vãng sinh, ý nguyện sinh sinh về cõi kia. Cõi kia là thế giới vô sinh, thấy lửa tự nhiên diệt, hai là quán Bồ-tát. Quán phật

Thế nào là quán Phật Thành tựu công đức trang nghiêm? Quán Phật Thành tựu công đức trang nghiêm là có tám tướng. Nên biết nghĩa quán này đã nói ở bài kệ trước, tám tướng ấy là:

1. Thành tựu công đức trang nghiêm tòa ngồi.
2. Thành tựu công đức trang nghiêm thân nghiệp.
3. Thành tựu công đức trang nghiêm khẩu nghiệp.
4. Thành tựu công đức trang nghiêm ý nghiệp.
5. Thành tựu công đức trang nghiêm đại chúng.
6. Thành tựu công đức trang nghiêm thượng thủ.
7. Thành tựu công đức trang nghiêm chủ .
8. Thành tựu công đức trang nghiêm không hư hoại tạo nên sự giữ gìn.

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm tòa ngồi?

Kệ chép:

Vô lượng đài hoa tịnh

Mầu nhiệm Đại Bảo Vương.

Nếu muốn quán tòa phải nương theo kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm thân nghiệp?

Kệ chép:

Tướng tốt sáng một tầm
Sắc tượng hơn chúng sinh.
Nếu muốn quán thân Phật
Phải nương kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm khẩu nghiệp?

Kệ chép:

Tiếng nhiệm mầu Như lai
Âm phụm khắp mười phương.

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm tâm nghiệp?

Kệ chép:

Đồng đất, nước, gió, lửa,
Hư không, vô phân biệt.

vô phân biệt là không có tâm phân biệt. Phàm phu chúng sinh gây ra do ba nghiệp thân, miệng, ý trôi lăn trong ba cõi không cùng tận. Cho nên Chư Phật, Bồ-tát trang nghiêm ba nghiệp thân, miệng, ý, để đối trị ba nghiệp luống dối của chúng sinh. Thế nào là dùng nó để giáo hóa chúng sinh. Vì còn chấp thân nên thọ thân ba đường, thân thấp hèn, thân xấu xí, thân tám nạn, thân trôi lăn. Những chúng sinh như thế thấy thân tưởng tốt sáng ngời của đức Như lai thì các hân bị nghiệp trói buộc đều được giải thoát, vào nhà Như lai hoàn toàn được thân nghiệp bình đẳng. Chúng sinh vì kiêu mạn nên chê bai chánh pháp, hủy nhục Hiền Thánh, làm tổn thương bậc tôn trưởng, những hạng người như thế phải chịu khổ rút lưỡi, khổ câm ngọng, khổ nói giáo pháp không được, khổ không được danh thơm tiếng tốt, chúng sinh chịu những điều khổ như vậy nghe danh hiệu chí đức A-di-đà Như lai, nói pháp thanh thì những khẩu nghiệp ràng buộc trên đều được giải thoát. Vào nhà Như lai hoàn toàn được khẩu nghiệp bình đẳng. Chúng sinh vì tà kiến nên tâm sinh phân biệt. Hoặc có, hoặc không, hoặc phải hoặc trái, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc đây, hoặc kia, có các thứ phân biệt như thế. Vì phân biệt nên đắm chìm mãi trong ba cõi, phải chịu những thứ khổ phân biệt, khổ lấy bỏ, ngủ mãi trong đêm dài không có ngày ra. Các chúng sinh này nếu gặp A-di-đà Như lai thì những chúng sinh bình đẳng, hoặc nghe A-di-đà Như lai y nghiệp bình đẳng như, thì các chúng sinh bị nghiệp trói buộc nầy đều được giải thoát, vào nhà Như lai rốt

ráo được ý nghiệp bình đẳng.

Hỏi: Tâm là tướng hiểu biết, vì sao được xem là đồng với đất, nước, lửa gió vô phân biệt?

Đáp: Tâm dù biết tướng nhưng nhập vào thật tướng thì không biết. Ví như bản chất của rắn là hình cong nhưng khi vào ống tre chui thì thẳng. Như kim đậm hoặc bị ong, bò cạp chích thì có giác biết. Hoặc đĩa hút máu, hoặc dao bén cắt thì không có giác biết. Như thế,v.v... biết hay không biết đều thuộc về nhân duyên. Nếu thuộc về nhân duyên thì chẳng biết đều là biết. Tâm nhập vào thật tướng có thể giúp cho không biết, làm sao có được trí Nhất thiết chủng?

Tâm phàm phu hể có chỗ biết thì có chỗ không biết, tâm bậc thánh không biết nên biết tất cả, không biết mà biết, biết tức không biết.

Hỏi: Đã nói không biết nên biết tất cả, nếu người biết tất cả, đâu không phải biết các pháp hay sao? Đã biết các pháp, thì sao còn.

Nói không có phân biệt?

Đáp: Tướng các pháp đều nhu huyễn hóa. Nhưng huyễn hóa mà voi, ngựa đều có cổ dài, mũi, tay, chân khác nhau. Nhưng người trí nhìn nó, đâu thể nói nhất định có voi, ngựa để phân biệt ?

Thành tựu công đức trang nghiêm đại chúng là thế nào?

Kệ chép:

Trời người chung một bất động thanh tịnh, biển trí sinh.

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm thượng thủ?

Kệ chép:

Như núi Tu-di chúa đẹp chẳng núi nào hơn

Thế nào là thành tựu công đức trang nghiêm Chủ?

Kệ chép:

Người trời chúng trượng phu,
Kính vây quanh chiêm ngưỡng.

Thề nào là thành tựu công đức trang nghiêm không hư hoại giữ gìn tồn tại?

Kệ chép:

Quán sức bản nguyện Phật,
Gặp mà không luống qua
Làm cho mau đầy đủ

Biển báu lớn công dức. Thành tựu công đức không sống không giữ gìn tồn tại là do năng lực bản nguyện của đức Như lai A-di-đà. nay sẽ trình lược bày tướng luống làm, không giữ tồn tại. Dùng nghĩa này để nói sơ chẳng luống giữ gìn tồn tại. Có người nhường thức ăn nuôi học

trò, hoặc chất đầy trong thuyền, chứa ngập kho vàng, nhưng vẫn bị chết đói, việc như vậy ở đâu cũng có. Được nhưng không tạo, có được nhưng không phải giữ để tồn tại, đều do nghiệp luống dối, tạo nên không thể giữ gìn. Nên nói bất hư thì giử gìn được. Theo bản Pháp Tạng: Bồ-tát có bốn mươi tám nguyện, ngày nay đức Như lai A-di-đà thần lực tự tại, chuyên dùng năng lực để thành, năng lực dùng nguyện để đạt. Nguyện thành tựu, thì năng lực cũng không xây dựng trên rỗng không. Năng lực và thệ nguyện phối hợp nhau, hoàn toàn không sai lấm cho nên nói là thành tựu.

Thấy đức Phật kia chưa chứng, Bồ-tát tâm thanh tịnh rốt ráo chứng được pháp thân bình đẳng cùng với Bồ-tát tâm thanh tịnh các Bồ-tát thượng địa rôr1 ráo đồng được vắng lặng bình đẳng. Pháp thân bình đẳng là Bát địa trở lên đến pháp tánh sinh thân Bồ-tát vắng lặng bình đẳng tức là pháp thân Bồ-tát đã chứng được pháp vắng lặng bình đẳng. Vì đắc được pháp bình đẳng vắng lặng nầy nên gọi là pháp thân bình đẳng. Vị Bồ-tát này được tam-muội báo sinh, dùng thần lực tam-muội, trong niệm cùng cùng lúc một nơi biến khắp thế giới mười phương, dùng các thứ cúng dường tất cả Chư Phật, Chư Phật trong đại hội đông như số giọt nước biển, có thể ở trong vô lương thế giới chỗ không có Phật, Pháp Tăng, mà thị biện các thứ và giáo hóa các thứ, độ tất cả chúng sinh thường làm Phật sư. Đầu tiênkhông có tưởng qua lại tưởng cúng dường, tưởng độ thoát, cho nên thân này gọi là pháp thân bình đẳng, pháp này gọi là pháp vắng lặng bình đẳng. Chưa chứng được Bồ-tát tâm thanh tịnh là Sơ địa trở lên, Thất địa trở xuống. Bồ-tát này có khả năng thị hiện thân hoặc trăm, ngàn, muôn ức, hoặc trăm ngàn muôn ức không có cõi Phật mà làm Phật sự, điều quan trọng là làm cho tâm nhập tam-muội, mới có thể chẳng phải không có phi tâm. Vì tâm tạo nên gọi là chưa đắc tâm tịnh. Bồ-tát này nguyện sinh về cõi tịnh An Lạc, thấy Phật A-di-đà khi thấy Phật A-di-đà, thì với Bồ-tát thượng Địa thân bình đẳng và pháp bình đẳng rốt ráo. Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Bà tẩu Ban đầu nguyện sinh về đó là như vậy.

Hỏi :Theo kinh Thập Địa:

Bồ-tát tiến lên tầng bậc, dần có công huân vô lượng, qua nhiều kiếp về sau mới được.

Vì sao khi thấy Phật A-di-đà thì rốt ráo với các Bồ-tát thượng địa thân binh đẳng, pháp bình đẳng?

Đáp: Nói rốt ráo là chưa nói bình đẳng. Rốt ráo không mất bình đẳng này, nên gọi là bình đẳng.

Hỏi: Nếu không bình đẳng, vì sao lại nói Bồ-tát? Chỉ cần lên Sơ địa thì dần dần tăng tiến tự nhiên bình đẳng vỉ sao nói bình đẳng? Với Bồ tát thượng địa?

Đáp: Bồ-tát Thất Địa được,vắng lặng hoàn toàn trên chẳng thấy có Chư Phật để cầu, dưới chẳng thấy có chúng sinh để độ. Muốn bỏ Phật đạo, chứng được mé thật, lúc đó nếu không được thần lực của Chư Phật mười phương ủng hộ thì liền diệt độ, như người Hai Thừa không khác. Nếu Bồ-tát vãng sinh về cõi An Lạc thấy Phật A-di-đà thì không gặp những điều khó khăn này, cho nên mới nói bình đẳng rốt ráo. Hơn nữa, trong kinh Vô Lượng Thọ: Bản nguyện của Phật A-di-đà rằng: nếu khi ta thành Phật, các chúng Bồ-tát ở cõi Phật phương khác sinh về nước ta, rốt ráo được Nhất Sinh Bổ Sứ, trừ người có bản nguyện tự tại, vì giáo hóa chúng sinh, cho nên chúng sinh được nguyện vọng lớn, chứa nhiều gốc đức, độ thoát tất cả sanh đến khác cõi Phật, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường Chư Phật Như lai, giáo hóa vô lượng chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, để lập đạo Vô thượng chánh chân, vượt ra hạnh các địa tầm thường, hiện tại, tu tập công đức Phổ Hiền, nếu không được như vậy thì không thành Chánh giác. Theo kinh này suy ra Bồ-tát cõi kia, hoặc có thể không từ một Địa đến một Địa. Nói Thập Địa thứ bậc là đức Thích-ca Như lai ở trong cõi Diêm-phù-đề để hóa đạo, cõi tịnh phương khác đâu cần phải như vậy. Trong năm thứ không thể suy nghĩ bàn luận, Phật pháp là không thể suy nghĩ bàn luận thứ nhất. Nếu nói Bồ-tát phải từ một Địa đến một Địa không vượt qua lý, chưa dám nói rõ, thí như có loại cây tên Hảo Kiên, cây này sống trên mặt đất một trăm năm, mỗi ngày cao một trăm trượng, tính đến sức cao một trăm năm chẳng lẽ thuộc loại thông cao chăng? Thấy cây thông lớn một ngày chưa được một tấc, nghe loại cây Hảo Kiên kia, sao không nghi cho được? Thì nói có người nghe đức Thích-ca Như lai chứng A-la-hán vừa nghe phán xét Vô sinh, suốt đời nói là lời dẫn dắt, chẳng phải là lời xưng thật. Nghe nói về việc này sẽ không tin, hễ những lời phi thường thì không thuận với người bình thường, nói không đúng cũng thích hợp với điều này. Lược nói tám câu trình bày thành tựu thứ lớp thành tựu công đức trang nghiêm tư lợi lợi tha của đức Như lai.

Thứ lớp là gì?

Mười bảy câu trước là thành tựu trang nghiêm cõi nước. Đã biết sự thành tựu cõi nước, thì cũng nên biết thành tựu chủ của cõi nước, cho nên phải quán thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật. Cõi Phật kia nếu đã trang nghiêm thì ngồi chỗ nào? Cho nên phải quán tòa ngồi

trước. Đã biết tòa rồi thì phải biết chủ tòa. Cho nên phải quán thân nghiệp trang nghiêm. Đã biết thân nghiệp, nên biết tiếng tăm nào, cho nên phải quán khẩu nghiệp trang nghiêm. Đã biết tiếng tăm thì phải biết được danh. Cho nên phải quán trang nghiêm tâm nghiệp. Đã biết ba nghiệp đầy đủ, thì phải thầy trò người còn ai có khả năng chịu sự giáo hóa ấy. Cho nên phải quán công đức của mọi người. Đã biết mọi người có vô lượng công đức, thì phải biết được ai là Thượng thủ, cho nên phải quán bậc thượng thủ Bậc thượng thủ là Phật, đã biết thượng thủ, sợ e đồng với trưởng ấu, cho nên phải quán chủ. Đã biết chủ, chủ có tăng thượng gì? Cho nên kế là quán trang nghiêm trụ trì không luống dối. Tám câu thứ lớp thành rồi đó là quán Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát quán sát Thành tựu công đức trang nghiêm?

Bồ-tát quán sát Thành tựu công đức trang nghiêm: Quán Bồ-tát ấy có bốn thứ tu hành đúng Thành tựu công đức. Nên biết Chân như là Chánh thể của các pháp, thế như mà hành thì là không hành, đúng không hành mà hành thì gọi là như thật tu hành. Thể như một nhưng nghĩa chia làm bốn, cho nên bốn hạnh dùng một để thu nhiếp chung.

Bốn hạnh là:

1. Trong một cõi Phật thân không dao động nhưng trùm khắp mười phương; ưng hóa tất cả tu hành đúng như thật, thường làm Phật sự. Kệ chép: Cõi An Lạc thanh tịnh thường xoay bánh xe không nhơ, mặt trời hóa Phật, Bồ-tát vững như núi Tu-di, cho nên giáo hóa chúng sinh như hoa sen trong bùn. Bồ-tát địa thứ tám trở lên ở trong tam-muội, nhờ năng lực tam-muội thân bất động ở tại chỗ mà trùm khắp mười phương, cúng dường Chư Phật, giáo hóa chúng sinh.

Bánh xe không nhơ:

Là công đức Phật địa. Công đức Phật địa không có thói quen phiền não. Phật vì các Bồ-tát thường xoay bánh xe pháp. Các đại Bồ-tát cũng có thể dùng bánh xe pháp này giáo hóa tất cả không tạm thời dửng nghĩ cho nên nói là thường xoay. Pháp thân như mặt trời nhưng hóa thân sáng rực khắp các thế giới. Nói mặt trời chưa đủ, còn dùng ánh sáng bất động và nói vững chắcnhư núi Tu-di.

Hoa mọc trong bùn:

Kinh chép: Ở cao nguyên đất bằng hoa sen không moc, chỗ bùn nước thì hoa sen mới mọc. Dụ này như phàm phu sống trong bùn lầy phiền não, được Bồ-tát giáo hóa nở hoa chánh giác Phật. Tin họ làm hưng thịnh Tam bảo mãi không bị mai một.

2. Thân ứng hóa kia lúc nào cũng không trước, không sau, trong

một tâm, một niệm phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới ở mười phương, giáo hóa chúng sinh, đưa ra các phương tiện tu hành, để dứt trừ tất cả khổ cho chúng sinh. Cho nên Kệ chép ánh sáng trang nghiêm trong một niệm và cùng lúc chiếu sáng khắp tháp hội Chư Phật, làm lợi ích cho các chúng sinh. Ở Trên nói bất động nhưng đạt đến có lẽ đạt đến có trước sau, cho nên lại nói một niệm cùng lúc không có trước sau.

3. Tất cả thế giới không sót chiếu khắp pháp hội Chư Phật, rộng lớn vô lượng, cúng dường cung kính khen ngợi công đức chư Phật. Kệ chép: Trời mưa hoa, trôi nhạc, áo hương thơm, cũng dường thảy khen công đức Chư Phật, không có tâm phân biệt.

Không sót: Chiếu khắp các đại hội Chư Phật trong tất cả thế giới, không có một thế giới, một hội Phật nào mà không đến. Tăng Triệu nói: Pháp thân không hình tượng nhưng hình tượng đặc biệt đều ứng vận, không lời nhưng huyền tịch đầy khắp. Quyền thật nhiệm mầu không mưu mô nhưng linh động biết việc là do ý này.

4. Tất cả thế giới ở mười phương kia không có chỗ Tam Bảo trụ trì trang nghiêm, công báu đức Phật, Pháp Tăng sâu rộng như biển, dạy cho chúng sinh hiểu và tu hành đúng. Như thật Kệ chép: Những thế giới nào không có công đức Phật pháp, tôi nguyện đến đó chỉ dạy Phật pháp như Phật. Ba câu trên nói đến khắp là đều có cõi Phật, nếu không có câu này, thì pháp thân có chỗ không đến. Điều lành trên có chỗ chưa tốt, nói của quán hạnh thể tướng đã xong dưới đây là giải thích nghĩa trọng thứ tư gọi là tịnh nhập nguyện. Tâm.

Lại vừa rồi Nói quán sát thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật. thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật và thành tựu công đức trang nghiêm Bồ-tá, Hành tựu được ba thứ này thì trang nghiêm được tâm nguyện nên biết..

Ứng tri:

Nên biết nên biết thành tựu trang nghiêm ba thứ này là do bốn mươi tám nguyện xưa nên trang nghiêm thanh tịnh được tâm nguyện. Vì nhân thanh tịnh nên quả thanh tịnh, đều do người khác mà có. Lược nói nhập một câu pháp: Trong cõi nước trang nghiêm có mười bảy câu, Như lai trang nghiêm có tám câu trang nghiêm Bồ-tát có bốn câu là rộng, Nhập một câu pháp là nói sơ lược.

Vì sao nói rộng lược nhập vào nhau?

Chư Phật Bồ-tát có hai loại pháp thân: một là pháp thân pháp tánh,hai là

Pháp thân phượng trên Từ pháp thân pháp tánh sinh ra pháp thân

phương tiện. Từ phương tiện pháp thân có pháp thân pháp tánh. Hai pháp thân này khác nhau nhưng không thể phân chia, một nhân khác nhau, cho nên rộng lược nhập vào nhau đều dùng pháp đặt tên, nếu Bồ-tát không biết rộng lược nhập vào nahu thì không thể lợi mình, lợi người.

Một câu pháp? là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật pháp thân vô vi. Ba câu, này xoay vần vào nhau nhập nương vào nghĩa nào gọi là Pháp? Vì thanh tịnh, nương vào đâu mà gọi là thanh tịnh? Vì dùng trí tuệ chân thật pháp thân vô vi. Trí tuệ chân thật? Là thật tướng trí tuệ. Vì thật tướng vô tướng nên được chân trí vô tri. Pháp thân vô vi là thân pháp tánh. Vi pháp tánh lặng lẽ nên pháp thân vô tướng, vô tướng tu nên tất cả đều có tướng, cho nên tướng tốt tức là pháp thân. Vì vô tri nên biết tất cả. Nên trí Nhất Thiết Chủng là trí tuệ chân thật. Vì chân thật nên thấy được trí tu. Biết trí tuệ chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Dùng vô vi mà nêu lên pháp thân, biết pháp thân chẳng phải sắc, chẳng phải phi sắc, chẳng phải dối với phi đâu chẳng phải năng thị của phi hay sao? Vì không thể gọi là phi, thị của. Vốn thị này không phải đợi phục hồi phi thị. Phi là phi, chẳng phải trăm phi thì không dụ được, cho nên nói câu thanh tịnh.

Câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

Nên thanh tịnh này có hai: thứ nêu biết

Trong tám câu chuyển ở đâu chung một pháp nhập vào thanh tịnh, chung được thanh tịnh vào pháp thân.

Nay chia thanh tịnh thành hai thứ, nên nói phải biết.

Hai thứ là:

1. Khí thế gian thanh tịnh.

2. Chúng sinh thế gian thanh tịnh.

Khí thế gian thanh tịnh là gì?

Như vừa rồi nói mười bảy thứ thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật như trước, gọi là khí thế gian thanh tịnh.

Chúng sinh thế gian thanh tịnh là gì?

Như nói thành tựu tám thứ trang nghiêm cõi Phật như trước, bốn thứ thành tựu công đức trang nghiêm Bồ-tát, gọi là chúng sinh thế gian thanh tịnh. Như thế một câu pháp thâu nhiếp hai nghĩa thanh tịnh. Nên biết

Vì thế chúng sinh là htể của báo riêng, cõi nước là dụng của báo chung chúng, nên thể dụng và chẳng phải một cho nên nói nên biết. Như các tâm pháp tạo thành, chẳng phải cảnh giới khác, chúng sinh và

khí lại chẳng phải một cũng chẳng phải khác. Chẳng phải một thì nghĩa phân chia, chẳng phải khác đồng thanh tịnh, khí là dụng. Nghĩa là cõi tịnh kia là chỗ thọ dụng dụng của chúng sinh thanh tịnh kia, nên gọi là khí. Như thức ăn thanh tịnh dùng đồ bất để đựng tịnh, vì đồ đựng bất tịnh, nên thức ăn cũng bất tịnh. Thức ăn bất tịnh dùng đồ tịnh, thức ăn cũng bất tịnh. Thức ăn bất tịnh nên đồ đựng cũng bất tịnh. Hai thứ này phải sạch mới gọi là tịnh, cho nên chỉ có một tên thanh tịnh nhiếp cả hai thứ.

Chúng sinh thanh tịnh chính là Phật và Bồ-tát các trời, người kia có được xếp vào số thanh tịnh này hay không?

Được gọi là thanh tịnh nhưng chẳng phải thanh tịnh thật. Ví như bậc thánh xuất gia giết giặc phiền não, nên gọi là Tỳ-kheo. Hễ người xuất gia thì giữ giới hay phá giới đều gọi là Tỳ-kheo. Như lúc Vương Tứ mới sinh làm lễ Quán đảnh, đủ ba mươi hai tướng thì thuộc bảy báu. Dù chưa thể làm được vua Chuyển Luân cũng gọi là vua Chuyển Luân, vì những điều kiện kia cũng như vậy, đều vào nhóm đại thừa chánh định, cuối cùng được pháp thân thanh tịnh, vì sẽ được nên gọi là thanh tịnh, khéo léo nhiếp hóa.

Xa-ma-tha Tỳ-bà-xá-na của Bồ-tát rộng lược tu hành thành tựu tâm nền mỏng? Tâm nền mỏng là gì?

Nghĩa là rộng lược chỉ quán thuận nhau tu hành thành tựu được tâm không hai. Ví như nước nhận lấy bóng thanh tịnh vá vắng lặng giúp nhau thành tựu.

Biết như thật sự rộng lược của các pháp, biết như thật là gì?

Là biết tướng đúng như thật, trong rộng có hai mươi chín câu, trong lược có một câu đều là thật tướng.

Như thế thành tựu hồi hướng phương tiện khéo léo. Như thị là gì?

Như trước sau rộng, lược đều là thật tướng. Vì biết thật tướng cho nên mới biết được chúng sinh ba cõi là tưởng luống dối. Biết chúng sinh luống dối thì sinh lòng từ bi chân thật. Biết được pháp thân chân thật thì khởi quy y chân thật. Từ bi và quy y là phương tiện khéo léo ở dưới.

Thế nào là Bồ-tát hồi hướng phương tiện khéo Bồ-tát hồi hướng phương tiện khéo léo. Là nói về lễ bái, năm thứ tu hành đã chứa nhóm các gốc lành công đức, bản thân mình không mong cầu lạc dục tự thân trụ trong đó, nhưng muốn cứu giúp tất cả chúng sinh khổ nên, phát nguyện nhiếp lấy tất cả chúng sinh cùng họ sinh về cõi Phật An Lạc kia, đó gọi là Bồ-tát thành tựu hồi hướng phương tiện khéo léo. Theo

kinh Vô Lượng Thọ Phật nói ở thành Vương xá, thì trong ba hạng chúng sinh tuy thực hành có hơn kém, họ đều phát tâm vô thượng Bồ-đề, tâm vô thượng Bồ-đề này là nguyện làm tâm chúng sinh, tức đưa hết chúng sinh sinh tâm vào cõi có Phật, cho nên nguyện sinh về cõi tịnh An Lạc thì phải phát tâm vô thượng Bồ-đề. Nếu người không phát tâm vô thượng Bồ-đề, chỉ nghe cõi kia mà hưởng được sự vui vô cùng. Vì an vui nên nguyện sinh, thì cũng không được vãng sinh. Cho nên nói không cầu bản thân trụ trong an vui, vì muốn cứu khổ chúng sinh.

Trụ an vui là gì?

Nghĩa là cõi thanh tịnh an vui kia là chỗ an trụ hưởng sự an vui không cùng tân nguyện lực xưa của Như lai A-di-đà. Là giải thích danh nghĩa hồi hướng: nghĩa là tất cả công đức mình đã chứa nhóm ban cho tất cả chúng sinh đều đến Phật đạo.

Phương tiện khéo léo là gì?

Bồ-tát nguyện dùng hết lửa trí tuệ của mình đốt tất cả cỏ cây phiền não của chúng sinh. Nếu có một chúng sinh nào chưa thành Phật thì ta không thành Phật, nhưng chúng sinh chưa thành Phật hết, Bồ-tát đã tự thành Phật. Ví như dùng lửa, muốn cỏ cây đốt cháy hết, cây chưa cháy hết thì lửa đã tắt. Về sau thân này thành thân trước nên gọi là phương tiện khéo léo.

Ở đây, nói phương tiện là gí?

Nguyện thu nhiếp tất cả chúng sinh cùng sinh về cõi Phật An Lạc. Cõi Phật kia là phương tiện vô thượng, là con đường thành Phật đạo rốt ráo.

Chướng Bồ-đề là gì?

Bồ-tát thành tựu hồi hướng khéo biết như vậy, thì xa lìa ba pháp trái nhau của môn Bồ-đề. Ba pháp ấy là:

1. Nương vào môn trí tuệ không mong cầu mình được an vui, vì xa lìa ngã, tâm tham đắm của bản thân. Biết tiến, lùi gọi là Trí. Biết không, vô ngã gọi là Tuệ. Vì nương trí không mong cầu sự an vui cho mình, vì nương tuệ xa lìa ngã tâm tham đắm bản thân.

2. Nương môn từ bi, cứu khổ tất cả chúng sinh, xa lìa tâm bất an cho chúng sinh. Cứu khổ gọi là Từ, ban vui gọi là Tuệ. Vì nương từ nên cứu khổ tất cả chúng sinh, vì nương bi giúp cho chúng sinh xa lìa tâm bất an.

3. Nương môn phương tiện thương xót tất cả tâm chúng sinh, tâm xa lìa những sự cung kính, cúng dường cho bản thân. Ngay thẳng gọi là Phương, ngoài mình gọi là Tiện. Vì nương ngay thẳng, tâm sinh thương

xót tất cả chúng sinh. Vì nương ngoài mình nên tâm xa lìa cung kính, cúng dường cho bản thân. Đó gọi là xa lìa ba pháp trái nhau của môn Bồ-đề.

Thuận môn Bồ-đề là gì?

Bồ-tát xa lìa ba pháp trái nhau của môn Bồ-đề như vậy, vì được đầy đủ ba pháp thuận theo môn Bồ-đề.

Ba pháp ấy là?

1. Tâm thanh tịnh vô nhiễm, vì không mong cầu điều vui cho bản thân. Bồ-đề là thanh tịnh vô nhiễm, nếu cầu sự an vui cho bản thân thì trái với Bồ-đề. Cho nên tâm thanh tịnh vô nhiễm là thuận theo môn Bồ-đề.

2. Tâm an vui thanh tịnh nhổ tất cả gốc khổ cho tất cả chúng sinh. Bồ-dề là chốn an ổn, thanh tịnh cho tất cả chúng sinh. Nếu không có tâm cứu chúng sinh xa khỏi sinh tử, thì trái với Bồ-đề, cho nên cứu khổ cho tất cả chúng sinh là thuận theo môn Bồ-đề.

3. Tâm thanh thanh tịnh an vui, vì giúp cho chúng sinh được đại Bồ-đề, vì thâu nhận chúng sinh sinh về nước đó. Bồ-đề là chốn thường vui rốt ráo, nếu không làm cho chúng sinh được thường vui rốt ráo, thì trái với Bồ-đề. Rốt ráo thượng vui này, là nương vào đâu mà được là? Nương vào môn Đại thừa. Mà được.

Môn Đại thừa là gì?

Là cõi nước An Lạc kia, cho nên lại nói vì muốn gồm nhiếp chúng sinh sinh về cõi nước kia.

Danh nghĩa Nhiếp đối là gì?

Trước nói ba môn Phương tiện, Trí tuệ, từ bi, gồm nhiếp Bát-nhã. Bát nhã gồm nhiếp phương tiện nên biết.

Bát-nhã là gì?

Thông đạt như gọi là Tuệ.

Phương tiện là gì?

Thông hiểu huyền gọi là Trí. Đạt như thì tâm hành vắng lặng. Thông hiểu huyền thì hoàn toàn tỉnh ngộ các căn cơ. Các cơ tỉnh ngộ thì trí hoàn toàn ứng theo nhưng không biết. Tuệ lặng lẽ cũng vô tri nhưng hoàn toàn tỉnh. Trí tuệ và phương tiện làm duyên cho nhau nhưng đông, duyên nhau mà tĩnh, đông mà không mất tĩnh, đây là công dụng của Trí tuệ. Tỉnh mà không bỏ động, đây là năng lực của Phương tiện. Cho nên trí tuệ, từ bi, phương tiện nhiếp lấy Bát-nhã, Bát-nhã thâu nhiếp phương tiện.

Nên biết là gì?

Nên biết trí tuệ phương tiện là cha mẹ của Bồ-tát, nếu không nương trí tuệ phương tiện là pháp của Bồ-tát thì không thành tựu. Vì sao? Vì Nếu không có trí tuệ thì chúng sinh bị rơi vào điên đảo. Nếu không có phương tiên quán xét pháp tánh thì không chứng được mé thật, vì vậy nói là nên biết.

Trước nói lìa bỏ ngã tâm chấp, không tham đắm bản thân, xa lìa tâm chúng sinh bất an, xa lìa tâm cung kính, cúng dường cho bản thân, nên biết pháp xa lìa này làm chướng Bồ-đề. Các pháp, mỗi pháp đều có sự chướng ngại. Như gió làm chướng tĩnh, đất là chướng nước, nước làm chướng lửa. Năm điều ác, mười điều ác làm chướng trời, người. Bốn đến đảo làm chướng ngại bốn quả Thanh Văn. Không xa lìa ba thứ này thì làm chướng ngại tâm Bồ-đề.

Nên biết là gì?

Nếu muốn không bị chướng ngại thì phải xa lìa ba thứ chướng ngại này.

Trước nói tâm thanh tịnh vô nhiễm, tâm an thanh tịnh và, tâm lạc thanh tịnh. Ba thứ tâm này gom lại một chỗ, thành tựu được tâm an vui chân chánh. Lạc có ba thứ:

1. Ngoại lạc: là năm thức đã sinh hỷ lạc.

2. Nội lạc là Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền ý thức thiền sinh hỷ lạc.

3. Pháp lạc: Là trí tuệ sinh ra hỷ lạc, trí tuệ này đã sinh hỷ lạc thì ưa làm công đức Phật. Xa lìa ngã tâm chấp, xa lìa tâm bất an của chúng sinh, xa lìa tâm mong cúng dường cho mình thì ba tâm thanh tịnh này thêm lớn mạnh, gom thành tâm an vui chân.chánh Lời nhiệm mầu tốt đẹp này, dùng duyên lạc này sinh về cõi Phật. Lời tốt đẹp vượt ra ba cõi, lời chân thật không luống dối, không điên đảo, việc nguyện được thành tựu.

Tâm trí tuệ tâm phương tiện, tâm vô chướng, tâm thắng chân của Bồ-tát như vậy có công năng làm thanh tịnh cõi Phật nên biết.

Nên biết nghĩa là phải biết bốn thứ công đức thanh tịnh này được sinh về cõi Phật thanh tịnh, chẳng nhờ duyên khác mà được sinh.Đó gọi là Đại Bồ-tát thuận theo năm pháp môn đã làm mà tùy ý tự tại, thành tựu, như trước đã nói thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện, trí nghiệp thuận theo pháp môn, tùy ý tự tại. Nói năm năng lực công đức này được sinh về cõi Phật thanh tịnh, ra vào tự tại. Thân nghiệp: là lễ bái khẩu nghiệp là khen ngợi ,ý nghiệp là phát nguyện. Trí nghiệp :là Quán sát phương tiện trí nghiệp là hồi hướng. Năm ng-

hiệp này hòa hợp là pháp môn thuận theo vãng sinh cõi tịnh, thành tựu nghiệp tự tại, lợi hạnh đầy đủ. Lại có năm môn thành tựu theo thứ lớp, năm công đức nên biết.

Năm môn gồm:

1. Cận môn.
2. Đại hội chúng môn.
3. Trạch môn.
4. Ốc môn.
5. viên lâm du hý địa môn.

Năm môn này nói tướng ra vào có thứ lớp: Trong tướng vào mới đến cõi tịnh là gần Chánh đẳng Chánh giác. Vào chánh định rồi liền vào số chúng đại hội thanh tịnh của Như lai. Nhập số chúng đạt đến chỗ tu hành; tu hành thành tựu đến được giáo hóa địa, tức là chỗ an vui tự tại của Bồ-tát. Cho nên xuất môn gọi là môn Viên Lâm Du hý địa. Năm môn này, môn đầu và môn thứ tư thành tựu thì nhập được vào công đức, thành tựu được thứ năm môn thì sinh ra công đức. Môn nhập xuất công đức này như thế nào?

Nhập môn thứ nhất:

Lễ bái Phật A-di-đà thì được vãng sinh về cõi nước của Ngài, được sinh về cõi nước của Ngài gọi là "Nhập thứ nhất môn". Lễ Phật nguyện sinh về cõi Phật là tướng công đức đầu tiên.

Nhập môn thứ hai:

Khen ngợi Phật A-di-đà, thuận theo danh nghĩa xưng hiệu Như lai. Nương ánh sáng Như lai trí tướng tu hành, cho nên được nhập vào hội chúng lớn, nên gọi là môn nhập thứ hai. Nương vào danh của Như lai nghĩa khen ngợi là tướng công đức thứ hai.

Nhập môn thứ ba:

Nhất tâm chuyên niệm, nguyện sinh về cõi kia, tu hạnh Sa-ma-tha vắng lặng tam-muội, nên được nhập vào thế giới Liên Hoa Tạng tam-muội, nên gọi là nhập vào được môn thứ hai. Vì tu vắng lặng chỉ, nhất tâm nguyên sinh về cõi kia, là tướng công đức thứ ba.

Nhập môn thứ tư:

Chuyên nhớ quán sát cõi kia trang nghiêm nhiệm mầu, tu Tỳ-bà-xá-na nên đến được cõi kia, hưởng thọ các pháp vị an vui,, đó gọi là nhập vào môn thứ tư.

Các thứ pháp vị an vui:

Trong Tỳ-bà-sá-na có cõi quán Phật vi thanh tịnh nhiếp thọ chúng sinh. Vị đại thừa rốt ráo tu trì, vị không luống dối các việc khởi hạnh

nguyện nhiếp lấy vị cõi Phật. Có vô lượng vị đạo phật trang nghiêm như thế,v.v... nên nói là các thứ là tưởng công đức thứ tư.

Xuất môn thứ năm: Tâm đại từ bi quán sát tất cả khổ não của chúng sinh hiện thân vào trong vườn sinh tử phiền não, bằng đến tận nơi giáo hóa thần thông, dùng năng lực bản nguyện hồi hướng, nên gọi là xuất môn thứ năm.

* Nói về thân ứng hóa:

Như "Phẩm Phổ Môn" trong kinh Pháp Hoa thị hiện loại thân. Du Hý có hai:nghĩa:

1. Nghĩa tự tại, Bồ-tát độ chúng sinh, như sư tử bắt nai không có gì khó khăn, giống như dạo chơi.

2. Nghĩa độ mà không có gì để độ, Bồ-tát quán chúng sinh rốt ráo không thật có, dù độ vô lượng chúng sinh nhưng không có một chúng sinh nào để được diệt độ. Thị hiện độ chúng sinh giống như dạo chơi.

* Nói bản nguyện lực:

Thị hiện đại Bồ-tát đối với pháp thân thường ở trong tam muội mà hiện các thứ thân, hiện các thứ thần thông, nói tất cả pháp đều từ năng lực bản nguyện mà khởi. Thí như đàn cầm của A-tu-la tuy không gảy tiếng nhưng âm điệu du dương tự nhiên, đó gọi là giáo hóa địa tướng công đức thứ năm của.

Bồ tát nhập môn thứ tư thành tựu hạnh tự lợi nên biết.

Thành tựu là: Tự lợi mỹ mãn.

Nên biết: Nên biết do lợi mình thì lợi người. Không thể chưa tự lợi mà lợi tha được.

Bồ tát xuất môn thứ năm thành tựu hồi hướng lợi ích hạnh lợi tha, nên biết thành tựu là dùng nhãn hồi hướng để chứng minh quả địa giáo hóa hoặc nhân, hoặc quả không có một điều nào không có lợi tha được.

Nên biết: Nên biết từ lợi tha nên có tự lợi, không lội tha thì không tự lợi.

Bồ-tát tu năm "Niệm môn hành tự lợi, lợi tha như vậy thì mau thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác. Pháp Chư Phật được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác,. Vì được Bồ-đề nên gọi là Phật. Nay nói liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là được sớm thành Phật. A là vô, Nâu-đa-la:là thượng Tam miệu: là Chánh tam là biến, là Bồ-đề: Đạo, dịch chung là Vô thượng Chánh Biến đạo.

Vô thượng: Đạo này lý tột cùng lý tân tánh, không còn có lỗi gì.

Vì sao nói như vậy?

Vì đạo này chân chánh. Chánh là thánh trí như đúng pháp tướng mà biết. Nên gọi là Chánh trí.. Pháp tánh vô tướng nên Thánh trí. Vô tri Biến có hai:thứ

1. Tâm thánh biết hết tát cả pháp.

2. Pháp thân trùm khắp pháp giới, hoặc tâm hoặc thân đều cùng khắp.

Đạo là Đạo vô ngại. Kinh cháp:

Mười phương vô ngại, ra khỏi san h tử.

Nhất đạo: Một đường vô ngại.

Vô ngại: Biết được sinh tử tức là niết-bàn nhập vào pháp môn không hai được vô ngại.

Nhờ đâu mà được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Luận chép:

Tu năm hạnh môn, vì tự lợi lợi tha được thành tựu, nhưng phải tìmxét gốc của nó. A-di-đà Như lai là duyên tăng thượng. Tha lợi và lợi tha nói phải có chính phụ. Nếu chỉ cho Đức Phật thì nên nói là lợi tha chỉ cho chúng sinh phải nói “Tha lợi”. Nay nói về Phật lực, cho nên phải nói về lợi tha, phải biết là ý này. Hễ sinh về cõi tịnh kia và Bồ-tát thiện nhân đã khởi lên các hành đều nương vào năng lực bản nguyện của A-di-đà Như lai. Vì sao nói như thế? Vì nếu không nương vào năng lực phật thì dù thành lập bốn mươi tám nguyện, nay mục đích thủ chứng ba nguyện, để chứng nghĩa ý, nguyện rằng:

Nếu tôi được thành Phật, chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin ưa muốn sinh về cõi nước tôi thì dù chỉ mười niệm. Nếu không được sinh thì tôi không thành Chánh giác, chỉ trừ năm tội nghịch, chê bai chánh pháp. Nương vào năng lực của nguyện phật nên dù mười niệm cũng được vãng sinh. Vì được vãng sinh nên không còn bị luân hồi trong ba cõi vì không còn luân hồi nên mau đắc đạo, đây là quả chứng thứ nhất.

Nguyện rằng:

Nếu khi tôi được thành Phật, mà người trời trong cõi nước tôi không trụ trong nhóm chánh định, cho đến diệt độ, thì tôi không thành Chánh giác, nương vào nguyện lực của Phật nên trụ vào nhóm chánh định. Vì trụ nhóm chánh định, nên được diệt độ, các điều hồi phục không khó khăn, cho nên được mau chứng đắc, đây là quả chứng thứ hai.

Nguyện rằng:

Nếu khi tôi được thành Phật, các Bồ-tát ở cõi Phật phương khác

sinh về nước tôi ráo ráo dược Nhất Sinh Bổ Xứ, trừ những vị có bản nguyện tự tại giáo hóa, vì làm cho chúng sinh thệ nguyện được vững vàng, chứa nhiều gốc đức, độ thoát tất cả chúng sinh, đến khắp các cõi Phật, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường Chư Phật, Như lai mười phương, hóa độ Hằng-sa vô lượng chúng sinh, để họ xây dựng đạo vô thượng chân chánh. Vượt ra khỏi thường tình và các địa hạnh hiên tiện, tu tập theo Đức Phổ Hiền, nếu không như vậy thì không "Thành Chánh giác". Nhờ nguyên lực Phật nên vượt khỏi thường luân, hạnh các địa hiện tiền. Tu tập công đức Phổ Hiền để vượt khỏi, hạnh các địa thường tình tu tập theo Đức Phổ Hiền để vượt khỏi các hạnh địa bình thường, cho nên mau được, đây là quả chứng thứ ba từ đây suy ra tha lực là duyên tăng thượng được không đúng ư? Phải nói về tự lực, như người sợ ba đường cho nên mới thọ trì giới cấm, tu thiền định, nhờ thiền định nên tu tập thần thông, vì có thần thông nên đi khắp chốn Ta-bà, như thế gọi là tự lực. Còn kẻ yếu cưỡi lừa không được phải như vua Chuyển Lân đi trên hư không, đến khắp bốn thiên hạ tự do, đó gọi là tha lực.

Dốt thay người học đời sau nghe nương vào năng lực người khác sinh tín tâm, thấy mình không có phần.

Kệ Ưu-bà-đề xá nguyện sinh trong kinh Vô Lượng Thọ chú thích quyển hạ (xong).

Ở đầu kinh nói như thị là để nêu tín làm năng nhập. Cuối kinh nói vâng hành là trình bày việc đã tin phục. Nói về khuôn phép ban đầu và trở về, nói lên nguyên nhân có tông chỉ. Cuối cùng giảng nói về nghĩa và trình bày lý sở thuyên xong. Nhưng khác nhau người soạn được nêu như sau.

(chu) Pháp Sư Thích Đàm Loan người huyện Phần Thủy, ở Tịnh Châu, cuối đời Ngụy đầu đời Cao Tề. Thần trí vang khắp ba nước. Ngài thông suốt các kinh, tài vượt hơn người. Thiên tử Túc vương nước Lương thường hướng về phương Bắc kính lễ Bồ-tát. Ngài chú giải luân Vãng Sinh gồm hai quyển, việc xuất hiện của Phật được phép thành luận Tịnh Độ ba quyển.

Ngày 25 tháng 7 năm Mậu Thìn, niên hiệu Kiến Trường năm thứ tám tháng tư mùa hạ năm Mậu Thìn, niên hiệu Khoan Vĩnh năm thứ năm y theo cac bậc tiền bối soạn luận Cao Mạng Tân bản, chú thành hai quyển, đem những điều thiếu sót của Tân bản dung hợp với ngự điểm,

viết để lại cho người sau.

Vua viết vào mùa hạ giữa năm Mậu Thìn .

Dã Tử Hựu Tuấn.

(Chu) Vào ngày hai mươi bảy mùa đông, giữa năm Giáp Thìn niên hiệu Hương Bảo năm thứ chín dùng bản Tuệ Hiểu được giữ ở chùa Tây Liên kinh thành kính ghi.

Thích Tuệ Châu.

(chu) Bản này dùng bản Ngự hiển được Tôn sư Tuệ Hiểu viết lưu lại ở Tây Liên Lạc Dương, cho Tuệ Châu viết ở chùa Thanh Tuyền bắc Ngự Hướng Anh Tôi, vào khoản này tra xét, đính chính và dung hợp với bản ấn. Sự truyền thừa có thật, con cháu đời sau kính cẩn bái kiến.

Vào ngày mùng 10 tháng chạp năm Tân Hợi niên hiệu Hanh Bảo năm thứ mười sáu

Thích Lợi Tếnăm thứ ba mươi hai.

(Thanh) Bản vào niên hiệu Kiến Bảo này chùa Tây Liên Tuệ Hiểu soạn và sắp xếp năm Giáp Thìn ghi lại những lời giảng tản mác ở Thủ Khẩu Ngự Đường, Lư giao cho anh tôi bảo viết và lưu lại. Lúc này tôi tra xét đính chính dung hợp bàn này, truyền lại đời sau, người đương thời rất quý trọng.

Vào ngày 20 tháng chạp, năm Tân Hợi, niên hiệu Hưởng Bảo năm thứ mười sáu.

Thích Lợi Tế.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 146

PHẬT DI GIÁO KINH LUẬN SỚ TIẾT YẾU

SỐ 1820

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1820

PHẬT DI GIÁO KINH LUẬN SỚ TIẾT YẾU

- Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la thập vào thời Diêu Tần dịch, Sa-môn Tịnh Nguyên ở Tấn Thủy tiết yếu.
- Sa-môn Chu Hoằng ở Vân Thê Bổ Chú.

Giải thích kinh này chia ra hai phần:
- Nói chung nghĩa kinh.
- Giải thích riêng văn kinh.

1. Nói chung nghĩa kinh:

Hóa chế bày lẫn nhau, giới định đều nêu. Vĩ đại thay kinh Di giáo. Tuy xét mầu nhiệm giải thích khai hóa dẫn dắt làm hành nghiệp, không sâu xa như luận Mã Minh. Cho nên Luận chủ phát huy Di giáo, cũng như Ngài Long Thọ khai sáng Đại phẩm. Kia thì dung Hữu tức là Không. Đây thì nêu luận để giải thích định, cho nên nửa đêm xướng ba lần "Viên giới châu" để nghiêm thân, Thượng Sĩ Thất khoa thấu nhuần pháp nhũ để kéo dài mạng mạch. Đã ít lỗi thì ít hối hận.

Hai thừa nhờ đó được thành công, tức sự tức tâm, Ba thừa nhờ đây được quả mãn, chẳng phải bậc Chí thánh sau cùng để lại khuôn phép, thì đâu thể đạt đến chỗ này.

Khi xưa, Pháp sư La-thập dịch kinh, Tam Tạng Chân đế tiếp tục dịch luận, cho nên được vua Thái Tông đời Đường ban sắc lệnh. Nhớ mãi thánh giáo suy nghĩ mở mang giáo pháp sâu rộng, nhưng lời thuật nhiều mới chuyên tải hết được. Sáng ngời như mặt trăng, mặt trời trên hư không, giúp thấy được muôn vật. Như xưa kia bậc hiền giải thích kinh, dù có chương cú nhưng trải qua thời gian quá lâu, ít có người

truyền bá. Gần đây có Tôn giả Cô Sơn nương kinh thuật sớ, phần lớn tôn trọng Thiên Thai giáo lý, liền nêu tông nhưng không học, hay Luật Sư Chân Ngộ dùng luận Bổ Chú thích kinh. Dù không mất gốc nhưng vẫn còn giữ bản Phạn, Hoa ngữ dịch còn thiếu.

Tịnh Nguyên từ lâu đã buồn vì văn này lưu thông chưa đủ, do đó, phương thức chỉ dạy dịch kinh, luận và biên tập lời mầu nhiệm của các nhà ngõ hầu con cháu đời sau đều chịu ơn.

Bổ Bổ Chú:

Phầm Tựa ở trước chép: giải thích kinh này chia làm hai:

1. Nghĩa chung và tựa chung.

Giải thích văn kinh riêng. Phương pháp và chia khoa thích hợp, bản xưa không có, nay bỏ sung vào.

Nói về tiết yếu: Kinh này có luận, có Sớ. Sự Tịnh Nguyên toát yếu luận sớ để hoàn thành "Bổ Chú".

2. Giải thích riêng văn kinh: Ba phần đầu giải thích tên tựa đề, hai là nêu ra người dịch, ba là giải thích văn nghĩa.

Giải thích tên tựa đề:

Kinh Phật Di-Gáo: gồm có hai tên chung và riêng. Phật Di Giáo là tên riêng, kinh là tên chung.

Tiếng Phạm là: Phật-đà, Hán dịch là Giác, nghĩa là bậc thầy rõ được tánh tướng. Có ba nghĩa:

Tự giác: Biết được tâm mình vốn không sinh diệt.

Giác tha: Biết tất cả pháp đều là Như.

Giác mãn: Giác lý tròn đầy gọi là Mãn.

Nếu theo Luận Khởi Tín cũng nói ba nghĩa:

Thỉ giác: là trí năng chứng.

Bản giác: là lý sở chứng.

Cứu cánh giác: là trí và lý thầm hợp, thỉ,và bản không hai.

Lại Luận Phật Địa quyển một chép:

Phật có mười nghĩa, nhưng sợ rườm rà nên không dẫn.

Di giáo: Tức để lại những lời chỉ bảo để chỉ dẫn cho các Bổ Chúng sinh có căn cơ, để Bổ Chúng sinh thực hành theo Phật.

Kinh: Tiếng Phạm là Tu-đa-la, xưa dịch là khế kinh. Dịch đúng là Tuyến, Trung quốc không thích gọi là Tuyến, nên giữ chữ Kinh.

Luận Phật Đại chép:Vì có công năng xuyên suốt, bao gồm tất cả nên gọi là Kinh. Vì lời dạy của Phật nói nghĩa là thích hợp tất cả và giáo hóa tất cả Bổ Chúng sinh.

Cũng gọi là kinh Phật thùy Niết-bàn lược thuyết Giáo Giới, nhưng

trong đề kinh thì nêu cả người và pháp, nay tên riêng nầy cũng như vậy. Nhưng rộng lược có khác nhau.

Niết-bàn là âm Phạm, đời Tần dịch là "Diệt độ", Hán dịch là nghĩa viên tịch. Nghiên cứu các vô Duy thức có bốn thứ Niết-bàn:

1. Niết-bàn tự tánh thanh tịnh.
2. Niết-bàn hữu dư.
3. Niết-bàn vô dư.
4. Niết-bàn Vô trụ.

Thông thường chia văn chọn chữ để nói, nghĩa cũng có hai: nghĩa là Phật giáo giới, đạo truyền rộng, đức bủa khắp tức là hữu dư. Nhưng thùy Niết-bàn thân nguôi trí diệt tức là vô dư.

Bổ Bổ Chú:

1. Thùy lâm: là Thùy niết-bàn giống như lâm lời nói lúc rất quan trong nên. Người đời lâm chung là nói di Bổ Chúc huống chi cha lành của bốn loài sanh để lại lời dạy bảo lúc sắp nhập diệt, con cháu bỏ mặc lời di Bổ Chúc của người trước, Bổ Chúng sinh quên lời di giáo của Phật đều gọi là đại nghịch, sao không cẩn thân những điều này.

2. Nêu tên người dịch:

Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la thập đời Diêu Tần dịch. Diêu Tần tức là hậu Tần, họ Diêu tên Hưng. Gọi đủ là Cưu-ma-la-thập-bà, Hán dịch là Đồng Thọ. Vì tuổi Đồng tử mù có trí của người già, ngài phiên dịch và giảng kinh, luận, có công đức rộng lớn sâu dày, nói về văn truyện, tường thuật rõ ràng về người dịch, Chu Lễ Thụ Quan Ty Quán nói:

Vị quan coi về ngôn ngữ phương Bắc gọi là dịch.

Bổ Bổ Chú: Giải thích tên đề dưới nêu có. Xuất xứ người dịch khoa cũ không có, nay bổ sung thêm.

3. Giải thích nghĩa, văn từ phần đầu tựa ở đến bảy ly chủng v.v... phần vô ngã, nương vào văn luận đại khoa của Tổ Mã Minh chia thành bảy:

1. Phần tựa.
2. Phần tu tập công đức thế gian.
3. Phần thành tựu công đức của bậc đại nhân xuất thế gian.
4. Phần nói về công đức sâu xa rốt ráo.
5. Phần nói về nhập chứng quyết định.
6. Phần phân biệt chưa chứng nhập bậc Thượng Thượng để dứt nghi.
7. Lìa các thứ tự tánh thanh tịnh vô ngã.

Nhưng văn các kinh thường nói ba phần:

1. Phần tựa.
2. Phần Chánh tông.
3. Phần Lưu thông.

Nhưng phần tựa có khác nhau về phần chứng tín phát khởi. Nay kinh chỉ có phần phát khởi chánh tông, mà không có chứng tín lưu thông. Như tâm kinh Bát-nhã, nghĩa đều quy về một, nay lại thuật Bổ Chú. Dịch từ Phạm sang Hán, phát huy từ nói nghĩa, phần nhiều ghi văn sớ của ngài Cô Sơn. Hễ dịch Ma-ha-diễn thì Hán dịch là Đại thừa đều y theo ý chỉ luận Khởi Tín, hoặc có nói Bổ Chú và khoa chung, dẫn văn để làm chứng, thì có lược bớt và sửa đổi, cho đến phân tích giáo được tinh yếu, lại dẫn lời dạy của Tổ làm giáo lượng chính.

1. Phần tựa: Thành tựu công đức rốt ráo của Pháp sư.
2. Khai môn thành tựu công đức rốt ráo.
3. Đệ tử thành tựu công đức rốt ráo.
4. Thành tựu tướng công đức chung rộng lớn.
5. Thành tựu công đức rốt ráo tự tướng nhân quả.
6. Phân biệt thành tựu công đức tướng chung rốt ráo.

a.Pháp sư thành tựu công đức rốt ráo:

Đức Phật Thích Ca Mâu-ni. Thích-ca, Hán dịch là họ Năng nhân, Mâu-ni dịch là Tịch mặc, là tự. Cho nên Luận Mã Minh chép:

Năng nhân là dòng họ quý tộc, là tướng riêng. Tịch Mặc là tự thể thanh tịnh, là tướng chung. Chung và riêng chỉ có Đức Phật mới đạt được những điều này, là một trong mười hiệu. Cho nên Năng Nhân theo sự là riêng, Tịch mặc theo lý là chung. Phật có đủ cả chung và riêng nên lý sự đều dung thông, chỉ có Ngài là bậc Đại giác, cho nên là bậc Đại giác Pháp sư.

Bổ Bổ Chú: Các kinh kiết tập đều chép: "Tôi nghe như vầy, để dứt ba điều nghi ở đây, vì sao lấy Đại giác làm Đại pháp sư?".

Bổ Bổ Chú: Các kinh kết tập đều nói: "Tôi nghe như vầy, để dứt ba điều nghi, ở đây vì sao không phải như ?".

Đầu tiên gọi là Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật chẳng tự xưng thì chẳng phải Phật trùng khởi.

1. Dứt nghi: Nói Thích-ca tức chẳng phải từ phương khác đến.
2. Dứt nghi: Nói Thích-ca thì chẳng phải ngài A-nan thành Phật.
3. Dứt nghi: Thay đổi biến cách nhưng vẫn hợp với thường.

Khai mở pháp môn thành tựu công đức rốt ráo

Phật lần đầu xoay bánh xe pháp độ A-nhã Kiều-trần-như. Phật lúc

mới thành đạo, ba lần xoay bánh xe pháp Bốn đế tại vườn nai. Pháp là khuôn phép. Luân là bánh xe của đế vương, từ ví dụ này có tên. Nếu nói theo Pháp, thì hàng phục hết chướng ngại phiền não, nên gọi là xoay bánh xe pháp. Luận Câu-xá cũng gọi là phạm luân, là chỗ xoay bánh xe pháp Đại phạm của Như lai. Đại sớ chép:

Truyền nói viên thông gọi là bánh xe Từ mình đến người gọi là xoay. Trần-như: dịch là Hỏa khí là họ, A-nhã, Hán dịch là vô tri, là tên. Nhưng kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: "Năm anh em Kiều-trần-như: Một là Trần Như, hai Át-đệ, Ba Bạt-đề, bốn là Thập-lực Ca-diếp, năm là Ma-ha-câu-lợi. Nay chỉ nói về bậc thượng thủ thì gồm bốn vị còn lại. Nhưng thành tựu pháp môn này, thì đầu tiên xoay bánh xe pháp, sau cùng nói pháp, độ được đệ tử sau cùng là Trần Như Bạt-đà, nhưng sự khéo léo của Thánh trí là cách cú, phối hợp với nghĩa.

a. Công đức đệ tử thành tựu rốt ráo.

Sau cùng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la, luận này y theo vào pháp Bạch tịnh có hai giải thích, câu này gọi là pháp Niết-bàn bạch tịnh, câu trên xoay bánh xe pháp lần đầu là Bạch tịnh pháp ở đạo tràng. Tu-bạt-đà-la, Hán dịch là Hảo Hiền, hoặc Thiện Hiền, là tên của một ngoại đạo. Ở thành Câu-thi-na một trăm hai mươi tuổi, nghe Phật nhập Niết-bàn bèn đến chỗ Phật nghe tám thánh đạo, tâm ý được khai ngộ liền chứng sơ quá. Sau xuất gia với Phật, được nghe Ngài nói rộng về Bốn Đế, liền chứng A-la-hán.

b.Công đức cuối cùng thành tựu tướngchung lớn:

Người đáng độ đã độ hết, nghĩa là trong khoảng đó độ người vô lượng, cho nên khoa này là tướng chung lớn..

Bổ Bổ Chú: Khoảng giữa đã độ vô lượng thì người ngộ đạo không ít. Đầu tiên là Kiều-trần-như, sau cùng độ Tu-bạt-đà-la. dường như chỉ là Tiểu thừa, nhưng trên thực tế gồm cả Đại thừa.

c. Công đức cuối cùng thành tựu tự tướng nhân Quả

Ở giữa hai hàng cây Ta-la, lúc sắp nhập Niết-bàn, khi ấy giữa đêm vắng lặng không tiếng động.

Nhân đến song thọ, sau đó thị hiện nhập diệt. Cho nên Luận chép: là tự tướng. Sa-la, Hán dịch là kiên cố, Song Thọ: Cành trên tiếp nối với gốc dưới. Một tươi, một khô, kết hợp với nhau, nối liền với lý. Tươi khô giống như nhường nhau, hoa giống như hoa sen, trái to như cái bình, vị cây ngọt như mật. Theo kinh Niết-bàn: Thì bốn phương mỗi phương hai bên biểu hiện bốn đức, để phá tám thứ điên đảo. Nếu văn nương vào ba quyển kinh loại dương như chỉ có một hàng để phá đoạn thường. Ở đây

cũng nói lên căn tánh Đại thừa, Tiểu thừa đã thấy mỗi mỗi khác nhau. Sắp nhập Niết-bàn: Sắp nhập là nhân, Niết-bàn là quả, cho nên Luận chép: nhân chung, quả là tự tướng.

Ở trên nói song thọ, nếu biểu hiện bốn đức, tức là vô trụ Niết-bàn. Nay văn đã bỏ hữu dư vào vô dư. Nói nửa đêm là thành tựu hai thứ Trung đạo, cho nên Luận chép: là: Tự tướng chung.

1. Chánh giác Trung đạo.

2. Lìa chánh giác Trung đạo.

Cho nên biết nữa đêm nhập diệt là nói lên lìa hai thái cực đoạn và thường. Vắng lặng không tiếng động, đã lìa Chánh giác Trung đạo, cho nên Luận chép: là: Quả tự tướng. Tịch nhiên: Tự tánh lìa niệm. Vô Thanh: Tự tánh vô thuyết. Tức là tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, tâm và lời không đến nhau, cũng là quả lìa niệm Niết-bàn tự tánh vô thuyết của luận này.

Bổ Bổ Chú:

1. Lìa đoạn thường.

2. Cũng không trụ lìa đoạn thường. Không trụ lìa đoạn thường tức là lìa Trung đạo, đây là tự tướng quả Phật.

d. Phân biệt công đức tướng chung thành tựu rốt ráo.

Lược nói pháp yếu cho các đệ tử

Quyến thuộc thượng thủ, nhân vị khác nhau,các:là không phải một. Học sau thầy, gọi là đệ tử, hiểu biết từ thầy sinh gọi là Tử.

Sơ lược về pháp yếu:

Địa vị pháp khác nhau của thế gian và xuất thế gian. Phần thứ hai văn dưới tức là pháp thế gian, từ thứ ba đến thứ bảy đều là pháp xuất thế gian.

Bổ Bổ Chú:

Sơ lược về pháp yếu: Sắp nhập Niết-bàn không còn gặp lại nữa đêm là thời gian không còn nhiều, cho nên chỉ nói sơ lược. Chỉ những lời trích ra chính yếu này, nên người nghe phải hết lòng. Hai là tu tập công đức thế gian, chia làm ba:

1. Công đức đối trị tà nghiệp.

2. Công đức đối trị dứt khổ.

3. Công đức đối trị dứt trừ phiền não, tức là ba chướng khổ là báo chướng, còn lại hai thứ như văn có nói. Tu đối trị này là lìa bốn đường, chưa ra khỏi ba cõi, là nói chung về công đức thế gian.

Công đức đối trị tà nghiệp: Nương theo giới thanh tịnh căn bản.

- Dùng giới thanh tịnh làm phương tiện xa lìa.

- Kết hợp nói hai giới sinh ra định, tuệ.
- Nói riêng.
- Khuyến tu lợi ích của giới.

1. Nương theo giới thanh tịnh căn bản.

Này các Tỳ-kheo! Sau khi ta diệt độ phải cung kính tôn trọng Ba-la-đề-mộc-xoa. Như đi trong đêm tối gặp đén sáng, như người nghèo được của baú, nên biết giới là Đại sư của các thầy, như ta ở đời không khác.

Tiếng Phạm là Tỳ-kheo, Hán dịch có ba nghĩa: một là bố ma, hai là khất sĩ, ba là phá ác. Luận chép; trong kinh này mỗi lần nói về Tỳ-kheo là thị hiện tướng xa lìa. Lại nói về phương tiện đạo của Đại thừa và Hai thừa chung. Lại ở trong bốn Bổ Chúng cũng đồng hạnh xa lìa. Theo là ba tướng lớn Thể, Tướng, Dụng. Thừa là xe chở pháp của Chư Phật và Bồ-tát. Phân sau kinh nói về đạo kham nhẫn, là điểm tựa của Bồ-tát. Nay kinh lược trước sau, tiểu cơ đã rõ, được tích không, tịch mặc thuộc về Tạng giáo, là sợ mất ý chỉ sâu xa của ngài Mã Minh. Sau khi ta diệt độ: Thị hiện trong nghĩa Di giáo: Tôn kính mộc-xoa: là pháp không dứt mất vì pháp thân thanh tịnh nên pháp không mất thường độ hết người đời làm cho họ đều tôn kính.

Tiếng Phạm:Là Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là biệt biệt giải thoát, cũng dịch là xứ xứ giải thoát. Nghĩa là thân miệng có bảy lỗi và các lỗi của năm thiên. Không để phạm cho nên được tên trước giới thể đã hoàn toàn đầy đủ, sẽ chứng được thánh quả, cho nên nói về hiệu sau.

Luận chép: Mộc-xoa nầy cũng là pháp thuận nhau với Tỳ-ni, cũng nghĩa là các hành được điều phục.

Lại nữa, giải thoát là độ được hai chướng. Như tối gặp sáng: Độ được phiền não tối tăm. Như người mù được mắt, người nghèo được của báu, độ chướng gốc lành, như đầy đủ tài bảo. Đó là Đại sư của các thầy, thị hiện Bà-la-đề-mộc-xoa là Đại sư tu hành, như ta còn ở đời không khác: Thị hiện trụ trì làm lợi ích cho người và pháp giống nhau. Vì Phật ở đời thường dùng thiên tụ dạy người, thì pháp này còn như Phật tại thế, đây chính là pháp thân thanh tịnh bất diệt.

Bổ Bổ Chú:

Pháp không dứt mất: Phật diệt thì pháp diệt, vì giới còn thì pháp không diệt, có giới pháp thì không dứt mất, đó là pháp thân Như lai thường độ Bổ Chúng sinh.

2. Dùng giới thanh tịnh làm phương tiện xa lìa

Một là không cùng với phàm phu tăng thêm tội lỗi, hai là không

cùng ngoại đạo làm tổn hại trí.

Luận chép::

Giữ gìn giới thanh tịnh căn bản, hộ này văn đầu tiên nương nghĩa căn bản có hai thứ:

Một là không cùng phàm phu tăng thêm tội lỗi, hai là không đồng với ngoại đạo làm tổn thương trí. Già giới tuy nhiều, nay chỉ lược các giới dễ phạm và khuyên cố gắng giữ gìn, dứt được những điều ác này gọi là thanh tịnh.

Không cùng phàm phu tăng thêm tội lỗi.

Người giử giới không được mua bán trao đổi, sắp đặt ruộng vườn nhà cửa, nuôi người để làm tôi tớ cho mình, nuôi súc sinh, trồng trọt tất cả các thứ và các tài bảo quý, giá phải xa lìa Bổ Chúng như tránh hầm lửa lớn. Không được chặt cây cỏ, cuốc đất, đào ao. Hai chữ không được chung cho cả văn dưới. Phản: Một là tội phương tiện cầu lợi, mại: Hai là lỗi cầu lợi trước mắt. Mậu dịch: Ba lỗi cầu lợi giao dịch.

Luận chép: Nếu y theo giá trị ở đời không cầu lợi thì tâm không phạm. Mậu dịch là trao đổi rộng lớn. Như y đổi y, y đổi bát.

Luận Tát-bà-đa ngăn cấm bốn nghĩa này. Sắp xếp ruộng vườn: Bốn là nơi an cư lạc nghiệp cầu nhiều sự an ổn.

Luật Thiện Kiến chép: Cư sĩ cho ruộng đất, người khác không được dùng. Nếu có người cùng dường cho tăng thì được nhận. Nếu cúng áo cho Bổ Chúng tăng để tấm gội, và cho phép tất cả Bổ Chúng sinh đến uống dùng thì tùy ý thọ nhận.

Nuôi dưỡng người dân: Năm là lỗi tăng thêm quyến thuộc. Chính là quyến thuộc bên ngoài không được sự đồng ý. Vì sao không chỉ nói người mà còn nói dân? Vì đồng này là từng cá nhân, trong pháp lành không cho sống chung với những người còn hữu lậu. Tăng nhất A-hàm chép: Trưởng giả cúng dường Phật cô gái, Phật không nhận. Nếu nhận thì dần sinh tội nặng. Luật Tăng-kỳ chép: Nếu đem dâng cúng vườn tược, vợ, người thì không nên nhận. Nếu nói dâng cúng tịnh nhân nam để cung cấp cho Bổ Chúng tăng thì được nhận, ni thì ngược lại.

Tôi tớ: sáu là Nạn sinh ra tâm tự ty. Nhật Tàng phần chép:

Ở trong pháp của ta, dù cho đều thực hiện đúng như pháp. Bắt đầu từ một người cho đến bốn người không cho nhận ruộng, nhà, vườn cây, xe cộ, tôi tớ, những vật của thường trụ, nếu đủ năm người thì được nhận, Kinh Đại tập cũng nói như vậy.

Súc sinh: Bảy là nuôi lúc sinh cầu lợi, Luật Tứ phần chép:

Tỳ-kheo nuôi mèo chó cho đến các loài chim đều không được.

Nam Sơn nói:

Nay có người cúng dường súc sinh cho nhà phật pháp mà biết việc này có sự mua bán thì hoàn toàn không hợp với lời Phật dạy.

Gieo Trồng tất cả cac thứ: Tám là nhiều việc tăng thêm tội lỗi.

Luật Tăng-kỳ chép:

Kinh doanh cho tăng Bổ Chúng, còn cho người khác thì không được, mình trồng và dạy người đều hoàn toàn không nên.

Các thứ của báu: Chín là chứa để tăng thêm tội lỗi, nếu ý mình tự làm thì không nên. Nếu định tính thí cho người, theo văn luật thì cho phép.

Luật Tăng-kỳ chép:

Nếu người bệnh thì được nuôi tịnh nhân để đi mua thuốc. Lại nói khi phu nhân Mạt-lợi cúng dường tiền Bổ Chúng tăng nhân ngày bố tát, Phật cho phép, nhưng đúng nghĩa phải giao cho người giữ.

Luật Thiện Kiến chép:

Nếu cho gây gốc thì tăng nên đập bỏ.

Không được bán: Cho bình thuốc thì không được cầm, được bán, đều phải sai người khác. Văn tuy nói ở trước nhưng nghĩa thuộc phần sau.

Cho nên Luận chủ nói:

Mười việc này tăng thêm tội lỗi. Bồ-tát tu hành phải xa lìa, không nên gần gũi, phải tránh như tránh đống lửa dữ.

Không được chặt cây đào đất: Mười là không thuận theo oai nghi và làm tổn hại Bổ Chúng sinh. Ngoài con để dứt trừ sự chê bai, nên không cho chặt cây cỏ để bày tỏ lòng từ, đây là giới “giết hai vật có mạng sống trong Tỳ-ni”. Cuốc đất đào ao tức là giới đào đất.

Luật Tứ Phần chép:

Nếu ở chỗ vắng gặp lửa cháy lan đến gần chùa, vì bảo vệ trụ xứ, nên cho phép Tỳ-kheo được chặt cỏ đào đất, để dập tắt lửa.

Luận Tát-bà-đa: Không cuốc đất, giết hai mạng sống, ngoài con người ra thì loài có biết có mạng.sống Đức Phật đều cho là loài có mạng sống. Cỏ cây có sự sống nhưng không có sự hiểu biết. Có sự sống thì không nên giết. Vì thuận theo người đời, không phải thuận theo loài có sự hiểu biết.

Không đồng với ngoại đạo làm tổn hại trí có hai:

Một là căn bản hành pháp, hai là hành xứ căn bản, nghĩa là cái thấy phân biệt theo thế gian. Cái thấy phân biệt này có năm câu mười thứ.

1. Hành pháp căn bản: Hòa thuốc hợp thang xem tướng tốt xấu, ngước nhìn sao suy đoán biết trước lành dữ, lịch số tính toán đều không nên.

Hòa thuốc:

Vì tà tâm cầu lợi, học năm minh cứu giúp Bổ Chúng sinh. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói học y phương minh, nghĩa có tài trị được các thứ bệnh, tức là địa Bồ-tát thứ năm .

Xem tướng tốt xấu:

Chu Dịch chép : Tốt xấu đều là họa cho dân. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói học công xảo minh: Nghĩa là xem tướng công nghiệp do thiện, ác đời trước làm nhân chiêu cảm quả báo tốt xấu đời này.

Ngước nhìn sao: Xem sao là sự sống không được lương thiện. Túc Âm là sao. Là năm sao và hai mươi tám tú.

Tính những sự lành dữ :

Hộ cung là suy, Chu dịch chép: Sự hưng suy và tin tức thời tiết của trời đất.

Lịch số toán kế: Lịch số thứ lớp. Thượng Thư Hồng Phạm chép: Năm là lịch số, thông suốt được chánh nghĩa là xem được sự vận hành của mặt trời, mặt trăng gọi là lịch, tính được số vận hành sớm muộn, đó là lịch trong một năm, tất cả đều không nên làm.

Tổng kết về già chỉ. Luận chép:Ngăn được Dị kiến, hễ làm Sa-môn chí cầu giải thoát thì phải nhất tâm một chỗ, đâu được công kích dị đoan, làm tổn giảm chánh trí. Lại Tần Hoãn không cứu được Cao Manh, Bì Táo đâu biết được thiên đạo, luống chi tin theo phương thuật thế gian. Dù cho chỉ mở rộng một hạnh từ bi của pháp môn, thì năm minh của đạo Phật có ích gì cho sự giáo hóa chân chánh. Ở đời có người mê mờ yếu đạo, cùng chất chồng thêm cao, miễn có lợi là cầu, không nghĩ đến lời Phật, đi không thể ngăn đến có thể truy tìm. Người xưa dùng pháp hạnh căn bản này, thích Bổ Chú thành nhiều khoa, gần đây không thất lạc ư? nghĩa là hạnh pháp căn bản này tức là văn trước nương vào giới thanh tịnh căn bản, ở đây từ lâu đã mất. Hơn nữa ngài Mã Minh nói trong kinh này, pháp tu hành của Bồ-tát có bảy phần. Pháp tu hành bao gồm trong kinh, cho nên theo văn khoa gần đây có năm câu. Nghĩa là chưa rõ nên tôi nói y theo đây .

Bổ Bổ Chú:

Thuốc dùng để trị bệnh, nhưng nói không nên là vì đem tâm tà cầu lợi. Tâm tà có hai:

1. Không biết mệnh trời mà giúp đỡ bừa kéo dài tuổi thọ.

2. Sát sinh làm nhiều thuốc để lợi người hại vật, đều gọi là tâm tà, dùng những điều này cầu lợi thì tội càng nhiều chưa lên được địa và phải nghiên cứu nhất tâm, không nên nhàn rỗi làm những điều này.

2. Hành xứ căn bản có ba:

- Thân xứ mộc-xoa của.
- Khẩu xứ mộc-xoa của
- Ý xứ mộc-xoa của.

Thân xứ mộc-xoa của: Thân sống tiết kiệm ăn đúng giờ, cuộc sống thanh tịnh. Không được tham dự việc đời, làm sứ mạng.

Tiết thân: Tiết kiệm không nên cầu xin người khác, siêng bỏ buông lung.

Thời thực: Không nên ăn phi thời. Đối với thức ăn phải biết đủ.

Thanh tịnh tự nuôi sống: Không nên tìm cầu những thứ khác, xa lìa bốn thứ tà mạn.

Không tham dự việc đời: Tự tánh dứt nhiều việc.

Không nên làm sứ mạng: Tự tánh không nên làm những việc tầm thường, thấp hèn. Người xuất gia, tự giữ ý chí vô vi, vô dục làm cao thượng. Nếu làm sứ mệnh, thì tự hạ thấp mình và ý chí, bỏ phế chánh nghiệp.

Kinh Dịch chép:

Việc này bậc vương hầu cao quý còn không làm huống chi Bổ Chúng ta là người xuất gia thoát tục mà cam làm những việc thấp hèn nầy hay sao?

Thật là đáng thương, luật khai vì cha mẹ v.v... mà mang thư qua lại. Tất cả không phạm.

Khẩu xứ mộc xoa cũng: Bổ Chú thuật, tiên thuốc, kết giao với những người quyền quý, gần gũi những kẻ khinh lờn, đều không nên.

Bổ Chú thuật tiên thuốc Nương vào những lời tà thuật làm rối loạn tâm Bổ Chúng sinh. Nương vào tà ngữ có hai:

Bổ Chú thuật: Nương vào lời tà thuật khuấy rối tâm Bổ Chúng sinh.

Thuốc tiên: Nương vào thuốc tà biện luận những lời bất chánh. Kết giao với những người quyền quý: Nương vào lời người tà, có hai:

Thường cùng với người quý tộc nói những lời khinh lờn.

Thường gần gũi dòng họ quý tộc nói những lời ngã mạn. Người quý tộc là người có quyền thế, khinh thường người. Quách Bộc nói: Vì quá thân nên khinh lờn.

Bổ Bổ Chú:

Thuốc tiên quý người cao giống như lạm nhân thân xứ, không chỉ thuộc về miệng. Nhưng văn kinh quá rời rạc, đều cũng thuộc về ba nghiệp.

Ý xứ mộc-xoa của: Mình phải tâm ngay, chánh niệm cầu độ, không được che đậy lỗi lầm, bày những điều lạ làm mê hoặc người. Đối với bốn thứ cúng dường phải biết lường, biết đủ, được cung cấp không nên chứa để.

Phải tự làm cho tâm ngay thẳng: Không nên thấy lỗi người, vì thấy lỗi người thì tâm mình không thanh tịnh.

Chánh niệm cầu độ: Không được nghĩ tà, vì nghĩ tà thì không vượt qua thấp hèn.

Che đậy lỗi lấm: Vì khởi sân độc, có lỗi không chịu phát lồ.

Bày việc lạ để mê hoặc mọi người: Vì khởi sân độc, mình bày ra những hành vi tốt làm cho người không hiểu đúng.

Không nên chứa để tài vật: Vì khởi tham nên đối sự cung cấp không biết đủ, tội là dấu vết bệnh.

Bày việc lạ để mê hoặc mọi người: không ngoài năm thứ tà.

Vương chế rằng: Nghi nhiều nên giết.

Tỳ-ni chép: Nói chứng quả thánh phạm ba-la-di.

Bốn thứ cúng dường: đó là uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men.

Được sự cung cấp: Biết tiết lượng biết vừa đủ, không cầu nhiều cho nên nói không chứa để.

Ngũ Bách Vấn chép: Khi xưa, có vị Tỳ-kheo thường , xin nhiều và chứa để tài vật, đã không vì làm phước lại không hành đạo. Đến lúc qua đời sinh làm lạc đà, cao mười dặm. Gặp năm mất mùa, dân trong nước hằng ngày đến lấy thịt lạc đà ăn, hễ mỗi lần cắt xong thì lành lại ngay. Sau đó, người dân nước lân cận lại đến lấy thịt lạc đà` người dân to tiếng hỏi lạc đà.

Lạc đà đáp: Ta vốn làm đạo nhân, vì tham tài vật không biết bố thí, nên nợ tài vật người dân trong nước này rất nhiều. Cho nên nay ta lấy thịt này để trả cho các người, từ nay không còn nợ nữa. Hoặc có chỗ hỏi giới tánh trọng không dạy cho ông ta sao?

Đáp: Vừa rồi Phật đều khuyên phải tôn trọng Mộc-xoa, thì tánh nặng nhẹ đều chứa đựng trong năm thiên, không sót giới nào. Nếu chỉ cố gắng giữ giới nặng thì sẽ phạm giới nhẹ, nên biết nay nhẹ đều thuộc nặng trọng. Những phường dân rộng lớn còn, phải vượt qua, đâu chỉ hạn cuộc ở tánh nặng

Bổ Bổ Chú:

Trong ba nghiệp trên, từ xưa các cao tăng đều sắp xếp trang trại, ruộng vườn, có nuôi người lực sĩ, có người cuốc đất, có người chăn bò có người lắc chuông, có người làm Thất Đế Môn Sư, có người thị hiện thần thông. Vì bậc Đại sĩ đã vượt qua mọi sự tầm thường ở đời, không còn câu nệ vào giới luật. Nhưng Tỳ-kheo đời Mạt, Bồ-tát mới phát tâm phải vâng theo lời Phật dạy, ba lần kết hai giới có công năng sinh định, tuệ có ba:

- Kiết giới phương tiện xa lìa.
- Nói chung hai giới là nhân giải thoát.
- Nói về hai giới có công năng sinh ra định tuệ.

1. Kiết giới phương tiện xa lìa:

Ở đây nói lược về sự giử giới. Lược nói về sự giử giới: Trước tiên là giới viễn ly, Phật diệt độ người dễ phạm giới. Lược nói việc này, cho nên không nói rộng.

2. Nói là nhân giải thoát:

Giới là gốc, thuận theo giải thoát gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa.

Giới là chánh thuận: Dùng chánh ngăn tà, thuận là không trái lý, nhưng ngược dòng sinh tử, theo dòng Niết-bàn.

Gốc giải thoát: Giải thoát có hai: Hữu dư và vô dư. Dùng giới làm nền tảng nên gọi là giải thoát.

Ba-la-đề-mộc-xoa: Văn gọi là chứng nghĩa, dùng mộc xoa gọi là giải thoát. Ở đây nói về giới, gọi mộc-xoa là từ quả đặt tên.

Bổ Bổ Chú:

Một vị sư nói: Trì là thuận theo giải thoát, phạm là thuận theo phiền não, cũng chung cho cả trước sau gọi là chánh.

3. Nói đúng hai giới làm cho sinh ra định tuệ: Nhờ nương vào giới này sinh ra, các thiền định diệt khổ, sinh trí tuệ.

Nương giới sinh định tuệ: Giữ giới sinh bốn thiền, tám định. Giữ giới ra khỏi ba cõi, định ra khỏi sáu tầng trời cõi Dục, tuệ ra khỏi ba cõi, cho nên diệt khổ là quả.

Bổ Bổ Chú:

Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Nhờ giới sinh định, nhờ định phát tuệ, chính là ý này. Nhưng về sau nói giới có công năng sinh định, tuệ từ định sinh. Nhưng nay giới có công năng sinh định, giới cũng sinh ra tuệ, hơi với kia khác, vì tạm gọi giới là đạt được.

4. Nói riêng về năm điều khuyên tu giới đạt được lợi ích.

Cho nên Tỳ-kheo phải giữ giới thanh tịnh chớ nên hủy phạm. Nếu người giữ giới thanh tịnh thì có pháp lành. Nếu không giữ giới thanh tịnh

thì các công đức lành không sinh. Nên biết giới là chỗ nương công đức an ổn bậc nhất.

Phải giữ giới thanh tịnh bằng cách.

1. Cố gắng không nên để mất tự thể, không nên hủy tổn.

2. Khuyên không nên xả bỏ phương tiện vì được pháp lành.

3. Cố gắng xa lìa về nghiệp thân, miệng, ý thường tụ tập công đức.

Các điều lành không sinh: Biết nhiều tội lỗi, bất cứ lúc nào ba nghiệp cũng không sinh công đức.

Trụ nơi an ổn: Nói về những điều tu hành của Bồ-tát, trong giới có những điều được mất như thế, ta thường trụ chỗ an ổn, không trụ ở chỗ không an ổn. Đây là thị hiện khuyên tu lợi ích thắng nghĩa.

Bổ Bổ Chú:

Tuy gọi là năm lời khuyên nhưng, đại ý đều kết chung văn trên.

Làm cho đạt được pháp lành: Tức là giới có công năng sinh định, tuệ. Nói˜ sáu độ muôn hạnh đều do đây sinh. Chỗ an ổn tuy nhiều nhưng giới là bậc nhất, không có pháp nào hơn.Công đức tu tập đối trị có hai:

Một là. căn buông lung, Hai là . muốn buông lung. Căn buông lung có ba: Một là giới hộ, hai là niệm hộ, ba là trí hộ. Ba thứ này sinh khởi, dù trụ trong giới thanh tịnh nhưng , nếu không nhiếp niệm giới thì cũng không vững vàng. Nhiếp niệm để trị chướng do trí tuệ lựa chọn.

1. Giới hộ:

Các Tỳ-kheo đã trụ trong giới, cũng là đi trước khởi sau.

Bổ Bổ Chú:

Nhiếp trước: Đã đi vào được trong ấy. Khởi sau: Khởi lên nhưng chưa đạt.

2. Niệm hộ có ba:

Một là dụ chăn trâu. Hai là dụ ngựa dữ. Ba là dụ bọn cướp ,dụ chăn trâu có hai: Một là pháp, hai là dụ.

Một là pháp thường chế ngự năm căn không để rong ruổi theo năm dục.

Năm căn: Mỗi căn sinh ra thức nên đều gọi là căn, nhưng không gọi là ý.

Luận chép: Vì hiện bày sắc phi sắc khác nhau.

Bổ Bổ Chú:

Phi sắc có công năng làm chủ tể của sắc, văn dưới chép: Năm căn này có ý nghĩa là làm chủ.

2.Hai là Dụ: Thí như người chăn trâu cầm roi nhìn trâu, không để trâu ăn phá lúa mạ người. Trâu dụ cho năm căn, người dụ cho Tỳ-kheo, cầm roi dụ cho nhiếp niệm, lúa mạ dụ cho phương tiện tam muội, chánh thọ công đức. Năm dục không khởi đạt được chánh niệm, cũng như không xâm phạm lúa mạ người.

Bổ Bổ Chú:

Thạch Củng, Tam Tuyền lãnh hội được ý chỉ này. hơn nữa, Tam muội chánh thọ, xưa dịch từ tiếng phạm sang Hán.

Dụ Ngựa dữ có hai:

- Pháp: Dù năm căn không phải chỉ có năm dục, sẽ không được đến bờ, không chế ngự được. Nếu không giữ căn thì, chẳng những chạy theo năm dục làm ngăn ngại đạo, mà còn chìm sâu trong biển khổ không lên bờ được. Đã mất giới niệm đối trị rất khó vì không chế ngự được, cho nên phải ngăn ngừa từ mầm mống, không cho động niệm.

Dụ: Cũng như ngựa dữ không dùng dây cương chế ngự, thì nó sẽ lôi người xuống vực thẳm. Ngựa dữ dụ cho năm căn, không dùng dây cương chế ngự dụ cho không chánh niệm, rơi xuống vực thẳm dụ cho đường ác.

Bổ Bổ Chú:

Hai thí dụ trâu và ngựa, tuy giống nhau nhưng khác, ăn phá lúa mạ người dụ cho bại hoại gốc lành làm nhân. Rơi xuống vực thẳm, dụ cho chìm đắm trong đường ác làm quả.

Dụ bọn cướp có hai: một là dụ, hai là pháp.

Như bị bọn cướp cướp bóc thì khổ chỉ một đời, giới sớ của Trừng Chiếu chép: lấy công khai gọi là cướp.

Pháp: Năm căn là tai họa của bọn cướp, nhiều kiếp bị hại rất nặng nề, phải nên cẩn thận, chịu tai ương nhiều đời, khổ còn hơn. Cố gắng cẩn thận năm căn, răn chừng không nên khởi dục.

Bổ Bổ Chú:

Người chê bai Hiền thánh thì sáu muôn đời không có lưỡi, người mê âm nhạc chứng quả A-la-hán vẫn còn thói quen , khi tai ương đến đâu có qua được.

Cho nên người trí chế ngự không chạy theo, giữ như bọn trộm cướp, không cho buông lung. Nếu Bổ Chúng buông lung, không bao lâu thấy Bổ Chúng cũng bị tiêu diệt. Chỉ người có trí được gọi là Trí giả. Hễ người có trí thì mới dứt được những phải quấy, phân biệt được điều lợi và hại, đã biết được giới niệm là lợi không phải hại, chế ngự không theo, vì biết được căn dục là hại không phải lợi và giữ gìn như đề phòng

bọn cướp.

Luận chép:

Vì đây chướng nặng nên không để buông lung: Dưới sẽ nóivề chướng nhẹ. Nếu buông lung nghĩa là những tướng tế huân tập thành chướng, dù có căn dục cũng không khởi ý, không bao lâu thấy Bổ Chúng cũng tiêu diệt. Vì sao lập thành thấy thị hiện nương vào lúc thấy cho nên nói, thí như vô thường đều trở về tiêu diệt.

Bổ Bổ Chú:

Đây là nương theo văn trên, năm căn đã như trâu, như ngựa, như bọn cướp cho nên người trí phải điều phục năm căn không để cho rong ruổi. Nếu để nó chạy theo duyên ngoài, ý nói rằng năm căn chắc chắn không thể rong ruổi, mà để nó rong ruổi, thì bất quá trong khoảng Sát-na ngọn đèn trước gió cũng phải diệt, cuối cùng đều diệt, đâu đáng vui gì. Giải thích này hơi khác trước, hoặc có thuyết nói: Hai dục buông lung có bốn: một là. nêu do tâm. Hai là. Siêng năng ngăn giữ. Ba là. nói chướng pháp. Bốn là . tu tam-muội.

1. Nêu do tâm:

Năm căn này thì tâm làm chủ. Năm căn khởi lên ham muốn đều do tâm. Nếu mình vô tâm, thì năm trần đâu đâu nhiễm, nên biết tâm vương là chủ.

Bổ Bổ Chú:

Tâm là chủ có bốn.

Phật Ca-diếp nói: "Dục sinh từ ý ông" cho nên sáu thức tâm làm chủ.

Lại nói: Ý từ tư tưởng sinh, thì thức tâm thứ bảy làm chủ. Vọng tưởng là kiến phần của A-lay-a, thì dùng thức tâm thứ tám làm chủ. Hàm tàng vô tánh tức là bạch tịnh chân như, thì viên giác diệu tâm làm chủ.

2. Siêng năng ngăn giữ: Cho nên các thầy phải thường điều phục tâm. Đã biết năm dục đều do tâm, cho nên phải cố gắng ngăn ngừa điều phục.

Kinh Thụy Ứng chép: Đạt được nhất tâm thì muôn điều tà đều diệt.

Bổ Bổ Chú:

Điều phục có hai: Sự điều phục thì chỉ giữ căn môn không để chạy theo cảnh. Lý Đế thì căn cánh vốn vắng lặng, niệm vốn không sinh.

3. Nói về pháp chướng có ba: 1. Chướng tâm tánh sai khác. 2. Chướng khinh động không điều. 3. Chướng mất các công đức.

1. Tâm tánh sai khác chướng:

Tâm đáng sợ hơn rắn độc, thú dữ, cướp bóc, lửa dữ còn chưa ba thứ này đáng sợ bằng tâm.

Đáng sợ: Vì chiêu cảm sinh tử không có ngày giải thoát, đã do tâm thì đâu thể không sợ.

Rắn độc dụ cho tâm sân khi gặp cảnh trái ý, thú dữ dụ cho tâm si khi gặp cảnh hài lòng. Cướp bóc dụ cho tâm tham khi gặp cảnh thuận. Ba độc tai hại hơn rắn độc nên nói là còn hơn. Lức lớn cháy lan dụ cho đẳng phần còn. Đẳng phần hơn cả lửa dữ và hơn buông lung, cho đến dụ cũng chưa đủ.

Bổ Bổ Chú:

Rắn độc, thú dữ, giặc cướp v.v... tất cả dụ cho đáng sợ. Nay phân chia ba độc thì: Rắn đứng đầu Sân-nộ, thú dữ đứng đầu ngu ám, cướp bóc đứng đầu cướp đoạt, dụ cho đẳng phần. Lửa cháy lan đá ngọc cũng đều cháy không sót Bổ Chút nào, nên nói cháy khắp, dụ cho đẳng phần.

2. Chướng năng nhẹ không điều phục:

Thí như có người hai tay bưng chén mật bước đi chăm Bổ Chú, chỉ nhìnchén mật không thấy hầm sâu. Thí như con voi điên không có móc sắt, như vượn khỉ gặp cây nhảy nhót chuyền hết cây này sang cây khác, không kèm chế được, phải mau hàng phục không để nó buông lung. Du cho tâm còn mê mờ không thấy được vị lai.

Kinh Bách Dụ chép: khi xưa có một người tham, vào chỗ hoang vắng tìm mật. khi thấy được cây, chân cứ bước tới trước lấy mật, không thấy được dưới đám cỏ rậm là một giếng nước sâu, nên bị tuột chân mất mạng.

Voi điên: Dụ cho tâm khởi lên ba độc.

Kinh Niết-bàn: vì voi say điên cuồng, như say mê tham sân, ngu si. Cho nên thường gây ra nghiệp ác.

Vượn khỉ: Dụ cho căn khởi lên năm dục.

Có thuyết nói: Như con khỉ ở trong ngôi nhà có năm cửa sổ, tâm khỉ cũng như vậy, nó ở khắp năm căn.

Nhảy nhót: Giải thích như voi điên ở trên.

Lăng Xăng: Giải thích như khỉ vượn ở trên. Nhảy như khỉ vượn phải mau hàng phục huấn luyện nó vào chỗ bất động, không cho nó chạy nhảy, làm chủ và điều phục nó ngồi một chỗ.

Bổ Bổ Chú:

Ế là như mây và gió, ấm dụ cho hôn trầm, gió dụ cho vọng tưởng. Bầu trời quang đảng bị mây đen che phủ cho. Dụ tâm vắng lặng chiếu

soi bị che chướng, nên chỉ thấy dục ở trước mắt, không nghĩ hậu quả sau thân.

3. Chướng mất các công đức: Tâm này rong ruổi làm mất việc lành của người. Do không việc phục thì việc lành thế gian và xuất thế gian đều tiêu tan.

4. Tu tam-muội: Điều phục vào một chỗ, không việc gì chẳng làm được, cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn điều phục tâm mình.

Định lại một chỗ: Tam-muội không hai niệm, dứt bỏ chướng tâm tánh sai khác. Một chỗ là tâm, điều phục nổ trong tâm thì bốn thứ phân biệt tự nhiên dứt.

Không Việc gì chẳng làm được: Khởi nhiều công đức tam-muội, chướng mất các công đức. Văn ngắn không có thứ lớp, nên nương vào luận ở sau, nay thuận theo văn kinh ở giữa.

Hàng phục tâm các thầy: là Điều nhu bất động Tam-muội, dứt bỏ chướng tháo động bất điều. Đã biết được lợi ích của điều phục tâm, thì nên phải tinh tấn điều phục không cho dao động.

Bổ Bổ Chú:

Không việc gì chẳng làm được đã mở rộng. Nên biết muôn pháp do tâm, vì tâm này trăm ngàn Tam-muội thần thông sáng ngời đều đầy đủ.

2. Đối trị khổ ăn nhiều có ba: 1. nói về bình đẳng. 2. Răn tham cầu nhiều. 3. Khuyên tiết lượng.

1. Nói về bình đẳng: Này các Tỳ-kheo khi nhận các vật thực ăn uống phải xem như thuốc men. Đối với món ngon hay dở không nên sinh tâm khen chê, dùng để nuôi thân mục đích là trừ đói khát. Thuốc trị bệnh không phân biệt tốt xấu, dùng thuốc làm thức uống ăn để trừ bệnh đói khát. Cũng vậy, không nên vì món ăn ngon mà sinh tâm tham đắm, còn món dở thì không thích, ăn là để là trừ bệnh đói. Không nên tham nhận những món ăn ngon.

Bổ Bổ Chú:

Chi trì:là giữ gìn thân này tức là không tham vị, tất cả đều để trị bệnh và tiếp khí cho thân hình khô gầy nâ2y.

2. Giới tham cầu nhiều có hai:

Dụ: như ong hút mật hoa chỉ lấy vị ngọt không làm tổn hại sắc và hương. Ong: Dụ cho các Tỳ-kheo, hoa dụ cho người cúng dường, lấy vị dụ cho trừ sự khổ não về đói khát. Không làm tổn sắc và hương dụ cho làm hư không hoại thiện tâm.

Bổ Bổ Chú:

Giải thích như vậy là nói các Tỳ-kheo không nên làm hư hoại tâm lành của mình.

Hợp: Tỳ-kheo cũng vậy, người nhận cúng dường tự mình dứt khổ não, không được cầu nhiều mà hư hoại tâm lành của họ. Cầu nhiều làm cho lòng tham thêm lớn, cho nên hư hoại tâm lành.

Bổ Bổ Chú:

Không được cầu nhiều làm hư hoại tâm lành, là hoại niệm tâm lành của tín chủ kia. Vì tìm cầu không nhàm chán làm cho tâm tín Bổ Chú lui sụt và mệt mõi. Như các Tỳ-kheo khi Phật còn tại thế đi qua xóm làng bị dân Bổ Chúng đóng cửa lại, văn trên dưới xuyên suốt rất rõ.

3. Khuyên tiết lượng:

Thí như người trí, lường được sức của trâu mạnh yếu, không bắt nó chở quá lượng đến nỗi mà bị kiệt sức. Trâu có khả năng chở nặng nhưng, nếu chở quá thì kiệt sức. Cũng vậy, Tỳ-kheo nhận sự cúng dường, cầu xin nhiều thức ăn ngon thì mất phẩm chất đạo đức.

3. Đối trị khổ biếng nhác ngủ nghỉ có hai:

1. Hợp với hai ngủ nghỉ trước.

2. Cách biệt với một ngủ nghĩ sau.

Luận chép: Biếng nhác là tâm lười biếng. Ngủ nghỉ là nặng nề tăm tối. Hai việc này hợp lại tạo thành khổ. Nhưng ngủ nghĩ có ba:

1. ngủ nghĩ do ăn uống sinh ra

2. Thời tiết ngủ nghĩ do sinh ra.

3. Tâm ngủ nghĩ do sinh ra.

Hai thứ trước là sự ngủ nghỉ của A-la-hán, vì kia không sinh theo tâm, không bị che đậy.

1. Hợp giải thích hai ngủ nghỉ đầu:

Này các Tỳ-kheo tâm phải siêng tu tập pháp lành không nên xao lãng. Lúc đầu hôm, gần sáng cũng không bỏ, nửa đêm tụng kinh lấy đó an tâm, không nên ngủ nghỉ, nhờ duyên như vậy không để một đời luống qua tất cả đều đạt được.

Ngày siêng tâm:

Đối trị ngủ nghỉ do ăn uống sinh ra, nửa đêm không bỏ, đối trị ngủ nghỉ do thời tiết sinh ra. Không bỏ luống qua: là Tổng kết chung hai thứ đầu đều dùng tinh tấn để đối trị.

Luận Trí Độ chép: Ngủ nghỉ như áng mây lớn che lấp không thấy được gì, thường lừa dối cướp đi ánh sáng của người. Cho nên Tề Dự ngủ bên sách, Trọng Ni để lại những lời trách cây mục, Na Luật ngủ bị Phật

quở là Ngao, Sò. Ngủ nghỉ phế bỏ việc tu học chướng ngăn thánh đạo, việc ngủ nghĩ là việc lớn nhất

Bổ Bổ Chú:

Ban đêm chỉ nêu đầu, giữa và sau, đối với lời dạy buộc vào hơi thở là chỉ cho những người thông thường. Cho nên ban ngày có vẫn thể tu tập được, ban đâm nên ngủ nghĩ vì thế, đặc biệt cảnh báo.

2. Ly biện hậu, nhất thùy miên, có hai:

1. Quán sát đối trị bằng cách.

2. Tịnh giới đối trị bằng.

Luận chép: Từ Tu-đa-la khác nói thứ ba là tâm khỏi ngủ nghỉ từ . Có hai thứ đối trị: Một là quan sát đối trị bằng, hai tịnh giới đối trị bằng.

Có chỗ nói: hai ngủ nghỉ trước chỉ có một tinh tấn, để đối trị. Nay một thứ này làm sao đối trị cả hai?

Đáp :Chướng có nặng nhẹ thì đối trị cũng phải có nhiều ít. Hai ngủ nghỉ đầu từ ăn uông sanh,tứ thời tiết sanh thì đối trị chướng nhẹ, cho nên tinh tấn chung cho cả đối trị này còn ngủ nghĩ. từ tâm khởi: Vì được đối trị chướng nặng phải dùng quán sát tịnh giới theo pháp dẫn dụ, mỗi thứ đối trị riêng.

1. Quán sát đối trị bằng : Phải nghĩ rằng lửa vô thường thiêu đốt người đời, phải mau cầu độ mình không nên ngủ nghĩ, giặc phiền não luôn rình rập giết người, còn hơn kẻ thù, đâu thể ngủ yên không chịu cầu tỉnh ngộ? Vô thường có hai: Một thô, hai tế. Trong một thời gian sinh diệt là thô, niệm niệm sinh diệt là tế.

Luận chép: Thấy sinh diệt hoại diệt trong năm uẩn. Người đời cũng có ba cõi là khí thế gian, sáu đường là hữu tình thế gian, nhưng nương vào đây thì đều là hư hoại.

Như lửa đốt: Lại kinh Nhân Vương chép: Kiếp lửa cháy khắp Đại thiên thiêu đốt hết.

Kinh Vô Thường chép: Không hề có một việc gì chẳng bị vô thường nuốt chửng.

Sớm cầu tự độ: là nói cầu thiền định trí tuệ độ người đáng độ các giặc phiền não: Ba độc phiền não giết người giết pháp thân tuệ mạng.

Luận chép: Quán ấn nhập giới thường giết hại, ở trong đó đáng sợ phải Chánh giác.

Bổ Bổ Chú:

Hoại năm ấm một thời giaǹ một niệm đều có năm ấm.

2. Bằng tịnh giới đối trị, có hai: Một nói về đối trị, Hai là nói về

pháp đối trị. Nói về đối trị có hai:

1. Nói về hữu đối trị.

2. Nói về vô đối trị.

- Nói về đối trị có hai:

1. Nói về phiền não đáng sợ.

2. Khuyến tịnh giới dứt trừ.

1. Nói về phiền não đáng sợ : Rắn độc phiền não ngủ trung tâm các thầy. Thí như rắn hổ mang ngủ trong nhà các thầy.Rắn độc phiền não hại mình trong tâm, lại đưa điều đáng sợ dụ cho rắn hổ mang, nó ngủ trong nhà, nếu thức dậy thì hại người.

2. Khuyến tịnh giới dứt trừ: Phải dùng móc câu giữ giới đuổi rắn ngủ trong nhà ra khỏi mới được an tâm ngủ. Giữ giới xua tan mê hoặc như dùng móc câu bắt rắn ra, ý nói định và giới tương ưng.

Luận chép : Thiền định tương ưng với tâm giới. luật Tứ phần vì sao điều hòa ba độc.

Rắn ra rồi ngủ yên: Câu trên nói về dứt mê hoặc, câu dưới nói về việc mình đã xong, nói chung là. Dùng giới để ngăn ngừa bên ngoài, dùng định để an tĩnh bên trong. Cho nên có thể phát tuệ dứt nghi ngờ. Nếu bên ngoài khoe tướng giữ giới, bên trong không định tuệ, ngã mạn tự cao chấp giới từ đây sinh. Lại dẫn rắn hổ mang để trở về nhà tâm, không biết đều này. Người trí phải suy nghĩ mà răn chừa.

Bổ Bổ Chú:

Phát tuệ dứt hoặc, là đạo và giới, có hai giới này, định tuệ song tu

1. Nói về vô đối trị: Rắn chưa ra mà vẫn ngủ yên là người không biết bổ chẳng thể đối trị phiền não được. biếng nhác ngủ yên thì là người không biếtthẹn ngu mê, gọi là người vô quý.

2. Nói về pháp đối trị, có hai:

a.. Nói về thắng pháp.

b.. Khuyến tu thắng pháp.

a.. Nói về thắng pháp:

Áo hổ thẹn là hỗ trong các sự trong nghiêm bậc nhất. Như móc sắt có công năng chế phục người phi pháp. Hai chữ hổ thẹn, trong các kinh luận thường giải thích chung.

Kinh Niết-bàn chép: Người biết tàm trong tâm tự hổ thẹn.

Du giàchép: Bên trong sinh hổ thẹn là tàm. Nên biết, đã hổ thẹn thì ba nghiệp siêng năng chẳng rảnh. Nhưng ba học là nấc thang tu mau đến hiền thánh, cho nên ở đây nói giới định trang nghiêm là bậc nhất.

Nhưng chế ngự được phi pháp, như người nài điều khiển voi.

Bổ Bổ Chú:

Ba học Giới định tuệ đều để trang nghiêm pháp thân. Chỉ có tàm quý mới có thể tu học, nên nói là bậc nhất.

b. Khuyên tu thắng pháp có hai:

1. Nói về khuyên tu. 2. Hữu vô, được mất.

1. Nói về Khuyên tu: có hai: 1. khuyên phải thường tu; 2. Xa lìa hư tổn khuyên phải thường ta

Cho nên Tỳ-kheo phải thường hổ thẹn không được tạm quên, vì Trang nghiêm thù thắng cho nên khuyên thường tu.

2. Xa lìa hư tổn:

Nếu không có hổ thẹn thì mất các công đức, nếu lìa hổ thẹn thì không thể giử giới. Giới không thanh tịnh cho nên định không sinh. Định không thành cho nên tuệ không phát. Ba thứ đều không, thì công đức thế gian và xuất thế gian làm sao sinh? Cho nên mất công đức.

2. Hữu vô được mất:

Người có quý thì có pháp lành, nếu người không có quý thì không có pháp lành giống như loài cầm thú.

Kinh Niết-bàn chép: Quý là sám hối với người.

Kinh Du-già chép: Bên ngoài sinh hổ thẹn là tàm.

Kinh Niết-bàn lại chép: Người không hổ thẹn không gọi là người cũng như loài chim bay, thú chạy.

Bổ Bổ Chú:

Quý có trong hổ thẹn, vì một chữ có hai nghĩa.

3. Công đức tu tập đối trị dứt trì phiền não, có ba:

- Đối trị phiền não sân nhuế.
- Đối trị phiền não cống cao.
- Đối trị phiền não dua nịnh.

a. Đối trị phiền não sân nhuế, có ba:

- Nói về kham nhẫn đạo.
- So sánh tối thắng.
- Y theo năng bất năng.

- Nói về đạo kham nhẫn, có hai:

- Kham nhẫn thì ba nghiệp thanh tịnh.
- Không kham nhẫn làm chướng mất đạo đức.

* Kham nhẫn thì ba nghiệp thanh tịnh:

Này các Tỳ-kheo! nếu có người đến cắt từng phần trên thân thể các thầy, thì các thầy phải nhiếp tâm không tức giận, cũng không nên

nói lời ác độc

Luận chép: Bồ-tát tu hành trụ ở giai vị Kham nhẫn, chịu đựng những điều khổ não. Bị chặt từng phần thân thể cũng không tức giận, thân tâm thanh tịnh. Miệng không nói lời độc ác thì khẩu nhiệp thanh tịnh.

Nhưng kinh chép: Nếu so sánh với luận kim cương thì ngang với thứ mười ba trong mười tám trụ, là Tín hạnh địa.

Luận Khởi Tín cũng chép: Như mới phát ý trong quán trí của Hai thừa

Sớ ấy giải thích: Bồ-tát Ba hiền và người Hai thừa giống nhau.

Luận này chép: Lại nói về đạo phương tiện của Ma-ha-diễn và Hai thừa chung, thì biết của kinh này điều do hóa thân. Nhiếp thâu Bồ-tát đại tiền Báo thân trong kinh Phạm Võng đã nói giảng nói thuộc về thánh Địa thượng.

Cho nên Hoa Nghiêm sớ chép: Phạm Võng tức là Xá-na ngồi trên hoa ngàn cánh nhiếp ly cấu địa giới Ba-la-mật. người xưa dùng di giáo là tạng thông Bồ-tát đồng phẩm, hỏi nói về áo nghĩa của ngài Mã Minh. Nếu nói về Phạm Võng là biệt viên Bồ-tát tự bẩm, thì dường như trái với văn sâu xa thanh tịnh.

Bổ Bổ Chú:

Vô sân dường như chỉ thuộc ý. Nhưng nói thân ý thanh tịnh, để mặc họ chặt từng chi phần mà tay chân không cần kềm chế, tức là thân thanh tịnh.

* Không nhẫn thì mất đạo đức:

Nếu buông lung tâm tức giận thì chướng ngại đạo, mất đạo đức. Nếu buông lung tức giận: Thì mình làm chướng đạo, mất đi sự giáo hóa người.

- So sánh tối thắng:

Nhẫn là đức giữ giới, khổ hạnh không bằng là địa thứ hai giử giới khổ hạnh. So sánh địa thứ ba là đức nhẫn nhục, những điều ấy không sánh bằng.

Bổ Bổ Chú:

Vì sao giới hạnh không bằng năng nhẫn, do người giữ giới cao, tình đời nhẹ, khổ mình thì sân với người. Nhẫn thì oán thân giới cao, tình đời nhẹ, khổ mình thì sân với người. Nhẫn thì oán thân đều xem ngang nhau, khổ vui không nương theo cho nên bố thí sinh lên cõi trời, nhẫn nhục vào đạo, làm sao bì được.

- Y theo năng bất năng, khuyến giới có hai:

- Nên năng nhẫn và khuyên.
- Y theo bất năng mà răn.

1. Nêu năng nhẫn khuyên:

Người thực hành nhẫn nhục mới gọi là người vĩ đại. Phạm thì không được gọi là quân tử ở đời. Cho nên thực hành ba điều nhẫn nhục đều gọi là bậc đại nhân.

Bổ Bổ Chú:

Ba nhẫn: 1. Khổ hạnh nhẫn. 2. Sinh nhẫn. 3. Đệ nhất nghĩa nhẫn. Nay y theo hai nhẫn. Lại nữa, một là Nại oán hại nhẫn, hai là an thọ nhẫn. Ba là quán sát nhẫn. Nay y theo nhẫn đầu, người có năng lực nhẫn gọi là người vĩ đại. Phàm phu lấy việc thắng người làm sức mạnh, Bồ-tát nhường người làm sức mạnh. Năng lực vật chất là tiểu nhân, năng lực đạo đức là đại nhân.

2. Y theo bất năng mà răn có ba:

- Nói bất nhẫn thành ngu.
- Nói lỗi của sân nhuế.
- So sánh với người tại gia.

1. Nói bất nhẫn thành ngu:

Nếu người không thể vui vẻ chịu đựng những lời chửi rủa ác độc xem như uống cam lồ thì không gọi là người trí tuệ đã vào đạo. Cam lộ là một vị thuốc sống lâu của các vị trời. Sức nhẫn đã đạt được thì lợi ích cho pháp thân, kéo dài mang sống trí tuệ. Dùng năng lực nhẫn để chịu những điều mắng chửidụ như uống cam lộ, không do nhẫn nhục thì đâu tỏ được năng lực nhẫn của ngã, lau chùi núi vàng, nên biết là ý này. nếu không được như thế thì không chứng được trí tuệ của đạo, mà gọi là phàm phu ngu si.

Bổ Bổ Chú:

Lau chùi núi vàng thì vàng càng sáng. Mài đá thành gươm. Kiếm dụ cho bén.

Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: Không do chê bai mà khởi oán thân, đâu tơ được sức từ nhẫn Vô sinh.

2. Nói về lỗi lầm của sân nhuế có hai:

- Giải thích lỗi lầm.
- Răn khiến ngăn giữ

1. Giải thích lỗi lầm

Vì sao? Vì cái hại của sân nhuế phá hoại các pháp lành, hủy hoại danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau mọi người không thấy thích nhìn. Phá pháp lành: Kinh Hoa Nghiêm chép: Một niệm sân nổi lên

trăm muôn cửa chướng mở.

Luận chép: Pháp lành là tướng trí tuệ tự lợi, danh văn là pháp lành lợi tha nên gọi là công đức. Người không thấy. Thích nhìn thấy

Bổ Chú thích rằng: đời nầy đời khác chịu không quả báo đáng ưa thích .

2. Răn khiến ngăn giữ:

Nên biết tâm sân còn hơn lửa dữ, thường phải giữ gìn không cho bọn cướp xâm phạm công đức, thì không có lỗi sân nhuế.

Luận chép: Bảo vệ pháp lành cho mình như ngăn lửa, bảo vệ công đức lợi tha như ngăn bọn cướp.

3. So sánh với người tại gia có hai:

Người tại gia không có pháp đối trị nên cho khởi.

Pháp đối trị người xuất gia có nên không cho khởi.

1. Người tại gia không có pháp đối trị nên cho khởi:

Người tại gia thọ hưởng năm dục lạc không phải người hành đạo, không có pháp để hạn chế mình nổi sân thì còn tha thứ.

Tha thứ, Thinh loại chép: Dùng tâm tiếp đãi ứng xử với người, họ đã đắm trước năm dục không có pháp thanh tịnh để đối trị, thì tha thứ khi họ nổi sân, Người xuất gia trái lại không nên nổi sân.

Bổ Bổ Chú:

Người tại gia là kể cả sáu tầng trời cõi Dục vì cọi trên không có sân. Tỳ-kheo chí hướng ra khỏi ba cõi, thì mình đâu thể giống như cư sĩ, cho nên phải trái với thế tục.

2. Người xuất gia có pháp đối trị thì không nên nổi sân có hai là:

Pháp, Dụ

a. Pháp: Người xuất gia hành đạo vô dục còn sân thì không được.

Bổ Bổ Chú:

Người ham muốn: Hễ Ham muốn mà thuận lòng thì kiêu căng, gòn buông lung thì nỗi sân, ham muốn không được thì phẩn hận cho nên nổi sân. Ngay người vô dục mà nổi sân thì không được, huống chi là có pháp đối trị.

b. Dụ:

Thí như bầu trời trong sáng mà nổi sấm chớp thì không có việc đó. Bầu trời trong dụ cho hành đạo vô dục, sấm chớp dụ cho sân hận.

Quách Bộc nói: Sấm chớp bất ngờ gọi là tích lịch.

Luận chép: Trong phần thị đạo không nên có.

b. Đối trị phiền não cống cao có hai:

Lập ra pháp đối trị.

So sánh không nên.

1. Lập ra pháp đối trị:

Này các Tỳ-kheo các thầy phải tự rờ đầu, mình đã bỏ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, ôm bát đi khất thực tự nuôi sống. Tự thấy như vậy mà còn kiêu mạn thì phải mau dứt bỏ những điều đó. Người tại gia, dựa vào hình dáng để kiêu ngạo với mọi người, cho nên đội mão trang sức đầu mình, đeo kiếm ngọc tô điểm thân này, mặc áo đỏ tím để khoe với mọi người, có kể hầu chầu hạ cung phụng, cất chứa tài vật, họ yêu chuộng giàu sang mà còn không kiêu ngạo phải tự nhún nhường tôn kính người. Nay Ta vượt ra khỏi bốn dân mong lên thánh quả. Xem thường tâhn mạng mặc áo hoại sắc, thì dáng không nên kiêu mạn. Xoa đầu: tay xoa đầu, biết mình không còn mũ để trang sức. Bỏ những trang sức tốt đẹp. Bản thân đã bỏ trang sức vật quý Hoại sắc: Nhìn lại áo hoại sắc, dứt những mầu sắc hoa hòe, ôm bình bát:

Đích thân ôm bình bát không có người phục dịch. Khất thực tự nuôi sống đi xin ăn để nuôi mạng sống, không cất chứa tài vật. Năm câu trên là nói không kiêu mạn. Tự thấy như vậy. Câu thứ nhất là nói đạt được trí tuệ, vì thường tự quan sát. Một câu sau nói về kiêu mạn khởi nên đối trị. Kiêu mạn nỗi lên thì phải mau suy nghĩ để dứt vọng tâm, cho nên phải dứt bỏ Bổ Chúng. Chẳng phải sắc chính của người đời nên gọi là hoại sắc.

Luật Tứ Phần chép: Mầu hoại sắc là xanh, đen, mộc lan, ứng khí là bát. Là chỗ thích ứng với sức ăn nên gọi là ứng khí.

Kiêu mạn: Tự cao gọi là kiêu, lăng nhục người khác gọi là mạn.

Câu xá chép Mau là: Đối với người khác tâm khởi. kiêu là do nhiễm tự pháp.

2. So sánh không nên:

Thêm lớn kiêu mạn, còn không phải là việc nên làm của cư sĩ ở đời, huống chi là người xuất gia học đạo, vì sự giải thoát hạ mình đi khất thực?

Kinh Dịch chép: con người điều ác lẫy lừng mà còn phải khiêm nhường.

Lão tử nói: Người yếu đuối ,người sanh ngang bướng thì chết. Nên biết kiêu mạn người đời còn không nên, huống chi người hạ mình đi khất thực? Xoa đầu năm thứ như đều phải hạ mình. Tóm lại, đều chỉ cho hành khất.

Bổ Bổ Chú:

Nêu chỗ quan trọng: Chưa từng thấy người đi hành khất đội mũ

đẹp, đeo kiếm báu, mặc áo đỏ tím có người hầu. Cho nên nêu ra một điều trong bốn điều.

3. Đối trị dua nịnh phiền não có hai:

- Nêu lỗi, nói cách đối trị.
- Dua nịnh, khuyên ngay thẳng.

1/ Nêu lỗi, nói cách đối trị có hai:

- Nêu lỗi lầm.
- Nói cách đối trị.

1. Nêu lỗi lầm:

Tỳ-kheo các thầy có tâm dua vạy thì trái với đạo. Ý mong cầu điều này mà nói điều khác là siểm, cho nên nói lời dua nịnh này thì tâm không còn ngay thẳng, đạo chỉ chuộng điều thật thà, nên nói trái với đạo.

Bổ Bổ Chú:

Kinh Duy-ma chép: Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi dưới đạo tràng thường chánh niệm, khoảng giữa đều không có những sự dua vạy.

2. Nói cách đối trị: Cho nên phải ngay thẳng tâm này, giữ tâm cho chánh trực thì cong dua vạy không nổi lên.

Kinh Lăng-nghiêm cũng chép: Ra khỏi sinh tử đều do tâm ngay thẳng.

2. Răn dua nịnh, khuyên ngay thẳng có hai:

- Răn dua nịnh.
- Khuyên ngay thẳng.

1. Răn dua nịnh:

Nên biết dua nịnh chỉ là lừa dối người vào đạo thì, không có việc đó. Đạo thì tâm phải ngay thẳng, dùng sự dua nịnh vào đạo thì không đến được.

2. Khuyên ngay thẳng:

Cho nên các thầy phải sửa tâm, ngay thẳng làm gốc. Chánh đạo gọi là trực, lìa một bên quán trung, đạo bỏ sự tìm lý đều gọi là dua nịnh.

Bổ Bổ Chú:

Ngay bên mà trong còn chẳng phải đến trong, huống chi là chấp khắp, thì sự và lý còn chẳng phải lại đơn lý, huống chi là chấp tướng. Ngay thẳng như vậy, đâu chỉ là thành thật?

3. Công đức của bậc đại nhân thành tựu xuất thế gian có tám:

1. Công đức Vô cầu.

2. Công đức biết đủ.
3. Công đức xa lìa.
4. Công đức không mệt mỏi.
5. Công đức không quên chánh niệm.
6. Công đức Thiền định.
7. Công đức Trí tuệ.
8. Công đức rốt ráo.

1. Công đức Vô cầu có năm:

- Tướng chướng Tri giác.
- Tướng trị Tri giác.
- Tướng Tri giác nhân quả tập khởi.
- Tướng Tri giác vô các chướng rốt ráo.
- Tướng Tri giác rốt ráo thành tựu.

- Tướng chướng Tri giác:

Này các Tỳ-kheo nên biết người ham muốn nhiều, cầu lợi dưỡng nhiều, cho nên khổ não cũng nhiều, là chướng đa dục phiền não, là nghiệp chướng đa cầu, là báo chướng khổ não.

- Tướng trị Tri giác:

Người ít muốn, vô cầu, vô dục thì không có những nỗi lo này. Xa lìa ba thứ vọng tướng, không cầu cho nên không có nghiệp, không dục cho nên không bị mê mờ, không hoạn, cho nên không có khổ.

- Tướng Tri giác nhân quả tập khởi:

Tâm ngay thẳng ít muốn còn phải tu tập huống chi ít muốn có công năng sinh ra các công đức. Tâm ngay thẳng, ít muốn đã được an ổn, huống chi nhờ ít muốn được quả thánh, ai nghe lợi này mà không tu tập, chỉ trừ những người ngu, mê vô trí.

Bổ Bổ Chú:

Chánh trực: Chỉ là ít muốn không có công đức khác, nhưng có lợi ích tâm an. Tâm an có hai:

Ít muốn thì tâm không tham cầu cho nên an vui.

Ít muốn thì tâm không lo sợ cho nên an vui.

- Tướng Tri giác vô các chướng rốt ráo:

Người ít muốn thì tâm không dua vạy, vì ý người cầu cũng lại không bị các căn lôi kéo. Không dua nịnh là không mê hoặc vì ý người không cầu thì không tạo nghiệp, vì các căn không lôi kéo nên không khổ. Nhãn căn lôi kéo người vào sắc, cho đến thân căn lôi kéo người mê đắm xúc.

Bổ Bổ Chú:

Người đời khúm núm cười nịnh, bể ngoài nhún nhường như người hầu để mong cầu và nghĩ đến sự mong muốn lợi dưỡng. Nếu mình vô dục thì đâu có gì cầu mong ở người?

- Tướng Tri giác rốt ráo thành tựu:

Người thực hành ít muốn thì tâm thanh thản, không bị lo sợ, gặp việc có dư thường được đầy đủ. Người ít muốn thì có Niết-bàn, gọi là ít muốn. Tâm thản nhiên thì pháp thân hiển bày. Không lo sợ thì Bát-nhã phát sinh. Gặp việc có dư thì được giải thoát. Ba pháp đầy đủ gọi là Đại Niết-bàn.Ba thứ công đức như Bát-nhã v.v... quả được thành tựu. Lại tâm thản nhiên là lìa dua vạy. Không lo sợ vì không cầu được điều khác. Gặp việc có dư: Nằm chỉ biết khoảng một cái giường, đắp một tấm chăn vừa đủ ấm, ăn chỉ biết no một bữa, chỗ ở chỉ dung đủ một cái gối là an ổn, những điều này đều gọi là có dư. Cho nên thường đầy đủ, tâm không nghĩ đến những thứ khác.

2. Công đức biết đủ có ba:

- Đối trị nhân quả khổ.
- Lại nói nhân quả thanh tịnh.
- Thị hiện ba thứ khác nhau.

- Đối trị nhân quả khổ:

Các Tỳ-kheo nếu muốn thoát khổ não, thì nên quán biết đủ.

Luận chép: Khổ não trong đây là nói phiền não lỗi lầm từ khổ sinh ra, vì muốn xa lìa cảnh giới khác.

Bổ Bổ Chú:

Phiền não từ khổ sinh, như tâm trộm sinh từ đói lạnh ra.

- Lại nói nhân quả thanh tịnh:

Pháp tri túc chính là nơi an ổn vui vẻ nhất.

Luận chép: Pháp đối trị được thành tựu, việc mình phải xa lìa.

Bổ Bổ Chú:

Tham cầu bên ngoài là tha, bên trong an vuilà tự.

- Thị hiện ba thứ khác nhau có ba:

Đối với hai xứ thọ dụng khác nhau.

Đối với hai việc thọ dụng khác nhau.

Đối với pháp không có tự lợi, có tự lợi tha lợi khác nhau.

+ Đối với hai xứ thọ dụng khác nhau:

Người biết đủ dù nằm dưới đất cũng an vui, người không biết đủ dù ở trên cõi trời cũng không vừa ý. Được nằm đất bằng còn hơn lao ngục, cho nên nói an vui. Ở nhà vàng lại mơ lầu đài nên không vừa ý.

Bổ Bổ Chú:

Mưu thần an phận trong chiếc áo gai để toàn thân, Luân Vương mong địa vị vua trời nên bị rơi xuống trần gian, đâu không sợ hay sao?

+ Đối với hai việc thọ dụng khác nhau:

Người không biết đủ dù giàu cũng như nghèo.người biết đủ dù nghèo cũng như giàu. Như Vương Nhung Nha Trù mỗi ngày tính tài sản của mình, Nhan Uyên trong hẻm bẩn cũng không thay đổi tính ham vui của mình. Người không biết đủ cứ hối hận tiếc nuối châu báu chưa nhiều, lo một điều ruộng đất chưa rộng, nhà cửa chưa nguy nga, có thêm thì tâm vẫn thường thấy thiếu, chẳng phải nghèo thì là gì? Người biết đủ, dù mặc vãi mịn hay thô cũng thấy ấm như Cô Lạc, dù ăn muối cũng như thức quý vị ngon, dù ở nhà tranh cũng an ổn như nhà Hạ, đâu có khác gì? Vì họ biết đủ.

Kinh Niết-bàn chép: biết đủ là pháp an vui bậc nhất, chính là ở đây nói

Bổ Bổ Chú:

Vương Nhung là người nước Tấn, địa vị của ông đến chức Tam công. Một mình nằm ở hội nha, tính toán về tài sản, nhưng không biết đủ. Hạ ốc là nhà lớn

Kinh Thi chép: Hạ ốc là nhà rất lớn là đối với hai pháp không có tự lợi, có tự tha lợi khác nhau.

Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo. Vì người biết đủ luôn được thương yêu nên gọi là biết đủ.

Dục lôi kéo: yêu sắc, mến tiếng không biết thôi đã không tự lợi thì đâu thể yêu thương người khác. Biết đủ có hai điều lợi: Một là không bị năm dục lôi kéo thuộc về tự lợi. Hai là thương yêu người là lợi tha, tâm đã thương yêu thì phải giáo hóa.

Lão Tử nói: Người bất thiện là sự giúp đỡ cho người thiện.

Bổ Bổ Chú:

Biết đủ là thương xót, ý chính là người ngu nầy được người trí thương xót.

Nguyên Sư nói: Thương người là lợi tha, vì phát minh triệt để.

3. Công đức xa lìa có ba:

- Tự tánh viễn ly môn thể xuất.
- Tu tập viễn ly môn phương tiện xuất.
- Thọ dụng các kiến môn thường phược.

a. Tự tánh viễn ly môn thể xuất:

Nếu các Tỳ-kheo muốn cầu vắng lặng, vô vi an lạc, phải lìa chỗ

ồn náo, ở chỗ vắng lặng thì người và Đế-thích, Chư thiện đều kính trọng. Ban đầu tri vô ngã chấp chặt chướng, tức là ba tam-muội.

Vắng lặng: Là nói pháp không, ngã không.

Vô vi: Vì vô tướng không.

An lạc: Vì không lấy bỏ nguyện không.

Lìa ồn náo: Chỉ ở chỗ vắng vẻ để đối trị hai vô tướng chướng kia, tức là tu ba tam-muội. Nhưng người nhớ quá khứ vị lai ở thành thị, triều đình cũng như sông hồ, người nhìn cảnh sống chết ở trong chốn rừng núi như gông cùm. Nay dạy người mới phát tâm phải cầu ở chỗ vắng thì quán sát đạo dễ thành. Các vị trời kính trọng: Dùng vô vi đối trị chướng là công đức bậc nhất, chỗ vắng vẻ là trọng pháp. Đế Thích gọi đủ là đế ca Nhân Đà-la. Hán dịch là Năng chủ, ý nói ngài có khả năng làm thiên chử̉ đỉnh núi Tu-di, tầng trời thứ hai cõi Dục.

Bổ Bổ Chú: Vô ngã chấp đắm chướng: Vốn vô ngã do chấp nên có ngã, đó gọi là chướng. Các vị trời kính như việc Ngài Tu Bồ-đề ngồi yên.

b. Tu tập viễn ly môn phương tiện xuất :

Cho nên phải bỏ̉ Bổ Chúng, mình Bổ Chúng người ở một mình lặng chốn vắng tìm cách nhổ bỏ gốc khổ. Bổ Chúng là bốn vị trở lên. Bổ Chúng mình tức là đệ tử và bạn đồng học của mình, Bổ Chúng người có thể biết. Bỏ những điều này thì xả ngã và ngã sở. Không còn nhóm họp phát sinh .ở một mình chốn vắng lặng: tuệ phương tiện được thành tựu, an trụ đúng phap. Tìm cách diệt khổ: Thành tựu trí trạch thiện, xa lìa nhân khởi.

Kinh pháp Hoa chép: Các khổ do tham dục làm gốc.

Bổ Bổ Chú: Bổ Chúng có hai nghĩa: Sự tức là đồ Bổ Chúng. Của mình và người theo Lý năm uẩn là Bổ Chúng mình. Tất cả phiền não là Bổ Chúng người, mê chấp năm uẩn gom nhóm các phiền não, chím đắm trong sinh tử, nên phải xa lìa.

c. Thọ dụng các kiến môn thường phược có hai:

- Tự tha tâm cảnh tướng não.
- Lại nói không có tướng xuất ly.

+ Tự tha tâm cảnh tướng não:

Nếu người thích chỗ đống đảo thì chịu các phiền não. Ví như cây lớn có nhiều chim đậu thì bị họa gẫy cành. Tự tha Bổ Chúng là cảnh phiền có công năng làm cho não. Chịu các phiền não, là tâm bị phiền não, tâm bị phiền não thì các chấp phát sinh.

Bổn Bổ Chú hỏi : Lợi tha gọi là Bồ-tát, Độc thiện gọi là Thanh

Văn, vì sao thích chỗ đông đảo phải chịu phiền não.

Đáp: Tử Dư Thị nói: Lỗi của người là thích làm thầy người.

Giải: người Học vấn có dư là giúp ích cho mình, bất đắc dĩ mà nói điều này. vì thích làm thầy người nên thành hoạn, hoạn kia sinh ra ưa thích, hoa nay sinh ra chỗ lạc. Không đúng như tự lợi, tha lợi trồng một cây lớn thì những người trong thiên hạ đến hưởng bóng mát, đó gọi là đại lợi đâu có hoạ.

+ Lại nói không có sự xuất ly.

Người đời bị chìm đắm trong các khổ, như con voi già bị lún bùn sâukhông thể lên được. Đó gọi là xa lìa, bị chìm trong phiền não đau khổ, nghiệp nhiễm sinh ra. Voi già dụ cho sự trói buộc, bùn dụ cho các khổ. Voi thân nặng nên lún sâu, vì voi già nên nên trí quan sát yếu, cho nên ở trong bùn không ra được.

Bổ Bổ Chú: Thế gian trói buộc: Ở một mình là pháp xuất thế, ưa chỗ đông người là pháp thế gian.

4. Công đức không mệt mỏi, có hai:

- Y theo pháp môn nói về không lui sụt
- Y theo dụ nói về siêng năng, biếng nhác.

a. Y theo pháp môn nói về không lui sụt:

Này các Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn thì việc gì cũng không khó. Tức không mệt mỏi, thì đối với tất cả pháp hạnh, khéo vào được, đâu giống như ngoại đạo khổ hạnh vô ích.

Bổ Bổ Chú: Đưa nước về châu, cắt thịt lấy dấu thối tịch thành đạo, thế gian xuất thế gian, chẳng việc gì khó. Đâu giống ngoại đạo: Vì nay nói siêng tu chánh đạo.

b. Y theo dụ nói lên siêng năng, biếng nhác, có hai:

Tinh tấn ví như nước chảy mãi.

Biếng nhác ví như đang dùi lửa lại ngừng.

Tịnh tấn như nước chảy mãi:

Cho nên các Tỳ-kheo phải nghĩ đến tinh tấn, như dòng nước nhỏ chảy mãi thì xuyên thủng của đá Vì thành tựu không lui sụt, siêng năng tu tập để nuôi lớn, do tinh tấn không ngừng, như nước chảy không dứt thì mới thủng đá được.

Biếng nhác như đang dùi lửa mà dừng:

Nếu tâm hành giả thường biếng nhác. Thí như dùi lửa chưa nóng mà ngừng, dù muốn được lửa cũng khó được, cho nên phải tinh tấn. Biếng nhác là không tinh tấn, niệm xứ lui sụt không thành tựu được tâm tuệ. Lửa là thánh đạo như lửa, đốt được cỏ mê hoặc. Noãn Đãnh

trở xuống đều là chưa nóng nhiều kiếp cũng không bao giờ đạt được lý, đây là nói về lỗi biếng nhác. Bài tụng kinh Hoa Nghiêm: chép:Như dùi cây lấy lửa, chưa phát lửa đã ngừng thì lửa cũng mất theo, người biếng nhác cũng vậy. Sớ kia dùng ba tuệ để nói về biếng nhác. Y Theo văn thì tiếng huân tập thường ngừng nên kiến giải không sinh, y theo từ thì chắc chăn thường dừng chân trí sẽ không sinh, y theo tu thì định tuệ thường dừng thinh đạo sinh. Thiền tông của Lục Tố đều truyền dụ này, mong các người học ghi khắc trong dạ, nhớ nghĩ bên mình.

Bổ Bổ Chú: Tinh tấn có hai nghĩa:

- Sự thì niệm niệm siêng tu.
- Lý thì niệm niệm vắng lặng.

Cho nên nói: Một niệm không sinh là chân tinh tấn thật.

5. Không quên niệm công đức, có ba:

a. Nói về không quên

b. Nói về khuyên tu

c. Chỉ bày được mất

Nói về không quên:

Này các Tỳ-kheo! cầu thiện tri thức, cầu khéo giúp đỡ không gì bằng không quên niệm là , nêu lược ba hạnh: Người cầu nghe pháp hạnh, Thiện tri thức có ba thứ:

- Thiện tri thức Giáo thọ.
- Thiện tri thức Đồng hành.
- Thiện tri thức Ngoại hộ.

Nay nói cầu giáo thọ, nghe danh kính đức gọi là Tri, thấy hình kính phụng gọi là Thức. Người ủng hộ bên trong khéo suy nghĩthực hành. Như nghe mà tư duy giữ gìn không mất. Người trợ giúp đúng như pháp tu hành. Hành là như suy nghĩ mà tu, tức là dùng hành trợ để giải thích cầu khác giúp. Không quên niệm: Kết thành tối thắng, không quên chánh niệm trong ba hạnh là đứng đầu là tối thắng, cho nên nói chẳng gì bằng không quên chánh niệm. Ba hạnh trên cũng gọi là ba Tuệ, tuệ lấy soi sáng làm nghĩa, hạnh là tiến thú là nghĩa, chiếu soi tiến thú đều do không quên chánh niệm. Không có văn tuệ như cái bình lật úp, không đổ nước vào được, không có tư tuệ như cái bình lưng dù đổ nước vào được nhưng không giữ được, không có tu tuệ như bình dơ, dù không chảy nhưng bị dơ không dùng được. Không quên chánh niệm thì đã được kính ngưỡng lại được thanh tịnh.

Cho nên kinh Niết-bàn chép: Bốn pháp là nhân gần của Niết-bàn.

- Gần gũi thiện tri thức.
- Được nghe chánh pháp.
- Suy nghĩ nghĩa lý.
- Tu hành đúng như lời dạy.

Nếu nói khổ hạnh là nhân Niết-bàn thì không có việc đó. Nay hợp hai thứ đầu cho nên thành ba.

Bổ Bổ Chú: Tri thức giúp đỡ có hai:

Tri thức là thầy, giúp đỡ là bạn, người không quên chánh niệm: mới nhận được lời dạy của thầy bạn. Con Người quên chánh niệm dù gặp được thầy tốt bạn lành đến ngày qua đời cũng không ích gì?

Tri thức là nhất tâm, giúp đỡ là ba tuệ. Không quên chánh niệm thì nhất tâm rõ được ba tuệ đầy đủ.

Nói về ngăn được trọng oán:

Nếu có người không quên chánh niệm thì bọn cướp phiền não không xâm nhập được. Vì thường niệm chánh đạo thì bọn cướp phiền não không xâm nhập vào tâm làm hại ba gốc lành.

Bổ Bổ Chú: Ba gốc lành là ba tuệ.

+ Nói về khuyến tu:

Cho nên các Tỳ-kheo! trong tâm thường nhiếp niệm khiến cho chỗ niệm đầu thành tựu được.

+ Chỉ bày được mất, có hai:

Thất niệm thành nhiều lỗi lầm.

Đắc niệm thành nhiều công đức.

1. Thật niệm thành nhiều lỗi lầm:

Nếu người thất niệm thì mất các công đức. Thất niệm nghĩa là có trước không có sau. Không có sau thì mất ba tuệ. Tuệ mất thì quả thánh không đến được.

2. Đắc niệm thành nhiều công đức:

Nếu năng lực niệm vững chắc thì dù vào trong bọn cướp năm dục cũng không quên chánh niệm. Áo giáp dụ cho năng lực niệm, trận dụ cho năm dục.

Bổ Bổ Chú: Như người sắp bị hành hình, đến chỗ vui cũng không vui được cũng không quên sợ chết.

6. Công đức thiền định có ba:

- Nói về định.
- Khuyến tu.
- Nói về lợi ích.

a. Nói về định, có hai:

- Nhiếp niệm năng sinh.
- Định thành có dụng.

+ *Nhiếp niệm năng sinh:*

Này các Tỳ-kheo! nếu người nhiếp tâm, thì tâm ở trong định. Nghĩa là có tám thứ thiền định nhờ nhiếp niệm nên sinh.

Bổ Bổ Chú: Kinh Lăng-nghiêm chép: Nhiếp tâm là giới, nương giới nhiếp định.

+ Định thành thì có dụng:

Nhờ tâm định biết được tướng các pháp thế gian là sinh diệt. Đạt được thiền thì có tác dụng của quả, cho nên biết được pháp tướng sinh diệt. Như lên hư không thấy được muôn hiện tượng ở dưới.

Bổ Chú: Kinh Lăng-nghiêm chép: Nhờ định phát tuệ, tâm trong định không chấp mắc muôn vạt. Cho nên nói như lên hư không muôn chẳng chấp vật, ở đây là có công năng chiếu soi vật, cho nên nói dưới thấy được muôn hiện tượng ở dưới. Lại nói, biển cả lắng trong thì thấy được sum la muôn tượng.

b. Khuyến tu:

Cho nên các thầy phải thường tinh tấn tu tập các định, siêng năng đối trị biếng nhác, chẳng tu tập chướng phương tiện.Cho nên biếng nhác có ba thứ:một là biếng nhác không được an ổn. Hai là vô vị biếng nhác. Ba là không biết sợ hãi biếng nhác làm sao tu tập đối trịtừng thứ một? Thị hiện tinh tấn tu tập, ăn ngủ điều độ và điều hòa A-na-ba-na, tinh tấn tu tập, biết rõ các định có công đức tuệ chung và dứt sạch các gốc khổ, đây là điều rất ít có. Tinh tấn tu tập, quan sát khổ sinh, già bệnh chết và dùng tinh tấn đối trị.

Bổ Chú: Định có nhiều thứ, như bốn thiền, tám định, mười sáu đặc thắng cho đến Na già đại định.

c. Nói về lợi ích có ba: Pháp, dụ, hợp.

Pháp: Nếu người được định thì tâm không tán loạn, đạt được công đức không còn chỗ đối trị.

Dụ: thí như tiết kiệm nước khéo đắp đê điều.

Hợp: Hành giả cũng vậy, vì nước trí tuệ khéo tu thiền định, làm cho nước tuệ không rỉ chảy, đó gọi là Định. Trí tuệ hợp với tiết kiệm nước, thiền định hợp với đê điều, không chảy hợp với tâm không tán loạn.

Luận chép: Nói khéo tu công đức trên thêm lớn đến thượng thượng. Bốn thiền định phát tuệ biết được pháp tướng sinh diệt ở thế gian.

Bổ Chú: Vì tuệ tu định thì chắc chắn phát tuệ, vì định tu định gọi

thì là si định.

7. Trí tuệ công đức có hai:

- Nói về trí tuệ phá chướng.
- Dụ hiển bốn thứ công đức, về trí tuệ phá chướng, có hai:
  + Y theo có vào trí tuệ mà chỉ bày.
  + Nói về vô tuệ, bác bỏ sai lầm.

Y theo có tuệ mà hiển bày có ba:

- Phá được lý sự hai tướng.
- Khó được thường khiến phòng hộ.
- Khó đắc mà đắc được

- Phá được hai chướng lý sự:

Các Tỳ-kheo! nếu có trí tuệ thì không tham đắm năm dục. Tham đắm có hai:

- Sinh tham đắm đối với nghĩa chân thật gọi là lý chướng.
- Sinh tham đắm đối với việc thế gian à sự chướng.

Nếu người có trí tuệ thì không khởi lên hai thứ tham đắm này gọi là phá tướng.

Bổ Chú: Kinh Lăng Nghiêm nói nhờ vọng mà bày chân. Vọng đã vốn không thì chân cũng không lập, đâu có gì đúng chấp.

- Khó được thường khiến phòng hộ: Luôn tự tỉnh quán sát không để bị mất trong bất cứ lúc nào, vì thường tu tâm tuệ.

Bổ Chú: Tỉnh sát: Là xét biết hai chướng sự lý, thường tỉnh sát không để các chướng sinh. Hai điều này đều gọi là tâm tuệ.

- Nói khó được mà được: cho nên đối với ngã, pháp được giải thoát.

Bổ Chú: Vua Lương Võ Đế đối với Tổ Đạt-ma, con chưa thể xa lìa nhất nghĩa bậc.

Nói về vô tuệ, bác bỏ sai lầm: Nếu người không đạt được như vậy thì chẳng phải đạo nhân. Lại chẳng phải người tại gia cũng không gọi biết là gì. Tâm không có trí tuệ thì chẳng phải đạo nhân, vì hình tướng xuất gia cho nên chẳng phải người tại gia, không thuộc vào hai hình thức đó nên không thể gọi là gì.

Bổ Chú: Gượng gọi là "ông thầy chim chuột". Tăng Bổ Chúng trong tôn mà có tên chim chuột, thật đáng hổ thẹn.

Dụ hiển bốn thứ công đức có hai:

- Nói về bốn thứ công đức.
- Kết khen công năng chiếu giác.

1. Nói về bốn thứ công đức, có hai là: Dụ và, hợp.

Dụ có bốn: Dụ văn, dụ tư, du tu, dụ chứng.

Dụ văn: Nếu người có trí tuệ chân thật thì giống như chiếc thuyền vững mạnh vượt qua biển sinh, già, bệnh, chết; ba điều này rất sâu rộng. Nó nhấn chìm Bổ Chúng sinh, cho nên nói biển. Nghe pháp khởi lòng tin như được chiếc thuyền vững chắc, đều nhờ tư tuệ làm buồm để ngăn gió, mới có lợi ích. Nếu không nhờ hai điều này, thì thuyền dầu chắc cứng cũng vẫn ở bên bờ này.

Bổ Chú: Tín là gốc đạo, là mẹ sanh ra các công đức, cho nên nghe pháp khởi lòng tin mới vào sâu tận gốc đạo, như thuyền lớn rộng chở được hàng hóa và người sang sông.

Dụ tử: Cũng như trong vô minh đen tối được ngọn đèn sáng. Nghe mà không tin thì đối với đạo mờ mịt, cho nên tư tuệ dụ cho đèn sáng.

Dụ tu: Tất cả bệnh đều có thuốc trị lành. Thuốc để trị bệnh, như tu tuệ dời đổi được mê lầm.

Dụ chứng: Dùng rìu bén chặt đứt cây phiền não, dùng trí dứt hoặc mới chứng được quả Thánh. Trí dứt hoặc dụ cho rìu bén.

Bổ Chú: Theo văn thuyền, đèn, thuốc, rìu đều dụ cho trí tuệ, nay chia thuộc văn, tuệ, tu, chứng rất dễ hiểu.

Hợp: Cho nên các thầy phải dùng tuệ văn tư tu tự làm tăng thêm lợi ích cho mình, tức là chứng quả.

2. Công năng kết khen chiếu giác: nếu người có sự chiếu soi của trí tuệ thì dù là mắt thường nhưng thấy người cũng đúng, gọi là trí tuệ. Bốn công đức tu học, ở phần nội xứ có chiếu giác gọi là minh kiến nhân.

1. Công đức rốt ráo có hai:

Nói về những lời vô nghĩa.

Khuyên tu xa lìa.

Nói về những lời vô nghĩa:: Này các Tỳ-kheo! Các lời nói vô nghĩa làm cho tâm tán loạn, dù là người xuất gia cũng chưa được giải thoát. Nói những lời vô nghĩa có hai:

Đối với lý chân thật có những lời vô nghĩa.

Đối với việc thế gian nói những lời vô nghĩa. Đối với lý chân thật khởi bốn câu chấp, là một chẳng phải nhiều gọi là nói lời vô nghĩa. Nên biết tự tánh của tâm lìa bốn câu, cho nên khởi chấp cố định là làm nhiễu loạn tánh này, cho nên nói tâm này là loạn động.

Cầu-na-bạt-đà-la nói: Các luận mỗi phái đều có tư tưởng khác nhau, nhưng lý tu hành thì không hai, người chấp thì có phải trái, người thông đạt thì không tranh luận khác nhau. Đối với pháp nói lời vô nghĩa

còn không thật có, lại để cho người đời khôi hài giễu cợt ư? Tuy người xuất gia, hình dung khác tục nhưng tâm chưa chứng được lý đều do hai thứ nói lời vô nghĩa làm cho tâm loạn.

Khuyến tu xa lìa, có hai:

- Tướng Hữu đối xa lìa.
- Vô đối tướng xa lìa.

Tướng Hữu đối xa lìa: cho nên Tỳ-kheo phải mau bỏ tâm loạn nói lời vô nghĩ thì có các tướng công đức kia.

Tướng Vô đối xa lìa: Nếu ông muốn vắng lặng an vui, thì phải khéo dứt hoạn nói lời vô nghĩa, đó gọi là không nói lời vô nghĩa, là không cá các tướng công đức kia. Người kết tên không nói lời vô nghĩa, thị hiện thực hành thành tựu thể tánh khác nhau.

Bổ Chú: Thấy có nói lời vô nghĩa thì mau bỏ đi. Thấy các tướng công đức kia, đường nói năng dứt, chỗ tâm hành diệt, không thấy có nói lời vô nghĩa để bỏ, không có các tướng công đức kia.

Nói về phần công đức sâu xa rốt ráo, có hai:

- Lược nói.
- Giải thích rộng.

Lược nói, có hai:

+ Bồ-tát thường tu công đức.
+ Công đức nói pháp của Như lai.

Công đức Bồ-tát thườngtu: này các Tỳ-kheo đối với các công đức phải nhất tâm lìa bỏ các sự buông lung như lìa bỏ kẻ thù. Chỉ có công đức đã nói trên, người nhất tâm không xen hở, đều chú tâm một chỗ là đối với nghĩa đệ nhất tâm thường tu. Như kẻ thù: Xa lìa hành trái với nhất tâm như xa lìakẻ thù.

Bổ Chú: Tâm tu đệ nhất nghĩa. Vì muôn hạnh đều quy về viên giác diệu tâm.

Công đức Như lai nói pháp: Đức Thế tôn đại từ bi nói những điều lợi ích đều đến chỗ rốt ráo. Đầu tiên nói pháp độ năm anh em Kiều-trần-như, cuối cùng nói pháp Độ Tu-bạt-đà-la, cho nên lợi ích rốt ráo về giải thích rộng, có hai:

- Công đức thường tu.
- Công đức nói pháp.

Công đức thường tu: Các thầy phải siêng năng thực hành điều này, hoặc ở trong núi, hoặc ở chỗ vắng, hoặc dưới gốc cây, hoặc ở một mình, thường nhớ những pháp mình đã thọ không để quên. Thường tự cố gắng tinh tấn tu các pháp này, không nên để chết vô ích, sau mới

hối tiếc.

Siêng tu: Thị hiện thường tu hành, ở trong núi v.v... ở chỗ vô sự có năm chỗ đều xa lìa ồn não. Nhớ pháp mình đã thọ: Tu chân thật không có hai niệm, không để quên mất, khiến tu trong hiện tại. Tinh tấn tu những điều này phải dùng phương tiện để tu. không bị chết vô ích: Đối với pháp xứ tương tự dứt hẳn xa lìa tâm thượng thượng. Đây là nói vì ưa thích phàm phu nên trong một đời không thể nhập vào dòng thánh, nên gọi là chết vô ích. Đây là răn bảo người đảnh đọa. Về sau tự hối tiếc: Lúc muộn màng mới biết có hối hận, việc cũng không kịp, nghĩa là đến lúc chết mới hối hận.

Tiên Dân có nói: Lúc sắp chết tu điều lành xem ra muộn rồi.

Ngài Trí Giả nói: Có Thiền sự Nghiệp Lạc nổi tiếng khắp nơi, khi ở thì bốn phương kính mến, khi đi thì trăm ngàn thành nhóm, đông người rầm rộ đối với thế gian đâu có ích gì? Đến lúc qua đời đều hối hận.

Bổ Chú: Chết vô ích nhưng hối tiếc có hai:

Ba nghiệp mờ mịt không tu tập, khi chết biết rơi vào đường ác cho nên hối hận.

Được ít cho là đủ, chưa chứng nói chứng, lúc qua đời biết không đạt được quả kỳ cực cho nên hối hận. Nay sớ nêu ra nặng, còn nhẹ thì tự biết.

Công đức nói pháp: Ta như thấy thuốc biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Lại như vị thầy khéo dẫn đường, hướng dẫn người đi vào đường lành, nghe mà không đi chẳng phải lỗi người hướng dẫn, thầy thuốc dụ cho nói pháp phá được điều ác. Dẫn đường dụ cho nói pháp có công năng sinh rađiều lành. Không nhận do Bổ Chúng sinh, không phải lỗi của Phật.

Nói về phần nhập chứng rõ ràng, chia thành ba:

- Môn Phương tiện hiển phát.
- Môn Pháp luân thành tựu.
- Môn Phân biệt công đức.

1. Phương tiện hiển phát môn:

Các thầy nếu đối với. Đế bốn như khổ đế v.v... có những điều nghi nên mau thưa hỏi, không nên ôm mới nghi ngờ mà không cầu thưa hỏi. Bốn Đế là hành giả thường quán sát và nương vào đó để thực hành, cho nên Phật khuyên hãy thưa hỏi. Khổ thì có tám thứ ép ngặt, Tập thì có hoặc nghiệp đưa đến quả báo, Diệt thì được hai thứ giải thoát không còn bị trói buộc, Đạo thì người có ba học đạt được. Đối với những điều này còn nghi thì làm sao quan sát thục hành? nay Phật sắp nhập Niết-bàn

nên Ngài khuyên các đệ tử mau thưa hỏi.

Bổ Chú: Hai nghĩa giải thoát là hai thứ giải thoát:

Tuệ giải thoát.

Câu giải thoát.

Lại một là: giải thoát phiền não; hai là: Giải thoát chướng ngại. Trên chỉ cho Tiểu thừa, dưới chung cả các Bồ-tát.

2. Pháp luân thành tựu môn:

Bấy giờ, Đức Thế tôn nói lên ba lần như thế, không có vị nào thưa hỏi, vì sao trong Bổ Chúng không nghi. Ba lần xướng thị hiện thành tựu đầy đủ pháp luân, ba lần chuyển pháp chân thật. Không người thưa hỏi: là nói thành tựu chứng pháp đầy đủ. Không nghi: là nói thành tựu công đức đoạn đầy đủ.

Bổ Chú: Như lai biết Bổ Chúng không còn nghi, nên không nói một lần mà nói ba lần, vì tâm Phật đầy lòng đại từ, đại bi, thương xót Bổ Chúng sinh không thôi.

3. Môn phân biệt nói pháp, có hai:

- Lời tựa của người dịch kinh.
- Chánh phân biệt.

Bậc thượng thủ trong Bổ Chúng kia biết được sự thành tựu tâm hành của đại Bổ Chúng biết sở chứng nghĩa chân thật, phân biệt cho họ để trả lời Đức Phật.

a. Lời tựa của người dịch kinh:

Bấy giờ, ngài A-nậu-lâu-đà quán sát tâm đại Bổ Chúng xong bạch Phật rằng: A-nậu-lâu-đà, A-nê-lâu-đậu, cũng gọi A-na-luật đều là một người. Hán dịch là Vô tham, cũng dịch là Vô diệt, cũng gọi là như ý. Ngày xưa, Ngài cúng dường vị bích chi Phật một bữa ăn, được qua lại cõi trời cõi người trong chín mươi mốt kiếp, thường được phước vui, nay cũng không mất sở cầu như ý, vì ba nghĩa này nên có sự phiên dịch khác nhau. Bây giờ làm thượng thủ trong Bổ Chúng, cho nên quan sát bạch Phật.

b. Chánh phân biệt, có hai:

- Phật nói không khác.
- Tỳ-kheo không còn nghi.

Phật nói không khác: Bạch Đức Thế tôn! mặt trăng có thể nóng lên, mặt trời có thể lạnh đi, Phật nói Bốn Đế không thể khác được. Phật nói khổ đế là có thật khổ, không thể khiến cho vui được. Tập đúng là nhân, không còn có nhân nào khác. Nếu khổ diệt thì nhân diệt, nhân diệt cho nên quả diệt. Đạo diệt khổ thật là chân đạo, không có đạo nào

khác. Trước đem dùng để nói mặt trăng là sao thái âm nên lạnh, mặt trời là sao thái dương nên nóng. Nhưng tính chất của nó không thay đổi, người đời đều biết điều này. Nay nói mặt trăng lạnh, mặt trời nóng, mặt trăng, mặt trời đâu dễ gì thay đổi tính chất, nhưng lời Phật hoàn toàn không thay đổi, khổ không thể biến thành vui, các thứ khổ, vui không thì thay đổi được.

Không còn có nhân nào khác:

Nhân tập chắc chắn vời lấy quả khổ, hoàn toàn không phải nhân đạo vời lấy quả khổ.

Luận chép: Nói khổ diệt mỗi việc tự có nhân, tức là diệt nhân thì dứt được nhân tập. Lại, diệt nhân là Niết-bàn hữu dư. Nhân diệt cho nên quả khổ diệt: Sau này có nhân bất sinh là diệt được quả khổ. Lại, quả diệt là Niết-bàn vô dư. Lại nói không có đạo nào khác. Đạo khác không chân thật, không thể đạt được diệt đế.

Bổ Chú: Mặt trời, mặt trăng là pháp huyễn vọng, cho nên có thể chuyển đổi được. Phật nói lý chân thật, đâu thể thay đổi, do đó, ngược lại âm đổi thành dương, ở đời dễ thay đổi điều này, trái lý, loạn với chân hoàn toàn không có việc đó.

Tỳ-kheo không còn nghi: Bạch Đức Thế tôn! các Tỳ-kheo này đối với pháp Bốn Đế rõ ràng không còn nghi. Rõ ràng: nhân quả khổ vui nhập hạnh rõ ràng. Không nghi: Không khác, không còn nghĩa khác.

Bổ Chú: Không khác: Đuốc sáng là lý này, càng không khác nhau, cho nên không nghi.

Bổ Chú:

Không khác: đuốc sáng là lý này, không hề khác nhau, cho nên không còn nghi.

Vô dư: Những điều này sâu xa của nghĩa này, không còn dự sót cho nên không còn nghi.

Phân biệt chưa nhập thượng thượng chứng, vì dứt nghi chia làm ba:

Nói chưa nhập pháp thượng thượng.

Vì dứt kia và nghi kia.

Nói lại hữu vi là tướng vô thường.

Nói chưa nhập pháp thượng thượng có hai:

- Nói theo chưa
- Nói theo mình

+ Nói theo chưa, có hai

- Kiến diệt có lòng bi.

- Nghe pháp được độ.

Kiến diệt có lòng bi: trong Bổ Chúng nầy người chưa đắc đạo thấy Phật diệt độ lúc nào cũng đau buồn. Người chưa đắc đạo: là những tu sĩ, cư sĩ và ba quả trước còn tư hoặc cũ, thì họ đều đau buồn.

Bổ Chú: Như người, trời rơi lệ như mưa, A-nan đau buồn.

Nghe pháp được độ: Nếu có người mới vào Phật pháp nghe Phật nói pháp liền được độ. thí như ban đêm thấy ánh chớp là được thấy đạo.

Người mới vào đạo: Tức là người chưa xong việc, kính mong quả tột cùng, người thông gọi là sơ nhập.

Đắc độ có hai: Nghĩa là từ phàm vào thánh, từ thánh đạt đến chỗ cùng tột. Lại đem thí dụ để nói kiến đạo thì mau hiểu được nghĩa.

Nói theo mình: Nếu có người việc làm đã xong vượt qua biển khổ, nhưng lại thầm nghĩ vì sao Đức Thế tôn mau diệt độ như vậy?

Việc đã xong: là người ở dịa vị vô học,đã hết kiến hoặc tư hoặc, ra khỏi khổ ba cõi. Đối với Tiểu thừa dù gọi đã xong, nhưng thật ra sở tri chướng vẫn còn, thấy Phật diệt độ, mà mình chưa rõ được sinh vốn chẳng sinh diệt, cũng không diệt sinh diệt, tức chẳng sinh diệt.

Bổ Chú:

Như kinh chép: Khổ thay! Bậc Đại Thánh tôn, vì sao Ngài nhập chân như quá mau.

Lại nói: Chư Phật không ra đời cũng không nhập Niết-bàn, thì rõ được ý chỉ bất sinh bất diệt.

Vì dứt những điều nghi kia, có hai:

- Lời tựa của người dịch kinh.
- Chánh dứt nghi.

Lời tựa của người dịch kinh: A-nậu-lâu-đà dù nói lời này trong Bổ Chúng đều thông đạt bốn thánh đế nghĩa. Đức Thế Tôn muốn đại Bổ Chúng này được lòng tin vững chắc, nên ngài dùng từ nói với đại Bổ Chúng. Thánh là chánh vì chánh pháp vô lậu đạt được trong tâm.

Đế có hai nghĩa:

- Đế Phật.
- Thẩm đế.

Giải thích hai nghĩa này như phẩm Tứ thánh Đế. Lại nói cho đại Bổ Chúng: Mượn chỗ cao bù vào chỗ thấp, dựa vào hiện tại dạy những điều chưa đầy đủ.

Luận chép: Như lai thuần tâm bi, cho đến không bảo vệ pháp thượng thượng.

Bổ Chú: Bao trùm cả hàng trung hạ, chẳng phải riêng hạng thượng căn. Ban ân huệ muộn đời, chẳng phải chỉ một lúc.

Chánh dứt nghi có sáu:

- Mình người đều diệt.
- Pháp môn thường trụ.
- Việc lợi tha đã xong.
- Đã độ hết Nói chung.
- Thị hiện nhân duyên.
- Trụ trì nhân quả.

1. Mình và người đều diệt: các Tỳ-kheo không nên đau buồn, nếu ta còn ở đời một kiếp, hội hợp rồi cũng phải diệt. Hội tụ mà không diệt thì không bao giờ có.

Hội tụ cũng phải diệt: Trụ thế tuy lâu, nhưng hội tụ rồi cũng diệt. Hội tụ không diệt thì không thể được. Ở trên nói tự diệt, ở đây nói tha diệt. Đâu phải chỉ có ta mới như vậy mà tất cả đều như thế.

Hội tụ: Đã có hội tụ thì sẽ đến lúc ly tán. Tụ tán có hai:

- Thầy trò tụ tán.
- Năm ấm tụ tán.

Cho nên tất cả đều vô thường.

Bổ Chú: Thầy trò: Ý nói một Bổ Chúng tụ tán, chưa có chủ thường thống lãnh bạn, bạn thường theo chủ.

Năm ấm: Ý nói một thân tụ tán. Sắc ấm do bốn đại hợp lại, thì chắc chắn phải chia lìa. Bốn ấm do vong niệm khởi thì chắc chắn phải diệt, cho nên nói tất cả đều vô thường.

2. Pháp môn thường trụ: Pháp tự lợi, lợi tha đều đầy đủ. Tự lợi tu nhân được quả. Lợi tha nói pháp giáo hóa Bổ Chúng sinh, đến bậc Thánh dùng lòng từ nói pháp môn, đều đầy đủ. Pháp này thường ở thế gian, Bổ Chúng sinh tự tu học, không cần ta ở đời.

3. Việc lợi tha đã xong: Nếu ta ở đời lâu cũng không ích gì. Pháp đã nói đầy đủ, ta ở đời làm gì?

Bổ Chú: Vô ích có hai:

- Chư Phật trụ thế nói pháp lợi sinh, vì pháp đã đầy đủ, cho nên không lợi ích.

- Nếu Phật ở đời lâu, thì Bổ Chúng sinh không nghĩ Phật khó gặp, cho nên cũng vô ích.

4. Nói chung đã độ hết: Những người đáng độ đã độ hết, hoặc trên cõi trời và nhân gian đều độ hết. Đối với người trời việc tự lợi đã xong, cho nên làm cho các trời người kia tu nhân được quả.

5. Thị hiện nhân duyên: Những người chưa độ cũng đều gây nhân duyên được độ. Những người chưa tu tập nương vào pháp môn bất sinh bất diệt gây nhân duyên được độ. Đó là làm cho hạng căn cơ hạ chủng ở đời vị lai thuần thục, đạt được giải thoát, vì pháp môn còn ở đời thì nên tu học.

Bổ Chú: Thuần thục giải thoát: Gốc lành thuần thục được giải thoát.

6. Nhân quả trụ trì có hai: Đối nhân và Đối quả.

a. Đối nhân: Từ nay về sau các đệ tử của ta xoay vần thực hành. Đệ tử thực hành điều này: Phần nhân giữ gìn không mất, sau khi ta diệt độ đệ tử thường nương vào đó tu tập, xoay vần truyền trao cho nhau không dứt.

b. Đối quả:Cho nên pháp thân Như lai thường hằng bất diệt. Pháp thân thường hằng: Phần quả giữ gìn không mất để lại pháp cho đệ tử thực hành không dứt mất, tức là năm phần pháp thân của Như lai thường luôn ở đời.

Bổ Chú: Thân Phật dù diệt nhưng Phật pháp thường còn, nương vào pháp tu hành là Phật trụ ở đời.

Nói tướng vô thường hữu vi có hai:

- Nói về hữu vi.
- Dẫn mình làm chứng.

Nói về hữu vi có ba:

- Vô thường cầu giải thoát.
- Dùng trí diệt si.
- Quán thân bất tịnh.

a. Vô thường cầu giải thoát: Cho nên phải biết ở đời đều vô thường, có hợp thì có ly tan, chớ nên đau buồn. Tướng thế gian như vậy, phải nên siêng năng tinh tấn sớm cầu giải thoát.

Luận chép: Thị hiện ở nơi này, khuyên người đời tu hành sinh tâm nhàm chán xa lìa. Phải siêng năng tinh tấn: Đối với tướng hữu vi được giải thoát.

b. Dùng trí diệt si: Dùng ánh sáng trí tuệ xua tan các si mế tối tăm. Lại quán như thật diệt được ngã và và ngã sở thấy tận cội nguồn.

Bổ Chú: Si mê tối tăm là vô minh. Phàm phu thấy có ngã cái, thấy nầy từ vô minh sinh ra. Nếu chẳng phải người trí thì không diệt được.

c. Quán thân bất tịnh: Thế gian thật mong manh, không vững chắc, như các pháp Ấm v.v... đều luống dối.

Dẫn sự tu chứng của mình có hai:

Nói lược mình đã được diệt.

a. Nói lược rộng về tướng tội lỗi.

Nói mình đã được diệt: Ta nay đạt được diệt như trừ được bạo bệnh. Thân năm ấm này như bạo bệnh, đạt được diệt như bệnh hết.

Bổ Chú: Sắc thân Phật nhiệm mầu tức là pháp thân. Nhưng dụ cho ác bệnh, là thị hiện giống phàm để thức tỉnh họ.

b. Nói rộng về tướng tội lỗi: cho nên phải bỏ thêm tội ác này, là vật giả danh làm thân, chìm đắm trong biển sinh, già, bệnh, chết. Có người trí nào dứt trừ được nó, như giết được kẻ thù mà không vui chỉ có người trí mới nhàm chán sinh vui.

Bổ Chú: Thấy thân thường còn thì ưa thích không nhàm chán cho nên ham sống. Thấy thân diệt thì đau buồn không vui, cho quở nên trách sựchết, đó gọi là người ngu. Người trí thì ngược lại.

Lìa các thứ đạt được tự tánh thanh tịnh vô ngã có hai: Đối trị các chướng ngại của tự tánh. 2. và nói về thanh tịnh vô ngã. 1. Đối trị tướng của tự tánh có ba:

- Nói đúng về tuệ chân thật.
- Khuyên siêng năng tu tập.
- Ba cõi vô thường.

a. Nói đúng về tuệ chân thật:

Này các Tỳ-kheo! phải nên nhất tâm, biết trong pháp năm ấm các thứ đều là vọng tưởng: Nó đều từ tâm khởi, cho nên tâm làm chủ điều phục cho trụ một chỗ.

Bổ Chú: Hai chữ “nhất tâm” đều tổng kết trên đâu, chỉ dạy và nói nhiều pháp môn, lý do nhất tâm làm chủ muôn pháp, cho nên điều phục lại một chỗ thì không có việc gì không thành.

b. Khuyên siêng năng tu tập:

Siêng năng cầu đạo ra khỏi sinh tử, dùng một tâm như thật tuệ khó có thể đạt được , cho nên khuyên tinh tấn.

Bổ Chú: Loạn tâm biết sai trái với lý chân thật. Nhất tâm biết đúng như thật lý. Cho nên nói: Như thật tuệ, đạt được tuệ như thế đâu phải dễ, nên nói là siêng cầu. Lại có hai nghĩa:

Về Sự: Theo văn trên chính là một tâm này để cầu đạo ra khỏi sinh Tử; Về lý:vì nhất tâm như thật tuệ tức là đạo ra khỏi sinh tử.

c. Ba cõi vô thường:

Tất cả thế gian pháp động và bất động đều hư hoại không có sự an ổn, thế gian là nêu chung ba cõi. Động là cõi dục, bất động là cõi Sắc Vô Sắc. Bại hoại không an chỉ cho vô thường là kết thúc.

Bổ Chú: Hai cõi trên tuổi thọ lâu dài. Ngoại đạo cho là bất động, không biết ba cõi đều thuộc về vô thường.

Kinh chép: "Ba cõi không an, giống như nhà lửa".

Nói về thanh tịnh vô ngã có ba:

- Khuyên dứt ba nghiệp.
- Nói về lúc sắp nhập diệt.
- Nói về dạy bảo, tức là thanh tịnh trong pháp sâu xa.

Khuyên dứt ba nghiệp: "Các thầy hãy im lặng chớ nên nói nhiều" là tịnh khẩu nghiệp, khẩu nghiệp tịnh thì ý thanh tịnh.

Luận chép: Ba nghiệp bất động, tức là tướng vắng lặng vô ngã của A-la-hán.

Bổ Chú:

Hỏi: Vì sao trong đây thiếu thân nghiệp?

Đáp: Dựa vào tôn kính hỏi thì phải đứng dậy khỏi chỗ ngồi, thì theo lời hỏi để trả lời, thân này và miệng thường tương quan nhau, cho nên miệng bất động thì thân cũng bất động. Ba nghiệp thanh tịnh thì thanh tịnh vô ngã, tương ưng là pháp khí.

Nói về lúc sắp nhập diệt: Thời giờ đã đến ta sắp diệt độ. đã đến nửa đêm, cho nên đã đến, biểu hiện cho "Trung đạo". Trung đạo có hai như trước đã nói. Nay nói Trung lìa đoạn thường, cũng ngầm biểu thị trong Phật tánh. Ngã có ba: Kiến, mạng,và danh tự. Như lai đã diệt hết kiếm và mạng, vì thuận theo danh tự thế gian nên gọi là Ngã. Nay thân giả tạm đã diệt thì danh tự cũng không, tức là Niết-bàn vô dư, chân thật vô ngã.

Bổ Chú: Cho nên biết, Phật dùng Trung đạo làm mạng, Trung đạo còn thì Phật còn, Trung đạo diệt thì Phật diệt. An trụ Trong trung đạo tức là mười phương Phật thường trụ.

Nói về lời dạy để lại: Đây là những lời dạy sau cùng của ta năm mươi năm ở đời dạy cho người Tiểu thừa, nay sắp nhập Niết-bàn lại chỉ dạy sơ lược, cho nên nói sau cùng.

Luận chép:Trụ trong pháp tối thắng để lại những lời chỉ dạy.

Bổ Chú: Sau cùng: giống như những điều tuyệt bút của người soạn thuật. Lại nói những điều khi sắp qua đời thì chắc chắn là cần thiết quan trong. Cho nên Đức Như lai sau cùng hết lòng vì muốn nhiều đời vâng giữ và giữa gìn điều này.

Hỏi: Ở đây đã nói cho người Tiểu thừa, tại sao ở trước nói không được y theo Tiểu cơ thuộc Tạng giáo?

Đáp: Luận chép:: Kinh này mỗi lần nói Tỳ-kheo là nói về sự xa

lìa, lại nói đạo phương tiện của Đại thừa hai thừa chung với, cho nên biết kinh này chỉ cho người Hai thừa, bên cạnh gồm cả các Bồ-tát. Ở đây nói thế gian dạy cho người Tiểu thừa là nêu ra số nhiều, đây là ý chỉ sâu xa của ngài Mã Minh.

Phật Di giáo Kinh Luận Sớ Tiết Yếu (Hết.)

Phật dạy: Lời ta dụng như chén ở mật giữa và hai bên đều ngọt Lại nói, những lời giáo hóa cho đời là thật tướng.

Tam Tổ nói: Chí đạo không khó nhưng ngặt một điều là phân biệt, nên nói những điều như thế. Thời nay con người thích huyền diệu, một đại tạng giáo đều thâm nhập lý, tranh nhau luận bàn, truyền tụng sâu xa, đến những điểm bình dị gần gũi nhất cũng đem ra phân tích chi li. Hay chọn những điều hay ở giữa và hai bên và nhìn lại thật tướng không trùm khắp chăng? Than ôi! Lời dặn dò sau cùng dường như còn đọng bên tai để khắc cốt ghi tâm còn báo ân, do đó khắc ghi lời di giáo. Lời bạt của Vân Thê Châu Hoàng ở cổ Hàng.

■